



Ấn bản thứ 12
www.eurochamvn.org

2020 SÁCH TRẮNG

CÁC VẤN ĐỀ THƯƠNG MẠI &
ĐẦU TƯ VÀ KHUYẾN NGHỊ



NỘI DUNG

| | |
|---|--------------|
| LỜI MỞ ĐẦU | Trang |
| Giới thiệu về EuroCham | ii |
| Thông điệp từ Chủ tịch | iii |
| Thông điệp từ Đại sứ/ Trưởng Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam | iv |
| Thông điệp từ các Hiệp hội Doanh nghiệp | v |
| Hoạt động Chính sách của EuroCham | ix |
| Dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ châu Âu về Quyền Sở hữu Trí tuệ tại Đông Nam Á | xi |
| Giới thiệu về Bộ cục Ấn phẩm | xii |
| Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm | xiii |
| TỔNG QUAN | 14 |
| Giới thiệu Tổng quan | 15 |
| Sự phục hồi kinh tế hậu COVID-19 | 22 |
| Tóm tắt các vấn đề và khuyến nghị chính | 26 |
| PHẦN 1: CÁC VẤN ĐỀ LIÊN NGÀNH | 46 |
| 1. Năng lượng và Điện lực | 47 |
| 2. Tăng trưởng Xanh | 53 |
| 3. Nguồn Nhân lực và Đào tạo | 62 |
| 4. Quyền Sở hữu Trí tuệ | 73 |
| 5. Pháp luật – Hòa giải Thương mại | 81 |
| 6. Pháp luật – Hiệp định Thương mại Tự do và Hiệp định Bảo hộ Đầu tư giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam | 86 |
| 7. Pháp luật – Tòa án và Trọng tài | 90 |
| 8. Pháp luật – Mua bán và Sáp nhập Doanh nghiệp | 94 |
| 9. Pháp luật – Đối tác Công – Tư | 101 |
| 10. Pháp luật – Bất động sản | 110 |
| 11. Thuế và Chuyển giá | 116 |
| 12. Vận tải và Hậu cần | 122 |
| PHẦN 2: CÁC VẤN ĐỀ CỦA NGÀNH | 126 |
| 13. Mỹ phẩm | 127 |
| 14. CropLife Việt Nam | 131 |
| 15. Diễn đàn Y tế thuộc EuroCham | 139 |
| a. Thuốc Chất lượng Quốc tế - Generic và Sinh phẩm tương tự | 142 |
| b. Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán | 154 |
| c. Dược phẩm | 161 |
| 16. Ngành Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản | 168 |
| 17. Kỹ thuật số | 177 |
| 18. Ngành Công nghiệp Ô tô – Xe máy | 183 |
| a. Ngành Công nghiệp Ô tô | 183 |
| b. Ngành Công nghiệp Xe máy | 193 |
| 19. Sản phẩm Dinh dưỡng và Sữa Công thức | 198 |
| 20. Du lịch và Nhà hàng – Khách sạn | 202 |
| 21. Ngành hàng Rượu vang và Rượu mạnh | 211 |
| DANH MỤC BẢNG BIỂU | 218 |
| LỜI CẢM ƠN | 219 |

GIỚI THIỆU VỀ EUROCHAM

Kể từ khi thành lập với chỉ 60 hội viên vào năm 1998, Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) đã phát triển thành đại diện của gần 1.000 doanh nghiệp châu Âu, trong đó có nhiều doanh nghiệp hàng đầu thế giới. Với văn phòng tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đại diện tại khu vực Miền Trung, Đông Bắc Bộ và Đông Nam Bộ của Việt Nam, sứ mệnh của EuroCham không chỉ đại diện cho quyền lợi của các công ty thành viên tại Việt Nam mà còn hỗ trợ cải thiện môi trường kinh doanh tại Việt Nam vì lợi ích của tất cả các bên liên quan.

EuroCham đại diện cho lợi ích của các doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam, và là tổ chức đối tác của các hiệp hội doanh nghiệp châu Âu trực thuộc EuroCham, gồm Hiệp hội Doanh nghiệp Bỉ - Luxembourg tại Việt Nam (BeluxCham), Hiệp hội Doanh nghiệp Trung và Đông Âu tại Việt Nam (CEEC), Hiệp hội Doanh nghiệp Hà Lan tại Việt Nam (DBAV), Phòng Thương mại và Công nghiệp Pháp tại Việt Nam (CCIFV), Hiệp hội Doanh nghiệp Đức tại Việt Nam (GBA), Phòng Thương mại Ý tại Việt Nam (ICham), Hiệp hội Doanh nghiệp Bắc Âu tại Việt Nam.

(NordCham) và Hiệp hội Doanh nghiệp Tây Ban Nha tại Việt Nam (SBG). EuroCham cũng làm việc chặt chẽ với Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam (BBGV) và Hiệp hội Doanh nghiệp Thụy Sĩ tại Việt Nam (SBA). EuroCham là thành viên sáng lập Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF), với sự tham gia của các hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài khác tại Việt Nam, vào năm 2018, EuroCham là đồng chủ tịch VBF lần đầu tiên kể từ khi được thành lập vào năm 1997.

EuroCham là thành viên của Mạng lưới Các Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu Toàn cầu (EBOWWN), đại diện cho doanh nghiệp châu Âu tại gần 40 quốc gia trên thế giới và giải quyết các vấn đề chung liên quan đến thương mại và đầu tư lên Ủy ban châu Âu. Trong khu vực, EuroCham là thành viên của Hội đồng Doanh nghiệp EU - ASEAN. Kể từ cuối năm 2015, EuroCham là đối tác triển khai Dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ châu Âu về Quyền Sở hữu Trí tuệ tại Đông Nam Á, cung cấp dịch vụ tư vấn và hỗ trợ miễn phí về vấn đề bảo vệ Quyền sở hữu trí tuệ cho các doanh nghiệp khi tham gia thị trường và mở rộng kinh doanh tại khu vực ASEAN. Năm 2017, EuroCham vinh dự nhận được Giải thưởng Hiệp hội Doanh nghiệp Lớn Xuất sắc do Phòng Thương mại Quốc tế Khu vực châu Á Thái Bình Dương trao tặng. Năm 2018, EuroCham được trao tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho những đóng góp của Hiệp hội vào sự phát triển của Việt Nam. Năm 2019, EuroCham vinh dự nhận Bằng khen của Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ cho những đóng góp tích cực trong công tác cải thiện môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Để tìm hiểu thêm thông tin về EuroCham, xin vui lòng truy cập trang web: www.EuroChamvn.org
Để tải ấn phẩm Sách trắng, xin vui lòng truy cập trang web: www.EuroChamvn.org/whitebook

Văn phòng tại Hà Nội

Tòa nhà Horison, Tầng 3B,
 Phòng 08, 40 Cát Linh,
 Hà Nội, Việt Nam
 ĐT: +84 24 3 715 2228
 Fax: +84 24 3 715 2218
 Email: info-hn@EuroChamvn.org

Văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tòa nhà Landmark, Tầng 15, Phòng 2B
 5B Đường Tôn Đức Thắng, Quận 1,
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 ĐT: +84 28 3 827 2715
 Fax: +84 22 3 827 2743
 Email: info-hcm@EuroChamvn.org

Đại diện Khu vực Đông Bắc Bộ

Tầng 5, Tòa nhà Harbour View
 Văn phòng Công ty Cổ phần Khu
 công nghiệp Đình Vũ
 12 Đường Trần Phú
 Hải Phòng, Việt Nam
 ĐT: +84 422 583 6169
 Fax: +84 422 585 9130
 Email: northeastern@EuroChamvn.org

Đại diện Khu vực Miền Trung

Furama Resort Đà Nẵng
 103 - 105 Đường Võ Nguyên Giáp,
 Phường Mỹ Khê,
 Quận Ngũ Hành Sơn,
 Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
 ĐT: +84-236-3847 333/888
 Fax: 84-236-3847 666
 Email: centralvietnam@EuroChamvn.org

Đại diện Khu vực Đông Nam Bộ

Công ty TNHH Fischer ASIA
 8 Đường Thống Nhất, Khu Công
 nghiệp Sóng Thần II, Thị xã Dĩ An,
 Bình Dương, Việt Nam
 ĐT: + 84 274 3577 415
 Fax: + 84 274 3577 416
 Email: southeastern@EuroChamvn.org



Nicolas Audier
 Chủ tịch Hiệp hội
 Doanh nghiệp châu Âu
 tại Việt Nam

THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH

Thay mặt EuroCham, tôi tự hào giới thiệu ấn bản thứ 12 của ấn phẩm thường niên Sách Trắng. Ấn bản này là tinh hoa kiến thức và kinh nghiệm của các doanh nghiệp thành viên, cống hiến thông qua 17 Tiểu ban Ngành nghề thuộc EuroCham. Kể từ Sách Trắng lần cuối, chúng tôi đã vinh dự đón nhận nhiều dấu mốc quan trọng của Hiệp hội cũng như mối quan hệ giữa Liên minh châu Âu (EU) và Việt Nam.

Đầu tiên và quan trọng nhất, chúng tôi vui mừng khi Nghị viện châu Âu và Quốc hội Việt Nam chính thức phê chuẩn Hiệp định Thương mại Tự do giữa EU và Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ Đầu tư (EVFTA). Đây là thời khắc lịch sử của quan hệ giữa EU và Việt Nam, từ đây đã bước sang một chương mới về tăng cường thương mại và đầu tư song phương. Hiệp định này tạo cơ hội cho doanh nghiệp châu Âu đón đầu giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội tiếp theo của Việt Nam, và cung cấp cho doanh nghiệp cũng như người tiêu dùng Việt Nam đặc quyền tiếp cận thị trường, hàng hóa và dịch vụ của châu Âu. Đồng thời, doanh nghiệp EU sẽ có thể thâm nhập sâu hơn vào thị trường đang phát triển mạnh của Việt Nam.

Kết quả phê chuẩn này là thành tựu của gần một thập kỷ nỗ lực không ngừng nghỉ. Các cuộc đàm phán đã bắt đầu từ năm 2012, và EuroCham luôn đồng hành cùng EVFTA trong suốt 12 vòng đối thoại đó. Kể từ khi thỏa thuận được chính thức kết thúc đàm phán vào năm 2015, EuroCham đã tích cực vận động để thuyết phục các nghị sĩ thuộc Nghị viện châu Âu rằng lợi ích của EVFTA không chỉ giới hạn trong đầu tư – thương mại, dù đây là một phần quan trọng, mà còn giúp cải thiện sinh kế, mức sống và mở ra nhiều cơ hội mới cho người dân Việt Nam. Tuy nhiên, kết quả này mới chỉ là khởi đầu. Ngay bây giờ, chúng ta cần đảm bảo việc triển khai suôn sẻ EVFTA để doanh nghiệp và người tiêu dùng ở cả Việt Nam cũng như châu Âu có thể tận dụng mọi cơ hội mà Hiệp định này mang lại. EuroCham sẽ luôn đồng hành và tích cực đóng góp trong quá trình này. Chúng tôi cam kết tiếp tục làm việc với Chính phủ Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cùng các đối tác để đảm bảo đạt được các lợi ích được cam kết của Hiệp định trong thực tiễn.

EuroCham đã không ngừng phát triển lớn mạnh hơn trong 12 tháng vừa qua. Chúng tôi đại diện cho hơn 1,000 doanh nghiệp và nhà đầu tư, bao gồm các công ty khởi nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như những tập đoàn lớn nhất của châu Âu. Các doanh nghiệp thành viên của chúng tôi hoạt động tích cực trong đa dạng lĩnh vực, ngành nghề trên mọi miền đất nước. Vào tháng 10 năm 2019, chúng tôi tự hào vinh danh những đại diện tiêu biểu nhất tại Lễ trao giải thưởng Doanh nghiệp châu Âu tiêu biểu thường niên lần thứ hai, một sự kiện vinh danh và kết nối doanh nghiệp thu hút lên tới 500 lãnh đạo các doanh nghiệp, các trưởng cơ quan đại diện ngoại giao, nhà đầu tư và công ty thành viên. Đồng thời, EuroCham đã tăng cường hợp tác, đối thoại với Chính phủ Việt Nam, tích cực tham gia những diễn đàn cấp cao như Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ (ACAPR), Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF), và các sự kiện song phương như Đối thoại Thuế và Hải quan thường niên.

Như đã đầu tư và đóng góp kinh nghiệm châu Âu để hỗ trợ Việt Nam trong quá trình hiện đại hóa xuyên suốt 3 thập kỷ vừa qua, kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn từ những doanh nghiệp đầu ngành của chúng tôi sẽ tiếp tục hỗ trợ Việt Nam trong quá trình đổi mới và phát triển phía trước, đặc biệt là trong thực thi EVFTA. Đây cũng chính là mục tiêu của ấn phẩm Sách Trắng thường niên của EuroCham, nay đã tới ấn bản thứ 12. Trong ấn bản này, chúng tôi thu thập và gửi gắm những kinh nghiệm, mối quan tâm của doanh nghiệp châu Âu cũng như chia sẻ các khuyến nghị để giúp cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư tại Việt Nam. Ấn bản này ghi nhận lại những công việc mà chúng tôi đã thực hiện, tham gia không ngừng nghỉ thông qua các Tiểu ban Ngành nghề và trong những đối thoại với các lãnh đạo cấp trung ương và địa phương của Việt Nam. Chúng tôi tin rằng những khuyến nghị này, nếu được cân nhắc và giải quyết, sẽ góp phần cải thiện môi trường kinh doanh tại Việt Nam và đảm bảo rằng Việt Nam có thể khai thác tối ưu tiềm năng của mình: trở thành một điểm đến thương mại – đầu tư và kinh doanh hàng đầu thế giới.





Giorgio Aliberti
Đại sứ, Trưởng phái đoàn
Liên minh châu Âu
tại Việt Nam

THÔNG ĐIỆP TỪ ĐẠI SỨ

Liên minh châu Âu và Việt Nam đều phải đối mặt với những thách thức đáng kể, không lường trước được và cùng chia sẻ những cơ hội quan trọng. Năm 2020 bắt đầu với một cuộc bỏ phiếu lịch sử tại Nghị viện châu Âu khi các Thành viên Nghị viện bỏ phiếu đồng ý phê chuẩn Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ Đầu tư (EVIPA). Tại châu Âu, cuộc bỏ phiếu này là đỉnh điểm của gần một thập kỷ nỗ lực của Chính phủ Việt Nam, Liên minh châu Âu, Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam và nhiều bên liên quan, trong đó nổi bật là Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham). Quá trình phê chuẩn phía Liên minh châu Âu đã được hoàn tất vào ngày 30 tháng 3 năm 2020 với việc Hội đồng châu Âu quyết định phê duyệt EVFTA.

EuroCham đã hết sức ủng hộ EVFTA và EVIPA kể từ khi các bên bắt đầu đàm phán. Thông qua các tuyên bố thường xuyên thay mặt cho cộng đồng doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam, EuroCham đã đưa ra những lập luận thuyết phục về lợi ích của cả hai hiệp định này.

Nhìn về phía trước, thách thức đối với tất cả chúng ta lúc này là đảm bảo EVFTA được thực thi suôn sẻ và hiệu quả. Đây là một nhiệm vụ không kém phần quan trọng so với việc phê chuẩn, và cũng sẽ đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ của tất cả các bên tham gia ký kết. Tôi mong muốn được hợp tác với EuroCham để đảm bảo chúng tôi sẽ khai phá được toàn bộ tiềm năng của EVFTA mang lại cho cộng đồng doanh nghiệp, từ các công ty mới thành lập, công ty vừa và nhỏ cho đến các công ty lớn, vì lợi ích của tất cả người tiêu dùng và người lao động tại Việt Nam và trên toàn Liên minh châu Âu. Sau tất cả, việc các doanh nghiệp châu Âu và Việt Nam chủ động tận dụng các cơ hội của EVFTA sẽ biến những cam kết lợi ích này thành hiện thực cho công dân của chúng ta.

Tất nhiên, chúng ta cũng đang phải đối mặt với những thách thức mới và chưa từng có trong năm 2020. Đại dịch COVID-19 đang gây ra những thiệt hại nặng nề cho các xã hội trên toàn cầu. Các nền kinh tế của chúng ta sẽ bị ảnh hưởng bởi hậu quả của những biện pháp hạn chế cần thiết, bao gồm các lệnh đóng cửa toàn bộ và một phần. Kinh doanh đã trở nên khó khăn hơn bao giờ hết trên toàn thế giới, bao gồm cả ở Việt Nam. Giới hạn di chuyển giữa các nước và giảm lưu lượng hàng hóa đã có tác động không thể tránh khỏi đối với các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam cam kết hợp tác với các doanh nghiệp và chính quyền để giúp giải quyết những thách thức này. Liên minh châu Âu tiếp tục là đối tác mạnh mẽ và đáng tin cậy của Việt Nam với trên ba thập kỷ hữu nghị và hợp tác.

Việt Nam là một quốc gia cởi mở, hướng ngoại và lạc quan. Chính những đặc điểm này đã thúc đẩy Việt Nam ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với các quốc gia và khu vực trên thế giới. Và chính tinh thần hợp tác quốc tế này sẽ giúp Việt Nam vượt qua những thách thức của đại dịch COVID-19. Trong bối cảnh khủng hoảng hiện nay, các cơ hội đến từ EVFTA càng trở nên quan trọng hơn. Đảm bảo EVFTA được triển khai nhanh chóng, xây dựng các biện pháp hỗ trợ thương mại và đầu tư – thậm chí có thể vượt ra ngoài phạm vi các nghĩa vụ pháp lý, có thể trở thành một yếu tố thiết yếu để vực dậy các nền kinh tế đang gặp khó khăn của chúng ta. Đây là những nguyện vọng mà chúng tôi chia sẻ với Chính phủ Việt Nam.

Tinh thần hợp tác này cũng được thể hiện trong Sách trắng hàng năm của EuroCham, hiện tại là phiên bản thứ 12. Ấn phẩm quan trọng này thể hiện tâm huyết của cộng đồng doanh nghiệp châu Âu trong việc hỗ trợ chương trình cải cách của Chính phủ Việt Nam và giúp Việt Nam ngày một hấp dẫn hơn, cạnh tranh hơn và thân thiện hơn với doanh nghiệp.

THÔNG ĐIỆP TỪ CÁC HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP



Jan Segers
Chủ tịch BeluxCham



Hiệp hội Doanh nghiệp Bỉ - Luxembourg tại Việt Nam (BeluxCham) là một tổ chức phi lợi nhuận, phi chính phủ, hoạt động chính trong việc thúc đẩy quan hệ thương mại giữa Bỉ, Luxembourg và Việt Nam. BeluxCham hỗ trợ và cung cấp kiến thức thị trường cho các thành viên và/hoặc các công ty tiềm năng từ Bỉ, Luxembourg và Việt Nam muốn thiết lập quan hệ thương mại, kinh doanh hoặc mở văn phòng tại một trong những quốc gia này. Bên cạnh các hoạt động và sự kiện dành cho doanh nghiệp, BeluxCham cũng tổ chức các sự kiện xã hội giúp cộng đồng Bỉ, Luxembourg và Việt Nam có thể hiểu hơn về di sản văn hóa của nhau.

BeluxCham cũng thúc đẩy và hỗ trợ các phái đoàn thương mại kinh tế từ Bỉ và Luxembourg đến Việt Nam, cũng như hỗ trợ các công ty muốn mở rộng quan hệ đầu tư với Bỉ, Luxembourg hoặc Việt Nam. BeluxCham luôn hoan nghênh tất cả các công ty Việt Nam, Bỉ, và Luxembourg gia nhập tổ chức với mục tiêu xây dựng mối quan hệ bền vững.

Để biết thêm thông tin, truy cập website của chúng tôi: www.beluxcham.com.



Thibaut Giroux
Chủ tịch CCI FV



Phòng Thương mại và Công nghiệp Pháp tại Việt Nam (CCIFV) là một tổ chức phi lợi nhuận được thành lập vào năm 1998. Tổ chức này hiện có 290 thành viên và cung cấp dịch vụ tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. CCIFV là một phần của mạng lưới toàn cầu, bao gồm 123 Phòng của Pháp tại 92 quốc gia. Nhiệm vụ của CCIFV bao gồm:

- Hướng dẫn cộng đồng doanh nghiệp Pháp tại Việt Nam, cụ thể bằng cách giúp chia sẻ thông tin và kinh nghiệm giữa các thành viên.
- Quảng bá hình ảnh của Pháp tại Việt Nam và tạo điều kiện cho mối quan hệ giữa hai nước
- Giúp các doanh nghiệp Pháp từng bước xây dựng các dự án phát triển của họ tại Việt Nam bằng cách cung cấp các giải pháp hỗ trợ thực tế và hoạt động như khảo sát thị trường, tìm kiếm đối tác, nhân sự và dịch vụ soạn thảo.
- Hỗ trợ các công ty Việt Nam sẵn sàng tiếp cận thị trường Pháp thông qua các nhiệm vụ kinh doanh và tham quan các hội chợ thương mại lớn tại Pháp.

Để biết thêm thông tin, truy cập website của chúng tôi: www.ccifv.org.





Sérgio Pereira da Silva
Chủ tịch CCIPIV



Hiệp hội Thương mại và Công nghiệp Bồ Đào Nha-Việt Nam (CCIPIV) là một tổ chức độc lập, phi lợi nhuận thuộc mạng lưới 61 hiệp hội của Bồ Đào Nha, được thành lập nhằm mục đích thúc đẩy và bảo vệ lợi ích của các thành viên liên quan đến các hoạt động kinh tế và thương mại giữa các doanh nghiệp Việt Nam và Bồ Đào Nha.

Với vai trò là cơ quan có thẩm quyền về các trao đổi song phương giữa các hiệp hội và doanh nghiệp Bồ Đào Nha và Việt Nam, CCIPIV có sứ mệnh thúc đẩy và tăng cường quan hệ kinh tế và thương mại song phương giữa Bồ Đào Nha và Việt Nam.

Sứ mệnh này có thể được thực hiện thông qua các dịch vụ CCIPIV được thiết kế phù hợp với nhu cầu cụ thể của từng doanh nghiệp nhằm mục đích hỗ trợ các doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại và đầu tư tiếp cận được các dịch vụ, hướng dẫn và các mối quan hệ phù hợp để thúc đẩy hoạt động kinh doanh. Các dịch vụ của CCIPIV bao gồm từ nghiên cứu thị trường, phân tích kinh tế vĩ mô, thúc đẩy và hỗ trợ các phái đoàn thương mại, tổ chức hội thảo, tổ chức sự kiện và hỗ trợ quản lý cho đến kết nối B2B.

Vai trò bảo vệ và thúc đẩy lợi ích của các thành viên của CCIPIV bao gồm giám sát pháp luật và cập nhật chính sách; tham vấn các cơ quan Chính phủ và hiệp hội chuyên ngành; cung cấp một diễn đàn cho các doanh nhân bày tỏ quan điểm riêng; thực hiện các hoạt động để tăng thêm giá trị cho môi trường kinh tế của Bồ Đào Nha và Việt Nam; tối đa hóa mạng lưới liên hệ của Hiệp hội, hội nhập và tinh thần hợp tác gần các Cơ quan Chính phủ, Hiệp hội Doanh nghiệp và các doanh nghiệp nói chung.

Chúng tôi hoan nghênh tất cả các doanh nghiệp Việt Nam và Bồ Đào Nha xem nhau như là điểm đến để mở rộng hoạt động kinh doanh và đầu tư quốc tế. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập vào trang web của chúng tôi: www.cciipv.com hoặc liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ email: info@ccipv.com.



Marko Moric
Chủ tịch CEEC



Phòng Thương mại Trung và Đông Âu (CEEC) đã hoạt động trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam kể từ khi thành lập vào năm 2015. Mục đích của CEEC là tăng cường hợp tác và phát triển và thúc đẩy quan hệ kinh tế, tài chính, thương mại, đầu tư và mậu dịch giữa Việt Nam và các nước CEE. Kể từ đó, chúng tôi đã và đang tạo ra cơ hội cho các chuyên gia và hoạt động trao đổi trong mạng lưới doanh nghiệp ở cả Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Mối quan hệ của chúng tôi với các Cơ quan Chính phủ, Đoàn Ngoại giao và Hiệp hội Doanh nghiệp đã liên tục được mở rộng thông qua nhiều Biên bản ghi nhớ (MoU).

Chúng tôi đã và đang hỗ trợ cho các doanh nghiệp thành viên của mình bằng các dịch vụ liên quan. Chương trình "Soft Landing" (Tiếp đất nhẹ nhàng) bao gồm chiến lược thâm nhập thị trường, lựa chọn địa điểm, thành lập công ty và phát triển kinh doanh, được coi là một công cụ chuyên nghiệp, tích cực dành cho những nhà đầu tư mới để hỗ trợ việc thành lập công ty tại Việt Nam.

Để nâng cao kiến thức và hiểu biết về môi trường kinh doanh tại Việt Nam, chúng tôi đã cho ra mắt sổ tay "Doing Business in Vietnam" (Kinh doanh tại Việt Nam). Sổ tay cung cấp thông tin đa dạng để tạo điều kiện cho quá trình tiếp cận doanh nghiệp bằng cách nêu bật tiềm năng tại thị trường Việt Nam nói chung và tập trung đặc biệt vào một số lĩnh vực.

Sách trắng là một bản tóm tắt quan trọng về các vấn đề kinh doanh cụ thể của ngành và liên ngành tại Việt Nam. CEEC mong muốn được cùng cải thiện sự phát triển tích cực của môi trường kinh doanh và nền kinh tế Việt Nam và mong muốn Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) thực thi trong thời gian tới để mang lại nhiều cơ hội đầu tư và thương mại cho các thành viên hiện tại và tương lai cũng như các đối tác Việt Nam của chúng tôi.

Để biết thêm thông tin, truy cập website của chúng tôi: www.ceecvn.org, hoặc liên hệ với chúng tôi qua email: office@ceecvn.org.



Jacco van der Linden
Chủ tịch DBAV



Năm Canh Tý 2020 đã khởi đầu đầy thách thức do tác động toàn cầu của virus COVID-19. Trong thời kỳ khủng hoảng, điều quan trọng hơn cả là phải chung tay như một cộng đồng, và Hiệp hội Doanh nghiệp Hà Lan tại Việt Nam (DBAV) hiện diện để hỗ trợ các doanh nghiệp Hà Lan hoạt động tại Việt Nam cũng như thúc đẩy cam kết và quan hệ liên kết giữa các doanh nghiệp Hà Lan và Việt Nam.

Chúng tôi kỳ vọng EVFTA sẽ có hiệu lực vào cuối năm nay. Hi vọng EVFTA sẽ mang đến một số trợ giúp ban đầu cho Việt Nam trên tổng thể khi Việt Nam đang cần phải cân bằng lại các đối tác thương mại truyền thống, đồng thời mở ra cơ hội cho các công ty Hà Lan tại Việt Nam và các nhà xuất khẩu của Hà Lan có hàng hóa xuất sang Việt Nam.

Nhiều công ty trong số này có thể là những công ty khởi nghiệp mong muốn tận dụng các cơ hội mới mà EVFTA mang lại. Mục tiêu cụ thể của DBAV trong năm nay là giúp các doanh nhân Hà Lan thành công tại Việt Nam và chúng tôi chào đón tất cả các công ty Hà Lan, bất kể quy mô lớn hay nhỏ, trở thành thành viên và hưởng lợi từ việc là đồng thời là thành viên của cả EuroCham và DBAV.

Là một hiệp hội thành viên của EuroCham, DBAV đã thiết lập mạng lưới kết nối mạnh mẽ với các tổ chức Chính phủ và phòng thương mại tại Việt Nam. Thông qua mạng lưới này, DBAV tạo ra một nền tảng thông qua đó cộng đồng doanh nghiệp Hà Lan là một phần không thể thiếu của cộng đồng doanh nghiệp lớn tại Việt Nam. Một phần quan trọng trong kế hoạch hoạt động hàng năm của EuroCham là xuất bản Sách Trắng trong đó các công ty châu Âu có thể bày tỏ quan điểm của mình với Chính phủ Việt Nam để cải thiện môi trường kinh doanh và pháp lý tại Việt Nam.

DBAV duy trì mối quan hệ chặt chẽ với Tổng lãnh sự quán Hà Lan tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đại sứ quán Hoàng gia Hà Lan tại Hà Nội để hỗ trợ tốt hơn cho các công ty mới hoặc mở rộng để có được thông tin về thị trường Việt Nam, chính sách và các cơ quan chính phủ.

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập website của chúng tôi: www.dbav.org.vn.



Erik Petermoeller
Chủ tịch GBA



Hiệp hội Doanh nghiệp Đức (GBA), được thành lập năm 1995, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt và cấp phép năm 1998, là cơ quan ngôn luận và bảo vệ quyền lợi cho doanh nghiệp Đức tại Việt Nam, thúc đẩy quan hệ kinh tế-xã hội song phương giữa hai nước.

GBA là một trong những hiệp hội doanh nghiệp lâu đời nhất và là thành viên sáng lập của EuroCham tại Việt Nam. Hiệp hội này đại diện cho hơn 260 công ty Đức hoạt động vì một môi trường kinh doanh cũng như điều kiện vận hành tốt nhất có thể cho doanh nghiệp Đức trong nước. GBA hoạt động như một trung tâm cho các thành viên của mình, tạo điều kiện thuận lợi cho thông tin hữu ích về doanh nghiệp tại Việt Nam và thiết lập các mối quan hệ mới trong cộng đồng địa phương.

Sau khi thỏa thuận hợp tác chiến lược giữa Đức và Việt Nam được ký kết trong chuyến thăm cấp nhà nước của Thủ tướng Đức Angela Merkel năm 2011, GBA đã quyết định sáp nhập với Hiệp hội các phòng Công nghiệp và Thương mại Đức tại Việt Nam (GIC/AHK Vietnam) để thành lập Phòng Công nghiệp và Thương mại Đức tại Việt Nam. Việc hợp nhất sẽ giúp hai tổ chức có thể đáp ứng tốt hơn lợi ích của các doanh nghiệp Đức ở trong nước từ đó khuyến khích và hỗ trợ đầu tư của Đức vào Việt

Nam. Việc thành lập Phòng Công nghiệp và Thương mại Đức tại Việt Nam của hai quốc gia cần có sự phê duyệt cuối cùng của chính quyền Việt Nam.

Vào tháng 7 năm 2018, các văn phòng GBA và GIC/AHK Việt Nam đã chuyển tới Tòa nhà Deutsches Haus Ho Chi Minh City, công trình cao ốc văn phòng cao cấp đã đạt nhiều giải thưởng. Tọa lạc ngay trung tâm thành phố, tòa nhà này không chỉ là ngọn hải đăng, biểu trưng cho mối quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước Đức và Việt Nam mà còn là trụ sở của Tổng Lãnh sự quán Đức và nhiều công ty Đức và các công ty quốc tế.

GBA thường xuyên tạo cơ hội trao đổi chuyên môn cũng như giao lưu văn hóa ở cả Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, tiêu biểu với Lễ hội bia Oktoberfest hàng năm, tiệc Năm mới. Để biết thông tin đầy đủ về các hoạt động và lợi ích thành viên, vui lòng truy cập trang web của GBA: www.gba-vietnam.org.



Michele D'Ercole
Chủ tịch ICHAM



Italian Chamber of Commerce in Vietnam

Phòng Thương mại Italia tại Việt Nam (ICHAM) đã bắt đầu hoạt động vào cuối năm 2008 và hiện đang là năm hoạt động thứ 12. ICHAM hiện có 2 trụ sở được đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội với 92 thành viên, trong đó có những thương hiệu nổi tiếng của Ý: Ferrero, Pirelli, Ariston Thermo, Intesa Sanpaolo, Unicredit, Piaggio, Datalogic, Bonfiglioli, Ghella, Perfetti Van Melle, Marposse, Danieli, CAE, Carvico, Tenova, Pacorini, Interglobo, Cigisped, Savino del Bene, Microlys, GIM, Boncafe, Itaco (Maserati), và Segis, Gelato Italia, Ferrari v.v.

Mục đích chính của ICHAM là thực hiện các hoạt động hỗ trợ thương mại song phương giữa Ý và Việt Nam, bao gồm tạo điều kiện cho hoạt động của các thành viên; tổ chức các phái đoàn thương mại, hội thảo và hội nghị chuyên đề; triển khai liên hệ và hợp tác với các tổ chức tại Ý, với các Ngân hàng và Liên minh châu Âu, là thành viên chính thức của EuroCham và kết nối với Phòng Thương mại và các hiệp hội doanh nghiệp. ICHAM cũng đã ký kết Biên bản Ghi nhớ với Cục Ngoại vụ Các tỉnh (DFAP) – Bộ Ngoại giao Việt Nam, và với Tổng Cục Hải quan Việt Nam, hợp tác với Đại sứ quán Việt Nam tại Ý, cung cấp thông tin và hỗ trợ các công ty Ý liên quan tại Việt Nam bằng cách lập báo cáo khả thi thương mại, tổ chức các phái đoàn thương mại đến Việt Nam và kết nối các công ty Việt Nam đến Ý, hợp tác với Đại sứ quán Ý tại Hà Nội và Lãnh sự quán tại Thành phố Hồ Chí Minh và đồng thời giao lưu với các hiệp hội doanh nghiệp địa phương và quảng bá 'Made in Italy' với Việt Nam.

Để biết thêm thông tin, hãy truy cập website của chúng tôi: www.icham.org hoặc liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ: info@icham.org.



Soren Roed Pedersen
Chủ tịch NordCham



NORDIC CHAMBER OF COMMERCE VIETNAM

Thay mặt Phòng Thương mại Bắc Âu tại Việt Nam (Nordcham Việt Nam) và cộng đồng doanh nghiệp Bắc Âu tại Việt Nam, chúng tôi rất vui mừng được hỗ trợ ra mắt phiên bản thứ 12 của Sách Trắng.

Sách Trắng nêu kiến nghị trong nhiều vấn đề được doanh nghiệp Bắc Âu tại Việt Nam đặc biệt quan tâm, bao gồm các lĩnh vực như Sản phẩm Công nghiệp & Kỹ thuật, Chế tạo, Công nghệ Thông tin, Dược phẩm & Chăm sóc sức khỏe, Tăng trưởng Xanh, Bền vững và nhiều lĩnh vực khác.

NordCham Việt Nam mong muốn tăng cường quan hệ hợp tác với EuroCham và các Hiệp hội Doanh nghiệp của NordCham trong bối cảnh Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định Bảo vệ Đầu tư giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVIPA) đã được Nghị viện châu Âu và Quốc hội Việt Nam phê chuẩn, qua đó mở ra thêm cơ hội cho các doanh nghiệp Bắc Âu đang hoạt động tại Việt Nam và mong muốn đầu tư vào Việt Nam.

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập website của chúng tôi: www.nordchamvietnam.com.



Sonia Aparicio Salcedo
Chủ tịch Hiệp hội
Doanh nghiệp Tây Ban Nha



SPANISH CHAMBER OF COMMERCE
IN VIETNAM

Hiệp hội Doanh nghiệp Tây Ban Nha là một nhóm các công ty và chuyên gia có trụ sở tại Việt Nam. Nhiệm vụ của chúng tôi là đưa ra tiếng nói chung nhằm thúc đẩy quan hệ kinh doanh giữa Tây Ban Nha và Việt Nam, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ nhằm tạo điều kiện tiếp cận thị trường. Sáng kiến này được Đại sứ quán Tây Ban Nha tại Hà Nội và Văn phòng Kinh tế và Thương mại Tây Ban Nha tại TP. Hồ Chí Minh ủng hộ nhằm mục đích thúc đẩy mối quan hệ giữa Tây Ban Nha và Việt Nam theo nhiều hướng:

- Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các công ty Tây Ban Nha tại Việt Nam.
- Tìm hiểu cơ hội thương mại cho các công ty Tây Ban Nha, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ.
- Tăng cường tương tác kinh tế, giao lưu văn hóa và xã hội giữa Tây Ban Nha và Việt Nam.
- Tăng cường sự hiện diện của Tây Ban Nha tại Việt Nam, cả doanh nghiệp và cá nhân và đóng vai trò là trung tâm kết nối cộng đồng Tây Ban Nha.

Chúng tôi nhằm đến mục tiêu trở thành phòng thương mại chính thức dưới sự bảo trợ của EuroCham trong năm 2020, với mục tiêu chính là tăng cường quan hệ không chỉ với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam mà còn với những người Châu Âu kinh doanh tại Việt Nam.

Để biết thêm thông tin về Hiệp hội Doanh nghiệp Tây Ban Nha và các thành viên của chúng tôi, vui lòng truy cập trang web của chúng tôi: www.spanishchambervn.com hoặc liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ: spanishchambervn@gmail.com.

Các hoạt động Hỗ trợ Chính sách của EuroCham



EuroCham là một trong những Hiệp hội Doanh nghiệp nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Chúng tôi được các cơ quan Chính phủ Việt Nam, châu Âu cũng như các tổ chức quốc tế công nhận là một tổ chức hỗ trợ chính sách tích cực và hiệu quả của cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam. Chúng tôi ý thức được vai trò của mình trong việc tạo thuận lợi và là cầu nối giữa cộng đồng doanh nghiệp châu Âu với cơ quan Chính phủ trung ương và địa phương, cũng như với các tổ chức tại châu Âu và trong khu vực. EuroCham tích cực hợp tác với các bên liên quan trong nước và quốc tế ở các cấp khác nhau và thông qua mạng lưới diễn đàn đa dạng. EuroCham còn được ghi nhận là nhân tố quan trọng thúc đẩy hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU), là động lực thúc đẩy hợp tác thương mại và đầu tư giữa EU và Việt Nam.

Trong những năm qua, môi trường kinh doanh tại Việt Nam đã có nhiều chuyển biến



đáng kể, nhưng vẫn tồn tại một số trở ngại đối với hoạt động kinh doanh và có thể cải thiện hơn nữa. Những vấn đề này, nếu được giải quyết, có thể hỗ trợ phát triển bền vững của Việt Nam và tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

Các Tiểu ban Ngành nghề và thành viên thuộc EuroCham là động lực thúc đẩy giải quyết những vấn đề này và tạo nên những thành công trong việc đóng góp về chính sách. Từ các cá nhân, công ty khởi nghiệp cho đến tập đoàn đa quốc gia, các thành viên của EuroCham đều đóng vai trò quan trọng trong việc trình bày nguyện vọng, gửi các khuyến nghị và cải thiện môi trường kinh doanh tại Việt Nam. EuroCham mang lại nhiều cơ hội đa dạng cho thành viên tham gia vào các hoạt động của Hiệp hội. Thông qua việc gia các Tiểu ban Ngành nghề, các thành viên của EuroCham được tiếp cận, chia sẻ thông tin, thảo luận, kết nối nhằm bảo vệ lợi ích chung và trình bày những vấn đề từ góc nhìn của cộng đồng doanh nghiệp.

Tiểu ban Ngành nghề là diễn đàn hiệu quả để các thành viên giải quyết những vấn đề chung, trình bày ý kiến của ngành đến Chính phủ Việt Nam. Tiểu ban Ngành nghề đại diện cho nhiều ngành khác nhau và là một phần không tách rời trong hoạt động hỗ trợ chính sách của EuroCham. Trong nhiều năm qua, các Tiểu ban Ngành nghề của EuroCham đã phát triển cả về số lượng và chất lượng.

| TIỂU BAN NGÀNH NGHỀ | CHỦ TỊCH |
|---|--|
| Tiểu ban Mỹ phẩm | Bà Trần Thị Phương Mai; Bà Nguyễn Ngọc Tuyết Trinh |
| CropLife Việt Nam | Bà Preliia Moenandar; Ông Trần Thanh Vũ |
| Tiểu ban Kỹ thuật số | Ông Alexandre Sompheng |
| Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản | Ông Quách Thế Phong; Bà Marion Martinez |
| Tiểu ban Tăng trưởng Xanh | Ông Tomaso Andreatta |
| Tiểu ban Nguồn nhân lực và Đào tạo | Ông Joshua James; Bà Sarah Galeski |
| Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ | Bà Yến Vũ |
| Tiểu ban Thuốc Chất lượng Quốc tế - Generic và Sinh phẩm tương tự | Bà Magdalena Krakowiak |
| Tiểu ban Pháp luật | Ông Antoine Logeay |
| Tiểu ban Trang thiết bị Y tế & Chẩn Đoán | Ông Torben Minko |
| Tiểu ban Ngành Công nghiệp Ô tô - Xe máy | Ông Laurent Genet |
| Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng | Ông Douglas Kuo |
| Tiểu ban Dược phẩm | Ông Daniel Millard; Ông Roeland Roelofs |
| Tiểu ban Thuế và Chuyển giá | Ông Thomas McClelland |
| Tiểu ban Du lịch và Nhà hàng - Khách sạn | Ông Martin Koerner |
| Tiểu ban Vận tải và Hậu cần | Ông Lennart Janssen |
| Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh | Ông Paul Auriol; Ông Patrick Castanier |

EuroCham đã xây dựng 17 Tiểu ban Ngành nghề trong nhiều lĩnh vực quan trọng, mục tiêu hướng đến đóng góp nhiều hơn cho các hoạt động hỗ trợ chính sách. Hoạt động của Tiểu ban Ngành nghề bao gồm tổ chức các cuộc họp trao đổi những vấn đề chung, soạn thảo tài liệu đóng góp ý kiến và khuyến nghị, là nền tảng cho Sách Trắng và công tác hỗ trợ chính sách. Ngoài ra, Tiểu ban Ngành nghề còn đóng góp ý kiến cho báo cáo phân tích thực thi Hiệp định Thương mại Tự do giữa EU và Việt Nam (EVFTA) và các ấn phẩm khác của EuroCham, tham dự và phát biểu tại các sự kiện và cuộc họp về chính sách, buổi đối thoại cùng Chính phủ, các Bộ, ngành do EuroCham và các đối tác tổ chức.

Chỉ trong năm 2019, chúng tôi đã gửi hơn 100 thư và nhận được 239 thư phản hồi từ Chính phủ và các cơ quan hữu quan, tổ chức 179 cuộc họp của các Tiểu ban Ngành nghề, và tổ chức 74 cuộc gặp với các Bộ, ngành, cùng với nhiều sự kiện, hội thảo, đối thoại về chính sách. Chúng tôi cung cấp cho các thành viên cơ hội đối thoại trực tiếp với các cơ quan Chính phủ cấp cao như: Đối thoại với Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành Chính của Thủ tướng Chính phủ (ACAPR), Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF), Diễn đàn Kinh tế tư nhân Việt Nam, cũng như gặp gỡ các Bộ, ngành để trao đổi về các nội dung đề cập trong Sách Trắng.

Ngoài các hoạt động chính sách cao cấp này, chúng tôi tiếp tục hỗ trợ chính sách cho doanh nghiệp thành viên và cập nhật cho doanh nghiệp về những thay đổi quan trọng tác động đến hoạt động đầu tư, kinh doanh. Khi các thành viên của chúng tôi nêu với Chính phủ về thương mại và đầu tư tại Việt Nam tại các hội thảo, sự kiện của EuroCham, chúng tôi sẽ tiếp tục làm việc với các Bộ, ngành để đảm bảo rằng những vấn đề này sẽ được quan tâm, giải quyết. Chúng tôi cũng cập nhật các thay đổi trong khung pháp lý, các chính sách mới của Chính phủ Việt Nam, cũng như tình hình triển khai ở cấp quốc gia, cấp tỉnh và địa phương để các doanh nghiệp thành viên luôn được cập nhật thông tin.

Trong năm 2019, EuroCham đã có nhiều cuộc họp cấp cao với EU để cập nhật về tiến triển tích cực trong việc chuẩn bị phê duyệt và triển khai EVFTA. Cùng các đối tác, chúng tôi hỗ trợ tạo điều kiện mở rộng đầu tư, thương mại giữa EU và Việt Nam. Hoạt động chính sách của EuroCham tiếp tục là cầu nối giữa EU và Việt Nam, hỗ trợ phê duyệt EVFTA. EuroCham vinh dự chứng kiến lễ ký kết EVFTA và EVIPA vào tháng 6 năm 2019 tại Hà Nội, các cuộc gặp của các lãnh đạo cấp cao của EU để cập nhật về khung pháp lý của Việt Nam, cũng như tham dự phiên họp toàn thể của Nghị viện Châu Âu để phê chuẩn EVFTA tại Strasbourg.

Caio út Thương mại EU Phil Hogan đã nhận định rằng ông "rất ấn tượng bởi công tác và nỗ lực mạnh mẽ của EuroCham nhằm hỗ trợ và xúc tiến các thỏa thuận này, cả ở châu Âu và Việt Nam". Ông cũng đề cập rằng những đóng góp của EuroCham "đã góp phần phổ biến rộng rãi hơn những lợi thế và cơ hội mà các hiệp định này đem lại". Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam Bùi Thanh Sơn cũng ghi nhận EuroCham sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đối tác để đảm bảo sau khi EVFTA được Quốc hội thông qua vào ngày 8 tháng 6 năm 2020 vừa qua sẽ được thực thi hiệu quả với sự phối hợp chặt chẽ cùng cộng đồng doanh nghiệp.

Khi thế giới đang chống lại dịch COVID-19, EuroCham đã liên tục cập nhật cho các doanh nghiệp thành viên về các chỉ đạo của Chính phủ cũng như chính sách hỗ trợ doanh nghiệp. Chúng tôi duy trì các kênh trao đổi thường xuyên với các Bộ, ngành nhằm cung cấp phản hồi về hoạt động kinh doanh cũng như nêu đề xuất để đảm bảo điều kiện cần thiết cho doanh nghiệp duy trì hoạt động, vượt qua thời điểm khó khăn. Chúng tôi hướng tới mục tiêu giảm thiểu tác động tiêu cực lên hoạt động của doanh nghiệp thành viên; ứng phó nhanh chóng với thay đổi để đảm bảo hồi phục nhanh chóng về mức tăng trưởng bình thường đồng thời ưu tiên sức khỏe và sự an toàn của người lao động. Ví dụ, EuroCham đã tham gia các cuộc họp với Văn phòng chính phủ, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; cung cấp phản hồi của các Tiểu ban Ngành nghề và doanh nghiệp thành viên cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư hàng tuần; đóng góp ý kiến cho dự thảo các chính sách hỗ trợ. Ví dụ như, đối với Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất, EuroCham đã xúc tiến thành công cho ngành y tế và ô tô dưới 9 chỗ. Ngoài ra, chúng tôi cũng đã gửi nhiều thư và tham gia nhiều cuộc họp khác. Chúng tôi cũng nêu đề xuất để đảm bảo nguồn cung, sự thuận lợi trong nhập khẩu và vận chuyển thuốc và trang thiết bị y tế. EuroCham cũng đồng hành cùng các Tiểu ban Ngành nghề và doanh nghiệp thành viên trong các khoản đóng góp ý nghĩa cho cuộc chiến chống dịch COVID-19 tới Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hơn cả thế, EuroCham cam kết tiếp tục đồng hành cùng Việt Nam để phục hồi mạnh mẽ từ thời gian khó khăn do đại dịch gây ra.



SOUTH-EAST ASIA IPR SME HELPDESK

Dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ Châu Âu về Quyền sở hữu trí tuệ tại Đông Nam Á

#knowbeforeyougo!

Dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) Châu Âu về Quyền Sở hữu trí tuệ (SHTT) tại Đông Nam Á cung cấp miễn phí dịch vụ tư vấn riêng trực tiếp với ngôn ngữ dễ hiểu, các buổi đào tạo, tài liệu, tài nguyên trực tuyến về SHTT và các vấn đề liên quan đến SHTT tại Đông Nam Á.

Dự án nâng cao nhận thức về các vấn đề SHTT tại Đông Nam Á có ảnh hưởng tới DNVVN Châu Âu, giúp doanh nghiệp đưa ra quyết định đúng đắn về Quyền SHTT.

Để biết thêm thông tin và thảo luận cách thức hợp tác, vui lòng liên hệ:

ĐT: +84 28 3825 8116 / + 32 2 663 30 51

Email: question@southeastasia-iprhelpdesk.eu

Online: www.ipr-hub.eu

Project implemented by:



GIỚI THIỆU VỀ BỘ CỤC AN PHẨM

Cấu trúc của Sách trắng năm nay được thiết kế nhằm mang lại cái nhìn tổng quan súc tích về môi trường kinh doanh và các vấn đề đang ảnh hưởng đến cộng đồng doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam. Với mục tiêu này, trong mỗi chương trong Sách trắng, EuroCham yêu cầu các doanh nghiệp thành viên của 17 Tiểu ban Ngành nghề của chúng tôi tập trung vào thảo luận các vấn đề chính mà họ tin là Chính phủ Việt Nam cần phải ưu tiên giải quyết. Sách Trắng 2020 cũng đánh giá các vấn đề nêu trên sẽ ảnh hưởng cụ thể đến Việt Nam như thế nào, chẳng hạn như đến thương mại, tăng trưởng hoặc việc làm. Cuối cùng, các chương nêu ra các khuyến nghị cụ thể nhằm giúp cải thiện tình hình hiện tại hoặc giải quyết những thách thức liên quan.

Có tổng cộng hai mươi sáu (26) chương; gồm một (1) chương về đề xuất để hồi phục kinh tế sau đại dịch COVID-19; mười hai (12) chương về vấn đề liên ngành và mười ba (13) chương về vấn đề của ngành. Mỗi chương được trình bày theo cấu trúc sau đây:

VẤN ĐỀ

Cơ quan Chính phủ liên quan

Mô tả vấn đề: tóm tắt các mối quan ngại chính

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam: tóm tắt các lợi ích tiềm năng hoặc cản trở đối với Việt Nam

Khuyến nghị: các khuyến nghị cụ thể nhằm cải thiện hoặc hỗ trợ giải quyết các vấn đề

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ và đóng góp ý kiến của tất cả các thành viên thuộc các Tiểu ban Ngành nghề trong việc hoàn thành ấn phẩm lần thứ 12 của Sách Trắng EuroCham (Sách Trắng). Sách Trắng tổng hợp quan điểm của các doanh nghiệp thành viên EuroCham, đại diện bởi các Tiểu ban Ngành nghề, về các vấn đề cụ thể trong môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Sách Trắng không đại diện cho quan điểm của một hay nhóm công ty cụ thể. Thông tin và quan điểm để cập trong cuốn Sách Trắng này nhằm mục đích thúc đẩy đối thoại mang tính xây dựng và đưa ra các khuyến nghị với Chính phủ Việt Nam nhằm thúc đẩy tăng cường quan hệ kinh doanh, thương mại giữa các doanh nghiệp châu Âu và doanh nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, Sách Trắng được xuất bản nhằm mục đích sử dụng cho các thành viên của EuroCham và các bên liên quan, không hướng tới bất kỳ công ty và/hoặc tổ chức cụ thể nào.

Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của EuroCham, các nội dung của ấn phẩm này sẽ không được sao chép, chia sẻ hoặc truyền đi tất cả hay một phần, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, bao gồm nhưng không giới hạn như việc sao, chụp hoặc sao chép thông qua các phương pháp điện tử hoặc kỹ thuật. Mọi yêu cầu EuroCham chấp thuận cho việc sử dụng, xin vui lòng liên lạc theo địa chỉ của EuroCham như dưới. EuroCham đã nỗ lực hết sức để đảm bảo các thông tin trong cuốn Sách Trắng này là chính xác tại thời điểm soạn thảo theo những hiểu biết và quan điểm của chúng tôi. Tuy nhiên, EuroCham không chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý đối với bất cứ bên nào về tính đầy đủ, chính xác, độ tin cậy và phù hợp của nội dung Sách Trắng và/hoặc kết quả từ bất cứ quyết định nào được đưa ra dựa các nội dung này. Trong mọi trường hợp, các bên không nên hành động dựa vào nội dung Sách Trắng mà không có sự tư vấn hay hỗ trợ chuyên môn.

Trong bất kỳ trường hợp nào, EuroCham và các nhân viên, các doanh nghiệp thành viên, Ban Lãnh đạo và/hoặc các thành viên Ban Lãnh đạo EuroCham sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý cho bất cứ thiệt hại trực tiếp, gián tiếp, nghiêm trọng, ngẫu nhiên hay mang tính tất yếu (bao gồm cả thiệt hại về lợi nhuận) một cách trực tiếp hay gián tiếp liên quan hoặc phát sinh từ ấn phẩm Sách Trắng này, dưới bất cứ hình thức nào, cho dù trong hợp đồng, kế ước, các văn bản ràng buộc trách nhiệm pháp lý, cho dù các thiệt hại đã được lường trước hay không, hay thậm chí đã được khuyến cáo về khả năng có thể xảy ra. Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào giữa bản tiếng Anh và tiếng Việt, bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên sử dụng.

Đường dẫn đến ấn phẩm và website của bên thứ ba nêu trong Sách Trắng chỉ nhằm tạo sự thuận tiện cho mục đích tra cứu thông tin của độc giả. EuroCham không kiểm soát và không chịu trách nhiệm đối với bất cứ ấn phẩm hoặc nội dung ấn phẩm nào của bên thứ ba. Do vậy, độc giả hoàn toàn chịu rủi ro khi hành động dựa vào những thông tin này.

Nội dung ấn phẩm lần thứ 12 của Sách Trắng EuroCham được hoàn tất vào tháng 5 năm 2020 và ấn phẩm được xuất bản vào tháng 6 năm 2020.

© 2020 Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam, bản quyền của EuroCham.

TỔNG QUAN

GIỚI THIỆU BỐI CẢNH

TỔNG QUAN

Trong 12 tháng qua, Chính phủ Việt Nam tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, cạnh tranh và hấp dẫn hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài. Cụ thể, EuroCham hoan nghênh một số điểm thay đổi tích cực chính như sau trong khung pháp lý để tổng thể môi trường kinh doanh tại Việt Nam hiệu quả hơn, và hiện đại hơn nữa kể từ khi xuất bản ấn phẩm Sách trắng 2019 của EuroCham.

Trước hết, chúng tôi hoan nghênh Bộ luật Lao động sửa đổi¹ được Quốc hội thông qua vào năm 2019. Bộ luật sửa đổi, theo lộ trình sẽ có hiệu lực từ năm 2021, lần đầu tiên cho phép người lao động gia nhập công đoàn độc lập. Bước tiến này rõ ràng là một trong những yếu tố chính giúp thuyết phục Nghị viện châu Âu bỏ phiếu thông qua Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA). Đáng khích lệ hơn, Bộ luật Lao động mới phản ánh những cam kết rõ ràng của Việt Nam đối với thương lượng tập thể, chống lao động cưỡng bức và chống phân biệt đối xử tại nơi làm việc. Mặc dù vẫn còn nhiều việc phải làm, Bộ luật cho thấy Việt Nam đang thực hiện theo các cam kết về việc phê chuẩn và thực thi các Công ước cốt lõi nổi bật của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO).

Chúng tôi cũng hoan nghênh một số sửa đổi của Luật Sở hữu trí tuệ,² chủ yếu nhằm mục tiêu đảm bảo tuân thủ Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) vào ngày CPTPP có hiệu lực. Hơn thế nữa, Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam đã và đang rà soát, nghiên cứu để sửa đổi toàn diện và xây dựng Luật sửa đổi đầy đủ về Sở hữu trí tuệ. Chúng tôi kỳ vọng các cam kết của Việt Nam trong EVFTA sẽ được phản ánh đầy đủ trong việc lập và thực thi pháp luật.

Cũng trong tháng 6 năm 2019, Luật Quản lý thuế sửa đổi 2019³ được Quốc hội thông qua và đi vào hiệu lực từ tháng 7 năm 2020. Với luật mới này, Việt Nam đang dẫn chuyển sang cơ chế thu thuế hiệu quả và giải quyết các thách thức trong chính sách quản lý thuế một cách hài hòa với quy định quốc tế. Luật này dự kiến sẽ đẩy nhanh tốc độ phát triển của hệ thống thuế điện tử, giảm thủ tục hành chính và gánh nặng thuế trong khi vẫn đảm bảo tính chính xác và hiệu quả của hệ thống quản lý thuế. Chúng tôi đánh giá cao việc Bộ Tài chính, đặc biệt là Tổng Cục Thuế, đang rà soát để sửa đổi toàn diện các quy định hướng dẫn hiện hành nhằm đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống quy định pháp luật về thuế.

Năm 2019, Quốc hội cũng thông qua Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia⁴ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020. Chúng tôi hoan nghênh và đánh giá cao các điều khoản cân bằng và dựa trên cơ sở khoa học có thể hỗ trợ chính sách quản lý trên cả nước về đồ uống có cồn, giảm tác hại và việc tiêu thụ rượu chưa được kiểm soát. Các quy định có liên quan của Chính phủ đang được sửa đổi để đảm bảo nhất quán với Luật mới và chúng tôi kỳ vọng các quy định này sẽ được thực thi đầy đủ.

Trong cả năm qua, chúng tôi cũng ghi nhận nhiều tiến triển lớn trong việc soạn thảo và thảo luận về Luật Đầu tư theo hình thức Đối tác Công-Tư (PPP), dự kiến sẽ tạo ra biến chuyển mới hướng tới khung pháp lý cụ thể và tổng thể cho các dự án PPP. Chúng tôi cũng ghi nhận Luật Bảo vệ môi trường đang được sửa đổi để giải quyết các thách thức về biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng mở rộng miễn thị thực 15 ngày cho đến năm 2022 cho 8 quốc gia, bao gồm các quốc gia thành viên Liên minh châu Âu là Đan Mạch, Thụy Điển và Phần Lan.

1 Bộ luật Lao động 45/2019/QH14 được Quốc hội thông qua vào ngày 20 tháng 11 năm 2019.

2 Luật 42/2019/QH14 được Quốc hội thông qua vào ngày 14 tháng 6 năm 2019 sửa đổi một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Sở hữu trí tuệ.

3 Luật Quản lý thuế 38/2019/QH14 được Quốc hội thông qua vào ngày 14 tháng 6 năm 2019.

4 Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia 44/2019/QH14 được Quốc hội thông qua vào ngày 14 tháng 6 năm 2019.

CẢI CÁCH VÀ TIẾN BỘ

Việt Nam đã trải qua thời kỳ tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ trong ba thập kỷ qua. Kể từ cuộc cải cách Đổi Mới năm 1986, Việt Nam đã chuyển đổi thành công từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Điều này là khởi đầu cho những thay đổi lớn về kinh tế xã hội, đưa Việt Nam từ một trong những nước nghèo nhất của châu Á trở thành một trong những tấm gương thành công tiêu biểu nhất.⁵

Việt Nam hiện là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới, với mức tăng trưởng GDP bình quân đầu người hàng năm là 5,3% kể từ thời kỳ Đổi mới. Đây là mức tăng trưởng lớn thứ hai trong khu vực, sau Trung Quốc.⁶ Điều này đã cải thiện sinh kế, nâng cao mức sống và cơ hội sống cho hàng triệu người. Để làm rõ: vào năm 1993, hơn một nửa dân số của Việt Nam sống dưới mức 1,90 đô la Mỹ một ngày. Hiện nay, con số đó chỉ là 3 phần trăm. Trong khi đó, GDP bình quân đầu người của Việt Nam đã tăng từ 360 đô la Mỹ vào năm 1998 lên hơn 2.000 đô la Mỹ vào năm 2018, theo Ngân hàng Thế giới.

Ngoài ra, việc nâng cấp cơ sở hạ tầng cũng góp phần làm nâng cao đáng kể điều kiện sống: Năm 1993, dưới 50% số hộ gia đình ở Việt Nam được tiếp cận với điện; ngày nay, việc kết nối điện gần như phổ biến kể cả ở vùng nông thôn và hải đảo. Hơn 75% số dân hiện nay được sử dụng nước sạch và vệ sinh, tăng từ mức dưới 50% năm 1993. Việt Nam cũng đã đạt được một số Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDG) trước thời hạn.⁷

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA VIỆT NAM

Việt Nam đạt được mức tăng trưởng GDP cao 7,02% trong năm 2019, giảm nhẹ so với mức tăng 7,08% được ghi nhận trong năm 2018. Tuy nhiên, kết quả này vẫn tiếp tục xu hướng tích cực sau mức tăng trưởng 6,8% của năm 2017. Xét trên từng lĩnh vực riêng lẻ, ngành chế biến và sản xuất có mức tăng mạnh nhất là 11,3%. Trong khi đó, cả ngành công nghiệp và xây dựng đều đạt kết quả tốt, tăng 8,9% và 7,3%.⁸

Nhìn về phía trước, Ngân hàng Thế giới dự đoán rằng GDP của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ ở mức 6,5% trong vòng hai năm tới.⁹ Trong vài thập kỷ tới, Việt Nam được kỳ vọng là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất trên thế giới, với tốc độ tăng trưởng GDP trung bình hàng năm ước tính là 5% trong giai đoạn 2014 đến 2050.¹⁰ Lợi tức nhân khẩu học của Việt Nam đang thúc đẩy sự tăng trưởng này: theo Deloitte, khoảng 70% dân số Việt Nam đang trong độ tuổi lao động. Trên hết, nhu cầu trong nước cao, tỷ lệ thất nghiệp thấp, và xuất khẩu mạnh nhờ vào dòng vốn FDI vào Việt Nam.¹¹ Tất cả những yếu tố này dự kiến sẽ đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế lớn thứ 20 trên thế giới và nằm trong danh sách 10 nền kinh tế lớn nhất ở châu Á vào năm 2050.¹²

Mức tăng trưởng kinh tế này, kết hợp với địa lý thuận lợi của Việt Nam và lượng dân số trong độ tuổi lao động lớn, trẻ trung và có trình độ học vấn cao, sẽ giúp Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài.¹³ Cụ thể, hơn 60% dân số Việt Nam dưới 35 tuổi¹⁴ và số người sống ở thành thị dự kiến sẽ tăng từ 33 triệu vào năm 2016 lên 54 triệu – một nửa tổng dân số – vào năm 2035. Những thay đổi về nhân khẩu học này sẽ giúp thúc đẩy thị trường lao động Việt Nam trong tương lai.¹⁵

Chiến lược Phát triển Kinh tế Xã hội (SEDS) cho giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ đã đạt được một số cải thiện tích cực trong thập kỷ qua, bao gồm ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, vẫn còn những thách thức như năng suất, khả năng cạnh tranh và tính hiệu quả còn thấp. Chúng tôi tin rằng SEDS tiếp theo cho giai đoạn 2021-2030, hiện đang được soạn thảo để đệ trình tại Đại hội Đảng lần thứ 13, sẽ đặt mục tiêu giải quyết những thách thức này.¹⁶

5 Ngân hàng Thế giới về Việt Nam. Xem tại: <<https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/TỔNG QUAN>> truy cập lần cuối ngày 5 tháng 2 năm 2020.

6 “Con hổ tiếp theo của Châu Á”, *The Economist*, ngày 6 tháng 8 năm 2016. Xem tại: <<http://economist.com/news/finance-and-economics/21703376-having-attained-middle-income-status-vietnam-aims-higher-good-afternoon-vietnam>>, truy cập lần cuối ngày 17 tháng 7 năm 2018.

7 Dữ liệu từ Ngân hàng Thế giới. Xem tại: <<https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDPPCAP.CD>> truy cập lần cuối ngày 5 tháng 2 năm 2020.

8 “GDP Việt Nam tăng 7,02% năm 2019”, *Vietnam News*, ngày 28 tháng 12 năm 2019. Xem tại: <<https://vietnamnews.vn/economy/570467/viet-nams-gdp-jumps-702-per-cent-in-2019.html>>, truy cập lần cuối ngày 5 tháng 2 năm 2020.

9 Ngân hàng Thế giới về Việt Nam. Xem tại: <<https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/TỔNG QUAN>> truy cập lần cuối ngày 5 tháng 2 năm 2020.

10 “Thế giới năm 2050”, *PricewaterhouseCoopers*, (2017), trang 17.

11 “Triển vọng kinh tế châu Á-Thái Bình Dương”, *Deloitte* (2017) trang 18.

12 “Tiêu điểm về Việt Nam: thị trường mới nổi hàng đầu”, *PricewaterhouseCoopers* (2017) trang 14.

13 Dẫn chiếu. Ngân hàng Thế giới.

14 “Kinh doanh tại Việt Nam”, *PricewaterhouseCoopers* (2017) trang 5.

15 “Tiêu điểm về Việt Nam: thị trường mới nổi hàng đầu”, *PricewaterhouseCoopers* (2017) trang 14.

16 *Bộ Kế hoạch và Đầu tư*. Xem tại: <mpi.gov.vn/en/Pages/tinbai.aspx?idTin=43286&idcm=92> truy cập lần cuối ngày 5 tháng 2 năm 2020.

VIỆT NAM LÀ ĐIỂM ĐẾN ĐẦU TƯ HẤP DẪN

Môi trường kinh tế vĩ mô ổn định của Việt Nam, cùng với lạm phát vẫn ở mức một con số, tiếp tục củng cố niềm tin của nhà đầu tư vào môi trường thương mại và đầu tư của đất nước.¹⁷ Kể từ khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2007, Việt Nam đã liên tục cải cách quy định pháp luật trong nước để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, từ đó trở thành một thị trường hấp dẫn hơn trong mắt doanh nghiệp nước ngoài và các nhà đầu tư quốc tế.

Cụ thể, chi phí kinh doanh thấp, tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, tầng lớp trung lưu tăng vọt và môi trường thuận lợi cho kinh doanh đã giúp Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn cho đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI).¹⁸ Việt Nam có một số lợi thế cạnh tranh bao gồm chi phí sản xuất cạnh tranh, vị trí tốt ở Đông Nam Á, hiệu quả kinh tế mạnh mẽ và tiêu thụ nội địa tăng nhanh.¹⁹ Việt Nam đứng thứ 70 trong số 190 quốc gia trên toàn thế giới trong bảng xếp hạng Mức độ Dễ dàng Kinh doanh của Ngân hàng Thế giới 2020, giảm một bậc so với năm ngoái nhưng vẫn là một sự cải thiện đáng kể so với vị trí 82 vào năm 2016. Ngân hàng Thế giới nhận thấy Việt Nam đã đạt được những kết quả tốt trong nhiều lĩnh vực như “cấp tín dụng” và “nộp thuế”, tuy nhiên lại chưa tốt trong “giải quyết tình trạng mất khả năng thanh toán”. Mặc dù có sự giảm nhẹ về xếp hạng, kết quả của Việt Nam thực sự đã cải thiện trong năm 2020 với tổng điểm là 69,8.²⁰

Việt Nam đã ghi nhận tăng trưởng FDI đáng kể từ khi Chính phủ thực hiện chính sách mở cửa thông qua Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987.²¹ Chỉ trong hơn ba thập kỷ, FDI đã đạt mức 38 tỷ Đô-la Mỹ vào năm 2019. Kết quả thu hút FDI cao nhất trong vòng 10 năm này cũng thể hiện mức tăng hơn 7% so với năm trước đó. Gần 4.000 dự án mới đã được cấp phép trong năm 2019, cao hơn 25% so với năm 2018. Phần lớn vốn đầu tư – khoảng 65% – được thực hiện trong ngành chế biến và sản xuất. Bất động sản đóng góp thêm 10%, và các lĩnh vực bán buôn & bán lẻ và khoa học & công nghệ cũng nhận được những khoản đầu tư đáng kể. Những đối tác FDI lớn nhất của Việt Nam tiếp tục là các quốc gia trong khu vực. Hàn Quốc là nước có nguồn vốn FDI lớn nhất vào Việt Nam trong năm 2019 với 7,9 tỷ Đô-la Mỹ. Những nhà đầu tư lớn khác bao gồm Hồng Kông (7,8 tỷ Đô-la Mỹ) và Singapore (4,5 tỷ Đô-la Mỹ). Thủ đô Hà Nội cùng với trung tâm thương mại Thành phố Hồ Chí Minh đã thu hút hơn 40% FDI. Các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai và Bắc Ninh cũng thu hút đáng kể đầu tư từ nước ngoài.²²

Chính phủ đã nỗ lực cải cách môi trường kinh doanh, đầu tư trong nước để tăng tính hấp dẫn của Việt Nam như một điểm đến để đầu tư và kinh doanh. EuroCham đã tham gia tích cực vào Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính (ACAPR) của Thủ tướng Chính phủ, chia sẻ những hiểu biết của 1.000 doanh nghiệp thành viên để hỗ trợ Chính phủ tinh giản hóa, hiện đại hóa khung pháp lý và môi trường kinh doanh.

VIỆT NAM VÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU

Mối quan hệ giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu ngày càng bền chặt kể từ khi thiết lập mối quan hệ vào năm 1990.²³ Hiện nay, EU là nhà đầu tư nước ngoài lớn thứ 5 tại Việt Nam. Các công ty châu Âu đã đầu tư tổng cộng gần 24 tỷ Đô-la Mỹ vào Việt Nam tính đến cuối năm 2018 với trên 2.000 dự án. Thực tế, các nhà đầu tư châu Âu đã tham gia vào tất cả các lĩnh vực và ngành nghề, trải rộng ở các tỉnh thành trên khắp Việt Nam. Ba lĩnh vực hàng đầu về đầu tư từ châu Âu là sản xuất (8,4 tỷ Đô-la Mỹ), sản xuất và truyền tải điện (5 tỷ Đô-la Mỹ) và bất động sản (2,6 tỷ Đô-la Mỹ). Hà Lan là nhà đầu tư hàng đầu của châu Âu tại Việt Nam với hơn 9 tỷ Đô-la Mỹ trong khoảng 300 dự án, tiếp theo là Pháp với 3,6 tỷ Đô-la Mỹ trong 525 dự án.²⁴

17 “Việt Nam và ADB”, *Ngân hàng Phát triển Châu Á*, 2017. Xem tại: <<http://www.adb.org/countries/viet-nam/main>> truy cập lần cuối ngày 31 tháng 1 năm 2018.

18 Dẫn chiếu. *PricewaterhouseCoopers*.

19 “Điểm nhấn Việt Nam năm 2017: Đầu tư vào Việt Nam, tiếp cận thế giới”, *Deloitte*, trang 3.

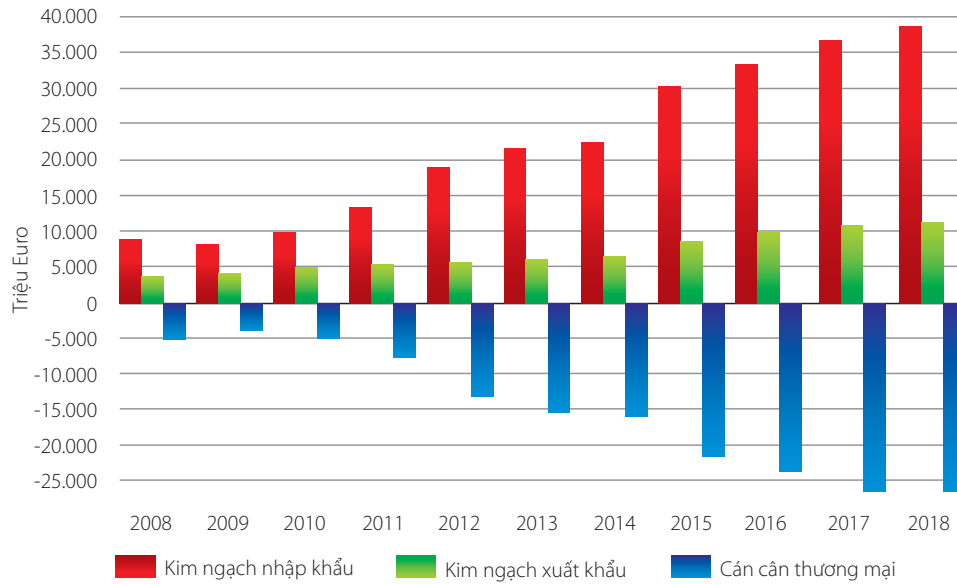
20 “Việt Nam xếp hạng 70 về Mức độ dễ dàng kinh doanh: Ngân hàng Thế giới”, *Dezan Shira & Associates*, ngày 15 tháng 11 năm 2019. Xem tại: <<https://www.vietnam-briefing.com/news/vietnam-ranked-70th-ease-business.html/>> truy cập lần cuối ngày 5 tháng 2 năm 2020.

21 “30 năm cải cách chính sách đầu tư nước ngoài”, *Thời báo Đầu tư Việt Nam*, ngày 7 tháng 12 năm 2017. Xem tại: <<https://www.vir.com.vn/30-years-of-foreign-investment-policy-improvement-54504.html>> truy cập lần cuối ngày 5 tháng 2 năm 2020.

22 “FDI của Việt Nam năm 2019 đạt mức kỷ lục trong vòng 10 năm”. *Vietnam News*, ngày 27 tháng 12 năm 2019. Xem tại: <<https://vietnamnews.vn/economy/570419/viet-nams-fdi-capital-hits-10-year-record-in-2019.html>> truy cập lần cuối ngày 5 tháng 2 năm 2020.

23 “Việt Nam và EU”, *European External Action Service*, ngày 16 tháng 5 năm 2016. Xem tại: <https://eeas.europa.eu/delegations/vietnam_en/1897/Vietnam%20and%20the%20EU>, truy cập lần cuối vào ngày 25 tháng 1 năm 2019.

24 “Hướng dẫn Hiệp định Thương mại Tự do giữa EU và Việt Nam”, *Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam* (2019) trang 18-19.

Hình 1: Hoạt động Thương mại của Liên minh châu Âu với Việt Nam

Nguồn: Tổng vụ Thương mại Ủy ban châu Âu

Trong năm 2018, giá trị mua bán hàng hóa giữa Việt Nam và EU đạt hơn 49 tỷ Euro. Các mặt hàng xuất khẩu chính từ EU sang Việt Nam – lên đến khoảng 11 tỷ Euro – bao gồm các sản phẩm công nghệ cao như máy móc và thiết bị điện, dược phẩm, máy bay và phương tiện vận tải. Trong khi đó, các mặt hàng xuất khẩu có giá trị lớn nhất của Việt Nam sang EU – trị giá khoảng 38 tỷ Euro – bao gồm giày dép, hàng dệt may và quần áo, gạo, hải sản, cà phê và đồ nội thất.²⁵

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ VIỆT NAM & HIỆP ĐỊNH BẢO HỘ ĐẦU TƯ GIỮA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ VIỆT NAM

Sau khi hoàn tất các cuộc đàm phán trong năm 2015, tiến trình thông qua và phê chuẩn đã bị chậm lại do nhiều yếu tố khác nhau. Yếu tố chính là sự cần thiết phải phân chia Hiệp định Thương mại Tự do thành hai phần để phù hợp với quyết định của Tòa án Công lý châu Âu về việc chia sẻ thẩm quyền giữa Liên minh châu Âu (EU) và các Quốc gia Thành viên. Thay vì một thỏa thuận duy nhất như đã được đàm phán trước đó, thỏa thuận “kết hợp” này ngầm định việc phê chuẩn hai lần bởi các Cơ quan của Liên minh châu Âu và từng Quốc gia Thành viên theo quy định của hiến pháp của các quốc gia này.

Hiệp định đã được chia thành hai phần: Phần Thương mại (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ Đầu tư (EVIPA). Phần Thương mại được thông qua và phê chuẩn bởi các cơ quan của Liên minh châu Âu (Hội đồng Châu Âu và Nghị viện Châu Âu) và EVIPA, bao gồm các quy định về đầu tư gián tiếp và cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư-nhà nước được Liên minh châu Âu quyết định cùng và sau đó bởi từng và các Quốc gia Thành viên của Liên minh châu Âu.

Hai Hiệp định này đã được Liên minh châu Âu và Việt Nam ký kết vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 tại Hà Nội và EuroCham vinh dự được chứng kiến lễ ký kết cùng với Ủy viên Thương mại châu Âu Cecilia Malmstrom, Bộ trưởng Romania phụ trách kinh doanh, thương mại và doanh nghiệp, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và các lãnh đạo Chính phủ.

Bàn về tác động kinh tế của Hiệp định này, theo Báo cáo “Tăng cường hội nhập quốc tế và thực thi EVFTA” được

²⁵ Phái đoàn EU tại Việt Nam với dữ liệu từ Eurostat.

lập bởi Ngân hàng Quốc tế (World Bank) vào tháng 5 năm 2020²⁶, Liên minh châu Âu (EU) là một trong những đối tác thương mại quan trọng và ổn định nhất của Việt Nam và EVFTA là hiệp định thương mại tự do thế hệ mới lớn nhất trong lịch sử xét về lợi ích trực tiếp cho Việt Nam. Tác động của EVFTA lên tổng sản phẩm quốc nội (GDP) lớn hơn gần ba lần so với CPTPP. Việc thực thi đầy đủ thỏa thuận này sẽ giúp Việt Nam tăng thêm 2,4% GDP và có thể đạt thêm 6,8% vào năm 2030. Thực tế là các cam kết theo hiệp định EVFTA rộng hơn và cao hơn so với các hiệp định thương mại tự do khác của Việt Nam như WTO và ASEAN. Điều này cho thấy Việt Nam sẽ không chỉ được hưởng lợi về các khía cạnh tăng trưởng, thương mại mà còn ở khía cạnh xóa đói giảm nghèo. Tỷ lệ đói nghèo của Việt Nam sẽ giảm từ 29% trong năm 2016 xuống còn 12,6% vào năm 2030. Sẽ có thêm 0,8 triệu người thoát nghèo và góp phần thu hẹp chênh lệch thu nhập theo giới tính. Hiệp định này cũng thúc đẩy cải cách trong nước, hiện đại hóa các thể chế và giúp Việt Nam phát triển nhanh hơn, nâng cao khả năng cạnh tranh và cải tiến.

Sau nhiều chuyến đi, hoạt động hành lang và nỗ lực tại Brussels năm 2017, 2018 và 2019; EuroCham đã hợp tác chặt chẽ và đã được Ủy ban Thương mại Quốc tế (INTA) của Nghị viện châu Âu phỏng vấn ba lần. Phái đoàn EuroCham do Chủ tịch Nicolas Audier dẫn đầu đã gặp gỡ với các Thành viên Nghị viện châu Âu (MEPs) tại Brussels trong thời gian này để vận động cho một kết quả bỏ phiếu tích cực trong Ủy ban Thương mại Quốc tế. Vào ngày 21 tháng 1 năm 2020, Ủy ban Thương mại Quốc tế đã bỏ phiếu ủng hộ việc phê chuẩn EVFTA. 29 trong số 40 Thành viên của Nghị viện châu Âu trong Ủy ban Thương mại Quốc tế đã bỏ phiếu ủng hộ EVFTA, 6 Thành viên bỏ phiếu chống và 5 phiếu trắng. Đối với EVIPA, 26 Thành viên đã bỏ phiếu ủng hộ với 7 phiếu chống và 6 phiếu trắng.

Cũng tại một sự kiện về EVFTA tại Brussels, Chủ tịch EuroCham Nicolas Audier đã có cuộc nói chuyện với Cao ủy Thương mại châu Âu Phil Hogan, Thứ trưởng Bộ Công Thương Trần Quốc Khánh và Đại sứ châu Âu tại Việt Nam, cùng với các hiệp hội doanh nghiệp ủng hộ Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam. EuroCham cũng đã đến Strasbourg để cùng vận động cho một kết quả bỏ phiếu tích cực khi các Thành viên Nghị viện châu Âu bỏ phiếu về việc phê chuẩn EVFTA vào tháng 2 năm 2020.

Cuối cùng, vào ngày 12 tháng 2 năm 2020, với cuộc bỏ phiếu lịch sử tại Strasbourg, các Thành viên Nghị viện Châu Âu đã bỏ phiếu ủng hộ các hiệp định này. Phiên bỏ phiếu kết thúc với khoảng 63% thành viên của Nghị viện châu Âu ủng hộ cả EVFTA và EVIPA. EuroCham rất vui mừng khi được chứng kiến những nỗ lực của chúng tôi đã góp phần thuyết phục thành công các Thành viên Nghị viện châu Âu về lợi ích của EVFTA không chỉ về thương mại - mặc dù điều này là thiết yếu - mà còn về các cơ hội sinh kế, cải thiện chất lượng và tiêu chuẩn cuộc sống của người dân Việt Nam.

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2020, Hội đồng châu Âu đã thông qua quyết định áp dụng thủ tục bằng văn bản về việc ký kết EVFTA giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam. Rõ ràng đây cũng là sự công nhận tích cực của Liên minh châu Âu về những nỗ lực và tiến bộ của Việt Nam trong việc chuẩn bị thực thi các cam kết của EVFTA, chẳng hạn như việc phê chuẩn Công ước số 98 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) về thương lượng tập thể vào tháng 6 năm 2019, thông qua Bộ luật Lao động sửa đổi vào tháng 11 năm 2019 và xác nhận thời gian phê chuẩn hai Công ước ILO còn lại về quyền tự do hiệp hội và về xóa bỏ lao động cưỡng bức.

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2020, đợt họp thứ nhất Quốc hội khóa XIV đã thảo luận về việc phê chuẩn EVFTA và EVIPA theo đề xuất của Chủ tịch nước. Tại đợt họp thứ hai vào ngày 8 tháng 6 năm 2020, Quốc hội đã biểu quyết tán thành việc phê chuẩn EVFTA và EVIPA cũng như Công ước số 105 của ILO về xóa bỏ lao động cưỡng bức. Theo đúng thủ tục, EVFTA sẽ có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng thứ hai sau tháng kể từ khi cả hai bên hoàn thành thủ tục thông báo cho nhau về việc hoàn tất thủ tục pháp lý nội bộ. EVIPA vẫn sẽ phải được phê chuẩn bởi tất cả các Quốc gia Thành viên Liên minh châu Âu và sẽ thay thế các hiệp định đầu tư song phương mà 21 Quốc gia Thành viên Liên minh châu Âu hiện đang thực hiện với Việt Nam. Chúng tôi được biết rằng hiện tại có hai Quốc gia Thành viên Liên minh châu Âu đã hoàn thành việc phê chuẩn EVIPA (Hungary vào ngày 24 tháng 12 năm 2019 và Cộng hòa Séc vào ngày 13 tháng 2 năm 2020) và việc phê chuẩn của các Quốc gia Thành viên còn lại sẽ kéo dài có thể không quá hai năm.

EuroCham sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức về EVFTA và sẽ tích cực phối hợp với các cơ quan Chính phủ Việt Nam và Liên minh châu Âu và các đối tác quan trọng để truyền tải các hướng dẫn pháp lý và đảm bảo rằng các lợi ích đã thống nhất về nguyên tắc sẽ được thực thi trên thực tế.

Từ năm 2016, EuroCham và các Tiểu ban Ngành nghề của chúng tôi đã làm việc với các chuyên gia EU về "lộ trình thực hiện" EVFTA và EuroCham sẵn sàng tiếp tục chia sẻ chuyên môn và kinh nghiệm của chúng tôi cũng như

26 "Tăng cường hội nhập quốc tế và thực thi EVFTA"; *Ngân hàng Thế giới*, tháng 5 năm 2020. Xem tại: <<http://documents.worldbank.org/curated/en/866871589557725251/Vietnam-Deepening-International-Integration-and-Implementing-the-EVFTA>> truy cập lần cuối ngày 26 tháng 5 năm 2020.

đóng góp cho các kế hoạch chi tiết của Chính phủ và các Bộ ngành liên quan để khắc phục những lỗ hổng pháp lý vốn cần được xem xét và góp ý nhiều hơn trên khía cạnh thương mại từ cộng đồng doanh nghiệp là những đối tượng nhận ảnh hưởng trực tiếp bởi EVFTA.

Kể từ năm 2018, EuroCham và các Tiểu ban Ngành nghề của chúng tôi đã hợp tác chặt chẽ với các chuyên gia của Liên minh châu Âu và Việt Nam. Lấy ví dụ, EuroCham và Tiểu ban Nhân lực & Đào tạo đã tham gia các cuộc họp về kế hoạch hành động của EU-ASEAN nhằm hỗ trợ và thúc đẩy bình đẳng giới, phúc lợi, phúc lợi của phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và người lao động nhập cư. Chúng tôi cũng đã tích cực tham gia một số cuộc thảo luận với các đại diện của Tổng cục Thương mại và Tổng cục Lao động của Ủy ban châu Âu, Friedrich-Ebert-Stiftung (FES) Việt Nam và Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam về vai trò của các bên liên quan trong Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam.

Chương 16 của EVFTA về Hợp tác và Nâng cao Năng lực

EVFTA mang lại nhiều cơ hội hợp tác giữa EU và Việt Nam. Theo Điều 16.2.2 Chương 16 về Hợp tác và Nâng cao Năng lực, EU và Việt Nam sẽ tiến hành hợp tác trong phạm vi khuôn khổ pháp lý và thể chế hiện có và tuân thủ các quy tắc và thủ tục điều chỉnh quan hệ giữa các bên trong các lĩnh vực: hội nhập và hợp tác khu vực; thuận lợi hóa thương mại và các quy định và chính sách thương mại; nông, ngư, lâm nghiệp liên quan đến thương mại; phát triển bền vững, doanh nghiệp nhỏ và vừa và các lĩnh vực khác. Các phương thức hợp tác bao gồm từ trao đổi thông tin, kinh nghiệm và thông lệ tốt nhất, cũng như hợp tác về chính sách thông qua các hội thảo, hội nghị, khóa đào tạo, nghiên cứu, hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực theo Điều 16.2.3 Tại Điều 16.2.4, Liên minh châu Âu và Việt Nam cần công nhận vai trò quan trọng của cộng đồng doanh nghiệp và khối tư nhân trong việc hợp tác giữa hai bên và hỗ trợ việc tham gia của cộng đồng doanh nghiệp trong việc đóng góp để tối đa hóa các lợi ích mà Hiệp định mang lại cả về kinh tế và phát triển. Chúng tôi sẵn sàng tham gia và trợ các Ủy ban Chuyên trách, Các nhóm Công tác và các hình thức tổ chức khác được thành lập để hỗ trợ Ủy ban Thương mại theo Điều 16.4 và 17.2.4 Với vai trò là một trong những đối tượng quan trọng, chúng tôi cũng sẵn sàng là đối tác liên lạc và hỗ trợ khi các Bên cần tham vấn về những vấn đề trong phạm vi EVFTA

Theo Điều 17 EVFTA, Ủy ban Thương mại sẽ họp mỗi năm một lần tại Việt Nam hoặc châu Âu và được điều phối bởi đồng chủ tọa Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam và Cao ủy của Ủy ban Châu Âu phụ trách về Thương mại để đảm bảo hoạt động phù hợp của Hiệp định này. Để làm điều này, Ủy ban Thương mại có thể quyết định thành lập các ủy ban chuyên trách, các nhóm công tác hoặc các cơ quan khác để phân bổ trách nhiệm. Ủy ban này có thể lập ra một cơ quan tư vấn đặc biệt để hỗ trợ các Tiểu ban Chuyên trách hoặc Các nhóm Công tác về việc thực thi EVFTA theo quan điểm của cộng đồng doanh nghiệp. Chúng tôi mong muốn là cơ quan tư vấn này có thể đưa ra quan điểm của cả cộng đồng doanh nghiệp châu Âu và Việt Nam tại Việt Nam. Với định hướng như vậy, EuroCham và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đang trong quá trình thành lập Hội Đồng Doanh nghiệp châu Âu-Việt Nam (EUVBC) để có thể đảm nhiệm vai trò này nếu các Bên của Hiệp định và Ủy ban châu Âu cần phối hợp trong tương lai.

Để đảm bảo và giám sát hoạt động của EVFTA, EuroCham sẽ rất vinh dự được tham gia và hỗ trợ Ủy ban Thương mại, các ủy ban chuyên trách được quy định tại Điều 17.1 của Hiệp định (Thương mại Hàng hóa, Hải quan, Các Biện pháp Vệ sinh và Kiểm dịch Động thực vật, Đầu tư, Thương mại Dịch vụ, Thương mại Điện tử và Mua sắm công, Thương mại và Phát triển Bền vững, v.v.) và các nhóm công tác theo Điều 17.3 (Quyền Sở hữu Trí tuệ và Chỉ dẫn Địa lý, Phương tiện Vận tải Cơ giới và Phụ tùng, nhóm công tác khác, v.v.) và các cơ quan khác, được thành lập để liên lạc và phối hợp với khu vực tư nhân và các đối tác xã hội để tăng cường quan hệ thương mại và đầu tư và bất cứ khi nào cần thiết.

Chương 13 EVFTA về Thương mại và Phát triển Bền vững

Các Điều 13.14 và 13.15 Chương 13 về Thương mại và Phát triển Bền vững của EVFTA quy định về việc hợp tác trong thương mại và phát triển bền vững, theo đó các bên sẽ chia sẻ thông tin và kinh nghiệm cho mục đích phát triển và thực hiện các hoạt động hợp tác và nâng cao năng lực về thương mại và phát triển bền vững.

Ủy ban về Thương mại và Phát triển Bền vững, Các nhóm Tư vấn Trong nước mới được thành lập hoặc hiện hữu đang hoạt động về phát triển bền vững để thực hiện chương này và sẽ bao gồm các tổ chức đại diện độc lập, đảm bảo sự đại diện cân bằng của các bên liên quan về kinh tế, xã hội và môi trường để tham gia diễn đàn và đối thoại về việc thực thi Hiệp định EuroCham, đại diện cho tiếng nói của các doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam, sẵn sàng

tham gia và tiếp tục làm việc với cả các cơ quan của châu Âu và Việt Nam để thực hiện chương này, hỗ trợ Ủy ban về Thương mại và Phát triển Bền vững thông qua việc tham gia các nhóm công tác trong nước, nhóm chuyên gia, v.v. Chúng tôi cũng sẽ hỗ trợ tương tự cho quá trình Tham vấn Chính phủ, chia sẻ các thông tin, kinh nghiệm về các khía cạnh của thương mại để thúc đẩy phát triển, thực thi việc hợp tác cũng như các hoạt động nâng cao năng lực; giới thiệu các chuyên gia trong ngành tham dự Ban Cố vấn như quy định trong Điều 13.16.

Chúng tôi muốn tiếp tục hỗ trợ Chính phủ sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật cần thiết cho việc thực thi EVFTA thông qua cơ chế tư vấn, tiếp cận ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp, các Tiểu ban Ngành nghề và thành viên của chúng tôi. Chúng tôi sẽ tiếp tục là cầu nối giữa Việt Nam và EU để trao đổi thông tin giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu và sẵn sàng hỗ trợ Ủy ban Thương mại của EVFTA, các Ủy ban Chuyên trách theo các chương của Hiệp định này; và phối hợp với các Bộ, cơ quan liên ngành và địa phương thực hiện; các Nhóm Tư vấn Kỹ thuật để tư vấn về việc thực thi Chương về Thương mại và Phát triển Bền vững và báo cáo cho Ủy ban về Thương mại và Phát triển Bền vững được thành lập trong chương này

Cộng đồng doanh nghiệp châu Âu cũng sẵn sàng tiếp tục hỗ trợ Việt Nam và các doanh nghiệp Việt Nam để góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành nghề, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ, vừa và siêu nhỏ; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh và để cải thiện năng suất lao động tại các doanh nghiệp và các ngành sản xuất; tăng cường các hoạt động kết nối doanh nghiệp châu Âu với doanh nghiệp trong nước, góp phần hình thành và phát triển chuỗi cung ứng; cũng như để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, pháp lý, bảo hiểm, v.v.

EuroCham, cùng với các Tiểu ban Ngành nghề và các chuyên gia của chúng tôi, sẵn sàng tiếp tục góp phần đảm bảo thực hiện đầy đủ các cam kết của Việt Nam theo lộ trình thời gian; hoàn thiện các thể chế, chính sách và khung pháp lý theo hai hiệp định này và các yêu cầu để cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh tại Việt Nam cũng như khai thác và tối đa hóa các cơ hội mà hai hiệp định này sẽ mang lại cho cộng đồng doanh nghiệp.

Riêng về EVIPA, việc tham gia EVIPA sẽ giúp nâng cao vị thế của Việt Nam trên diễn đàn quốc tế. EuroCham hy vọng sẽ tiếp tục được hỗ trợ Chính phủ Việt Nam phối hợp và thúc đẩy để các Nghị viện của các Quốc gia Thành viên Liên minh châu Âu sớm phê chuẩn và thực thi EVIPA. Chúng tôi cũng sẽ tiếp tục hỗ trợ Chính phủ Việt Nam trong việc đóng góp ý kiến rà soát, hoàn thiện khung pháp lý và các chính sách nhằm nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh của Việt Nam để thực thi EVIPA.

LỜI CẢM ƠN

Jean-Jacques Boufflet, Phó Chủ tịch phụ trách về Chính sách
Lê Thanh Bình, Trưởng phòng Chính sách



ĐỀ XUẤT ĐỂ PHỤC HỒI TỪ ĐẠI DỊCH COVID-19

TỔNG QUAN

Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) và 9 Hiệp hội Thành viên và 17 Tiểu ban Ngành nghề hoan nghênh các hành động nhanh chóng và quyết đoán của Chính phủ. Các hành động này đã giúp ngăn chặn sự lây lan của COVID-19, bảo vệ sức khỏe và phúc lợi của người dân Việt Nam cũng như toàn bộ cộng đồng đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam, bao gồm các công dân châu Âu. Những nỗ lực của Chính phủ trong việc huy động toàn bộ hệ thống y tế, cán bộ công nhân viên và lực lượng an ninh, kết hợp cùng chiến dịch tuyên truyền cộng đồng năng động, các chính sách hỗ trợ¹ và hướng dẫn của các địa phương đã được chứng minh là hiệu quả, thành công và được cộng đồng quốc tế công nhận. Các biện pháp mạnh mẽ được đưa ra ngay khi dịch bắt đầu bùng phát, được triển khai hiệu quả trước cả một số nước phát triển, đã cho Việt Nam cơ hội sớm phục hồi và tiếp tục các hoạt động đầu tư, kinh doanh.

Trong bối cảnh này, điều cấp thiết là chuẩn bị các kế hoạch dài hạn để vừa kiểm soát được dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội.

I. HỢP TÁC CỦA EUROCHAM VỚI CHÍNH PHỦ TRONG GIAI ĐOẠN ĐẠI DỊCH

Là cầu nối giữa các cơ quan chức năng và cộng đồng doanh nghiệp châu Âu, khi thế giới đang trong cuộc chiến chống đại dịch COVID-19, EuroCham đã chủ động cập nhật và phổ biến rộng rãi các chính sách hướng dẫn và hỗ trợ của Chính phủ tới tất cả các thành viên. Chúng tôi duy trì các kênh trao đổi thường xuyên với các Bộ, ngành nhằm cung cấp phản hồi về hoạt động kinh doanh cũng như nêu đề xuất để đảm bảo điều kiện cần thiết cho doanh nghiệp duy trì hoạt động, vượt qua thời điểm khó khăn. Chúng tôi hướng tới mục tiêu giảm thiểu tác động tiêu cực lên hoạt động của doanh nghiệp thành viên; ứng phó kịp thời với thay đổi để đảm bảo hồi phục nhanh chóng về mức tăng trưởng bình thường đồng thời ưu tiên sức khỏe và sự an toàn của người lao động.

- Kể từ khi dịch bệnh bắt đầu bùng phát vào tháng 2 năm 2020, EuroCham đã tích cực cập nhật cho Văn phòng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về phản hồi của các Tiểu ban Ngành nghề về tác động của đại dịch COVID-19 lên hoạt động sản xuất kinh doanh, những thách thức mà các thành viên phải đối mặt và đề xuất biện pháp hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp quốc tế để vượt qua khó khăn.
- Trong quá trình chuẩn bị và soạn thảo các chính sách hỗ trợ của Chính phủ cho cộng đồng doanh nghiệp trong đại dịch COVID-19, chúng tôi đã chủ động lấy ý kiến phản hồi và cung cấp cho Chính phủ ý kiến của các Hiệp hội Thành viên và Tiểu ban Ngành nghề về các văn bản dự thảo như Nghị định của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất;² dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về các nhiệm vụ và biện pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đảm bảo trật tự an toàn xã hội; các gói cứu trợ và phạm vi bao rộng để doanh nghiệp được hỗ trợ công bằng cũng như đảm bảo việc làm với quy mô lớn, thúc đẩy giải ngân đầu tư công và đảm bảo an ninh và trật tự xã hội, v.v.
- Tăng cường trao đổi thường xuyên với các Bộ liên quan, chính quyền địa phương cũng như các đối tác kinh doanh, EuroCham đã tham gia các cuộc họp với Văn phòng Chính phủ, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các hiệp hội doanh nghiệp khác, liên hệ với các Sở, ngành - Thành phố Hồ Chí Minh (Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Ban Quản lý Các Khu Chế xuất và Khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh - HEPZA v.v.), trong giai đoạn đại dịch để thảo luận và thống nhất về các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp để phục hồi kinh tế.

¹ Ví dụ như Chỉ thị 11/CT-TTg ngày 4 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch COVID-19, Chỉ thị 15/CT-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2020 về quyết liệt thực hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch COVID-19; Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2020 về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19, v.v.
² Nghị định 41/2020/NĐ-CP ngày 8 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất.

- Tại hội nghị “Cùng nỗ lực, vượt thách thức, đón thời cơ, phục hồi nền kinh tế” do Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc chủ trì vào ngày 9 tháng 5 năm 2020, EuroCham đã trình bày những quan chính của cộng đồng doanh nghiệp châu Âu để đảm bảo duy trì hoạt động thuận lợi của nền kinh tế. Việt Nam không chỉ cần bảo vệ các doanh nghiệp nội địa mà còn cần hỗ trợ các doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam, trong bối cảnh hội nhập chặt chẽ vào chuỗi cung ứng và dòng vốn toàn cầu.
- Các nội dung trao đổi khác bao gồm nhưng không giới hạn trong trao đổi giữa các Tiểu ban Ngành nghề và các cơ quan hữu quan. Ví dụ như: Tiểu ban Du lịch và Nhà hàng - Khách sạn đưa ra khuyến nghị để hỗ trợ ngành du lịch; Tiểu ban Nguồn nhân lực và Đào tạo đưa ra khuyến nghị về cấp thị thực và giấy phép lao động cũng như dự thảo Nghị định về người lao động nước ngoài tại Việt Nam; các Tiểu ban Ngành nghề thuộc Diễn đàn Y tế EuroCham (Tiểu ban Dược phẩm và Thuốc Chất lượng Quốc tế - Generic và Sinh phẩm tương tự) về nguồn cung dược phẩm; Tiểu ban Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán về trang thiết bị y tế; Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh về thương mại điện tử đối với rượu vang và rượu mạnh; Tiểu ban Tăng trưởng Xanh về điện lực và năng lượng hiệu quả; v.v.
- Chúng tôi cũng đã làm việc với chính quyền các địa phương, các khu công nghiệp nơi các thành viên EuroCham đặt trụ sở để đảm bảo thực hiện chính xác và đầy đủ các hướng dẫn của Chính phủ về trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc phòng, chống dịch COVID-19 tại nơi làm việc.
- Đồng thời, các doanh nghiệp thành viên EuroCham đã cố gắng tối đa để hỗ trợ người lao động và cộng đồng địa phương, trên tinh thần trân trọng các biện pháp của Chính phủ và tinh thần cống hiến từ doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp thành viên và các Tiểu ban Ngành nghề, ví dụ như các thành viên Tiểu ban Dược phẩm, đã đóng góp ủng hộ cuộc chiến chống COVID-19 thông qua Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc các hình thức khác. Chúng tôi tin rằng những hành động này là ví dụ của rất nhiều các hoạt động mà chúng tôi đang thực hiện.

Hơn hết, EuroCham cam kết hợp tác với Việt Nam trong suốt khoảng thời gian khó khăn và hỗ trợ đất nước hồi phục tốt sau đại dịch. Chúng tôi tin rằng thông qua các hoạt động chính sách và các đóng góp khác cho xã hội, doanh nghiệp có thể góp phần đảm bảo an sinh xã hội, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Trên tinh thần xây dựng này, chúng tôi đánh giá cao cam kết mạnh mẽ và phản hồi nhanh chóng của các cơ quan Chính phủ đối với các ý kiến, của EuroCham, các Hiệp hội Doanh nghiệp và Tiểu ban Ngành nghề trong đại dịch. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn Văn phòng Chính phủ, Bộ Y tế vì những nỗ lực và các biện pháp hiệu quả để phòng, chống dịch COVID-19. Chúng tôi cũng trân trọng Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính, Bộ Công thương và các Sở Công thương ở các tỉnh đã cung cấp hướng dẫn cho doanh nghiệp. Chúng tôi đánh giá cao Bộ Tài chính đã soạn thảo, tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định 41/2020/NĐ-CP về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất; Tổng Cục Hải quan, cùng nhiều cơ quan hữu quan, đã ủng hộ đẩy mạnh việc áp dụng chữ ký điện tử và nộp chứng từ điện tử trong giai đoạn đại dịch. Chúng tôi tin rằng những nỗ lực này sẽ được tiếp tục một cách hiệu quả và thể hiện trong các chính sách lâu dài của Chính phủ để tận dụng Cổng Dịch vụ Công Quốc gia; xây dựng Chính phủ Điện tử; tăng cường năng lực cạnh tranh trong giai đoạn hội nhập quốc tế.

EuroCham rất cảm ơn Bộ Ngoại giao cũng như tất cả các cơ quan hữu quan khác đã liên tục phản hồi và hỗ trợ việc nhập cảnh vào Việt Nam của chuyên gia nước ngoài, lao động kỹ thuật cao và nhà quản lý doanh nghiệp. Chúng tôi tin rằng sẽ có quy trình nhanh chóng mà vẫn đảm bảo an toàn, áp dụng trong thời điểm sớm nhất có thể “trong thời kỳ bình thường mới” và trong thời gian hồi phục, để các chuyên gia có thể nhập cảnh vào Việt Nam để tiếp tục đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội. EuroCham cam kết phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan để có thể hỗ trợ phù hợp các thành viên trong khi vẫn đảm bảo sức khỏe cộng đồng.

Chúng tôi đặc biệt mong muốn duy trì kênh liên lạc hiệu quả với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong thời gian tới theo truyền thống hợp tác chặt chẽ từ trước đến nay. Chúng tôi đánh giá cao các biện pháp được đưa ra gần đây để bảo vệ quyền lợi tất cả các doanh nghiệp, bao gồm các hoạt động của các thành viên thành viên EuroCham. Những biện pháp này sẽ là định hướng thiết yếu giúp doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn này.

EuroCham cảm ơn Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan đã cân nhắc các ý kiến, đề xuất, của cộng đồng doanh nghiệp châu Âu trong việc soạn thảo các chính sách hỗ trợ và lấy ý kiến doanh nghiệp. Chúng tôi cam kết tiếp tục đóng góp ý kiến với kinh nghiệm chuyên môn từ các doanh nghiệp đa quốc gia.



II. ĐỀ XUẤT PHỤC HỒI KINH TẾ SAU ĐẠI DỊCH COVID-19

EuroCham ghi nhận và hoan nghênh những biện pháp hiệu quả Việt Nam đã áp dụng để ứng phó với tác động của dịch COVID-19 lên hoạt động đầu tư, kinh doanh, nhưng đồng thời chúng tôi cũng tin rằng nhiều biện pháp lâu dài khác có thể được áp dụng ngay lập tức để hỗ trợ đồng thời cộng đồng doanh nghiệp doanh nghiệp trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

1. Đảm bảo các chính sách hỗ trợ được áp dụng cho doanh nghiệp nước ngoài

Các doanh nghiệp nước ngoài có đóng góp lớn cho GDP của Việt Nam, sức tăng trưởng bền vững và phát triển kinh tế - xã hội nói chung của đất nước. Các doanh nghiệp đồng hành cùng Việt Nam trong các cơ hội cũng như thách thức, và đang tiếp tục ủng hộ Việt Nam trong giai đoạn khó khăn này. Các doanh nghiệp này là một phần của cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam.

Việt Nam không chỉ cần bảo vệ các doanh nghiệp nội địa mà còn cần hỗ trợ các doanh nghiệp nước ngoài, những nhân tố có đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế nước nhà - đặc biệt là xuất khẩu - một khi dịch bệnh được kiểm soát và thương mại toàn cầu trở lại bình thường.

Điều này cũng đảm bảo tuân thủ cam kết trong các cam kết quốc tế và hiệp định thương mại mà Việt Nam đã là thành viên hoặc sớm đưa vào triển khai trong thời gian tới, bao gồm Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA).

2. Các gói cứu trợ và kích thích kinh tế

EuroCham kính mong Chính phủ cân nhắc ban hành gói cứu trợ hỗ trợ doanh nghiệp để bổ sung nguồn lực cần thiết cho các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng nặng nề bởi COVID-19. Sự chia sẻ về tài chính từ Chính phủ, dù ở mức độ nào trong phạm vi ngân sách và cân đối với ổn định kinh tế vĩ mô, là rất cần thiết. Đại dịch COVID-19 đã tác động gần như mọi lĩnh vực, ngành nghề và chỉ có một số ít ngoại lệ, vì vậy điều quan trọng là gói cứu trợ này cần đảm bảo công bằng, không giới hạn cho một nhóm nhỏ các ngành công nghiệp ưu tiên. Đồng thời, gói cứu trợ nên truyền tải tinh thần động viên doanh nghiệp. Việc mở rộng đối tượng thụ hưởng sẽ giúp lan tỏa sự sẻ chia và tác động đến toàn bộ nền kinh tế. Nhằm đảm bảo công bằng giữa các doanh nghiệp, chúng tôi đề xuất tính toán cụ thể các ngành và đối tượng bị thiệt hại.

Cụ thể, EuroCham đã cung cấp đề xuất cụ thể về mở rộng hỗ trợ tài chính cho người dân và doanh nghiệp trong các lĩnh vực bị ảnh hưởng như sau:

- Giảm 50% thuế Thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính 2020 cho tất cả doanh nghiệp trong các lĩnh vực bị ảnh hưởng. Chính sách hỗ trợ không nên giới hạn chỉ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, vì trên thực tế rất nhiều doanh nghiệp lớn hoạt động trong các ngành nghề chịu tác động của dịch COVID-19 cũng bị ảnh hưởng rất nặng nề;
- Giảm 50% thuế Thu nhập cá nhân cho toàn bộ người nộp thuế ở Việt Nam trong năm tài chính 2020;
- Giảm 50% thuế Giá trị gia tăng cho năm tài chính 2020 để kích cầu và tiêu thụ, hỗ trợ nền kinh tế và toàn xã hội phục hồi; và
- Giảm 50% khoản đóng góp bảo hiểm xã hội bắt buộc trong năm 2020 cho tất cả các đối tượng chịu ảnh hưởng.

Chúng tôi ghi nhận Chính phủ đã cân nhắc các đề xuất thông qua việc ban hành Nghị Quyết 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020, trong đó giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; giảm 15% tiền thuê đất phải nộp của năm 2020 cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải ngừng sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của dịch (trong Dự thảo ban đầu là 30% cho 6 tháng), cũng các chính sách hỗ trợ khác. Tuy nhiên, chúng tôi xin giữ nguyên các đề xuất về việc mở rộng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp hơn nữa, cụ thể là các chính sách về thuế Thu nhập doanh nghiệp, Thu nhập cá nhân, Giá trị gia tăng để kích cầu và hỗ trợ phục hồi kinh tế.

Tiếp nối gói cứu trợ này, chúng tôi đề nghị có thêm các gói kích thích kinh tế để thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế, bao gồm khu vực tư nhân, hồi phục sau khủng hoảng. Tương tự, phạm vi cứu trợ rộng rãi sẽ góp phần giữ chân lực lượng lao động trên quy mô lớn, và thực tế cũng cho thấy gia tăng số lượng người lao động sẽ góp phần kích cầu kinh tế trong nước.

Những hành động phản hồi nhanh chóng và chủ động hơn cũng như việc triển khai hiệu quả các chính sách được nêu trên sẽ giúp duy trì và thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài (FDI) hơn, cũng như tạo điều kiện tái định vị nền kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn hậu COVID-19.

3. Nắm bắt cơ hội hợp tác với cộng đồng quốc tế

Chúng tôi tin rằng, dù dịch COVID-19 có cản trở, năm nay vẫn sẽ đánh dấu một dấu mốc quan trọng trong việc phát triển các mối quan hệ quốc tế của Việt Nam.

Việt Nam đang xúc tiến các hiệp định thương mại tự do với nhiều đối tác. Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) đã được Quốc hội thông qua và dự kiến sẽ đi vào hiệu lực trong hè năm 2020. Đảm bảo triển khai toàn diện các hiệp định thương mại như EVFTA sẽ hỗ trợ thúc đẩy sản xuất, thương mại và đầu tư, từ đó tạo điều kiện cho Việt Nam phục hồi nhanh từ đại dịch COVID-19.

Trong khi tình hình dịch bệnh tại Việt Nam đang cải thiện, nhiều quốc gia khác, bao gồm cả những nền kinh tế rất phát triển, vẫn chưa vượt qua đỉnh dịch. Điều này ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế toàn cầu. Hệ quả của đại dịch COVID-19 lên hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp dự kiến sẽ kéo dài trong nhiều năm. Vì thị trường đang trong đà phát triển của Việt Nam phụ thuộc lớn vào nhu cầu toàn cầu, các gói cứu trợ và kích thích kinh tế cần được xúc tiến. Chúng tôi hiểu rằng một đất nước đang phát triển như Việt Nam sẽ cần ủng hộ và hỗ trợ từ cộng đồng quốc tế cho vấn đề này. Việt Nam hiện là Chủ tịch ASEAN năm 2020 và Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Vì vậy, Việt Nam có thể cân nhắc tổ chức một hội nghị mang tầm cỡ khu vực, có sự tham gia của các chủ thể lớn quốc tế, để thảo luận về các gói cứu trợ và kích thích kinh tế trong khu vực ASEAN.

LỜI CẢM ƠN

Jean-Jacques Boufflet, Phó Chủ tịch phụ trách về Chính sách
Lê Thanh Bình, Trưởng phòng Chính sách

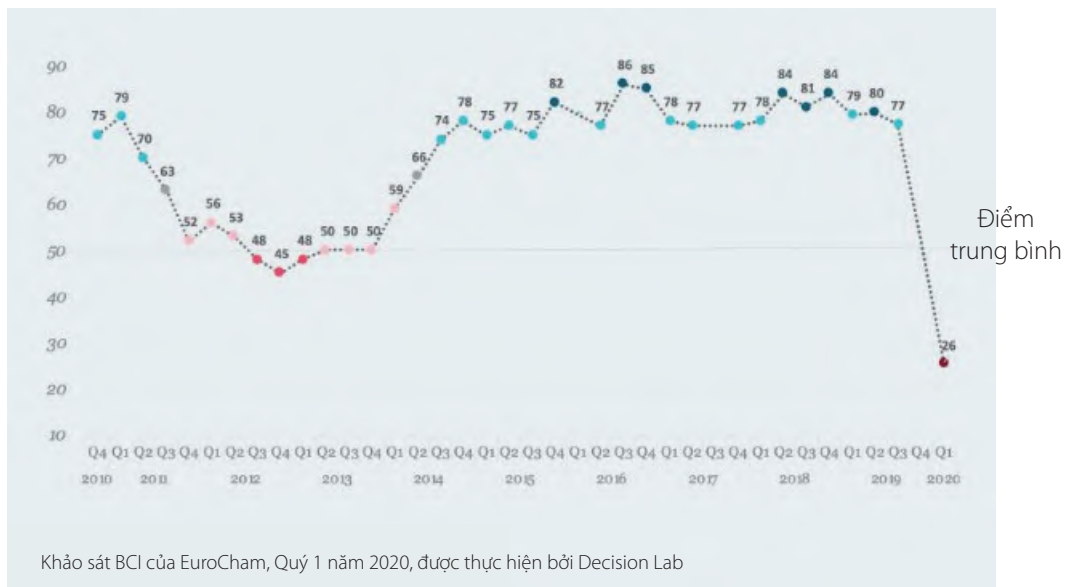


TÓM TẮT CÁC VẤN ĐỀ VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH

TỔNG QUAN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA VIỆT NAM

Thông qua Chỉ số Môi trường Kinh doanh (BCI), EuroCham đã và đang nắm bắt được nhịp điệu của các doanh nghiệp châu Âu hoạt động tại Việt Nam từ năm 2010. Kể từ năm 2014, BCI đã ghi nhận đánh giá tích cực và nhất quán trên 70%, đặc biệt năm 2018 và 2019 ở mức cao hơn 80%.

Hình 2: Chỉ số Môi trường Kinh doanh EuroCham



Chỉ số Môi trường Kinh doanh của EuroCham: Quý 1 năm 2020

Tuy nhiên, tương tự xu hướng chung trên toàn thế giới, khi đại dịch COVID-19 ảnh hưởng sâu rộng đến hoạt động đầu tư, kinh doanh toàn cầu, BCI của EuroCham cũng sụt giảm xuống mức thấp nhất từng ghi nhận (26%) vào Quý 1 năm 2020. Nguyên nhân trực tiếp cho sự đảo chiều đánh giá tích cực này là đại dịch COVID-19, không phản ánh sự phát triển của Việt Nam hay chính sách của Chính phủ. Điều này được khẳng định chắc chắn bởi doanh nghiệp thành viên EuroCham vẫn đánh giá tích cực cho đến khi đại dịch bùng nổ. Thực tế, nhờ các biện pháp hiệu quả và kịp thời của Chính phủ, bao gồm cả biện pháp bảo vệ sức khỏe cộng đồng và các gói kích thích kinh tế, một số hoạt động kinh doanh vẫn có thể duy trì ngay cả trong giai đoạn dịch COVID-19. Hiện nay, cho dù nhiều quốc gia trên thế giới vẫn đang ở giữa đại dịch tại Việt Nam hoạt động kinh doanh đang từ từ được khôi phục và kinh tế đang bắt đầu phục hồi. Vì vậy, EuroCham kỳ vọng BCI sẽ hồi phục lại mức trước đây trong thời gian tới.

EuroCham và 17 Tiểu ban Ngành nghề được thành lập với mục tiêu ủng hộ Chính phủ hồi phục nền kinh tế từ khủng hoảng và cải thiện môi trường đầu tư, thương mại Việt Nam vì lợi ích của tất cả các bên. Trong phần còn lại của chương này, chúng tôi sẽ tập trung vào các vấn đề và khuyến nghị cụ thể theo ngành mà các thành viên của chúng tôi tin rằng thông qua đó, chúng tôi sẽ góp phần xây dựng Việt Nam trở thành một điểm đến kinh doanh minh bạch, cạnh tranh và hấp dẫn hơn.

TÓM TẮT CÁC VẤN ĐỀ VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH

I. NÂNG CAO ĐIỀU KIỆN SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN

1. Diễn đàn Y tế EuroCham

a. Hợp tác để phát triển lĩnh vực khoa học đời sống

- (i) Tăng cường đối thoại giữa Chính phủ, ngành Y tế và các bên liên quan để xác định các chính sách tổng thể, một mặt giải quyết các vấn đề ngắn hạn phát sinh và mặt khác đảm bảo lợi ích cho người bệnh, đồng thời, Chính phủ cùng với ngành Y tế chung tay thực hiện thành công các hiệp định thương mại quốc tế gần đây.
- (ii) Xây dựng khung pháp lý có thể đoán định và có tầm nhìn đủ xa để thu hút các công ty nước ngoài hoạt động và trở thành đối tác lâu dài tại Việt Nam. Cần đưa ra các chính sách ưu đãi khuyến khích các công ty đa quốc gia đầu tư dài hạn cho cách ngành sản xuất địa phương, chuyển giao công nghệ, đầu tư vào năng lực địa phương và giáo dục y tế.
- (iii) Thành lập một Nhóm Công tác liên Bộ dưới sự chỉ đạo của đại diện cấp cao từ phía Chính phủ để xây dựng phương pháp tiếp cận tổng quan nhằm phát triển ngành.

b. Tiếp tục củng cố các tiêu chuẩn đạo đức trong ngành y tế nhằm tăng cường sự liêm chính và độ tin cậy

- (i) Các hiệp hội doanh nghiệp ngành nghề trong nước và quốc tế áp dụng những Bộ quy tắc Đạo đức ngành với cùng tiêu chuẩn đạo đức cao.
- (ii) Tăng cường đối thoại với tất cả các đối tượng trong lĩnh vực y tế, bao gồm cả cộng đồng y tế, để thúc đẩy tiêu chuẩn đạo đức cao.

c. Thúc đẩy hợp tác công – tư để cung cấp dịch vụ y tế chất lượng cao và xây dựng hệ thống y tế bền vững cho Việt Nam

- (i) Hợp tác Công-Tư (PPP) dựa trên dịch vụ: Xây dựng khung pháp lý (Thông tư hướng dẫn của BYT) cho các mô hình PPP trong lĩnh vực Y tế mang tính sáng tạo (lĩnh vực dịch vụ), lồng ghép vào Chiến lược Tài chính Y tế Quốc gia.
- (ii) Cùng ký kết một Biên bản Ghi nhớ để triển khai thí điểm và sàng lọc các dự án khả thi cũng như đặt nền móng cho sự hợp tác giữa hai bên.
- (iii) Chăm sóc sức khỏe tại nhà: Việt Nam nên khuyến khích việc hình thành và phát triển kế hoạch chăm sóc sức khỏe chuyên nghiệp tại nhà, theo đó cho phép các bệnh nhân tiếp cận các phương án điều trị có sự tham gia của các chuyên gia y tế, nhằm giảm thiểu tần suất đến bệnh viện, đặc biệt là đối với các bệnh nhân mắc bệnh mạn tính.

2. Thuốc Chất lượng Quốc tế – Thuốc Generic và Sinh phẩm tương tự

a. Phương án điều trị phù hợp cho bệnh nhân Việt Nam

- (i) Chính phủ cần rà soát công tác phân loại sản phẩm như dược phẩm biệt dược hay dược phẩm generic trên cơ sở kinh nghiệm và số liệu thu thập được trong những năm gần đây. Quy trình này cần phải được sửa đổi để đảm bảo đạt được các mục tiêu kỳ vọng, đồng thời không ngừng cải thiện công tác kiểm soát chi phí. Việc triển khai đánh giá trên cơ sở kinh tế học-dược phẩm giúp đảm bảo mối quan hệ chi phí/hiệu quả của sản phẩm dược phẩm được xem xét kỹ lưỡng, từ đó giúp phân bổ ngân sách chi trả hiệu quả hơn.
- (ii) BYT cần tạo điều kiện triển khai mô hình điều trị tại nhà (ngoại trú) thông qua các cơ chế hỗ trợ chi phí ưu đãi nhằm giảm số lượng bệnh nhân đổ về các bệnh viện, đặc biệt những bệnh nhân mắc các bệnh mạn tính. Tiếp tục phân loại nâng cao quy trình đấu thầu tại Việt Nam để mang lại cơ hội cải thiện, mang lại lợi ích cho Chính phủ và kiểm soát ngân sách. Đề xuất chi tiết về các lỗi hỏng được xác định trong quá trình đấu thầu và cơ hội cải thiện và các cơ quan hữu quan cần có các biện pháp đo lường khối lượng thực tế mà các nhà cung cấp phải cam kết thực hiện đúng.

b. Thuốc sinh học tương tự: Tăng cường khả năng tiếp cận của bệnh nhân tới các phương pháp điều trị tiên tiến

- (i) Chính phủ cần xem xét, sớm ban hành lộ trình quản lý cho thuốc sinh học tương tự và tạo điều kiện cho việc giới thiệu các loại thuốc sinh học tương tự chất lượng cao nhằm giảm chi phí y tế và cân bằng các kỳ vọng chăm sóc sức khỏe cho bệnh nhân.
- (ii) Cần đánh giá lại các loại “thuốc sao chép” (biocopies) chưa được cơ quan quản lý phê duyệt theo lộ trình quản lý áp dụng cho sinh phẩm tương tự sau khi lộ trình quản lý trong nước cho thuốc sinh học tương tự được ban hành.
- (iii) Tiểu ban IQMED – Generic và Sinh phẩm tương tự cam kết hỗ trợ Chính phủ và các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc đưa ra các hướng dẫn và quy định về quản lý liên quan đến sinh phẩm tương tự của EMA, FDA Hoa Kỳ, WHO và các thành viên của ASEAN cũng như sẵn sàng hỗ trợ đào tạo về xác minh đăng ký sinh phẩm tương tự cho các chuyên gia tại Bộ Y tế.

c. Chuyển giao công nghệ, sản xuất gia công và sản xuất trong nước

- (i) Chính phủ Việt Nam cần thực hiện 3 thay đổi lớn để hỗ trợ cho sáng kiến chuyển giao công nghệ tại Việt Nam: (1) Cơ chế đăng ký nhanh cho tất cả các sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn EU-GMP hoặc các dây chuyền sản xuất tương đương với lộ trình thời gian rõ ràng cho các bước cụ thể; (2) Chính phủ cần đảm bảo lợi ích rõ ràng cho các nhà sản xuất áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng cao như EU-GMP và tiêu chuẩn tương đương bằng cách đặt ra quy định về bảo đảm hạn ngạch sử dụng tương ứng, ví dụ như hợp đồng dài hạn dựa trên khối lượng, phương pháp tính điểm cao hơn trong đấu thầu; (3) Đưa ra những cải tiến và ưu đãi thực hiện chuyển giao công nghệ như: thủ tục hải quan ngắn gọn và rõ ràng; Áp dụng các tiêu chuẩn Thực hành Tốt Phân phối Thuốc (GDP) để đảm bảo các điều kiện vận chuyển phù hợp từ nước ngoài đến Việt Nam và vận chuyển trong nước; Danh sách các nhà cung cấp các loại dược phẩm và tá dược (API) được phê duyệt; Cho phép tất cả các công ty chuyển giao công nghệ được áp dụng ưu đãi thuế và các điều kiện thuận lợi về môi trường trong cả nước.

3. Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán**a. Việc áp dụng không nhất quán các quy định về thuế Giá trị gia tăng đối với trang thiết bị y tế nhập khẩu**

- (i) Tổng Cục Thuế và Tổng Cục Hải quan cần thống nhất thực hiện quy định về phân loại TTBYT nhập khẩu theo Nghị định 36/2016/NĐ-CP và Nghị định 169/2018/NĐ-CP; thống nhất áp dụng một mức thuế GTGT đối với TTBYT nhập khẩu; sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện việc áp dụng thuế suất thuế GTGT cho TTBYT trong thời gian sớm nhất; và nhanh chóng sửa đổi quy định về thuế GTGT cho TTBYT trong Thông tư 26/2015/TT-BTC và Thông tư 83/2014/TT-BTC.

b. Dịch vụ bảo trì cho thiết bị y tế công nghệ cao

- (i) Khuyến nghị Chính phủ yêu cầu chủ sở hữu TTBYT đánh giá tình trạng của thiết bị về hiệu suất, lịch sử hoạt động bảo trì, hiệu chuẩn, kiểm chuẩn và báo cáo cho cơ quan chức năng để đánh giá hoạt động hiện tại có đáp ứng yêu cầu, khuyến cáo của nhà sản xuất hay không. Nếu không, cần đưa ra biện pháp khắc phục và kế hoạch triển khai mới.
- (i) Chính phủ cần tiến hành thanh kiểm tra và có hình thức xử phạt phù hợp đối với các cơ sở y tế không đáp ứng các yêu cầu như được đề cập trong Chương VIII, Nghị định 36/2016/NĐ-CP; đưa ra hướng dẫn rõ ràng về tiêu chí bảo trì, quy trình mua sắm, chiến lược phân bổ ngân sách cho sửa chữa và thay thế TTBYT; xây dựng khung pháp lý quản lý hệ thống và giải pháp phức tạp, yêu cầu áp dụng quy định và thực hành tốt, bao gồm quy định về đánh giá năng lực của các đơn vị thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, cung cấp các phụ kiện chính hãng và tương thích với hệ thống chính.
- (i) Cần xem xét và có cơ chế cho các cơ sở y tế ký hợp đồng bảo hành mở rộng bao gồm cho cả phụ kiện, vật tư tiêu hao và nhân lực đạt yêu cầu trong thời hạn 5 năm.

c. Quản lý trang thiết bị y tế

- (i) Chính phủ và các cơ quan cần nghiên cứu hình thức hợp tác công-tư đặc thù cho ngành y tế hiện nay và đưa ra các mô hình xã hội hóa đa dạng và phù hợp với thực tế.

- (ii) Trong thời gian sớm nhất cần ban hành văn bản chính thức thống nhất giữa các bên liên quan (BYT, BTC, BHXH) về mô hình đặt máy tại bệnh viện công nhằm tạo hành lang pháp lý công khai và minh bạch.
- (iii) Cần tiến hành phổ biến các văn bản, huấn luyện các bên liên quan giúp các đơn vị thấu hiểu chính sách rõ ràng để thực hiện đúng và tuân thủ theo pháp luật.
- (iv) Chúng tôi khuyến nghị hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe tại nhà chính thức thông qua các chính sách hỗ trợ phù hợp.
- (v) Chúng tôi đề xuất xây dựng đề án toàn diện để phát triển bệnh viện thông minh và chuyển đổi số trong ngành y tế.

4. Dược phẩm

Một cơ hội đang được mở ra để Việt Nam có thể chuyển đổi toàn ngành y tế và trở thành quốc gia dẫn đầu trong khối ASEAN về hệ thống chăm sóc sức khỏe chất lượng cao trong thập kỷ tới. Pharma Group và 22 thành viên của chúng tôi rất trân trọng cơ hội được tham gia lộ trình nhằm thể hiện trọn vẹn tiềm năng của Việt Nam.

a. Khám phá tiềm năng của ngành Dược phẩm phát minh

Để tạo được một bước đột phá, chúng tôi mong đợi Chính phủ có một định hướng rõ ràng trong việc xác định ngành dược là một trong những ngành cần ưu tiên phát triển. Yếu tố để bảo đảm thành công đầu tiên và quan trọng nhất là việc thành lập một cơ quan liên bộ phụ trách giám sát công việc phát triển chiến lược dài hạn và thực hiện các chính sách liên quan trong các lĩnh vực trọng tâm sau:

- (i) Thúc đẩy phát minh, đổi mới sáng tạo và tạo điều kiện để Việt Nam trở thành một trung tâm Nghiên cứu & Phát triển hàng đầu trong khu vực, bằng cách thu hút đầu tư vào các hoạt động thử nghiệm lâm sàng, bước đầu để nâng cao năng lực Nghiên cứu & Phát triển;
- (ii) Tạo điều kiện để Việt Nam trở thành điểm đến lựa chọn đầu tư trong các hoạt động sản xuất và chuyển giao công nghệ trong khu vực;
- (iii) Phát triển và vận hành cơ sở hạ tầng y tế kỹ thuật số hàng đầu.

Chiến lược Quốc gia 2020-2030, tầm nhìn 2045 sắp tới là thời cơ thích hợp để xây dựng một kế hoạch hành động toàn diện với các chính sách ưu đãi hấp dẫn để thu hút thêm đầu tư và đảm bảo tính dự báo và tính nhất quán của môi trường pháp lý.

b. Các yếu tố hỗ trợ tức thời để đẩy nhanh khả năng tiếp cận của bệnh nhân và tạo tiền đề cho việc thu hút thêm đầu tư

- (i) Tiếp cận nhanh chóng và bền vững với thuốc phát minh

Quy trình đăng ký thuốc:

- Đảm bảo sự hài hòa giữa các yêu cầu hành chính, như đối với Giấy chứng nhận Sản phẩm Dược, với các hướng dẫn và thông lệ quốc tế;
- Đảm bảo thẩm định hồ sơ và cấp Giấy đăng ký lưu hành theo đúng thời hạn quy định trong Luật Dược và các văn bản hướng dẫn liên quan, thông qua việc nâng cao năng lực, gia tăng nguồn lực và củng cố quy trình vận hành tiêu chuẩn (SOP) hiệu quả.
- Hoàn thiện và vận hành đầy đủ hệ thống nộp hồ sơ trực tuyến.
- Áp dụng Cơ chế một (01) giấy Đăng ký lưu hành (ĐKLH) xuyên suốt vòng đời sản phẩm và chỉ cần nộp phí duy trì giấy ĐKLH, thay vì yêu cầu nộp hồ sơ gia hạn định kỳ mỗi 5 năm như hiện nay, cơ chế này cũng đang được áp dụng tại các nước trên thế giới, bao gồm các nước trong khu vực ASEAN như Singapore, Thái Lan và Malaysia.
- Đưa ra cơ chế thẩm định nhanh để cấp giấy Đăng ký lưu hành tại Việt Nam cho các loại thuốc mới đã được các Cơ quan Quản lý Dược Tham chiếu (RRA)/Cơ quan Quản lý Dược Chặt chẽ (SRA) phê duyệt và cho phép các loại thuốc này được tự động được đưa vào Danh mục thuốc biệt dược gốc và xem là đáp ứng điều kiện

để đưa vào Danh mục thuốc thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT.

Danh mục thuốc thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT:

- Đảm bảo Danh mục thuốc thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT được rà soát và cập nhật thường xuyên, qua phương thức cập nhật bổ sung liên tục hoặc ít nhất mỗi sáu tháng một lần.
- Đối với thuốc phát minh đã được các Cơ quan quản lý dược tham chiếu (RRA)/Cơ quan quản lý dược chặt chẽ (SRA) phê duyệt, ngay sau khi nhận được giấy ĐKXH tại Việt Nam sẽ tự động được đưa vào Danh mục.

Mua sắm Chính phủ:

- Xét đến các mục tiêu về ngân sách y tế của Chính phủ, chúng tôi khẩn thiết đề nghị việc thực hiện cơ chế Đàm phán giá, như đã được quy định trong các văn bản pháp lý và được chứng minh là một giải pháp tối ưu đối với việc mua sắm các thuốc biệt dược gốc, bao gồm thuốc biệt dược gốc hết thời hạn bảo hộ.
- Thẩm định đúng thời hạn, công bố và cập nhật kịp thời Danh mục thuốc biệt dược gốc.

Chương trình hỗ trợ thuốc cho bệnh nhân:

- Đảm bảo có các quy trình rõ ràng để tạo điều kiện cho việc triển khai thông suốt các Chương trình hỗ trợ thuốc cho bệnh nhân đối với các công ty (bao gồm cơ sở FIE nhập khẩu), hiệp hội và bệnh viện;
- Miễn trừ thuế đối với các sản phẩm phục vụ mục đích hỗ trợ bệnh nhân, các hoạt động viện trợ, mục đích nhân đạo, v.v.

(ii) Các yếu tố hỗ trợ cho việc thu hút đầu tư

- Chúng tôi mong muốn được thảo luận thêm với Chính phủ về khả năng có được sự linh hoạt hơn trong lựa chọn của các doanh nghiệp về các lĩnh vực hoạt động (phạm vi hoạt động) của các cơ sở kinh doanh dược (cơ sở FIE nhập khẩu), ví dụ như hoạt động gia công thuốc, hoạt động thử nghiệm lâm sàng, hợp tác với đối tác Việt Nam v.v., và các ưu đãi để thu hút thêm đầu tư.
- Đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ và dữ liệu đăng ký được bảo hộ và thực thi hiệu quả.

c. Một hệ thống tài chính y tế bền vững

- Với kinh nghiệm chuyên môn từ các hoạt động toàn cầu, chúng tôi mong được trở thành một đối tác tin cậy của Chính phủ liên quan đến các mục tiêu chung về cải thiện chất lượng sức khỏe cho người dân, song song với việc duy trì tốt cân bằng tài chính và thúc đẩy phát triển ngành.
- Cơ quan liên bộ: Quy trình ban hành các thông tư hướng dẫn cần được giám sát bởi một cơ quan liên bộ một cách tiếp cận toàn diện để bảo đảm các văn bản hướng dẫn này có thể thực hiện được một cách hiệu quả và có thể dự báo được.
- Dựa trên giá trị: thúc đẩy mô hình RWE (Bằng chứng Thực tế) và các mô hình dựa trên giá trị khác để đảm bảo giá trị của thuốc phát minh và/hoặc các giải pháp mới để quản lý bệnh, đặc biệt thông qua việc định giá, được xác định dựa trên giá trị mang lại từ các sản phẩm này chứ không phải đơn thuần dựa trên chi phí.
- Khuyến khích quan hệ đối tác và cho phép khu vực tư nhân có vai trò tích cực hơn: thông qua các gói bảo hiểm y tế đa dạng hơn, nhằm tăng thêm lựa chọn và khả năng tiếp cận cho bệnh nhân với những nhu cầu đa dạng.
- Xây dựng và triển khai Chiến lược y tế số quốc gia: như một nền tảng cho sự chuyển đổi của hệ thống y tế Việt Nam.

5. Ngành Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản

a. Sử dụng kháng sinh hợp lý và phù hợp trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam

- Chúng tôi khuyến nghị tăng cường quy định và kiểm tra ghi nhãn sản phẩm kháng sinh, loại bỏ chỉ định sử dụng kháng sinh với mục đích phòng ngừa. Trong mọi trường hợp, các sản phẩm nên chỉ ra rõ thời gian

đào thải thuốc đối với thịt, trứng và sữa. Ngoài ra cũng nên hạn chế khả năng tiếp cận thuốc kháng sinh của người dùng vì điều này có tầm quan trọng vô cùng to lớn đối với sức khỏe con người trong việc sử dụng thịt động vật làm thức ăn. Trong giai đoạn đầu khuyến nghị nên cấm sử dụng colistin, và việc phát triển các chính sách phục vụ cho mục đích này nên được ưu tiên cũng như hành động nâng cao nhận thức trong cho người nông dân.

b. Tiến tới việc cấm chất azodicarbonamide trong công nghiệp thực phẩm

- (i) FAABS khuyến nghị cấm azodicarbonamide (ADA) khỏi danh sách chất phụ gia được sử dụng nhằm đảm bảo nó không còn trên thị trường.
- (ii) Nếu Cục Quản lý Thực phẩm Việt Nam quyết định duy trì ADA như một phần của danh sách các chất được sử dụng thì việc sử dụng phải được quy định trong luật, cho phép người tiêu dùng nhận thức được những gì đang được sử dụng. Ngày nay, Codex Alimentarius coi ADA là một chất phụ gia được khuyến nghị cần phải giới hạn sử dụng cụ thể là về liều lượng.
- (iii) Cho dù lệnh cấm hay quy định chặt chẽ hơn được thực hiện, cần áp dụng một giai đoạn chuyển tiếp, để các nhà sản xuất và thợ làm bánh trong nước điều chỉnh trước khi thực thi pháp luật.

c. Sử dụng thuốc trừ sâu hợp lý trong sản xuất rau quả ở Việt Nam và phát triển ngành nông nghiệp hữu cơ.

Khuyến nghị tiếp tục siết chặt công tác quản lý thuốc bảo vệ thực vật hóa học từ các khâu đăng ký, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển đến sử dụng, giới thiệu các luật và quy định liên quan đến sản xuất và sản phẩm hữu cơ, đồng thời không đăng ký các thuốc bảo vệ thực vật có độ độc cao cũng như loại bỏ các thuốc bảo vệ thực vật có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe con người, môi trường và sinh thái; thúc đẩy phát triển thuốc bảo vệ thực vật sinh học hướng tới nền nông nghiệp hữu cơ phục vụ người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

d. Cơ hội vàng để tái cấu trúc ngành chăn nuôi liên kết với nhu cầu: Một chính sách Nông Nghiệp – Thực Phẩm toàn diện

- (i) Chúng tôi đề xuất một cách tiếp cận ba giai đoạn để lập kế hoạch chăn nuôi liên kết với nhu cầu như sau: Giai đoạn 1: Hiểu và dự báo nhu cầu, hoạt động xuất nhập khẩu, cụ thể là: tổng lượng tiêu thụ protein tại Việt Nam; hoạt động xuất nhập khẩu biên giới tại Việt Nam; tiềm năng xuất khẩu; hoạch định nhập khẩu; và tình hình giao thương toàn cầu. Giai đoạn 2: Xem xét các mục tiêu dài hạn của ngành chăn nuôi khi tái cơ cấu lại quy hoạch nông nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn trong các vấn đề như sau: truy xuất nguồn gốc, an toàn và an ninh lương thực, và cải thiện mức sống của nông dân. Giai đoạn 3: Xây dựng kế hoạch chăn nuôi năm 2030 trong việc xem xét tổng thể tất cả các phân ngành và tích hợp vào một chính sách Nông Nghiệp – Thực Phẩm toàn diện.
- (ii) Chính sách Nông Nghiệp – Thực Phẩm toàn diện mới phải bao gồm tất cả các phân ngành quan trọng đối với an ninh lương thực của Việt Nam bao gồm gạo, thủy sản, chăn nuôi, trồng trọt, nông nghiệp giá trị cao, hóa chất nông nghiệp và du lịch nông nghiệp.

6. CropLife Việt Nam

a. Thúc đẩy nền nông nghiệp bền vững

- (i) Thực thi một hệ thống chính sách và quản lý rõ ràng, dựa trên cơ sở khoa học và có tính định đoán được để tiếp tục thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài cần thiết, tiếp cận kịp thời những phương pháp kỹ thuật đổi mới trong nông nghiệp:
 - Sẵn sàng hợp tác và thảo luận với Chính phủ về lộ trình pháp lý hướng tới mục tiêu giảm 30% số sản phẩm BTVT được đăng ký của Chính phủ mà không làm giảm tính bền vững và khả năng cạnh tranh của nền nông nghiệp Việt Nam;
 - Yêu cầu một quy trình đánh giá đầy đủ việc cắt giảm sản phẩm thuốc BTVT. Quy trình này cần được có sự tư vấn của các chuyên gia khoa học và áp dụng lộ trình phù hợp theo các phương pháp và tiêu chuẩn được quốc tế chấp nhận;
 - Nông dân cần được khuyến khích sử dụng các sản phẩm BTVT tiên tiến, an toàn và hiệu quả thông qua các chương trình đào tạo và tập huấn phù hợp;



- Chính phủ cần thúc đẩy quá trình phê duyệt cho các sản phẩm cây trồng BĐG mới theo quy định để đảm bảo không có bất cứ gián đoạn thương mại và trở ngại nào có thể xảy ra đối với việc nhập khẩu. Điều này có thể dẫn tới các hệ lụy kinh tế lâu dài và gây tổn thất cho các công ty thương mại và người tiêu dùng, cụ thể là hàng triệu nông dân Việt Nam, các đơn vị sản xuất thịt lợn, gia cầm, và thủy sản cũng như các công ty sản xuất thực phẩm; và
 - Tạo điều kiện đẩy mạnh các cơ hội đối thoại mang tính xây dựng để giải quyết bất cứ quan ngại/ chủ đề nào mà Chính phủ Việt Nam quan tâm đối với chủ đề này.
- (ii) Tiểu ban CropLife cam kết tiếp tục thúc đẩy tầm nhìn phát triển nông nghiệp bền vững của Việt Nam thông qua các chương trình tập huấn sử dụng sản phẩm có trách nhiệm và khuyến khích ứng dụng cải tiến khoa học trong Nông nghiệp.

b. An toàn thực phẩm: Quản lý dư lượng sản phẩm BVTV trên nông sản

- (i) Xây dựng khung pháp lý có tính thực thi dựa trên cơ sở khoa học và hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế;
- (ii) Cho phép đăng ký và sử dụng bất kỳ sản phẩm BVTV nào trừ khi có những rủi ro không thể chấp nhận được về an toàn của người tiêu dùng, nông dân, hoặc môi trường. Việc sử dụng sản phẩm BVTV không nên bị hạn chế bởi các tiêu chí chưa có tiền lệ áp dụng và không hợp lý như việc sử dụng phân loại GHS để làm ngưỡng giới hạn và sử dụng PHI để áp dụng các hạn chế đối với các loại cây trồng cụ thể.
- (iii) Việt Nam hiện đang sử dụng CODEX và ASEAN EWG-MRL để thiết lập tiêu chuẩn quốc gia về giới hạn dư lượng thuốc BVTV tối đa (MRL) (Thông tư 50/2016/TT-BYT của Bộ Y tế). EuroCham và CropLife sẵn sàng hỗ trợ các cơ quan thuộc chính phủ Việt Nam (Bộ NN&PTNT, Cục Bảo vệ Thực vật) trong việc xây dựng quy định phù hợp với thông lệ quốc tế để quản lý dư lượng thuốc BVTV không vượt quá MRL quốc gia;
- (iv) Xây dựng cơ sở dữ liệu MRL và các yêu cầu của các quốc gia nhập khẩu đối với sản phẩm nông nghiệp để giúp nông dân/nhà xuất khẩu dễ dàng tiếp cận thị trường;
- (v) Duy trì và tăng cường quan hệ hợp tác và nỗ lực chung giữa Chính phủ Việt Nam, ngành bảo vệ thực vật quốc gia và các bên liên quan để thúc đẩy sử dụng các sản phẩm BVTV đúng cách và an toàn, Các Biện pháp Thực hành Nông nghiệp Tốt (GAP) cũng cần được duy trì và đẩy mạnh;
- (vi) Chính phủ Việt Nam cần nỗ lực nhiều hơn để giám sát thị trường nội địa, bao gồm các vấn đề liên quan đến dư lượng sản phẩm BVTV trong các mặt hàng nông sản và thực thi các quy định hiện hành về ghi nhãn hàng hóa và cung cấp thông tin hướng dẫn sử dụng rõ ràng để đảm bảo việc sử dụng chính xác và an toàn bởi nông dân.

c. Hàng giả và hàng kém chất lượng

- (i) Nâng cao kiến thức và trách nhiệm của cán bộ cấp cơ sở về Luật Sở hữu Trí tuệ và các quy định hướng dẫn để hỗ trợ việc phát hiện và tránh vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trên thị trường;
- (ii) Áp dụng hình phạt nghiêm khắc với hành vi phạm tội trong sản xuất và buôn bán thuốc BVTV giả;
- (iii) Tăng cường theo dõi và giám sát nghiêm ngặt hơn việc sử dụng các chất BVTV;
- (iv) Thực hiện kiểm tra, kiểm soát và quản lý chặt chẽ các trường hợp nghi ngờ vi phạm;
- (v) Thực thi các quy định hiện hành về sử dụng sản phẩm giả và sản phẩm bất hợp pháp;
- (vi) Thực thi các quy định hiện hành về nhãn mác và thông tin hướng dẫn rõ ràng để giúp nông dân sử dụng chính xác và an toàn;
- (vii) Nâng cao nhận thức của người nông dân, nhà sản xuất và doanh nghiệp bán lẻ về tình trạng sử dụng thiếu trách nhiệm hàng giả và hàng kém chất lượng;
- (viii) Phối hợp với khối tư nhân, tổ chức tập huấn cho người nông dân, nhà sản xuất và doanh nghiệp bán lẻ để hạn chế việc sử dụng hàng giả và hàng kém chất lượng.

7. Tăng trưởng Xanh

a. Kinh tế tuần hoàn

- (i) Chúng tôi đề xuất Việt Nam xây dựng nền tảng vững chắc để trong tương lai có thể áp dụng mô hình Kinh tế tuần hoàn. Để có thể áp dụng rộng rãi mô hình Kinh tế Tuần hoàn cần có sự điều phối và hỗ trợ của Chính phủ để khuyến khích đóng góp từ khu vực tư nhân.
- (ii) Quản lý chất thải: tiếp tục thực thi nghiêm minh các quy định về quản lý chất thải và xét xử công bằng các hành vi không tuân thủ; hoàn thiện khung pháp lý về quản lý chất thải; tiếp tục hỗ trợ môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tuân thủ; nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý chất thải rắn và thúc đẩy giảm thiểu - tái chế - tái sử dụng; phối hợp với khu vực tư nhân trong quá trình sửa đổi khung pháp lý và đưa vào triển khai một kế hoạch chống rác thải nhựa.
- (iii) Xử lý ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa: Cần có những quy định chặt chẽ hơn nếu Việt Nam đặt mục tiêu cấm hoàn toàn các sản phẩm nhựa không phân hủy sinh học sử dụng một lần từ năm 2025.
 - Khuyến khích Việt Nam áp dụng các quy định của EU và đảm bảo thực thi nghiêm ngặt các hình phạt đối với các trường hợp vi phạm quy định.
 - Việc phân loại chất thải sinh hoạt có thể được áp dụng cho một dự án thí điểm ở một hoặc hai thành phố trước khi được nhân rộng trên toàn quốc.
 - Bên cạnh giảm thiểu túi nhựa dùng một lần, cần đồng thời hạn chế các sản phẩm nhựa không phân hủy sinh học khác và chuyển sang sử dụng chất liệu có thể phân hủy hoàn toàn.
 - Hợp tác với khu vực tư nhân và các tổ chức quốc tế đang tích cực tham gia giải quyết vấn đề ô nhiễm từ chất thải nhựa cần được tăng cường.
- (iv) Giải pháp xử lý nước thải:
 - Các quy định về nước thải: Áp dụng các hình phạt nghiêm khắc đối với các khu công nghiệp xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường; Khuyến khích, xây dựng hướng dẫn và quy trình chuẩn về tái sử dụng nước đã qua xử lý cho tưới tiêu và các nhu cầu công nghiệp khác.
 - Khu vực tư nhân tham gia đảm bảo an ninh nguồn nước: Chuyển sang mô hình tính giá theo nhu cầu sử dụng đối với xử lý nước thải; Phối hợp thực hiện các quy định về xử lý nước thải và phí bảo vệ môi trường để loại bỏ yếu tố chưa rõ ràng; và tạo điều kiện bền vững cho các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh nước.
- (v) Quản lý chất lượng môi trường không khí: Đưa ra chính sách rõ ràng và các mục tiêu cụ thể để kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; cân nhắc tăng thuế bên cạnh những sắc thuế và phí, lệ phí hiện đang áp dụng đối với các nhà máy nhiệt điện than, nhà máy xi măng và các nguồn ô nhiễm chính khác; đẩy mạnh phát triển giao thông công cộng để giảm ô nhiễm không khí. Khu vực tư nhân sẵn sàng đóng góp kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn từ Liên minh châu Âu.

b. Các công trình xanh và sử dụng năng lượng hiệu quả trong tòa nhà

- (i) Thực thi các chính sách khuyến khích phát triển công trình sử dụng hiệu quả năng lượng và công trình xanh; bao gồm cả công trình có vốn đầu tư công; và đẩy mạnh áp dụng các giải pháp quy hoạch, kiến trúc, sử dụng vật liệu, hệ thống kỹ thuật và quản lý công trình nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
- (ii) Thực hiện và đẩy mạnh việc áp dụng các giải pháp gạch không nung thông qua Hội Vật liệu Xây dựng Việt Nam (VABM).
- (iii) Các thành viên EuroCham, là những đối tượng tiêu dùng điện với khối lượng lớn, khuyến nghị một khung giá rõ ràng hơn khung giá bán lẻ điện bình quân được Thủ tướng Chính phủ ban hành công khai cho từng thời kỳ.
- (iv) Cần có một mô hình mẫu thiết kế một quy hoạch đô thị rõ ràng, trong đó không chỉ có các giải pháp về công



trình xanh mà cả các giải pháp cải thiện các vấn đề về nước, chất thải, giao thông, cải thiện môi trường sinh sống. Chương trình ưu đãi và chính sách ở cấp vĩ mô có thể giúp Việt Nam hướng tới các mục tiêu xây dựng thành phố thông minh và bền vững.

8. Ngành năng lượng và điện lực

- (i) Phân bổ rủi ro công bằng hơn giữa các nhà đầu tư tư nhân và đối tác của cơ quan nhà nước; Thúc đẩy đầu tư vào lĩnh vực sử dụng năng lượng hiệu quả và hoạt động sản xuất điện phân tán của đối tượng tiêu thụ điện, thông qua xây dựng một hệ thống định giá điện vận hành theo thị trường trong khuôn khổ Quy hoạch điện VIII; tập trung vào các lĩnh vực đầu tư có thể khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân trong quá trình xây dựng Quy hoạch điện VIII.
- (ii) Chúng tôi tiếp tục khuyến nghị Bộ Công Thương (BCT) cân nhắc khuyến nghị tăng mức miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực cho dự án phát điện có công suất lắp đặt từ dưới 1 MW lên mức 3MW để người dân có thể được hưởng lợi ích khi đầu tư vào hệ thống điện mặt trời áp mái trong thông tư thay thế Thông tư 12/2017/TT-BCT. Chúng tôi cũng khuyến nghị BCT và BCT cần đặc biệt lưu ý xử lý nhanh và làm rõ việc khi nào có thể thanh toán cho sản lượng điện bán cho đơn vị điện lực.
- (iii) BCT cần cân nhắc việc phát triển điện gió ngoài khơi với quy mô lớn và xác định lộ trình giá điện cho biểu giá điện FIT và hệ thống đấu giá minh bạch có thể áp dụng ít nhất đến năm 2025 để thu hút đầu tư nước ngoài.
- (iv) Các nhà máy điện với hệ thống quản lý tài sản năng lượng bằng chương trình lưu trữ “Behind the meter” (BTM) nên được miễn yêu cầu phải có giấy phép hoạt động điện lực nếu công suất chưa vượt quá 50MW; không bắt buộc phải xin phê duyệt trong Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia; nhưng cần thông báo kịp thời cho EVN về thời điểm đưa nhà máy điện vào vận hành.
- (v) Về năng lượng mặt trời và điện gió chúng tôi tin rằng Việt Nam nên cân nhắc 2 hướng phát triển: các nhà máy điện xa bờ kết hợp cùng năng lượng pin. Chúng tôi tiếp tục đề nghị BCT sớm hoàn thành việc cổ phần hóa các tổng công ty phát điện EVN GENCO và triển khai thị trường bán buôn điện trong năm 2020.
- (vi) Chúng tôi khuyến nghị làm rõ quy trình phê duyệt dự án các nhà máy phát điện mới có đấu nối vào lưới điện ở Việt Nam, mà chúng tôi hy vọng sẽ theo hướng tinh giản các quy trình phê duyệt và cấp phép.

II. GIA TĂNG LỰA CHỌN CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG

1. Rượu vang và Rượu mạnh

a. Hiệp định thương tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam

- (i) Chính phủ và Bộ Tài chính cần ban hành Biểu thuế ưu đãi đặc biệt để giảm thuế theo lộ trình đã cam kết. Biểu thuế này sẽ có hiệu lực ngay khi hai bên hoàn tất quy trình phê duyệt. Mặc dù có thể có sự chậm trễ trong việc ban hành văn bản này, Chính phủ Việt Nam cần quy định rõ các điều kiện và đảm bảo quyền lợi của các doanh nghiệp được hưởng lợi từ thuế ưu đãi theo thỏa thuận theo đúng lịch trình đã cam kết trong Hiệp định.
- (ii) Bộ Tài chính, Tổng Cục Hải quan từ cấp trung ương đến địa phương cần ban hành các quy định và hướng dẫn để làm rõ các hướng dẫn cụ thể về tài liệu và hồ sơ theo quy định của Hiệp định EVFTA để doanh nghiệp có thể hoàn thành thủ tục thông quan và giảm thuế ngay khi EVFTA có hiệu lực.
- (iii) Việc ban hành hướng dẫn thực hiện các quy định và hướng dẫn về Quy tắc Xuất xứ đặc biệt đối với hàng hóa được vận chuyển qua các cảng trung gian ở quốc gia thứ ba của EVFTA (như Singapore hoặc Hồng Kông), nên xem xét những vấn đề sau: Chứng nhận Xuất xứ Hàng hóa (COO), trung chuyển hàng hóa qua nước thứ ba, Hóa đơn xuất bởi bên thứ 3, gia hạn thời hạn bổ xung Giấy Chứng nhận Xuất xứ Hàng hóa trong thời gian chờ văn bản hướng dẫn được ban hành, yêu cầu đối với chứng từ cho những lô hàng đến Việt Nam trong giai đoạn kể từ ngày Hiệp định EVFTA có hiệu lực và trước khi văn bản hướng dẫn tiếng Việt có hiệu lực.

b. Chính sách Thuế tiêu thụ đặc biệt

- (i) Bộ Tài chính chính tham vấn cho Chính phủ Việt Nam để duy trì khả năng dự đoán và ổn định của hệ thống chính sách thuế TTĐB hiện tại để tạo điều kiện cho hoạt động của các doanh nghiệp nước ngoài nói chung và cộng đồng doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam nói riêng.

c. Chính sách xã hội và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ngành rượu (CSR)

- (i) Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh mong muốn được đối thoại và thảo luận cởi mở với tất cả các bên liên quan nhằm đánh giá các hoạt động đã thực hiện trong ba năm vừa qua để xây dựng một chiến lược truyền thông với công chúng về vai trò của APIWSA trong đóng góp vào giải pháp uống có trách nhiệm; tập trung vào các quan ngại chính của quốc gia: lái xe sau khi uống, sử dụng đồ uống có cồn trước tuổi và sử dụng đồ uống quá cồn quá mức; đảm bảo các đối tác trách nhiệm xã hội hiểu các mục tiêu về chính sách của chúng tôi trong mặt dài hạn.

2. Ngành Công nghiệp Ô tô**a. Các chính sách hỗ trợ về thuế trong dịch COVID-19**

- (i) Để ngành công nghiệp ô tô duy trì việc làm cho người lao động và hoạt động của doanh nghiệp cho đến khi phục hồi từ COVID-19, Bộ Tài chính cần cho phép thông quan một phần bằng cách lại ủy quyền cho các kho ngoại quan đối với xe mới nhập khẩu nguyên chiếc cho đến tháng 12 năm 2020.
- (ii) Chúng tôi đề nghị xóa bỏ phân biệt đối xử trong áp dụng giảm thuế, thay vì chỉ áp dụng giảm 50% lệ phí trước bạ cho xe lắp ráp trong nước thì áp dụng cho tất cả doanh nghiệp nhập khẩu, lắp ráp và phân phối ô tô mới. Ngoài ra, chúng tôi khuyến nghị giảm 50% thuế GTGT và lệ phí trước bạ.

b. Yêu cầu kiểm định đối với ngành kinh doanh ô tô

- (i) Chúng tôi nhấn mạnh khuyến nghị chỉ kiểm tra 1 lần cho lần thông quan đầu tiên cho các bộ phận và thiết bị nhập khẩu, và tiếp tục công nhận giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại có giá trị của UNECE/ECE và/hoặc báo cáo kiểm định đính kèm sản phẩm, đặc biệt khi EVFTA đi vào hiệu lực trong năm 2020.
- (ii) Xem xét sửa đổi phạm vi Thông tư 05/2019/TT-BTTTT nhằm tuân thủ đúng các mục tiêu giảm thiểu thủ tục hành chính của Chính phủ. Đối với những phụ tùng không thuộc xe nhập khẩu CBU hoặc lắp ráp CKD đã được kiểm định, chứng nhận chỉ nên được tiến hành một lần, áp dụng cho lần đầu nhập khẩu. Để tối giản thủ tục hành chính cho nhà nhập khẩu, cơ quan hải quan nên được phép giải phóng một phần lô hàng chứa tất cả các phụ tùng không ảnh hưởng theo Thông tư 05 thay vì chặn toàn bộ lô hàng.
- (iii) Xem xét sửa đổi Nghị định 53/2018/NĐ-CP để cung cấp định nghĩa rõ ràng về đối tượng hàng hóa thuộc phạm vi quản lý, để các nhà nhập khẩu ô tô cập nhật giấy phép kinh doanh cho phù hợp.

c. Xe điện

- (i) Để thúc đẩy việc áp dụng xe điện, chúng tôi đề nghị: (1) Nhằm đẩy nhanh thử nghiệm công nghệ, một số chính sách miễn thuế cho xe điện nhập khẩu CBU cần được áp dụng cho cả nhà nhập khẩu CBU và nhà lắp ráp CKD có thiện chí triển khai phối hợp với đối tác tại Việt Nam; (2) Bãi bỏ thuế nhập khẩu cho xe điện, xe kết hợp nhập khẩu CBU và bộ linh kiện lắp ráp, nguyên vật liệu gốc và thiết bị sản xuất nhập khẩu để sản xuất và lắp ráp xe điện; (3) Bãi bỏ thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng cho xe điện; (4) Cần hỗ trợ chi phí chuyển giao công nghệ, và hỗ trợ Tập đoàn Điện lực Việt Nam phát triển hệ thống sạc điện tại các đô thị lớn nhằm phát triển hệ thống đô thị thông minh.
- (ii) Các cơ quan chức năng nên được phép cho phép: Miễn phí sử dụng đất trong 15 năm từ lúc khởi công dự án; giảm 50% phí sử dụng đất trong 5 năm tiếp theo; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 10 năm sau khi lắp ráp thành công xe điện nội địa đầu tiên và giảm 50% thuế cho 10 năm tiếp theo; giảm 50% thuế cho 5 năm tiếp theo; giảm 50% phí đăng ký xe điện; áp dụng 2% phí chuyển giao quyền sở hữu cho người xe điện cá nhân, và miễn phí cho xe buýt/xe tải điện.



d. Giới hạn chuyển khẩu đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài

Theo đúng cam kết tại EVFTA (Điều 4.6 về Quá cảnh và Chuyển tải, Chương 4 về Hải quan và Tạo Thuận lợi Thương mại, văn kiện EVFTA), để tạo điều kiện thương mại quốc tế cho các công ty ô tô có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, chúng tôi khuyến nghị các cơ quan quản lý đảm bảo thực hiện cam kết trong EVFTA khi Hiệp định có hiệu lực theo hướng đảm bảo tạo thuận lợi và kiểm soát hiệu quả các hoạt động chuyển tải và quá cảnh qua lãnh thổ.

3. Ngành Công nghiệp Xe máy**a. Cấm lưu thông xe máy tại một số thành phố lớn vào năm 2030**

Chính quyền địa phương nên xem xét thêm các giải pháp hiệu quả hơn nhằm giải quyết vấn đề ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường và tai nạn giao thông trong các thành phố lớn, bao gồm: (1) Tập trung quản lý chất lượng của phương tiện thay vì chú trọng quá nhiều vào số lượng để có thể xử lý hiệu quả vấn đề ô nhiễm; (2) Chỉ quản lý hoặc cấm xe máy cũ, và khuyến khích sử dụng phương tiện phát thải thấp; (3) Giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường bằng cách áp dụng thông lệ tốt nhất từ các quốc gia khác, nơi hệ thống giao thông công cộng và hạ tầng giao thông tiên tiến được sử dụng kết hợp hiệu quả với xe máy; (4) Nâng cao ý thức và chấp hành quy định và an toàn giao thông của người dân.

b. Quản lý nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu

Chính phủ cần xem xét nghiên cứu sửa đổi các quy định hải quan hiện hành để cho phép đơn giản hóa quy trình quản lý cho các doanh nghiệp nhập khẩu cả E31 và A12. Một cơ chế thuận lợi cho việc khai báo hải quan và đối chiếu, đặc biệt trong bối cảnh sản xuất phức hợp, là rất cần thiết. Điều này rất quan trọng để khuyến khích xuất khẩu và phù hợp với chính sách gần đây của Chính phủ Việt Nam về cải cách thủ tục hành chính/thuế.

c. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT)

Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ giám sát thực thi tốt các quy định pháp luật về bảo vệ quyền SHTT, nâng cao hiệu quả thực thi quyền SHTT đối với kiểu dáng công nghiệp và thiết kế sản phẩm thông qua các biện pháp cơ bản như: (1) Thành lập thêm nhiều tổ chức giám định độc lập để thẩm định, xác định dấu hiệu xâm phạm quyền SHTT trong các vụ việc tranh chấp liên quan đến quyền SHTT; (2) Tăng cường tiếng nói của các cơ quan hữu quan liên quan đến SHTT (ví dụ như Cục SHTT Việt Nam) về các vấn đề SHTT; (3) Thực thi cơ chế cho phép chủ sở hữu trí tuệ phân biện các đánh giá của Viện Khoa học Sở hữu Trí tuệ Việt Nam; (4) Thành lập các tòa án chuyên trách để xử lý các vấn đề về SHTT và nâng cao kiến thức chuyên môn về SHTT cho các thẩm phán; (5) Cần tăng cường hợp tác giữa các tổ chức thực thi bảo hộ quyền SHTT và cơ quan hữu quan để giải quyết vấn đề buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

4. Thực phẩm Dinh dưỡng**a. Đề xuất Thuế Tiêu thụ Đặc biệt đối với đồ uống có đường**

- (i) Chúng tôi mong sớm nhận được dự thảo mới nhất về Luật thuế TTĐB với những sửa đổi theo hướng Việt Nam không nên áp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống có đường.
- (ii) Trong trường hợp Chính phủ thấy nhất thiết cần có thuế tiêu thụ đặc biệt với đồ uống có đường, NFG khuyến nghị thay thế thuật ngữ “Đồ uống có đường” bằng “nước giải khát có đường” trong Dự thảo.
- (iii) “Sữa, các sản phẩm sữa và thực phẩm chức năng” nên được loại trừ khỏi đối tượng bị áp Thuế TTĐB do các sản phẩm có vai trò quan trọng đối với việc thực hiện các mục tiêu quốc gia hàng đầu về chăm sóc sức khỏe người dân tại Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban Trung ương Đảng và Quyết định 1092/QĐ-TTg.

b. Hải hòa hóa luật quốc tế về “ghi nhãn thực phẩm”

Chúng tôi khuyến nghị sửa đổi Điều 8 được quy định tại Thông tư 05/2019/TT-BKHCN cho phù hợp với quy định quốc tế Codex về ghi nhãn dinh dưỡng CAC/GL 23-1997. Cụ thể, bỏ khoản 2 Điều 8; hoặc bổ sung vào cuối khoản 2 Điều 8 như sau: “Nếu không thỏa mãn các điều kiện trên, khi Việt nam chưa có quy định về mức cụ thể được phép công bố, thì có thể sử dụng quy định hay khuyến cáo của một quốc gia khác, hay của một tổ chức khoa học, và cần ghi rõ tên của quy định/khuyến cáo, kèm tên quốc gia hoặc tổ chức khoa học đó trên nhãn.”

c. Nhân hàng hóa nhập khẩu khi thông quan

Chúng tôi khuyến nghị Tổng Cục Hải quan bãi bỏ khoản 2 Điều 21 trong Dự thảo Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

5. Mỹ phẩm

a. Yêu cầu Giấy Chứng nhận Lưu hành Tự do (CFS) từ các nước xuất khẩu cho mỹ phẩm nhập khẩu vào Việt Nam

Doanh nghiệp mỹ phẩm rất ủng hộ phương thức quản lý theo hình thức hậu kiểm và đề xuất loại bỏ yêu cầu nộp CFS cho mỹ phẩm nhập khẩu từ tất cả các nước. Chúng tôi khuyến nghị Bộ Y tế mở rộng phạm vi áp dụng bãi bỏ yêu cầu CFS cho mỹ phẩm nhập khẩu từ tất cả các quốc gia, đặc biệt đối với các quốc gia thành viên Liên minh châu Âu, trong bối cảnh EVFTA sẽ sớm được thông qua và đi vào hiệu lực.

b. Quản lý các nền tảng thương mại điện tử với có sự tham gia của những người không đăng ký

Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ có các giải pháp rõ ràng để tăng cường hiệu quả quản lý trên nền tảng thương mại điện tử nhằm tạo ra một môi trường kinh doanh công bằng và lành mạnh hơn cho các bên tham gia kinh doanh mỹ phẩm, đặc biệt là những người đang tuân thủ pháp luật.

c. Miễn Thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với hàng hóa quyên góp cho các tổ chức phi chính phủ

Chúng tôi khuyến nghị áp dụng miễn thuế đối với hàng hóa được tặng cho tất cả các tổ chức chính trị - xã hội mà không hạn chế mục đích ban đầu của các sản phẩm nhập khẩu.

III. KHUNG PHÁP LÝ

1. Đề xuất phục hồi hậu COVID-19

- (i) Việt Nam không chỉ cần bảo vệ các doanh nghiệp nội địa mà còn cần hỗ trợ các doanh nghiệp nước ngoài, những nhân tố có đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế nước nhà - đặc biệt là xuất khẩu - một khi dịch bệnh được kiểm soát và thương mại toàn cầu trở lại bình thường.
- (ii) Chính phủ có thể cân nhắc ban hành gói cứu trợ hỗ trợ doanh nghiệp để bổ sung nguồn lực cần thiết cho các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng nặng nề bởi COVID-19. Tiếp nối gói cứu trợ này, chúng tôi đề nghị có thêm các gói hỗ trợ, kích cầu kinh tế để thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế, bao gồm khu vực tư nhân, hồi phục sau khủng hoảng.
- (iii) Đảm bảo triển khai toàn diện các hiệp định thương mại như EVFTA sẽ hỗ trợ thúc đẩy sản xuất, thương mại và đầu tư, từ đó tạo điều kiện cho Việt Nam phục hồi nhanh từ đại dịch COVID-19.
- (iv) Vì thị trường đang trong đà phát triển của Việt Nam phụ thuộc lớn vào nhu cầu toàn cầu, Chính phủ cần xúc tiến các gói cứu trợ và kích cầu kinh tế.

2. Tòa án và Trọng tài

a. Tòa án Việt Nam

- (i) Các thành viên của EuroCham rất quan tâm tới quá trình công bố các phán quyết hiện nay của tòa án Việt Nam, bao gồm việc công nhận án lệ như một trong những nguồn luật theo Bộ luật Dân sự trên hai trang web được quản lý bởi Tòa án Nhân dân Tối cao.
- (ii) Cần có ngay các nghị định hướng dẫn liên quan đến việc thực thi Luật Cảnh tranh, đặc biệt liên quan đến yêu cầu công khai các quyết định chính của Hội đồng Cảnh tranh Quốc gia.
- (iii) Luật Luật sư cần được sửa đổi để cho phép luật sư Việt Nam đủ tiêu chuẩn được đại diện cho khách hàng trước tòa án Việt Nam, kể cả khi luật sư đó đang làm việc cho một công ty luật nước ngoài.

- (iv) Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án phải cần soạn thảo sao cho giảm thiểu thời gian giải quyết tranh chấp, đưa ra các cơ chế thích hợp để xử lý các khoản phí tòa án và tránh sự chồng chéo giữa các thủ tục hòa giải tại các trung tâm hòa giải và tại các tòa án.

b. Trọng tài ở Việt Nam

- (i) Chúng tôi khuyến nghị Tòa án Nhân dân Tối cao và Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao ban hành nhiều hướng dẫn cụ thể hơn cho các tòa án cấp dưới để thống nhất hạn chế việc can thiệp của tòa án vào hoạt động tố tụng trọng tài; và
- (ii) Việc áp dụng quyền kháng cáo quyết định của tòa án sơ thẩm về thẩm quyền của hội đồng trọng tài hoặc hiệu lực của phán quyết trọng tài có thể góp phần làm cho cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài tại Việt Nam trở nên minh bạch và độc lập hơn, và vì vậy trở nên phổ biến hơn tại Việt Nam dựa trên chính những ưu điểm của cơ chế này.

c. Công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài

- (i) Các văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ luật Tố tụng Dân sự cần quy định về việc áp dụng chặt chẽ các quy định của Công ước New York năm 1958 về Công nhận và Thi hành Phán quyết của Trọng tài Nước ngoài (NYC);
- (ii) Tiểu ban khuyến nghị áp dụng cơ chế tự động chuyển sang Tòa án Nhân dân Phúc thẩm đối với những vụ việc mà Tòa Sơ thẩm đã bác đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành nhằm khuyến khích việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

3. Hòa giải thương mại

- (i) Các chính sách đã được xây dựng nên được phát triển cho từng bên liên quan nhằm khởi xướng các biện pháp cụ thể để phát triển hòa giải và thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường nhận thức về hòa giải, đặc biệt là hòa giải theo Nghị định 22/2017/NĐ-CP. Ngoài ra, Nghị định 22/2017/NĐ-CP, các quy định luật trước đây và thực tiễn cần được thống nhất để tạo một khung pháp lý nhất quán, đơn giản và cung cấp một giải pháp khả thi cho các luật gia, cộng đồng doanh nghiệp và giới học giả.
- (ii) Nâng cao nhận thức về EVFTA, EVIPA và việc thực hiện hòa giải để Việt Nam tuân thủ các cam kết của các hiệp định quốc tế.

4. Mua bán và Sáp nhập doanh nghiệp

a. Tiếp cận thị trường và quy trình cấp phép

- (i) Khuyến nghị Chính phủ tiếp tục giảm số lượng ngành nghề đầu tư kinh doanh “có điều kiện”;
- (ii) Bãi bỏ toàn bộ “Kiểm tra Nhu cầu Kinh tế” đối với tất cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bất kể nơi đăng ký kinh doanh của các nhà đầu tư của các doanh nghiệp này;
- (iii) Bỏ quy định nhà đầu tư nước ngoài phải xin “Chấp thuận giao dịch M&A” trước khi tiến hành các giao dịch M&A với các doanh nghiệp tư nhân.

b. Thanh toán giá mua trong các giao dịch Mua bán & Sáp nhập doanh nghiệp

- (i) Giảm mức độ tự ý quyết định của các cơ quan cấp phép địa phương trong việc rà soát và điều chỉnh các điều khoản thương mại của các giao dịch M&A (đặc biệt liên quan đến các lĩnh vực kinh doanh không được quy định cụ thể trong các cam kết của Việt Nam sau khi gia nhập WTO);
- (ii) Tăng tính rõ ràng và thống nhất của các thủ tục áp dụng cho các giao dịch M&A;
- (iii) Xóa bỏ phân biệt giữa các giao dịch “đầu tư trực tiếp” và “đầu tư gián tiếp” và các tài khoản ngân hàng nội địa dành cho các mục đích đặc biệt tương ứng;
- (iv) Tự do hóa luật kiểm soát ngoại hối của Việt Nam để tạo điều kiện cho việc chuyển ngoại tệ ra vào Việt Nam dễ dàng và hiệu quả hơn, bao gồm trong bối cảnh giao dịch M&A;
- (v) Sửa đổi thời hạn nộp tờ khai thuế cũng như nộp thuế đối với các giao dịch M&A thành “10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc đăng ký chuyển nhượng vốn với cơ quan cấp phép theo luật pháp liên quan”; và

- (vi) Đảm bảo xử lý nhanh gọn và suôn sẻ các thủ tục miễn thuế cần thiết để thực hiện các giao dịch M&A và việc chuyển nhượng giá mua.

c. Những hạn chế liên quan đến chống độc quyền

- (i) Vấn đề trọng yếu hiện nay là văn bản hướng dẫn thi hành Luật Cạnh tranh mới phải đưa ra những hướng dẫn rõ ràng và chính xác hơn về cách xác định “Tập trung Kinh tế” có xảy ra hay không, cách tính toán “thị phần” (để phân tích “thị phần kết hợp”) và xác định rõ thế nào là “thị trường liên quan”. Tất cả các khái niệm này phải được phân tích trên cơ sở Luật Cạnh tranh Mới. Ngoài ra, quy trình xử lý hồ sơ của Ủy Ban Cạnh Tranh Quốc Gia (UBCTQG) cần được giảm thiểu tối đa để tránh tình trạng trì hoãn không cần thiết khiến các giao dịch M&A bị chậm tiến độ.
- (ii) Xem xét lại việc thẩm định được quy định tại Nghị định 35/2020/NĐ-CP, nhằm cải thiện và đơn giản hóa ngưỡng yêu cầu thông báo bởi các bên giao dịch và hạn chế số lượng các giao dịch M&A thuộc trường hợp phải thông báo tới UBCTQG. Đảm bảo UBCTQG có trách nhiệm tuân thủ nghiêm ngặt thời hạn xử lý hồ sơ thông báo như được quy định trong Luật Cạnh tranh Mới và Nghị định 35/2020/NĐ-CP.

5. Đối tác Công-tư

a. Lập danh mục các dự án khả thi

- (i) Cập nhật Quyết định 631/QĐ-TTg và bổ sung danh mục mới bao gồm các dự án trọng điểm quốc gia, đặc biệt là trong các lĩnh vực khả thi ở các quốc gia khác.
- (ii) Làm rõ quy trình đấu thầu đối với các dự án do nhà đầu tư đề xuất và quy trình chuyển đổi các dự án vốn Nhà nước sang hình thức Đối tác Công-Tư (PPP) và bố trí các dự án được chọn theo một quy trình đấu thầu cạnh tranh, minh bạch theo Nghị định 30/2015/NĐ-CP và nghị định thay thế là Nghị định 25/2020/NĐ-CP, và xem xét cho phép các dự án được phát triển bởi các nhà tài trợ toàn cầu hàng đầu trên cơ sở chỉ định thầu để thí điểm trong các lĩnh vực có mức độ ưu tiên cao để xây dựng được hệ thống lưu trữ quản lý hồ sơ chuẩn mực và cơ chế phân bổ rủi ro để đảm bảo lợi nhuận trên thị trường quốc tế;
- (iii) Triển khai Nguồn vốn phát triển dự án và áp dụng quy trình đánh giá nghiêm ngặt (với sự hỗ trợ của các tư vấn kỹ thuật và tài chính quốc tế) các dự án tiềm năng thông qua các quy trình chọn lựa thống nhất với các tiêu chuẩn quốc tế; và
- (iv) Đưa ra các khuyến khích và biện pháp hấp dẫn để các ngành nỗ lực thu hút đầu tư PPP.

b. Nâng cao năng lực và phối hợp giữa các cơ quan Chính Phủ

- (i) Chính phủ cần tổ chức các hội thảo nâng cao năng lực tập trung vào các quy định pháp luật mới tại thời điểm thích hợp để đảm bảo các quy định mới này được thi hành nhất quán bởi các cơ quan Nhà nước;
- (ii) Tiếp tục xây dựng các quy định thi hành cũng như hướng dẫn dự án nhằm hỗ trợ các cơ quan nhà nước được ủy quyền trong việc thực hiện dự án;
- (iii) Xây dựng (với sự hỗ trợ của các tư vấn quốc tế có kinh nghiệm trong các thị trường khác) các bộ hồ sơ thầu đã được phê duyệt, bao gồm hợp đồng dự án có các mô hình phân bổ rủi ro được quốc tế công nhận làm cơ sở đấu thầu để giảm thiểu nguy cơ chậm triển khai dự án;
- (iv) Xây dựng các dự án khả thi phù hợp với thông lệ quốc tế tốt nhất để giới thiệu các kinh nghiệm thực tiễn tới các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; và
- (v) Thiết lập một quy trình triển khai thực hiện có sự tham gia của tất cả các Bộ và cơ quan chủ chốt để xây dựng thực hành thống nhất về phát triển dự án.

c. Hợp lý hóa các quy định thực hiện chi tiết

- (i) Tận dụng đà phát triển quy định luật pháp đằng sau Luật PPP được đề xuất để làm rõ và hoàn tất các quy định hiện hành theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm gia tăng sự hấp dẫn của các dự án PPP Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài, cụ thể là bằng cách đưa ra một khuôn khổ rõ ràng và cố kết cho các dự án PPP để hưởng lợi từ Quỹ Bù đắp Tài chính (VGF), đảm bảo doanh thu tối thiểu và các biện pháp chia sẻ rủi ro;



- (ii) Tiếp tục tinh gọn hóa các chính sách và hướng dẫn liên quan đến các dự án PPP, bao gồm thực hiện các quy định sẽ được ban hành sau khi ban hành Luật PPP được đề xuất để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài tìm kiếm cơ hội đầu tư vào cơ sở hạ tầng ở Việt Nam, tập trung vào các yếu tố chủ yếu như là mức độ khả dụng và giải ngân của VGF và các biện pháp hỗ trợ tín dụng; và
- (iii) Thử nghiệm những quy định này trên các dự án thực tế để các nhà đầu tư thấy tự tin với cách diễn giải các quy định trong quá trình phát triển một dự án PPP.

6. Bất động sản

a. “Căn hộ khách sạn”, “Nhà ở khách sạn” và “Văn phòng khách sạn” và thủ tục phê duyệt đầu tư

- (i) Ban hành quy định pháp luật với tiêu chuẩn và hướng dẫn cụ thể về “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn”; quy định rõ thời hạn sử dụng đất; sửa đổi quy định pháp luật về phân loại và cơ chế sử dụng đất cho căn hộ có mục đích hỗn hợp; và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn”.
- (ii) Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư cần sớm được thông qua, tạo điều kiện cho việc tinh giản thủ tục chấp thuận đầu tư theo hướng thống nhất một loại thủ tục: “Chấp thuận chủ trương đầu tư”.

b. Bảo vệ người mua nhà của dự án nhà ở trong trường hợp chủ đầu tư dự án bất động sản mất khả năng thanh toán hoặc phá sản

Cần kiểm tra, giám sát chặt chẽ hơn đối với các trường hợp tổ chức tín dụng cung cấp bảo lãnh ngân hàng cho các chủ đầu tư phát triển dự án bất động sản. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần ban hành một mẫu tiêu chuẩn cho các thư bảo lãnh mà các ngân hàng thương mại sẽ phát hành cho người mua nhà ở hình thành trong tương lai. Điều này sẽ ngăn chặn được tình trạng người mua nhà không thể thụ hưởng được các bảo lãnh ngân hàng cũng như không được trả lại đầy đủ số tiền mà họ đã trả trước cho giá trị căn nhà.

c. Chậm trễ trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người nước ngoài

- (i) Ban hành Danh mục Dự án Cấm Sở hữu Nước ngoài để cho phép cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người nước ngoài đã mua nhà ở tại Việt Nam.
- (ii) Ban hành Danh mục Dự án Cấm Sở hữu Nước ngoài ngoài theo hướng dẫn của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

IV. NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA VIỆT NAM

1. Thuế và Chuyển giá

a. Sử dụng các công ty so sánh trong việc thanh tra giá chuyển nhượng

- (i) Chúng tôi khuyến nghị các cơ quan thuế áp dụng các phương pháp tiến bộ hơn trong công tác áp dụng Nghị định 20/2017/NĐ-CP và các quy định mới về chuyển giá. Sổ tay Hướng dẫn về Chuyển giá của Liên Hợp Quốc (UN) và Hướng dẫn về Chuyển giá của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế thế giới (OECD) đều cảnh báo ngăn chặn việc sử dụng công ty so sánh không công khai cho mục đích so sánh giá chuyển nhượng.
- (ii) Cơ quan thuế cần xem xét kỹ các phân tích đã được các doanh nghiệp nộp thuế thực hiện. Chúng tôi khuyến nghị cân nhắc dựa trên ưu điểm và nhược điểm của các công ty so sánh được cung cấp bởi các doanh nghiệp nộp thuế. Các cơ quan thuế cũng cần cung cấp đủ cơ sở để từ chối các công ty so sánh này.

b. Tài liệu và căn cứ cho chi phí được khấu trừ

- (i) Cơ quan thuế cần hạn chế yêu cầu các tài liệu hỗ trợ theo biểu mẫu không phù hợp và không thuộc quy định pháp luật về thuế thông thường khi xem xét hồ sơ chi phí được khấu trừ của công ty.
- (ii) Cơ quan thuế cần đảm bảo cân bằng giữa quản lý thuế và hiệu quả kinh doanh đặt trong mối tương quan sự phổ cập công nghệ mới; công nhận các giao dịch/hình thức hoạt động đa dạng của doanh nghiệp; và có hướng dẫn thực tế, rõ ràng và nhất quán để hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp tuân thủ lợi ích chung của Chính phủ.

c. Cải cách hóa đơn điện tử

- (i) Cơ quan quản lý thuế cần duy trì hệ thống điện tử xử lý ngay lập tức để tiếp nhận, kiểm tra, duyệt và lưu trữ hóa đơn cho mục đích kiểm tra chéo và kiểm toán. Rủi ro chi phí không được khấu trừ do hóa đơn không hợp pháp hoặc không hợp lệ sẽ được loại bỏ hiệu quả.
- (ii) Cần quy định một mẫu hóa đơn chuẩn áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp.
- (iii) Theo Thông tư 68/2019/TT-BTC, Tổng Cục Thuế có trách nhiệm cung cấp hướng dẫn cụ thể cho việc sử dụng định dạng XML của hóa đơn điện tử. Tuy nhiên, hiện nay hướng dẫn này vẫn chỉ là dự thảo. Chúng tôi đề nghị các cơ quan Chính phủ cung cấp thông tin hướng dẫn trong thời gian sớm nhất có thể để mọi doanh nghiệp có thể xây dựng hệ thống công nghệ thông tin kịp thời.

d. Thuế đối với hoạt động thương mại điện tử

Chúng tôi được biết Bộ Tài chính và đặc biệt là Tổng Cục Thuế đang tập trung xây dựng, hoàn thiện các dự thảo Nghị định, Thông tư để cung cấp hướng dẫn cho những vấn đề cần làm rõ trong Luật Quản lý Thuế 2019. Trong thời điểm này, chúng tôi cấp thiết khuyến nghị bổ sung hướng dẫn về phạm vi và cách áp dụng các quy định mới về thuế cho hoạt động thương mại điện tử. Việc này sẽ giúp đảm bảo thông tin rõ ràng cho người nộp thuế không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cũng như cho các đối tác, khách hàng và người tiêu dùng trên lãnh thổ tại Việt Nam.

2. Kỹ thuật số

a. Nguồn nhân lực và giáo dục trong kỹ nguyên số

- (i) Các tổ chức giáo dục và giảng viên nên tăng cường và cải thiện quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp trong nước và quốc tế nhằm hợp tác đào tạo kinh nghiệm thực tế và cập nhật chương trình giảng dạy.
- (ii) Kéo dài thời gian thực tập bắt buộc tại các công ty công nghệ thông tin (CNTT) hoặc bộ phận CNTT trong các doanh nghiệp vừa và lớn.
- (iii) Các chương trình đào tạo nên phản ánh thực tế là có khoảng 20 chuyên ngành trong lĩnh vực CNTT. Hơn nữa, sinh viên cần hiểu biết, lựa chọn và theo học một hoặc nhiều chuyên ngành CNTT từ năm thứ 2 trở đi, điều này sẽ giúp họ phát triển năng lực chuyên môn.
- (iv) Các trường cao đẳng nghề cũng có thể cải thiện nếu họ kết hợp việc học bán thời gian và học nghề. Hoàn thành chương trình học sẽ nhận được chứng nhận trong một nghề hoặc lĩnh vực công việc cụ thể.

b. Chữ ký điện tử

Cung cấp một danh sách danh sách mở các giải pháp chữ ký điện tử không hợp lệ đã đáp ứng các tiêu chuẩn bắt buộc.

c. Luật An ninh mạng và Dự thảo Nghị định hướng dẫn

- (i) Thiết lập một Cổng thông tin điện tử mà các công ty nước ngoài cũng có thể truy cập được nhằm cung cấp các tài nguyên cần thiết cho vấn đề an ninh mạng, bao gồm: Hướng dẫn thực tế, cung cấp tài liệu đào tạo cho nhân viên, diễn đàn, biểu mẫu cho các tập tin phù hợp, tư vấn cơ bản, nhóm các công ty được chứng nhận có thể hỗ trợ thực hiện Luật An ninh mạng (Luật ANM);
- (ii) Xem xét khoảng cách về chuyên môn của chính quyền địa phương so với các lãnh đạo giải pháp an ninh mạng của nước ngoài; hợp tác cùng các công ty nước ngoài có chuyên môn vững vàng để đảm bảo tính khả thi của dự án sẽ được triển khai theo các yêu cầu kỹ thuật;
- (iii) Đặt ra thời hạn chuyển tiếp phù hợp với đối với các doanh nghiệp thỏa mãn điều kiện phải lưu trữ dữ liệu và đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam để họ có đủ thời gian chuẩn bị lưu trữ dữ liệu cũng như xây dựng chi nhánh và văn phòng đại diện tại Việt Nam;
- (iv) Chính phủ nên hợp tác với các chuyên gia trong ngành để đưa ra các quy định về năng lực an ninh mạng dựa trên các tiêu chuẩn làm sao để cân bằng cả nhu cầu an ninh quốc gia và kinh doanh. Thêm vào đó, cần ban hành một bộ luật về quyền riêng tư bảo vệ thông tin cá nhân của người dùng cuối cùng được lưu trữ, xử lý trên thiết bị và hệ thống trong tương lai;

- (v) Việc thực thi Luật ANM sẽ phù hợp với tinh thần và các cam kết chung của EVFTA nhằm đảm bảo sự ổn định của nền kinh tế quốc gia và thương mại song phương;
- (vi) Hoàn thiện khung pháp lý và sớm ban hành các quy định hướng dẫn về an ninh mạng nhằm đảm bảo tính minh bạch và nhận thức của người dân, đảm bảo tham vấn, lấy ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp và các chuyên gia trong ngành.

3. Vận tải và hậu cần

a. Cơ sở hạ tầng

- (i) Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ cần thực hiện quyết liệt vai trò giám sát để không chỉ đảm bảo phân bổ nguồn lực hiệu quả mà còn đảm bảo tính an toàn và bền vững với môi trường của các công trình hạ tầng.
- (ii) Cần thúc đẩy: (1) Tính khả dụng của các khu vực được thiết kế rõ ràng cho mục đích kho bãi để tạo điều kiện phát triển trực tiếp hoặc hợp tác phát triển với chủ đầu tư dự án công nghiệp được công nhận; (2) Các điều kiện thị trường mở để đảm bảo giá đất không quá cao như hiện tại hoặc gia tăng trong tương lai; (3) Phân tách rõ ràng việc cấp giấy phép kinh doanh cho chủ sở hữu khu công nghiệp và nhà cung cấp dịch vụ để đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường kho bãi và các giải pháp dịch vụ; (4) Giải phóng khu vực thông thoáng trong phạm vi 1 giờ di chuyển từ các đô thị, tạo điều kiện cho dịch vụ giao nhận đáp ứng nhanh chóng nhu cầu của người tiêu dùng, đặc biệt là các giải pháp thương mại điện tử.
- (iii) Các Bộ, ngành và địa phương có kế hoạch và văn bản hướng dẫn để đảm bảo thực thi Quyết định 1012/QĐ-TTg ngày 3 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.
- (iv) Chính phủ cần đảm bảo các chính sách hỗ trợ thuận lợi cho phát triển cơ sở hạ tầng, cạnh tranh minh bạch và công bằng trong ngành logistic, nhằm có sự chuẩn bị để tận dụng các lợi thế từ EVFTA cũng như thu hút nhiều hơn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài hướng tới phát triển bền vững và đầu tư ổn định vào lĩnh vực này.

b. Hải quan

- (i) Cần cho phép nhà nhập khẩu tiếp cận hồ sơ chứng từ và cung cấp lý giải để thuyết phục cơ quan hải quan chấp nhận giá trị được khai báo, giúp doanh nghiệp hiểu quy định về trị giá hải quan nào được cơ quan hải quan diễn giải và áp dụng.
- (ii) EuroCham khuyến nghị kết quả tham vấn trị giá hải quan này nên có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng.
- (iii) Cơ quan hải quan cần ban hành văn bản pháp luật hướng dẫn áp dụng trên toàn quốc để hướng dẫn nhà nhập khẩu/xuất khẩu xử lý trong tình huống hồi tố những điều chỉnh liên quan đến giá chuyển nhượng, cụ thể là làm rõ liệu thông tin khai báo xuất khẩu/nhập khẩu đã được đăng ký trước đây có cần khai báo lại không.
- (iv) EuroCham khuyến nghị cơ quan hải quan Việt Nam cho phép nhà xuất khẩu/nhập khẩu được tự nguyện công khai những điều chỉnh của giá chuyển nhượng mà không xử phạt khi doanh nghiệp tự nguyện công khai; và điều chỉnh hệ thống hải quan thích ứng với việc điều chỉnh giá chuyển nhượng hàng loạt.
- (v) Cơ quan Hải quan cần tiếp tục thực hiện công bố trên trang thông tin chính thức (bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh) tất cả các tài liệu phân loại hợp pháp.
- (vi) EuroCham tiếp tục hy vọng Nghị định sửa đổi Nghị định 134/2016/NĐ-CP sẽ sớm được ban hành.

4. Nguồn Nhân lực và Đào tạo

a. Làm thêm giờ, nội quy lao động và chấm dứt hợp đồng lao động

- (i) Nêu rõ trong các Nghị định sẽ được ban hành trong thời gian sắp tới rằng các tổ chức không có tổ chức đại diện người lao động không bắt buộc phải lấy ý kiến của công đoàn cấp trên trực tiếp.
- (ii) Mở rộng phạm vi các hành vi vi phạm bị sa thải ngay lập tức.
- (iii) Gia hạn thời hiệu xử lý kỷ luật lao động từ 12 lên 24 tháng. Thời hiệu này cần được tính từ ngày người sử dụng lao động phát hiện hành vi vi phạm thay vì ngày xảy ra;

- (iv) Quy định ngưỡng làm cơ sở xác định “gây thiệt hại nghiêm trọng” hoặc “có khả năng gây thiệt hại nghiêm trọng”.
- (v) Làm rõ việc chấm dứt hợp đồng lao động do dư thừa lao động có áp dụng cho những trường hợp quy định tại Điều 37 hay không, và dư thừa lao động có phải là một cơ sở pháp lý để chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp chỉ có một nhân viên bị sa thải do dư thừa lao động hay không; và
- (vi) Quy định rõ ràng hơn về các chính sách và thủ tục mà người sử dụng lao động phải áp dụng để xử lý và phòng tránh quấy rối tình dục tại nơi làm việc theo quy định mẫu trong Bộ quy tắc ứng xử về quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

b. Quản lý người lao động nước ngoài tại Việt Nam

- (i) Không áp dụng chế độ hưu trí và tử tuất đối với người lao động nước ngoài hoặc chỉ áp dụng trên cơ sở không bắt buộc;
- (ii) Tạo sự linh hoạt cho người lao động nước ngoài nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội (BHXH) một lần trước khi rời Việt Nam bằng cách ủy quyền cho người sử dụng lao động thực hiện thủ tục thay mặt cho người lao động nước ngoài;
- (iii) Quy định mức đóng BHXH thấp hơn cho người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài, tham khảo các quốc gia ở khu vực châu Á hoặc châu Á - Thái Bình Dương;
- (iv) Đánh giá tác động của các thủ tục hành chính khi áp dụng từng chế độ bảo hiểm để tạo điều kiện thực hiện cho cơ quan thi hành, người lao động nước ngoài và người sử dụng lao động;
- (v) Bổ sung nội dung “người được di chuyển trong nội bộ các doanh nghiệp thuộc cùng một tập đoàn” vào định nghĩa về “người được di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp từ trụ sở chính đến công ty con”, với điều kiện doanh nghiệp tại Việt Nam có thể chứng minh rằng người lao động nước ngoài đang được điều chuyển từ công ty con trong cùng tập đoàn;
- (vi) Triển khai dịch vụ xử lý nhanh, trong đó một số tài liệu được yêu cầu có thể được bổ sung trong thời gian quy định. Có thể áp dụng mức phí cao hơn cho dịch vụ xử lý nhanh và triển khai hệ thống kiểm soát người sử dụng lao động để bổ sung tài liệu theo yêu cầu; và
- (vii) Hướng dẫn chi tiết về quy trình thu hồi giấy phép lao động của người sử dụng lao động sau khi người lao động nước ngoài kết thúc thời gian điều chuyển tại Việt Nam. Các Nghị định hướng dẫn sắp được ban hành cần quy định rõ người lao động nước ngoài không cần rời khỏi Việt Nam sau 4 năm làm việc mà có thể xin cấp giấy phép lao động mới trong khi vẫn đang ở Việt Nam.

c. Đào tạo kỹ thuật, đào tạo nghề và giáo dục tại Việt Nam

- (i) Giảm áp lực lên các tổ chức giáo dục quốc tế bằng cách miễn đóng bảo hiểm xã hội cho giáo viên nước ngoài bởi vì các tổ chức giáo dục quốc tế tuyển dụng một số lượng đáng kể giáo viên nước ngoài. Chính phủ cũng cần hợp tác với các tổ chức tư nhân quốc tế cung cấp dịch vụ đào tạo giáo viên đạt tiêu chuẩn quốc tế và phát triển nghề nghiệp cho giáo viên để nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên trong nước
- (ii) Ưu tiên giải quyết các vấn đề về ô nhiễm không khí để giúp Việt Nam trở thành một điểm đến hấp dẫn hơn cho ngành giáo dục.

5. Du lịch và Nhà hàng – Khách sạn

a. Chính sách thị thực nhập cảnh

- (i) Mở rộng danh mục các quốc gia được miễn thị thực, bao gồm tất cả các quốc gia mà Việt Nam đã ký kết các hiệp định thương mại để ngành du lịch có thể phát huy đầy đủ vai trò của ngành kinh tế mũi nhọn.
- (ii) Bên cạnh đó, chúng tôi đề xuất: kéo dài thời hạn chương trình miễn thị thực được công bố gần đây với thời hạn chương trình miễn thị thực mới trong 5 năm; kéo dài thời hạn miễn thị thực từ 15 ngày lên 30 ngày; cải thiện giao diện, tốc độ và thủ tục truy cập trang web cấp thị thực điện tử hiện nay; mở rộng danh sách các quốc gia có công dân được phép xin cấp thị thực điện tử; cho phép cấp thị thực quá cảnh tại cửa khẩu với thời hạn lên đến 72 giờ đối với hành khách nối chuyến bay; miễn thị thực ngắn hạn cho người đi công tác,



nhóm du khách và đoàn có đăng ký trước vào Việt Nam để tham dự hội nghị, hội thảo, cuộc họp và triển lãm cụ thể (du lịch kết hợp hội thảo - MICE) trong thời gian sự kiện diễn ra.

b. Tiếp thị điểm đến

- (i) Thành lập Hội đồng Du lịch Việt Nam – là cơ quan đại diện chính thức của Việt Nam cho thị trường du lịch nước ngoài. Thiết lập cơ chế thông tin hiệu quả hơn giữa các doanh nghiệp, hiệp hội liên quan đến du lịch và khu vực công, thường xuyên hợp tác với các nhóm, hiệp hội trong ngành và điều phối cơ cấu tổ chức.
- (ii) Cần ghi nhận sự đóng góp của ngành du lịch và lĩnh vực cho phúc lợi ích kinh tế xã hội của Nhà nước, từ đó đưa ra những hỗ trợ phù hợp thông qua một kế hoạch chiến lược hiệu quả cho hoạt động quảng bá du lịch trên phạm vi quốc tế; và phân bổ mức ngân sách Nhà nước hợp lý hơn cho quỹ quảng bá du lịch quốc gia để hỗ trợ các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch.

c. Phát triển du lịch bền vững

- (i) Đầu tư vào nghệ thuật tiếp thị thông qua hình thức hướng dẫn chuyển tải được cốt truyện đạt đẳng cấp quốc tế tại các bảo tàng, khu di tích lịch sử, di sản văn hoá.
- (ii) Giữ gìn bãi biển sạch đẹp, ưu tiên phát triển đa dạng và bền vững; Có các chiến dịch hiệu quả để giảm thiểu rác thải nhựa gây ô nhiễm.
- (iii) Hỗ trợ người dân địa phương thông qua hoạt động đào tạo và trao quyền kinh tế. Nâng cao năng lực của các bên liên quan đến du lịch bền vững và hỗ trợ các sáng kiến do địa phương và vì địa phương.
- (iv) Nâng cao nhận thức cho khách du lịch cũng như giúp họ hiểu rõ những thách thức mà xã hội Việt Nam gặp phải để họ chung tay tìm giải pháp.
- (v) Các nhà hoạch định chiến lược du lịch và đô thị cần hiểu rõ các mối liên kết phức hợp và sự liên kết chặt chẽ giữa chúng với nhau, các yêu cầu cụ thể, cũng như các cơ hội và thách thức của ngành hội nghị và sự kiện toàn cầu đang phát triển mạnh mẽ để tận dụng hiệu quả các lợi ích.

d. Nguồn nhân lực du lịch và đào tạo nhân lực trong ngành du lịch

- (i) Việc gia tăng số lượng nhân sự được đào tạo bài bản và có trình độ trong ngành du lịch và nhà hàng - khách sạn có thể nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ du lịch. Một số giải pháp đề xuất tiêu biểu như:
 - (a) Các doanh nghiệp và cơ sở đào tạo phối hợp để tăng cường nhận thức và ban hành quy trình để thực hiện hiệu quả các bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia trong lĩnh vực du lịch.
 - (b) Vai trò của Hội đồng Cấp Chứng chỉ Nghiệp vụ Du lịch (VTCB) cần được tăng cường trong quá trình đánh giá, đào tạo và cấp chứng chỉ nghiệp vụ cho lao động.
 - (c) Hợp tác giữa Chính phủ và khu vực tư nhân cần được củng cố.

6. Quyền Sở hữu trí tuệ

a. Thực thi quyền Sở hữu trí tuệ

- (i) Các cơ quan thực thi cần cần tăng cường đáng kể công tác xử lý và xử lý nghiêm các trang thông tin điện tử cung cấp nội dung, sản phẩm xâm phạm quyền Sở hữu trí tuệ (SHTT), ban hành quy định cho phép các cơ quan thực thi pháp luật và chủ sở hữu quyền SHTT thu thập thông tin nhằm xác định chủ sở hữu các trang thông tin điện tử cung cấp nội dung, sản phẩm xâm phạm quyền SHTT, quy định trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ Internet phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu các trang thông tin điện tử bị nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT, ban hành cơ chế pháp lý cho phép chủ sở hữu quyền SHTT thực hiện thông báo tới và buộc bên xâm phạm quyền SHTT gỡ bỏ nội dung xâm phạm quyền SHTT của mình, quy định trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ internet trong vụ việc xâm phạm quyền SHTT trong các trường hợp cụ thể.
- (ii) Tăng mức phạt thành chính, nộp phạt tiền đối với các hành vi vi phạm quyền SHTT để đảm bảo tính răn đe.
- (iii) Chế tài dân sự phải được ưu tiên áp dụng trong việc xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT. Về lâu dài, cần

phải có Tòa chuyên trách về quyền SHTT chuyên xử các vụ việc liên quan đến quyền SHTT; ban hành các quy định pháp luật riêng biệt về thủ tục tiến hành các vụ án về quyền SHTT, do tính chất đặc thù của các vụ việc loại này.

- (iv) Trước mắt, trong thời gian chờ thiết lập tòa chuyên trách về quyền SHTT và quy định pháp luật về thủ tục tiến hành các vụ án quyền SHTT, áp dụng các quy định đặc thù phù hợp với các vụ việc loại này.

b. Thủ tục cấp quyền Sở hữu trí tuệ

- (i) Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn Địa lý và Nhãn hiệu Quốc tế tăng tốc và đẩy nhanh việc xử lý phản hồi của người nộp đơn quốc tế với các nhãn hiệu có chỉ định Việt Nam liên quan đến thông báo từ chối tạm thời của Cục SHTT.
- (ii) Cục SHTT có ý kiến nhất quán về việc chấm dứt không sử dụng nhãn hiệu đối chứng có đủ để đơn đăng ký bảo hộ không bị từ chối hay không.
- (iii) Cục SHTT có thông báo chính thức cho các đại diện sở hữu công nghiệp trong trường hợp áp dụng thực tiễn thẩm định mới này, và quy định cụ thể, rõ ràng về mốc thời điểm bắt đầu áp dụng thực tiễn thẩm định này để đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng cho các đại diện sở hữu công nghiệp làm việc cũng như đảm bảo quyền lợi của những người nộp đơn.

c. Đề cương Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ

- (i) Giữ nguyên Điều 36, Luật SHTT và sửa đổi Điều 41, Luật SHTT nhằm giới hạn chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân được chuyển nhượng một, một số hoặc toàn bộ quyền tài sản.
- (ii) Sửa Điểm 4.13 Luật SHTT về định nghĩa kiểu dáng công nghiệp bằng cách bổ sung quy định “Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm hoặc phần, bộ phận của sản phẩm có thể tách rời hoặc không thể tách rời khỏi sản phẩm được thể hiện bằng...”
- (iii) Bổ sung thêm một điều sau Điều 62 về khả năng áp dụng công nghiệp trong Luật SHTT quy định rõ thế nào là hiểu biết thông thường.
- (iv) Sửa đổi, bổ sung Điều 72 Luật SHTT quy định về điều kiện bảo hộ nhãn hiệu để bổ sung quy định về bảo hộ nhãn hiệu âm thanh, đồng thời sửa đổi, bổ sung các quy định hướng dẫn trong nghị định, thông tư để hướng dẫn cụ thể về thẩm định nhãn hiệu âm thanh.
- (v) Cân nhắc điều chỉnh làm rõ định nghĩa về “sử dụng nhãn hiệu” phù hợp với tình hình hiện tại, sửa đổi, bổ sung các quy định cụ thể hướng dẫn về phạm vi, tài liệu chứng minh việc sử dụng nhãn hiệu (hình thức và các ngưỡng đánh giá).
- (vi) Đưa ra các điều khoản định nghĩa về các đối tượng thường xuyên đăng ký trái phép nhãn hiệu của các bên khác, động cơ không trung thực, quy định các hướng dẫn cụ thể hơn về các hành vi này và cách tiếp cận xử lý đơn nhãn hiệu được đăng ký bởi các đối tượng đăng ký trái phép nêu trên và/hoặc người nộp đơn có hành vi, động cơ không trung thực.



CÁC VẤN ĐỀ LIÊN NGÀNH

PHẦN 2

CHƯƠNG 1 NGÀNH NĂNG LƯỢNG VÀ ĐIỆN LỰC

TỔNG QUAN

Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham (GGSC) ghi nhận và ủng hộ các ưu tiên cốt lõi của Chính phủ trong việc quản lý thị trường năng lượng tại Việt Nam. Các ưu tiên bao gồm:

- Đảm bảo cung cấp năng lượng sạch với chi phí phù hợp để phát triển kinh tế bền vững. GGSC nhận thấy rằng, với mối quan ngại ngày càng lớn, thông tin từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) cho thấy có nguy cơ thiếu điện trong giai đoạn 2020-2022 ở miền Nam Việt Nam: Đây là mối quan ngại lớn đối với các thành viên của GGSC với tư cách là người sử dụng điện;
- Đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành điện căn cứ vào Quy hoạch điện VIII đang được xây dựng vào năm 2019 và dự kiến hoàn thành trong năm 2021,¹ điều này sẽ khuyến khích huy động đầu tư của khu vực tư nhân và hỗ trợ hoàn thành cơ phần hóa và chuyển nhượng tài sản sản xuất điện;
- Giảm phát thải khí nhà kính từ quá trình sản xuất năng lượng, phù hợp với Hiệp định Paris và kế hoạch Đóng góp Dự kiến do Quốc gia Tự quyết định (INDC) được Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT) đề xuất; và
- Tăng cường áp dụng nguyên liệu và công nghệ sử dụng năng lượng hiệu quả góp phần giảm nhiệt trong không khí, khí thải, ô nhiễm, nhu cầu điện không cần thiết hoặc thậm chí lãng phí. Các doanh nghiệp châu Âu có sản phẩm và chuyên môn trong việc đạt hiệu quả sử dụng năng lượng đáng kể. Nếu Quy hoạch điện VIII dựa vào hiệu quả sử dụng năng lượng, mục tiêu chung cho đầu tư khẩn cấp vào sản xuất điện có thể thấp hơn, vì vậy có thể cung cấp lên tới 30 tỷ đô la Mỹ cho các mục đích sử dụng khác.

Tại Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam (VBF) năm 2016, EuroCham cùng với các Hiệp hội Doanh nghiệp khác đã trình bày Kế hoạch Năng lượng sản xuất tại Việt Nam lần 1 (MVEP 1.0) trước Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc. Kể từ khi MVEP 1.0 được công bố, chúng tôi ghi nhận nhiều mong muốn của doanh nghiệp đã được đáp ứng, ví dụ như lắp đặt và kết nối 7.000 MW lưới điện năng lượng mặt trời, bù đắp điện năng thiếu hụt, tín hiệu chuẩn bị phát triển năng lượng tái tạo theo mô hình “sau-công-tơ-điện”, v.v. Bắt đầu từ năm 2018, dựa trên nền tảng MVEP 1.0, EuroCham cùng các Hiệp hội Doanh nghiệp khác trong VBF tiến hành cập nhật kế hoạch này để phản ánh bối cảnh ngành điện lực Việt Nam đang có nhiều thay đổi nhanh chóng.

Chúng tôi trân trọng thông báo Kế hoạch Năng lượng sản xuất tại Việt Nam lần 2 (MVEP 2.) được ra mắt vào tháng 1 năm 2020.² MVEP 2.0 đặc biệt ưu tiên đầu tư phát triển năng lượng tái tạo, khí, pin lưu trữ và sử dụng hiệu quả năng lượng, cũng như cải thiện và mở rộng mạng lưới điện để thu hút đầu tư tư nhân. Kế hoạch có ba mục tiêu chính: đáp ứng nhu cầu năng lượng đang gia tăng; đảm bảo không phụ thuộc về năng lượng; giúp người tiêu dùng tiếp cận tới năng lượng sạch.

EuroCham ủng hộ MVEP 2.0 và tin rằng đây là một kế hoạch rõ ràng, có tính khả thi cho chính sách về năng lượng trong thời điểm quan trọng này. Tăng trưởng bền vững là chủ đề chính thu hút sự quan tâm và tham gia của cả Chính phủ và cộng đồng. MVEP 2.0 cung cấp đề xuất để tiếp cận tăng trưởng bền vững trong ngành năng lượng, trên cả khía cạnh bảo vệ môi trường và ý nghĩa kinh tế, xã hội.

Theo báo cáo thì hiện nay ô nhiễm môi trường không khí xảy ra do một nguyên nhân lớn là các nhà máy nhiệt điện than sản xuất điện, cao hơn bất kỳ nguyên nhân nào khác.³ Trong khi cải pháp ngắn hạn có thể được cân nhắc bao gồm lắp đặt thêm nhiều thiết bị lọc khí hơn tại các nhà máy nhiệt điện than để giảm lượng khí thải, trong trung hạn Tuy nhiên, có giải pháp tiết kiệm, an toàn và mang tính chiến lược mạnh hơn là chuyển đổi sang các nguồn năng lượng tái tạo khác, tạm thời có thể được hỗ trợ bởi khí đốt, cũng như nghiêm khắc đảm bảo sử dụng năng lượng hiệu quả hơn. Ngoài những lý do sẽ được trình bày trong MVEP 2.0, có một động lực khác để dừng sử

1 “Quy hoạch điện VIII: Điểm gì mới?”, EVN, ngày 13 tháng 11 năm 2019. Xem tại: <<https://www.evn.com.vn/d6/news/Xay-dung-Quy-hoach-dien-VIII-Diem-gi-moi-6-12-24600.aspx>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

2 Tại Lễ ra mắt Kế hoạch Năng lượng sản xuất tại Việt Nam lần 2 vào tháng 1 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đề nghị đổi tên thành Kế hoạch Năng lượng sản xuất bởi Việt Nam.

3 “Tương lai chất lượng không khí tại Hà Nội và miền Bắc Việt Nam”, Báo cáo Nghiên cứu IIASA, tháng 10 năm 2018. Xem tại: <https://www.iiasa.ac.at/web/home/research/researchPrograms/air/news/Future_air_quality_in_Ha_Noi.pdf> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

dụng nhiệt điện than và hoàn toàn chấm dứt đầu tư vào các nhà máy mới: chi phí cho nhiệt điện than không còn mang tính cạnh tranh cao so với các nguồn tái tạo. Đặc biệt, ngành năng lượng sẽ trở nên rất nhạy cảm nếu phụ thuộc hoàn toàn vào than đá nhập khẩu, và dần dần tài chính sẽ cạn kiệt.

Để MVEP 2.0 được thành công, các điều kiện chính sách ngoại cảnh cần được lưu tâm để hỗ trợ nguồn cung tài chính từ khu vực tư nhân. Các điều kiện này chủ yếu liên quan đến Luật Đầu tư theo phương thức Đối tác Công-Tư (PPP) hiện đang được soạn thảo, cũng như trong các kế hoạch về dự án năng lượng khả thi.

Những khuyến nghị dưới đây cũng hài hòa với các cam kết của Việt Nam trong Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) được ký kết vào tháng 6 năm 2019 và được Nghị viện châu Âu thông qua vào tháng 2 năm 2020 vừa qua. Các quy định về Cơ chế biểu giá Feed-in-Tariffs (FITs) cho năng lượng tái tạo, cũng như cơ chế mua bán điện trực tiếp từ nhà sản xuất năng lượng tái tạo cần được triển khai trong thời gian sớm nhất để đáp ứng nhu cầu điện năng trên thị trường, đồng thời nắm bắt được các cơ hội đầu tư đến từ doanh nghiệp châu Âu trong thời gian sắp tới. Chính phủ cần áp dụng khung thời gian sớm hơn để triển khai Thị trường Bán buôn Cạnh tranh (Competitive Wholesale Market – CWM), nhờ đó các nhà cung cấp đến từ châu Âu có thể tham gia thị trường. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng đề xuất thiết lập thể chế và cơ chế giám sát theo các cam kết trong EVFTA, để theo dõi các quy định và việc thực thi của các Bộ ngành cũng như đối tác châu Âu. Các nhà đầu tư châu Âu sẽ sẵn sàng đầu tư vào Việt Nam với nguồn vốn cao hơn nếu có sự chắc chắn hơn về mặt pháp lý, cũng như quyền lợi theo các hiệp ước được cam kết đảm bảo trước khi EVFTA đi vào hiệu lực.

I. KẾ HOẠCH NĂNG LƯỢNG SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM LẦN 2 (MVEP 2.0)

Cơ quan Chính phủ liên quan: Ban Kinh tế Trung ương (BKT), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (BKH&ĐT), Văn phòng Chính phủ (VPCP)

Mô tả vấn đề

Các thị trường năng lượng trên toàn cầu đã bắt đầu củng cố ý kiến cho rằng chi phí năng lượng tái tạo và công nghệ sạch sẽ tiếp tục giảm nhanh và những nguồn này sẽ vượt qua các nguồn năng lượng khác về mặt chi phí trong vòng từ 5 đến 10 năm tới, nếu không phải là sớm hơn. Những diễn biến trên thị trường năng lượng trên toàn cầu và trong khu vực trong vòng hai năm trở lại đây làm tăng đáng kể khả năng thị trường năng lượng vào năm 2030 sẽ tập trung nhiều hơn vào các năng lượng chi phí thấp và ít phụ thuộc hơn vào nhiên liệu hóa thạch, dẫn tới việc tạo ra hệ thống năng lượng đa dạng, ổn định, đáng tin cậy với chi phí hợp lý hơn.

Các nước ngoài châu Á đã có xu hướng tăng năng lượng tái tạo, chuyển từ than sang khí tự nhiên và đầu tư vào các công nghệ lưu trữ pin mới và hiệu quả năng lượng. Trên toàn cầu, gió và mặt trời đang trở thành sự thay thế có chi phí thấp hơn cho than và pin lưu trữ đang trở thành một sự thay thế cạnh tranh cho các nhà máy sản xuất khí đốt.

- Theo Cơ quan Năng lượng tái tạo Quốc tế (IRENA), chi phí điện trung bình từ năng lượng gió trên bờ đã giảm đáng kể từ 84 đô la Mỹ/MWh năm 2010 xuống còn 55 đô la Mỹ/MWh vào năm 2018.⁴ Theo báo cáo Triển vọng năng lượng mới năm 2018 của Bloomberg New Energy Finance, giá năng lượng mặt trời và năng lượng gió dự kiến sẽ giảm lần lượt 71% và 58% vào năm 2050.⁵ Không có cơ quan quốc tế hay viện nào dự báo dự báo tương tự về việc giảm giá nhà máy điện dựa trên nhiên liệu hóa thạch.
- Tương tự, pin lưu trữ, được coi là cơ hội mới để duy trì mức độ hoạt động ổn định của lưới điện, đã thu hút nhiều nhà máy điện, truyền tải và kỹ thuật nổi tiếng. Theo Bloomberg New Energy Finance, ngành công

4 "Chi phí sản xuất năng lượng tái tạo năm 2018", Cơ quan Năng lượng Tái tạo Quốc tế. Xem tại: <<https://www.irena.org/publications/2019/May/Renewable-power-generation-costs-in-2018>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

5 "Triển vọng năng lượng mới 2019", Bloomberg NEF. Xem tại: <<https://about.bnef.com/new-energy-outlook/>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

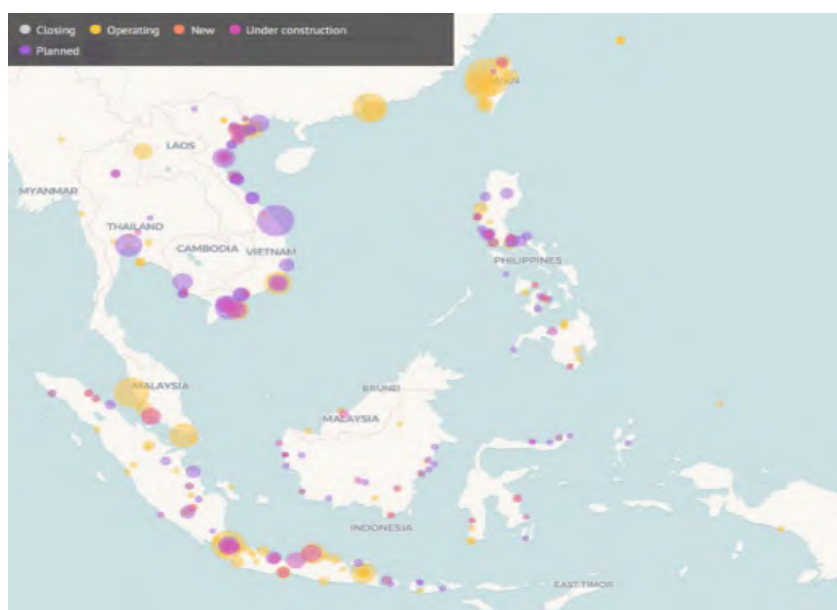
ngành này đã chứng kiến giá giảm hàng năm 21% kể từ năm 2010.⁶

Bên cạnh đó, số lượng lớn các tập đoàn toàn cầu đang mua năng lượng tái tạo trực tiếp từ các nhà sản xuất điện độc lập:

- Hiện tại có 174 công ty, bao gồm một số thương hiệu nổi tiếng nhất thế giới, đã ký RE100 cam kết sử dụng 100% năng lượng tái tạo.⁷
- Các tập đoàn toàn cầu có đại diện tại Việt Nam đã thể hiện sự quan tâm trong việc mua năng lượng tái tạo thông qua Thỏa thuận Mua bán điện Trực tiếp (DPPA) được đề xuất, trong đó nhà sản xuất điện và người dùng cuối có thể trực tiếp ký hợp đồng cung cấp năng lượng sạch.

Khác với xu hướng toàn cầu, Việt Nam hiện vẫn có nhiều nhà máy nhiệt điện than được lên kế hoạch hoặc đang được xây dựng hơn bất kỳ quốc gia nào khác ở Đông Nam Á.⁸

Hình 3: Các nhà máy nhiệt điện than hiện tại, đang được xây dựng và lên kế hoạch ở Đông Nam Á



Nguồn: Carbon Brief

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Hệ thống năng lượng Việt Nam mất cân bằng với thể hệ chủ yếu ở miền Bắc và nhu cầu ngày càng tăng ở miền Nam. Quy hoạch điện VII đề xuất xây dựng các nhà máy nhiệt điện than mới ở miền Nam để giải quyết sự mất cân bằng đó.

- Phụ thuộc vào năng lượng than đi kèm các rủi ro nghiêm trọng: giá cả tăng cao của than nhập khẩu; thiếu an ninh năng lượng do phụ thuộc vào nhập khẩu trong tình hình nhu cầu tăng cao; phải đầu tư thêm vào các công trình cơ sở hạ tầng; và rủi ro tài chính.
 - Số than đá sử dụng để sản xuất điện tại Việt Nam có chất lượng kém hơn than đá nhập khẩu. Quy hoạch

6 "Phía sau giá của pin lưu trữ", *Bloomberg New Energy Finance*. Xem tại: <<https://about.bnef.com/blog/behind-scenes-take-lithium-ion-battery-prices>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

7 "224 công ty RE100 cam kết sử dụng 100% năng lượng tái tạo", *RE100, 2019*. Xem tại: <<http://there100.org/companies>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

8 "Năng lượng than", *Carbon Brief*. Xem tại: <<https://www.carbonbrief.org/mapped-worlds-coal-power-plants>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

điện VII sửa đổi dự báo Việt Nam cần tới 100 triệu tấn than đá vào năm 2030.⁹ Nhu cầu này rõ ràng không thể được đáp ứng bởi nguồn cung nội địa – chỉ đạt khoảng 40 triệu tấn một năm hiện nay.

- Than đá bitum - nguyên liệu của các nhà máy nhiệt điện than, được bán trên các thị trường toàn cầu đầy biến động, phụ thuộc nhiều vào các điều kiện kinh tế ở ngoài lãnh thổ Việt Nam.
 - Việc tăng cường nhập khẩu sẽ gây áp lực lên dự trữ ngoại hối của Việt Nam.
 - Các nhà máy than do chủ thể nước ngoài sở hữu xây dựng theo mô hình Xây dựng – Vận hành – Chuyển giao (BOT) hoặc Xây dựng - Sở hữu - Vận hành - Chuyển giao (BOOT) có thời gian thu hồi chi phí đầu tư dài hơn 20 năm, đặc biệt dễ bị tổn thương trước các thay đổi về cấu trúc chi phí năng lượng.¹⁰
- Việc xây mới các nhà máy nhiệt điện than theo kế hoạch trong Quy hoạch điện VII sẽ gây ra các tác động đáng kể về mặt môi trường và xã hội vốn chưa được cân nhắc đầy đủ.
- Kết quả là hàng loạt dự án năng lượng tái tạo vẫn đang chờ phê duyệt trong khi chiến lược phát triển nhiệt điện than chưa thể thu hút đầu tư

Mặc dù công nghệ năng lượng tái tạo đã có những bước phát triển đáng kể, Quy hoạch điện VII chưa đưa ra một lộ trình rõ ràng cho việc phát triển các nguồn năng lượng tái tạo. Áp dụng hoàn toàn Quy hoạch điện VII cho toàn ngành làm giảm khả năng cạnh tranh của ngành năng lượng Việt Nam trong dài hạn. Việt Nam, đặc biệt là khu vực Nam bộ và Nam Trung bộ, có tiềm năng dồi dào để phát triển hệ thống năng lượng mặt trời và thị trường cho các dự án điện gió ngoài khơi và trên đất liền cũng rất hấp dẫn về mặt tài chính. Tuy nhiên, các dự án năng lượng mặt trời thương mại hiện vẫn còn đang bị hạn chế do thiếu hạ tầng lưới điện, còn các dự án điện gió đang bị kim hãm do năng lực lưới điện chưa đáp ứng được nhu cầu tại một số khu vực nhất định.

Bên cạnh đó, biểu giá điện của Việt Nam chưa thu hồi đầy đủ chi phí và cho thấy rủi ro của hệ thống điện trong tương lai. Theo Ngân hàng thế giới, biểu giá điện của Việt Nam thuộc nhóm thấp nhất trong khu vực, ngay cả khi so sánh với các quốc gia có thu nhập bình quân đầu người thấp như Cam-pu-chia, In-đô-nê-si-a, Phi-líp-pin, Lào và My-an-ma.¹¹ Thông báo chính thức của EVN và Chính phủ cho thấy cần xây dựng biểu giá điện đảm bảo thu hồi đầy đủ chi phí. Tuy nhiên, thông tin chi tiết về cách thực hiện và lộ trình tăng giá điện hiện vẫn chưa rõ ràng.

MVEP 2.0 đề xuất một hệ thống năng lượng đa dạng hơn, bao gồm tập trung nhiều hơn vào năng lượng tái tạo, đặc biệt là ở miền Nam, nơi cần nguồn năng lượng mới. Các nhà đầu tư khu vực tư nhân đã cho thấy sự quan tâm ngày càng tăng nhanh đối với năng lượng tái tạo trong ba năm qua. Để đáp ứng nhu cầu, MVEP 2.0 khuyến nghị Quy hoạch điện VIII tạo cơ hội cho đầu tư cho khu vực tư nhân vào cơ sở hạ tầng lưới điện.

Việc áp dụng MVEP 2.0 sẽ đem đến các kết quả như sau:

- Tăng cường an ninh năng lượng từ việc bao gồm khí đốt tự nhiên, hiệu quả năng lượng và tái tạo năng lượng trong hệ thống năng lượng. Dự phòng và đa dạng hóa là chìa khóa cho an ninh và khả năng phục hồi hệ thống năng lượng;
- Giảm chi phí hệ thống điện so với kế hoạch năng lượng tập trung vào than bằng cách hạn chế tính dễ bị tổn thương đối với thị trường than biến động, tránh các khoản nợ tài chính của tài sản bị mắc kẹt và giảm chi phí liên quan đến sức khỏe cộng đồng và tác động môi trường;
- Thu hút được nhiều đầu tư tư nhân hơn vào các dự án năng lượng tái tạo, nhờ đó giảm bớt áp lực về công suất điện cho Chính phủ;
- “Xã hội hoá” thị trường điện để bảo vệ những hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có khả năng chi trả thấp nhất, đảm bảo EVN hoạt động bền vững về tài chính và phản ánh bước dịch chuyển hướng tới định giá theo thị trường trong khuôn khổ Quy hoạch điện VIII;

9 “Nhiệt điện than đốt tiếp tục đóng vai trò quan trọng”, EVN. Xem tại: <<https://en.evn.com.vn/d6/news/Ensuring-energy-security-Coal-fired-thermal-power-generation-keeps-playing-a-very-important-role-66-163-1577.aspx>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

10 Trên thực tế, các Chính phủ dựa vào thời gian hoàn vốn dự án tính theo tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) tối thiểu mà bên nhận nhượng quyền dự kiến để xác định thời gian nhượng quyền.

11 “Biểu giá điện, thiếu điện và hiệu suất của công ty: Phân tích so sánh”, Arlet, J., 2017. Xem tại: <<http://pubdocs.worldbank.org/en/444681490076354657/Electricity-Tariff-Power-Outages-and-Firm-Performance.pdf>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

- Giảm mức phát thải khí nhà kính, ô nhiễm môi trường không khí và các chi phí khác so với kế hoạch năng lượng dựa vào than đá, phù hợp với các cam kết “Đóng góp do quốc gia tự quyết định” của Việt Nam;
- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các sáng kiến công nghiệp tư nhân khác được hỗ trợ giảm cường độ năng lượng, cho phép sử dụng năng lượng mặt trời trên mái nhà dân cư và tăng hiệu quả sử dụng năng lượng thông qua giáo dục công cộng và các quy trình pháp lý.

Khuyến nghị

Các mục tiêu MVEP 2.0 đặt ra khuyến nghị triển khai các chính sách trọng tâm như sau:

- Phân bổ rủi ro công bằng hơn giữa các nhà đầu tư tư nhân và đối tác của cơ quan nhà nước:
 - Chúng tôi khuyến nghị BCT tiến hành cải thiện và chỉnh sửa quan trọng nhất đối với các mẫu hợp đồng mua bán điện gió, điện lực sinh khối và điện từ rác, tương tự với những cập nhật cho mẫu hợp đồng mua bán điện mặt trời vào tháng 7 năm 2019;
 - Xây dựng các chính sách hỗ trợ cho ngân hàng trong nước hợp tác với ngân hàng và các nhà đầu tư quốc tế cùng đầu tư với các đơn vị phát triển trong nước thực hiện dự án sản xuất điện mặt trời có khả năng được cấp vốn;
- Thúc đẩy đầu tư vào lĩnh vực sử dụng năng lượng hiệu quả và hoạt động sản xuất điện phân tán của đối tượng tiêu thụ điện, thông qua xây dựng một hệ thống định giá điện vận hành theo thị trường trong khuôn khổ Quy hoạch điện VIII:
 - Ưu tiên thiết kế giá mua theo giờ ban ngày áp dụng cho các đối tượng tiêu thụ vì mục đích thương mại và công nghiệp (C và I) để giảm nhu cầu đỉnh cũng như phụ tải đỉnh trên hệ thống truyền tải và giảm bớt tổn thất trong quá trình truyền tải trong dự thảo sửa đổi Quyết định 28/2014/QĐ-TTg ngày 7 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện;
 - Xây dựng biểu giá bán lẻ điện theo khu vực với các mức giá khác nhau áp dụng cho các khu vực khác nhau trong thị trường bán buôn điện;
 - Công bố lộ trình thực hiện giá bán điện vận hành theo thị trường tới năm 2020 và 2025 cho các đối tượng tiêu thụ điện vì mục đích thương mại và công nghiệp;
- Tập trung vào các lĩnh vực đầu tư có thể khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân trong quá trình xây dựng Quy hoạch điện VIII:
 - Nâng cấp và mở rộng các mạng lưới truyền tải và phân phối điện;
 - Cải thiện công tác quản lý hệ thống năng lượng hướng tới đảm bảo các hệ thống điện sản xuất từ năng lượng tái tạo và Hệ thống Pin Lưu trữ (BESS) chiếm tỷ trọng cao hơn;
 - Cải thiện công tác thu thập và cung cấp dữ liệu liên quan đến năng lượng, bao gồm các hoạt động lập bản đồ bức xạ mặt trời, bản đồ tài nguyên gió và phân tích sự thích hợp của đất đai;
 - Phổ biến các chính sách khuyến khích cơ quan nhà nước và hộ gia đình sử dụng điện sinh khối, điện mặt trời, điện gió và các nguồn điện sạch khác.
 - Rút ngắn thời gian ra quyết định và điều phối công tác xây dựng quy định pháp luật để khuyến khích phát triển các nguồn khí đốt ngoài khơi, khí thiên nhiên hóa lỏng LNG, sử dụng năng lượng hiệu quả và năng lượng tái tạo;
- Chúng tôi được biết BCT đang dự thảo một thông tư thay thế cho Thông tư 12/2017/TT-BCT quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực. Chúng tôi tiếp tục khuyến nghị BCT cân nhắc khuyến nghị tăng mức miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực cho dự án phát điện có công suất lắp đặt từ dưới 1 MW lên mức 3MW để người dân có thể được hưởng lợi ích khi đầu tư vào hệ thống điện mặt trời áp mái. Chúng tôi cũng khuyến nghị BTC và BCT cần đặc biệt lưu ý xử lý nhanh và làm rõ việc khi nào có thể thanh toán cho sản lượng điện bán cho đơn vị điện lực.

- BCT cần cân nhắc việc phát triển điện gió ngoài khơi với quy mô lớn theo hướng: thiết lập các hợp đồng mua bán điện có khả năng vay vốn của các tổ chức tài chính quốc tế; đồng bộ hóa quy trình cấp phép và quy hoạch tổng thể trong cơ chế một cửa duy nhất; Huy động sự tham gia của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia thuộc EVN và tất cả các bên liên quan trong việc xây dựng Kế hoạch Truyền tải Lưới điện Chiến lược và xem xét cho phép các chủ đầu tư xây dựng đường truyền 220kv và 500kv của riêng mình; và xác định lộ trình giá điện cho biểu giá điện FIT và hệ thống đấu giá minh bạch có thể áp dụng ít nhất đến năm 2025 để thu hút đầu tư nước ngoài;
- Các nhà máy điện với hệ thống quản lý tài sản năng lượng bằng chương trình lưu trữ “Behind the meter” (BTM) nên được miễn yêu cầu phải có giấy phép hoạt động điện lực nếu công suất chưa vượt quá 50MW; không bắt buộc phải xin phê duyệt trong Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia; nhưng cần thông báo kịp thời cho EVN về thời điểm đưa nhà máy điện vào vận hành;
- Về năng lượng mặt trời và điện gió, chúng tôi tin rằng Việt Nam nên cân nhắc 2 hướng phát triển: các nhà máy điện xa bờ kết hợp cùng năng lượng pin. Các nhà máy xa bờ không chỉ giúp để dành quỹ đất cho mục đích sử dụng khác, mà còn giúp tránh các bất cập trong việc giao đất cho các nhà máy điện. Công nghệ năng lượng pin có thể trở thành lợi thế chiến lược trong đầu tư thúc đẩy phát triển công nghiệp Việt Nam, tăng việc làm mới, và việc triển khai năng lượng pin trong các nhà máy đảm bảo cung cấp năng lượng liên tục thay vì phải tìm đến các nguồn năng lượng tái tạo để bổ sung hoặc các công nghệ khác, ví dụ hiện nay được áp dụng chủ yếu là nhiệt điện. Việt Nam đã cam kết cải thiện khả năng tiếp cận thị trường cho các nhà đầu tư dự án điện tư nhân và cho phép thành lập thị trường điện cạnh tranh. Dù quá trình cổ phần hóa các tổng công ty phát điện (EVN GENCO) chưa có tiến triển, chúng tôi tiếp tục đề nghị BCT sớm hoàn thành việc cổ phần hóa các tổng công ty phát điện EVN GENCO và triển khai thị trường bán buôn điện trong năm 2020; và
- Việc triển khai Luật Quy hoạch 2018¹² trên thực tiễn vẫn còn gây nhiều quan ngại trong cộng đồng nhà đầu tư ngành điện bởi yêu cầu quy hoạch tổng thể quốc gia là cơ sở để xây dựng những kế hoạch tổng thể khác trên toàn quốc, bao gồm các kế hoạch ngành như Quy hoạch điện VIII, và vẫn cần một quyết định cụ thể từ Thủ tướng Chính phủ. Trong khi đó, vẫn còn những điểm không chắc chắn hoặc trì hoãn trong việc triển khai.¹³ Chúng tôi ghi nhận thành tựu các nhà lập pháp đã đạt được trong lĩnh vực này, tuy nhiên vẫn cần thêm hành động để hoàn thiện. Chúng tôi đề nghị làm rõ quy trình phê duyệt dự án các nhà máy phát điện mới có đầu nối vào lưới điện ở Việt Nam, mà chúng tôi hy vọng sẽ theo hướng tinh giản các quy trình phê duyệt và cấp phép. Về vấn đề này, chúng tôi hoan nghênh Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020¹⁴ nhằm cắt giảm các tục hành chính cấp phép. Theo các chỉ đạo này, ít nhất 20% số quy định sẽ được cắt giảm, đơn giản hóa từ nay đến năm 2025. Các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng hiệu quả mong muốn các hướng dẫn này sẽ được triển khai hiệu quả và hữu ích trên thực tế trong khung thời gian đề ra.

Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham đánh giá cao tín hiệu hợp tác tích cực, tăng cường đối thoại với Ban Kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Công thương trong việc xây dựng chính sách năng lượng cho khu vực tư nhân. Chúng tôi tin rằng các chuyên gia thành viên của EuroCham trong lĩnh vực tài chính, phân tích thị trường năng lượng, cung cấp giải pháp công nghệ, cung cấp giải pháp và vật liệu cho sử dụng năng lượng hiệu quả, giảm thiểu vật liệu và rủi ro sẽ tiếp tục tích cực hỗ trợ các Bộ ngành liên quan để xây dựng hệ thống cung cấp năng lượng sạch và bền vững trong tương lai.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham

12 Luật Quy hoạch 21/2017/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2017, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2019.

13 “Hội nghị trực tuyến toàn quốc về thực hiện Luật Quy hoạch”, *Nhân dân*, ngày 15 tháng 7 năm 2018. Xem tại: <https://www.nhandan.com.vn/nation_news/item/40871902-hoi-nghi-truc-tuyen-toan-quoc-ve-thuc-hien-luat-quy-hoach.html> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

14 Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2020 của Chính phủ ban hành chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025.

CHƯƠNG 2 TĂNG TRƯỞNG XANH

TỔNG QUAN

EuroCham thành lập Tiểu ban Tăng trưởng Xanh (GGSC) vào tháng 5 năm 2014 nhằm hỗ trợ các điều kiện cần thiết để thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp xanh và bền vững tại Việt Nam. GGSC đại diện cho khu vực tư nhân, hợp tác chặt chẽ với các bên liên quan trong khu vực công, bao gồm Chính phủ, các Bộ, ngành cũng như các tổ chức viện trợ và các thể chế đa phương. Chương này tập trung vào hai chủ đề chính mà chúng tôi cho rằng Chính phủ cần ưu tiên: thứ nhất là mô hình kinh tế tuần hoàn, bao gồm kiểm soát chất lượng không khí, quản lý nước và chất thải; và thứ hai là công trình bền vững và sử dụng năng lượng hiệu quả.¹

I. MÔ HÌNH KINH TẾ TUẦN HOÀN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Tổng cục Môi trường (TCMT)

Trong ấn bản năm nay, GGSC muốn nhấn mạnh một mô hình sản xuất và tiêu thụ quan trọng, bao gồm chia sẻ, cho thuê, tái sử dụng, sửa chữa, tân trang và tái chế các vật liệu và sản phẩm hiện có càng lâu càng tốt, hay còn gọi là “Kinh tế Tuần hoàn”. Đây là một mô hình tăng trưởng có tính bền vững cao hơn với mục tiêu giảm thải xuống mức tối thiểu và các vật liệu thải loại sẽ được tái sử dụng hiệu quả nhiều lần theo hình thức khác, từ đó giảm nhu cầu sản xuất vật liệu mới và loại bỏ yếu tố rác thải, ô nhiễm khỏi vòng sản xuất.

Chúng tôi khuyến nghị Việt Nam xây dựng nền tảng vững chắc để trong tương lai có thể áp dụng mô hình tăng trưởng này, vốn đã và đang được áp dụng trong một thời gian tại Liên minh châu Âu (EU). Hướng tới một nền Kinh tế Tuần hoàn sẽ mang lại nhiều lợi ích như giảm áp lực ô nhiễm môi trường, cải thiện khả năng đảm bảo nguồn cung nguyên liệu, tăng khả năng cạnh tranh, kích thích tinh thần đổi mới, sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm.

Hình 4: Mô hình Kinh tế Tuần hoàn



Nguồn: Nghị viện châu Âu²

¹ Quan điểm đầy đủ của Tiểu ban Tăng trưởng Xanh về ngành Điện được đề cập trong chương về Năng lượng và Điện lực của Sách Trắng này.

² Nghị viện châu Âu. Xem tại: <<https://www.europarl.europa.eu/news/en/headlines/economy/20150701STO72956/circular-economy-the-importance-of-re-using-products-and-materials>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

Để có thể áp dụng rộng rãi mô hình Kinh tế Tuần hoàn cần có sự điều phối và hỗ trợ của Chính phủ để khuyến khích đóng góp của khu vực tư nhân. Do Chính phủ và các Bộ ngành liên quan đang dự thảo sửa đổi Luật Bảo vệ Môi trường 2014 và các văn bản pháp luật liên quan khác, chúng tôi đề nghị xem xét và phản ánh trong các quy định mới sự chuyển dịch theo hướng mô hình Kinh tế Tuần hoàn. Ví dụ như đối với ngành dệt may, mô hình kinh tế tuần hoàn có thể được áp dụng cho toàn bộ vòng đời sản xuất, và không loại trừ khả năng rằng Liên minh châu Âu sẽ tập trung vào ngành dệt may trong các kế hoạch phát triển sắp tới.

1. Quản lý chất thải

Mô tả vấn đề

Luật Bảo vệ Môi trường của Việt Nam quy định theo nguyên tắc giảm thiểu, tái sử dụng, thu gom, và xử lý chất thải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.³ Tuy nhiên, phần lớn chất thải vẫn đang được thải tại bãi chôn lấp mà không qua xử lý, gồm 89% tổng lượng chất thải rắn tại Hà Nội và 70% tại Thành phố Hồ Chí Minh.^{4 5}

Các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh không chỉ gây nguy hại cho môi trường và ảnh hưởng đến người dân ở khu vực xung quanh mà còn lãng phí nguồn nguyên liệu giá trị vốn có thể được tái chế hoặc ít nhất là sử dụng để sản xuất điện năng – giải pháp ít được ưu tiên nhưng lại giúp xử lý hiệu quả các bãi chôn lấp.

Trong ấn các ấn bản trước đây, chúng tôi đã đề xuất thiết lập và triển khai các mục tiêu rõ ràng và nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý chất thải. Về mặt này, chúng tôi hoan nghênh Quyết định 491⁶ đặt ra các mục tiêu rõ ràng cho việc quản lý chất thải đến năm 2025 với tầm nhìn đến năm 2050, bao gồm đặt ra hạn ngạch thu gom và tái chế cũng như các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng. Chúng tôi cũng ghi nhận Quyết định 849⁷ của Bộ Tài nguyên và Môi trường đặt ra kế hoạch hành động và các mốc thời gian để đảm bảo thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn ở các cấp từ trung ương đến địa phương.

EuroCham sẽ đánh giá cao hơn nếu kế hoạch và quá trình thực hiện kế hoạch có sự phối hợp chặt chẽ với khu vực tư nhân. Các tập đoàn đa quốc gia hiện đang tự đề ra các mục tiêu tái chế và sử dụng năng lượng tái tạo và sẵn sàng hỗ trợ Việt Nam đạt được các mục tiêu này, nhưng họ cần có khung pháp lý hỗ trợ thực hiện tại Việt Nam.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Những mục tiêu đặt ra tại Quyết định 491 và kế hoạch hành động trong Quyết định 849 đều rất mạnh mẽ và chúng tôi hy vọng rằng tất cả các Bộ ngành liên quan sẽ cùng phối hợp để triển khai một khung pháp lý khuyến khích khu vực công và tư cùng đạt được những mục tiêu này.

Xét về khuôn khổ pháp lý, nhiều mục tiêu yêu cầu phải tuân thủ các luật hiện hành. Vì thế, các nhà làm luật và cơ quan quản lý cần phải làm rõ lý do tại sao việc tuân thủ các quy định hiện hành lại hạn chế và tìm giải pháp hiệu quả. Bên cạnh đó, các quy định cần có định nghĩa riêng và rõ ràng hơn cho chất thải rắn để phân biệt với chất thải thông thường.⁸

Với quá trình đô thị hóa nhanh chóng, các hộ gia đình Việt Nam – đặc biệt là ở các thành phố lớn – đang thải ra lượng chất thải ngày càng nhiều vào môi trường. Các thành phần cơ bản nhất của chất thải rắn là chất thải hữu cơ và vô cơ. Chất thải vô cơ bao gồm, ví dụ như thủy tinh, sứ, kim loại, giấy, cao su, nhựa, nhựa nylon, vải và đồ điện tử. Chất thải hữu cơ bao gồm hầu hết thức ăn thừa hoặc hư hỏng, lá rụng, trái cây hư hỏng, ngũ cốc, cám, phân và xác chết động vật.

Việc khuyến khích, khen thưởng và thúc đẩy những hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xử lý chất thải tuân thủ

3 Luật Bảo vệ môi trường 2014 và các văn bản hướng dẫn.

4 “Hiện đại hóa công nghệ xử lý chất thải rắn để rác thực sự là tài nguyên”, *Tài nguyên và Môi trường*, ngày 12 tháng 11 năm 2019. Xem tại: <<https://baotainguyenmoitruong.vn/hien-dai-hoa-cong-nghe-xu-ly-chat-thai-ran-de-rac-thuc-su-la-tai-nguyen-295645.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

5 “Hà Nội sắp hết chỗ để đổ rác”, *Tài nguyên và Môi trường*, ngày 9 tháng 7 năm 2019. Xem tại: <<https://baotainguyenmoitruong.vn/ha-noi-sap-het-cho-de-do-rac-249535.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

6 Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 7 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm-2025, tầm nhìn đến năm 2050.

7 Quyết định 849/QĐ-BTNMT ngày 8 tháng 4 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về kế hoạch thực hiện Nghị quyết 09/NQ-CP của Chính phủ về thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn.

8 “Thiếu quy định về phân loại rác thải nhựa”, *Bộ Tài nguyên và Môi trường*, ngày 23 tháng 10 năm 2019. Xem tại: <<http://www.monre.gov.vn/Pages/thieu-quy-dinh-ve-phan-loai-rac-thai-nhua.aspx>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

quy định pháp luật hiện hành sẽ là động lực cho nhiều hành động tích cực hơn. Các doanh nghiệp không chấp hành nói rằng họ cung cấp dịch vụ tái chế và xử lý chất thải khác với chi phí thấp và theo quy định của pháp luật nhưng sau đó đổ chất thải được thu gom ra sông và môi trường phải chịu trách nhiệm. Một ngành quản lý chất thải mang tính tuân thủ cao sẽ không thể phát triển nếu các doanh nghiệp không tuân thủ vẫn được cạnh tranh một cách không lành mạnh (và thậm chí chiếm thị phần lớn) trên thị trường.

Khuyến nghị

- Chúng tôi ủng hộ Chính phủ luôn xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, và khuyến nghị tiếp tục thực thi nghiêm ngặt các quy định về quản lý chất thải, và xét xử công bằng các hành vi không tuân thủ;
- Triển khai hiệu quả Quyết định 491 và Quyết định 849 bằng cách:
 - Hoàn thiện khung pháp lý về quản lý chất thải, đặc biệt là phân loại chất thải và đưa thị trường nguyên liệu thứ cấp vào quy phạm pháp luật. Cần lưu ý rằng mọi nguồn rác thải nguy hại cần được xử lý tách biệt với các loại chất thải khác và đảm bảo không rò rỉ ra môi trường.
 - Tiếp tục tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp quản lý chất thải tuân thủ pháp luật;
 - Nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý chất thải rắn – đặc biệt cần phân loại chất thải tại hộ gia đình và đơn vị doanh nghiệp như hiện tại đã được áp dụng tại EU – và thúc đẩy giảm thiểu - tái chế - tái sử dụng.
- Phối hợp với khu vực tư nhân trong quá trình sửa đổi khung pháp lý và đưa vào triển khai một kế hoạch chống rác thải nhựa.

2. Xử lý ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa

Mô tả vấn đề

Ô nhiễm nhựa đã trở thành một vấn đề lớn trong những năm gần đây và Việt Nam hiện đứng thứ 4 trong số các quốc gia có lượng nhựa thải ra biển nhiều nhất.⁹ Chỉ có 27% nhựa tại Việt Nam được tái chế trong khi lượng chất thải nhựa đang tăng lên tới 200% mỗi năm.¹⁰ Tình trạng dẫn tới tác động nghiêm trọng không chỉ đối với đời sống của sinh vật biển mà còn đối với sự phát triển kinh tế, sinh kế của cư dân ven biển và có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh lương thực. Tình hình còn phức tạp hơn khi Việt Nam tiếp nhận nhiều containers phế liệu từ các nước trong khu vực.

Chỉ tái chế thì chưa phải là giải pháp toàn diện, vì khoảng 80% lượng nhựa thải ra có giá trị thấp. Hơn nữa, phần lớn các sản phẩm nhựa được sử dụng ở Việt Nam được làm bằng vật liệu không phân hủy và dưới tác động của tia cực tím từ mặt trời và các tác nhân thời tiết như gió, các chất liệu này sẽ phân rã thành những mảnh nhỏ hơn theo thời gian. Các mảnh nhựa nhỏ hơn 5mm, còn được gọi là hạt vi nhựa, có thể bị các động vật hoang dã hấp thụ và ảnh hưởng tiêu cực lên hệ sinh thái cũng như sức khỏe con người.¹¹ Do đó, hành động thiết yếu nhất vẫn là hạn chế sản xuất, sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần như bao bì thực phẩm, túi nhựa, chai nước hoặc ống hút, cũng như tái chế những vật phẩm có giá trị kinh tế (làm từ loại nhựa PET và HDPE). Các biện pháp hữu ích khác bao gồm quảng bá và ban hành các chính sách hỗ trợ việc sử dụng chất liệu và công nghệ tiên tiến, ví dụ như nhựa phân hủy, các chất liệu bao bì tiên tiến phân hủy.

Quá trình tái chế nhựa thông qua phân loại và tách biệt chất thải cũng đồng thời tạo cơ hội tái chế các loại chất liệu khác, ví dụ như giấy, gỗ, vải hoặc các đồ điện tử.

9 J.R. Jambeck, R. Geyer, C. Wilcox, T.R. Siegler, M. Perryman, A. Andrady, R. Narayan and K.L. Law (2015), Chất thải nhựa từ đất liền thải ra đại dương, *Science*, tập 347, số 6223.

10 "Rác thải nhựa tăng 200%, Việt Nam đối mặt nguy cơ thành 'bãi rác toàn cầu'", *Tuổi trẻ*, ngày 28 tháng 9 năm 2019. Xem tại: <<https://tuoitre.vn/rac-thai-nhua-tang-200-viet-nam-doi-mat-nguy-co-thanh-bai-rac-toan-cau-20190928164354037.htm>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

11 *Như trên*, trang 14.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Quyết định 491 quy định rằng đến năm 2025, túi nhựa 100% thân thiện với môi trường sẽ được sử dụng trong các trung tâm thương mại, siêu thị với mục đích thay thế túi nhựa khó phân hủy để phục vụ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày. Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030¹² (Quyết định 1746) đặt mục tiêu giảm 75% chất thải nhựa thải ra biển và đại dương, chấm dứt hoàn toàn việc sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần tại các điểm du lịch và khu du lịch ven biển cũng như việc vứt bỏ ngư cụ xuống biển vào năm 2030. Tất cả là các mục tiêu đáng hưởng ứng và vấn đề nằm ở việc triển khai thực hiện trên thực tế.

Ngoài ra, các quy định và hướng dẫn thực hiện được ban hành sau đó nên được mở rộng để bao gồm ống hút, cốc, bao bì, dụng cụ, chai nhựa sử dụng một lần và các sản phẩm nhựa không phân hủy khác. Về vấn đề này, chúng tôi hoan nghênh Quyết định 1746 đã mở rộng phạm vi áp dụng trong các tài liệu pháp lý trước đây từ “túi nhựa” thành “chất thải nhựa”, “sản phẩm nhựa dùng một lần” và “nhựa khó phân hủy”. Chúng tôi kỳ vọng các quy định khác cũng sẽ được điều chỉnh theo hướng này.

Từ kinh nghiệm quốc tế, Liên minh châu Âu và các quốc gia thành viên đã thành công trong việc cấm các sản phẩm nhựa không phân hủy, và biện pháp này nên được xem xét một cách nghiêm túc tại Việt Nam. Bên cạnh những nỗ lực trong thời gian trước, vào tháng 3 năm 2019, Nghị viện châu Âu đã phê duyệt một lệnh cấm các sản phẩm nhựa dùng một lần, hiện là nguyên nhân của 70% lượng rác thải ra đại dương, kể từ năm 2021. Kinh nghiệm từ các nước phát triển cho thấy, việc cấm hoàn toàn các sản phẩm nhựa dùng một lần này, kết hợp cùng thay đổi nhận thức – hành vi rộng rãi trong cộng đồng, sẽ góp phần đáng kể vào việc giải quyết ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa. Việt Nam hiện đã phát triển ở mức độ có thể cho phép trong việc cấm sử dụng các túi polythene không phân hủy sinh học. Chúng tôi khuyến nghị Việt Nam tham khảo trường hợp của Rwanda nơi túi nhựa không phân hủy đã bị cấm trong năm 2008. Đây là ví dụ cho thấy điều này có thể đạt được ở các nước đang phát triển.¹³

Cộng đồng doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam đã có nhiều hành động để góp phần giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa tại Việt Nam, ví dụ như:

- Năm 2017, EuroCham khởi xướng chương trình Sáng kiến Bền vững, bao gồm loại bỏ chai nhựa sử dụng một lần và ống hút nhựa trong văn phòng. Hiện các công ty thành viên và Ban Thư ký EuroCham đang tích cực thực hiện theo;
- Trong những năm gần đây, ngày càng có nhiều doanh nghiệp thành viên EuroCham tham gia giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế nhựa không phân hủy và thay thế chúng bằng vật liệu có khả năng tái chế trong sản xuất, đóng gói và phân phối, hoạt động kinh doanh hàng ngày và thậm chí là xây dựng đường giao thông làm từ nhựa tại chỗ;
- Các thành viên EuroCham đã tích cực tiên phong hoặc tham gia các sáng kiến về giảm ô nhiễm nhựa trên thế giới cũng như tại Việt Nam, chẳng hạn như Liên minh Chấm dứt Rác thải Nhựa (AEPW) và Liên minh Tái chế Bao bì Việt Nam (PRO Việt Nam), cả hai đều được ra mắt vào năm 2019.
- Chúng tôi ủng hộ dự án “Tư duy lại về nhựa - giải pháp kinh tế tuần hoàn cho rác thải biển” của Liên minh châu Âu, đi vào hoạt động tại Việt Nam từ tháng 5 năm 2019 đến tháng 4 năm 2022. Dự án đặt mục tiêu nhằm giảm đáng kể rác thải biển, hỗ trợ Việt Nam chuyển đổi hiệu quả sang sản xuất và tiêu thụ bền vững nhựa và củng cố quan hệ hợp tác giữa EU và Việt Nam trong các lĩnh vực kinh tế tuần hoàn.

Khuyến nghị

Chúng tôi trân trọng việc Bộ TN&MT, phối hợp với các cơ quan Chính phủ khác, đã tiếp tục điều chỉnh, thực thi các quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề liên quan đến chất thải nhựa. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng nhiều giải pháp mang tính hệ thống có thể được áp dụng như sau:

- Triển khai các quy định hiện có khi được ban hành và đảm bảo thực thi nghiêm ngặt các hình phạt đối với các trường hợp vi phạm quy định về quản lý chất thải;

¹² Quyết định 1746/QĐ-TTg ngày 4 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030.

¹³ E. Clavel, “Nghĩ rằng bạn không thể sống thiếu túi nhựa? Hãy xem Rwanda đã thực hiện được”, *The Guardian*, ngày 15 tháng 2 năm 2014. Xem tại: <<https://www.theguardian.com/commentisfree/2014/feb/15/rwanda-banned-plastic-bags-so-can-we>> truy cập lần cuối ngày 20 tháng 12 năm 2018.

- Khuyến khích các quy định quy pháp luật thúc đẩy Việt Nam áp dụng các quy định của EU về rác thải từ trang thiết bị điện và điện tử (WEEE), hạn chế hoá chất nguy hại trong sản phẩm điện tử (RoSH), Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế sử dụng hóa chất (REACH) như một giải pháp đảm bảo các sản phẩm có nguồn gốc từ Việt Nam có thể tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu và thực sự có thể hỗ trợ cho sự phát triển của nền Kinh tế Tuần hoàn trên toàn cầu;
- Cần có những quy định chặt chẽ hơn nếu Việt Nam đặt mục tiêu cấm hoàn toàn các sản phẩm nhựa không phân hủy sinh học sử dụng một lần từ năm 2025. Chúng tôi đề xuất Việt Nam tiếp cận từng bước, trước hết hoàn thiện các chính sách và cơ chế để hạn chế sản xuất và sử dụng túi nhựa không phân hủy sinh học cũng như phát triển sản xuất nhựa phân hủy. Việc này có thể được tiến hành thông qua tăng thuế bảo vệ môi trường khi sử dụng túi nhựa và đẩy mạnh các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng. Hiện nay, thuế bảo vệ môi trường áp dụng cho túi nylon được quy định tại Luật Thuế Bảo vệ Môi trường 57/2010/QH12 của Quốc hội ngày 15 tháng 11 năm 2010. Để có cơ sở áp dụng tăng thu thuế bảo vệ môi trường cho túi nylon nhằm giảm thiểu sử dụng, chúng tôi khuyến nghị Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, trình Quốc hội xem xét. Có thể áp dụng thí điểm trước khi thực hiện đồng bộ toàn quốc. Sau đó, Việt Nam có thể tiến tới cấm hoàn toàn các sản phẩm này. Việt Nam hiện nay có đánh thuế túi nhựa plastic, nhưng chính sách này chưa thực sự thành công.¹⁴ Theo quan điểm của chúng tôi, vấn đề cơ bản là do hệ thống thu thuế còn thiếu hiệu quả.
- Chất thải sinh hoạt ở cấp hộ gia đình cần được phân loại để có thể áp dụng các giải pháp xử lý chất thải tiết kiệm chi phí. Cần khuyến khích sự tham gia của các nhà đầu tư tư nhân trong lĩnh vực này. Nếu chất thải được phân tách thành hai nhóm, tức là hữu cơ và vô cơ, hoặc ba nhóm, tức là hữu cơ, nhựa và thủy tinh tại từng hộ gia đình, điều này sẽ cho phép xử lý chất thải sinh hoạt hiệu quả hơn về mặt chi phí và cho phép khu vực tư nhân tham gia đầu tư. Tại EU, chất thải điện tử, giấy, dầu qua sử dụng và quần áo được xếp loại khác nhau. Việc phân loại chất thải sinh hoạt có thể được áp dụng cho một dự án thí điểm ở một hoặc hai thành phố trước khi được nhân rộng trên toàn quốc. Công việc này trên thực tế đã được thực hiện từ lâu ở châu Âu và chúng tôi sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực này.
- Bên cạnh giảm thiểu túi nhựa dùng một lần, cần đồng thời hạn chế các sản phẩm nhựa không phân hủy sinh học khác như ống hút, cốc và bao bì. Hiện nay những sản phẩm này thường là nhựa không phân hủy, vì vậy cần chuyển sang sử dụng chất liệu có thể phân hủy hoàn toàn.
- Hợp tác với khu vực tư nhân và các tổ chức quốc tế đang tích cực tham gia giải quyết vấn đề ô nhiễm từ chất thải nhựa cần được tăng cường.

3. Giải pháp xử lý nước thải

Chất lượng nước, đặc biệt là ở khu vực đô thị, đã giảm sút đến mức có nguy cơ đe dọa sức khỏe và sinh kế của người dân.¹⁵

I. Các quy định về nước thải

Mô tả vấn đề

Việt Nam có 49 nhà máy xử lý nước thải tập trung tại các đô thị loại 3 trở lên với tổng công suất thiết kế khoảng 1,181,380m³/ngày, nhưng chỉ có 13% nước thải đô thị được xử lý trong khi hầu hết nước thải chưa qua xử lý bị thải trực tiếp ra môi trường.¹⁶ Riêng đối với nước thải công nghiệp, Bộ TN&MT báo cáo 88,3% các khu công nghiệp hoạt động tại Việt Nam có hệ thống xử lý nước thải tập trung nhưng khả năng sử dụng các hệ thống đó chỉ giới hạn ở mức 48%.¹⁷ Việc thiếu sự phối hợp trong giám sát hoạt động xử lý nước thải dẫn tới hậu quả lớn về môi trường và kinh tế-xã hội, ảnh hưởng đến sinh kế của hàng triệu người.

14 "Lỗ hổng và thành công trong việc hạn chế trốn thuế đánh vào túi nhựa", *Vietnam News*, ngày 20 tháng 2 năm 2019. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/environment/466610/loopholes-and-evasion-limit-success-of-plastic-bag-tax.html#plV6B5o3VZtgPBtS.99>> truy cập lần cuối ngày 20 tháng 2 năm 2019.

15 "Tái sử dụng nước thải để giảm ô nhiễm nguồn nước", *Hội Năng lượng Sạch Việt Nam*, ngày 18 tháng 10 năm 2019. Xem tại: <<http://nangluongsachvietnam.vn/d6/vi-VN/news/Tai-su-dung-nuoc-thai-de-giam-o-nhiem-nguon-nuoc-6-1953-4874>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

16 "Tỷ lệ thu gom xử lý nước thải đô thị ở Việt Nam chỉ đạt khoảng 13%", *Tài nguyên và Môi trường*, 6 tháng 10 năm 2019. Xem tại: <<https://baotainguyenmoitruong.vn/ty-le-thu-gom-xu-ly-nuoc-thai-do-thi-o-viet-nam-chi-dat-khoang-13-293930.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

17 "Hiệu suất sử dụng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp đạt thấp", *Báo Công Thương*, ngày 29 tháng 12 năm 2019. Xem tại: <<https://congthuong.vn/hieu-suat-su-dung-he-thong-xu-ly-nuoc-thai-tap-trung-tai-cac-khu-cong-nghiep-dat-thap-130777.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

Chương 19 của Bộ luật Hình sự 2017¹⁸ quy định hình phạt đối với hành vi vi phạm quy định về nước thải, nếu vi phạm nghiêm trọng có thể dẫn đến đóng cửa vĩnh viễn doanh nghiệp. Tuy nhiên, pháp luật sẽ không mang tính răn đe, hiệu quả nếu không được nghiêm khắc thực hiện trên thực tế hoặc số tiền phạt quá nhỏ so với chi phí triển khai các biện pháp xử lý nước thải hiệu quả hơn.

Chúng tôi hoan nghênh Chính phủ đã ban hành Nghị định 53/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 5 năm 2020 quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, thay thế và bổ sung nhiều quy định chặt chẽ so với Nghị định 154/2016/NĐ-CP. Chúng tôi hy vọng Nghị định 53/2020/NĐ-CP sẽ được triển khai hiệu quả từ ngày 1 tháng 7 năm 2020.

Khuyến nghị

- Áp dụng các hình phạt nghiêm khắc đối với các khu công nghiệp xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường để làm gương;
- Xây dựng hướng dẫn và quy trình chuẩn về tái sử dụng nước đã qua xử lý cho tưới tiêu và các nhu cầu công nghiệp khác; và
- Khuyến khích tái sử dụng nước thải bằng cách đưa ra các khuôn khổ, hướng dẫn và tiêu chuẩn pháp lý để hỗ trợ những tổ chức có nước được xử lý loại A+ chia sẻ nguồn nước chất lượng cho các mục đích sử dụng khác như tưới tiêu và sản xuất công nghiệp.

II. Khu vực tư nhân tham gia đảm bảo an ninh nguồn nước

Tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh của Việt Nam đã đặt ra những áp lực không ngừng đối với tài nguyên nước, từ đó dẫn đến nhiều áp lực kinh tế. Năm 2019, Ngân hàng Thế giới đã báo cáo về tình trạng mất cân bằng cung-cầu ở một số địa điểm và mùa nhất định, cũng như tình trạng cạnh tranh giữa các khu vực đòi hỏi sự giám sát chặt chẽ hơn về quản lý và phân bổ tài nguyên nước. Đầu tư vào lĩnh vực nước hiện nay chủ yếu đến từ khu vực công. Tuy nhiên, lĩnh vực này vẫn có sự thiếu hụt trong đầu tư và tài chính.¹⁹ Trong khi đó, Bộ Xây dựng (BXD) ước tính cho đến năm 2020 Việt Nam sẽ cần các khoản đầu tư trị giá hơn 10 tỷ Đô-la Mỹ vào lĩnh vực cung cấp và thoát nước.²⁰ Những mục tiêu này sẽ khó đạt được trong năm nay nếu không kêu gọi đầu tư từ khu vực tư nhân.

Mặt khác, Việt Nam có thể tạo ra lợi ích kinh tế lớn hơn nhiều từ một ngành công nghiệp nước bền vững so với hiện tại. Các tổ chức viện trợ và các thể chế đa phương đã và đang sẵn sàng hỗ trợ Việt Nam về tài chính, hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực. Tuy nhiên, sự sẵn sàng của họ sẽ không kéo dài vĩnh viễn.

Giá nước sạch và xử lý nước thải còn quá thấp để các nhà đầu tư tư nhân xây dựng các doanh nghiệp có lợi nhuận tài chính. Giá nước thải đã qua xử lý của Việt Nam được tính dựa trên mức giá cung cấp nước sạch dù trên thực tế, chi phí xử lý nước thải cao hơn chi phí cung cấp nước sạch.

Chính phủ đã lên lịch trình cổ phần hóa Công ty Nước sạch Hà Nội (Hawaco), Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn (Sawaco) và 51 doanh nghiệp nước khác vào năm 2020.²¹ Bên cạnh sự cần thiết cải tiến cơ chế giá cả, quy trình ra quyết định và các yếu tố kỹ thuật khác liên quan đến quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (DNNN), khu vực tư nhân sẽ không có các khoản đầu tư lớn vào các công ty này nếu các điều kiện kinh doanh cơ bản không đem đến lợi nhuận tài chính và không bền vững về mặt kinh tế.

Khuyến nghị

- Chúng tôi khuyến nghị chuyển sang mô hình tính giá theo nhu cầu sử dụng đối với xử lý nước thải;
- Phối hợp thực hiện các quy định về xử lý nước thải và phí bảo vệ môi trường để loại bỏ yếu tố chưa rõ ràng; và
- Tạo điều kiện bền vững cho các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh nước.

¹⁸ Bộ luật Hình sự 12/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự 100/2015/QH13.

¹⁹ "Việt Nam hướng tới hệ thống nước an toàn, sạch và năng động", *World Bank Group's Water Global Practice*, 2019. Xem tại: <<http://documents.worldbank.org/curated/en/589341559130979599/pdf/Vietnam-Toward-a-Safe-Clean-and-Resilient-Water-System.pdf>> truy cập lần cuối ngày 29 tháng 12 năm 2019.

²⁰ "Cần hơn 10 tỷ Đô-la Mỹ cho các dự án cung cấp, xử lý nước", *VietnamPlus*, ngày 7 tháng 11 năm 2017. Xem tại: <<https://en.vietnamplus.vn/over-10-billion-usd-needed-for-water-supply-treatment-projects/120753.vnp>> truy cập lần cuối ngày 7 tháng 11 năm 2017.

²¹ Phụ lục II, Quyết định 58/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 – 2020.

4. Quản lý chất lượng môi trường không khí

Mô tả vấn đề

Chất lượng môi trường không khí ở các thành phố lớn của Việt Nam, cụ thể là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, đã liên tục xuống thấp đến mức nguy hiểm và trở thành mối lo ngại về sức khỏe trong thời gian từ năm 2013 đến 2019.²² Lưu huỳnh dioxide, bụi, dioxide, cacbon monoxide và nitơ dioxide thải ra từ hoạt động giao thông vận tải, công nghiệp và xây dựng, cũng như từ các nhà máy nhiệt điện và nhà máy xi măng.

Một nghiên cứu của Đại học Kinh tế Quốc dân báo cáo ô nhiễm không khí đã gây thiệt hại cho nền kinh tế Việt Nam 10,8-13,6 tỷ Đô-la Mỹ mỗi năm kể từ năm 2012. Số ngày có chỉ số chất lượng không khí đạt mức nguy hiểm trong năm 2019 cao hơn so với các năm trước.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việt Nam còn thiếu các quy định cụ thể về ô nhiễm môi trường không khí. Chúng tôi nhận thấy trong năm 2016, Chính phủ đã đưa ra kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 (Quyết định 985a). Vào tháng 12 năm 2019, Bộ Y tế đã ban hành hướng dẫn 14 bước để giúp đối phó với ô nhiễm không khí, đây là nội dung tư vấn công khai đầu tiên về ô nhiễm môi trường không khí.²³

Mặc dù Tổng cục Môi trường đã thiết lập các mục tiêu phát thải,²⁴ Chính phủ Việt Nam vẫn chưa có chính sách rõ ràng và các mục tiêu cụ thể để kiểm soát chất lượng môi trường không khí. Ngoài ra, Việt Nam chưa có quy định kiểm soát ô nhiễm môi trường phát sinh từ bãi rác, nhà máy và khu nuôi trồng thủy sản.

Khuyến nghị

- Đẩy nhanh việc sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường 2014, đặc biệt là về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí. Khu vực tư nhân sẵn sàng đóng góp kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn cho các dự thảo sửa đổi luật hiện hành và chia sẻ kinh nghiệm từ EU;
- Đưa ra các mục tiêu và quy định chính sách cụ thể về kiểm soát chất lượng không khí và khí thải;
- Cân nhắc tăng thuế bên cạnh những sắc thuế và phí, lệ phí hiện đang áp dụng đối với các nhà máy nhiệt điện than, nhà máy xi măng và các nguồn ô nhiễm chính khác dựa trên những ảnh hưởng về mặt kinh tế, xã hội và sức khỏe, mặt khác, đảm bảo mức đầu tư cần thiết vào các thiết bị lọc khí để giảm khí thải ô nhiễm từ các trạm phát điện; và
- Đẩy mạnh phát triển giao thông công cộng không gây ô nhiễm môi trường không khí.

II. ĐÔ THỊ BỀN VỮNG: CÁC CÔNG TRÌNH XANH VÀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ TRONG TÒA NHÀ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Xây dựng (BXD), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT)

Mô tả vấn đề

Chúng tôi hoan nghênh Việt Nam xây dựng các thành phố thông minh, hướng tới tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.²⁵ Các công trình, hiện là nguyên nhân chính của lượng khí thải carbon trong các thành phố, sẽ đóng

22 “Bộ trưởng Trần Hồng Hà: Ô nhiễm không khí do nguyên nhân chủ quan”, *Báo Chính phủ*, ngày 19 tháng 12 năm 2019. Xem tại: <<http://baochinhphu.vn/Hoat-dong-Bo-nganh/Bo-truong-Tran-Hong-Ha-O-nhiem-khong-khi-do-nguyen-nhan-chu-quan/383018.vgp>> truy cập lần cuối ngày 19 tháng 12 năm 2019.

23 “Bộ Y tế hướng dẫn bảo vệ sức khỏe khỏi ô nhiễm không khí”, *VN Express*, 16 tháng 12 năm 2019. Xem tại: <<https://e.vnexpress.net/news/news/health-ministry-issues-first-public-advisory-on-air-pollution-4028017.html>> truy cập lần cuối ngày 16 tháng 12 năm 2019.

24 “Việt Nam xác định mục tiêu phát thải 2020 gồm giảm ô nhiễm khói bụi”, *VN Express*, ngày 23 tháng 9 năm 2016. Xem tại: <<http://e.vnexpress.net/news/news/vietnam-sets-2020-emissions-targets-as-nation-chokes-on-smog-3472995.html>> truy cập lần cuối ngày 20 tháng 12 năm 2017.

25 Quyết định 950/QĐ-TTg ngày 01 tháng 08 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

vai trò ngày càng quan trọng hơn trong sự phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường tại các đô thị phát triển bền vững. Một số Công trình Xanh (CTX) đã được chứng nhận tại Việt Nam nhưng tốc độ phát triển của mô hình này vẫn còn khiêm tốn. Việt Nam hiện có trên 100 công trình đã được chứng nhận công trình xanh, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng này còn thấp so với các nước láng giềng trong khu vực ASEAN.²⁶ Chương trình quốc gia về hiệu quả năng lượng đặt mục tiêu đạt được 150 CTX vào năm 2030.²⁷ Xét nhu cầu về công trình xây dựng ngày càng tăng nhanh, Việt Nam có thể đạt ra mục tiêu cao hơn thế.

Tuy nhiên, có những thách thức Việt Nam cần giải quyết để xây dựng các công trình xanh hơn và phát triển các thành phố bền vững hơn.

Vật liệu xây dựng bền vững

Sử dụng vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường giúp giảm đáng kể tác động lên môi trường và tiêu thụ năng lượng trong xây dựng và vận hành công trình. Chúng tôi đánh giá cao việc Chính phủ và Bộ Xây dựng đưa ra các biện pháp để giảm thiểu sử dụng gạch nung: Quyết định 567²⁸ đặt ra mục tiêu đạt tỷ lệ sử dụng gạch không nung 30-40% vào năm 2020; Nghị định 24a²⁹ quy định gạch không nung là vật liệu thân thiện với môi trường để nhận được các ưu đãi đầu tư từ Nhà nước. Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định 139³⁰ quy định mức phạt do không tuân thủ là từ 20 đến 30 triệu đồng. Tuy nhiên, chúng tôi mong đợi các quy định này sẽ được thực hiện hiệu quả hơn ở cấp trung ương và địa phương.

Sử dụng năng lượng hiệu quả trong tòa nhà

Hoạt động xây dựng và các công trình cao tầng là những đối tượng tiêu thụ nhiều điện năng nhất, chiếm đến 40% lượng điện tiêu thụ của cả nước.³¹ Các tòa nhà ở Việt Nam cần phải sử dụng năng lượng hiệu quả hơn. Việc tạo ra những công trình tiết kiệm năng lượng hơn chỉ làm tăng chi phí xây dựng khoảng 3% nhưng sẽ giúp giảm chi phí vận hành lên đến 36%.³² Tích hợp các thiết bị tiết kiệm năng lượng, lý tưởng ngay từ trong quá trình xây dựng, sẽ hoàn thiện quá trình chuyển đổi và cải thiện lâu dài sự phát triển bền vững của thành phố nơi có các công trình đó.

Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả (VEEBC)³³ của Bộ Xây dựng sửa đổi năm 2017 là tiền đề để tháo gỡ khó khăn ở các địa phương trong việc áp dụng quy chuẩn. Bộ Xây dựng đã tổ chức một số khóa tập huấn để nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho cán bộ tại các Sở Xây dựng. Tuy nhiên, cộng đồng doanh nghiệp nhận thấy Quy chuẩn này vẫn chưa được phổ biến và áp dụng rộng rãi trong thực tiễn.

Do những hạn chế trong việc thực thi quy định pháp luật, hiện tại những chỉ dẫn, thông lệ của doanh nghiệp quốc tế dường là động lực duy nhất. Vì giá điện thấp nên các doanh nghiệp chưa có nhu cầu giảm thiểu chi phí hoạt động. Do đó, đầu tư cho công trình xanh vẫn còn rất thấp để có thể giải quyết các vấn đề môi trường hiện tại.

26 Công văn 1455/BXD-HTKT ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Bộ Xây dựng gửi EuroCham.

27 Quyết định 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Hiệu quả Năng lượng Quốc gia (VNEEP) cho giai đoạn 2019-2030.

28 Quyết định 567/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020.

29 Nghị định 24a/2016/NĐ-CP ngày 5 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng.

30 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở.

31 "Thúc đẩy các chính sách về tiết kiệm năng lượng trong ngành xây dựng", *Tài nguyên và Môi trường*, 14 tháng 9 năm 2019. Xem tại: <<https://baotainguyenmoitruong.vn/thuc-day-cac-chinh-sach-ve-tiet-kiem-nang-luong-trong-nganh-xay-dung-293312.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

32 "Tiết kiệm năng lượng trong tòa nhà: Tiềm năng còn rất lớn", *Bộ Công Thương*, 6 tháng 2 năm 2017. Xem tại: <<https://www.moit.gov.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/tiet-kiem-nang-luong-trong-toa-nha-tiem-nang-con-rat-lon-109147-801.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

33 Quy chuẩn QCVN 09:2017/BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả.

Khuyến nghị

Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham kính đề xuất các giải pháp sau, trên nguyên tắc phát triển hơn nữa các chính sách khuyến khích phát triển công trình sử dụng hiệu quả năng lượng và công trình xanh; bao gồm cả công trình có vốn đầu tư công; và đẩy mạnh áp dụng các giải pháp quy hoạch, kiến trúc, sử dụng vật liệu, hệ thống kỹ thuật và quản lý công trình nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Các đề xuất cụ thể là:

- BXD đang soạn thảo Luật Xây dựng 2014 sửa đổi. Chúng tôi khuyến nghị nên bổ sung các quy định về gạch không nung và sử dụng năng lượng hiệu quả vào luật sửa đổi. Các thành viên của EuroCham sẵn sàng đóng góp kinh nghiệm chuyên môn quốc tế vào quá trình soạn thảo luật;
- Thực hiện và đẩy mạnh việc áp dụng các giải pháp gạch không nung thông qua Hội Vật liệu Xây dựng Việt Nam (VABM);
- Minh bạch hóa hơn về thời điểm áp dụng giá điện dựa trên giá thị trường và loại bỏ trợ cấp sẽ ngay lập tức kích thích đầu tư vào các biện pháp hiệu quả về năng lượng rộng rãi. Bộ Công Thương nên công bố Lộ trình Biểu giá bán lẻ điện cho người tiêu dùng điện trong lĩnh vực thương mại và công nghiệp đến năm 2025, thể hiện rõ khả năng làm phát giá điện cho chủ sở hữu tòa nhà. Với tư cách là những người tiêu dùng điện với khối lượng lớn, các thành viên EuroCham khuyến nghị một khung giá rõ ràng hơn khung giá bán lẻ điện bình quân được Thủ tướng Chính phủ ban hành công khai cho từng thời kỳ hiện đang được áp dụng. Việc này nhằm cho phép họ dự đoán làm phát giá điện và giảm thiểu tác động đối với các doanh nghiệp bằng cách giảm tiêu thụ điện và/hoặc bắt đầu sản xuất tự động với các nguồn năng lượng tái tạo (ví dụ, điện mặt trời áp mái);
- Tăng cường Hiệu quả sử dụng năng lượng trong các tòa nhà. Quy trình này có thể được áp dụng từ giai đoạn kiến trúc với giải pháp thiết kế thụ động, sử dụng vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường cho đến sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng trong khi xây dựng. Chúng tôi khuyến khích tất cả các công trình đáp ứng các tiêu chuẩn tối thiểu của VEEBC (hoặc quy chuẩn đơn giản hơn) để được cấp giấy phép xây dựng trong Giai đoạn Thiết kế Cơ bản. Thêm vào đó, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) có thể áp dụng biểu giá điện trong đó công trình tiêu thụ năng lượng thấp sẽ được hưởng giá thấp hơn và công trình có mức tiêu thụ cao sẽ bị áp mức giá cao hơn;
- Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ khuyến khích chủ công trình xây dựng xin cấp chứng chỉ công trình xanh. Trên thị trường đã có nhiều phương án lựa chọn như Chứng chỉ Định hướng Thiết kế về Năng lượng và Môi trường (LEED), Hệ thống Chứng chỉ Xanh EDGE của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), và chứng chỉ LOTUS của Hội đồng Công trình xanh Việt Nam (VGBC). Chúng tôi ủng hộ công nhận nhiều hệ thống khác nhau được áp dụng tại Việt Nam, và tự thị trường sẽ chọn lọc hệ thống nào thiết thực và hữu ích. Những hệ thống này có thể được cấp giấy phép hoạt động dựa trên một bộ tiêu chí đơn giản như tính minh bạch, tính đáng tin cậy và tính phù hợp với các tiêu chuẩn đã được công nhận;
- Có rất nhiều giải pháp xây dựng các công trình bền vững và nhiều ví dụ thành công trong thực tiễn trên thị trường. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng cần thực hiện một thiết kế quy hoạch đô thị rõ ràng, trong đó không chỉ có các giải pháp về công trình xanh mà cả các giải pháp cải thiện các vấn đề về nước, chất thải, giao thông, cải thiện môi trường sinh sống. Những gì người dân và chính quyền địa phương có thể thực hiện ở cấp độ riêng lẻ mỗi tòa nhà phải được đưa vào một tầm nhìn toàn diện cho cả đô thị, từ cảnh quan cây xanh của thành phố cho đến các nguồn nước và đến các công trình công cộng. Sự liên kết của tất cả các yếu tố trong một môi trường sống thông minh và đáng sống hơn sẽ giúp giảm nhiệt độ đô thị và hấp thụ khí thải. Chương trình ưu đãi và chính sách ở cấp vĩ mô này có thể giúp Việt Nam hướng tới các mục tiêu xây dựng thành phố thông minh và bền vững.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham

CHƯƠNG 3 NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

TỔNG QUAN

Tiểu ban Nguồn Nhân lực và Đào tạo thuộc EuroCham xin chân thành cảm ơn những thay đổi tích cực, những nỗ lực của Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan trong việc cải thiện các quy định về luật lao động, việc làm và đào tạo trong những năm gần đây. Chúng tôi hoàn toàn ủng hộ việc Chính phủ tăng cường đối thoại và tham vấn ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp.

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam (SEDS) giai đoạn 2011 - 2021 xác định việc thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực/phát triển kỹ năng nguồn nhân lực là một trong ba lĩnh vực đột phá. Mặc dù mức đầu tư vào đào tạo đều tăng hằng năm, việc thiếu các kỹ năng cần thiết trong các ngành công nghiệp và ngành nghề trọng yếu là thách thức đáng kể cho lực lượng lao động Việt Nam. Việc nâng cao chất lượng đào tạo, giáo dục và hệ thống pháp luật về quản lý lao động sẽ giúp đáp ứng nhu cầu về lực lượng lao động có tay nghề, nâng cao năng suất và thúc đẩy môi trường đầu tư cạnh tranh lành mạnh.

Chúng tôi rất quan tâm tới việc cải thiện chất lượng lao động, quyền lao động và cam kết lao động, đặc biệt là trong thời điểm Việt Nam đang tham gia tích cực vào quá trình hội nhập toàn cầu; ký kết và thực hiện nhiều Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), bao gồm việc phê chuẩn Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA).

EVFTA bao gồm một chương nội dung nhấn mạnh và toàn diện về Thương mại và Phát triển Bền vững, giải quyết nhiều vấn đề bao gồm các vấn đề lao động liên quan đến quan hệ thương mại giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam. Mục tiêu là để thúc đẩy sự tương hỗ giữa thương mại, đầu tư và chính sách lao động cũng như để đảm bảo rằng việc tăng cường thương mại sẽ không ảnh hưởng đến quyền lợi người lao động. Trong bối cảnh này, Việt Nam đã cam kết sẽ phê chuẩn và thực thi hiệu quả các Công ước cơ bản của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), bao gồm hai Công ước đang chờ được phê chuẩn (số 87 và 105). FTA cũng bao gồm các cam kết thúc đẩy hoạt động kinh doanh có trách nhiệm (Trách nhiệm Xã hội của Doanh nghiệp - CSR) của doanh nghiệp có nguồn vốn đầu tư trong nước hoặc nước ngoài. Trong năm 2019, Việt Nam đã phê chuẩn Công ước số 98 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và dự định sẽ sớm phê chuẩn các Công ước cơ bản còn lại của ILO. Chúng tôi rất vui mừng khi thấy Việt Nam đã thực hiện các nguyên tắc chính của các công ước này trong Bộ luật Lao động sửa đổi đã được Quốc hội thông qua vào ngày 20 tháng 11 năm 2019 và sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2021¹ (Bộ luật Lao động sửa đổi). Để đảm bảo Việt Nam có thể tuân thủ các cam kết theo EVFTA, chúng tôi đề xuất các khuyến nghị sau:

- Thực hiện theo kế hoạch hành động để phê chuẩn các Công ước cơ bản còn lại của ILO, theo đó, Công ước ILO 105 dự kiến sẽ được phê chuẩn năm 2020 và Công ước ILO 87 sẽ được phê chuẩn năm 2023;
- Đảm bảo rằng các Nghị định hướng dẫn thực hiện Bộ luật Lao động sửa đổi sẽ được ban hành trong năm 2020, phù hợp với các cam kết EVFTA;
- Bắt đầu quá trình sửa đổi Luật Công đoàn để phản ánh các nguyên tắc tự do lập hội được quy định trong Công ước ILO 87;
- Phối hợp với ILO để theo dõi và hỗ trợ thúc đẩy thực hiện các cam kết EVFTA;
- Nâng cấp hệ thống thanh tra lao động để nâng cao khả năng thực hiện có hiệu quả các tiêu chuẩn lao động; và
- Phát triển nhận thức về các nguyên tắc CSR phù hợp với Hướng dẫn của OECD cho các Doanh nghiệp Đa quốc gia và Các Nguyên tắc Hướng dẫn về Doanh nghiệp và Quyền Con người của Liên Hiệp Quốc.

Để thực hiện có hiệu quả EVFTA, Việt Nam cũng cần cải thiện môi trường làm việc trong quá trình chuẩn bị và thực thi các quy định hiện hành (như trình bày chi tiết dưới đây) cũng như việc thông qua các bộ luật trong tương lai.

¹ Bộ luật Lao động 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội.

Bộ luật Lao động sửa đổi đã đưa ra nhiều thay đổi tích cực sẽ giúp giải quyết khó khăn của các nhà tuyển dụng trong quản lý lao động một cách thiết thực hơn. Tuy nhiên, nhiều điều khoản vẫn không rõ ràng, vì vậy chúng tôi đề nghị Chính phủ ban hành các quy định chi tiết để làm rõ và áp dụng luật hiệu quả.

I. LÀM THÊM GIỜ, NỘI QUY LAO ĐỘNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH)

1. Làm thêm giờ

Mô tả vấn đề

Trong các lần lấy ý kiến do Bộ LĐTB&XH và Chính phủ tổ chức trong quá trình soạn thảo Bộ luật Lao động sửa đổi, cộng đồng doanh nghiệp đã vận động để tăng giới hạn số giờ làm thêm mỗi năm. Mặc dù các bản dự thảo ban đầu của Bộ luật Lao động sửa đổi đã nâng mức tối đa hàng năm lên 400 giờ, cuối cùng Việt Nam chọn cách tiếp cận thận trọng và giữ mức giới hạn hàng năm là 200 giờ/năm, có thể tăng thêm trong các trường hợp đặc biệt lên đến 300 giờ/năm. Tuy nhiên, quy định mới sẽ tăng giới hạn số giờ làm thêm hàng tháng từ 30 lên 40 giờ và quy định chi tiết hơn về các trường hợp đặc biệt có thể tăng giới hạn số giờ làm thêm mỗi năm. Tốc độ tăng trưởng nhanh của Việt Nam đòi hỏi phải làm thêm giờ trong nhiều ngành, đặc biệt là đối với những ngành mới tại Việt Nam.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Để khai thác triệt để các cơ hội tăng trưởng kinh tế mở ra cho Việt Nam khi tham gia các hiệp định thương mại tự do mới, chúng tôi khuyến nghị bổ sung quy định về các trường hợp có thể tăng giới hạn tổng số giờ làm thêm hàng năm từ 200 đến 300 giờ trong các Nghị định hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động sửa đổi.

Điều 107.3 Bộ luật Lao động sửa đổi quy định như sau:

3. *Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm không quá 300 giờ trong 01 năm trong một số ngành, nghề, công việc hoặc trường hợp sau đây:*
 - a) *Sản xuất, gia công xuất khẩu sản phẩm hàng dệt, may, da, giày, điện, điện tử, chế biến nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản;*
 - b) *Sản xuất, cung cấp điện, viễn thông, lọc dầu; cấp, thoát nước;*
 - c) *Trường hợp giải quyết công việc đòi hỏi lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao mà thị trường lao động không cung ứng đầy đủ, kịp thời;*
 - d) *Trường hợp phải giải quyết công việc cấp bách, không thể trì hoãn do tính chất thời vụ, thời điểm của nguyên liệu, sản phẩm hoặc để giải quyết công việc phát sinh do yếu tố khách quan không dự liệu trước, do hậu quả thời tiết, thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, thiếu điện, thiếu nguyên liệu, sự cố kỹ thuật của dây chuyền sản xuất;*
 - đ) *Trường hợp khác do Chính phủ quy định.*

Khuyến nghị

Đối với Điều 107.3(đ), “trường hợp khác do Chính phủ quy định”, chúng tôi khuyến nghị bổ sung quy định linh hoạt và bao quát hơn về những trường hợp được tăng giới hạn làm thêm giờ mỗi năm.

2. Nội quy lao động

Mô tả vấn đề

Nội quy lao động (NQLĐ) là các quy định làm việc của một công ty và theo Bộ luật Lao động sửa đổi, mọi doanh

ngành đều phải có NQLĐ. Mặc dù đây là tài liệu không thể thiếu của một công ty, nhiều doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong việc thực hiện theo quy định về quy trình đăng ký nội quy lao động. Nếu một doanh nghiệp thiếu tổ chức công đoàn cấp doanh nghiệp thì sẽ rất khó, hoặc gần như không thể trên thực tế, lấy ý kiến của các công đoàn cấp trên về việc ban hành NQLĐ. Đôi khi, các công đoàn cấp trên từ chối đưa ra ý kiến về NQLĐ hoặc doanh nghiệp có thể mất rất nhiều thời gian để hẹn gặp và hoàn tất quá trình lấy ý kiến. Có thể thấy, vấn đề này vẫn chưa được giải quyết trong quy định pháp luật sửa đổi. Bộ luật Lao động sửa đổi quy định: “Trước khi ban hành nội quy lao động hoặc sửa đổi, bổ sung nội quy lao động, người sử dụng lao động phải tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đối với nơi có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở.”²

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Hiện tại vẫn chưa rõ các doanh nghiệp thiếu tổ chức đại diện người lao động có phải lấy ý kiến trước khi ban hành, sửa đổi hoặc bổ sung NQLĐ hay không. Nếu việc lấy ý kiến này là không bắt buộc, điều này sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp ban hành NQLĐ và tăng hiệu quả. Hơn nữa, điều này cũng phản ánh nguyên tắc tự do lập hội như được quy định trong Công ước ILO 87 vì theo nguyên tắc này, người lao động nên được phép không liên kết với công đoàn cấp trên nếu họ muốn.

Khuyến nghị

Chúng tôi đặc biệt khuyến nghị nêu rõ trong các Nghị định sẽ được ban hành trong thời gian sắp tới rằng các tổ chức không có tổ chức đại diện người lao động không bắt buộc phải lấy ý kiến của công đoàn cấp trên trực tiếp.

3. Chấm dứt hợp đồng lao động

Mô tả vấn đề

Nhìn chung, pháp luật về lao động của Việt Nam quy định bảo vệ người lao động, đặc biệt là về các vấn đề liên quan đến chấm dứt hợp đồng lao động. Không giống nhiều quốc gia khác, luật pháp Việt Nam không công nhận định nghĩa “tùy ý chấm dứt hợp đồng lao động”. Việc chấm dứt hợp đồng lao động phải tuân thủ các yêu cầu chặt chẽ về căn cứ và thủ tục chấm dứt. Có ít trường hợp mà người sử dụng lao động có thể chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động. Bộ luật Lao động sửa đổi đưa ra nhiều thay đổi tích cực và sửa đổi nhiều điều khoản thiếu hợp lý liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên, cần làm rõ hơn một số điểm và một số quy định vẫn cần được sửa đổi để phản ánh chính xác môi trường kinh doanh ngày nay.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Từ quan điểm thực tế của các doanh nghiệp khi làm việc với người lao động, có một số vấn đề chính về chấm dứt hợp đồng lao động:

I. Quy định khác nhau về tuổi nghỉ hưu

Bộ luật Lao động hiện tại quy định tuổi nghỉ hưu khác nhau với nam và nữ - tuổi nghỉ hưu của nam là 60 nhưng của nữ là 55.³ Bộ luật Lao động sửa đổi đã tăng tuổi nghỉ hưu cho cả nam và nữ, theo đó tuổi nghỉ hưu chính thức là 60 tuổi với lao động nữ và 62 tuổi với lao động nam.

Một vấn đề khác cần cân nhắc liên quan đến tuổi nghỉ hưu là quy định tuổi nghỉ hưu khác nhau đối với lao động nam và nữ đã được xác định là yếu tố ngăn cản khả năng thăng tiến của phụ nữ lên các vị trí quản lý cao hơn. Trên thực tế, trong một cuộc họp với Tiểu ban Nguồn nhân lực và Đào tạo của EuroCham, Chương trình Phát triển Phụ nữ của Liên Hợp Quốc cho biết họ xem sự khác biệt về tuổi nghỉ hưu là một trở ngại để đạt được bình đẳng giới ở nơi làm việc.⁴ Theo đó, chúng tôi khuyến khích các nhà lập pháp quy định tuổi nghỉ hưu giống nhau cho cả nam và nữ.

² Điều 118.3, Bộ luật Lao động sửa đổi.

³ Điều 118.3, Bộ luật Lao động sửa đổi.

⁴ Cuộc họp giữa Chương trình Phát triển Phụ nữ của UN Women và Tiểu ban Nguồn Nhân lực và Đào tạo của EuroCham ngày 16 tháng 8 năm 2018, có nội dung tham vấn về vai trò và sự tham gia của khu vực tư nhân ở Việt Nam trong thúc đẩy việc trao quyền kinh tế cho phụ nữ. Đây là một phần trong Chương trình Phát triển Phụ nữ của UN Women về “Thúc đẩy việc trao quyền kinh tế cho phụ nữ tại nơi làm việc, khu vực Châu Á”.

II. Thử việc

Bộ luật Lao động sửa đổi đã tạo ra nhiều thay đổi tích cực liên quan đến thử việc khi quy định nội dung thử việc có thể được thỏa thuận trong hợp đồng lao động hoặc trong hợp đồng thử việc riêng biệt.⁵ Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm chưa rõ về việc chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp thử việc được điều chỉnh trong hợp đồng lao động. Bộ luật Lao động sửa đổi quy định một trường hợp hợp đồng lao động tự động chấm dứt là trường hợp thỏa thuận nội dung thử việc ghi trong hợp đồng lao động mà thử việc không đạt yêu cầu hoặc một bên hủy bỏ thỏa thuận thử việc.⁶ Quy định trên quy định không rõ về việc liệu người sử dụng lao động có phải chứng minh việc thử việc không đạt yêu cầu hay không. Chúng tôi đề nghị làm rõ vấn đề này thông qua các Nghị định hướng dẫn sắp được ban hành và quy định rõ ràng rằng nếu một trong hai bên không hài lòng với các yêu cầu công việc, hợp đồng lao động sẽ tự động chấm dứt.

III. Kỷ luật lao động và sa thải

Sa thải là hình thức kỷ luật nghiêm trọng nhất đối với người lao động. Theo Bộ luật Lao động hiện hành, hình thức này chỉ giới hạn ở một số hành vi vi phạm cụ thể sau:

- a) Người lao động có hành vi trộm cắp, tham ô, đánh bạc, cố ý gây thương tích, sử dụng ma túy trong phạm vi nơi làm việc, tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động, có hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của người sử dụng lao động;
- b) Người lao động bị xử lý kỷ luật kéo dài thời hạn nâng lương mà tái phạm trong thời gian chưa xóa kỷ luật hoặc bị xử lý kỷ luật cách chức mà tái phạm. Tái phạm là trường hợp người lao động lặp lại hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật mà chưa được xóa kỷ luật; và
- c) Người lao động tự ý bỏ việc 5 ngày cộng dồn trong 1 tháng hoặc 20 ngày cộng dồn trong 1 năm mà không có lý do chính đáng.

Bộ luật Lao động sửa đổi cũng quy định các hành vi vi phạm dẫn đến bị sa thải như liệt kê tại mục (a) trên đây, nhưng bổ sung hành vi quấy rối tình dục như một cơ sở để bị sa thải⁷ và đây là một bước tiến quan trọng. Tuy nhiên, theo luật hiện hành và luật sửa đổi, phạm vi sa thải rất hẹp và không bao gồm nhiều hành vi vi phạm mà công ty đang phải đối mặt. Ví dụ như, các hành vi gây gỗ, thù hằn, lừa đảo, đưa và nhận hối lộ hoặc đút lót và các hành vi bạo lực (gồm đe dọa, cố ý đe dọa hoặc gây hoảng loạn cho người khác) cũng cần áp dụng kỷ luật sa thải.

Bộ luật Lao động cho phép người sử dụng lao động sa thải người lao động dựa trên mức độ nghiêm trọng của thiệt hại gây ra, ví dụ, nếu người lao động “có hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc có khả năng gây thiệt hại nghiêm trọng tài sản hoặc lợi ích của người sử dụng lao động”, nhưng chưa có hướng dẫn rõ ràng về ngưỡng được xem xét là “gây thiệt hại nghiêm trọng” hoặc “có khả năng gây thiệt hại nghiêm trọng”. Trên thực tế, trong quá trình đăng ký nội quy lao động, các Sở Lao động, Thương binh và Xã hội địa phương (Sở LĐTB&XH) có cách diễn giải khác nhau về quy định này. Một số Sở LĐTB&XH diễn giải quy định này nghĩa là người sử dụng lao động dựa trên tình hình kinh doanh của mình cần xác định ngưỡng thiệt hại nghiêm trọng trong nội quy lao động. Trong khi đó các Sở LĐTB&XH khác diễn giải rằng thiệt hại nghiêm trọng phải được xác định bằng tổng giá trị của ít nhất 10 tháng lương tối thiểu vùng áp dụng với nơi làm việc của người lao động. Các diễn giải khác nhau của các Sở LĐTB&XH về quy định này khiến việc áp dụng kỷ luật sa thải trở nên khó khăn hơn trên thực tế. Hơn nữa, trong nhiều trường hợp, khó có thể chứng minh thiệt hại tài chính gây ra hành vi sai trái nghiêm trọng. Ví dụ, trong hầu hết các trường hợp, không thể chứng minh được thiệt hại do hối lộ mặc dù hành vi hối lộ gây ra những thiệt hại không thể khắc phục được, dù không thể định lượng được, cho danh tiếng của công ty.

Thêm vào đó, có nhiều thiếu sót trong thủ tục kỷ luật lao động nói chung. Thời hiệu xử lý kỷ luật lao động là từ 6 đến 12 tháng kể từ ngày xảy ra hành vi vi phạm. Người sử dụng lao động phải thu thập bằng chứng, tổ chức xử lý kỷ luật và đưa ra quyết định sa thải trong thời hạn này. Hiện tại, thời hạn chung áp dụng cho hành vi vi phạm của người lao động là 6 tháng, nhưng được kéo dài đến 12 tháng khi hành vi vi phạm liên quan trực tiếp đến tài chính,

⁵ Điều 24.1, Bộ luật Lao động sửa đổi.

⁶ Điều 34.13, Bộ luật Lao động sửa đổi.

⁷ Điều 125.2, Bộ luật Lao động sửa đổi.

tài sản và tiết lộ bí mật công nghệ hoặc kinh doanh.⁸ Thời hiệu xử lý hiện tại là không phù hợp vì nhiều người lao động thực hiện hành vi vi phạm một cách lén lút, vì vậy người sử dụng lao động chỉ biết về hành vi vi phạm này sau khi hết thời hiệu xử lý. Ví dụ, hành vi gian lận của người lao động thường được thực hiện một cách bí mật để tránh bị phát hiện, do đó thường chỉ được phát hiện vào một thời gian sau đó. Một vấn đề khác thời hiệu xử lý hiện tại là thường mất một khoảng thời gian đáng kể để thu thập bằng chứng về hành vi vi phạm của người lao động, và người sử dụng lao động gặp khó khăn trong việc hoàn thành tất cả các thủ tục kỷ luật trong thời hạn này.

Chúng tôi phấn khởi khi được biết các thủ tục kỷ luật đã được đơn giản hóa theo Nghị định 148/2018/NĐ-CP (Nghị định 148).⁹ Người sử dụng lao động phải tổ chức họp xử lý kỷ luật với sự hiện diện của cả người lao động và ban chấp hành công đoàn nếu muốn sa thải một người lao động. Trước đó, để được phép tiến hành xử lý kỷ luật với sự vắng mặt của một trong các bên, người sử dụng lao động phải gửi ít nhất ba thư mời cho các bên được yêu cầu tham dự, và trên thực tế, điều này thường có nghĩa là sẽ mất khoảng một tháng để kết thúc họp xử lý kỷ luật kể từ khi một trong những bên được yêu cầu không tham dự. Tuy nhiên, theo Nghị định 148 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2018, người sử dụng lao động hiện chỉ cần phải gửi một thư mời tham dự họp xử lý kỷ luật và trong vòng 3 ngày làm việc, những người được mời phải xác nhận tham dự hoặc giải thích lý do chính đáng cho việc không thể tham dự. Người sử dụng lao động được phép tiến hành họp xử lý kỷ luật trong trường hợp không có một trong các bên nếu bên đó không đưa ra lý do chính đáng cho việc không tham dự. Mặc dù điều này có thể sẽ hợp lý hóa thủ tục xử lý kỷ luật, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề khi Nghị định 148 không đưa ra định nghĩa về “lý do chính đáng”. Ngoài ra, không có giới hạn quy định về số lần một bên có thể từ chối tham dự dựa trên “lý do chính đáng”, vì vậy quá trình xử lý kỷ luật rất cuộc có thể mất nhiều thời gian hơn so với quy định trước đây.

Ngoài việc bổ sung quấy rối tình dục là một lý do để sa thải người lao động, Bộ luật Lao động sửa đổi cũng yêu cầu người sử dụng lao động phải quy định về phòng chống và xử lý hành vi quấy rối tình dục trong NQLĐ.¹⁰ Do quy định này chưa cụ thể, chúng tôi khuyến nghị cần đặt ra quy định rõ ràng về các chính sách và đào tạo mà người sử dụng lao động phải áp dụng. Tiểu ban NNL&ĐT sẽ đề xuất áp dụng một tài liệu tương tự như “Bộ quy tắc ứng xử về quấy rối tình dục tại nơi làm việc” do Bộ LĐTB&XH, ILO và VCCI ban hành năm 2015¹¹ trong nội dung thông tư hướng dẫn thi hành các quy định về quấy rối tình dục trong Bộ luật Lao động sửa đổi.

IV. Dư thừa lao động

Luật hiện hành liên quan đến tình trạng dư thừa lao động và Bộ luật Lao động sửa đổi chưa quy định rõ về việc chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động do dư thừa lao động. Cả hai phiên bản của Bộ luật Lao động đều quy định một số trường hợp người sử dụng lao động không được thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, bao gồm khi người lao động đang hồi phục sau tai nạn lao động, nghỉ phép theo thỏa thuận với người sử dụng lao động hoặc được quyền nghỉ theo luật, người lao động đang mang thai, nuôi con dưới 12 tháng tuổi hoặc nghỉ theo chế độ dành cho cha mẹ.¹² Tuy nhiên, vẫn không rõ liệu quy định này có áp dụng trong trường hợp dư thừa lao động hay không. Một vấn đề khác vẫn chưa rõ ràng là liệu người sử dụng lao động có được phép sa thải người lao động do dư thừa lao động hay không. Vấn đề này không được đề cập cụ thể trong Bộ luật Lao động hiện hành hoặc sửa đổi. Chúng tôi khuyến nghị cần giải quyết các vấn đề này trong các Nghị định hướng dẫn để người sử dụng lao động và người lao động đều hiểu rõ các quyền của họ.

Khuyến nghị

Nhằm gia tăng chất lượng nguồn nhân lực, tạo điều kiện cạnh tranh công bằng trên thị trường lao động và thu hút thêm nhiều nhà đầu tư và người sử dụng lao động nước ngoài, các nhà lập pháp cần xem xét việc sửa đổi các quy định về lao động để cho người sử dụng lao động thêm quyền hạn trong việc xử lý các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động. Cụ thể hơn, chúng tôi khuyến nghị các biện pháp như sau:

- Áp dụng độ tuổi nghỉ hưu như nhau cho lao động nam và nữ;
- Làm rõ việc hợp đồng lao động sẽ tự động chấm dứt nếu người sử dụng lao động hoặc người lao động không

8 Điều 123.1, Bộ luật Lao động sửa đổi.

9 Nghị định 148/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 1 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động.

10 Điều 118.2(d), Bộ luật Lao động sửa đổi.

11 “Bộ quy tắc ứng xử về quấy rối tình dục tại nơi làm việc”, *Tổ chức Lao động Quốc tế*. Xem tại: <https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/-/---bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_421220.pdf> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

12 Điều 37, Bộ luật Lao động sửa đổi.

hài lòng với các yêu cầu công việc trong thời gian thử việc;

- Mở rộng phạm vi các hành vi vi phạm bị sa thải ngay lập tức (ví dụ, lừa đảo, đưa hoặc nhận hối lộ hoặc đút lót, quấy rối tình dục hoặc gây gỗ, thù địch và có hành vi bạo lực hoặc đã vi phạm nội quy an toàn dẫn đến rủi ro tiềm tàng ảnh hưởng đến tính mạng);
- Gia hạn thời hiệu xử lý kỷ luật lao động từ 12 lên 24 tháng (tham khảo thời hiệu xử lý kỷ luật lao động liên quan đến cán bộ và công chức theo Luật Cán bộ, Công chức).¹³ Thời hiệu này cần được tính từ ngày người sử dụng lao động phát hiện hành vi vi phạm thay vì ngày xảy ra;
- Quy định ngưỡng làm cơ sở xác định “gây thiệt hại nghiêm trọng” hoặc “có khả năng gây thiệt hại nghiêm trọng”, ví dụ như một ngưỡng cụ thể theo giá trị tiền bạc, hoặc một cách khác là loại bỏ yêu cầu đối với các hành vi thuộc loại này gây thiệt hại tương đương với ngưỡng theo giá trị tiền bạc.
- Làm rõ việc chấm dứt hợp đồng lao động do dư thừa lao động có áp dụng cho những trường hợp quy định tại Điều 37 hay không, và dư thừa lao động có phải là một cơ sở pháp lý để chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp chỉ có một nhân viên bị sa thải do dư thừa lao động hay không; và
- Quy định rõ ràng hơn về các chính sách và thủ tục mà người sử dụng lao động phải áp dụng để xử lý và phòng tránh quấy rối tình dục tại nơi làm việc theo quy định mẫu trong Bộ quy tắc ứng xử về quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

II. QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Cơ quan Chính phủ liên quan: Chính phủ (CP), Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (BHXH)

1. Đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động nước ngoài tại Việt Nam

Mô tả vấn đề

Theo Luật Bảo hiểm xã hội 2014 và Nghị định 143,¹⁴ từ ngày 1 tháng 1 năm 2018, người nước ngoài làm việc tại Việt Nam sẽ phải đóng Bảo hiểm xã hội (BHXH) theo luật định. Các đối tượng phải đóng BHXH bắt buộc là những người:

- Làm việc theo giấy phép lao động hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề; và
- Duy trì hợp đồng lao động có thời hạn không xác định hoặc thời hạn xác định từ một năm trở lên với người sử dụng lao động tại Việt Nam.

Các đối tượng được miễn đóng BHXH bắt buộc là những người:

- Làm việc tại Việt Nam theo hình thức điều chuyển nội bộ công ty theo Nghị định 11/2016/NĐ-CP¹⁵ (cán bộ quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc kỹ thuật viên của một doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và được doanh nghiệp nước ngoài tuyển dụng ít nhất 12 tháng trước khi được điều chuyển); hoặc là
- Đã đủ tuổi nghỉ hưu theo Bộ luật Lao động.

Tóm lại, chế độ đóng BHXH cho người nước ngoài tương tự như cho người Việt Nam, bao gồm 5 chế độ: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp, hưu trí và trợ cấp tử tuất. Trong đó, việc đóng BHXH cho 3 chế độ

¹³ Luật 22/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội về cán bộ, công chức.

¹⁴ Nghị định 143/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về chế độ bảo hiểm xã hội, an toàn lao động cho lao động người nước ngoài.

¹⁵ Nghị định 11/2016/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

ngắn hạn (ốm đau, thai sản và tai nạn lao động) được áp dụng từ ngày 1 tháng 12 năm 2018 và cho 2 chế độ dài hạn còn lại (hưu trí và trợ cấp tử tuất) sẽ được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2022.

Sau khi chấm dứt hợp đồng lao động Việt Nam hoặc hết hạn giấy phép lao động và khi người nước ngoài không còn sống và làm việc ở Việt Nam, họ có thể xin hưởng trợ cấp một lần cho thời gian đóng BHXH. Số tiền và thủ tục hưởng trợ cấp được áp dụng tương tự như cho công dân Việt Nam.

Sau khi ban hành nghị định hướng dẫn chính thức, nghị định này vẫn còn một số điểm thiếu sót và chưa thực tế sẽ được thảo luận trong phần tiếp theo của chương này.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Thứ nhất, Nghị định 143 đã loại trừ trường hợp người lao động nước ngoài đang được điều chuyển nội bộ trong doanh nghiệp theo Nghị định 11. Nghị định 11 xác định điều chuyển nội bộ được xác định là chuyển từ các công ty con hoặc trụ sở chính trên giấy phép kinh doanh tại Việt Nam với tư cách là nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu của các thực thể tại Việt Nam. Tuy nhiên, trên thực tế, hầu hết người lao động nước ngoài được bổ nhiệm sang Việt Nam từ các công ty tập đoàn chứ không phải từ trụ sở chính. Điều này dẫn đến thực tế là việc miễn BHXH này chỉ áp dụng được cho một số ít đối tượng và dẫn đến đóng BHXH gấp đôi ở cả nước sở tại và nước đến làm việc.

Định nghĩa khá hẹp về điều chuyển nội bộ không chỉ mâu thuẫn với thông lệ quốc tế mà còn gây ra những hiểu nhầm về quan hệ việc làm. Một số cơ quan quản lý lao động và thuế trong nước yêu cầu các tổ chức tại Việt Nam ký hợp đồng lao động với người lao động nước ngoài được điều chuyển từ các chi nhánh thay vì nhà đầu tư trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho mục đích xin giấy phép lao động và khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp. Điều này làm thay đổi về bản chất quan hệ việc làm giữa các tổ chức tại Việt Nam và người lao động nước ngoài khi việc làm của người lao động nước ngoài trên thực tế được điều chỉnh theo hợp đồng lao động được ký với tổ chức tại nước sở tại, trong khi trên quan điểm của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, các tổ chức tại Việt Nam trở thành người sử dụng lao động “danh nghĩa” trên giấy tờ.

Về các chế độ BHXH, mặc dù các chế độ dài hạn dự kiến sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2022, việc áp dụng 5 chế độ sẽ không công bằng hoặc thiết thực đối với lao động nước ngoài tiếp tục đóng BHXH ở nước sở tại. Chúng tôi hiểu rằng Chính phủ đang xem xét thực tế là Việt Nam chưa ký bất cứ hiệp định song phương nào với các quốc gia khác liên quan đến phạm vi bảo hiểm. Nếu không có các hiệp định song phương này, cả người lao động và người sử dụng lao động sẽ đều phải mất chi phí gấp đôi cũng như tăng gánh nặng tài chính. Thêm vào đó, việc áp dụng chế độ hưu trí và tử tuất là không cần thiết và gây tranh cãi do người lao động nước ngoài thường làm việc tại Việt Nam trong thời gian ngắn, đặc biệt là trong bối cảnh quản lý chặt chẽ lao động nước ngoài thông qua việc có thẩm quyền của Việt Nam xem xét và phê duyệt hạn ngạch lao động để cấp giấy phép lao động. Nghị định đề xuất rằng trong những trường hợp như vậy, người lao động nước ngoài sẽ có quyền yêu cầu thanh toán một lần trước khi rời khỏi Việt Nam. Tuy nhiên, thủ tục yêu cầu chắc chắn sẽ làm tăng gánh nặng hành chính cho tất cả các bên liên quan, bao gồm cả các cơ quan bảo hiểm xã hội, người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài. Ngoài ra, các hồ sơ liên quan của người nước ngoài do các cơ quan của nước ngoài cấp phải được dịch sang tiếng Việt và công chứng theo các quy định hiện hành, việc này thường rất mất thời gian.

Về mức đóng bảo hiểm, dựa trên bảng so sánh mức đóng bảo hiểm xã hội của người lao động nước ngoài tại Việt Nam và các quốc gia khác là thành viên các nước Đông Nam Á mà Tiểu ban Nguồn Nhân lực và Đào tạo đã gửi cho Bộ LĐTB&XH trong thư khuyến nghị vào ngày 2 tháng 10 năm 2017, mức đóng tại Việt Nam cao hơn nhiều so với các quốc gia khác nhưng tỷ lệ hoàn lại lại thấp hơn. Thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội đối với người lao động nước ngoài cũng là một vấn đề cần quan tâm trên thực tế. Việc thực hiện các thủ tục về bảo hiểm xã hội, đặc biệt là thủ tục yêu cầu được hoàn lại bảo hiểm xã hội một lần khi người nước ngoài về nước hoặc chuyển sang quốc gia khác, sẽ không tạo nên sự đóng góp tích cực vào mức độ hấp dẫn của môi trường đầu tư tại Việt Nam.

Khuyến nghị

Đối với những mối quan ngại này, chúng tôi khuyến nghị các biện pháp sau:

- Xác định lại định nghĩa “di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp” và bao gồm người lao động nước ngoài được bổ nhiệm từ các công ty tập đoàn đã đóng BHXH ở nước sở tại để tránh đóng BHXH hai lần;
- Không áp dụng chế độ hưu trí và tử tuất đối với người lao động nước ngoài hoặc chỉ áp dụng trên cơ sở không bắt buộc;

- Tạo sự linh hoạt cho người lao động nước ngoài nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần trước khi rời Việt Nam bằng cách ủy quyền cho người sử dụng lao động thực hiện thủ tục thay mặt cho người lao động nước ngoài;
- Quy định mức đóng BHXH thấp hơn cho người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài, tham khảo các quốc gia ở khu vực châu Á hoặc châu Á - Thái Bình Dương;
- Đánh giá tác động của các thủ tục hành chính khi áp dụng từng chế độ bảo hiểm để tạo điều kiện thực hiện cho cơ quan thi hành, người lao động nước ngoài và người sử dụng lao động; và
- Trợ cấp một lần nên được tính từ ngày nộp đơn thay vì kể từ ngày ban hành quyết định của cơ quan bảo hiểm.

2. Giấy phép lao động

Mô tả vấn đề

Thuật ngữ “người được chuyển trong nội bộ doanh nghiệp” theo Nghị định 11 được định nghĩa là cán bộ quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc kỹ thuật viên của một doanh nghiệp nước ngoài đã thiết lập sự hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam đã được doanh nghiệp nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng. Trên thực tế, các công ty đa quốc gia (MNC) có nhiều công ty con trên thế giới và thường điều chuyển nhân viên của mình đến các quốc gia khác nhau để phát triển tối đa kỹ năng cho nhân lực của mình trên toàn cầu. Tuy nhiên, người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp chỉ được công nhận tại Việt Nam nếu họ được điều chuyển từ công ty con hoặc trụ sở đã đăng ký trên giấy phép kinh doanh tại Việt Nam với tư cách là nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu doanh nghiệp tại Việt Nam. Vì lý do đó, Thông tư 35¹⁶ chỉ có thể được áp dụng trong rất ít trường hợp.

Ngoài ra, do yêu cầu chặt chẽ của văn bản pháp luật được ban hành ở nước ngoài, thời gian để chuẩn bị hồ sơ xin cấp giấy phép lao động có thể từ 2 đến 3 tháng hoặc thậm chí lâu hơn do thủ tục phức tạp theo pháp luật của các quốc gia khác nhau. Điều này tiếp tục là một vấn đề gây nhiều trở ngại cho người sử dụng lao động và lao động nước ngoài.

Sự ra đời của Thông tư 23¹⁷ đã giúp đẩy nhanh tốc độ và đơn giản hóa quy trình so với thủ tục được thực hiện trên giấy hiện tại. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số vấn đề trong quá trình thực hiện ở các địa điểm khác nhau. Việc nhận yêu cầu, tiến hành và công bố kết quả cấp giấy phép lao động bằng thủ tục trực tuyến có thể mất nhiều thời gian hơn thủ tục trên giấy hiện có do các vấn đề kỹ thuật của hệ thống trực tuyến. Hơn nữa, một số chính quyền địa phương không quen sử dụng hệ thống và thiếu tài nguyên để xử lý các đơn yêu cầu trực tuyến này. Mới đây, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định 140¹⁸ sửa đổi một số điều của Nghị định 11. Một trong những điểm đáng chú ý của Nghị định này là việc hủy bỏ trách nhiệm của người sử dụng lao động để trả lại giấy phép lao động của người lao động nước ngoài cho chính quyền địa phương nơi cấp giấy phép lao động.

Chúng tôi có một số quan ngại liên quan đến việc người nước ngoài xin giấy phép lao động theo quy định của Bộ luật Lao động sửa đổi. Điều 155 của Bộ luật Lao động sửa đổi quy định thời hạn hiệu lực tối đa của giấy phép lao động là 2 năm, và chỉ có thể được gia hạn một lần thêm tối đa là 2 năm nữa.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Định nghĩa khá hẹp về người được di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp không tuân theo thông lệ quốc tế và có thể dẫn đến áp dụng không phù hợp. Trên thực tế, một số chính quyền địa phương đôi khi yêu cầu những người lao động nước ngoài đang được điều chuyển (trong tập đoàn) đến Việt Nam phải nộp các hợp đồng lao động ký với doanh nghiệp tại Việt Nam. Do đó, người được di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp có thể phải đóng Bảo hiểm xã hội theo luật định cho người lao động nước ngoài cũng như phải tuân thủ các quy định về làm việc của địa phương có liên quan. Thời gian chuẩn bị các tài liệu cần thiết để xin giấy phép lao động gây khó khăn đáng

16 Thông tư 35/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định việc xác định người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc phạm vi mười một ngành dịch vụ trong Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ của Việt Nam với Tổ chức Thương mại Thế giới không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

17 Thông tư 23/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam qua mạng điện tử.

18 Nghị định 140/2018/NĐ-CP ngày 8 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

kể cho người lao động nước ngoài và người sử dụng lao động muốn cử nhân viên đến Việt Nam vào đúng thời điểm để đáp ứng các yêu cầu kinh doanh.

Mục đích của việc cấp giấy phép lao động trực tuyến là để giúp cải thiện và rút ngắn thời gian xử lý. Tuy nhiên, lỗi hệ thống thường xuyên và thiếu nhân viên xử lý cơ sở dữ liệu đã gây ra sự chậm trễ trong việc cấp giấy phép lao động cho nhân viên nước ngoài. Vì lý do này, công ty hoặc người lao động sẽ muốn áp dụng thủ tục trên giấy tờ hơn là nộp trực tuyến để tránh các vấn đề kỹ thuật phức tạp. Hơn nữa, cán bộ xử lý hồ sơ có thể xem xét tài liệu giấy tờ tại thời điểm nộp và yêu cầu bổ sung đúng cách để tiết kiệm thời gian.

Việc loại bỏ trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc hoàn trả giấy phép lao động gốc của người lao động nước ngoài cho cơ quan ban hành sau khi kết thúc thời gian làm việc có thể gây ra rủi ro cho người sử dụng lao động nếu người lao động nước ngoài sử dụng giấy phép lao động cho các mục đích không xác định khác.

Hạn chế của Bộ luật Lao động sửa đổi khi chỉ cho phép người lao động nước ngoài gia hạn giấy phép lao động một lần sẽ gây trở ngại cho đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và tăng trưởng kinh tế. Doanh nghiệp tại Việt Nam chỉ được phép tuyển dụng người lao động nước ngoài khi lao động Việt Nam không thể đảm nhận một số vị trí nhất định. Theo Bộ luật Lao động sửa đổi, thời gian tối đa mà một người nước ngoài có thể làm việc tại Việt Nam là bốn năm. Quy định hiện tại không nêu rõ về việc liệu người lao động nước ngoài phải trở về nước, sau đó bắt đầu quá trình nộp đơn xin giấy phép làm việc mới hay không. Nếu có, quy định trên sẽ gây tổn hại về mặt chi phí, tổn thất thời gian cho doanh nghiệp mà cũng không mang lại hiệu quả.

Khuyến nghị

Chúng tôi đề nghị Chính phủ và Bộ LĐTB&XH xem xét:

- Bổ sung nội dung “người được di chuyển trong nội bộ các doanh nghiệp thuộc cùng một tập đoàn” vào định nghĩa về “người được di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp từ trụ sở chính đến công ty con”, với điều kiện doanh nghiệp tại Việt Nam có thể chứng minh rằng người lao động nước ngoài đang được điều chuyển từ công ty con trong cùng tập đoàn;
- Triển khai dịch vụ xử lý nhanh, trong đó một số tài liệu được yêu cầu có thể được bổ sung trong thời gian quy định. Có thể áp dụng mức phí cao hơn cho dịch vụ xử lý nhanh và triển khai hệ thống kiểm soát người sử dụng lao động để bổ sung tài liệu theo yêu cầu;
- Đảm bảo hệ thống xin cấp giấy phép lao động trực tuyến hoạt động trôi chảy và bố trí nhân sự có kinh nghiệm xử lý để tránh chậm trễ trong quy trình cấp giấy phép lao động trực tuyến; và
- Hướng dẫn chi tiết về quy trình thu hồi giấy phép lao động của người sử dụng lao động sau khi người lao động nước ngoài kết thúc thời gian điều chuyển tại Việt Nam. Các nghị định hướng dẫn sắp được ban hành cần quy định rõ người lao động nước ngoài không cần rời khỏi Việt Nam sau 4 năm làm việc mà có thể xin cấp giấy phép lao động mới trong khi vẫn đang ở Việt Nam.

III. ĐÀO TẠO KỸ THUẬT, ĐÀO TẠO NGHỀ VÀ GIÁO DỤC TẠI VIỆT NAM

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH), Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT).

Mô tả vấn đề

Nền kinh tế Việt Nam đang tiếp tục có những bước tiến đáng kể. Việt Nam đã thể hiện nỗ lực thực sự trong việc đào tạo lực lượng lao động việc và tạo cơ hội tiếp cận với giáo dục chất lượng cao - một yếu tố cần thiết để cho phép người lao động làm việc hiệu quả hơn. Giáo dục từ lâu đã là ưu tiên hàng đầu của Việt Nam, đào tạo và giáo dục chất lượng cao vẫn đóng vai trò tối quan trọng trong việc trang bị cho thế hệ trẻ những kỹ năng làm việc. Chất lượng đào tạo và giáo dục tại Việt Nam được hưởng lợi rất nhiều từ việc đạt được các tiêu chuẩn cao nhất có thể. Trong năm qua, đã có nhiều cải tiến đáng kể trong lĩnh vực này với việc thông qua Nghị định 86/2018/NĐ-CP

(Nghị định 86)¹⁹ và chúng tôi rất lạc quan về tốc độ của những thay đổi tiến bộ này.

Sinh viên Việt Nam mới ra trường tham gia vào lực lượng lao động mỗi năm vẫn có xu hướng thiếu các kỹ năng cần thiết cho công việc, và chúng tôi nhận thấy Chính phủ Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong năm qua để giải quyết vấn đề này. Nguồn nhân lực Việt Nam đã qua đào tạo, có kỹ năng và được chuẩn bị cho Công nghiệp 4.0 sẽ giúp đảm bảo sự thành công cho hoạt động đầu tư trong nước và nước ngoài. Sinh viên mới ra trường từ các cơ sở giáo dục các cấp tại Việt Nam – từ tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông đến đại học – cần được trang bị kiến thức thực tế, kỹ năng cứng và kỹ năng mềm, sự linh hoạt, có tư duy tốt và khả năng hòa nhập tốt khi gia nhập lực lượng lao động vốn thay đổi và phát triển không ngừng. Những thiếu sót được ghi nhận trong năng lực đang được giải quyết và giảm thiểu thông qua nỗ lực tổng thể để đảm bảo rằng sinh viên được đào tạo về kỹ năng việc làm song song với kỹ năng chuyên môn trước khi tốt nghiệp, và Nghị định 86 cho phép các cơ quan đào tạo nước ngoài tham gia vào nỗ lực này.

Nhận thấy sự năng động và phát triển nhanh chóng tại Việt Nam, các tổ chức giáo dục trong nước và quốc tế tại Việt Nam có thể thu hút sinh viên từ khắp nơi trong khu vực và ngoài khu vực, và thậm chí có thể trở thành một trung tâm giáo dục chất lượng cao của khu vực. Đồng thời, có rất nhiều nghiên cứu, bao gồm một số nghiên cứu của Viện Kinh tế Lao động IZA và Trường Y tế Công cộng Yale, đã chỉ ra mối liên hệ giữa ô nhiễm môi trường không khí với các tác động tiêu cực đến giáo dục. Chất lượng môi trường không khí kém cũng là một yếu tố ngăn cản việc thu hút và giữ chân các chuyên gia nước ngoài đến Việt Nam làm việc cùng với gia đình. Các yếu tố này là lý do khiến cho không có nhiều sinh viên quốc tế xem Việt Nam là một điểm đến du học hấp dẫn.

Một giải pháp quan trọng để củng cố lực lượng lao động của Việt Nam trong tương lai là tăng cường giáo dục kỹ năng ở tất cả các cấp của hệ thống giáo dục nhà nước. Việc này có thể được thực hiện bằng cách tạo điều kiện phát triển chuyên môn liên tục theo tiêu chuẩn quốc tế và đào tạo giáo viên trong thực tiễn giáo dục hiện đại. Ví dụ như, đào tạo về học tập phân hóa và giảng dạy hiệu quả có thể đảm bảo ngày càng nhiều sinh viên Việt Nam được hỗ trợ để phát huy hết tiềm năng và hoàn thành thành công việc học của mình. Nhờ đó, lực lượng lao động sẽ được bổ sung với những người lao động được trang bị kỹ năng tốt hơn, năng động và không ngừng học hỏi.

Để trở thành lực lượng lao động có trình độ cao, sinh viên Việt Nam có thể chuẩn bị cho sự nghiệp của mình bằng cách tiếp cận các trường đại học quốc tế hàng đầu cả ở nước ngoài và trong nước. Đồng thời, cơ hội học tập tại các tổ chức quốc tế hoạt động tại Việt Nam giúp sinh viên được nhận vào các tổ chức hàng đầu khi đạt đến trình độ đại học và cũng mang đến cho sinh viên cơ hội tiếp xúc quốc tế và nhạy cảm văn hóa thông qua sự hiện diện của các giảng viên người nước ngoài. Các tổ chức giáo dục quốc tế ở Việt Nam chiếm một số lượng đáng kể lực lượng lao động nước ngoài tại Việt Nam và do đó đặt ra gánh nặng lớn hơn cho các tổ chức này trong việc thực hiện khâu trừ bảo hiểm xã hội cho người nước ngoài.

Theo Nghị định 86, các trường học và nhà trẻ có thể liên kết với các tổ chức giáo dục nước ngoài được công nhận với sự chấp thuận và hướng dẫn cụ thể của Chính phủ Việt Nam. Chính phủ cũng sẽ ban hành các hướng dẫn cụ thể về việc tích hợp các khóa học trong và ngoài nước và sinh viên tốt nghiệp các khóa học tích hợp đó phải nhận được chứng chỉ có hiệu lực và được công nhận cả ở Việt Nam và nước ngoài. Điều này chắc chắn sẽ khuyến khích đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực này.

Để khuyến khích hơn nữa đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực này, các tổ chức giáo dục công lập trong nước được khuyến khích hợp tác với các tổ chức giáo dục quốc tế của tư nhân để tiến hành đào tạo giáo viên làm việc trong hệ thống trường công lập. Quan hệ đối tác với các tổ chức tư nhân cung cấp các chương trình giáo dục tổng hợp có sự kết hợp học trực tuyến với nghiên cứu trực tiếp có thể được sử dụng để đào tạo cho giáo viên Việt Nam trong khu vực trường công lập về các kỹ năng đạt tiêu chuẩn quốc tế để tiếp tục hỗ trợ học sinh phát triển các kỹ năng cần thiết cho sự nghiệp tương lai trong các ngành mới nổi.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việt Nam là quốc gia chúng tôi lựa chọn để đầu tư và kinh doanh. Chúng tôi luôn tôn trọng và đề cao nền văn hóa của Việt Nam và ghi nhận những bước tiến đã đạt được trong quá trình nâng cao năng lực cho nguồn nhân lực trẻ chuẩn bị tham gia lực lượng lao động – đặc biệt là thông qua việc ban hành Nghị định 86. Việt Nam đã thể hiện sự sẵn sàng tham gia quan hệ đối tác với các tổ chức giáo dục và đào tạo tư nhân hoạt động trong nước cũng như từ chuyên môn của các tổ chức nước ngoài để giải quyết vấn đề thiếu hụt kỹ năng. Việc liên kết với các tổ chức đào

19 Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

tạo tư nhân cung cấp nhiều chương trình giáo dục linh hoạt có sự kết hợp của giảng dạy trực tuyến và giảng dạy trực tiếp đối với đào tạo tiếng Anh và kỹ năng mềm có thể được sử dụng để nâng cao kỹ năng cho giáo viên Việt Nam tại các trường công lập và cũng là cách giúp học sinh và sinh viên mới ra trường của Việt Nam được trang bị năng lực cần thiết khi tham gia lực lượng lao động, chẳng hạn như năng lực học tập suốt đời.

Thêm vào đó, hiện có nhiều biện pháp khác nhau đang được thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng làm việc và dạy nghề tại Việt Nam, điều này có thể được thực hiện thông qua việc xây dựng năng lực và nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo kỹ thuật và dạy nghề, tiếp tục tạo cơ hội cho học sinh Việt Nam theo học ở các trường quốc tế tại Việt Nam.

Khuyến nghị

Với mục tiêu hỗ trợ giáo dục chuẩn quốc tế tại Việt Nam nhằm nâng cao tính sẵn sàng đối với các công việc văn phòng và tăng năng suất lao động trong thị trường, Chính phủ Việt Nam cần xem xét giảm áp lực lên các tổ chức giáo dục quốc tế bằng cách miễn đóng bảo hiểm xã hội cho giáo viên nước ngoài bởi vì các tổ chức giáo dục quốc tế tuyển dụng một số lượng đáng kể giáo viên nước ngoài. Chính phủ cũng cần hợp tác với các tổ chức tư nhân quốc tế cung cấp dịch vụ đào tạo giáo viên đạt tiêu chuẩn quốc tế và phát triển nghề nghiệp cho giáo viên để nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên trong nước, giúp đào tạo các thế hệ sinh viên không ngừng học hỏi chuẩn bị gia nhập thị trường lao động.

Việc ngày càng nhiều tổ chức giáo dục quốc tế gia nhập thị trường và phát triển tại Việt Nam và sự thay đổi chóng mặt của công nghệ, sức khỏe của người dân và uy tín của Việt Nam như là một điểm đến cạnh tranh cho sinh viên nước ngoài và gia đình các chuyên gia nước ngoài đến Việt Nam làm việc hiện đang gây tranh cãi vì sự gia tăng ô nhiễm môi trường không khí và môi trường trong các thành phố lớn tại Việt Nam. Chúng tôi khuyến nghị Việt Nam ưu tiên giải quyết các vấn đề về ô nhiễm môi trường không khí để giúp Việt Nam trở thành một điểm đến hấp dẫn hơn cho ngành giáo dục.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Nguồn Nhân lực và Đào tạo thuộc EuroCham

CHƯƠNG 4 QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

TỔNG QUAN

Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (quyền SHTT) trong khoảng 25 năm qua kể từ khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới và ký cam kết tuân thủ Hiệp định TRIPS, Công ước Berne và một loạt các hiệp ước quốc tế, đa phương và song phương khác. Tiến trình gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới, đàm phán, ký kết và thực hiện các cam kết quốc tế, đa phương và song phương với các khu vực và quốc gia có hệ thống pháp luật bảo hộ quyền SHTT phát triển cao là điều kiện hỗ trợ mạnh mẽ, thúc đẩy việc tăng cường bảo hộ quyền SHTT tại Việt Nam. Cần nhấn mạnh rằng trong khi Việt Nam đã tham gia nhiều hiệp ước quốc tế về bảo hộ quyền SHTT và ban hành hàng loạt văn bản pháp luật nhằm nội luật hóa các cam kết quốc tế và tăng cường bảo hộ quyền SHTT thì trên thực tiễn vẫn còn nhiều rào cản việc thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các cam kết quốc tế và quy định pháp luật về bảo hộ quyền SHTT. Vấn đề loại bỏ các rào cản này đang cần sự quan tâm đặc biệt của chính phủ và các bộ ban ngành Việt Nam nhằm đảm bảo cho cam kết quốc tế và các quy định pháp luật về bảo hộ quyền SHTT thực sự đi vào cuộc sống xã hội và pháp huy hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế Việt Nam, đưa nền kinh tế Việt Nam phát triển nhanh và bền vững theo nhận định của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc về tình hình kinh tế vĩ mô thời gian qua, những bài học kinh nghiệm sâu sắc và quan điểm chủ đạo về điều hành trong thời gian tới của Chính phủ Việt Nam.¹

Năm 2018, Việt Nam đã có những nỗ lực nhất định nhằm củng cố khung pháp lý bảo hộ quyền SHTT của Việt Nam, trong đó phải kể đến việc ban hành các văn bản hướng dẫn bao gồm Nghị định 22/2018/NĐ-CP² (Nghị định 22) thay thế Nghị định 100/2006/NĐ-CP (Nghị định 100),³ Nghị định 85/2011/NĐ-CP (Nghị định 85)⁴ và Thông tư 16/2016/TT-BKHCN (Thông tư 16).⁵ Việc ban hành các văn bản hướng dẫn nêu trên đã góp phần tháo gỡ một số vướng mắc trong quá trình thực hiện các quy định của Luật Sở hữu Trí tuệ (Luật SHTT) và các văn bản hướng dẫn thi hành trước đó trong lĩnh vực bảo hộ quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp. Tuy nhiên, vẫn còn một loạt khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn đăng ký và thực thi quyền SHTT tại Việt Nam chúng tôi đã đề cập trong các ấn phẩm Sách trắng các năm trước đây vẫn chưa tìm được giải đáp trong các văn bản mới ban hành. Điều này đòi hỏi các nỗ lực tiếp theo của Việt Nam tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật và hệ thống bảo hộ quyền SHTT của mình.

I. THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH-CN), Bộ Thông tin Truyền Thông (Bộ TT-TT), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTTDL), Bộ Công Thương (BCT), Cục Quản lý Thị trường (Cục QLTT), Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC)

1. Xâm phạm quyền SHTT trực tuyến

Mô tả vấn đề

Những năm gần đây đã chứng kiến tình trạng bùng nổ các hành vi xâm phạm trực tuyến quyền tác giả, quyền liên quan và quyền sở hữu công nghiệp. Hoàn toàn không khó khăn để mua trực tuyến các sản phẩm được sao chép

1 'Bài viết của Thủ tướng Chính phủ về tình hình kinh tế vĩ mô', ngày 1 tháng 3 năm 2018, *Thutuong.chinhphu*. Xem tại: <<http://thutuong.chinhphu.vn/Home/Bai-viet-cua-Thu-tuong-ve-tinh-hinh-kinh-te-vi-mo/20183/27770.vgp>> truy cập lần cuối 8 tháng 12 năm 2019.

2 Nghị định 22/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 2 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

3 Nghị định 100/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật dân sự, Luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.

4 Nghị định 85/2011/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 100/2006/NĐ-CP.

5 Thông tư 16/2016/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Khoa học Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2007/TT-BKHCN ngày 14 tháng 2 năm 2007 hướng dẫn thi hành Nghị định 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo các thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ: Thông tư 13/2010/TT-BKHCN ngày 30 tháng 7 năm 2010, Thông tư 18/2011/TT-BKHCN ngày 22 tháng 7 năm 2011 và Thông tư 05/2013/TT-BKHCN ngày 20 tháng 2 năm 2013.

lậu như phim, nhạc, video, trò chơi điện tử hay sách, ấn phẩm giấy hay điện tử, các sản phẩm xâm phạm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu đang được bảo hộ tại Việt Nam.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Tình trạng xâm phạm quyền SHTT trực tuyến có thể nhanh chóng vượt ra ngoài tầm kiểm soát trong những năm tới nếu Việt Nam không nhanh chóng có các biện pháp khẩn cấp và hữu hiệu ngăn chặn tình trạng này.

Khuyến nghị

Chúng tôi tin rằng các cơ quan thực thi cần cần tăng cường đáng kể công tác xử lý và xử lý nghiêm các trang thông tin điện tử cung cấp nội dung, sản phẩm xâm phạm quyền SHTT, ban hành quy định cho phép các cơ quan thực thi pháp luật và chủ sở hữu quyền SHTT thu thập thông tin nhằm xác định chủ sở hữu các trang thông tin điện tử cung cấp nội dung, sản phẩm xâm phạm quyền SHTT, quy định trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ Internet phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu các trang thông tin điện tử bị nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT, ban hành cơ chế pháp lý cho phép chủ sở hữu quyền SHTT thực hiện thông báo tới và buộc bên xâm phạm quyền SHTT gỡ bỏ nội dung xâm phạm quyền SHTT của mình, quy định trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ internet trong vụ việc xâm phạm quyền SHTT trong các trường hợp cụ thể, đặc biệt khi họ đã được chủ sở hữu quyền SHTT thông báo mà vẫn tiếp tục truy cập tải hoặc lưu trữ nội dung xâm phạm quyền SHTT.

Chúng tôi cảm ơn Công văn của Cục SHTT – Bộ KHCN phản hồi về dự thảo khuyến nghị của EuroCham,⁶ theo đó Bộ KHCN và Cục SHTT cũng ghi nhận rằng quy định liên quan đến việc thực thi quyền tác giả, quyền liên quan trong môi trường số là một trong những nội dung được xem xét, đệ trình trong Đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật SHTT. Chúng tôi hy vọng sự ghi nhận và nỗ lực giải quyết vấn đề của Chính phủ. Cộng đồng doanh nghiệp sẽ nỗ lực phối hợp và hy vọng rằng Luật SHTT sửa đổi và các văn bản hướng dẫn sẽ giải quyết được những vấn đề về xâm phạm quyền SHTT trực tuyến.

2. Chế tài hành chính

Mô tả vấn đề

Khác với đa số các nước trên thế giới nơi hành vi xâm phạm quyền SHTT được xử lý tại Tòa án, chế tài hành chính vẫn tiếp tục là chế tài được áp dụng phổ biến nhất để xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT tại Việt Nam. Nghị định 131⁷ và Nghị định 99⁸ quy định mức phạt tiền tối đa đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp là 500 triệu Đồng (khoảng 21,600 Đô-la Mỹ) đối với cá nhân vi phạm và 250 triệu Đồng (khoảng 10,800 Đô-la Mỹ) đối với cá nhân vi phạm.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Trong những năm gần đây tình trạng xâm phạm quyền SHTT tại Việt Nam không những không giảm mà còn trở nên ngày càng nghiêm trọng cả về phạm vi, quy mô cũng như cách thức thực hiện. Trong tình hình đó, chế tài phạt hành chính quy định tại Nghị định 131 và Nghị định 99 là quá nhẹ. Trên thực tế, rất ít khi các cơ quan thực thi áp dụng mức phạt tiền tối đa. Mức phạt tiền phổ biến là vài triệu đồng đến vài chục triệu đồng. Số tiền phạt nhiều khi là rất nhỏ so với lợi nhuận thực tế thu được từ hành vi xâm phạm quyền bị xử lý, do đó sẽ không đảm bảo tính răn đe.

Khuyến nghị

Chúng tôi tin rằng mức phạt tiền áp dụng hiện nay trong chế tài hành chính chưa đảm bảo tính răn đe của pháp luật trong xử lý vi phạm quyền SHTT, do đó chúng tôi đề xuất tăng mức phạt thành chính, nộp phạt tiền đối với các hành vi vi phạm quyền SHTT để đảm bảo tính răn đe.

6 Công văn 5290/SHTT-PCCS của ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Cục Sở hữu Trí tuệ về việc trả lời khuyến nghị trong dự thảo Sách Trắng của Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam

7 Nghị định 131/2013/NĐ-CP 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ ngày quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan.

8 Nghị định 99/2013/NĐ-CP 29 tháng 08 năm 2013 của Chính phủ ngày quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

3. Xử lý xâm phạm quyền SHTT tại tòa án

Mô tả vấn đề

Như đã nêu ở trên, chế tài hành chính vẫn đang tiếp tục là chế tài được áp dụng phổ biến nhất để xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT tại Việt Nam. Rất ít vụ việc xâm phạm quyền SHTT được xử lý tại tòa án mặc dù pháp luật Việt Nam có quy định chế tài dân sự đối với hành vi xâm phạm quyền SHTT. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, trong đó, các nguyên nhân chủ yếu là: khó khăn trong việc điều tra, thu thập chứng cứ; khó khăn trong việc xin áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; thủ tục giải quyết tại tòa án còn phức tạp, kéo dài; không có tòa chuyên trách về SHTT, các thẩm phán cần được đào tạo chuyên sâu thêm về SHTT và cần bổ sung kinh nghiệm giải quyết các vụ việc xâm phạm quyền SHTT; việc thi hành án rất khó khăn, trên thực tế, trong nhiều trường hợp việc thi hành án không thực hiện được. Trên đây là những lý do chủ yếu dẫn đến tình trạng đa số các chủ sở hữu quyền SHTT ngại đưa các vụ xâm phạm quyền SHTT ra giải quyết tại tòa án.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Trong những năm đầu Việt Nam mở cửa nền kinh tế và hội nhập với thế giới, trong khi ngành tư pháp Việt Nam còn chưa phát triển toàn diện, chưa đủ nguồn lực đáp ứng các yêu cầu phức tạp trong xử lý các vi phạm pháp luật về SHTT, chế tài hành chính đã đóng vai trò rất quan trọng trong việc hạn chế tình trạng xâm phạm quyền SHTT, giúp kịp thời xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về SHTT. Tuy nhiên, đến nay, các vi phạm pháp luật về SHTT đã trở nên phổ biến, phức tạp và tinh vi hơn, đòi hỏi các biện pháp xử lý toàn diện hơn và các chế tài có tính răn đe cao hơn nhằm đấu tranh hiệu quả hơn với các hành vi xâm phạm quyền SHTT tại Việt Nam.

Khuyến nghị

Chúng tôi tin rằng chế tài dân sự phải được ưu tiên áp dụng trong việc xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT. Về lâu dài, cần phải có Tòa chuyên trách về quyền SHTT chuyên xử các vụ việc liên quan đến quyền SHTT, ban hành các quy định pháp luật riêng biệt về thủ tục tiến hành các vụ án về quyền SHTT, do tính chất đặc thù của các vụ việc loại này.

Trước mắt, trong thời gian chờ thiết lập tòa chuyên trách về quyền SHTT và quy định pháp luật về thủ tục tiến hành các vụ án quyền SHTT, chúng tôi đề nghị áp dụng các quy định đặc thù phù hợp với các vụ việc loại này. Cụ thể là: ban hành các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ sở hữu quyền thu thập chứng cứ vi phạm, quy định cụ thể nghĩa vụ của bên bị nghi ngờ có hành vi vi phạm pháp luật phải cung cấp tài liệu thông tin liên quan đến việc sản xuất kinh doanh sản phẩm bị nghi ngờ vi phạm quyền SHTT, đơn giản hóa thủ tục và yêu cầu để được áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, ưu tiên nguồn lực giải quyết các khiếu kiện liên quan đến quyền SHTT, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng các thẩm phán chuyên trách về quyền SHTT; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng lực lượng thi hành án, tăng cường các chế tài buộc các đối tượng xâm phạm quyền SHTT phải nghiêm túc thực thi các quyết định của tòa án. Ngoài ra, chúng tôi ghi nhận những nỗ lực của Việt Nam trong việc nâng cao năng lực của các thẩm phán chuyên trách, cán bộ thực thi và cán bộ tòa án về quyền SHTT và tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Chúng tôi luôn sẵn sàng hỗ trợ các cơ quan Việt Nam trong quá trình này, đặc biệt về việc thực thi quyền SHTT trong bối cảnh EVFTA sắp có hiệu lực. Chúng tôi cũng khuyến nghị tăng cường các biện pháp trừng phạt để buộc những người vi phạm quyền SHTT thực hiện nghiêm túc các quyết định của tòa án.

II. THỦ TỤC CẤP QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Khoa học và Công nghệ (BKHCN), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (BVHTTDL), Bộ Thông tin và Truyền thông (BTTTT), Cục Sở hữu Trí tuệ (CSHTT)

1. Đánh giá phản hồi trong trường hợp từ chối tạm thời

Mô tả vấn đề

Theo Điều 41.6 Thông tư 01/2007/TT-BKHCN⁹ (Thông tư 01) đã được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 16/2016/

⁹ Thông tư 01/2007/TT-BKHCN ngày 14 tháng 2 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp.

TT-BKHCN¹⁰ (Thông tư 16), đối với các đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu có chỉ định Việt Nam có một phần hoặc toàn bộ hàng hóa/dịch vụ không đáp ứng các tiêu chí bảo hộ, Cục Sở hữu trí tuệ (Cục SHTT) sẽ đưa ra thông báo từ chối tạm thời. Trong vòng ba tháng kể từ khi Cục SHTT gửi thông báo từ chối tạm thời, người nộp đơn có quyền sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối dự định từ chối của Cục SHTT. Việc sửa chữa thiếu sót hoặc phản đối dự định từ chối được thực hiện theo thủ tục như đối với đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo thể thức quốc gia, kể cả quy định về cách thức nộp đơn. Cục SHTT đã ghi nhận sự chậm trễ trong việc xử lý phản hồi của người nộp đơn đối với thông báo từ chối tạm thời trong thời gian qua và có hướng triển khai các biện pháp đẩy nhanh tiến độ xử lý, hướng tới xử lý đúng hạn các phản hồi của người nộp đơn sau thông báo tạm thời từ chối. Chúng tôi hoan nghênh và mong chờ những giải pháp đẩy nhanh tiến độ xử lý các phản hồi của người nộp đơn sau thông báo tạm thời từ chối được chuẩn bị bởi Cục SHTT.

Ngoài ra, theo Quyết định 2525/QĐ-BKHCN ngày 4 tháng 9 năm 2018,¹¹ Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn Địa lý và Nhãn hiệu Quốc tế sẽ kiểm tra các phản hồi về ý định từ chối của Cục SHTT. Như vậy, Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn Địa lý và Nhãn hiệu Quốc tế sẽ kiểm tra ý kiến phản hồi của người nộp đơn thay vì Phòng Thực thi và Giải quyết Khiếu nại như trước khi Thông tư 16 được ban hành.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Chúng tôi xem quy định này là một tiến bộ, tạo sự công bằng về thủ tục cho người đăng ký quốc tế. Đồng thời, việc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn Địa lý và Nhãn hiệu Quốc tế kiểm tra ý kiến phản hồi thay cho Phòng Thực thi và Giải quyết Khiếu nại dự kiến sẽ giảm số lượng khiếu nại cần giải quyết, đẩy nhanh quá trình xử lý phản hồi. Tuy nhiên, trên thực tế, chúng tôi chưa nhận được bất kỳ thông báo nào về việc giải quyết do Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn Địa lý và Nhãn hiệu Quốc tế đưa ra trong hơn một năm kể từ khi thực hiện quy định này.

Khuyến nghị

Chúng tôi hy vọng Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn Địa lý và Nhãn hiệu Quốc tế sẽ tăng tốc và đẩy nhanh việc xử lý phản hồi của người nộp đơn quốc tế với các nhãn hiệu có chỉ định Việt Nam liên quan đến thông báo từ chối tạm thời của Cục SHTT.

2. Thông báo cho người thứ ba trong thủ tục từ chối

Mô tả vấn đề

Theo Điều 6 Thông tư 16/2016/TT-BKHCN về việc xử lý ý kiến của bên thứ ba trước khi ra quyết định cấp văn bằng bảo hộ, bên thứ ba cũng được thông báo về kết quả kiểm tra của các đơn đăng ký tương ứng. Tuy nhiên, luật hiện hành không quy định khi nào bên thứ ba sẽ được thông báo về kết quả kiểm tra đơn đăng ký (dù là sau khi Cục SHTT gửi thông báo về kết quả thẩm định, sau khi Cục SHTT ban hành quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ hay sau khi đưa ra kết quả giải quyết khiếu nại của người nộp đơn, nếu có).

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Trên thực tế, Cục SHTT đã thông báo cho bên thứ ba về ý kiến của Cục SHTT sau khi đưa ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ cho các đơn đăng ký tương ứng (trường hợp Cục SHTT chấp thuận ý kiến của người thứ ba) hoặc sau khi gửi thông báo về ý định cấp văn bằng bảo hộ cho đơn đăng ký tương ứng (trường hợp Cục SHTT không chấp thuận ý kiến của người thứ ba). Tuy nhiên, điều này khiến cho thời gian chờ đợi phản hồi của Cục SHTT đối với ý kiến của người thứ ba kéo dài hơn nhiều so với trước đây, khi Cục SHTT thông báo cho người thứ ba về ý kiến của Cục SHTT đồng thời đưa ra thông báo về kết quả thẩm định các đơn đăng ký tương ứng.

Điều này ảnh hưởng đến kết quả xử lý các đơn đăng ký của người thứ ba (nếu nhãn hiệu bị từ chối cũng là nhãn hiệu đối chứng của bên thứ ba).

Khuyến nghị

Chúng tôi trân trọng đề nghị Cục SHTT thông báo cho bên thứ ba về ý kiến của Cục SHTT (phê duyệt hoặc từ

¹⁰ Thông tư 16/2016/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2007/TT-BKHCN ngày 14 tháng 2 năm 2007.

¹¹ Quyết định 2525/QĐ-BKHCN ngày 4 tháng 9 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu Trí tuệ.

chối phê duyệt) cùng với việc đưa ra thông báo về kết quả thẩm tra liên quan đến các đơn đăng ký tương ứng. Mặt khác, chúng tôi cũng đề nghị Cục SHTT tiếp tục thông báo cho bên thứ ba về tình trạng của các đơn đăng ký tương ứng khi ban hành quyết định từ chối/cấp văn bằng bảo hộ liên quan đến các đơn đăng ký tương ứng.

Qua ý kiến của Cục SHTT, chúng tôi hiểu rằng thời điểm Cục gửi thông báo cho bên thứ ba khi ra thông báo dự định cấp/từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc khi Cục ra quyết định cấp/từ chối cấp văn bằng bảo hộ không làm thay đổi thời gian chờ đợi xử lý đơn của bên thứ ba vì đơn nhãn hiệu của bên thứ ba nộp sau chỉ được xử lý khi có kết quả cuối cùng (quyết định cấp hoặc từ chối cấp văn bằng bảo hộ) đối với đơn bị phản đối có ngày nộp hồ sơ sớm hơn.

Tuy nhiên, Cục SHTT cũng thông tin rằng quy định liên quan đến ý kiến của bên thứ ba cũng là một trong những nội dung được xem xét, đệ trình trong Đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật SHTT đã được Chính phủ trình Quốc hội để sửa đổi nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đảm bảo lợi ích của tất cả các bên liên quan.

Chúng tôi cảm ơn thông tin của Cục SHTT và mong rằng Luật SHTT sửa đổi sẽ giải quyết được sự chậm trễ trong các thủ tục xử lý đơn sở hữu công nghiệp hiện nay, bảo đảm được lợi ích của các bên liên quan.

3. Chấm dứt nhãn hiệu đối chứng không sử dụng

Mô tả vấn đề

Theo Điều 74.2.e của Luật SHTT,¹² một nhãn hiệu sẽ bị coi là không có khả năng phân biệt nếu đó là một dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn [...]. Ngoài ra, Điều 74.2.h quy định một nhãn hiệu sẽ bị coi là không có khả năng phân biệt nếu đó là một dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đã đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá năm năm, trừ trường hợp hiệu lực bị chấm dứt vì lý do nhãn hiệu không được sử dụng. Trên thực tế, để không bị Cục SHTT từ chối dựa trên cơ sở này, người nộp đơn có thể chọn bắt đầu chấm dứt không sử dụng nhãn hiệu đối chứng. Cục SHTT đã từng chấp nhận lập luận để cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu ra đời sau khi nhãn hiệu đối chứng đã không còn được sử dụng.

Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, mặc dù không có thay đổi gì về mặt pháp lý, Cục SHTT lại có ý kiến không nhất quán về vấn đề trên. Đặc biệt, đối với một số trường hợp mới đây, Cục SHTT đã từ chối lập luận rằng nhãn hiệu đối chứng đã không còn được sử dụng vì cho rằng tại thời điểm đưa ra ý kiến từ chối, nhãn hiệu đối chứng vẫn còn hiệu lực. Sự không nhất quán trong việc đưa ra ý kiến thẩm tra của Cục SHTT gây nhầm lẫn cho bên nộp đơn.

Khuyến nghị

Chúng tôi đề nghị Cục SHTT có ý kiến nhất quán về việc chấm dứt không sử dụng nhãn hiệu đối chứng có đủ để đơn đăng ký bảo hộ không bị từ chối hay không. Theo chúng tôi, trong bối cảnh nền kinh tế đang phát triển nhanh chóng, vòng đời của các nhãn hiệu ngắn hơn, thì việc Cục SHTT chấp nhận lý do đã chấm dứt sử dụng nhãn hiệu đối chứng để cấp đăng ký cho các nhãn hiệu ra đời sau là hợp lý. Điều này cũng sẽ giúp xóa bớt nội dung trong sổ đăng ký và tạo cơ hội cho những người quan tâm đến nhãn hiệu.

Ngoài ra, theo phản hồi của Bộ KHCN và Cục SHTT, việc giải thích các quy định tại Điều 95.1.d của Luật SHTT chưa thực sự rõ ràng. Ngoài ra, không thể phủ nhận một điều rằng các quy định pháp luật không hề có sự thay đổi, nhưng thực tế hiện nay Cục SHTT đã thay đổi cách giải thích pháp luật của mình và từ đó, áp dụng thực tiễn thẩm định hoàn toàn khác với thời gian trước đây mà không hề có văn bản thông báo chính thức về việc này cho các đại diện sở hữu công nghiệp hay người nộp đơn, và cũng không quy định rõ thời điểm áp dụng. Việc này gây rất nhiều khó khăn cho các đại diện sở hữu công nghiệp khi phải giải thích sự thay đổi thực tiễn thẩm định này cho các bên liên quan vì không có thông báo chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền, đồng thời cũng gây ảnh hưởng lớn đến những người nộp đơn đã lựa chọn phương án yêu cầu chấm dứt hiệu lực của nhãn hiệu đối chứng dựa trên cơ sở không sử dụng mà Cục SHTT đã từng chấp nhận lập luận này trước đây.

Vì vậy, chúng tôi xin khuyến nghị Cục SHTT có thông báo chính thức cho các đại diện sở hữu công nghiệp trong trường hợp áp dụng thực tiễn thẩm định mới này; quy định cụ thể, rõ ràng về mốc thời điểm bắt đầu áp dụng thực tiễn thẩm định này. Việc thông báo như trên sẽ giúp đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng cho các đại diện sở hữu công nghiệp làm việc cũng như đảm bảo quyền lợi của những người nộp đơn.

¹² Luật Sở hữu Trí tuệ 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội.

III. ĐỀ CƯƠNG DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Khoa học và Công nghệ (BKHCN), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (BVHTTDL), Bộ Thông tin và truyền thông (BTTTT)

Tháng 9 năm 2019, Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi dự thảo Đề cương dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu Trí tuệ được ban hành năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và 2019 (Luật SHTT) và Tờ trình kèm theo Luật sửa đổi, trong đó đã nêu ra rất nhiều vấn đề cần được sửa đổi trong Luật SHTT để tuân thủ các hiệp định, hiệp ước mà Việt Nam đã tham gia như CPTPP và EVFTA, và để khắc phục một số bất cập trong việc thi hành Luật SHTT trong thời gian qua. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề bất cập chưa được đề cập trong dự thảo Đề cương và Tờ trình hoặc đã được đề cập nhưng chúng tôi cho rằng vẫn cần xem xét sửa đổi, bổ sung thêm do nội dung đề cập trong Đề cương và Tờ trình vẫn còn có điểm bất cập. Dưới đây là một số vấn đề đáng lưu ý.

1. Quyền tác giả

Mô tả vấn đề

Đề cương sửa đổi Luật SHTT đề xuất sửa đổi định nghĩa “chủ sở hữu quyền tác giả” quy định tại Điều 36, Luật SHTT theo hướng quy định chỉ có cá nhân hoặc tổ chức nắm giữ toàn bộ quyền tài sản mới được xem là chủ sở hữu quyền tác giả, các tổ chức hoặc cá nhân nắm giữ một hoặc một số quyền tài sản hoặc nắm giữ tất cả các quyền tài sản có thời hạn thì không được xem là chủ sở hữu quyền tác giả.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các quyền tài sản đối với một tác phẩm có tính độc lập với nhau và có thể được chuyển nhượng riêng rẽ từ tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả ban đầu (bên chuyển nhượng) cho các tổ chức hoặc cá nhân khác (bên nhận chuyển nhượng). Với định nghĩa mới được đề xuất, trong trường hợp một hoặc một số quyền tài sản được chuyển nhượng từ bên chuyển nhượng cho một hoặc một số bên nhận chuyển nhượng thì cả bên chuyển nhượng và các bên nhận chuyển nhượng sẽ đều không được xem là chủ sở hữu quyền tác giả vì họ không nắm giữ toàn bộ quyền tài sản. Việc này có thể gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức hoặc cá nhân này.

Ngoài ra, trong khi các nhà làm luật đề xuất việc sửa đổi định nghĩa chủ sở hữu quyền tác giả như trên, Điều 41, Luật SHTT vẫn quy định về chủ sở hữu quyền tác giả là tổ chức cá nhân được chuyển giao một, một số hoặc toàn quyền tài sản. Việc đề xuất sửa đổi như vậy sẽ tạo ra sự mâu thuẫn giữa các điều luật của Luật SHTT.

Khuyến nghị

Giữ nguyên Điều 36, Luật SHTT và sửa đổi Điều 41, Luật SHTT nhằm giới hạn chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân được chuyển nhượng một, một số hoặc toàn bộ quyền tài sản.

2. Sáng chế và kiểu dáng công nghiệp

Mô tả vấn đề

Khả năng bảo hộ của kiểu dáng công nghiệp riêng phần (partial design)

Điều 12.35.1 EVFTA quy định “...“kiểu dáng” là hình dáng của sản phẩm hoàn chỉnh hoặc của bộ phận có thể tách rời và/hoặc không thể tách rời của sản phẩm. Điều này có nghĩa là bộ phận không thể tách rời của sản phẩm cũng được bảo hộ dưới danh nghĩa kiểu dáng công nghiệp.

Điều 4.13 của Luật SHTT đưa ra định nghĩa về kiểu dáng công nghiệp, tuy nhiên không đề cập đến bộ phận của sản phẩm. Điểm 33.2.b, Thông tư 01/2007/TT-BKHCN (được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư 13/2010/TT-BKHCN, 18/2011/TT-BKHCN, 05/2013/TT-BKHCN và 16/2016/TT-BKHCN (Thông tư 01) quy định: Sản phẩm được hiểu là “... hoặc bộ phận dùng để lắp ráp, hợp thành các sản phẩm đó,... có kết cấu và chức năng rõ ràng, được lưu thông độc lập,...”, trong đó các phần sản phẩm “không thể tách rời ra khỏi sản phẩm hoặc chỉ có thể tách rời ra khỏi sản phẩm bằng cách phá hủy sản phẩm và không có phần tương tự được sản xuất để thay thế” được coi là không thể lưu thông độc lập (được hướng dẫn bởi Quy chế thẩm định đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp của Cục SHTT).

Điều này có nghĩa là quy định hiện hành đang trái với EVFTA. Luật sửa đổi không đề cập đến vấn đề này.

Tiêu chuẩn bảo hộ đối với giải pháp hữu ích:

Điều 58.2 Luật SHTT quy định “sáng chế được bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích nếu không phải là hiểu biết thông thường và có tính mới và có khả năng áp dụng công nghiệp”, tuy nhiên chưa quy định thể nào là hiểu biết thông thường, gây ra cách hiểu khác nhau về khái niệm này.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Do quy định về khả năng bảo hộ của kiểu dáng công nghiệp riêng phần của LSHTT Việt Nam trái với EVFTA, Luật SHTT cần được sửa đổi trên cơ sở xem xét lại Điều 18.55 CPTPP và cũng phù hợp với EVFTA.

Việc thiếu giải thích về hiểu biết thông thường gây khó khăn cho quá trình thẩm định đơn giải pháp hữu ích cũng như gây tranh cãi trong các thủ tục khác như hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ hay phản đối đơn dựa trên các tiêu chuẩn bảo hộ.

Khuyến nghị

- Sửa Điểm 4.13 Luật SHTT về định nghĩa kiểu dáng công nghiệp bằng cách bổ sung quy định “Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm hoặc phần, bộ phận của sản phẩm có thể tách rời hoặc không thể tách rời khỏi sản phẩm được thể hiện bằng ...”
- Bổ sung thêm một điều sau Điều 62 về khả năng áp dụng công nghiệp trong Luật SHTT quy định rõ thế nào là hiểu biết thông thường.

3. Nhãn hiệu

Mô tả vấn đề

Đối tượng được bảo hộ dưới dạng nhãn hiệu

Nghĩa vụ tại Điều 18.18 CPTPP về loại dấu hiệu có thể đăng ký làm nhãn hiệu quy định “Không Bên nào được yêu cầu, như một điều kiện để được đăng ký, là dấu hiệu phải nhìn thấy được, cũng như không Bên nào được từ chối đăng ký một nhãn hiệu chỉ với lý do rằng dấu hiệu cấu thành nhãn hiệu đó là âm thanh”.

Theo quy định hiện hành của Điều 72 Luật SHTT: “Nhãn hiệu là dấu hiệu nhìn thấy được...”, nghĩa là trái với Điều 18.18 CPTPP.

Định nghĩa sử dụng nhãn hiệu

Các quy định về định nghĩa sử dụng nhãn hiệu theo Điều 124.5 Luật SHTT hiện nay chưa đủ rõ ràng để giúp xác định phạm vi sử dụng nhãn hiệu trong thương mại điện tử hay môi trường kỹ thuật số, vốn ngày càng phát triển mạnh mẽ và trở thành xu thế hiện nay. Ngoài ra, hiện tại không có hướng dẫn cụ thể về tài liệu chứng minh sử dụng nhãn hiệu cũng như các ngưỡng đánh giá - phạm vi và số lượng sản phẩm được sử dụng đủ để được coi là sử dụng nhãn hiệu.

Định nghĩa và các quy định liên quan đến “động cơ không trung thực” và “đăng ký trái phép nhãn hiệu của bên khác”

Trong Luật SHTT có quy định về hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ dựa trên cơ sở là văn bằng bảo hộ được cấp do sự không trung thực của người nộp đơn (Khoản 3 Điều 96). “Động cơ không trung thực” có thể được coi là định nghĩa gắn nhất với “bad faith”, vốn được nhắc đến và quy định nhiều trong các hệ thống Luật SHTT tại các nước tiên tiến. Tuy nhiên, ngoài quy định nêu trên, Luật SHTT không hề có quy định chi tiết nào khác về định nghĩa “sự không trung thực” của người nộp đơn cũng như các yếu tố để xác định và chứng minh rằng người nộp đơn đã không trung thực lúc nộp đơn.

Ngoài ra, hiện nay do quá trình làm ăn chung hoặc sự lan truyền thông tin trên mạng Internet, một cá nhân/tổ chức tại Việt Nam có thể biết tới nhãn hiệu nổi tiếng/được sử dụng rộng rãi của một bên thứ ba tại một quốc gia khác, dễ dàng sao chép và nộp đơn đăng ký nhãn hiệu này tại Việt Nam mà không cần phải bỏ công sức sáng tạo

nhãn hiệu, chưa kể họ còn có mục đích trục lợi dựa trên danh tiếng sẵn có của nhãn hiệu đã có tiếng tăm. Người nộp đơn như vậy được gọi là “trademark squatter” (tạm gọi là “người đăng ký nhãn hiệu của người khác mà không được phép”) và hành vi nộp đơn đăng ký nhãn hiệu của “trademark squatter” thường được liệt kê là một trong những hành vi, động cơ không trung thực theo thông lệ quốc tế về nhãn hiệu.

Việt Nam áp dụng nguyên tắc “First to File” (ưu tiên đối tượng nộp đơn đăng ký trước) và do đó ghi nhận quyền sở hữu đối với nhãn hiệu dựa trên việc đăng ký trước chứ không phải sử dụng trước (ngoại trừ trường hợp đối với nhãn hiệu được công nhận nổi tiếng hoặc sử dụng rộng rãi tại Việt Nam). Do vậy, rất nhiều chủ sở hữu nhãn hiệu thực sự khi bị “trademark squatter” chiếm đoạt nhãn hiệu của mình và đăng ký tại Việt Nam đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc đòi lại nhãn hiệu của mình để có thể mở rộng việc kinh doanh tại Việt Nam. Ngoài ra, nếu một “trademark squatter” thường xuyên chiếm đoạt nhãn hiệu của nhiều bên thứ ba khác nhau (frequent trademark squatter) và vẫn được chấp nhận cấp chứng nhận nhãn hiệu tại Việt Nam, thì điều này có thể sẽ gây ảnh hưởng đến uy tín về mặt pháp lý của Việt Nam trong sân chơi chung. Quá trình toàn cầu hóa đòi hỏi phải có sự hài hòa về quy định pháp luật đối với các nước tham gia sân chơi toàn cầu.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc thiếu quy định cụ thể về các đối tượng được bảo hộ dưới dạng nhãn hiệu, ngoài các đối tượng là các dấu hiệu có thể nhìn thấy được sẽ gây trở ngại cho Việt Nam trong quá trình đàm phán và tuân thủ các hiệp định đối tác chiến lược song phương hoặc đa phương trong quá trình hội nhập thương mại thế giới.

Việc thiếu các thông tin và hướng dẫn chi tiết về vấn đề “thế nào là sử dụng nhãn hiệu” sẽ gây khó khăn cho các chủ sở hữu khi muốn chứng minh nhãn hiệu của mình được sử dụng hợp pháp, cũng như khó khăn cho các bên thứ ba có yêu cầu chính đáng muốn hủy một nhãn hiệu không được sử dụng trong thời gian luật định.

Việc thiếu các quy định và hướng dẫn cụ thể về “trademark squatter” và “bad faith” có thể góp phần khuyến khích những “frequent trademark squatter” tiếp tục thực hiện hành vi “ăn cắp” tài sản trí tuệ của các bên thứ ba khác để trục lợi bất hợp pháp và khiến cho quá trình gia nhập thị trường Việt Nam của các chủ sở hữu nhãn hiệu thực sự này gặp nhiều khó khăn hơn.

Khuyến nghị

- Sửa đổi, bổ sung Điều 72 Luật SHTT quy định về điều kiện bảo hộ nhãn hiệu để bổ sung quy định về bảo hộ nhãn hiệu âm thanh, đồng thời sửa đổi, bổ sung các quy định hướng dẫn trong nghị định, thông tư để hướng dẫn cụ thể về thẩm định nhãn hiệu âm thanh.
- Cân nhắc điều chỉnh làm rõ định nghĩa về “sử dụng nhãn hiệu” phù hợp với tình hình hiện tại, sửa đổi, bổ sung các quy định cụ thể hướng dẫn về phạm vi, tài liệu chứng minh việc sử dụng nhãn hiệu (hình thức và các ngưỡng đánh giá). Đưa ra các điều khoản định nghĩa về các đối tượng thường xuyên đăng ký trái phép nhãn hiệu của các bên khác, động cơ không trung thực, quy định các hướng dẫn cụ thể hơn về các hành vi này và cách tiếp cận xử lý đơn nhãn hiệu được đăng ký bởi các đối tượng đăng ký trái phép nêu trên và/hoặc người nộp đơn có hành vi, động cơ không trung thực.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ thuộc EuroCham

CHƯƠNG 5 HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI

TỔNG QUAN

Hòa giải thương mại đã được sử dụng như một phương thức giải quyết tranh chấp thương mại trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại hoặc tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại,¹ với sự hỗ trợ của hòa giải viên thương mại đóng vai trò trung gian.²

Định nghĩa hòa giải thương mại theo pháp luật Việt Nam tương ứng với định nghĩa của Luật Mẫu Ủy ban Liên Hiệp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế (UNCITRAL) về Hòa giải Thương mại Quốc tế và các Thỏa thuận Hòa giải Quốc tế 2018, theo đó hòa giải được định nghĩa là một quá trình, dù là hòa giải, trung gian hoặc hình thức tương tự, theo đó các bên yêu cầu một bên thứ ba (hòa giải viên) giúp họ đạt được một giải pháp hòa giải tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến một quan hệ hợp đồng hoặc quan hệ pháp lý khác. Hòa giải viên không có thẩm quyền áp đặt giải pháp đối với tranh chấp giữa các bên liên quan.³

Ngoài trọng tài thương mại và thủ tục tố tụng tại tòa án, hòa giải thương mại là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp. Tại Việt Nam, định nghĩa hòa giải cũng tồn tại trong trọng tài thương mại và quá trình tố tụng tại tòa án. Do đó, chương này giới thiệu về hòa giải thương mại và cần phân biệt hòa giải thương mại theo Nghị định 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24 tháng 2 năm 2017 về hòa giải thương mại (Nghị định 22) với các mô hình hòa giải khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và trong thực tiễn.

Mô tả vấn đề

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tư pháp (BTP), Tòa án Việt Nam

Phân biệt hòa giải thương mại với các hoạt động hòa giải khác trong các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại khác.

Khái niệm hòa giải thương mại được quy định tại Nghị định 22. Đây là hòa giải theo quy định pháp luật trong đó một bên thứ ba độc lập, khách quan được các bên tranh chấp lựa chọn để hỗ trợ trong quá trình hòa giải với hy vọng đạt được thỏa thuận chung giữa các bên. Vui lòng tìm thêm thông tin chi tiết trong phần về lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam bên dưới.

Mặt khác, cái gọi là “Hòa giải” trong các thủ tục tố tụng trọng tài thương mại tuân thủ Luật Trọng tài thương mại 2010⁴ hoặc “Hòa giải” trong thủ tục hòa giải dân sự quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự 2015⁵ không phải là hình thức hòa giải thương mại mà chỉ là một phần của thủ tục trọng tài hoặc quá trình tố tụng tại tòa án.

Hòa giải trong quá trình tố tụng tại tòa án là một quy trình bắt buộc, được chủ động thực hiện bởi cơ quan tiến hành tố tụng theo trình tự và thủ tục của Bộ luật Tố tụng Dân sự, trừ các vụ án dân sự không được hòa giải hoặc không thể hòa giải được.⁶ Trong khi đó, phương thức hòa giải trong các thủ tục trọng tài thương mại và hòa giải thương mại được các bên tranh chấp chủ động thực hiện theo thỏa thuận của các bên.⁷ Ngoài ra, phạm vi hòa giải tại tòa án rộng hơn so với hòa giải thương mại hay trọng tài thương mại, tức là trong tất cả các lĩnh vực được điều chỉnh bởi Bộ luật Tố tụng Dân sự và Luật Tố tụng Hành chính. Kết quả hòa giải thành của các hoạt động hòa giải theo thủ tục tố tụng tại tòa án được ghi nhận trong quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên do tòa

1 Điều 2, Nghị định 22.

2 Điều 3.1, Nghị định 22.

3 Điều 1.3, Phần 1, Phụ lục II, Luật Mẫu UNCITRAL về Hòa giải Thương mại Quốc tế và Thỏa thuận Hòa giải Quốc tế, 2018 (sửa đổi Luật mẫu UNCITRAL về Hòa giải Thương mại Quốc tế, 2002).

4 Luật Trọng tài thương mại 54/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội.

5 Bộ luật Tố tụng dân sự 92/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

6 Điều 10, Bộ luật Tố tụng dân sự.

7 Điều 9, Luật Trọng tài thương mại 2010 và Điều 6 Nghị định 22.

án ban hành; quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không thể kháng cáo hoặc kháng nghị theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

Trong hoạt động tố tụng trọng tài thương mại, khi các bên đạt được thỏa thuận giải quyết tranh chấp, Hội đồng trọng tài sẽ lập biên bản hòa giải thành được ký bởi các bên. Hội đồng trọng tài ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên. Quyết định này là chung thẩm và có giá trị như một phán quyết trọng tài.⁸

Trong hòa giải thương mại, khi các bên đạt được kết quả hòa giải thành, hòa giải viên sẽ lập văn bản về kết quả hòa giải thành để các bên ký kết. Văn bản về kết quả hòa giải thành của các bên sau đó phải được trình để tòa án công nhận theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.⁹ Đối với hòa giải tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại tòa án, văn bản về kết quả hòa giải thành được tòa án công nhận và sẽ được thực thi bởi các cơ quan thi hành án dân sự theo luật về thi hành án.

Điều quan trọng cần lưu ý là hoạt động hòa giải tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại tòa án đã được thiết lập và thực hiện như một dự án thí điểm từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 8 năm 2018 tại Hải Phòng và sau đó áp dụng cho 15 tỉnh khác từ tháng 1 năm 2019 đến tháng 10 năm 2019. Hầu hết các “hòa giải viên” trong mô hình này sẽ tiến hành hòa giải như một phần của các thủ tục tại tòa án, theo đó các hòa giải viên sẽ đọc các tài liệu của vụ việc và kiểm tra trong quá trình “hòa giải”. Dự thảo Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án đã được công bố kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 để lấy ý kiến công chúng. Loại hình hòa giải này nhằm mục đích hỗ trợ các bên tranh chấp tìm ra giải pháp khả dĩ trong khi một bên hoặc các bên gửi đơn kiện lên tòa án có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp. Ngoài ra, mô hình này còn góp phần xử lý kịp thời và chính xác các tranh chấp, khiếu nại và giảm nhẹ công việc cho tòa án Việt Nam. Dự thảo luật đã được giới thiệu trước Quốc hội vào tháng 11 năm 2018 để lấy ý kiến. Do vậy, các chi tiết của luật sẽ được cập nhật trong ấn bản sắp tới.

Tóm lại, trái với các hoạt động hòa giải theo thủ tục tố tụng tại tòa án và thủ tục trọng tài thương mại trong đó kết quả hòa giải thành sẽ được thi hành theo luật về thi hành án dân sự theo bản án/quyết định của tòa án/phán quyết trọng tài thương mại; các thỏa thuận hòa giải trong hòa giải thương mại và hòa giải bên cạnh tòa án cần phải được tòa án công nhận theo thủ tục tố tụng được quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự trước khi thi hành.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Hòa giải thương mại trên thực tiễn trong những năm gần đây

Nhìn chung, việc áp dụng phương thức hòa giải thương mại giúp các tổ chức và cá nhân kinh doanh thương mại giải quyết tranh chấp một cách nhanh chóng và hiệu quả nhờ sự linh hoạt trong việc tìm giải pháp cho tranh chấp dựa trên lợi ích của các bên thay vì chỉ dựa trên quyền lợi pháp lý, tiết kiệm chi phí cho thủ tục pháp lý và duy trì quan hệ hợp tác giữa các bên. Thủ tục giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại đơn giản và linh hoạt, và các bên tranh chấp có quyền lựa chọn trình tự, thủ tục, thời gian, địa điểm và năng lực chuyên môn của hòa giải viên tham gia hòa giải.¹⁰ Ngoài ra, một ưu điểm của phương pháp này là thông tin về tranh chấp và bí mật kinh doanh của các bên được bảo mật, điều này cực kỳ quan trọng trong bối cảnh của nền kinh tế hiện nay khi bí mật kinh doanh là yếu tố chính trong sự tồn vong của một doanh nghiệp.¹¹

Hòa giải thương mại đã được kỳ vọng là sẽ trở thành một xu hướng giải quyết tranh chấp trong tương lai gần tại Việt Nam, tạo cơ hội cho các bên tránh phải thực hiện các thủ tục pháp lý phức tạp, giúp duy trì sự hợp tác lâu dài giữa các bên và giúp các bên nhanh chóng tìm được tiếng nói chung và đạt được thỏa thuận với cách tiếp cận “đôi bên cùng có lợi”, tránh tổn kém thời gian và tiền bạc cho thủ tục giải quyết nặng tính hình thức hơn tại tòa án hoặc trọng tài thương mại.

Theo tinh thần của Nghị quyết 49-NQ/TW do Bộ Chính trị ban hành về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, nhiệm vụ khuyến khích giải quyết một số tranh chấp thông qua đàm phán, hòa giải và trọng tài đã được đề xuất.

8 Điều 58, Luật Trọng tài thương mại 2010.

9 Điều 16, Nghị định 22.

10 Điều 12.1, Điều 14.1, Điều 14.2 và Điều 14.3 Nghị định 22.

11 Điều 4.2, Điều 9.2.(c) Nghị định 22.

Đây là một thông điệp rất mạnh mẽ của Chính phủ trong việc khuyến khích các cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án nhằm nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam. Có thể nói rằng việc ban hành Nghị định 22 đã tạo ra một hành lang pháp lý rõ ràng hơn cho các bên trong việc áp dụng một phương thức giải quyết tranh chấp thay thế. Tuy nhiên, việc sử dụng phương thức hòa giải thương mại phụ thuộc vào nhận thức và niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và sự hỗ trợ của giới chuyên môn. Rõ ràng, phương thức giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại vẫn còn mới mẻ và chưa được áp dụng rộng rãi tại Việt Nam.

Theo luật pháp Việt Nam, một tổ chức hòa giải thương mại có thể là một Trung tâm hòa giải thương mại được thành lập và hoạt động theo Nghị định 22 hoặc một Trung tâm trọng tài được thành lập và hoạt động theo pháp luật về trọng tài thương mại thực hiện hoạt động hòa giải thương mại theo Nghị định 22. Ngoài ra, luật pháp Việt Nam cho phép tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của một tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam.

Tại Việt Nam, hòa giải thương mại vụ việc và hòa giải viên thương mại vụ việc cũng được Nghị định 22 công nhận. Ngay sau khi Nghị định 22 có hiệu lực, nhiều chuyên gia trong nhiều lĩnh vực đã đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc tại các Sở Tư pháp, đặc biệt là tại Hà Nội và TP HCM. Đồng thời, nhiều trung tâm hòa giải thương mại cũng đã được thành lập.¹² Tính đến tháng 8 năm 2019, tại Việt Nam có 07 trung tâm hòa giải thương mại được Bộ Tư pháp cấp phép với đội ngũ hòa giải viên được chứng nhận trong nước và quốc tế là những người có thể góp phần giải quyết tranh chấp trong hợp đồng thương mại quốc tế. Bên cạnh đó, hiện nay, Việt Nam có một số trung tâm trọng tài cung cấp dịch vụ hòa giải thương mại, mặc dù số lượng tranh chấp mà các trung tâm này đã giải quyết vẫn còn khiêm tốn nhưng giá trị của các tranh chấp này là khá lớn.¹³ Chẳng hạn, một trong những trung tâm hòa giải thương mại chuyên nghiệp đầu tiên, được thành lập vào tháng 7 năm 2018, là Trung tâm Hòa giải Việt Nam (VMC), thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) với 51 hòa giải viên đã đăng ký, bao gồm 13 người có hộ chiếu nước ngoài và 38 người Việt Nam. VMC hiện đã giải quyết 4 trong số 5 vụ việc được đưa đến trung tâm với tổng giá trị tranh chấp lên đến 935 tỷ Đồng (tương đương 40,6 triệu Đô-la Mỹ).¹⁴

Hòa giải theo Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, Hội đồng châu Âu (EC) và Việt Nam đã ký kết Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ Đầu tư (EVIPA), và vào ngày 12 tháng 12, Nghị viện châu Âu đã bỏ phiếu phê chuẩn EVFTA và EVIPA. Đây là Hiệp định thương mại và đầu tư lớn nhất mà Việt Nam ký kết với 28 nền kinh tế ở châu Âu,¹⁵ đánh dấu bước phát triển lâu dài trong mối quan hệ hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU). EVFTA và EVIPA quy định về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải giữa hai bên là Liên minh châu Âu và Việt Nam. Điều này cho thấy cơ chế hòa giải có vai trò ngày càng quan trọng trong giải quyết tranh chấp nhằm giải quyết xung đột giữa các bên và giúp duy trì quan hệ hợp tác kinh tế lâu dài giữa các bên. EVFTA khuyến khích các bên chọn một trong những hình thức giải quyết tranh chấp thân thiện nhất như đàm phán, hòa giải hoặc tham vấn. Các nội dung về tham vấn và đàm phán của EVIPA được quy định rất chi tiết và cụ thể, và mở rộng quy định về nhà đầu tư và các bên.

Trong EVFTA và EVIPA, việc tham vấn không phải là yêu cầu bắt buộc trước khi bắt đầu thủ tục hòa giải. Tuy nhiên, Bên tham gia tranh chấp nên tận dụng các điều khoản hợp tác hoặc tham vấn liên quan khác trong EVFTA và EVIPA trước khi bắt đầu thủ tục hòa giải.

Hòa giải viên không được làm trọng tài viên hoặc tham luận viên trong các thủ tục giải quyết tranh chấp theo EVFTA, EVIPA hoặc theo Hiệp định WTO liên quan đến cùng một vấn đề mà họ là hòa giải viên. Họ sẽ đưa ra quyết

12 “Hòa giải thương mại, nhất cử lưỡng tiện”, *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, ngày 26 tháng 6 năm 2019. Xem tại: <<https://www.thesaigontimes.vn/290264/Hoa-giai-thuong-mai-nhat-cu-luong-tien.html>> truy cập lần cuối ngày 08 tháng 12 năm 2019.

13 “Trung tâm hòa giải thương mại đầu tiên được thành lập tại Việt Nam trong bối cảnh giao dịch thương mại ngày càng tăng”, *Báo Hanoi Times*, ngày 15 tháng 7 năm 2019. Xem tại: <<http://hanoitimes.vn/first-commercial-mediation-center-launched-in-vietnam-amid-rising-trade-deals-46388.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

14 “Trung tâm hòa giải (VMC) đã xử lý 5 vụ tranh chấp thương mại, với giá trị gần 935 tỷ đồng”, *Đầu tư Chứng khoán*, ngày 25 tháng 5 năm 2019. Xem tại: <<https://tinnhanhchungkhoan.vn/phap-luat/trung-tam-hoa-giai-vmc-da-xu-ly-5-vu-tranh-chap-thuong-mai-voi-gia-tri-gan-935-ty-dong-266972.html>> truy cập lần cuối ngày 08 tháng 12 năm 2019.

15 27 nền kinh tế tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2020.

định về biện pháp giải quyết tranh chấp phù hợp và rõ ràng nhất, đồng thời cân nhắc về tác động thương mại. Cụ thể, hòa giải viên có thể tổ chức cuộc gặp mặt giữa các bên tranh chấp, lắng nghe ý kiến chung và riêng của các bên, và đồng thời tham khảo ý kiến và hỗ trợ từ các chuyên gia và bên liên quan, hoặc các hỗ trợ khác mà các bên yêu cầu. Trước khi tham vấn ý kiến của hoặc nhận hỗ trợ từ các chuyên gia, hòa giải viên phải lắng nghe ý kiến của các bên.

Hòa giải viên có thể tư vấn và đề nghị áp dụng biện pháp giải quyết và hai bên có thể chấp thuận hoặc từ chối biện pháp này, hoặc đề xuất áp dụng một biện pháp khác. Hòa giải viên sẽ không tư vấn hoặc đưa ra ý kiến về tính nhất quán của biện pháp. Tuy nhiên, biện pháp có thể được thông qua theo quyết định của Ủy ban Thương mại và các biện pháp được hai bên thống nhất sẽ được công bố công khai và phiên bản được tiết lộ cho công chúng không được chứa bất kỳ thông tin nào mà các Bên chỉ định là bí mật.

Trong tương lai, biện pháp này cũng có thể dẫn đến sự ra đời của một văn kiện về việc thực thi các thỏa thuận hòa giải thương mại quốc tế. Kết quả này có thể có ảnh hưởng tương tự như Công ước New York năm 1958 về việc Công nhận và Thi hành Phán quyết của Trọng tài Nước ngoài.¹⁶ Thông qua EVFTA và EVIPA, sẽ có một khung pháp lý hợp lý để các nhà lập pháp Việt Nam phát triển hòa giải thương mại và hòa giải đầu tư.

Công ước Singapore về Hòa giải

Vào tháng 11 năm 2019, 51 quốc gia bao gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Singapore, Hàn Quốc và Hoa Kỳ đã ký Công ước Liên Hợp Quốc (LHQ) về các thỏa thuận giải quyết quốc tế thông qua hòa giải,¹⁷ hay còn được gọi là “Công ước Singapore về Hòa giải”. Công ước này yêu cầu các thỏa thuận hòa giải được thi hành bởi tòa án của tất cả các quốc gia thành viên. Công ước Singapore về Hòa giải không áp dụng cho các thỏa thuận hòa giải: (i) đã được tòa án công nhận hoặc đạt được trong quá trình tố tụng tại tòa án; (ii) đang được thi hành như một bản án của tòa án tại quốc gia có tòa án đó; hoặc (iii) đã được ghi nhận và có thể được thi hành như một phán quyết trọng tài.

Việt Nam không phải là một trong những bên ký kết Công ước Singapore về Hòa giải. Sự tham gia của Việt Nam vào Công ước Singapore về Hòa giải sẽ củng cố tầm vóc của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế. Việc tham gia Công ước sau đó sẽ trở thành lựa chọn khả thi cho việc hòa giải các vụ việc tranh chấp xuyên biên giới.

Những tiến triển gần đây tại Việt Nam cho thấy chương trình đào tạo hòa giải và công nhận quốc tế đang được hỗ trợ. Năm 2018, với nguồn vốn từ Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC) thuộc Ngân hàng Thế giới (WBG), nhiều hòa giải viên thương mại đã được đào tạo và chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc tế. Thông qua chương trình này, có gần 100 chuyên gia trong nhiều lĩnh vực đã được đào tạo kiến thức và kỹ năng chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành dịch vụ hòa giải.¹⁸

Phần lớn các hợp đồng thương mại thiếu các điều khoản hòa giải sẽ tự động có hiệu lực nếu xảy ra tranh chấp. Nên đào tạo các luật sư tương lai soạn thảo các điều khoản đó trong hợp đồng thương mại quốc tế. Ngoài ra, các chương trình phát triển chuyên môn trong soạn thảo hợp đồng cần được đẩy mạnh thông qua Liên đoàn Luật sư Việt Nam và các hiệp hội liên quan đến luật. Phòng Thương mại Quốc tế (ICC) đã ban hành Ghi chú Hướng dẫn Hòa giải để các bên sử dụng, cho dù họ có phải là thành viên của ICC hay không.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị các chính sách đã được xây dựng nên được phát triển cho từng bên liên quan nhằm khởi xướng các biện pháp cụ thể để phát triển hòa giải và thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường nhận thức về hòa giải, đặc biệt là hòa giải theo Nghị định 22. Ngoài ra, Nghị định 22, các quy định luật trước đây và thực tiễn cần được thống nhất để tạo một khung pháp lý nhất quán, đơn giản và cung cấp một giải pháp khả thi cho các luật gia, cộng đồng doanh nghiệp và giới học giả.

¹⁶ Công ước về Công nhận và Thi hành Phán quyết của Trọng tài Nước ngoài của Ủy ban Liên Hiệp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế (New York, 1958).

¹⁷ Công ước Liên Hợp Quốc (LHQ) về các thỏa thuận giải quyết quốc tế thông qua hòa giải (New York, 2018).

¹⁸ Như mục 10.

Đồng thời, chúng tôi cũng khuyến nghị nâng cao nhận thức về EVFTA, EVIPA và việc thực hiện hòa giải để Việt Nam tuân thủ cam kết tại các hiệp định quốc tế. Các hợp đồng thương mại cũng cần bao gồm các điều khoản về hòa giải nhằm tránh việc mang tranh chấp ra trước tòa án. Việc tăng cường nâng cao năng lực và đào tạo cho các luật gia về hòa giải cũng nên được thực hiện để Việt Nam có thể đáp ứng nhu cầu về hòa giải trong tương lai.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham, đặc biệt đối với chương này:
Tuấn Nguyễn, Thành viên của Tiểu ban Pháp luật, Luật sư Điều hành ANT Lawyers;
Thanh Dương, Thành viên của Tiểu ban Pháp luật, Luật sư Điều hành Công ty Luật DIMAC.



CHƯƠNG 6 HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VÀ HIỆP ĐỊNH BẢO HỘ ĐẦU TƯ GIỮA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ VIỆT NAM

TỔNG QUAN

Vào ngày 2 tháng 12 năm 2015, sau gần 3 năm và 14 vòng đàm phán, Chủ tịch Donald Tusk, Chủ tịch Jean-Claude Juncker và Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã ký tuyên bố chính thức về việc kết thúc đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA). EVFTA là một hiệp định thương mại tự do thế hệ mới giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu. Vào ngày 26 tháng 6 năm 2018, EVFTA được chia thành hai thỏa thuận riêng biệt: Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ đầu tư (EVIPA). Vào tháng 8 năm 2018, Liên minh châu Âu và Việt Nam đã hoàn thành việc rà soát pháp lý đối với EVFTA và EVIPA. EVFTA cần được Ủy ban châu Âu và Nghị viện châu Âu phê chuẩn trong khi EVIPA phải được phê chuẩn thêm bởi Quốc hội của mỗi quốc gia thành viên Liên minh châu Âu.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, Cao ủy Thương mại, bà Cecilia Malmstrom, cùng với Bộ trưởng phụ trách kinh doanh, thương mại và doanh nghiệp của Rumani, ông Stefan-Radu Oprea, đã đại diện cho Liên minh châu Âu ký kết EVFTA và EVIPA tại Hà Nội với sự chứng kiến của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và các lãnh đạo chính phủ. Thủ tướng bày tỏ niềm tin rằng Nghị viện châu Âu, quốc hội của các quốc gia thành viên Liên minh châu Âu và Quốc hội Việt Nam sẽ sớm phê chuẩn EVFTA và EVIPA. Cả hai hiệp định Thương mại và Đầu tư đều được phê chuẩn bởi Nghị viện châu Âu vào ngày 12 tháng 2. Quốc hội Việt Nam đã phê chuẩn EVFTA vào phiên họp tháng 6 và như vậy, EVFTA có thể có hiệu lực vào nửa cuối năm 2020. Đối với EVIPA, hiệp định này sẽ mất nhiều thời gian trước khi đi vào hiệu lực hơn vì phụ thuộc vào việc phê chuẩn bởi Quốc hội của mỗi quốc gia thành viên Liên minh châu Âu.

EVFTA và EVIPA đều được kỳ vọng là sẽ mang đến những thuận lợi và lợi ích tốt nhất từ trước đến nay cho các doanh nghiệp, người lao động và người tiêu dùng ở cả Liên minh châu Âu và Việt Nam. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam ước tính tăng 10-15% và kim ngạch xuất khẩu ước tính tăng 30-40% trong 10 năm tới. Trong khi đó, mức lương thực tế của lao động lành nghề có thể tăng đến 12% và mức lương thực tế của lao động nói chung có thể tăng 13%.¹ Một khi EVFTA đi vào hiệu lực, các cải cách thể chế và chính sách của Chính phủ bắt đầu có hiệu lực, hoạt động kinh doanh thương mại tại Việt Nam sẽ tăng trưởng đột phá. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề cần được giải quyết. Trong chương này, Tiểu ban Pháp luật của EuroCham sẽ trình bày những vấn đề liên quan đến từng ngành nghề và đưa ra các khuyến nghị cụ thể để giải quyết những mối quan ngại này.

MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ

1. Tiếp cận thị trường đối với hàng hóa và dịch vụ

Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) là hiệp định thương mại và đầu tư toàn diện và tham vọng nhất mà Liên minh châu Âu (EU) từng ký kết với một nước đang phát triển tại châu Á. Đây là hiệp định thứ hai trong khu vực Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) sau Singapore và sẽ tăng cường các mối quan hệ song phương giữa Việt Nam và EU. Việt Nam sẽ có thể tiếp cận một thị trường tiềm năng với dân số hơn khoảng 446 triệu người và Tổng Sản phẩm Quốc nội (GDP) đạt 13.918 tỷ Đô-la Mỹ (chiếm 22% GDP toàn cầu).² Đồng thời, các nhà xuất khẩu và đầu tư từ Liên minh châu Âu cũng có thêm cơ hội tiếp cận đến một trong những quốc gia có tốc độ phát triển nhanh nhất và lớn nhất trong khu vực. Theo báo cáo được công bố vào đầu năm 2017 bao gồm 134 thành phố trên toàn thế giới,³ Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong nhóm 10 thành

1 Dự án Hỗ trợ Chính sách Thương mại và Đầu tư của châu Âu (MUTRAP), Báo cáo về Tác động Dài hạn của EVFTA, 2014.

2 "Dân số Liên minh châu Âu lên đến 512 triệu người tại ngày 1 tháng 1 năm 2017", EuroStat, ngày 10 tháng 7 năm 2017. Xem tại: <<http://ec.europa.eu/eurostat/documents/2995521/8102195/3-10072017-AP-EN.pdf/a61ce1ca-1efd-41df-86a2-bb495daabdbd>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

3 "Chỉ số Tăng trưởng Thành phố JLL", Jones Lang LaSalle. Xem tại: <<http://www.jll.com/cities-research/City-Momentum>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

phổ năng động nhất vì cả hai thành phố này đều có mức chi phí thấp, tốc độ mở rộng thị trường tiêu dùng nhanh, tăng trưởng dân số mạnh mẽ và quá trình chuyển đổi theo hướng khuyến khích thu hút đáng kể nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Theo Ngân hàng Thế giới (World Bank – WB), Việt Nam có một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới – tăng trưởng GDP 7,1% vào năm 2018 và 6,7% giữa năm 2019.⁴ Để so sánh, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam nhanh gần gấp đôi so với Hoa Kỳ.

Ngoài ra, tầng lớp trung lưu tại Việt Nam có mức tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực. Dự đoán tầng lớp này tăng gần như gấp đôi về quy mô trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2020 (từ 12 triệu đến 33 triệu người).⁵ Số lượng người siêu giàu của Việt Nam⁶ cũng tăng nhanh hơn bất cứ quốc gia nào khác, và chắc chắn rằng con số này sẽ tiếp tục gia tăng trong 10 năm tới.

Tiếp cận thị trường hàng hóa

Hiệp định EVFTA sẽ xóa bỏ trên 99% các các dòng thuế đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam vào Liên minh châu Âu. Số thuế nhỏ còn lại được tự do hoá một phần thông qua các hạn ngạch miễn thuế. Vì Việt Nam là một nước đang phát triển, 65% giá trị hàng xuất khẩu của Liên minh châu Âu vào Việt Nam sẽ được tự do hóa, chiếm khoảng một nửa tổng số dòng thuế tại thời điểm có hiệu lực. Những dòng thuế còn lại sẽ được bãi bỏ trong vòng mười năm tới. Đây là việc xóa bỏ thuế quan nhanh chưa từng có đối với một quốc gia như Việt Nam. Điều này cũng chứng minh mục tiêu hội nhập và mối quan hệ thương mại sâu rộng hơn nữa giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu.

Về phần mình, Liên minh châu Âu đồng ý xóa bỏ 84% dòng thuế đánh và 71% giá trị thương mại của hàng nhập khẩu từ Việt Nam ngay khi FTA có hiệu lực. Trong vòng 7 năm kể từ ngày EVFTA có hiệu lực, hơn 99% dòng thuế sẽ được xóa bỏ cho Việt Nam, lớn hơn so với mức giảm 95% dòng thuế mà các quốc gia thành viên dự kiến của TPP trước đây đưa ra cho hàng nhập khẩu từ Việt Nam. Trong khu vực ASEAN, Việt Nam là quốc gia hàng đầu trong lĩnh vực xuất khẩu hàng hóa sang châu Âu. Tuy nhiên, thị phần của các sản phẩm Việt Nam tại Liên minh châu Âu vẫn còn khiêm tốn. Nhờ có EVFTA, các ngành được hưởng lợi nhiều nhất là các ngành xuất khẩu chính vốn từng phải chịu mức thuế cao từ châu Âu như dệt may, giày dép, nông sản, v.v. Liên minh châu Âu cũng là một điểm tựa tốt để Việt Nam vươn đến các thị trường khác.

Việt Nam sẽ nhận được nhiều lợi ích từ EVFTA so với các hiệp định thương mại tự do khác bởi vì Việt Nam và châu Âu được xem là hai thị trường bổ sung hỗ trợ nhau, trong đó Việt Nam xuất khẩu hàng hoá mà Liên minh châu Âu không thể hoặc không tự sản xuất được (ví dụ như thủy sản, trái cây nhiệt đới, v.v.) trong khi hàng hóa nhập khẩu từ Liên minh châu Âu cũng là những mặt hàng Việt Nam không thể sản xuất trong nước, bao gồm máy móc, máy bay và được phẩm chất lượng cao.

Khi hàng hóa từ Liên minh châu Âu có khả năng tiếp cận thị trường tốt hơn, doanh nghiệp Việt Nam có thể cung cấp nguyên liệu, công nghệ và thiết bị của Liên minh châu Âu với chất lượng/giá tốt hơn, từ đó cải thiện chất lượng sản phẩm và giảm bớt gánh nặng của Việt Nam do phụ thuộc quá nhiều vào các đối tác thương mại chính khác.

EVFTA được coi là khuôn mẫu để Liên minh châu Âu ký kết thêm các các hiệp định thương mại tự do với các quốc gia khác trong khu vực ASEAN, nhằm đạt mục đích ký kết một hiệp định thương mại tự do liên vùng khi có đủ số lượng các hiệp định thương mại tự do cần thiết với các nước thành viên ASEAN.⁷ Quá trình này có thể mất đến 10-15 năm. Vì vậy, Việt Nam nên tận dụng thời điểm vàng này một cách hiệu quả nhất để trở thành trung tâm đầu tư trong khu vực trước khi các nước khác trong khu vực ký kết các hiệp định thương mại tự do với Liên minh châu Âu.

Tiếp cận thị trường đối với các nhà cung cấp dịch vụ của Liên minh Châu Âu

Mặc dù các cam kết WTO được sử dụng làm nền tảng cho việc cung cấp dịch vụ, Việt Nam không chỉ mở thêm (phần) ngành dành cho các nhà cung cấp dịch vụ của Liên minh châu Âu mà còn cam kết sâu hơn trong khuôn khổ WTO, tạo cơ hội tốt nhất cho Liên minh châu Âu tiếp cận thị trường Việt Nam. Các (phần) ngành không thuộc

4 *Ngân hàng Thế giới*. Xem tại: <<https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.KD.ZG?locations=VN>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

5 "Việt Nam và Myanmar: Biên giới Tăng trưởng Mới của Đông Nam Á", *The Boston Consulting Group*. Xem tại: <<https://www.bcg.com/publications/2013/globalization-vietnam-myanmar-southeast-asia-new-growth-frontiers.aspx>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

6 Người siêu giàu (Ultra-High Net-Worth Individual) là là các cá nhân có khối lượng tài sản từ 30 triệu đô la trở lên. Xem thêm thông tin tại "Báo cáo siêu giàu thế giới 2019", *Wealth-X*. Xem tại: <<https://www.wealthx.com/report/world-ultra-wealth-report-2019>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

7 Các cuộc đàm phán và thỏa thuận với Liên minh châu Âu. Xem tại: <<http://ec.europa.eu/trade/policy/countries-and-regions/negotiations-and-agreements/>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

khuôn khổ WTO nhưng lại nằm trong nội dung mà Việt Nam cam kết thực hiện bao gồm: dịch vụ Nghiên cứu và phát triển (R&D) liên ngành, dịch vụ điều dưỡng, nhân sự vật lý trị liệu và cận y tế, dịch vụ đóng gói, dịch vụ hội chợ thương mại và triển lãm và dịch vụ vệ sinh công trình.

Khi các dịch vụ này đạt tiêu chuẩn quốc tế, Việt Nam có cơ hội xuất khẩu dịch vụ chất lượng cao, qua đó không chỉ tăng giá trị xuất khẩu mà còn tăng hiệu quả xuất khẩu, do đó giúp cải thiện cán cân thương mại.

Mua sắm Chính phủ

Việt Nam là một trong những quốc gia trên thế giới có tỷ lệ đầu tư công cao nhất trên tổng GDP (39% hàng năm kể từ năm 1995). Tuy nhiên, Việt Nam đã không cam kết tham gia hoạt động mua sắm Chính phủ theo Hiệp định Mua sắm Chính phủ (GPA) của WTO. Quả thực, đây là lần đầu tiên Việt Nam cam kết thực hiện điều này trong EVFTA.

Các cam kết FTA về Mua sắm Chính phủ chủ yếu giải quyết yêu cầu đối xử công bằng giữa các nhà thầu châu Âu hoặc nhà thầu trong nước có vốn đầu tư từ Liên minh châu Âu và nhà thầu Việt Nam khi một Chính phủ mua sắm hàng hóa hoặc yêu cầu dịch vụ vượt quá ngưỡng quy định. Việt Nam cam kết tuân thủ các nguyên tắc chung về đối xử quốc gia và không phân biệt đối xử cũng như sẽ công bố kịp thời thông tin về đấu thầu và thông tin sau đấu thầu trên trang Báo Đấu Thầu và thông tin về hệ thống đấu thầu trên trang web muasamcong.mpi.gov.vn và công báo chính thức kịp thời. Điều này cho phép các nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ dự thầu, duy trì tính bảo mật của hồ sơ dự thầu.⁸ FTA cũng yêu cầu các Bên tham gia đánh giá hồ sơ dự thầu dựa trên các quy tắc công bằng và khách quan, đánh giá và xét trúng thầu dựa trên các tiêu chí được ghi trong thông báo và các văn bản thầu cũng như tạo ra một cơ chế khiếu nại và giải quyết tranh chấp hiệu quả.⁹ Các quy tắc này đòi hỏi các bên phải đảm bảo các quy trình đấu thầu phù hợp với các cam kết và bảo vệ quyền lợi của chính mình, theo đó hỗ trợ Việt Nam giải quyết các thách thức liên quan đến việc thắng thầu bởi các nhà cung cấp dịch vụ chào giá thầu thấp nhưng lại không đủ năng lực cung cấp dịch vụ.

Mua sắm Chính phủ đối với hàng hóa hay dịch vụ hoặc bất kỳ kết hợp hàng hóa dịch vụ nào thỏa mãn các tiêu chí bên dưới đều nằm trong phạm vi các quy tắc về Mua sắm Chính phủ của FTA:

Bảng 1: Quy tắc về Mua sắm Chính phủ trong EVFTA

| Tiêu chí | FTA |
|---|---|
| Giá trị tiền tệ xác định mua sắm Chính phủ tại cấp trung ương có thuộc phạm vi của một hiệp định | 130.000 Quyền Rút vốn Đặc biệt (SDR) (191.000 đô-la Mỹ) sau 15 năm kể từ ngày hiệp định có hiệu lực Ngưỡng chuyển tiếp ban đầu: 1,5 triệu SDR (2,23 triệu đô-la Mỹ) |
| Mua sắm dịch vụ xây dựng bởi các đơn vị Chính phủ cấp trung ương | Ngưỡng ban đầu: 40 triệu SDR (58,77 triệu đô-la Mỹ) Sau 15 năm, 5 triệu SDR (7,35 triệu đô-la Mỹ) |
| Các đơn vị được bảo đảm | 22 cơ quan Chính phủ cấp Trung ương 42 đơn vị khác (bao gồm 2 doanh nghiệp nhà nước liên quan đến dịch vụ tiện ích, 2 trường đại học, 2 cơ sở nghiên cứu và 34 bệnh viện công thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế) Các thành phố trực thuộc Trung ương: bao gồm Hà Nội và Hồ Chí Minh |
| Loại bỏ ưu đãi dành cho các Doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) | Loại bỏ với phạm vi rộng |
| Áp dụng khấu trừ thuế | Dựa trên giá trị hợp đồng |

8 Văn kiện EVFTA cập nhật tháng 9 năm 2018, Chương 9 về Mua sắm Chính phủ. Xem tại: <http://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2018/september/tradoc_157364.pdf> truy cập lần cuối ngày 10 tháng 1 năm 2020.

9 Vui lòng tham khảo các quy tắc và nguyên tắc liên quan.

Cơ chế Giải quyết Tranh chấp Đầu tư

Cơ chế Giải quyết Tranh chấp giữa Nhà đầu tư và Chính phủ (ISDS) hiện bao gồm trong EVIPA. Trong các tranh chấp liên quan đến đầu tư (ví dụ, việc tước quyền sở hữu mà không bồi thường, phân biệt đối xử về đầu tư), một nhà đầu tư được quyền đưa tranh chấp ra Tòa án Đầu tư để giải quyết. Để đảm bảo sự công bằng và tính độc lập của việc giải quyết xung đột, một Tòa án sẽ bao gồm 9 thành viên: 3 công dân được chỉ định từ Liên minh Châu Âu, 3 từ Việt Nam cùng với 3 từ các nước thứ ba. Các vụ kiện sẽ được xét xử bởi một Tòa án gồm 3 thành viên do Chủ tọa Tòa án lựa chọn một cách ngẫu nhiên và không thể đoán trước. Điều này cũng là để đảm bảo sự nhất quán của các phán quyết trong các trường hợp tương tự nhau, qua đó làm cho việc giải quyết tranh chấp trở nên rõ ràng hơn. EVIPA cũng cho phép thành lập Tòa án bao gồm một thành viên duy nhất trong trường hợp nguyên đơn là một doanh nghiệp nhỏ hoặc vừa hoặc mức bồi thường cho các khiếu nại đòi bồi thường thiệt hại là tương đối thấp. Đây là một cách tiếp cận linh hoạt trong bối cảnh Việt Nam vẫn là một nước đang phát triển.

Trường hợp không đồng ý với quyết định của Tòa án, một trong hai bên tranh chấp có quyền khiếu nại lên Tòa phúc thẩm. Mặc dù không giống với thủ tục trọng tài thông thường, cách làm này lại khá giống với cơ chế giải quyết tranh chấp 2 cấp trong WTO (Ban hội thẩm và Cơ quan phúc thẩm). Chúng tôi tin rằng cơ chế này có thể tiết kiệm thời gian và chi phí cho toàn bộ quá trình tố tụng.

Quyết định cuối cùng của Tòa án Đầu tư là chung thẩm và có hiệu lực thi hành ngay, tòa án địa phương không có thẩm quyền chất vấn về hiệu lực, ngoại trừ trong thời kỳ chuyển tiếp năm năm kể từ khi EVIPA có hiệu lực đối với Việt Nam (vui lòng tham khảo thêm các đánh giá trong Chương của Tiểu ban Pháp luật).

Kết luận

Một khi được thực thi, EVFTA sẽ giúp tăng trưởng bền vững, mang lại các lợi ích cho đôi bên trong một số lĩnh vực và là một công cụ hiệu quả để cân bằng mối quan hệ thương mại giữa châu Âu và Việt Nam. Việt Nam đang nỗ lực hết sức để đáp ứng các tiêu chuẩn cao được đặt ra trong hiệp định và tăng cường các cơ hội cho các doanh nghiệp nước ngoài để chuẩn bị cho việc hoàn tất hiệp định. Đây là thời điểm các nhà đầu tư nước ngoài cần khởi động các kế hoạch kinh doanh và nắm bắt những cơ hội cụ thể đang đến gần.

LỜI CẢM ƠN

Tiến sỹ Oliver Massmann, Thành viên Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham & Giám đốc Điều hành Công ty Luật TNHH Duane Morris Việt Nam



CHƯƠNG 7 TÒA ÁN VÀ TRỌNG TÀI

TỔNG QUAN

Các thành viên của chúng tôi mong muốn có một hệ thống tư pháp hiệu quả và minh bạch khi tiến hành hoạt động kinh doanh với các đối tác Việt Nam và khi đầu tư vào Việt Nam. Chúng tôi mong muốn đảm bảo rằng các cam kết kinh doanh sẽ được thực hiện theo thỏa thuận và có sẵn phương thức giải quyết phù hợp khi xảy ra bất kỳ vi phạm hoặc tranh chấp nào.

Tuy nhiên, các thành viên của chúng tôi thường xuyên báo cáo những trở ngại nghiêm trọng trong việc cố gắng đảm bảo quyền lợi của mình tại Việt Nam. Trong chương về tòa án và trọng tài này, chúng tôi muốn tập trung vào một số vấn đề liên quan đến các chủ đề sau: tòa án Việt Nam, trọng tài ở Việt Nam, việc công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

I. TÒA ÁN VIỆT NAM

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tư pháp (BTP), Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC), Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao (VKSNDTC), Quốc hội (Ủy ban Kinh tế, Ủy ban Pháp luật, Ủy ban Tư pháp), Bộ Công Thương (BCT), Cục Quản lý Cạnh tranh (Cục QLCT)

Mô tả vấn đề

Theo Báo cáo Thường niên Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới,¹ Việt Nam liên tục xếp hạng thấp (với những tiến bộ ở mức hạn chế) ở hai tiêu chí là tính độc lập của hệ thống tư pháp và tính hiệu quả của khung pháp lý trong công tác giải quyết tranh chấp. Ấn bản năm 2019 của báo cáo so sánh này xếp Việt Nam ở vị trí 89 trên 141 quốc gia được xếp hạng trong hạng mục “thể chế”, hạng mục này bao gồm một số lĩnh vực như: quyền tài sản (sở hữu trí tuệ), tính độc lập của hệ thống tư pháp, gánh nặng về quy định của Chính phủ, tính hiệu quả của khung pháp lý trong công tác giải quyết tranh chấp và trong việc phản biện các quy định và định hướng tương lai của Chính phủ.²

Một trong những lý do cho những đánh giá trên về hệ thống tư pháp của Việt Nam là cần phải cải thiện đáng kể về tính minh bạch. Gần đây, tòa án Việt Nam mới bắt đầu công bố các phán quyết³ và còn nhiều phán quyết vẫn chưa được công bố. Vì lý do đó, không có hệ thống tiền lệ xét xử và án lệ phong phú, sẵn có và đáng tin cậy để có thể hướng dẫn và bảo đảm khả năng có thể đoán trước về kết quả của từng vụ tranh chấp.

Các thành viên của chúng tôi cũng gặp phải vấn đề này trong việc tuân thủ Luật Cạnh tranh khi làm việc với Cục Quản lý Cạnh tranh (Cục QLCT) và Hội đồng Cạnh tranh (HĐCT), vì các quyết định của hai cơ quan này thường không được công bố. Các thành viên của chúng tôi cho biết Luật Cạnh tranh mới ban hành và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 7 năm 2019 quy định việc thành lập một cơ quan hành chính mới (Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia), mà các quyết định chính về cạnh tranh của cơ quan hành chính này sẽ được công bố công khai.

Ngoài ra, phạm vi cung cấp dịch vụ pháp lý mà các công ty luật nước ngoài được phép thực hiện vẫn chưa được quy định rõ ràng, đặc biệt kể từ thời điểm ban hành Nghị định 123/2013/NĐ-CP⁴ và Nghị định 137/2018/NĐ-CP⁵, và Luật Luật sư vẫn không cho phép luật sư Việt Nam đủ tiêu chuẩn hành nghề nhưng đang làm việc cho một công ty luật nước ngoài được đại diện cho khách hàng trước tòa án Việt Nam.⁶

1 “Báo cáo Năng lực Cạnh Tranh toàn cầu 2018”, *Diễn đàn Kinh tế Thế giới*. Xem tại: <<http://reports.weforum.org/global-competitiveness-report-2018/>> truy cập lần cuối vào ngày 8 tháng 12 năm 2019.

2 “Báo cáo Năng lực Cạnh Tranh toàn cầu 2019”, *Diễn đàn Kinh tế Thế giới*. Xem tại: <<https://www.weforum.org/reports/how-to-end-a-decade-of-lost-productivity-growth/>> truy cập lần cuối vào ngày 8 tháng 12 năm 2019.

3 Tòa án Nhân dân Tối cao đã công bố 2 website: <https://congboaban.toaan.gov.vn/> và <https://anle.toaan.gov.vn/webcenter/portal/anle/home>.

4 Nghị định 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Luật sư 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội.

5 Nghị định 137/2018/NĐ-CP ngày 8 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 123/2013/NĐ-CP.

6 Luật Luật sư 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội.

Cuối cùng, các thành viên của chúng tôi cũng báo cáo các vấn đề liên quan đến chương trình thí điểm về hòa giải tại tòa án đã được đưa ra vào tháng 11 năm 2018 bởi Tòa án Nhân dân Tối cao tại 16 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.⁷ Chương trình thí điểm này quy định mọi tranh chấp trước hết phải được chuyển đến một trung tâm hòa giải tại tòa án để cố gắng hòa giải, chỉ khi nỗ lực hòa giải không thành công thì tòa án mới được phép thụ lý vụ việc.⁸ Mặc dù chương trình thí điểm mới này về hòa giải tại tòa án có thể đạt được mục tiêu là giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thiện chí, các thành viên của chúng tôi báo cáo sự thiếu minh bạch trong quá trình thực hiện; ví dụ, các bên không biết về khung thời gian và các quyền và nghĩa vụ của mình. Ngoài ra, thủ tục hòa giải sơ bộ này vẫn còn chông chéo với hòa giải bắt buộc tại tòa đối với một số tranh chấp (chẳng hạn như tranh chấp lao động cá nhân) dẫn đến các thủ tục tư pháp kéo dài không cần thiết.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Khi lên kế hoạch đầu tư ở nước ngoài, một trong những yếu tố quan trọng mà nhà đầu tư nước ngoài quan tâm là hệ thống tư pháp có hiệu quả và minh bạch hay không. Vì lý do đó, chúng tôi tin rằng việc tiếp tục cải cách hệ thống tư pháp tại Việt Nam sẽ nâng cao lòng tin của nhà đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

Khuyến nghị

- Các thành viên của EuroCham rất quan tâm tới quá trình công bố các phán quyết hiện nay của tòa án Việt Nam, bao gồm việc công nhận án lệ như một trong những nguồn luật theo Bộ luật Dân sự⁹ trên hai trang web được quản lý bởi Tòa án Nhân dân Tối cao.¹⁰ Chúng tôi khuyến nghị công bố ngay phán quyết của tòa án ở tất cả các cấp;
- Các thành viên EuroCham rất quan tâm theo dõi việc thực thi Luật Cảnh tranh liên quan đến yêu cầu công khai các quyết định chính của Hội đồng Cảnh tranh Quốc gia. Chúng tôi khuyến nghị cần có ngay các nghị định hướng dẫn liên quan;
- Luật Luật sư cần được sửa đổi để cho phép luật sư Việt Nam đủ tiêu chuẩn được đại diện cho khách hàng trước tòa án Việt Nam, kể cả khi luật sư đó đang làm việc cho một công ty luật nước ngoài. Điều này đã được các thành viên của EuroCham khuyến nghị nhiều lần trong các ấn bản Sách Trắng trước đây; và
- Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án phải cần soạn thảo nhằm giảm thiểu thời gian giải quyết tranh chấp, đưa ra các cơ chế thích hợp để xử lý các khoản phí tòa án và tránh sự chông chéo giữa các thủ tục hòa giải tại các trung tâm hòa giải và tại các tòa án.

II. TRỌNG TÀI Ở VIỆT NAM

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tư pháp (BTP), Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC), Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao (VKSNDTC), Quốc hội (Ủy ban Kinh tế)

Mô tả vấn đề

Số liệu thống kê do Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) công bố trong Báo cáo Thường niên 2019 cho thấy 274 vụ việc mới đã được đưa ra và được giải quyết bởi VIAC trong năm 2019 với tổng giá trị tranh chấp khoảng 6,7 nghìn tỷ (khoảng 289 triệu Đô-la Mỹ) và giá trị tranh chấp cao nhất trong một vụ là gần 128,8 triệu Đô-la Mỹ.¹¹

Điều đáng tiếc là, lý do lựa chọn giải quyết tranh chấp tại VIAC có thể phần nhiều là do những bất cập của các cơ chế giải quyết tranh chấp khác tại Việt Nam như giải quyết tranh chấp tại tòa án (xem Mục I trên đây) hoặc bởi trọng tài quốc tế, chứ không phải là do hiệu quả phân xử của VIAC.

⁷ Kế hoạch 301/KH-TANDTC ngày 1 tháng 10 năm 2018 của Tòa án Nhân dân Tối cao.

⁸ Tòa án Nhân dân Tối cao cũng lấy ý kiến công chúng về Dự thảo Luật Hòa giải và Đối thoại tại tòa án, dự kiến sẽ được thông qua tại Kỳ họp thứ 9 – Quốc hội Khóa XIV: Dự thảo luật hòa giải, đối thoại tại tòa án đang trong quá trình lấy ý kiến. Xem tại: <http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT_DUTHAO_LUAT/View_Detail.aspx?ItemID=1708&TabIndex=0> truy cập lần cuối vào ngày 8 tháng 12 năm 2019.

⁹ Điều 6, Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

¹⁰ Theo Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Tư pháp của Tòa án Nhân dân Tối cao về việc công bố bản án và quyết định, ban hành ngày 16 tháng 3 năm 2017.

¹¹ “Báo cáo thường niên 2019”, *Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam*, 2019. Xem tại: <<http://www.viac.vn/en/annual-report.html>> truy cập lần cuối ngày 21 tháng 2 năm 2020.

Quan ngại chính là sự can thiệp của tòa án Việt Nam không chỉ trước khi phán quyết cuối cùng được đưa ra (dẫn đến việc hội đồng trọng tài VIAC không có thẩm quyền xét xử và phải chấm dứt thủ tục tố tụng trọng tài) mà còn thông qua việc bác phán quyết cuối cùng mà hội đồng trọng tài VIAC đưa ra. Ví dụ như, các thành viên của chúng tôi báo cáo một số trường hợp hội đồng trọng tài VIAC đã đưa ra phán quyết cuối cùng, sau đó tòa án xem xét lại tình tiết của vụ việc và cuối cùng bác phán quyết trọng tài bằng cách kết luận rằng phán quyết của trọng tài trái với “những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”.

Chúng tôi cũng được biết có một số trường hợp bị đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại VIAC đưa ra những phản đối không có căn cứ về thẩm quyền của hội đồng trọng tài VIAC. Khi hội đồng trọng tài ban hành quyết định khẳng định thẩm quyền xét xử đối với vụ việc, bị đơn đã khiếu kiện thành công ra tòa án Việt Nam để bác quyết định này. Bởi vì quyết định của tòa án Việt Nam trong trường hợp này có tính chung thẩm và ràng buộc, và vì không thể kháng cáo quyết định này của tòa án, nên quyết định này dẫn đến việc chấm dứt thủ tục tố tụng trọng tài tại VIAC.

Ngoài ra, việc không cho phép kháng cáo quyết định hủy phán quyết trọng tài tiếp tục là một rào cản lớn đối với những nhà đầu tư nước ngoài muốn giải quyết tranh chấp của mình tại Việt Nam một cách công bằng và minh bạch.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Để xây dựng một môi trường thuận lợi cho đầu tư, cần có một khung pháp lý hiệu quả và đáng tin cậy cho thủ tục trọng tài.

Khuyến nghị

- Chúng tôi khuyến nghị Tòa án Nhân dân Tối cao và Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao ban hành nhiều hướng dẫn cụ thể hơn cho các tòa án cấp dưới để thống nhất hạn chế việc can thiệp của tòa án vào hoạt động tố tụng trọng tài; và
- Việc áp dụng quyền kháng cáo quyết định của tòa án sơ thẩm về thẩm quyền của hội đồng trọng tài hoặc hiệu lực của phán quyết trọng tài có thể góp phần làm cho cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài tại Việt Nam trở nên minh bạch và độc lập hơn, và vì vậy trở nên phổ biến hơn tại Việt Nam dựa trên chính những ưu điểm của cơ chế này.

III. CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH PHÁN QUYẾT CỦA TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tư Pháp (BTP), Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC), Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao (VKSNDTC), Quốc hội (Ủy ban Kinh tế)

Mô tả vấn đề

Các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thường chọn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài quốc tế nếu các hợp đồng có giá trị lớn. Tuy thủ tục trọng tài quốc tế thường tốn kém và mất nhiều thời gian, phán quyết của trọng tài quốc tế thường được thi hành ở hầu hết các quốc gia trên thế giới theo Công ước New York năm 1958 về Công nhận và Thi hành Phán quyết của Trọng tài Nước ngoài¹² (NYC) mà Việt Nam là thành viên trong Công ước này.

Tuy nhiên, các thành viên của chúng tôi nhận thấy rằng, trên thực tế, để được các tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành các phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam là rất khó khăn.

Một trong những khó khăn gặp phải là đảo ngược nghĩa vụ chứng minh. Theo quy định của NYC, nếu bên phải thi hành phán quyết có bất kỳ phản đối nào với việc thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài thì bên phải thi hành phán quyết phải cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên, trên thực tế, các tòa án Việt Nam lại đảo ngược nghĩa vụ chứng minh này và buộc bên được thi hành phán quyết phải chứng minh rằng mọi sự phản đối của bên phải thi hành là không có căn cứ hoặc không phù hợp. Cách làm này khuyến khích bên phải thi hành phán quyết đưa ra càng nhiều phản đối, đôi khi vô căn cứ, và buộc bên được thi hành phán quyết phải chứng minh để bác bỏ. Điều này gây khó khăn về mặt thời gian và tài chính cho bên được thi hành

¹² Công ước về Công nhận và Thi hành Phán quyết của Trọng tài Nước ngoài năm 1958 của Ủy ban Liên Hiệp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế.

phán quyết và cản trở bên được thi hành phán quyết thực hiện các quyền hợp pháp của mình. Vào ngày 27 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật 92/2015/QH13 ban hành Bộ luật Tố tụng Dân sự mới¹³ (Bộ luật Tố tụng Dân sự). Bộ luật có một quy định cụ thể về nghĩa vụ chứng minh, nêu rõ bên phải thi hành phán quyết phải có nghĩa vụ chứng minh. Các thành viên của chúng tôi hoan nghênh chuyển biến tích cực này và sẽ tiếp tục theo dõi sát sao việc áp dụng Bộ luật Tố tụng Dân sự của tòa án Việt Nam.

Một khó khăn khác là việc tòa án Việt Nam bác đơn xin công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài quốc tế vì các lý do trái với với NYC. Trên thực tế, trong nhiều trường hợp, tòa án Việt Nam đã quyết định rằng bên nước ngoài trong thỏa thuận trọng tài không có đủ năng lực ký kết hợp đồng do sai lầm khi dẫn chiếu pháp luật Việt Nam thay vì dẫn chiếu pháp luật của quốc gia của bên nước ngoài đó. Căn cứ này được các tòa án sử dụng mặc dù luật pháp Việt Nam quy định rõ ràng rằng tòa án chỉ có thể xác định một trong các bên tham gia thỏa thuận trọng tài không có năng lực ký thỏa thuận bằng cách tham chiếu đến luật áp dụng cho bên đó—không phải bằng cách tham chiếu luật pháp Việt Nam. Trong các trường hợp khác, tòa án Việt Nam xác định rằng thông báo đã không được gửi đến cho bị đơn một cách phù hợp do tòa án đã dẫn chiếu pháp luật Việt Nam mà việc dẫn chiếu như vậy là sai lầm, thay vì phải dẫn chiếu đến các quy tắc trọng tài áp dụng cho vụ việc và pháp luật áp dụng của thỏa thuận trọng tài.

Các thành viên của chúng tôi rất quan tâm đến việc Tòa án Nhân dân Tối cao đang thu thập ý kiến về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xử lý đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam. Các thành viên của chúng tôi đang theo sát quá trình soạn thảo và đưa ra ý kiến cho dự thảo Nghị quyết nhằm đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế về vấn đề này.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Đại đa số các nước tham gia NYC đều áp dụng đúng các quy định của NYC trong thực tế và công nhận và cho thi hành các phán quyết của trọng tài nước ngoài một cách phù hợp trong phạm vi lãnh thổ của mình. Việc gia nhập và thực hiện NYC được công nhận rộng rãi là một yếu tố chính cho quá trình hội nhập của nền kinh tế quốc gia vào thương mại quốc tế.

Khuyến nghị

- Các văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ luật Tố tụng Dân sự cần quy định về việc áp dụng chặt chẽ các quy định của NYC, bao gồm xác định rõ nghĩa vụ chứng minh thuộc về bên phải thực hiện phán quyết trọng tài nếu bên phải thi hành phản đối việc thực thi phán quyết đó; bên được thi hành phán quyết chỉ có nghĩa vụ cung cấp cho tòa án các tài liệu chứng minh gồm phán quyết hợp lệ và thỏa thuận trọng tài hợp lệ, cho đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết; tòa án Việt Nam chỉ có thể bác đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết khi có cơ sở phù hợp với NYC và Bộ luật Tố tụng Dân sự; và tòa án Việt Nam không được xem xét lại tình tiết vụ việc;
- Áp dụng cơ chế tự động chuyển sang Tòa án Nhân dân Phúc thẩm đối với những vụ việc mà Tòa Sơ thẩm đã bác đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành nhằm khuyến khích việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; và
- Tòa án Nhân dân Tối cao cần tổ chức thêm các khóa đào tạo, hội thảo dành cho thẩm phán ở Tòa án Nhân dân cấp tỉnh và Tòa án Nhân dân Phúc thẩm để đảm bảo các thẩm phán được đào tạo đầy đủ về nghiệp vụ giải quyết đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài phù hợp với luật pháp Việt Nam và NYC.

Chúng tôi hy vọng Chính phủ Việt Nam và các cơ quan hữu quan sẽ quan tâm, xem xét những quan tâm và khuyến nghị của Tiểu ban Pháp luật ở chương này. Đồng thời, chúng tôi cam kết tiếp tục hỗ trợ về chuyên môn và sẵn sàng hợp tác với Chính phủ nhằm đưa ra giải pháp cho các vấn đề cần khắc phục và góp phần cải thiện hệ thống tư pháp Việt Nam.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:
Bernadette Fahy, Luật sư Thành viên tại Công ty Luật TNHH Audier & Cộng sự
Antoine Logeay, Luật sư tại Công ty Luật TNHH Audier & Cộng sự

¹³ Bộ luật tố tụng dân sự 92/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

CHƯƠNG 8 MUA BÁN VÀ SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP

TỔNG QUAN

Thị trường mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A) của Việt Nam đang khởi sắc và phát triển mạnh mẽ. Các giao dịch M&A được nhiều nhà đầu tư xem là cách hiệu quả nhất để xâm nhập thị trường và mở rộng hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Số lượng và giá trị các giao dịch M&A hoàn tất tại Việt Nam đang trên đà tăng bền vững trong những năm trở lại đây. Dự kiến M&A sẽ còn tiếp tục tăng trưởng hơn nữa trong năm 2020 (đặc biệt trong bối cảnh Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam (EVFTA) đã được phê chuẩn).

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (BK&ĐT):

- Trong năm 2018, tổng giá trị giao dịch M&A tại Việt Nam đạt khoảng 10,1 tỷ Đô-la Mỹ, tăng 60% so với cùng kỳ năm 2017; và
- Trong năm 2019, tổng giá trị giao dịch M&A tại Việt Nam đạt khoảng 15,6 tỷ Đô-la Mỹ, tăng 54% so với cùng kỳ năm 2018).

Hai ngành có hoạt động M&A mạnh nhất trong năm 2018 và 2019 là sản xuất hàng tiêu dùng và bất động sản.¹ Các ngành chủ chốt khác bao gồm tài chính tiêu dùng, bán lẻ, thủy sản, logistics và giáo dục. Các nhà đầu tư từ Hàn Quốc, Nhật Bản và Singapore đóng vai trò rất quan trọng trong thị trường M&A tại Việt Nam trong năm 2018 và 2019 với khối lượng các giao dịch được hoàn tất ấn tượng.² Ước tính những con số này sẽ còn tăng trưởng mạnh mẽ hơn trong năm 2020 vì đó là thời điểm nhiều nhà đầu tư nước ngoài tìm cách vào thị trường Việt Nam để có thể tận dụng được toàn bộ những lợi ích mà các hiệp định thương mại tự do sắp có hiệu lực mang lại trong những năm tới, bao gồm cả EVFTA.

Luật Đầu tư 2014³ (LĐT) và Luật Doanh nghiệp 2014⁴ (LDN) là dấu mốc quan trọng đánh dấu sự phát triển của khung pháp lý dành cho hoạt động M&A tại Việt Nam. Văn bản hướng dẫn thi hành những luật mới này cũng đã góp phần vào việc đơn giản hóa và đồng bộ các thủ tục hành chính và pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Tuy nhiên, nhiều vấn đề quan trọng trong khuôn khổ LĐT và LDN cùng văn bản hướng dẫn thi hành các văn bản luật này vẫn chưa được giải quyết và cần được các cơ quan Nhà nước làm rõ. Để giải quyết những vấn đề còn tồn đọng này, Bộ KH&ĐT đã công bố để lấy ý kiến công khai nhiều dự thảo liên tiếp của Luật sửa đổi một số điều của LĐT và LDN dự kiến được trình lên Quốc hội thông qua vào năm 2020.⁵

Dưới đây là tóm tắt tổng quan về một số rào cản pháp lý chính đối với hoạt động M&A hiệu quả tại Việt Nam, được trình bày dưới dạng các khuyến nghị của chúng tôi tới Chính phủ nhằm giải quyết những vấn đề này. Chúng tôi hoan nghênh các cơ hội được làm việc cùng với các cơ quan hữu quan để tạo điều kiện cho thị trường M&A phát triển và hoạt động hiệu quả hơn nữa.

Sau đây là tóm lược những rào cản chính và khuyến nghị để khắc phục:

- Tiếp tục giảm số lượng ngành nghề kinh doanh “có điều kiện” và xác định rõ ràng hơn những ngành nghề cấu thành và không cấu thành ngành nghề kinh doanh “có điều kiện” để phù hợp với mục đích của các văn bản pháp luật có bao gồm khái niệm này;
- Bãi bỏ “kiểm tra nhu cầu kinh tế” đối với việc các nhà phân phối bán lẻ có vốn đầu tư nước ngoài thành lập các cửa hàng bán lẻ mới (lưu ý rằng EVFTA quy định “kiểm tra nhu cầu kinh tế” sẽ không còn được áp dụng cho các nhà đầu tư nước ngoài từ các quốc gia thành viên Liên minh châu Âu năm năm sau khi EVFTA có hiệu lực);

¹ “Diễn đàn mua bán, sáp nhập Việt Nam 2019: Quyết định đột phá”, Báo Đầu tư trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, ngày 23 tháng 7 năm 2019. Xem tại < <https://www.vir.com.vn/ma-vietnam-forum-2019-going-for-breakthrough-69447.html> > truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

² Như trên.

³ Luật Đầu tư 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội.

⁴ Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội.

⁵ “Linklaters Insights: Vietnam year in review 2019 and year to come 2020”, Allens. Xem tại: https://www.allens.com.au/insights-news/insights/2019/12/linklaters-insights-vietnam-year-in-review-2019-and-year-to-come-2020/#proposed_amendments > truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

- Bỏ quy định yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài phải xin “Chấp thuận giao dịch M&A” trước khi thực hiện bất kỳ giao dịch M&A với doanh nghiệp tư nhân;
- Giảm mức độ quyết định của các cơ quan cấp phép liên quan đến việc rà soát và xem xét lại các điều khoản thương mại của các giao dịch M&A;
- Nâng cao tính rõ ràng và thống nhất của các thủ tục áp dụng cho các giao dịch M&A;
- Giảm mức độ kiểm soát của Nhà nước trên tổng thể đối với luồng ngoại tệ vào và ra khỏi Việt Nam, bao gồm việc loại bỏ rõ ràng mọi yêu cầu sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tài khoản vốn đầu tư gián tiếp liên quan đến các giao dịch M&A;
- Đảm bảo xử lý nhanh gọn và thuận lợi các thủ tục miễn thuế cần thiết để thực hiện các giao dịch M&A và chuyển khoản phí chuyển nhượng;
- Giảm mức độ kiểm soát tổng thể của Nhà nước đối với các luồng ngoại tệ vào và ra khỏi Việt Nam, bao gồm việc xóa bỏ rõ ràng bất kỳ yêu cầu sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tài khoản vốn đầu tư gián tiếp trong nước liên quan đến các giao dịch M&A;
- Đảm bảo xử lý nhanh gọn và thuận lợi các thủ tục miễn thuế cần thiết để thực thi giao dịch M&A và chuyển khoản phí chuyển nhượng; và
- Xem xét lại ngưỡng kiểm tra thông báo kiểm soát sáp nhập theo quy định của Luật Cạnh tranh và các văn bản thi hành, nhằm giảm thiểu số lượng các giao dịch M&A phải thông báo cho Ủy Ban Cạnh Tranh Quốc Gia (UBCTQG).

I. TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG VÀ QUY TRÌNH CẤP PHÉP

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT)

Mô tả vấn đề

Các ngành nghề kinh doanh có điều kiện và các giới hạn khác đối với tiếp cận thị trường

Tiếp cận thị trường vẫn chịu các giới hạn nặng nề (ví dụ như còn hơn 200 ngành kinh doanh “có điều kiện”, giới hạn rộng về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, kiểm tra nhu cầu kinh tế đối với việc mở các cửa hàng bán lẻ, v.v.). Các quy tắc quản lý việc các nhà đầu tư nước ngoài mua bán cổ quyền trong các pháp nhân trong nước đã được tự do hóa đáng kể trong những năm gần đây nhưng vẫn cần mở rộng hơn nữa để thúc đẩy thị trường M&A tại Việt Nam phát triển và trở nên phong phú hơn.

Chúng tôi hoan nghênh việc tổ chức rất nhiều hoạt động đối thoại giữa các cơ quan Nhà nước hữu quan (như Bộ KH&ĐT và các Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh) với cộng đồng doanh nghiệp trong thời gian qua nhằm thu thập góp ý của người dân về các dự thảo sửa đổi LĐT và LDN. Chúng tôi cũng trân trọng những nỗ lực của Chính phủ trong việc cố gắng giảm hơn nữa một số quy định hạn chế cũng như việc phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư Việt Nam và các nhà đầu tư nước ngoài.

Chúng tôi đánh giá cao việc ban hành Luật 03/2016/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 11 năm 2016 sửa đổi và bổ sung Điều 6 và Điều 4 liên quan đến danh sách các ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư, theo đó số lượng ngành kinh doanh “có điều kiện” đã được giảm từ 267 xuống còn 243, và được đề xuất giảm tiếp còn 236 ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong dự thảo của Luật sửa đổi một số điều của LĐT sẽ được trình lên Quốc hội thông qua trong năm 2020.⁶

⁶ Dự thảo lần thứ tư Luật sửa đổi Luật Đầu tư. Xem tại: <http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT_DUTHAO_LUAT/View_Detail.aspx?ItemID=1777&LanID=1833&TabIndex=1> truy cập lần cuối ngày 29 tháng 5 năm 2020.

Chúng tôi cũng hoan nghênh việc Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định 3720⁷ cùng phương án cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh trong giai đoạn 2019-2020. Cụ thể, trong 8 lĩnh vực, Quyết định này để xuất loại bỏ tổng cộng 111 điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa 60 điều kiện đầu tư kinh doanh và chuyển hậu kiểm 31 điều kiện đầu tư kinh doanh, do đó chỉ còn 178 điều kiện trực thuộc quyền quản lý của Bộ Công Thương. Quyết định này của Bộ Công Thương tiếp tục giảm đáng kể số lượng điều kiện đầu tư sau khi đã loại bỏ 675 điều kiện đầu tư kinh doanh theo Quyết định 3610A/QĐ-BCT⁸ quy định kế hoạch cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện kinh doanh cho giai đoạn 2017-2018. Nhiều quan sát viên cho rằng Quyết định này của Bộ Công Thương sẽ cải thiện đáng kể môi trường kinh doanh và đầu tư trên khắp Việt Nam.

Chúng tôi hiểu rằng BKH&ĐT đang tiếp tục làm việc với các Ủy ban của Quốc hội, Bộ ngành, các cơ quan hữu quan và cộng đồng doanh nghiệp để rà soát và đề xuất với Chính phủ và Quốc hội xem xét loại bỏ các điều kiện kinh doanh dựa trên các tiêu chí dưới đây:

- Ngành nghề kinh doanh không trực tiếp liên quan hoặc không thể chứng minh có mối liên hệ liên quan đến an ninh, an toàn quốc gia, trật tự và an toàn xã hội, đạo đức xã hội, và sức khỏe cộng đồng;
- Ngành nghề liên quan đã được quản lý bởi các quy định và quy chuẩn kỹ thuật;
- Chất lượng đầu ra của ngành nghề được lựa chọn, rà soát và quyết định bởi thị trường và khách hàng, và không cần phải được quản lý bởi các điều kiện về kinh doanh, đầu tư; và
- Ngành nghề liên quan có thể được kiểm soát thông qua đầu thầu và chỉ đạo nhà nước nếu doanh nghiệp cung cấp các sản phẩm và dịch vụ công.

Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng Việt Nam cần tiếp tục giảm thiểu số lượng các ngành nghề “có điều kiện” và áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ đối với việc hình thành bất kỳ ngành “có điều kiện” mới nào khác. Việc này sẽ hỗ trợ cải thiện những lợi ích kinh tế và giúp Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn cho nhà đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, chúng tôi thấy rằng việc “Kiểm tra Nhu cầu Kinh tế” tạo ra nhiều khó khăn và không công bằng cho những thành viên thị trường có vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực phân phối bán lẻ và việc bãi bỏ quy định này sẽ mang lại lợi ích lớn trong việc củng cố mong muốn của Việt Nam để trở thành một điểm đến cho đầu tư nước ngoài. Chúng tôi công nhận và hoan nghênh các điều khoản của EVFTA quy định về việc chấm dứt áp dụng “Kiểm tra Nhu cầu Kinh tế” đối với các nhà đầu tư nước ngoài từ các quốc gia thành viên Liên minh châu Âu năm năm sau khi EVFTA có hiệu lực.

Chấp thuận giao dịch M&A

Có một số nội dung cụ thể cần xem xét liên quan đến các thương vụ M&A với các doanh nghiệp tư nhân. Đối với những thương vụ này, trong nhiều trường hợp, người mua hoặc nhà đầu tư cần phải xin Sở Kế hoạch và Đầu tư có thẩm quyền (Sở KH&ĐT) “chấp thuận giao dịch M&A” và đây cũng là điều kiện tiên quyết trong bất kỳ giao dịch M&A có người mua hoặc nhà đầu tư nước ngoài. Đây là quy định ít thấy vì thực tế các quốc gia trên thế giới chỉ quy định các giao dịch M&A phải được đăng ký, thay vì xin chấp thuận trước, với các cơ quan chức năng hữu quan.

Một lần nữa, thủ tục phát sinh này khiến các cơ quan chức năng có thể tùy ý quyết định đối với các giao dịch M&A của các doanh nghiệp tư nhân, dẫn đến quy trình M&A ẩn chứa nhiều bất trắc, rủi ro và ít hấp dẫn hơn trong mắt các nhà đầu tư. Ngoài ra, nhiều Sở KH&ĐT áp dụng quy định “chấp thuận giao dịch M&A” một cách không nhất quán khiến việc thực thi quy trình này không được thống nhất, khó lường và gây bối rối cho nhiều nhà đầu tư nước ngoài.

Đồng thời chúng tôi ghi nhận dự thảo hiện nay Luật sửa đổi một số điều của LĐT và LDN quy định các nguyên tắc rõ hơn về yêu cầu cho các nhà đầu tư nước ngoài xin “chấp thuận giao dịch M&A”. Trên thực tế là trước khi chịu trách nhiệm “chấp thuận giao dịch M&A”, các Sở KH&ĐT địa phương thường hội ý với một số Bộ ngành liên quan ở cấp trung ương về giao dịch M&A cụ thể. Việc hội ý này dẫn đến việc “chấp thuận giao dịch M&A” trong nhiều trường hợp sẽ mất nhiều thời gian (nhiều tuần hoặc thậm chí nhiều tháng) và trở nên không chắc chắn (đặc biệt

⁷ Quyết định 3720/QĐ-BCT ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Bộ Công Thương ban hành phương án cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương trong giai đoạn 2019-2020.

⁸ Quyết định 3610A/QĐ-BCT ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Bộ Công Thương ban hành phương án cắt giảm và đơn giản hóa các điều kiện đầu tư kinh Doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương trong giai đoạn 2017-2018.

trong trường hợp khi các giao dịch M&A của các nhà đầu tư nước ngoài phần lớn đòi hỏi cần xử lý nhanh chóng và chắc chắn).

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các quốc gia khác trong khu vực có lợi thế tương tự như Việt Nam như lực lượng lao động đã qua đào tạo trẻ đang cạnh tranh thu hút đầu tư. Do vậy, điều quan trọng là Việt Nam phải duy trì được sức hấp dẫn của mình bằng cách đưa ra một quy trình cấp phép minh bạch, đơn giản và hiệu quả. Việc này sẽ giúp thúc đẩy thị trường M&A phát triển, từ đó thu hút vốn đầu tư vào trong nước và giúp giảm thiểu bớt gánh nặng về thủ tục hành chính cho cả doanh nghiệp và cơ quan cấp phép.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra những khuyến nghị cụ thể sau:

- Tiếp tục giảm số lượng ngành nghề đầu tư kinh doanh “có điều kiện”;
- Bãi bỏ toàn bộ “Kiểm tra Nhu cầu Kinh tế” đối với tất cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bất kể nơi đăng ký kinh doanh của các nhà đầu tư của các doanh nghiệp này; và
- Bỏ quy định nhà đầu tư nước ngoài phải xin “Chấp thuận giao dịch M&A” trước khi tiến hành các giao dịch M&A với các doanh nghiệp tư nhân.

II. THANH TOÁN GIÁ MUA TRONG CÁC GIAO DỊCH MUA BÁN & SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), và Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam (NHNN)

Mô tả vấn đề

Các vấn đề về giấy tờ

Theo Nghị định 78/2015/NĐ-CP⁹, trong nhiều trường hợp, các bên tham gia giao dịch M&A phải cung cấp cho cơ quan cấp phép địa phương “giấy tờ chứng minh đã hoàn tất việc chuyển nhượng” mới có thể được cấp GCNĐKDN và/hoặc GCNĐKĐT sửa đổi (tùy trường hợp áp dụng) và hoàn tất giao dịch. Tuy nhiên, luật không quy định cụ thể giấy tờ nào là “giấy tờ chứng minh đã hoàn tất việc chuyển nhượng”. Do đó, trong khi một số cơ quan cấp phép địa phương chấp nhận văn bản có chữ ký của các bên tự chứng minh đã hoàn tất việc chuyển nhượng, các cơ quan cấp phép khác lại diễn giải quy định này theo cách khác và yêu cầu bắt buộc phải có văn bản chính thức của ngân hàng xác nhận rằng giá mua đã được thanh toán và chuyển nhượng thành công. Cách hiểu thứ hai gây ra nhiều bất tiện đối với các thương vụ M&A phức tạp vì thông thường trong các thương vụ này, các bên tham gia muốn có cơ chế thỏa thuận đặc biệt về thanh toán (ví dụ như khi áp dụng phương án trả chậm, tiền giữ lại nghiệm thu và/hoặc ký quỹ).

Các vấn đề về thanh toán

Theo các quy định hiện hành, giá mua phải trả trong giao dịch M&A liên quan đến nhà đầu tư nước ngoài trong nhiều trường hợp bắt buộc phải được chuyển qua một tài khoản ngân hàng nội địa cụ thể, tùy từng trường hợp, phải là một tài khoản vốn đầu tư “trực tiếp” (DICA) hoặc tài khoản vốn đầu tư “gián tiếp” (IICA). Mặc dù trong năm 2019, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã ban hành một Thông tư mới nhằm nỗ lực làm rõ các quy tắc liên quan đến việc sử dụng DICA hoặc IICA trong các giao dịch M&A, các quy tắc đó vẫn chưa đủ rõ ràng và các ngân hàng tiếp tục áp dụng cách giải thích mâu thuẫn đối với các yêu cầu DICA hoặc IICA hiện hành. Ngoài ra, với quy định người mua không cư trú được phép thanh toán trực tiếp cho người bán không cư trú và bằng ngoại tệ

⁹ Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

ở ngoài Việt Nam, Thông tư này của NHNN dường như mâu thuẫn với Luật Đầu tư (và bất kỳ người mua nào thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ trực tiếp và ở bên ngoài Việt Nam như vậy vẫn chịu rủi ro khi chuyển ngoại tệ về nước phát sinh từ các ngân hàng áp dụng các yêu cầu nghiêm ngặt về việc chứng minh rằng họ đã thực hiện đúng và hợp lệ khi đầu tư vốn vào Việt Nam).

Những điều này và các quy định kiểm soát ngoại hối khác làm cho quá trình chuyển giá mua trở nên rườm rà, tốn thời gian và không chắc chắn, điều này thường dẫn đến sự chậm trễ đáng kể trong thời gian thực hiện giao dịch. Các quy định và hướng dẫn gần đây của NHNN (quy định trong Thông tư 06/2019/TT-NHNN), tuy hữu ích nhưng chúng tôi cho rằng vẫn không giải quyết được cốt lõi của vấn đề.

Theo quan điểm của chúng tôi, việc phân biệt giữa các giao dịch “đầu tư trực tiếp” và “đầu tư gián tiếp” và các tài khoản ngân hàng là không cần thiết, dễ gây nhầm lẫn và cần được bãi bỏ, và cần định hướng việc chuyển giá mua thông qua bất kỳ loại hình tài khoản ngân hàng nội địa hợp pháp nào. Đặc biệt, người mua nước ngoài nên được tự do trả tiền giao dịch M&A cho người bán nước ngoài ở bên ngoài Việt Nam (có thể cần phải sửa đổi Luật Đầu tư về vấn đề này) và nên quy định rõ ràng và chính xác về những bằng chứng cần có và cần cung cấp để chứng minh trong tương lai rằng họ đã thực hiện đúng và hợp lệ việc đầu tư vốn vào Việt Nam.

Như vậy, để củng cố mong muốn trở thành điểm đến thu hút đầu tư nước ngoài, nếu mức độ kiểm soát tổng thể của Nhà nước đối với việc chuyển của ngoại tệ vào và ra khỏi Việt Nam được giảm đáng kể thì đây sẽ là một thuận lợi rất lớn cho Việt Nam. Mức độ giám sát đối với tất cả các luồng ngoại tệ vào và ra khỏi Việt Nam khiến ngành ngân hàng Việt Nam gặp khó khăn, thiếu hiệu quả, nặng nề và không được ưu tiên lựa chọn bởi các nhà đầu tư nước ngoài.

Các vấn đề về khai báo thuế

Ngoài ra, các thủ tục miễn thuế cần thiết để thực hiện các giao dịch M&A và chuyển tiền mua trong nhiều trường hợp rất chậm và thường làm trì trệ việc hoàn tất các giao dịch M&A.

Ví dụ: liên quan đến các giao dịch M&A, luật hiện hành yêu cầu “Hồ sơ khai thuế phải được nộp trong vòng 10 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền “phê duyệt” việc chuyển nhượng vốn, hoặc ngày các bên thỏa thuận chuyển nhượng vốn tại hợp đồng chuyển nhượng vốn (đối với trường hợp việc chuyển nhượng vốn không cần phải được chấp thuận).”¹⁰ Tuy nhiên, luật không xác định rõ ràng điều gì cấu thành “chấp thuận” có liên quan trong một giao dịch M&A tư nhân (không liên quan đến việc mua lại các doanh nghiệp Nhà nước) và trên thực tế, cơ quan thuế thường áp dụng quan điểm rằng việc kê khai và thanh toán thuế lãi vốn có liên quan phải được thực hiện trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng chuyển nhượng có liên quan.

Cách giải thích này đặc biệt bất tiện đối với các giao dịch M&A phức tạp khi mà trên thực tế, việc hoàn thành giao dịch M&A chỉ có thể diễn ra vài tuần sau khi việc Ký kết hợp đồng chuyển nhượng (tức là hoàn việc thành thường chỉ diễn ra vào một thời điểm sau đó khi đáp ứng tất cả các điều kiện tiên quyết theo thỏa thuận của các bên). Do đó, trên thực tế, người bán trong giao dịch M&A sẽ không nhận được giá mua (và do đó không nhận được bất kỳ thu nhập nào phải chịu thuế lãi vốn) cho đến thời điểm hoàn thành khi người mua thực hiện việc thanh toán. Vì lý do này, việc yêu cầu các bên liên quan khai báo và nộp thuế trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng chuyển nhượng liên quan là không khả thi.

Ngoài ra, những rủi ro và sự thiếu chắc chắn liên quan đến thuế chuyển nhượng vốn “gián tiếp” (đôi khi được cơ quan thuế Việt Nam áp dụng đối với việc chuyển nhượng cổ phần trong các công ty nước ngoài nơi mà lợi nhuận từ chuyển nhượng vốn của người bán được coi là thu nhập chủ yếu từ Việt Nam) là những điều mà nhà đầu tư nước ngoài muốn đầu tư vào Việt Nam và triển khai cơ cấu giảm thuế hợp pháp không mong muốn. Việc các cơ quan thuế coi việc đánh thuế vào lợi nhuận từ chuyển nhượng vốn của những người bán cổ phần trong các công ty nằm trong các khu vực tài phán nước ngoài là phạm vi quyền hạn của mình là không thông dụng trên thế giới. Trong khuyến nghị lần này của chúng tôi, việc chỉ áp dụng thuế đối với việc chuyển nhượng cổ phần hoặc vốn điều lệ trong phạm vi Việt Nam sẽ giúp nâng cao hình ảnh của Việt Nam như là điểm đến thu hút đầu tư nước ngoài.

¹⁰ Điều 12.8(b) Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định 83/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc ban hành một khung pháp lý rõ ràng và minh bạch là điều kiện thiết yếu đối với hoạt động hoạch định và triển khai các giao dịch M&A. Tình trạng các cơ quan cấp phép được quyền tự quyết quá mức trong việc yêu cầu sửa đổi các khía cạnh thương mại của giao dịch M&A là yếu tố chính gây ra tình trạng thiếu chắc chắn và bất tiện trong thủ tục liên quan đến các thương vụ M&A tại Việt Nam.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị tới Chính phủ như sau:

- Giảm mức độ tự ý quyết định của các cơ quan cấp phép địa phương trong việc rà soát và điều chỉnh các điều khoản thương mại của các giao dịch M&A (đặc biệt liên quan đến các lĩnh vực kinh doanh không được quy định cụ thể trong các cam kết của Việt Nam sau khi gia nhập WTO);
- Tăng tính rõ ràng và thống nhất của các thủ tục áp dụng cho các giao dịch M&A;
- Xóa bỏ phân biệt giữa các giao dịch “đầu tư trực tiếp” và “đầu tư gián tiếp” và các tài khoản ngân hàng nội địa dành cho các mục đích đặc biệt tương ứng;
- Tự do hóa luật kiểm soát ngoại hối của Việt Nam để tạo điều kiện cho việc chuyển ngoại tệ ra vào Việt Nam dễ dàng và hiệu quả hơn, bao gồm trong bối cảnh giao dịch M&A;
- Sửa đổi thời hạn nộp tờ khai thuế cũng như nộp thuế đối với các giao dịch M&A thành “10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc đăng ký chuyển nhượng vốn với cơ quan cấp phép theo luật liên quan”; và
- Đảm bảo xử lý nhanh gọn và suôn sẻ các thủ tục miễn thuế cần thiết để thực hiện các giao dịch M&A và việc chuyển nhượng giá mua.

III. NHỮNG HẠN CHẾ LIÊN QUAN ĐẾN CHỐNG ĐỘC QUYỀN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Bộ Công Thương (BCT)

Mô tả vấn đề

Khi lên kế hoạch thực hiện giao dịch M&A, các bên tham gia cần xem xét áp dụng các quy định của pháp luật cạnh tranh Việt Nam.

Cụ thể, theo pháp luật cạnh tranh của Việt Nam, một giao dịch M&A có thể cần sự phê duyệt của cơ quan chức năng hoặc có thể không được phép tiến hành nếu giao dịch này tạo ra một mức độ “tập trung kinh tế” nhất định. Luật Cạnh tranh mới¹¹ (Luật Cạnh tranh Mới), sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 7 năm 2019 và sẽ thay thế Luật Cạnh tranh 2004 đã có hiệu lực gần 14 năm qua.

Luật Cạnh tranh Mới hiện đã thay thế và làm rõ các giới hạn cũ về “thị phần hết hợp” được áp dụng theo luật trước đây, và áp dụng cách tiếp cận nghiêm ngặt và tổng quát hơn (nhưng cũng mơ hồ hơn), cấm các giao dịch sáp nhập “gây ra hoặc có thể gây ra tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường Việt Nam”. Các quyết định kiểm soát hoạt động sáp nhập sẽ được đưa ra bởi UBCTQG thuộc BCT, có tính đến một số tiêu chí như:

- Tổng tài sản trên thị trường Việt Nam của doanh nghiệp tham gia “tập trung kinh tế”;
- Tổng doanh thu trên thị trường Việt Nam của doanh nghiệp tham gia “tập trung kinh tế”;
- Giá trị giao dịch của “tập trung kinh tế”; hoặc
- Thị phần kết hợp trên thị trường liên quan của các doanh nghiệp tham gia vào “tập trung kinh tế”.

11 Luật 23/2018/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội về cạnh tranh.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020, Chính phủ ban hành Nghị định 35/2020/NĐ-CP, quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh (Nghị định 35). Nghị định 35 đã tăng cường đáng kể mức độ rõ ràng mà các bên tham gia giao dịch ‘tập trung kinh tế’ được hưởng trong việc xác định liệu giao dịch được đề xuất của họ có yêu cầu thông báo cho UBCTQG hay không (quan trọng nhất là bằng cách đưa ra một danh sách cụ thể các tiêu chí ngưỡng, mà nếu được đáp ứng các tiêu chí đó sẽ phát sinh nghĩa vụ thông báo).

Mặc dù quy định của Nghị định 35 giúp nâng cao mức độ rõ ràng của một số khái niệm quan trọng, UBCTQG vẫn duy trì sức mạnh đáng kể để giải thích và áp dụng trên cơ sở tùy ý, khái niệm của “...tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể...”. Quyền quyết định tùy ý này của UBCTQG có thể sẽ dẫn đến sự không chắc chắn giữa các bên giao dịch M&A và sự chậm trễ trong việc đưa ra các quyết định của UBCTQG.

Ngoài ra, chúng tôi lưu ý rằng việc thẩm định được nêu tại Nghị định 35 về ngưỡng thông báo liên quan đến các giao dịch ‘tập trung kinh tế’ có phạm vi rất rộng, có nghĩa là nhiều giao dịch M&A có thể yêu cầu thông báo cho UBCTQG (trái ngược với số lượng thông báo cần thiết theo Luật Cạnh tranh trước đây và các quy định hướng dẫn).

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Quy trình thông báo kiểm soát sáp nhập là một quy trình rườm rà, mất thời gian và làm chậm đáng kể tiến độ thực hiện giao dịch. Sự gia tăng không thể tránh khỏi của số lượng hồ sơ thông báo theo quy định hiện hành có thể dẫn tới việc tăng số giao dịch bị trì trệ, gây ảnh hưởng bất lợi cho thị trường M&A về trung tới dài hạn.

Khuyến nghị

Vấn đề trọng yếu hiện nay là văn bản hướng dẫn thi hành Luật Cạnh tranh Mới phải đưa ra những hướng dẫn rõ ràng và chính xác hơn về cách xác định “Tập trung Kinh tế” có xảy ra hay không, cách tính toán “thị phần” (để phân tích “thị phần kết hợp”) và xác định rõ thế nào là “thị trường liên quan”. Tất cả các khái niệm này phải được phân tích trên cơ sở Luật Cạnh tranh Mới. Ngoài ra, quy trình xử lý hồ sơ của UBCTQG cần được giảm thiểu tối đa để tránh tình trạng trì hoãn không cần thiết khiến các giao dịch M&A bị chậm tiến độ.

Chúng tôi xin được đưa ra những khuyến nghị cụ thể hơn như sau:

- Xem xét lại việc thẩm định được quy định tại Nghị định 35, nhằm cải thiện và đơn giản hóa ngưỡng yêu cầu thông báo bởi các bên giao dịch và hạn chế số lượng các giao dịch M&A thuộc trường hợp phải thông báo tới UBCTQG; và
- Đảm bảo UBCTQG có trách nhiệm tuân thủ nghiêm ngặt thời hạn xử lý hồ sơ thông báo như được quy định trong Luật Cạnh tranh Mới và Nghị định 35.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này: Justin Gisz, Luật sư Thành Viên Công ty Luật Frasers. Hồ Thụy Ngọc Trâm, Cộng sự Cấp cao Công ty Luật Frasers.

CHƯƠNG 9 ĐỐI TÁC CÔNG-TU

TỔNG QUAN

Hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại và hiệu quả đóng vai trò then chốt để tiếp tục tăng trưởng kinh tế và giảm thiểu chi phí kinh doanh cho toàn bộ các nhà đầu tư tại Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cùng quá trình đô thị hóa nhanh chóng đã khiến nhu cầu sử dụng đường sá, điện, sân bay, cảng biển, hệ thống xử lý rác và nước thải, bệnh viện và các cơ sở hạ tầng công cộng khác phục vụ mục đích sản xuất và cung ứng hàng hóa, dịch vụ tăng cao. Tuy nhiên, trong khi nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng của Việt Nam ước tính vào khoảng 605 tỷ Đô-la Mỹ trong giai đoạn đến năm 2040 và theo xu thế hiện tại, ước tính lượng vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng còn thiếu (từ tư nhân và ngân sách Nhà nước) là khoảng 102 tỷ Đô-la Mỹ cho giai đoạn này.¹

Mặc dù đã có đầu tư đáng kể vào các dự án cơ sở hạ tầng tại Việt Nam trong 20 năm qua, phần lớn vốn được tài trợ bởi Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA), ngân sách Nhà nước và các bảo lãnh của Nhà nước đối với nợ nước ngoài do Bộ Tài chính (BTC) đưa ra. Điều này được ghi nhận là không bền vững từ trung hạn đến dài hạn, đặc biệt khi Việt Nam đạt được vị thế thu nhập trung bình kéo theo việc cắt giảm hỗ trợ ODA sau đó. Ngoài ra, Chính phủ Việt Nam dường như có dự định cắt giảm các khoản vay nước ngoài theo bảo lãnh của Bộ Tài chính, việc này thắt chặt hơn nữa lượng tín dụng có sẵn cho hạ tầng tài chính.

Mặc dù các ngân hàng trong nước của Việt Nam cấp vốn ngày càng nhiều cho cơ sở hạ tầng và trong những năm gần đây các nhà phát triển bất động sản có xu hướng đa dạng hóa các loại cơ sở hạ tầng, thanh khoản tại thị trường nội địa không đủ để đáp ứng các yêu cầu tài chính lớn trong lĩnh vực này. Do đó, phần thiếu hụt cho các yêu cầu này cần phải được huy động từ các nguồn bên ngoài, là những nguồn sẵn sàng đưa ra các điều khoản hấp dẫn và mong muốn tham gia vào thị trường Việt Nam. Tuy nhiên, các nguồn vốn này đòi hỏi phải có các giải pháp được cơ cấu về mặt phân bổ rủi ro, chẳng hạn như các nguồn vốn có thể có được từ các khoản đầu tư tư nhân dưới hình thức Đối tác Công-Tư (PPP), và tính ổn định về chính sách của Chính phủ.

Trong 10 năm qua, Chính phủ Việt Nam đã liên tục tiến hành quá trình cải cách pháp lý nhằm tăng cường đầu tư tư nhân và nước ngoài vào Việt Nam. Gần đây nhất, Chính phủ đã ban hành Nghị định 63/2018/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức Đối tác Công-Tư (Nghị định 63, hoặc Nghị định PPP) có hiệu lực vào ngày 19 tháng 6 năm 2018 là quy định chủ đạo hiện hành có hiệu lực đối với các dự án PPP tại Việt Nam và thay thế Nghị định 15/2015/NĐ-CP.² Nghị định 63 cùng tồn tại với Nghị định 30/2015/NĐ-CP³ quy định việc lựa chọn nhà đầu tư căn cứ vào Luật Đấu thầu,⁴ và hiện được thay thế kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2020 bởi Nghị định 25/2020/NĐ-CP ban hành gần đây vào ngày 28 tháng 02 năm 2020.⁵

Vào tháng 11 năm 2017, Cục Mua sắm Công thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT) công bố đề xuất Luật Đầu tư theo phương thức Đối tác Công và Tư (Luật PPP được đề xuất) thay thế Nghị định PPP hiện hành và các quy định liên quan khác. Dự thảo Luật PPP được đề xuất đã được gửi cho các bên liên quan xem xét⁶ và trình lên Quốc hội để phê duyệt trong kỳ họp Quốc hội lần thứ 9 diễn ra vào tháng 5 và 6 năm 2020.⁷ Sự tiếp tục thiếu chắc chắn về tính lâu dài của khung pháp lý đối với các hình thức đối tác công tư - cũng như những kẽ hở pháp lý đã được xác định (sẽ được thảo luận sau) – đã dẫn tới việc không có nhiều tiến triển trong việc thúc đẩy các dự án cụ thể với sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài. Việc Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT) hủy bỏ đấu thầu quốc tế đối với Đường cao tốc Bắc-Nam dù đã được lên kế hoạch cũng đã làm dấy lên những nghi ngại trong cộng đồng quốc tế về ý định huy động vốn quốc tế thông qua việc thực hiện các hợp đồng PPP của Chính phủ.

1 Dự báo đầu tư cho Việt Nam, được xuất bản bởi Trung tâm Hạ tầng toàn cầu (GIH). Xem tại <<https://outlook.gihub.org/countries/Vietnam>> truy cập ngày 8 tháng 12 năm 2019.

2 Nghị định 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức Đối tác công tư (Nghị định 15).

3 Nghị định 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (Nghị định 30).

4 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013.

5 Nghị định 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu (Nghị định 25).

6 Dự thảo gần nhất vào tháng 05/2020 và được thảo luận chi tiết hơn tại Mục III dưới đây.

7 “Ủy ban Thường vụ Quốc hội thảo luận về dự thảo luật PPP”, *Vietnam Law & Legal Forum*, ngày 19 tháng 9 năm 2019. Xem tại: <<http://vietnamlawmagazine.vn/na-standing-committee-discusses-draft-ppp-law-16846.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

Trong 20 năm qua, ngoài một số thành công nhất định trong việc triển khai những dự án nhiệt điện quy mô lớn thành công với vốn đầu tư nước ngoài theo hình thức Xây dựng-Vận hành-Chuyển giao (BOT),⁸ việc đầu tư tư nhân thành công trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng công cộng là cá biệt hơn là một quy luật chung, đặc biệt trong trường hợp đầu tư tư nhân theo hình thức PPP. Một số ít trường hợp đầu tư BOT hoặc PPP được triển khai theo các hợp đồng và thỏa thuận dự án tương đối cơ bản với Nhà nước trong khi mặc dù được chấp nhận đối với thị trường trong nước, các hợp đồng này là chưa đủ xét về mặt phân bổ rủi ro và thiếu hành lang pháp lý để bảo vệ nhằm tạo cơ sở đầu tư và cấp vốn xuyên biên giới ở quy mô lớn.

Cho đến nay, do những khó khăn với cơ chế PPP hiện hành, các nhà đầu tư và đặc biệt là các nhà đầu tư tư nhân nước ngoài trong nhiều trường hợp chỉ (i) dựa vào việc lập một dự án đầu tư theo Luật Đầu tư hoặc (ii) thực hiện các dự án Xây dựng-Chuyển giao (BT) mà trong đó việc thi công cơ sở hạ tầng công, chủ yếu là đường cao tốc được thanh toán bởi Nhà nước bằng việc cấp cho nhà đầu tư quyền được thực hiện một dự án tư nhân, thường để phát triển đô thị hoặc phát triển bất động sản.⁹

Mặc dù Nghị định PPP, Nghị định 30 và nghị định thay thế là Nghị định 25 và các quy định thi hành là những tiến triển quan trọng về mặt luật pháp-và hy vọng rằng dự thảo hiện nay cho Luật PPP được đề xuất sẽ tiếp tục những tiến triển này như được trình bày tại Phần III-điều này không có nghĩa là khi Luật mới về PPP và Nghị định hướng dẫn có hiệu lực sẽ tự động tạo chuyển biến thành công cho một loạt các dự án cơ sở hạ tầng đầu tư tư nhân. Trong chương này, chúng tôi sẽ thảo luận các khuyến nghị để xúc tiến chương trình thực hiện PPP tại Việt Nam mà nhìn chung có thể phân loại như sau:

- Lập danh mục các dự án khả thi;
- Cải thiện năng lực và điều phối giữa các cơ quan Chính phủ liên quan; và
- Tổ chức hợp lý và khi cần thiết tiến tới triển khai thực tế các quy định chi tiết về một khung pháp lý toàn diện cho các dự án PPP tại Việt Nam.

I. LẬP DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHẢ THI

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Cơ quan Nhà nước được ủy quyền, và các cơ quan hữu quan khác

Mô tả vấn đề

Như đã được nhấn mạnh ở phần trước,¹⁰ thành công của khuôn khổ pháp lý PPP phụ thuộc chủ yếu vào khả năng Chính phủ triển khai và xúc tiến các dự án khả thi. Tuy nhiên, tiến triển trong khía cạnh này vẫn còn hạn chế.

Làm rõ các dự án ưu tiên cho việc xây dựng danh mục dự án PPP

Quyết định 631/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29 tháng 4 năm 2014 (Quyết định 631) liệt kê 127 dự án quốc gia tìm kiếm đầu tư nước ngoài bao gồm khoảng 35 dự án cần phát triển theo cơ chế PPP chưa được sửa đổi trong gần năm năm để bổ sung một danh sách cập nhật các dự án PPP dựa trên tiêu chí đầu tư mới được xây dựng. Trong khi một số dự án hoặc loại hình dự án quan trọng đã có trong các quy hoạch tổng thể ngành như là Quy hoạch Tổng thể Phát triển Điện được ban hành vào tháng 3 năm 2016,¹¹ và một số tỉnh thành đã tuyên bố ý định công bố danh sách các dự án kêu gọi đầu tư theo hình thức PPP, một danh sách toàn diện các dự án quốc

8 Ví dụ như dự án Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 2 đã đạt đến giai đoạn hoàn tất các thỏa thuận tài chính vào năm 2011, dự án Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2 bắt đầu xây dựng vào năm 2018, hoặc gần đây là các dự án Văn Phong 1 đã hoàn tất các thỏa thuận tài chính vào năm 2019 và Vũng Áng 2 dự kiến sẽ hoàn tất các thỏa thuận tài chính vào năm 2020.

9 Các ví dụ: (i) dự án xây dựng Đường Phạm Văn Đồng tại Thành phố Hồ Chí Minh kết nối sân bay Tân Sơn Nhất với các khu công nghiệp tại Bình Dương và Đồng Nai, theo đó Chính phủ ký một thỏa thuận với nhà đầu tư (GS Engineering & Construction) trong đó nhà đầu tư cấp vốn và phát triển cơ sở hạ tầng để đổi lấy các quyền phát triển và quyền sử dụng đất của các lô đất tại Quận 2, 9 và 10 để phát triển bất động sản hoặc (ii) dự án nhà đầu tư (Gamuda International) thi xây dựng nhà máy xử lý nước thải Yên Sở tại Hà Nội để đổi lấy lô đất nhằm mục đích phát triển bất động sản tại thành phố.

10 Sách Trắng, *EuroCham*, 2018. Chương 9: Đối tác Công Tư.

11 Quyết định 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể về phát triển điện quốc gia trong giai đoạn 2011 đến 2010 với tầm nhìn đến năm 2030. Một kế hoạch thay thế hiện đang được xây dựng: xem Quyết định 1264/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt việc lập Quy hoạch tổng thể phát triển điện quốc gia cho giai đoạn 2021-2030 với tầm nhìn đến năm 2045; dự kiến kế hoạch thay thế này sẽ được trình cho Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào cuối năm 2020.

gia và khu vực tìm kiếm đầu tư nước ngoài và bao gồm các chi tiết như là hình thức dự án được đề xuất, số tiền và hình thức góp vốn của Nhà nước và bất kỳ ưu đãi khác sẵn có đối với các nhà đầu tư khác sẽ làm rõ các ưu tiên của Chính phủ. Mặc dù Bộ KH&ĐT, thông qua Cục Quản lý Đầu thầu, cũng như Bộ Tài chính và một số cơ quan chính quyền địa phương như Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã công bố trực tuyến một số thông tin về dự án tiềm năng,¹² thông tin này không phải lúc nào cũng đầy đủ và các nguồn thông tin khác nhau cũng tiềm ẩn xung đột về nội dung giữa các nguồn này với nhau và với các nguồn hợp pháp như Quyết định 631 và các quy hoạch tổng thể liên quan, có thể gây nhầm lẫn cho nhà đầu tư tiềm năng.

Để thu hút cấp vốn qua biên giới, cần có những hướng dẫn rõ ràng và thiết thực từ một nguồn tập trung, duy nhất về những dự án nào sẽ được ưu tiên như “dự án đi đầu” trong những ngành nào và sự hỗ trợ hiện có từ Chính phủ (như là bảo đảm các luồng thu nhập và ưu đãi). Điều này có thể đòi hỏi cách tiếp cận theo ngành bao gồm các quy định chuyên ngành cụ thể.

Các đề xuất dự án của nhà đầu tư

Pháp luật về đấu thầu của Việt Nam cho phép các dự án do nhà đầu tư đề xuất nhưng cho đến nay chưa có dự án nào như vậy được báo cáo công khai là đã được chấp nhận và phần lớn các khía cạnh pháp lý của quy trình vẫn chưa được chứng minh. Trong khi chờ xây dựng danh mục các dự án sẽ được đấu thầu, việc làm rõ các quy tắc áp dụng cho các dự án do nhà đầu tư đề xuất có thể là một công cụ hữu ích để đưa các dự án “cắt cánh” và giúp phát triển năng lực của tổ chức PPP.

Hiện tại, các đề xuất dự án của nhà đầu tư phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan, theo đó bên đề xuất dự án phải thực hiện nghiên cứu khả thi. Dự án phải được đấu thầu dựa trên nghiên cứu khả thi do bên đề xuất dự án chuẩn bị, bên này sẽ được hưởng ưu đãi đấu thầu, bao gồm tăng giá do các nhà thầu khác đề xuất thêm 5% khi được đánh giá so với bên đề xuất dự án. Trước đây, điều này không đủ để khuyến khích các nhà đầu tư đề xuất dự án do vẫn có rủi ro là nhà đầu tư xây dựng và đề xuất một dự án do nhà đầu tư đề xuất có thể không được chọn làm nhà đầu tư cuối cùng.

Ngoài ra, các dự án do nhà đầu tư đề xuất không được hưởng lợi từ Nguồn vốn phát triển dự án (được mô tả chi tiết hơn ở dưới đây) và chỉ được hưởng vốn đầu tư của Nhà nước nếu vốn Nhà nước đó được tài trợ bởi ODA hoặc các khoản vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Điều này cũng là một yếu tố làm nản lòng các nhà đầu tư đề xuất dự án tiềm năng. Có vẻ như các dự án được liệt kê trong Quyết định 631 dường như không đủ điều kiện để được đề xuất trên cơ sở tự nguyện mặc dù các quy định không hoàn toàn rõ ràng.

Trong khi việc loại bỏ dần hình thức chỉ định thầu trực tiếp được hoan nghênh, việc ban hành các tiêu chí khách quan để lựa chọn nhà thầu là rất hữu ích nếu các tiêu chí này có thể khởi động một dự án thí điểm đầu tiên với các nhà đầu tư vào nợ và vốn chủ sở hữu nước ngoài giàu kinh nghiệm trong thời gian chờ xây dựng các quy định phù hợp hơn về PPP và đấu thầu và tăng cường xây dựng năng lực (xem Phần II dưới đây).

Chuyển đổi các dự án có vốn Nhà nước thành hình thức PPP

Chúng tôi cũng nhận thấy cần làm rõ cơ chế chuyển đổi các dự án vốn Nhà nước sang hình thức PPP, nếu các dự án vốn Nhà nước đang trong khu vực bỏ hoang hiện tại nhằm thu hút, huy động vốn đầu tư bên ngoài để Nhà nước thực hiện đầu tư mới. Mặc dù quy trình chuyển đổi đã được quy định chung trong Nghị định 63 và Thông tư 88/2018/TT-BTC,¹³ các quy định này vẫn còn mới và chưa được kiểm chứng. Cụ thể là, việc áp dụng Nghị định 63 gắn liền với yêu cầu “các dự án hiện đang được đầu tư bằng các nguồn vốn từ vốn Nhà nước”. Tuy nhiên phạm vi của yêu cầu này chưa rõ ràng do định nghĩa nêu trên chưa liệt kê cụ thể các dự án chưa được triển khai thi công. Do vậy cần làm rõ cho các nhà đầu tư xem liệu các dự án có vốn Nhà nước này có đủ tính nhận diện và đáp ứng điều kiện đầu tư theo cơ chế này hay không. Ngoài ra chúng tôi cũng mong muốn thấy cơ chế tiềm năng này được triển khai trên thực tế tại một hoặc nhiều dự án thử nghiệm.

¹² Xem thông tin tương ứng trên các trang <<http://muasamcong.mpi.gov.vn>> và <<http://ppp.mt.gov.vn/pppunit/trangchu>> và <<https://ppp.tphcm.gov.vn/en/du-an-dang-keu-goi-dau-tu.html>> truy cập lần cuối vào từng trang ngày 8 tháng 12 năm 2019.

¹³ Thông tư 88/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư.

Nguồn vốn phát triển dự án (PDF)

Nguồn vốn phát triển dự án (PDF), một nguồn vốn do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Cơ quan Phát triển Pháp tài trợ nhằm hỗ trợ các cơ quan nhà nước được ủy quyền trong việc chuẩn bị và đánh giá các dự án PPP tiềm năng đã được thiết lập để góp phần giải quyết những vấn đề này. Mục đích là để PDF sẽ được quản lý bởi Bộ KH&ĐT kết hợp với Bộ Tài chính. Các nhà đầu tư được chọn trong một dự án PPP sẽ được yêu cầu hoàn trả chi phí chuẩn bị dự án cho Nhà nước, và Nhà nước sẽ hoàn trả chi phí này cho PDF. Tuy nhiên, cho đến nay không có hướng dẫn chi tiết nào về việc quản lý và tính hợp lệ của PDF. Ngoài ra, dự thảo hiện nay của Luật PPP được đề xuất không dẫn chiếu đến PDF. Các điều kiện để được hỗ trợ từ PDF vì vậy vẫn chưa được phát triển và vẫn chưa rõ liệu PDF sẽ được triển khai tại địa phương hoặc toàn quốc trong tương lai gần hay không và cách thức triển khai như thế nào.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc xác định và công bố các dự án cụ thể trên thị trường (dù là dự án mới hay trong khu vực bỏ hoang) tiếp tục là ưu tiên cao nhất để bắt đầu thực thi chương trình PPP của Việt Nam. Điều quan trọng là cần thử nghiệm dựa trên các quy định hiện hành bằng cách triển khai các dự án PPP, đổi lại sẽ dần dần tăng cường năng lực của các cơ quan chính quyền liên quan và cải thiện niềm tin của các nhà đầu tư. Những kẻ hống pháp lý cũng có thể được xác định rõ và được khắc phục bằng những quy định luật pháp khác nếu cần thiết.

Khuyến nghị

- Chúng tôi tiếp tục khuyến nghị cập nhật Quyết định 631 và bổ sung danh mục mới bao gồm các dự án trọng điểm quốc gia, đặc biệt là trong các lĩnh vực khả thi ở các quốc gia khác. Đây là các dự án với các mô hình phổ biến và được tìm kiếm nhiều bởi các nhà đầu tư nước ngoài như là: vận tải, được ưu tiên khi có tính khả thi về mặt kinh tế để quy hoạch triển khai dưới hình thức PPP;
- Làm rõ quy trình đấu thầu đối với các dự án do nhà đầu tư đề xuất và quy trình chuyển đổi các dự án vốn Nhà nước sang hình thức PPP và bố trí các dự án được chọn theo một quy trình đấu thầu cạnh tranh, minh bạch theo Nghị định 30 và nghị định thay thế là Nghị định 25, và xem xét cho phép các dự án được phát triển bởi các nhà tài trợ toàn cầu hàng đầu trên cơ sở chỉ định thầu để thí điểm trong các lĩnh vực có mức độ ưu tiên cao để xây dựng được hệ thống lưu trữ quản lý hồ sơ chuẩn mực và cơ chế phân bổ rủi ro để đảm bảo lợi nhuận trên thị trường quốc tế;
- Triển khai Quỹ PDF và áp dụng quy trình đánh giá nghiêm ngặt (với sự hỗ trợ của các tư vấn kỹ thuật và tài chính quốc tế) các dự án tiềm năng thông qua các quy trình chọn lựa thống nhất với các tiêu chuẩn quốc tế; và
- Đưa ra các khuyến khích và biện pháp hấp dẫn để các ngành nỗ lực thu hút đầu tư PPP.

II. NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN CHÍNH PHỦ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Cơ quan Nhà nước được ủy quyền, và các cơ quan hữu quan khác.

Mô tả vấn đề

Những yếu tố thường được các nhà đầu tư và tài trợ dự án tiềm năng trên thế giới quan tâm là khó khăn chính đối với hoạt động triển khai dự án, bao gồm các dự án PPP tại Việt Nam là tình trạng thiếu năng lực, thiếu sự điều phối và cách tiếp cận thiếu nhất quán giữa các cơ quan Chính phủ.

Khoảng cách trong phương pháp tiếp cận giữa các cơ quan Chính phủ và các bên đối tác nước ngoài

Vấn đề này còn nghiêm trọng hơn khi hiện tại mặc dù các hình thức BOT, BT và Xây dựng – Chuyển giao – Vận hành (BTO) đã tồn tại gần 20 năm nhưng khung pháp lý để thực hiện các dự án PPP trong các lĩnh vực không phải là lĩnh vực năng lượng truyền thống vẫn chưa được phát triển hoàn thiện. Bản thân Nghị định PPP không giải quyết triệt để một số vấn đề then chốt về phân bổ rủi ro và các vấn đề thương mại dẫn đến việc không chắc chắn của các cơ quan thực hiện và do đó gây chậm tiến độ ký kết hợp đồng dự án và tiến độ triển khai thực tế của dự án. Một số trong các vấn đề này vẫn chưa được giải quyết trong dự thảo hiện nay của Luật PPP được đề xuất, vui

lòng xem thêm ở Phần III dưới đây.

Hơn nữa, số lượng tiền lệ về các dự án do tư nhân đầu tư được tài trợ vốn và đã hoàn thành còn rất hạn chế. Do đó, các cơ quan chính phủ thường không có đầy đủ các hướng dẫn pháp lý và thực tế để có thể quản lý việc triển khai dự án một cách trơn tru, đặc biệt là ngoài lĩnh vực điện truyền thống.

Thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan

Cuối cùng, việc thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan cũng khiến các nhà đầu tư lúng túng. Cơ cấu thể chế và vai trò của các cơ quan Chính phủ khác nhau trong khung pháp lý của PPP được quy định trong Nghị định PPP và dự thảo hiện nay của Luật PPP được đề xuất. Nghị định PPP đã đưa ra một chương trình được lập kế hoạch giám sát tập trung để quản lý các dự án PPP, tập trung vào Ban Chỉ đạo liên Bộ về Đầu tư theo hình thức PPP¹⁴ dưới sự lãnh đạo của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng, đóng vai trò điều phối viên giữa các Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia vào các dự án PPP. Bộ trưởng Bộ KH&ĐT là Phó trưởng Ban Chỉ đạo và Bộ KH&ĐT cũng là nơi đặt văn phòng thường trực của Ban Chỉ đạo. Tuy nhiên, nội dung hiện tại của Luật PPP được đề xuất đã bỏ đi phần dẫn chiếu đến Ban Chỉ đạo, và đưa ra các quy định về thành lập các “Hội đồng thẩm định” trung ương để đánh giá các dự án PPP với các thành phần khác nhau phụ thuộc vào quy mô và mức độ phê duyệt của dự án.¹⁵ Không rõ liệu Hội đồng thẩm định có cùng tồn tại với Ban chỉ đạo hay không. Trong khi các nỗ lực cải thiện sự phối kết hợp giữa các cơ quan chính phủ được chào đón, một điều quan trọng là cần quy định và phân chia rõ ràng trách nhiệm của các cơ quan này, bởi vì bất kỳ sự chồng chéo hay không chắc chắn nào cũng có thể phản tác dụng.

Trên thực tế, các nhà đầu tư nước ngoài nhận thấy thực tiễn của các cơ quan Chính phủ trung ương và địa phương không thống nhất và các cơ quan địa phương khác nhau có thể có quan điểm khác nhau về các vấn đề chính liên quan đến khả năng đầu tư của một dự án. Chính quyền địa phương, đặc biệt ở những tỉnh vùng sâu vùng xa, vẫn đứng ngoài lề trong quá trình cải cách.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Theo chúng tôi, bên cạnh tính kinh tế và thương mại của từng dự án PPP, năng lực thể chế và thực tiễn cũng như vấn đề về phối hợp giữa các bộ ngành sẽ là nhân tố quan trọng duy nhất làm giảm tính cạnh tranh của các dự án PPP tại Việt Nam. Điều này sẽ tiếp tục khiến các dự án thực hiện tại Việt Nam có tiến độ chậm hơn và chi phí cao hơn so với khi triển khai dự án ở các quốc gia khác, bao gồm các nước ASEAN, và có thể làm nhà đầu tư mất kiên nhẫn, không còn hứng thú với chương trình PPP của Việt Nam. Trong bối cảnh dự án PPP được triển khai hiệu quả ở các thị trường khác trong khu vực Đông Nam Á (cụ thể là Thái Lan hiện nay), nếu Việt Nam không giải quyết vấn đề này thì việc xây dựng một danh mục dự án cạnh tranh và khả thi sẽ càng khó khăn hơn, đặc biệt là khi sự quan tâm vào các phạm vi pháp lý khác vốn từng ít hoạt động trong những năm gần đây đang khôi phục, dự kiến là trong tương lai gần. Tuy nhiên, chúng tôi cũng hiểu rằng các tổ chức nghiên cứu phát triển tại Việt Nam đang nỗ lực đưa ra giải pháp cho một số vấn đề trên và điều này là rất đáng hoan nghênh.

Khuyến nghị

- Tiếp tục thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo và xây dựng năng lực có chất lượng cho các cơ quan chính phủ liên quan, đặc biệt là cán bộ cấp tỉnh. Chính phủ cần tổ chức các hội thảo nâng cao năng lực tập trung vào các quy định pháp luật mới tại thời điểm thích hợp để đảm bảo các quy định mới này được thi hành nhất quán bởi các cơ quan Nhà nước;
- Tiếp tục xây dựng các quy định thi hành cũng như hướng dẫn dự án nhằm hỗ trợ các cơ quan nhà nước được ủy quyền trong việc thực hiện dự án;
- Xây dựng (với sự hỗ trợ của các tư vấn quốc tế có kinh nghiệm trong các thị trường khác) các bộ hồ sơ thầu đã được phê duyệt, bao gồm hợp đồng dự án có các mô hình phân bổ rủi ro được quốc tế công nhận làm cơ sở đầu thầu để giảm thiểu nguy cơ chậm triển khai dự án;

¹⁴ Ban chỉ đạo được thành lập theo Quyết định 1642/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và các hoạt động của Ban chỉ đạo chủ yếu được điều chỉnh theo Quyết định 2048/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (thay thế Quyết định 1624); tuy nhiên, việc đưa nội dung này vào Nghị định PPP đã đưa Ban chỉ đạo vào khung pháp lý rộng hơn của cơ chế PPP của Việt Nam.

¹⁵ Điều này bao gồm một “Hội đồng thẩm định Nhà nước” và một “Hội đồng thẩm định liên ngành” cho các dự án mà việc phê duyệt chính sách đầu tư nằm trong thẩm quyền tương ứng của Quốc hội và Thủ tướng. Các hội đồng thẩm định nội bộ cũng được thành lập trong các cơ quan hoặc tổ chức chính phủ liên quan trong đó việc phê duyệt chính sách đầu tư của một dự án được thực hiện ở cấp thấp hơn.

- Xây dựng các dự án khả thi phù hợp với thông lệ quốc tế tốt nhất để giới thiệu các kinh nghiệm thực tiễn tới các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; và
- Thiết lập một quy trình triển khai thực hiện có sự tham gia của tất cả các Bộ và cơ quan chủ chốt để xây dựng thực hành thống nhất về phát triển dự án, tận dụng nguồn nhân lực các chuyên gia có kinh nghiệm về các vấn đề về khả năng vay vốn ngân hàng và khả năng được cấp vốn trong ngành điện lực.

III. HỢP LÝ HÓA CÁC QUY ĐỊNH THỰC HIỆN CHI TIẾT

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Cơ quan Nhà nước được ủy quyền, và các cơ quan hữu quan khác.

Mô tả vấn đề

Các nỗ lực gần đây của Chính phủ trong việc hợp lý hóa khuôn khổ PPP đã nâng cao được tính nhất quán và cải thiện được các điều kiện đầu tư.

Mặc dù có những cải thiện, sự chồng chéo và khoảng cách trong các quy định hiện hành vẫn là một trở ngại lớn đối với việc phát triển các dự án PPP—lý tưởng nhất là nên được khắc phục trong Luật PPP được đề xuất. Tuy nhiên, dựa trên dự thảo tháng 05 năm 2020, có vẻ như một số vấn đề chính vẫn chưa được giải quyết sau khi Luật này được ban hành và có thể tiếp tục gây trở ngại cho quá trình cấp vốn và xây dựng các dự án hạ tầng quan trọng ở Việt Nam.

Các nhà đầu tư nước ngoài trong các dự án PPP cần tuân thủ rất nhiều quy định, bao gồm Luật Ngân sách Nhà nước,¹⁶ Luật Đầu tư công,¹⁷ Luật Doanh nghiệp,¹⁸ Luật Đất đai,¹⁹ Luật Xây dựng²⁰ và Luật Đấu thầu cùng với các Nghị định và Thông tư hướng dẫn, và sự dẫn chiếu chồng chéo giữa những luật này có khả năng gây ra sự thiếu nhất quán. Mặc dù Bộ KH&ĐT đã chính thức xác nhận rằng Luật PPP được đề xuất sẽ loại bỏ các dẫn chiếu không liên quan và không cần thiết đối với Luật Đầu tư Công, có vẻ như nội dung hiện tại vẫn không thực hiện điều này một cách triệt để. Lý tưởng nhất là Luật Đầu tư công (và các luật liên quan như Luật Ngân sách Nhà nước) chỉ nên được áp dụng trong trường hợp thực sự cần thiết để đánh giá phần vốn góp của Nhà nước cho một dự án cụ thể, ví dụ như ở giai đoạn phê duyệt về nguyên tắc, hoặc Luật PPP được đề xuất nên quy định một khuôn khổ toàn diện và độc lập để quản lý các dự án PPP để tránh xung đột tiềm ẩn với các cơ chế đầu tư khác.

Dự thảo dường như cũng chứa các sửa đổi đối với Luật Đấu thầu để xóa bỏ một số dẫn chiếu nhất định tới quy chế PPP. Do Nghị định 25 mới được ban hành vào tháng 2 năm nay dẫn chiếu tới “luật về đầu tư theo hình thức PPP” cũng như tới Luật Đấu thầu, dường như các thành phần của Luật Đấu thầu vẫn còn liên quan tới việc lựa chọn nhà đầu tư PPP, nhưng văn bản hiện vẫn phải được rà soát trong hoàn cảnh này, do Luật PPP được đề xuất cũng chứa đựng các quy định hiện hành. Như đã đề cập trước đó, điều lý tưởng là gộp tất cả các quy trình và tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư áp dụng trong trường hợp PPP vào một chỗ.

Ngoài ra, các điều khoản hiện hành theo Nghị định PPP và nội dung hiện tại của Luật PPP được đề xuất vẫn không khắc phục được các vấn đề chính của nước chủ nhà được xác định trong quá trình xây dựng và cấp vốn cho các dự án hạ tầng tại Việt Nam, và có những kẻ hở cần được khắc phục. Chúng tôi liệt kê một số ví dụ dưới đây.

Đảm bảo về đất và tài sản gắn liền với đất

Quy định hiện hành vẫn còn mơ hồ về quyền được thế chấp các quyền sử dụng đất trong trường hợp nhà đầu tư được miễn thuế sử dụng đất hoặc tiền thuê đất (một trong các ưu đãi đối với các nhà đầu tư vào các dự án PPP). Theo Luật Đất đai và các quy định hướng dẫn thì quyền sử dụng đất chỉ được thế chấp nếu tiền thuê hoặc phí sử dụng đã được nhà đầu tư thanh toán đầy đủ (và nội dung này không bị điều chỉnh bởi Nghị định PPP). Điều này

16 Luật Ngân sách Nhà nước 83/2015/QH13 ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội.

17 Luật Đầu tư công 49/2014/QH13 ngày 13 tháng 06 năm 2019 của Quốc hội.

18 Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội.

19 Luật Đất đai 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội.

20 Luật Xây dựng 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội.

có nghĩa là một nhà đầu tư được miễn phí sử dụng đất hoặc tiền thuê đất không có quyền thế chấp đất đã được miễn thuế đó. Tuy nhiên, việc không được thế chấp đất dự án làm suy giảm các ưu đãi sử dụng đất như được quy định trong Nghị định PPP và làm hạn chế khả năng tài chính của các dự án PPP, từ đó làm cho khuôn khổ PPP trở nên kém hiệu quả. Do vậy, sự thiếu nhất quán giữa Nghị định PPP và Luật Đất đai vẫn là một trở ngại lớn cho các bên cấp vốn vay cho các nhà đầu tư dự án PPP. Đối với Luật PPP được đề xuất, nội dung hiện tại chỉ đơn giản là quy định đất dự án có thể được sử dụng làm tài sản đảm bảo theo “pháp luật về đất đai và dân sự” của Việt Nam – điều này không vượt quá phạm vi của các quy định hiện hành.²¹

Ngoại hối

Vấn đề về ngoại hối cũng sẽ tiếp tục tác động đến tính hấp dẫn của các dự án PPP tại Việt Nam đối với các nhà đầu tư phụ thuộc vào nguồn vốn vay nước ngoài. Chính phủ Việt Nam bảo đảm bảo lãnh tỷ giá ngoại hối là một vấn đề quan trọng đối với các nhà đầu tư cần nguồn vốn từ nước ngoài và các bên cung cấp vốn vay cho nhà đầu tư. Về các dự án nhiệt điện BOT, Công văn 1604/ TTg-KTN ngày 12 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ (vẫn còn hiệu lực) đưa ra những đảm bảo về môi trường đầu tư nói chung và đặc biệt là sự bảo đảm của Chính phủ liên quan đến việc định giá điện bằng Đô-la Mỹ, ngay cả khi phải trả bằng đồng Việt Nam. Điều quan trọng là văn bản này cũng có điều khoản quy định rằng Chính phủ sẽ đảm bảo chuyển đổi thành Đô-la Mỹ 30% doanh thu của dự án từ tiền đồng Việt Nam sau khi trừ chi phí tính bằng đồng Việt Nam. Các điều khoản tương tự để đảm bảo tối đa 30% doanh thu bằng đồng Việt Nam cho các dự án PPP mà việc phê duyệt chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ hiện được quy định trong văn bản hiện hành của Luật PPP được đề xuất, đem lại sự chắc chắn về mặt pháp lý, mặc dù việc ngưỡng bảo đảm 30% doanh thu này có đủ hay không thì vẫn cần được kiểm tra bên ngoài lĩnh vực điện năng truyền thống.

Quy Bù đắp Tài chính (VGF), đảm bảo doanh thu tối thiểu và chia sẻ rủi ro

Một lĩnh vực quan trọng khác ảnh hưởng đến sự phát triển trong tương lai của các dự án PPP là việc thiếu các hướng dẫn và thực hành liên quan đến Quỹ Bù đắp Tài chính (VGF). Các tài liệu tham khảo ban đầu về tính khả thi của VGF theo Nghị định 15 và Nghị định 63 liên quan đến các dự án thí điểm được đề xuất đã đánh dấu một bước tiến đáng khích lệ đối với những người nước ngoài tham gia vào thị trường PPP. Nếu không có hướng dẫn chi tiết về việc định lượng vốn đầu tư nhà nước trong một dự án PPP nhất định thì không thể thực hiện dự án với các điều khoản của VGF.

Tương tự như trên, việc không có bất kỳ khuôn khổ nào để tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước dưới hình thức bảo đảm doanh thu tối thiểu để có thể đảm bảo khả năng tài chính của các dự án kinh tế không khả thi trong dài hạn là một trở ngại lớn về mặt cấu trúc và cộng đồng quốc tế hy vọng vấn đề sẽ được giải quyết trong quá trình xây dựng pháp luật sắp tới.

Dự thảo hiện tại của Luật PPP được đề xuất dường như dự tính khả năng có được VGF ở cấp cao với các điều khoản khá chung chung, quy định rằng vốn Nhà nước có thể được sử dụng để “cung cấp hỗ trợ” cho một dự án trong giai đoạn xây dựng, mặc dù một số chi tiết đã được cung cấp và Chính phủ sẽ “cung cấp hướng dẫn” kịp thời.²²

Dự thảo cũng đưa ra một cơ chế chia sẻ rủi ro, theo đó Chính phủ sẽ chịu 50% phần thâm hụt giữa doanh thu thực tế và doanh thu cam kết cho dự án trong một số tình huống nhất định, và sẽ có thể cũng được hưởng lợi 50% phần thặng dư giữa doanh thu thực tế và doanh thu cam kết. Mặc dù các cơ chế chia sẻ rủi ro thường được hoan nghênh như một hình thức hỗ trợ khả thi để tăng cường khả năng tài chính của các dự án có thể yêu cầu điều này, dự thảo hiện tại vẫn còn nhiều quan ngại vì các lý do sau:

- Không rõ liệu cơ chế này được áp dụng một cách không bắt buộc cho một dự án cụ thể hay được áp dụng cho tất cả các dự án (khi các điều kiện cụ thể được đáp ứng), và việc soạn thảo cần được làm rõ về khía cạnh này.
- Việc chia sẻ phần giảm doanh thu phụ thuộc vào một số điều kiện không được áp dụng trong trường hợp doanh thu của một sự án vượt quá dự toán—ví dụ, Chính phủ sẽ chỉ chia sẻ phần giảm doanh thu cho các dự án được thực hiện dưới các hình thức BOT, BOT hay BOO do Nhà Nước đề xuất trong đó phần giảm doanh thu là do “thay đổi về quy hoạch, chính sách pháp luật có liên quan”—dường như hạn chế rủi ro chia sẻ phần giảm doanh thu quan trọng. Tuy nhiên, các dự án do nhà đầu tư đề xuất cũng như các dự án hưởng lợi từ VGF

21 Điều 82.4 của dự thảo Luật PPP được đề xuất tháng 5 năm 2020.

22 Xem Điều 71 và 72 của dự thảo Luật PPP được đề xuất tháng 5 năm 2020.

có vẻ như không đủ điều kiện để được chia sẻ phần giảm doanh thu (mà không phải là chia sẻ phần tăng doanh thu).

- Hơn nữa, khi các điều kiện về chia sẻ doanh thu được đáp ứng, dự thảo cho thấy rằng điều khoản của hợp đồng PPP sẽ được điều chỉnh tương ứng và không rõ các thay đổi theo đó đối với tổng doanh thu trong dòng đời của dự án sẽ ảnh hưởng tới các điều khoản chia sẻ doanh thu được quy định tại dự thảo như thế nào.
- Về các chi tiết của cơ chế chia sẻ, doanh thu cam kết của dự án sẽ được xác định dựa trên “phương án tài chính” của nó,²³ nhưng không rõ ràng ở giai đoạn nào kế hoạch tài chính sẽ được chốt cho các mục đích này, và liệu có được phép sửa đổi hay hiệu chỉnh ở từng thời điểm hay không. Dự thảo cũng bao gồm đề xuất phương án chia sẻ lỗ lãi thay cho phương án chia sẻ doanh thu—tuy nhiên, đây là phương án khác biệt so với thông lệ quốc tế và hiện vẫn chưa rõ liệu phương án này có ưu điểm vượt trội nào hơn so với mô hình chi sẻ doanh thu thông thường.

Do vậy, các ưu đãi trong đề xuất có vẻ không phù hợp, và có thể không hấp dẫn đối với các nhà đầu tư vì Chính phủ có vẻ như là sẽ có lợi nhiều hơn là gặp bất lợi.

Lý tưởng nhất là Luật PPP được đề xuất cần tránh quy định quá mức ở giai đoạn phát triển còn khá sớm này của thực tiễn triển khai dự án PPP tại Việt Nam và sẽ đưa ra một loạt các biện pháp hỗ trợ tài chính và tăng cường tín dụng, bao gồm VGF, đảm bảo doanh thu tối thiểu và các điều khoản chia sẻ rủi ro, để tối đa hóa tính linh hoạt trong phạm vi rộng của các dự án có thể được thực hiện dưới hình thức PPP và để cho phép nhà đầu tư lựa chọn được sự hỗ trợ phù hợp dựa trên nhu cầu của một dự án nhất định.

Luật điều chỉnh

Luật PPP được đề xuất cũng yêu cầu các hợp đồng PPP được điều chỉnh bởi luật pháp Việt Nam.²⁴ Điều này khác với quy chế hiện tại theo đó các hợp đồng PPP có thể được điều chỉnh bởi luật pháp nước ngoài trong một số tình huống nhất định theo quy định của Bộ luật Dân sự, nhìn chung, khi hợp đồng có “yếu tố nước ngoài”, bao gồm trong trường hợp một trong các bên là một thực thể nước ngoài. Việc áp dụng các hệ thống luật pháp mang tính quốc tế, trung lập và được xây dựng tốt (thường là luật Anh) đối với các hợp đồng dự án BOT đã và tiếp tục là một vấn đề vô cùng quan trọng về khả năng vay vốn trong việc huy động mức vốn cần thiết cho các dự án PPP quy mô lớn. Trong khi các quy định trong dự thảo cho thấy rằng “những vấn đề pháp luật Việt Nam không có quy định” có thể được quy định tại hợp đồng PPP miễn là các quy định đó không trái với “các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”, quy định này còn khá mơ hồ và không đủ để làm cho các nhà đầu tư quốc tế và các bên cho vay cảm thấy yên tâm. Cộng đồng các nhà đầu tư mong muốn quy định này được sửa đổi trong luật mới được ban hành, do điều này rõ ràng làm cản trở việc xúc tác các nguồn vốn cần thiết trong hoàn cảnh quy mô và số tiền cần đến. Điều này trái với bối cảnh của lĩnh vực năng lượng tái tạo khi mà các dự án tương đối nhỏ và cùng vấn đề sẽ phát sinh liên quan tới việc huy động vốn cho việc phát triển dự án điện gió và điện mặt trời với quy mô và tham vọng lớn hơn.

Thời hạn hoàn tất các thỏa thuận tài chính

Dự thảo hiện nay của Luật PPP được đề xuất đưa ra yêu cầu đối với các nhà tài trợ và công ty dự án để đạt được việc hoàn tất các thỏa thuận tài chính trong vòng 18 tháng kể từ khi ký kết một thỏa thuận dự án cho các dự án do Quốc hội hoặc Chính phủ phê duyệt, hoặc 12 tháng kể từ khi ký một thỏa thuận dự án cho các dự án khác.²⁵ Dự thảo quy định rằng hợp đồng PPP sẽ không có hiệu lực cho đến khi việc cấp vốn được bảo đảm, tuy nhiên, các hậu quả của việc không đáp ứng các thời hạn bắt buộc về hiệu lực của hợp đồng PPP (ví dụ như hợp đồng có trở nên vô hiệu, có thể bị làm mất hiệu lực hay không thể thi hành trừ khi được thỏa thuận khác đi) là không rõ ràng. Tuy nhiên dự thảo cũng không quy định về việc xây dựng các biểu mẫu hợp đồng PPP chuẩn mực,²⁶ và có thể là vấn đề này sẽ được làm rõ ở bước đó.

Dựa trên kinh nghiệm của các bên cho vay nước ngoài với các dự án quy mô lớn tại Việt Nam, các mốc thời gian này sẽ được coi là cực kỳ tham vọng và có thể là một cản trở đối với đầu tư trong bối cảnh thiếu sự chắc chắn. Trong khi việc có được một quyết tâm nhanh chóng để đạt được việc hoàn tất các thỏa thuận tài chính rõ ràng

23 Cụ thể, doanh thu cam kết cho các mục đích này không được vượt quá một con số phần trăm doanh thu cụ thể dự kiến theo phương án tài chính.

24 Điều 58 của dự thảo Luật PPP được đề xuất tháng 5 năm 2020.

25 Điều 78 của dự thảo Luật PPP được đề xuất tháng 5 năm 2020.

26 Điều 47.2 của dự thảo Luật PPP được đề xuất tháng 5 năm 2020.

là rất đáng mong đợi, khuyến nghị của chúng tôi là điều này cần được thúc đẩy thông qua việc tạo lập một môi trường tạo thuận lợi được xây dựng chắc chắn và suôn sẻ cho việc hoàn tất các dự án PPP, hơn là thông qua các yêu cầu luật định cứng nhắc không cần thiết.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc ban hành một khung pháp lý cân bằng và thiết thực để quy định về các vấn đề có tầm quan trọng lớn lao như như tính khả thi tài chính của các dự án cơ sở hạ tầng cần được hỗ trợ thông qua phần công của Nhà nước trong cơ chế “đối tác công-tư” cũng là điều quan trọng trong công tác thực thi pháp luật. Các vấn đề tồn đọng làm hạn chế tính hấp dẫn của các dự án PPP đối với các nhà đầu tư nước ngoài, bao gồm sự thiếu rõ ràng của các quy định hiện hành và mâu thuẫn với các quy định khác làm giới hạn ưu đãi của các nhà đầu tư dự án PPP và các khoảng cách quan trọng về mặt cơ cấu liên quan đến sự hỗ trợ của Nhà nước. Luật PPP được đề xuất cần giải quyết triệt để những vấn đề này. Chính phủ cũng cần xem xét nhằm đảm bảo tránh làm phát sinh thêm các điều kiện hoặc hạn chế ảnh hưởng đến sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài, ví dụ như khả năng áp dụng luật pháp Việt Nam đối với các hợp đồng dự án chủ chốt, cơ chế chia sẻ doanh thu không cân bằng và các thời hạn có tính tham vọng quá mức để đạt được hoàn tất các thỏa thuận tài chính. Các quy định đã được thống nhất và thử nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế sẽ tạo một khuôn khổ nhất định để chuyển đổi lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài trong các dự án PPP sang một luồng đầu tư ổn định trong những năm tới, điều mà có thể gặp phải thách thức về mặt kinh tế lớn hơn là trong những năm vừa qua.

Khuyến nghị

- Tận dụng đà phát triển quy định luật pháp đằng sau Luật PPP được đề xuất để làm rõ và hoàn tất các quy định hiện hành theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm gia tăng sự hấp dẫn của các dự án PPP Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài, cụ thể là bằng cách đưa ra một khuôn khổ rõ ràng và cố kết cho các dự án PPP để hưởng lợi từ VGF, đảm bảo doanh thu tối thiểu và các biện pháp chia sẻ rủi ro;
- Tiếp tục làm tinh gọn các chính sách và hướng dẫn liên quan đến các dự án PPP, bao gồm thực hiện các quy định sẽ được ban hành sau khi ban hành Luật PPP được đề xuất để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài tìm kiếm cơ hội đầu tư vào cơ sở hạ tầng ở Việt Nam, tập trung vào các yếu tố chủ yếu như là mức độ khả dụng và giải ngân của VGF và các biện pháp hỗ trợ tín dụng; và
- Thử nghiệm những quy định này trên các dự án thực tế để các nhà đầu tư thấy tự tin với cách diễn giải các quy định trong quá trình phát triển một dự án PPP.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:
 Samantha Campbell, Luật sư thành viên, Hogan Lovells Việt Nam và Singapore
 Huỳnh Long, Cộng sự cấp cao, Hogan Lovells Việt Nam
 George Williams, Cộng sự cấp cao, Hogan Lovells Việt Nam
 Nguyễn Mai Phương, Cộng sự, Hogan Lovells Việt Nam

CHƯƠNG 10 **BẤT ĐỘNG SẢN**

TỔNG QUAN

Nhờ vào việc ban hành các chính sách khuyến khích đầu tư và tăng cường sự tham gia của các nhà đầu tư mới, thị trường bất động sản Việt Nam đã trở nên sôi động hơn trong bốn năm qua. Việt Nam có điều kiện thuận lợi để cải thiện cơ sở hạ tầng và tăng khả năng cạnh tranh kinh tế với các hiệp định thương mại tự do như Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ Đầu tư giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVIPA) mới được phê chuẩn bởi Nghị viện châu Âu vào ngày 12 tháng 2 năm 2020, và bởi Quốc hội Việt Nam vào ngày 8 tháng 6 năm 2020. Thêm vào đó, một số luật quan trọng đã được ban hành gần đây như Luật Xây dựng 2014,¹ Luật Nhà ở 2014² và Luật Kinh doanh Bất động sản 2014³ đã thúc đẩy sự phát triển của thị trường bất động sản. Tuy nhiên, nếu việc cải cách và minh bạch hóa các thủ tục hành chính không được thực hiện đầy đủ, dòng vốn có khả năng sẽ chuyển sang các nước láng giềng. Chúng tôi cho rằng còn nhiều hạn chế trong hệ thống pháp luật làm cản trở hoạt động và sự phát triển bền vững của thị trường bất động sản cần được xem xét và chúng tôi muốn chia sẻ quan điểm với Chính phủ để tối đa hóa các điều kiện thuận lợi mà Việt Nam đang có.

Thứ nhất, cần thiết lập một khung pháp lý đối với các loại hình bất động sản mới trong dự án bất động sản như “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn” đang ngày càng thu hút nhiều vốn đầu tư hơn. Hiện nay, cách diễn giải về các loại bất động sản này giữa người mua nhà, chủ đầu tư dự án bất động sản và cơ quan quản lý còn tồn tại nhiều mâu thuẫn. Vì lý do đó, việc thiết lập khung pháp lý để quản lý một cách có hệ thống các loại bất động sản mới này là cần thiết để kịp thời giải quyết tất cả các vấn đề pháp lý liên quan, phát triển thị trường bất động sản và thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Thứ hai, bảo vệ người mua nhà trong các dự án nhà ở mà chủ đầu tư dự án bất động sản mất khả năng thanh toán hoặc phá sản là việc tối quan trọng bởi vì khi điều này xảy ra, người mua nhà, cũng là người phải gánh chịu hậu quả cuối cùng, sẽ phải đối mặt với nhiều rủi ro pháp lý.

Bên cạnh đó, có sự chậm trễ trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho người nước ngoài của các cơ quan hữu quan vì hiện tại không có danh mục dự án nhà ở thương mại theo đó quyền sử dụng đất của người mua nước ngoài bị cấm (Danh sách Dự án bị Cấm Sở hữu Nước ngoài), việc này ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của người mua nước ngoài và kéo theo một số rủi ro pháp lý. Ngoài ra, Luật Nhà ở quy định các cơ quan quản lý xây dựng (Sở Xây dựng, SXD) phải thiết lập một hệ thống thông tin nhà ở toàn diện⁴ để thuận tiện cho người dân, bao gồm danh sách các dự án nhà ở đủ tiêu chuẩn để bán cho người mua nhà. Tuy nhiên, trên thực tế, hệ thống này vẫn chưa được triển khai sau 5 năm Luật Nhà ở có hiệu lực. Điều này đã dẫn đến việc người mua nhà không có đủ thông tin và có thể góp phần gây ra các vụ lừa đảo khách hàng của một số chủ đầu tư dự án bất động sản.

Mặc dù đã có những cải thiện trong hệ thống pháp lý và cải cách hành chính so với luật pháp trước đây, vẫn còn nhiều điểm thiếu sót trong các quy định về dự án bất động sản. Do đó, chúng tôi muốn nhấn mạnh một số thiếu sót về pháp lý và đưa ra các khuyến nghị của các thành viên EuroCham. Chúng tôi hoan nghênh các cơ hội được hợp tác với các cơ quan lập pháp để tạo điều kiện cho sự tăng trưởng và hoạt động hiệu quả của thị trường bất động sản.

1 Luật Xây dựng 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội.

2 Luật Nhà ở 65/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội.

3 Luật Kinh doanh Bất động sản 66/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội.

4 Luật Nhà ở 2014, Chương X.

I. “CĂN HỘ KHÁCH SẠN”, “NHÀ Ở KHÁCH SẠN” VÀ “VĂN PHÒNG KHÁCH SẠN” VÀ THỦ TỤC PHÊ DUYỆT ĐẦU TƯ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Xây dựng (BXD), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT)

Mô tả vấn đề

Hiện nay, các loại bất động sản lai mới trong các dự án bất động sản bao gồm “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng kết hợp lưu trú” đã xuất hiện trong thị trường bất động sản. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp lý của Việt Nam còn thiếu quy định về dự án bất động sản thuộc các loại này. “Căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn” rất phổ biến trên thị trường bất động sản do đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. “Căn hộ khách sạn” (kết hợp của hai từ “căn hộ” và “khách sạn”) là thuật ngữ được hiểu như một loại căn hộ trong khách sạn. Chủ sở hữu “căn hộ khách sạn” có quyền tạm thời ở, bán hoặc cho thuê. “Căn hộ khách sạn” có chức năng sử dụng chính là khách sạn (lưu trú ngắn ngày và không tạo thành một đơn vị nhà ở) nên thường được đặt gần bãi biển hoặc trong khu du lịch. “Nhà ở khách sạn” (kết hợp của hai từ “nhà ở” và “khách sạn”) là một thuật ngữ được hiểu như là một loại nhà ở sang trọng phục vụ lưu trú dài hạn. “Nhà ở khách sạn” kế thừa tất cả các dịch vụ và tiện nghi đạt tiêu chuẩn khách sạn năm sao, đảm bảo môi trường sống thoải mái cho chủ sở hữu và người thuê. “Nhà ở khách sạn” được đặt tại các thành phố lớn và thường được xây dựng dưới dạng các biệt thự liền kề. “Văn phòng khách sạn” (kết hợp của hai từ “văn phòng” và “khách sạn”) là một thuật ngữ được hiểu như một loại văn phòng có chức năng để ở.

Như vậy, “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn” là loại căn hộ kết hợp nhiều chức năng khác nhau trong một môi trường sống. Theo Điều 3.4 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP,⁵ trường hợp đất đai có nhà chung cư có mục đích hỗn hợp được xây dựng trước ngày 1 tháng 7 năm 2014 với một phần diện tích sàn được sử dụng làm văn phòng, cơ sở thương mại, dịch vụ, mục đích sử dụng chính được xác định là đất ở. Tuy nhiên, “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn”, “văn phòng khách sạn” kết hợp nhiều chức năng khác nhau trong một diện tích căn hộ mà không có phần diện tích tách riêng trong căn hộ chung cư theo quy định của pháp luật.⁶

Theo Điều 5.1 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư được quyền thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong các ngành, nghề mà pháp luật không cấm. Các loại bất động sản lai mới trong các dự án bất động sản như “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn” lại không được điều chỉnh bởi pháp luật. Điều này gây nhầm lẫn cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình quản lý đầu tư xây dựng và sử dụng các loại bất động sản này. Vì lý do đó, các nhà đầu tư dự án bất động sản mới có các loại hình bất động sản lai này phải đối mặt với nhiều rủi ro pháp lý, đặc biệt là trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Căn cứ theo Luật Nhà ở, việc phê duyệt dự án xây dựng nhà ở bắt buộc phải thông qua các thủ tục sau (i) quyết định chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư, hoặc (ii) chấp thuận chủ trương đầu tư nếu các dự án xây dựng nhà ở không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật đầu tư.⁷ Tuy nhiên, căn cứ Điều 20 của Nghị định 11/2013/NĐ-CP,⁸ chủ đầu tư dự án khu đô thị phải lập hồ sơ chấp thuận đầu tư trình cơ quan có thẩm quyền để nhận quyết định chấp thuận đầu tư. Những quy định trên đã dẫn đến nhiều cách diễn giải khác nhau về việc liệu chủ đầu tư dự án khu đô thị có cần nộp hồ sơ và nhận tất cả các loại giấy tờ như trên hay không. Việc này khiến thủ tục hành chính trong việc phê duyệt các dự án xây dựng khu đô thị có thể trở nên chồng chéo và kéo dài. Điều này sẽ ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư và kinh doanh tại Việt Nam.⁹

Ngoài ra, theo Điều 126 của Luật Đất đai, người mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất được sử dụng đất ổn

5 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai.

6 Mới đây, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Công văn số 703/BTNMT-TQLĐĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 để hướng dẫn về vấn đề này (CV 703). Việc kinh doanh dịch vụ lưu trú tại các căn hộ khách sạn, biệt thự du lịch thuộc loại hình kinh doanh dịch vụ du lịch và thuộc nhóm ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống quy định tại Danh mục Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 6 tháng 7 năm 2018. Vì vậy, việc sử dụng đất để kinh doanh căn hộ khách sạn, biệt thự du lịch sẽ được xác định theo chế độ sử dụng đất thương mại, dịch vụ theo quy định tại Điều 153 Luật Đất đai.

7 Điều 170.2 Luật Đầu tư.

8 Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.

9 Để khắc phục vấn đề này, Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư đã có nội dung quy định việc gộp ba loại thủ tục kể trên thành một thủ tục thống nhất: Chấp thuận chủ trương đầu tư. Dự thảo này hiện nay đang được Quốc Hội xem xét. Xem tại: < http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT_DUTHAO_LUAT/View_Detail.aspx?ItemID=1777&LanID=1810&TabIndex=1 > truy cập lần cuối ngày 28 tháng 4 năm 2020.

định lâu dài, trong khi đó thời hạn giao đất cho dự án căn hộ sử dụng cho các hoạt động thương mại và dịch vụ không được quá 50 năm. Như vậy, có sự khác biệt trong việc sử dụng đất, sử dụng nhà ở và sử dụng căn hộ thương mại và dịch vụ. Do đó, nếu “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn” thuộc phạm vi điều chỉnh của luật này, nên có thời hạn sử dụng đất lâu dài và ổn định hay không quá 50 năm.¹⁰

Xét các đặc điểm “khách sạn” của “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn”, những loại bất động sản này đôi khi đc gọi là cơ sở lưu trú du lịch theo các quy định về du lịch. Cụ thể, Điều 48 của Luật Du lịch 2017 quy định tám loại cơ sở lưu trú, trong đó “căn hộ khách sạn” được gọi là căn hộ du lịch.¹¹ Tuy nhiên, định nghĩa này vẫn không rõ ràng do quy định này không giải thích về “văn phòng khách sạn” và “nhà ở khách sạn”.

Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Hiệp hội Bất động sản Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã báo cáo với Bộ Xây dựng (BXD) và Thủ tướng Chính phủ về yêu cầu phải có các quy định về “văn phòng khách sạn”. Theo Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản, Bộ Xây dựng, vào cuối năm 2018/đầu năm 2019 sẽ có một số nội dung làm rõ về các loại tài sản bất động sản này.¹²

Tuy nhiên, tại thời điểm soạn thảo chương này, BXD vẫn chưa đưa ra các nội dung làm rõ được chờ đợi từ lâu¹³. Trong thực tế, không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất đã được cấp cho các chủ sở hữu “văn phòng khách sạn”, và hiện đang chờ hướng dẫn cụ thể của BXD về vấn đề này. Các thành viên EuroCham tin rằng việc thiết lập một khung pháp lý cho các loại tài sản lai mới này có vai trò quan trọng không chỉ đối với sự phát triển và đáp ứng nhu cầu của thị trường bất động sản mà còn thu hút nhà đầu tư và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo luật pháp Việt Nam.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc thiếu các quy định pháp luật điều chỉnh các bất động sản như trên trong thời gian dài có thể có tác động tiêu cực đến quyết định đầu tư của các nhà đầu tư dự án nhà ở, “Văn phòng khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “căn hộ khách sạn” có thể thu hút nhiều dự án đầu tư hơn và do đó, việc bảo vệ quyền và lợi ích của nhà đầu tư là cần thiết.

Đối với người Việt Nam, nhiều dự án đầu tư bất động sản được thực hiện sẽ giúp tăng doanh thu, việc làm và lợi ích kinh tế cho thị trường bất động sản và từ đó góp phần vào an sinh xã hội bền vững của Việt Nam trong dài hạn.

Khuyến nghị

- Chúng tôi xin Khuyến nghị ban hành quy định pháp luật với tiêu chuẩn và hướng dẫn cụ thể về “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn”; quy định rõ thời hạn sử dụng đất; sửa đổi quy định pháp luật về phân loại và cơ chế sử dụng đất cho căn hộ có mục đích hỗn hợp; và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn”.

10 Mới đây, dự thảo Luật sửa đổi bổ sung Luật Đất đai do Bộ Tài nguyên Môi trường trình Chính phủ đã được ban hành để “giải cứu” “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn”. Dự thảo Luật đã đưa ra hai giải pháp liên quan đến thời hạn sử dụng đất:

- (i) Nếu “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn” có chức năng nhà ở thì sẽ được xác định là đất ở, với thời hạn sử dụng đất của dự án là 50-70 năm theo quy định của Luật Đất đai. Chủ sở hữu được phép sử dụng đất ổn định và lâu dài.
- (ii) Xác định là đất sử dụng cho thương mại và dịch vụ với thời hạn sử dụng đất của dự án là 50-70 năm theo quy định của Luật Đất đai. Chủ sở hữu được phép sử dụng đất trong suốt thời hạn của dự án.

“Đề xuất sửa Luật để giải cứu condotel, officetel”, *VnExpress*, ngày 27 tháng 12 năm 2018. Xem tại: <<https://vnexpress.net/kinh-doanh/de-xuat-sua-luat-de-giai-cuu-condotel-officetel-3688373.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

Ngoài ra, theo CV 703, chế độ sử dụng đất đối với loại hình căn hộ khách sạn, biệt thự du lịch được xác định theo chế độ sử dụng đất đối với loại đất thương mại, dịch vụ. Theo đó, thời hạn sử dụng đất được quyết định trên cơ sở dự án đầu tư nhưng không quá 50 năm, hoặc không quá 70 năm đối với dự án có vốn đầu tư lớn nhưng thu hồi vốn chậm, dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, v.v. Tuy nhiên, CV 703 không đưa ra hướng dẫn rõ ràng đối với loại hình văn phòng khách sạn và nhà ở khách sạn.

11 Theo ông Nguyễn Mạnh Khởi, Cục phó Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản, Bộ Xây dựng, “Condotel chắc chắn có sổ đỏ, nhưng phải chờ”, *Ninh Việt*, ngày 15 tháng 5 năm 2019. Xem tại: <<https://bds.tinnhanhchungkhoan.vn/bds-phap-luat/condotel-chac-chan-co-so-do-nhung-phai-cho-211901.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

12 Theo ông Nguyễn Mạnh Khởi, Cục phó Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản, Bộ Xây dựng, “Cuối 2018 sẽ có một số văn bản pháp lý cho condotel”, *Café*, ngày 15 tháng 8 năm 2018. Xem tại: <<http://cafe.vn/cuoi-2018-se-co-mot-so-van-ban-phap-ly-cho-condotel-20180805181042815.chn>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

13 Gần đây đã có ba văn bản được ban hành về vấn đề này: Thông tư 21/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chung cư; Công văn số 703/BTNMT-TCLDD ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường và Quyết định 3720/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tuy nhiên các văn bản này vẫn chưa cung cấp một hành lang pháp lý toàn diện về các loại hình bất động sản lai như căn hộ khách sạn, văn phòng khách sạn tại Việt Nam. Đặc biệt là việc Công văn 703/BTNMT-TCLDD và Quyết định số 3720/QĐ-BVHTTDL không được quy định là các trong các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định pháp luật Việt Nam.

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư cần sớm được thông qua, tạo điều kiện cho việc tinh giản thủ tục đầu tư theo hướng thống nhất một loại thủ tục: “Chấp thuận chủ trương đầu tư”.

II. BẢO VỆ NGƯỜI MUA NHÀ CỦA DỰ ÁN NHÀ Ở TRONG TRƯỜNG HỢP CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN MẤT KHẢ NĂNG THANH TOÁN HOẶC PHÁ SẢN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Xây dựng (BXD), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)

Mô tả vấn đề

Vào ngày 24 tháng 2 năm 2017, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC Land), chủ đầu tư dự án bất động sản PetroVietnam Landmark.¹⁴ Nếu PVC Land bị Tòa án Nhân dân TP HCM tuyên bố phá sản, quyền lợi hợp lý của người mua nhà dự án sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Vào ngày 13 tháng 3 năm 2017, PVC Land đã nộp toàn bộ số tiền 2,327 tỷ Đồng bao gồm cả tiền lãi cho việc chậm thực hiện dự án lên Chi Cục Thi hành án Dân sự Quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bỏ quyết định mở thủ tục phá sản đối với PVC Land theo yêu cầu của Viện Kiểm sát Nhân dân cấp cao.

Trên thực tế, khi mua căn hộ trong dự án bất động sản, người mua phải trả tối thiểu 90% đến 95% giá giao dịch của căn hộ trước khi dự án hoàn thiện và sau đó mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho căn hộ. Trong nhiều trường hợp, chủ đầu tư dự án bất động sản thường kéo dài thời gian cấp quyền sở hữu căn hộ hoặc trì hoãn việc thi công do sự thiếu hụt về tài chính, và người mua có khả năng không nhận được căn hộ một cách hợp pháp và phải chịu thiệt hại tài chính. Các dự án này được xem là tài sản hình thành trong tương lai theo Điều 108.2 của Bộ Luật Dân sự. Vì lý do đó, theo Điều 4.4¹⁵ của Luật Phá sản, nếu chủ đầu tư dự án bất động sản bị tuyên bố vỡ nợ hoặc phá sản, người mua nhà dự án được xem là chủ nợ không có bảo đảm bởi vì người mua nhà dự án đã thanh toán cho căn hộ mà họ sẽ sở hữu trong tương lai, đồng thời căn hộ đó lại là tài sản mà chủ đầu tư dự án bất động sản sử dụng để đảm bảo cấp vốn cho dự án.

Theo Điều 54¹⁶ của Luật Phá sản, người mua nhà dự án là người cuối cùng được phân chia lại tài sản. Trong trường hợp này, nếu giá trị tài sản không đủ để trả nợ, mỗi đối tượng trong cùng trình tự phân chia lại tài sản sẽ được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với khoản nợ. Trường hợp tài sản của chủ đầu tư dự án bất động sản không đủ để trả nợ, các chủ sở hữu căn hộ dự án sẽ được trả tiền theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số tiền mà người mua đó đã thanh toán cho căn hộ dự án. Những người mua nhà dự án này sẽ không có bất kỳ cơ hội nào để sở hữu căn hộ đã được họ thanh toán.

Điều 56.1 của Luật Kinh doanh Bất động sản yêu cầu chủ đầu tư dự án bất động sản phải đáp ứng điều kiện về bảo lãnh ngân hàng trước khi mở bán căn hộ. Nếu chủ đầu tư dự án bất động sản không thể bàn giao nhà chung cư đúng kế hoạch được cam kết cho người mua nhà dự án, ngân hàng thương mại¹⁷ đã ký hợp đồng bảo lãnh ngân

14 ‘Hành trình khởi kiện PVC Land phá sản kỳ II: Cục thi hành án TPHCM liệu có sai?’, *Báo điện tử Doanh nghiệp*, ngày 12 tháng 7 năm 2017. Xem tại <<https://enternews.vn/hanh-trinh-khoi-kien-pvc-land-pha-san-ky-ii-cuc-thi-hanh-an-tp-hcm-lieu-co-sai-113788.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

15 Điều 4.4 của Luật Phá sản 2014: “Chủ nợ không có bảo đảm là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ không được bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc của người thứ ba”.

16 Điều 54.1 của Luật Phá sản 2014: “Trường hợp thẩm phán ra quyết định tuyên bố phá sản thì tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã được phân chia theo thứ tự sau:

- Chi phí phá sản;
- Khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết;
- Khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản nhằm mục đích phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ”.

17 Ngân hàng thương mại phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 1.3 Thông tư 13/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2015 trước khi ký kết hợp đồng bảo lãnh đối với các chủ đầu tư dự án bất động sản.

hàng với chủ đầu tư dự án sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay mặt chủ đầu tư dự án bằng cách hoàn trả khoản thanh toán đã nhận từ khách hàng theo hợp đồng bán nhà trong tương lai. Đây là một giải pháp có thể bảo vệ lợi ích của người mua nhà dự án. Tuy nhiên, Luật Kinh doanh Bất động sản không quy định rõ việc chủ đầu tư bất động sản không được mở bán căn hộ hình thành trong tương lai nếu không đáp ứng điều kiện bảo lãnh ngân hàng. Việc ký hợp đồng bảo lãnh ngân hàng này có thể làm tăng 2% hoặc 3% chi phí căn hộ hình thành trong tương lai, do đó, làm giảm tính cạnh tranh của các dự án này trên thị trường bất động sản.¹⁸ Vì vậy, nhiều chủ đầu tư dự án bất động sản từ chối ký hợp đồng bảo lãnh ngân hàng với các ngân hàng thương mại. Nếu các chủ đầu tư dự án bất động sản mất khả năng thanh toán hoặc phá sản và không có hợp đồng bảo lãnh ngân hàng, người mua nhà dự án sẽ mất số tiền đã thanh toán và không có khả năng sở hữu căn hộ dự án như mong muốn.

Bên cạnh đó, Thông tư 13/2017/TT-NHNN cũng quy định rằng, trong trường hợp các dự án phát triển bất động sản được ngân hàng bảo lãnh, các ngân hàng thương mại phải có trách nhiệm phát hành các cam kết bảo lãnh dưới hình thức “thư bảo lãnh” cho từng bên mua.¹⁹ Mặc dù, pháp luật yêu cầu các thư bảo lãnh này phải đảm bảo đủ các nội dung như: các quy định pháp luật áp dụng, nghĩa vụ bảo lãnh, số tiền bảo lãnh, v.v.²⁰ Trong trường hợp các dự án không có bảo lãnh ngân hàng hoặc các văn bản được phát hành cho người mua với tên gọi “bảo lãnh ngân hàng”, thì một vấn đề đặt ra là liệu các văn bản này có được xem là các thư bảo lãnh hợp pháp và có hiệu lực hay không. Vì vậy, việc thiếu một mẫu tiêu chuẩn cho các thư bảo lãnh ngân hàng có thể dẫn đến tình trạng, người mua các căn hộ hình thành trong tương lai nhiều khả năng không được bảo vệ quyền lợi của mình một cách đầy đủ, trong trường hợp chủ đầu tư dự án không thể thực hiện được các nghĩa vụ đã cam kết với họ.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Theo Điều 4.1 của Luật Phá sản, sau ba tháng không thanh toán, chủ nợ sẽ có quyền yêu cầu phá sản. Quy định này còn máy móc, dễ biến tranh chấp về nợ thành yêu cầu phá sản. Nếu tạo ra tiền lệ cho phép chủ đầu tư dự án bất động sản được tuyên bố phá sản, nhiều chủ đầu tư sẽ làm như vậy và việc này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới nhiều án căn hộ và quyền lợi của các chủ sở hữu.

Điều 56.1 của Luật Kinh doanh Bất động sản yêu cầu chủ đầu tư dự án bất động sản ký hợp đồng bảo lãnh ngân hàng trước khi mở bán căn hộ cho người mua nhà dự án. Đây có thể là giải pháp tốt để bảo vệ người mua nhà dự án nếu chủ đầu tư dự án bất động sản có hợp đồng bảo lãnh ngân hàng cho dự án mất khả năng thanh toán hoặc phá sản.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị cần có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ hơn đối với các trường hợp tổ chức tín dụng cung cấp bảo lãnh ngân hàng cho các chủ đầu tư phát triển dự án bất động sản. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước cần ban hành một mẫu tiêu chuẩn cho các thư bảo lãnh mà các ngân hàng thương mại sẽ phát hành cho người mua nhà ở hình thành trong tương lai, điều này sẽ ngăn chặn được tình trạng người mua nhà không thể thụ hưởng được các bảo lãnh ngân hàng cũng như không được trả lại đầy đủ số tiền mà họ đã trả trước cho giá trị căn nhà.

III. CHẬM TRỄ TRONG VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT (GCNQSDĐ) CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Xây dựng (BXD), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Bộ Công an (BCA), Bộ Quốc phòng (BQP), Ủy ban Nhân dân tỉnh (UBND)

Mô tả vấn đề

Điều 75.1 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP (Nghị định 99)²¹ quy định các tổ chức nước ngoài và người nước ngoài

18 “Vi sao doanh nghiệp né bảo lãnh ngân hàng cho dự án?”, *CaféF*, ngày 22 tháng 10 năm 2017. Xem tại <<http://cafe.vn/vi-sao-doanh-nghiep-ne-bao-lanh-ngan-hang-cho-du-an-2017102220090377.chn>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

19 Điều 1.3 Thông tư 13.

20 Điều 15.1 Thông tư 07/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về bảo lãnh ngân hàng.

21 Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở 2014.

chỉ được sở hữu nhà ở (bao gồm căn hộ và nhà ở riêng lẻ) trong các dự án xây dựng nhà ở thương mại, ngoại trừ những khu vực cần bảo đảm quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật Việt Nam. Ngoài ra, theo Điều 75.2 của Nghị định 99, BQP và BCA có trách nhiệm xác định cụ thể các khu vực cần bảo đảm an ninh, quốc phòng tại từng tỉnh và có văn bản thông báo cho UBND cấp tỉnh để làm căn cứ chỉ đạo Sở Xây dựng (SXD) tỉnh xác định cụ thể danh mục dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại trên địa bàn không cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài được quyền sở hữu nhà ở. BXD, BQP và BCA đã gửi công văn tới Ủy ban Nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương để xác định các khu vực cần bảo đảm an ninh quốc phòng và danh mục các dự án mà cơ quan có thẩm quyền không cho phép các cá nhân và cá nhân nước ngoài sở hữu nhà ở.²²

Tuy nhiên, cho đến tháng 12 năm 2019, Danh mục Dự án Cấm Sở hữu Nước ngoài vẫn chưa được ban hành từ phía SXD tỉnh. Một số SXD ở địa phương như SXD Hà Nội và SXD Đà Nẵng đã cố gắng ban hành danh mục dự án đủ điều kiện sở hữu nước ngoài để thu hút thêm đầu tư nước ngoài vào thị trường bất động sản tại địa phương. Tuy nhiên, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa ban hành danh sách này. Do đó, Văn phòng Đăng ký Đất đai (VPDKĐĐ) Thành phố Hồ Chí Minh đã ngừng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất đối với người nước ngoài đã ký hợp đồng mua bán nhà sau ngày 10 tháng 12 năm 2015.²³

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Sự chậm trễ kéo dài của các cơ quan hữu quan trong việc cấp GCNQSDĐ cho người nước ngoài đã ảnh hưởng đáng kể đến quyền sở hữu nhà ở của người nước ngoài bởi vì người mua nhà ở không có GCNQSDĐ có thể phải gánh chịu hậu quả nếu phát sinh tranh chấp giữa họ và người bán có GCNQSDĐ.

Thêm vào đó, sự chậm trễ trong việc cấp GCNQSDĐ cho người nước ngoài cũng có thể khiến các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm đến việc mua nhà ở Việt Nam ngần ngại đầu tư thêm vào thị trường bất động sản. Điều này gây ra một số rủi ro cho các nhà đầu tư nước ngoài là những người cần có GCNQSDĐ để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Sau khi đầu tư tiền vào thị trường bất động sản bằng cách mua nhà, nếu không được cấp GCNQSDĐ, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ không có bất kỳ bằng chứng nào chứng minh quyền sở hữu nhà của mình. Do đó, họ cũng sẽ không có quyền bán nhà cho người mua khác. Điều này dẫn đến việc hoàn trả hoặc không sử dụng vốn đầu tư và bất kỳ lợi nhuận nào thu được của nhà đầu tư nước ngoài nếu bị hủy bỏ hoặc trì hoãn.

Ngoài ra, nếu không có Danh mục Dự án Cấm Sở hữu Nước ngoài, các cơ quan có thẩm quyền có thể bị nhầm lẫn trong việc cấp hoặc trì hoãn việc cấp GCNQSDĐ cho người nước ngoài. Danh mục này cần được ban hành theo hướng dẫn của Ủy ban Nhân dân tỉnh vì đây là bước cuối cùng để các cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho người nước ngoài.

Khuyến nghị:

- Tiểu ban Pháp luật khuyến nghị việc ban hành Danh mục Dự án Cấm Sở hữu Nước ngoài để cho phép cấp GCNQSDĐ cho người nước ngoài đã mua nhà ở tại Việt Nam.
- Ban hành Danh mục Dự án Cấm Sở hữu Nước ngoài ngoài theo hướng dẫn của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Kent Wong, Phó Chủ tịch Tiểu ban Pháp luật và Luật sư Điều hành tại Công ty luật VCI

Trần Thái Bình, Thành viên Tiểu ban Pháp luật và Luật sư Điều hành tại Công ty luật LNT & Partners

Nguyễn Mạnh Cường, Thành viên Tiểu ban Pháp luật và Luật sư Điều hành tại Công ty Luật TNHH TGT & Partners

22 Văn bản số 10328/BQP-TM ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Quốc phòng và Văn bản số 786/BCA-TCAN ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Bộ Công an.
23 “Thành phố Hồ Chí Minh đốc thúc cấp giấy chủ quyền cho người nước ngoài mua nhà”, *Vietnamnet*, ngày 26 tháng 7 năm 2017. Xem tại: <<http://vietnamnet.vn/vn/bat-dong-san/thi-truong/tp-hcm-doc-thuc-cap-giay-chu-quyen-cho-nguoi-nuoc-ngoai-mua-nha-386368.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

CHƯƠNG 11 THUẾ VÀ CHUYỂN GIÁ

TỔNG QUAN

Tiểu ban Thuế và Chuyển giá thuộc EuroCham (Tax & TP SC) tiếp tục trân trọng và đánh giá cao những thay đổi tích cực liên quan đến các quy định pháp luật về thuế tại Việt Nam. Chúng tôi trân trọng việc đẩy mạnh cải cách hành chính thuế, đặc biệt là Bộ Tài chính (BTC) và Tổng Cục Thuế (TCT) đã có nhiều nỗ lực trong việc tinh giản hóa các thủ tục hành chính và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động kinh doanh của các nhà đầu tư.

Trong những điểm tích cực, chúng tôi đặc biệt đánh giá cao việc ban hành Luật Quản lý Thuế 2019¹ EuroCham được biết BTC và TCT đang chuẩn bị dự thảo 5 Nghị định và 8 Thông tư, dự kiến đi vào hiệu lực trong năm 2020, nhằm cung cấp hướng dẫn trong thực thi luật này và đảm bảo tính nhất quán giữa các quy định pháp luật về thuế. Mặc dù còn một số điểm vướng mắc, ví dụ quy định liên quan đến vấn đề “bản chất quyết định hình thức” (chúng tôi sẽ đề xuất riêng với Bộ Tài chính do tính phức tạp của vấn đề) và các điểm mà chúng tôi sẽ trình bày cụ thể hơn trong chương này, nhìn chung Luật Quản lý Thuế 2019 đã xử lý được những lỗ hổng pháp lý về thuế, giúp nâng cao ý thức tuân thủ của người nộp thuế, đồng thời đưa vào quy định quản lý hoạt động thương mại điện tử và tinh giản thủ tục hành chính. Điều này thể hiện cam kết minh bạch hơn của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời chứng minh nỗ lực hướng tới hoàn thiện khung pháp lý về quản lý thuế hiện đại để phù hợp tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế.

EuroCham cam kết sẵn sàng hỗ trợ BTC, TCT trong quá trình cải cách hành chính thuế, và mong muốn tiếp tục đối thoại trực tiếp, thường xuyên với các cơ quan này để trao đổi về việc áp dụng các quy định pháp luật về thuế trong thực tiễn. Trong năm 2019, chúng tôi đã xây dựng kênh liên lạc hiệu quả và thường xuyên với BTC, TCT thông qua các công văn và các buổi họp. Chúng tôi hy vọng truyền thống hợp tác này sẽ tiếp tục được phát huy và tăng cường trong thời gian tới. Cộng đồng doanh nghiệp châu Âu sẽ tích cực đóng góp kinh nghiệm chuyên môn quốc tế trong việc áp dụng các quy định pháp luật hiện hành, góp một phần vào quá trình phát triển, hoàn thiện khung pháp lý về thuế.

Trên tinh thần cam kết sẵn sàng đóng góp vào hệ thống pháp luật về thuế, sau đây chúng tôi xin trình bày một số vấn đề chính yếu là thách thức cộng đồng doanh nghiệp còn gặp phải khi thực thi các quy định pháp luật về thuế.

I. SỬ DỤNG CÁC CÔNG TY SO SÁNH TRONG VIỆC THANH TRA GIÁ CHUYỂN NHƯỢNG

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Tổng Cục Thuế (TCT), Kiểm toán Nhà nước (KTNN)

Mô tả vấn đề

Trong Sách Trắng 2019, EuroCham đã nêu ra vấn đề về việc cơ quan thuế sử dụng các dữ liệu về công ty so sánh mà doanh nghiệp nộp thuế không thể truy cập được, nhưng hiện nay vẫn chưa được giải quyết thấu đáo. Chúng tôi thấy rằng doanh nghiệp nộp thuế ngày càng gặp nhiều khó khăn trong khi tự phân tích so sánh trong khi các cơ quan thuế vẫn tiếp tục tham khảo rộng rãi đến cơ sở dữ liệu của riêng họ. Luật pháp cho phép doanh nghiệp nộp thuế sử dụng thông tin và dữ liệu từ nhiều nguồn công khai khác nhau để thực hiện phân tích so sánh cho mục đích chuyển giá. Luật pháp cũng quy định rằng cơ quan thuế có thể tham khảo các nguồn thông tin tương tự như người nộp thuế nhưng cũng cho phép sử dụng một số nguồn thông tin không công khai nhất định, bao gồm cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế trong một số trường hợp. Cơ sở dữ liệu này được thu thập, phân tích và quản lý bởi nhiều nguồn và có thể bao gồm các công ty tư nhân Việt Nam trong lãnh thổ mà đôi khi thông tin tài chính của các công ty này không được công bố công khai.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Nền kinh tế đang phát triển của Việt Nam phụ thuộc nhiều vào đầu tư từ nước ngoài với các Công ty Đa Quốc gia

¹ Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ban hành bởi Quốc hội ngày 13 tháng 6 năm 2019.

(MNC) chiếm tỷ lệ rất lớn trong số các doanh nghiệp nộp thuế. Hầu hết các công ty này đều có giao dịch liên kết theo phạm vi điều chỉnh của quy định về giá chuyển nhượng tại Việt Nam. Các giao dịch này được thực hiện theo Thông tư 66;² Nghị định 20³ và Thông tư 41.⁴

Các quy định về giá chuyển nhượng được trình bày như trên quy định các phương pháp xác định giá chuyển nhượng có thể áp dụng bởi doanh nghiệp nộp thuế để kiểm tra bản tính độc lập của các giao dịch giữa các công ty. Phương pháp được sử dụng phổ biến nhất là Phương pháp So sánh Lợi nhuận (CPM). Phương pháp này kiểm tra tỷ lệ tổng lợi nhuận trên chi phí, doanh thu hoặc tài sản của doanh nghiệp nộp thuế với các công ty so sánh đã xác định. Doanh nghiệp nộp thuế thường sử dụng phân tích cụ thể bằng cơ sở dữ liệu bên ngoài để thực hiện kiểm tra giao dịch.

Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy trong quá trình thanh tra giá chuyển nhượng, các phân tích được thực hiện bởi doanh nghiệp thường bị cơ quan thuế từ chối và cơ quan thuế đề xuất sử dụng biên độ giao dịch độc lập khác dựa trên dữ liệu của một doanh nghiệp nộp thuế khác hoặc sử dụng “công ty so sánh không công khai”. Các công ty so sánh không công khai thường dựa trên dữ liệu của các doanh nghiệp nộp thuế khác của Việt Nam mà chỉ cơ quan thuế được truy cập được dữ liệu này. Trong hầu hết các quốc gia, các công ty so sánh được lựa chọn thông qua một phân tích khoa học và kỹ thuật, trong đó, doanh nghiệp nộp thuế và cơ quan thuế có cơ hội trình bày tiêu chí lựa chọn hoặc từ chối một công ty so sánh. Chúng tôi có nhiều quan ngại khi phải sử dụng các công ty so sánh bí mật, cụ thể như được tóm tắt dưới đây:

- Doanh nghiệp nộp thuế bị yêu cầu sử dụng dữ liệu công khai khi bắt đầu giao dịch. Tuy nhiên, cơ quan thuế từ chối áp dụng dữ liệu công khai và sử dụng công ty so sánh không công khai. Điều này làm cho doanh nghiệp nộp thuế không thể chứng minh bản chất độc lập của giao dịch liên kết và cũng tạo cơ hội cho cơ quan thuế có quyền tự ý định đoạt.
- Việc sử dụng công ty so sánh không công khai là một cơ chế mang tính chủ quan và bất công cho doanh nghiệp nộp thuế. Dữ liệu về công ty so sánh không công khai không được công bố cho doanh nghiệp nộp thuế khiến các doanh nghiệp này không thể bảo vệ được công ty so sánh do mình đưa ra hoặc phản biện về cơ sở công ty so sánh được chọn bởi cơ quan thuế. Đây là vi phạm “Nguyên tắc Công lý Tự nhiên”. Cụ thể, quy tắc này mang tính thiên vị và đi ngược lại với nguyên tắc doanh nghiệp nộp thuế có quyền được đối xử công bằng, được lắng nghe trước khi thực hiện bất cứ điều chỉnh chuyển giá nào.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị các cơ quan thuế áp dụng các phương pháp tiến bộ hơn trong công tác áp dụng Nghị định 20 và các quy định mới về chuyển giá. Nghị định 20 hiện đã phù hợp với các quy định chuyển giá quốc tế và công tác thực hiện hành chính cũng cần dựa trên tiêu chuẩn quốc tế. Sổ tay Hướng dẫn về Chuyển giá của Liên Hợp Quốc (UN) và Hướng dẫn về Chuyển giá của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế thế giới (OECD) đều cảnh báo ngăn chặn việc sử dụng công ty so sánh không công khai cho mục đích so sánh giá chuyển nhượng.

Cơ quan thuế cần xem xét kỹ các phân tích mà đã được các doanh nghiệp nộp thuế thực hiện. Chúng tôi khuyến nghị cần nhắc dựa trên ưu điểm và nhược điểm của các công ty so sánh được cung cấp bởi các doanh nghiệp nộp thuế. Các cơ quan thuế cũng cần cung cấp đủ cơ sở để từ chối các công ty so sánh này. Trong trường hợp từ chối, cơ quan thuế cần đề xuất một công ty so sánh tốt hơn dựa trên cơ sở dữ liệu tương tự hoặc một cơ sở dữ liệu công khai khác thay vì sử dụng dữ liệu không công khai mà doanh nghiệp nộp thuế không có khả năng tiếp cận.

Chúng tôi hiểu rằng cơ quan thuế đã xem xét đăng ký cơ sở dữ liệu quốc tế về dữ liệu so sánh cho cả các công ty tư nhân cũng như các công ty đại chúng đã niêm yết và chưa niêm yết. Đây là việc mà chúng tôi luôn khuyến khích.

Nếu các vấn đề nêu trên được giải quyết thì các kết quả sẽ đem lại một sân chơi bình đẳng cho cả hai bên. Các kết quả này có thể tạo ra môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp duy trì kinh doanh ổn định, tăng cường đầu tư tại Việt Nam, đồng thời cũng giúp Chính phủ bảo vệ được cơ sở tính thuế. Chúng tôi hoan nghênh phương pháp tiếp cận khoa học với vấn đề này để phát triển các công ty đa quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam cũng như nâng cao tính tuân thủ của tất cả các doanh nghiệp nói chung.

² Thông tư 66/2010/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Bộ Tài Chính áp dụng đến ngày 30 tháng 4 năm 2016.

³ Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

⁴ Thông tư 41/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 20/2017/NĐ-CP.

II. TÀI LIỆU VÀ CĂN CỨ CHO CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

Cơ quan Chính phủ liên quan: **Tổng Cục Thuế (TCT), Các cơ quan quản lý thuế**

Việc diễn giải và áp dụng các quy định về thuế hiện hành có xu hướng phụ thuộc quá mức vào các tài liệu hỗ trợ mà cơ quan thuế cho là cần thiết, mà thiếu sự quan tâm đúng mức đến thực chất của các giao dịch/hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Mô tả vấn đề

Chúng tôi ghi nhận có thách thức trong việc cân bằng giữa quyền lợi và trách nhiệm của người nộp thuế với nhu cầu duy trì ổn định nguồn thu từ thuế. Tuy nhiên từ thực tế, chúng tôi nhận thấy các cơ quan thuế, trong trường hợp không có đủ quy định hướng dẫn cụ thể, có xu hướng ngày càng áp dụng cứng nhắc các quy định pháp luật, do đó gây nhiều khó khăn hơn cho người nộp thuế. Cụ thể, các doanh nghiệp gặp phải 2 trường hợp chính như sau:

- Cơ quan thuế yêu cầu doanh nghiệp liên tục cung cấp tài liệu không cần thiết để hỗ trợ việc đóng thuế. Trong nhiều trường hợp, loại hình các tài liệu được yêu cầu bổ sung không phù hợp với hoạt động kinh doanh thường quy của công ty.
- Cơ quan thuế diễn giải quy định về thuế một cách cứng nhắc, theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp mà không căn cứ đúng bản chất của giao dịch, kể cả trong trường hợp quyết định không ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc diễn giải và áp dụng các quy định về thuế mà không phù hợp với các nguyên tắc cơ bản được áp dụng rộng rãi trong chính sách thuế hoặc yêu cầu các hình thức tài liệu quá mức thông thường sẽ dẫn tới gánh nặng hành chính và các rủi ro khó dự đoán cho người nộp thuế. Chúng tôi dẫn chứng một số ví dụ tiêu biểu:

- Phí giao dịch giữa các công ty: Bên cạnh các điều kiện Nghị định 20 đặt ra cho khấu trừ chi phí giao dịch giữa các công ty, có những trường hợp cơ quan thuế yêu cầu công ty cung cấp chứng cứ bổ sung để chứng minh hàng hóa, dịch vụ đã được giao nhận. Các hình thức chứng cứ bổ sung là biên bản để cập cụ thể kết quả dịch vụ, đánh giá lợi ích, giá trị đối với hiệu suất của người thụ hưởng dịch vụ, chứng nhận hoàn thành dịch vụ, v.v. tùy thuộc vào loại hình dịch vụ. Trên thực tế trong hoạt động kinh doanh thường quy và liên tục, công ty chỉ giao dịch hàng hóa, dịch vụ qua thư điện tử, điện đàm và tin nhắn mà không theo biểu mẫu cụ thể. Tuy nhiên, khi không thể bổ sung đầy đủ chứng cứ theo biểu mẫu cơ quan thuế yêu cầu, doanh nghiệp có thể bị coi là không cung cấp đủ căn cứ và bị từ chối hoàn chi phí khấu trừ.
- Cơ quan quản lý thuế coi chi phí tiếp thị của nhà sản xuất thực hiện bởi các nhà bán lẻ không có giao dịch trực tiếp với công ty là không liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty, do đó không được tính vào chi phí khấu trừ. Như vậy, cách nhìn của cơ quan quản lý đang giới hạn phân khúc thị trường của nhà sản xuất trong mối tương quan với nhà phân phối trực tiếp mà không bao gồm phân khúc các nhà bán lẻ. Với cách đánh giá này, việc cơ quan thuế nhất quyết yêu cầu cung cấp tài liệu, chuỗi hóa đơn bổ sung để chứng minh chi phí tiếp thị liên quan đến nhà bán lẻ trong một số trường hợp là thiếu linh hoạt, và công ty khó có thể đáp ứng để được hoàn thuế.
- Trong nhiều chi phí liên quan đến giáo dục cho con của người nước ngoài lao động tại Việt Nam, cơ quan thuế chỉ chấp nhận miễn thuế cho khoản học phí. Ngoài ra, mọi khoản phí khác mà người nước ngoài chi trả cho trường học như phí đăng ký học, xe buýt trường học, hoạt động ngoại khóa, bữa ăn tại trường, v.v. đều không được chấp nhận miễn thuế. Cách diễn giải như hiện nay là hạn hẹp và thiếu sự cân bằng với nhiều khoản phí thực tế người nước ngoài phải chi cho trường học, cũng như không đúng với mục đích ban đầu của chính sách thuế là hỗ trợ người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
- Chi phí được ghi nhận mà không phù hợp với doanh thu hoặc báo cáo lệch năm tài chính bị coi là chi phí vĩnh viễn không được khấu trừ, bất kể chi phí thực diễn ra và công ty có đầy đủ hồ sơ chứng minh. Một số ví dụ về chi phí như vậy là: tiền thưởng của năm trước được chi trả trong năm hiện tại nhưng sau thời hạn khai thuế thu nhập doanh nghiệp thường niên; chi phí thấp hơn dồn tích của năm trước; hoàn phí cho những hoạt động của năm trước nhưng chi trả trong năm hiện tại; bổ sung thuế của những năm trước; chênh lệch khấu trừ tài sản cố định hữu hình/vô hình của chi phí; v.v.

Trên đây là một số trường hợp mà cơ quan thuế diễn giải và áp dụng các chính sách thuế còn cứng nhắc, dẫn đến những khoản nợ thuế vô lý của người nộp thuế.

Khuyến nghị

Để đảm bảo một hệ thống quản lý thuế minh bạch, hiệu quả, nhất quán và hỗ trợ khu vực doanh nghiệp tăng trưởng bền vững, chúng tôi khuyến nghị:

- Cơ quan thuế cần hạn chế yêu cầu các tài liệu hỗ trợ theo biểu mẫu không phù hợp và không thuộc quy định pháp luật về thuế thông thường khi xem xét hồ sơ chi phí khấu trừ của công ty.
- Cơ quan thuế cần đảm bảo cân bằng giữa quản lý thuế và hiệu quả kinh doanh đặt trong mối tương quan sự phổ cập công nghệ mới; công nhận các giao dịch/hình thức hoạt động đa dạng của doanh nghiệp; và hướng dẫn thực tế, rõ ràng và nhất quán để hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp tuân thủ lợi ích chung của Chính phủ.

III. CẢI CÁCH HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Tổng Cục Thuế (TCT)

Mô tả vấn đề

Cùng với xu hướng chung trên toàn thế giới là tận dụng công nghệ để tinh giản hóa các thủ tục và nâng cao hiệu suất, năng suất, Chính phủ Việt Nam gần đây đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật để khuyến khích áp dụng hóa đơn điện tử trên toàn quốc, ban đầu dự kiến bắt đầu áp dụng từ ngày 1 tháng 11 năm 2020, hiện đang được đề xuất hoãn lại đến ngày 1 tháng 7 năm 2022.⁵ Ngày 30 tháng 9 năm 2019, Thông tư 68⁶ đã được ban hành và cung cấp hướng dẫn khi thực hiện quy định về hóa đơn điện tử tại Nghị định 119.⁷

Về lâu dài, hóa đơn điện tử sẽ đem lại lợi ích cho không chỉ doanh nghiệp mà cả xã hội nói chung. Chuyển đổi từ hình thức văn bản truyền thống sang hình thức điện tử giúp hóa đơn được xử lý nhanh hơn, hiệu quả hơn. Mọi chi phí liên quan đến in ấn, tem thư, vận chuyển và lưu trữ sẽ được cắt giảm đáng kể. Tận dụng máy tính để đọc dữ liệu giúp giảm tải khối lượng công việc cho con người, hỗ trợ công tác đối chiếu, từ đó rút ngắn thời gian thực hiện giao dịch. Cuối cùng và không kém phần quan trọng, sử dụng hóa đơn điện tử cũng đóng góp vào tăng trưởng xanh, bảo vệ rừng và môi trường.

Tuy nhiên, đối với quy trình áp dụng hóa đơn điện tử đang được đề ra, chúng tôi quan ngại rằng một phần lợi ích ban đầu không được đảm bảo. Cụ thể là hệ thống quản lý, lưu trữ và tiếp nhận tập trung hóa đơn điện tử hiện nay chỉ áp dụng cho hóa đơn điện tử có xác thực của cơ quan thuế.

Bên cạnh đó, mặc dù Ngôn ngữ đánh dấu mở rộng (XML) đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật, người nộp thuế không phải tuân theo bất kỳ mẫu hóa đơn chuẩn nào. Vì không có mẫu hóa đơn với thông tin bắt buộc, người nộp thuế được tự do thiết kế hóa đơn theo các mẫu khác nhau và đưa vào thông tin khác theo ý muốn.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

- Quy định về hóa đơn điện tử hiện nay làm dấy lên mối quan ngại về việc thiếu sự kiểm soát của TCT. Khi không có sự quản lý tương tự bởi TCT đối với các hóa đơn điện tử thông thường, không có mã xác thực rủi ro gian lận và trốn thuế sẽ không thể giảm bớt so với hiện nay. Nguyên nhân là do chỉ TCT, cơ quan chức năng có đủ cơ sở dữ liệu, có thể thực hiện kiểm tra ngay từ ban đầu tình trạng hoạt động của người mua/người bán, truy xuất mọi giao dịch của người nộp thuế, kiểm tra tính hợp pháp về hình thức và nội dung trên hóa đơn, cũng như khả năng tương thích với dữ liệu hiện có của cơ quan quản lý thuế.
- Bên cạnh đó, mục đích giảm tải khối lượng công việc cho con người sẽ không đạt được hoàn toàn nếu không

5 Dự thảo Nghị định quy định về hóa đơn, chứng từ. Xem tại: <https://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/r/cd/dtvtb/ctdtvb;jsessionid=UIWVdKWqD_ef55Sx_BgW_xmlp7o5SexKZ3hDMvtbCK-wCr1Pri771277070118l-964622712?id=15080&_afrLoop=59178607617617509#!%40%40%3F_afrLoop%3D59178607617617509%26centerWidth%3D0%2525%26id%3D15080%26leftWidth%3D100%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D1730gmeox5_4> truy cập ngày 20 tháng 2 năm 2020.

6 Thông tư 68/2019/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hóa đơn điện tử.

7 Nghị định 119/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

có một cấu trúc hóa đơn điện tử thống nhất, cho phép nhập thông tin một cách tự động và định khoản kế toán bằng cách sử dụng các tham chiếu và quy tắc. Cấu trúc này sẽ giảm đáng kể rủi ro nhập sai thông tin đầu vào, vốn là nguyên nhân thường gặp làm tổn chi phí và thời gian cân đối và đối chiếu tài khoản.

- Hình thức hóa đơn điện tử không thống nhất sẽ hạn chế những lợi ích mục tiêu đặt ra ban đầu do doanh nghiệp vẫn phải dành thời gian thực hiện hoạch toán thủ công.

Khuyến nghị

- Một hệ thống quản lý tập trung sẽ giúp giải quyết những vấn đề nêu trên. Theo thông lệ thường thấy tại nhiều quốc gia nơi hóa đơn điện tử đã được áp dụng rộng rãi thành công, ví dụ như nước Ý, cơ quan quản lý thuế cần duy trì hệ thống điện tử xử lý ngay lập tức để tiếp nhận, kiểm tra, duyệt và lưu trữ hóa đơn cho mục đích kiểm tra chéo và kiểm toán. Rủi ro chi phí không được khấu trừ do hóa đơn không hợp pháp hoặc không hợp lệ sẽ được loại bỏ hiệu quả.
- Quy định pháp luật cần quy định một mẫu hóa đơn chuẩn áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp. Như vậy, thông tin trao đổi giữa các công ty cũng sẽ hiệu quả hơn rất nhiều. Cấu trúc hóa đơn tương đồng cũng hỗ trợ xử lý và lưu trữ tự động hóa đơn điện tử. Công tác quản lý, giám sát của TCT cũng sẽ tinh gọn, hiệu quả hơn.
- Theo Thông tư 68/2019/TT-BTC, TCT có trách nhiệm cung cấp hướng dẫn cụ thể cho việc sử dụng định dạng XML của hóa đơn điện tử. Tuy nhiên, hiện nay hướng dẫn này vẫn chỉ là dự thảo. Chúng tôi đề nghị các cơ quan Chính phủ cung cấp thông tin hướng dẫn trong thời gian sớm nhất có thể để mọi doanh nghiệp có thể xây dựng hệ thống công nghệ thông tin kịp thời. Chúng tôi muốn lưu ý rằng với những doanh nghiệp có bộ máy phức tạp, việc xây dựng hệ thống có thể mất tới hơn m năm để hoàn thành và áp dụng hiệu quả.

IV. THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Chính phủ, Bộ Tài chính (BTC), Bộ Công Thương (BCT)

Mô tả vấn đề

Luật Quản lý Thuế 2019 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2020, đã đưa vào các quy định quản lý thuế cho hoạt động giao dịch thương mại điện tử. Sau đây chúng tôi sẽ trình bày cụ thể các vấn đề liên quan đến khoản 4, Điều 42.

Điều 42. Nguyên tắc khai thuế, tính thuế

[...] 4. Đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Phạm vi áp dụng thuế cho hoạt động thương mại điện tử

Chúng tôi hiểu rằng quy định này được đặt ra với mục đích áp dụng cho các giao dịch thương mại điện tử. Tuy nhiên, việc giao dịch như thế nào nằm trong phạm vi áp dụng quy định này vẫn chưa rõ ràng và có thể gây hiểu lầm.

Cụ thể, Điều 42.4, các hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam sẽ phải đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam. Điều này dẫn tới một số câu hỏi như sau:

- Ví dụ 1: Nếu người nộp thuế không có cơ sở thường trú thực hiện giao dịch bán hàng cho một nhà phân phối Việt Nam, và làm việc với nhà phân phối đó thông qua thư điện tử hoặc hình thức giao tiếp điện tử khác mà không đăng ký thuế tại Việt Nam, việc kinh doanh hàng hóa này trên các hình thức giao tiếp điện tử khác có thuộc phạm vi quản lý của quy định này không;
- Ví dụ 2: Nếu người nộp thuế không có cơ sở thường trú cung cấp dịch vụ quản lý hoặc một dịch vụ chia sẻ khác thông qua hình thức giao tiếp điện tử (thư điện tử, dịch vụ lưu trữ đám mây) với đối tác có trụ sở tại Việt Nam, người nộp thuế không có cơ sở thường trú có cần đăng ký thuế tại Việt Nam hay không.

Trong Nghị định 52 về Thương mại điện tử, Điều 3.1 định nghĩa như sau: “Hoạt động thương mại điện tử là việc tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình của hoạt động thương mại bằng phương tiện điện tử có kết nối với mạng Internet, mạng viễn thông di động hoặc các mạng mở khác”. Trong khi Nghị định 52 chỉ quy định về giao dịch thương mại điện tử nội địa trên lãnh thổ Việt Nam, quy định tại Luật Quản lý Thuế 2019 có thể được hiểu rộng hơn rất nhiều, và có khả năng sẽ được áp dụng cho mọi giao dịch thương mại điện tử. Hoạt động mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thông qua hình thức giao tiếp điện tử rất rộng, vì vậy bất kỳ giao dịch điện tử nào cũng có thể thuộc phạm vi áp dụng.

Các loại thuế áp dụng cho giao dịch thương mại điện tử

Điều 42.4 cũng yêu cầu nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam.

Để đảm bảo việc tuân thủ, EuroCham khuyến nghị TCT nên làm rõ những loại thuế nào nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam phải trả trong trường hợp này, và thủ tục khai thuế, nộp thuế như thế nào. Chúng tôi đề nghị xác nhận liệu có thể áp dụng các điều ước quốc tế về thuế thay cho việc đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế này không.

Quy định về thành lập cơ sở thường trú tại Việt Nam

Một điểm quan trọng khác cần làm rõ là yêu cầu đăng ký thuế theo Điều 42.4 có đi kèm việc thành lập cơ sở thường trú cho doanh nghiệp hoạt động thương mại điện tử mà không có cơ sở thường trú tại Việt Nam hay không.

Chúng tôi dẫn chứng Điều 2.1.(d) của Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, theo đó định nghĩa về cơ sở thường trú của doanh nghiệp nước ngoài là: “cơ sở sản xuất, kinh doanh mà thông qua cơ sở này, doanh nghiệp nước ngoài tiến hành một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam”.

Chúng tôi đề nghị làm rõ việc đăng ký thuế theo Điều 42.4 của Luật Quản lý Thuế 2019 có tương đồng việc thành lập cơ sở thường trú cho doanh nghiệp không có cơ sở thường trú hay không. Chúng tôi muốn đề cập rằng thực thi quy định này không được mặc định coi là thành lập cơ sở thường trú cho doanh nghiệp. Chúng tôi hy vọng định nghĩa về thành lập cơ sở thường trú của doanh nghiệp nước ngoài được giữ nguyên theo Thông tư 78.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Những quy định mới về thương mại điện tử trong Luật Quản lý Thuế 2019 được đặt ra với mục đích đưa các hoạt động kinh tế số vào quản lý, xuất phát từ quan điểm rằng phần thuế mà doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trên nền tảng điện tử đóng góp tại Việt Nam là chưa công bằng. Tuy nhiên, những quy định này có thể có phạm vi áp dụng rộng hơn mục đích ban đầu do khung pháp lý về thương mại điện tử chưa hoàn thiện.

Khuyến nghị

Chúng tôi được biết Bộ Tài chính và đặc biệt là Tổng Cục Thuế đang tập trung xây dựng, hoàn thiện các dự thảo nghị định, thông tư để cung cấp hướng dẫn cho những vấn đề cần làm rõ trong Luật Quản lý Thuế 2019.

Trong thời điểm này, chúng tôi cấp thiết đề nghị bổ sung hướng dẫn về phạm vi và cách áp dụng các quy định mới về thuế cho hoạt động thương mại điện tử, để đảm bảo thông tin rõ ràng cho người nộp thuế không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cũng như cho các đối tác, khách hàng và người tiêu dùng trên toàn lãnh thổ tại Việt Nam.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Thuế & Chuyển giá thuộc EuroCham



CHƯƠNG 12 **VẬN TẢI VÀ HẬU CẦN**

TỔNG QUAN

Tiểu ban Vận tải & Hậu cần thuộc EuroCham đánh giá cao những nỗ lực không ngừng của Chính phủ trong những năm gần đây nhằm cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông vận tải và các thủ tục xuất-nhập khẩu của Việt Nam. Với những điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, nguồn nhân công, môi trường chính trị ổn định, lĩnh vực sản xuất của Việt Nam đã tăng trưởng mạnh, tương ứng với kim ngạch xuất nhập khẩu.

Cơ sở hạ tầng hậu cần chất lượng cao và thủ tục hải quan hiệu quả, nhanh chóng là hai mục tiêu chính Việt Nam cần đạt được để tiếp tục thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài; gia tăng năng lực cạnh tranh so với các quốc gia trong khu vực; kết nối các công ty nội địa vào chuỗi cung ứng toàn cầu và trở thành trung tâm vận tải của khu vực ASEAN.

I. CƠ SỞ HẠ TẦNG

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Công Thương (BCT), Bộ Giao thông Vận tải (BGTVT), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT)

Các thành viên EuroCham hoàn toàn ủng hộ Quyết định 708 phê duyệt Kế hoạch cải thiện Chỉ số Hiệu quả Logistics của Việt Nam (Kế hoạch của BCT).¹ Cơ sở hạ tầng giao thông đã được xác định là một trong những mục tiêu chính mà Chính phủ cần giải quyết để giảm thiểu chi phí hậu cần. Quyết định này đã cho thấy quyết tâm của Chính phủ trong việc cải thiện cơ sở hạ tầng hậu cần giao thông và hậu cần của đất nước.

Chúng tôi cũng hoan nghênh Quyết định 1012 phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030,² trong đó cung cấp các giải pháp để xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông vận tải; hiện đại hóa hệ thống nhà ga, bến cảng, kho bãi; sử dụng hiệu quả quỹ đất. Những giải pháp này nhằm mục đích đảm bảo kết nối thuận tiện giữa các trung tâm logistics với khu vực sản xuất, các địa bàn tiêu thụ và các đầu mối giao thông, đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của các trung tâm logistics.

Một khảo sát của Tiểu ban Vận tải & Hậu cần vào năm 2018 đã chỉ ra những vấn đề mà hầu hết các doanh nghiệp đều quan tâm khi sử dụng các hệ thống cơ sở hạ tầng tại Việt Nam.³ Chúng tôi mong muốn được làm việc với các Bộ ngành liên quan để xây dựng đánh giá năm đầu tiên về kết quả thực hiện hàng năm. Các thành viên EuroCham sẵn sàng thảo luận chi tiết hơn về các nội dung cụ thể. Các khuyến nghị dưới đây đại diện cho một số lĩnh vực trọng tâm cụ thể trong hiện tại, nhưng chúng tôi có thể chuẩn bị các báo cáo phân tích chi tiết theo cách tương tự cho mỗi và mọi mục tiêu/nhiệm vụ mà BCT đã đề ra.

Mô tả vấn đề

Kế hoạch của BCT đặt ra để cải thiện Chỉ số Hiệu quả Logistics của Việt Nam đã bao quát phần lớn các vấn đề được đề cập tại chương Vận tải và Hậu cần, Sách Trắng năm 2018. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy còn nhiều điều có thể được thực hiện về khía cạnh đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường vì những nội dung này còn khá giới hạn trong bản Kế hoạch.

Một vấn đề chính cản trở phát triển của ngành logistics hiện nay là tình trạng thiếu kho bãi/khu đất hậu cần để

1 Quyết định 708/QĐ-BCT ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Bộ Công Thương phê duyệt Kế hoạch cải thiện Chỉ số Hiệu quả Logistics của Việt Nam

2 Quyết định 1012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

3 Sách Trắng 2019, EuroCham, Chương 11. Vận tải và Hậu cần, trang 113-114.

tạo điều kiện phát triển các trung tâm phân phối/hậu cần có chất lượng, đặc biệt là khu vực ngoại ô Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Trong khi đó, người tiêu dùng Việt Nam ngày càng yêu cầu hàng hóa chất lượng cao hơn, đa dạng hơn và giao hàng nhanh hơn. Điều này đặt ra một thách thức đáng kể trong việc tìm kiếm không gian và địa điểm để làm kho bãi và khu phân phối hàng hóa. Khu vực đô thị của Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội khó có thể đáp ứng nhu cầu kho bãi ngày càng cao. Giá thị trường trong 2 năm gần đây đối với không gian kho bãi (kho dưới 5 năm tuổi) cách Thành phố Hồ Chí Minh 1 giờ di chuyển đã tăng khoảng 90%, nhưng khả năng đáp ứng hiện tại vẫn rất hạn chế.⁴ Ngoài ra, một khó khăn đáng chú ý khác là nhiều chủ đất không đồng ý cho thuê riêng phần kho bãi mà muốn vận hành toàn bộ khu vực hoặc ít nhất có thể kết hợp nhiều dịch vụ trong quá trình hoạt động. Vấn đề thuê đất để cập như trên là một cản trở lớn đối với các nhà cung cấp dịch vụ hậu cần tư nhân và nước ngoài vì giảm tính cạnh tranh thực sự trên thị trường trong bối cảnh các lựa chọn kho bãi và hoạt động bị hạn chế và kiểm soát bởi một số ít nhà cung cấp, chưa kể việc vận hành là giá trị cốt lõi của các nhà cung cấp dịch vụ hậu cần. Tính thiếu cạnh tranh trong một thị trường đang phát triển nhanh chóng như Việt Nam chắc chắn sẽ khiến giá thuê kho bãi tiếp tục ở mức cao.

Trong bối cảnh EVFTA đã được Quốc hội Việt Nam thông qua và sớm đi vào hiệu lực, Chính phủ cần đảm bảo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thương mại và logistics nhằm hỗ trợ hoạt động xuất, nhập khẩu để Việt Nam có thể tận dụng đầy đủ các lợi ích mà Hiệp định này đem lại.

Khuyến nghị

- Chính phủ cần mạnh mẽ thực hiện vai trò giám sát để không chỉ đảm bảo phân bổ nguồn lực hiệu quả mà còn đảm bảo tính an toàn và bền vững với môi trường của các công trình hạ tầng. Điều này cũng sẽ góp phần củng cố lòng tin của các doanh nghiệp và cộng đồng, cũng như nâng cao hình ảnh của Việt Nam trong việc thu hút đầu tư nước ngoài trong tương lai; và
- Thúc đẩy:
 - Tính khả dụng của các khu vực được thiết kế rõ ràng cho mục đích kho bãi để tạo điều kiện phát triển trực tiếp hoặc hợp tác phát triển với chủ đầu tư dự án công nghiệp được công nhận;
 - Các điều kiện thị trường mở để đảm bảo giá đất không quá cao như hiện tại hoặc gia tăng trong tương lai;
 - Phân tách rõ ràng việc cấp giấy phép kinh doanh cho chủ sở hữu khu công nghiệp và nhà cung cấp dịch vụ để đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường kho bãi và các giải pháp dịch vụ; và
 - Giải phóng khu vực thông thoáng trong phạm vi 1 giờ di chuyển từ các đô thị, tạo điều kiện cho dịch vụ giao nhận đáp ứng nhanh chóng nhu cầu của người tiêu dùng, đặc biệt là các giải pháp thương mại điện tử;
 - Các Bộ, ngành và địa phương có kế hoạch và văn bản hướng dẫn để đảm bảo thực hiện theo đúng quy hoạch tại Quyết định 1012, nhằm góp phần phục vụ cho việc sản xuất, tiêu dùng hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu, thúc đẩy phát triển kinh tế xã chung của cả nước; và
 - Chính phủ đảm bảo các chính sách hỗ trợ thuận lợi cho phát triển cơ sở hạ tầng, cạnh tranh minh bạch và công bằng trong ngành logistics, nhằm có sự chuẩn bị để tận dụng lợi ích từ EVFTA cũng như thu hút nhiều hơn đầu tư trực tiếp nước ngoài hướng tới phát triển bền vững và đầu tư ổn định vào lĩnh vực này.

⁴ Thông tin tổng hợp từ dữ liệu thị trường và báo cáo chuyên ngành, ví dụ Báo cáo Quý 4 năm 2019 của Cushman & Wakefield's Marketbeat. Xem tại: <<https://www.cushmanwakefield.com/en/vietnam/insights/ho-chi-minh-city-marketbeat>> truy cập ngày 23 tháng 1 năm 2020.

II. HẢI QUAN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Tổng Cục Hải quan (TCHQ)

1. Trị giá hải quan

I. Tham vấn trị giá hải quan

Mô tả vấn đề

Tính minh bạch, có thể dự báo được và áp dụng nhất quán các quy định hải quan là những yếu tố chính yếu khi doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp đa quốc gia, cân nhắc đầu tư dài hạn vào Việt Nam. Trong quá trình tham vấn trị giá hải quan, các doanh nghiệp thành viên của chúng tôi ghi nhận vẫn còn băn khoăn liệu giá trị được khai báo có được cơ quan hải quan chấp nhận hay không, do đó cản trở doanh nghiệp lên kế hoạch tài chính.

Khuyến nghị

Áp dụng phương pháp cởi mở, minh bạch này sẽ giúp nhà nhập khẩu hiểu rõ khó khăn của cơ quan hải quan, cho phép họ tiếp cận hồ sơ chứng từ và cung cấp lý giải để thuyết phục cơ quan hải quan chấp nhận giá trị được khai báo. Điều này cũng giúp doanh nghiệp hiểu quy định về trị giá hải quan nào được cơ quan hải quan diễn giải và áp dụng.

EuroCham ủng hộ Quyết định 1404/QĐ-TCHQ ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Tổng Cục Hải quan đưa vào áp dụng trên toàn quốc một trình tự cho phép nhà nhập khẩu thường xuyên có giao dịch được nộp hồ sơ tham vấn một lần và sử dụng nhiều lần. EuroCham khuyến nghị rằng kết quả tham vấn trị giá hải quan này nên có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng. Nếu giá trị khai báo trong khoảng thời gian 12 tháng không vượt quá ngưỡng giới hạn (ví dụ +/-5%) thì không yêu cầu doanh nghiệp tham vấn lại.

II. Điều chỉnh giá chuyển nhượng giữa các bên có quan hệ đặc biệt

Mô tả vấn đề

Phương pháp xác định giá chuyển nhượng được sử dụng để xác định giá giữa các bên có thể dẫn tới yêu cầu nhà nhập khẩu hoặc xuất khẩu điều chỉnh giá trị hóa đơn trong quá khứ dựa trên các tiêu chí được chỉ định.

Khuyến nghị

- Cơ quan hải quan cần công bố chỉ dẫn/khung áp dụng trên toàn quốc để hướng dẫn nhà nhập khẩu/xuất khẩu xử lý trong tình huống hồi tố những điều chỉnh liên quan đến giá chuyển nhượng, cụ thể là làm rõ liệu thông tin khai báo xuất khẩu/nhập khẩu đã được đăng ký trước đây có cần khai báo lại không.
- Nhằm điều chỉnh phù hợp với thông lệ quốc tế được áp dụng bởi các cơ quan hải quan trong khu vực, EuroCham khuyến nghị cơ quan hải quan Việt Nam cho phép nhà xuất khẩu/nhập khẩu được tự nguyện công khai những điều chỉnh của giá chuyển nhượng mà không xử phạt khi doanh nghiệp tự nguyện công khai; và điều chỉnh hệ thống hải quan thích ứng với việc điều chỉnh giá chuyển nhượng hàng loạt (thay vì yêu cầu điều chỉnh riêng lẻ từng phần trong khai báo xuất khẩu/nhập khẩu).

2. Phân loại mã số HS: Quyết định và thông báo

Mô tả vấn đề

Chúng tôi trân trọng những nỗ lực của Hải quan Việt Nam trong việc tăng cường sự nhất quán trong việc áp dụng mã HS trên toàn quốc, ví dụ như ban hành Quyết định 583 về danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rũi ro về phân loại hàng hóa.⁵ Tuy nhiên, các doanh nghiệp thành viên chúng tôi vẫn quan ngại vì không có quy tắc lý giải việc phân loại nào cũng như trích dẫn quy định pháp luật được áp dụng khi các quyết định phân loại mã số HS được ban hành

⁵ Quyết định 583/QĐ-TCHQ ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Tổng Cục Hải quan quy định Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rũi ro về phân loại hàng hóa.

Việc bổ sung thông tin sẽ đảm bảo nâng cao tính minh bạch trong các quyết định Tổng Cục Hải quan (TCHQ) đưa ra; cho phép doanh nghiệp làm theo hướng dẫn để tự đánh giá mã số HS nào là phù hợp cho hàng hóa họ nhập khẩu vào Việt Nam và xuất khẩu từ Việt Nam; và từ đó có thể giúp giảm tải gánh nặng của TCHQ trong việc hướng dẫn phân loại mã số HS.

Khuyến nghị

- TCHQ nên nêu rõ quy tắc lý giải việc phân loại được áp dụng khi phân loại mã số HS;
- Cơ quan Hải quan cần tiếp tục thực hiện công bố trên trang thông tin chính thức của mình (bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh) tất cả các tài liệu phân loại hợp pháp (được ban hành trong vòng 5 năm gần nhất) - tối thiểu phải bao gồm các tài liệu đã được liệt kê và cam kết công bố tại Điều 6, Thông tư 14.⁶

3. Hàng hóa sản xuất/gia công cho xuất khẩu: Cập nhật pháp lý

Các doanh nghiệp thành viên EuroCham tiếp tục hy vọng Nghị định sửa đổi Nghị định 134/2016/NĐ-CP⁷ sẽ sớm được ban hành trên tinh thần sau:

- Về hàng hóa sản xuất/gia công xuất khẩu tại chỗ, áp dụng cho tất cả hàng hóa xuất khẩu được thực hiện theo hình thức xuất, nhập khẩu tại chỗ kể từ tháng 9 năm 2016; và
- Về hàng hóa được sản xuất/gia công thuê ngoài một phần/hoàn toàn cho xuất khẩu tại chỗ, cung cấp hướng dẫn cụ thể về tiêu chí để nhà nhập khẩu được hoàn thuế hải quan, cũng như quy trình hải quan hợp lý cho các bên.

4. Tạo thuận lợi thương mại: Các luồng hàng thông quan

Với việc ban hành Thông tư 81 quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan⁸ và dữ liệu bổ sung cơ quan hải quan đã tổng hợp để đánh giá rủi ro, các thành viên EuroCham hy vọng thời gian thông quan sẽ được rút ngắn đáng kể.

Cụ thể, dựa vào hệ thống thông tin dữ liệu mở rộng mà cơ quan hải quan nắm giữ hiện nay, chúng tôi hy vọng nhiều khai báo xuất khẩu-nhập khẩu sẽ được xếp vào luồng xanh; giảm số lượng trên luồng vàng (rà soát hồ sơ cho mục đích hải quan); cũng như giảm số lượng hàng hóa trên luồng đỏ (rà soát hồ sơ và kiểm tra hàng hóa).

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Vận tải & Hậu cần thuộc EuroCham

⁶ Thông tư 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 1 năm 2015 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn phân loại hàng hóa, phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu.

⁷ Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ cung cấp hướng dẫn về Luật liên quan đến Thuế Xuất khẩu và Nhập khẩu.

⁸ Thông tư 81/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

CÁC VẤN ĐỀ CỦA NGÀNH

PHẦN 2

CHƯƠNG 13 MỸ PHẨM

TỔNG QUAN

Tiểu ban Mỹ phẩm thuộc EuroCham là một tổ chức của các công ty thành viên hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm trong các lĩnh vực liên quan đến Mỹ phẩm. Các hoạt động chính của Tiểu ban Mỹ phẩm tập trung vào các hoạt động về chính sách và hợp tác với các bên liên quan chính như Chính phủ Việt Nam để xây dựng khung pháp lý và nền tảng triển khai hiệu quả. Bên cạnh đó, Tiểu ban Mỹ phẩm cũng được thành lập để nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về sử dụng mỹ phẩm; đào tạo người tiêu dùng về sử dụng mỹ phẩm, chia sẻ kiến thức khoa học, v.v.

Trong năm 2018, thị trường mỹ phẩm toàn cầu tăng trưởng ước tính 5,5% so với năm trước, trong đó châu Á-Thái Bình Dương trở thành khu vực dẫn đầu ngành, chiếm khoảng 40% thị trường toàn cầu¹. Ngày nay, ngành công nghiệp làm đẹp đã được chứng minh là tăng trưởng nhanh hơn bao giờ hết với giá trị ước tính là 535 tỷ Đô-la Mỹ.² Thị trường mỹ phẩm Việt Nam ước tính đạt 2,3 tỷ Đô-la Mỹ với mức tăng trưởng hàng năm ước tính là 5,3% trong giai đoạn 2020-2023.³ Nhiều hãng mỹ phẩm đã nằm trong top 10 công ty quảng cáo nhiều nhất và ước tính lĩnh vực này sẽ duy trì mức tăng trưởng hai con số trong những năm tới.

Ngoài ra, sự xuất hiện ngày càng nhiều của các vlogger làm đẹp chia sẻ hướng dẫn trên YouTube và đăng bài về những loại mỹ phẩm mà họ yêu thích trên các kênh truyền thông xã hội tiếp tục thay đổi cách người tiêu dùng khám phá các sản phẩm mới và tương tác với các thương hiệu, tác động đáng kể đến sự phát triển của thương mại điện tử và thương mại xã hội tại Việt Nam. Ngành công nghiệp làm đẹp tiếp tục thiết lập những xu hướng làm đẹp từ năm này qua năm khác, giúp ngành này tiếp tục phát triển, tạo ra hàng nghìn việc làm và đóng góp đáng kể vào việc đạt được các mục tiêu kinh tế-xã hội của đất nước.

Để duy trì tốc độ tăng trưởng, Ngành công nghiệp Mỹ phẩm đã tiên phong trong các hoạt động đổi mới, sản xuất và phát triển bền vững trong quá trình tăng trưởng chiến lược. Các thành viên Tiểu ban Mỹ phẩm thuộc EuroCham đang thực hiện các chương trình toàn quốc,⁴ đó là một cam kết lâu dài với các mục tiêu phát triển bền vững của là những cam kết lâu dài đối với các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam. Các công ty mỹ phẩm đã tham gia sâu hơn vào nhiều dự án nghiên cứu khoa học với các giải thưởng được quốc tế công nhận.

Một ví dụ điển hình là là chương trình được thực hiện cùng UNESCO cho Phụ nữ trong Khoa học⁵ lần đầu tiên đã tạo điều kiện cho nhiều nhà khoa học nữ của Việt Nam kết nối với cộng đồng khoa học thế giới, và trong khuôn khổ của giải thưởng này, 3 nhà khoa học nữ của Việt Nam đã được quốc tế công nhận trong giai đoạn 2016-2019. Hơn nữa, một thành viên khác của Tiểu ban Mỹ phẩm, với 35 triệu sản phẩm tiêu thụ mỗi ngày tại Việt Nam, không chỉ giúp cải thiện điều kiện sống, sức khỏe và sắc đẹp cho tất cả người Việt Nam mà còn hỗ trợ tạo ra hơn 15.000 việc làm trên cả nước. Công ty này cũng cam kết đầu tư vào các chương trình xã hội, cộng đồng và được đánh giá cao khi đóng góp cho sự phát triển xã hội Việt Nam bằng cách đưa ra một kế hoạch phát triển bền vững,⁶ giúp hơn 21 triệu người cải thiện sức khỏe, phúc lợi và sinh kế trong thời gian dài dự án hợp tác thực hiện với chính phủ và tổ chức phi chính phủ.

1 "Thị trường mỹ phẩm-Thế giới làm đẹp năm 2018", *Báo cáo tài chính L'Oreal*. Xem tại: <<https://www.loreal-finance.com/en/annual-report-2018/cosologists-market-2-1/>> truy cập lần cuối ngày 20 tháng 1 năm 2020.

2 Pamela N. Danziger, "6 xu hướng định hình tương lai của doanh nghiệp làm đẹp trị giá \$ 535B", *Forbes*, ngày 1 tháng 9 năm 2019. Xem tại: <<https://www.forbes.com/sites/pamdanziger/2019/09/01/6-trends-shaping-the-future-of-the-532b-beauty-business/#772b75588d79>> truy cập lần cuối ngày 20 tháng 1 năm 2020.

3 "Tập đoàn Lotus, Matsumoto Kiyoshi bắt tay mở rộng kinh doanh tại Việt Nam", *Thời báo Sài Gòn*, ngày 18 tháng 12 năm 2019. Xem tại: <<https://english.thesaigontimes.vn/73594/lotus-group-matsumoto-kiyoshi-shake-hands-to-expand-business-in-vietnam-.html>> truy cập lần cuối ngày 20 tháng 1 năm 2020.

4 Việt Nam Sharing Beauty With All (Chia sẻ cái đẹp) của L'Oreal. Xem tại: <https://www.loreal.com/loreal-sharing-beauty-with-all> truy cập lần cuối ngày 20 tháng 1 năm 2020; Sustainable Living Plan (Kế hoạch sống bền vững) của Unilever. Xem tại: <<https://www.unilever.com/s/Bền-vững-live/our-strategy/>> truy cập lần cuối ngày 20 tháng 1 năm 2020; Societal Engagement (Cam kết xã hội) của Bayer (BASE). Xem tại: <<https://www.bayer.com/en/societal-engagement.aspx>>, truy cập lần cuối ngày 20 tháng 1 năm 2020.

5 Phụ nữ trong Khoa học (For woman in Science) của L'Oreal. Xem tại: <<https://www.forwomeninscience.com/en/home>> truy cập lần cuối ngày 20 tháng 1 năm 2020.

6 Unilever Sustainable Living Plan (Kế hoạch sống bền vững) của Unilever. Xem tại: <<https://www.unilever.com/s/Bền-vững-live/our-strategy/>> truy cập lần cuối ngày 20 tháng 1 năm 2020.

Ngành công nghiệp mỹ phẩm đang ngày càng bị chi phối bởi Thế hệ Y (những người sinh ra từ khoảng năm 1980 đến những năm đầu thập niên 2000), là những người sẵn sàng chi nhiều hơn mức 4 Đô-la Mỹ/người cho các sản phẩm chất lượng tốt với mức giá mục tiêu. Tuy nhiên, các cơ quan hữu quan vẫn đang gặp khó khăn trong việc quản lý hàng giả và buôn lậu mỹ phẩm. Mỹ phẩm giả và buôn lậu đã được đưa vào Việt Nam tràn lan và không thể kiểm soát được thông qua đường hàng không và đường bộ; và được bán ra trên các nền tảng xã hội và thương mại điện tử. Sự không rõ ràng khi không áp dụng thuế đối với cửa hàng cá nhân trên các nền tảng xã hội và thương mại điện tử như Lazada và Shopee đã dẫn đến môi trường kinh doanh không công bằng cho các thành viên trên thị trường mỹ phẩm. Ngoài ra, yêu cầu Giấy Chứng nhận Lưu hành Tự do (CFS) đối với tất cả các công ty mỹ phẩm nhập khẩu khiến ngành này dễ gặp rủi ro hơn và làm cho thị trường rơi vào tay những người buôn lậu mỹ phẩm và các đại lý mỹ phẩm giả mạo với khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường. Điều này là do quy trình hành chính kéo dài trong việc nhập khẩu mỹ phẩm chính hãng và yêu cầu phê duyệt trước quảng cáo nghiêm ngặt, đây là một rào cản hành chính cho các công ty mỹ phẩm chính hãng.

Sau khi được thành lập vào năm 2019, các thành viên của Tiểu ban Mỹ phẩm đã tích cực làm việc với các cơ quan hữu quan để nêu ra và tìm giải pháp cho những thách thức mà thành viên gặp phải. Các hoạt động tiêu biểu bao gồm tham gia các cuộc họp cấp cao giữa EuroCham và các cơ quan Chính phủ liên quan, đóng góp vào phần trình bày của EuroCham cho Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam Thường niên 2019, Đối thoại với Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính của Thủ tướng Chính phủ với cộng đồng doanh nghiệp châu Âu.

Mặc dù đã chủ động làm việc với các cơ quan hữu quan để tìm kiếm các giải pháp như đã kể cập ở trên nhưng ngành mỹ phẩm vẫn cần được tạo điều kiện thuận lợi hơn từ các cơ quan nhà nước có liên quan để có được thị phần cao hơn trong ngành công nghiệp làm đẹp của Việt Nam, đóng góp đáng kể vào chiến lược tăng trưởng đầy tham vọng của Việt Nam để đạt được các mục tiêu kinh tế-xã hội.

Dưới đây là một số vấn đề quan trọng nhất đối với các thành viên của chúng tôi cùng với các khuyến nghị cụ thể.

I. YÊU CẦU GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO TỪ CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU CHO MỸ PHẨM NHẬP KHẨU VÀO VIỆT NAM

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT)

Mô tả vấn đề

Điều 4 Thông tư 06/2011/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 21 tháng 6 năm 2016 (“Thông tư 06”)⁷ yêu cầu nộp CFS do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp khi làm thủ tục công bố sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu.

CFS chỉ là giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu hoặc nước sản xuất cấp để chứng nhận mỹ phẩm đó có thể được bán tại nước xuất khẩu. Giấy chứng nhận này không chứng nhận về chất lượng cũng như sự an toàn của sản phẩm. Trong nhiều trường hợp, sản phẩm được cấp CFS không thực sự được lưu hành tại quốc gia cấp CFS. Vì vậy, việc yêu cầu phải nộp CFS khi công bố sản phẩm mỹ phẩm không đảm bảo chất lượng, an toàn của sản phẩm mà lại là gánh nặng thủ tục hành chính không cần thiết.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Trong nhiều trường hợp, các nước xuất khẩu không thể cấp CFS đáp ứng tất cả các yêu cầu của Việt Nam và doanh nghiệp mỹ phẩm mất cơ hội kinh doanh ở thị trường Việt Nam.

Việc loại bỏ yêu cầu CFS cho tất cả sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu sẽ hoàn toàn phù hợp với kế hoạch cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ.

⁷ Thông tư 06/2011/TT-BYT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm.

Khuyến nghị

Doanh nghiệp mỹ phẩm rất ủng hộ phương thức quản lý theo hình thức hậu kiểm và đề xuất loại bỏ yêu cầu nộp CFS cho mỹ phẩm nhập khẩu từ tất cả các nước. Tại buổi Đối thoại giữa EuroCham và Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính của Thủ tướng Chính phủ vào ngày 12 tháng 12 năm 2019 vừa qua, chúng tôi ghi nhận phản hồi của Bộ Y tế rằng yêu cầu CFS sẽ được bãi bỏ cho 11 nước thành viên của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Đối với các quốc gia khác, sẽ có kế hoạch, lộ trình cụ thể để trình Bộ Y tế phê duyệt. Chúng tôi khuyến nghị Bộ Y tế mở rộng phạm vi áp dụng bãi bỏ yêu cầu CFS cho mỹ phẩm nhập khẩu từ tất cả các quốc gia, đặc biệt đối với các quốc gia thành viên Liên minh châu Âu, trong bối cảnh EVFTA đã được thông qua và sớm đi vào hiệu lực.

II. QUẢN LÝ CÁC NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VỚI SỰ THAM GIA CỦA NHỮNG NGƯỜI KHÔNG ĐĂNG KÝ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Chính phủ (CP), Cục Thương mại Điện tử và Kinh tế Số (CTMĐT&KTS), Cục Quản lý Cạnh tranh (CQLCT)

Mô tả vấn đề

Chính phủ đã đạt được một số tiến bộ nhất định trong việc quản lý "Mall", nơi mà chỉ có sản phẩm chính hãng được bán ra trên các trang thương mại điện tử theo Nghị định 52/2013/NĐ-CP⁸ về Thương mại điện tử. Tuy nhiên, các cửa hàng trực tuyến tư nhân hoạt động tự do mà không cần tuân thủ bất kỳ quy định nào về thuế, giấy phép kinh doanh hoặc đăng ký kinh doanh có điều kiện.

Đặc biệt trong ngành công nghiệp mỹ phẩm, nhờ sự phát triển của thương mại điện tử, tất cả mọi người, bao gồm cả những người không phải là chủ sở hữu của sản phẩm hoặc nhà phân phối đăng ký đều có thể bán mỹ phẩm. Họ không cần phải đăng ký các sản phẩm mà họ kinh doanh và cũng không phải tuân thủ các quy định từ Bộ Y tế, cũng như không chịu bất kỳ một loại thuế nào khi bán hàng trên các trang thương mại điện tử.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

- Điều này đã dẫn đến sự cạnh tranh không lành mạnh trong môi trường kinh doanh cho các nhà đầu tư nước ngoài, chủ sở hữu thương hiệu đã đăng ký và phân phối các sản phẩm của họ qua đó tạo ra những lợi thế cạnh tranh không công bằng cho những người bán trong ngành công nghiệp mỹ phẩm;
- Thất thoát thuế cho Chính phủ;
- Các nền tảng bán hàng điện tử có chế độ ẩn danh các đơn vị bán hàng, vì vậy mà sẽ rất khó để khách hàng có thể yêu cầu đổi trả hàng hóa khi nhận phải hàng hóa kém chất lượng khi mua qua trang thương mại điện tử này.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ có các giải pháp rõ ràng để tăng cường hiệu quả quản lý trên nền tảng thương mại điện tử nhằm tạo ra một môi trường kinh doanh công bằng và lành mạnh hơn cho các bên tham gia kinh doanh mỹ phẩm, đặc biệt là những bên đang tuân thủ pháp luật.

8 Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về Thương mại điện tử.

III. MIỄN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT) ĐỐI VỚI HÀNG HÓA QUYỀN GÓP CHO CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ.

Cơ quan Chính phủ liên quan: Tổng Cục Hải quan (TCHQ), Các Cơ quan Hải quan

Mô tả vấn đề

Theo Điều 4.19.b Thông tư 219/2013/TT-BTC⁹ về đối tượng không chịu thuế GTGT bao gồm tất cả các sản phẩm nhập khẩu được tặng cho các tổ chức chính trị-xã hội thực hiện theo quy định của pháp luật về quà biếu, quà tặng. Tuy nhiên, nếu các sản phẩm được nhập khẩu ban đầu cho mục đích kinh doanh và các hàng hóa này sau đó được tặng cho các tổ chức chính trị-xã hội thì điều khoản này sẽ không được áp dụng và những sản phẩm này sẽ vẫn phải chịu mức thuế như bình thường.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam:

Điều này dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp đều phải tiêu hủy các sản phẩm (nếu các sản phẩm gần hết hạn) để tránh thuế thay vì quyền góp cho các tổ chức đang cần. Hơn thế nữa, điều này đang đi ngược lại với nỗ lực của Chính phủ về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị áp dụng miễn thuế đối với hàng hóa được tặng cho tất cả các tổ chức chính trị- xã hội mà không không bị hạn chế bởi mục đích ban đầu của các sản phẩm nhập khẩu.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Mỹ phẩm thuộc EuroCham

⁹ Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng.

CHƯƠNG 14 CROPLIFE VIỆT NAM

TỔNG QUAN

Tổng doanh thu xuất khẩu nông sản, lâm sản và thủy sản của Việt Nam dự kiến đạt 26 tỷ Đô-la Mỹ trong 8 tháng năm 2019, tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng hàng năm khoảng 1,6%. Một báo cáo gần đây của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT) cho thấy có 8 ngành hàng đạt tổng giá trị xuất khẩu trên 1 tỷ Đô-la Mỹ bao gồm: cà phê, cao su, lúa gạo, rau, tôm, cá tra, gỗ và các sản phẩm từ gỗ. Giá trị xuất khẩu của cà phê, cao su và lúa gạo đạt ít nhất 2 tỷ Đô-la Mỹ.¹

Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO), nhu cầu tiêu thụ gạo, trái cây và thủy sản trên thế giới sẽ tiếp tục tăng cao. Đây sẽ là chìa khóa để xuất khẩu nông sản của Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng cao và đạt mục tiêu xuất khẩu trong năm 2018.² Châu Âu cũng như Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc và Trung Quốc là năm thị trường hàng đầu nhập khẩu trái cây và rau củ từ Việt Nam. Đồng thời, chất lượng trái cây Việt Nam đã dần được khẳng định và nhiều sản phẩm đã chinh phục được các thị trường khó tính như Mỹ, châu Âu, Nhật Bản, Canada, Úc và New Zealand.³ Ngoài ra, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, quảng bá, thúc đẩy đầu tư, và tác động của các hiệp định thương mại tự do tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong tốc độ phát triển của nông nghiệp Việt Nam.

Hướng đến mục tiêu xa hơn, Việt Nam cần tiếp tục đa dạng hóa hoạt động sản xuất, chuyển dịch sang các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, xây dựng chiến lược thương hiệu, tạo thêm “Chỉ dẫn Địa lý” (Geographical Indications), ứng dụng truy xuất nguồn gốc, giảm thiểu hao phí nguyên liệu trong quá trình thu hoạch và sản xuất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng sản phẩm và chinh phục các thị trường mới ở các nước láng giềng.⁴ Việc đạt được mục tiêu xuất khẩu cũng đòi hỏi Việt Nam phải giải quyết các vấn đề liên quan đến an toàn thực phẩm ở cấp quốc gia, tăng cường công tác hỗ trợ hiệu quả cho nông dân thông qua việc sử dụng công nghệ một cách có trách nhiệm trong bối cảnh các nước nhập khẩu ngày càng yêu cầu cao về mặt kỹ thuật và áp dụng các quy định chặt chẽ hơn về an toàn thực phẩm, chất lượng và nguồn gốc xuất xứ.⁵

Nhiều vụ việc điển hình trong những năm qua trên các phương tiện truyền thông đã đặt ra câu hỏi nóng về mức độ an toàn của các giống cây trồng, cá, thịt và các sản phẩm khác trong chuỗi giá trị thực phẩm tại Việt Nam. Dù mức độ bao phủ này đã góp phần vào sự chuyển biến tích cực trong xã hội khi người dân, ngoài sự chú ý đến tính an toàn và tính ổn định của sản phẩm, họ cũng đã bắt đầu quan tâm nhiều hơn đến cách thức thực phẩm được sản xuất, nhận ra một số tác dụng gây hại. Cụ thể là những thông tin sai lệch về việc phân định thể nào là an toàn và thể nào là mất an toàn, đặc biệt khi liên quan đến sức khỏe con người và môi trường, đã làm giảm niềm tin của công chúng vào nguồn cung thực phẩm, làm gia tăng phản ứng điều chỉnh và cản trở hoạt động thương mại quốc gia.

Việc lạm dụng hoặc sử dụng sai mục đích các sản phẩm đầu vào nông nghiệp, nhập khẩu trái phép hoặc quản lý nhập khẩu chưa chặt chẽ, sản phẩm không đạt tiêu chuẩn, thiếu truy xuất nguồn gốc là những yếu tố cần đặc biệt lưu ý để đảm bảo an toàn thực phẩm, bên cạnh công tác hỗ trợ hộ nông dân canh tác nhỏ tham gia thực hiện Các Thực hành Nông nghiệp Tốt (GAP).⁶

1 “Nông nghiệp xuất khẩu đạt 26 tỷ Đô-la trong 8 tháng”, *Báo VietnamNews*. Xem tại: <<https://vietnamnews.vn/economy/534638/agricestation-exports-rake-in-26-tỷ-trong-tám-tháng.html>>, truy cập lần cuối ngày 19 tháng 1 năm 2020.

2 “Xuất khẩu nông sản Việt Nam Việt Nam đạt 41 tỷ Đô-la Mỹ trong năm 2018”, *báo Hanoi Times*. Xem tại: <<http://www.hanoitimes.vn/economy/2018/07/81e0c9a8/vietnam-s-agricultural-exports-to-hit-us-41-billion-in-2018/>>, truy cập lần cuối ngày 19 tháng 1 năm 2020.

3 “Những khó khăn trong việc đạt mục tiêu xuất khẩu nông sản của Việt Nam”, *Vietnam Investment Review*. Xem tại <<https://www.vir.com.vn/the-difficulties-in-reaching-vietnams-agricultural-export-target-56439.html>> truy cập lần cuối ngày 25 tháng 1 năm 2019.

4 “Xuất khẩu nông sản Việt Nam phát triển mạnh trong năm 2016”, *VOV World*, ngày 18 tháng 3 năm 2016. Xem tại <vovworld.vn/en-US/Economy/Vietnamese-farm-produce-exports-should-prosper-in-2016/420103.vov> truy cập lần cuối ngày 19 tháng 1 năm 2020; “Nông sản có giá trị được bán với giá thấp”, *Vietnam Net*, ngày 14 tháng 7 năm 2016. Xem tại <english.vietnamnet.vn/fms/business/160073/valuable-farm-produce-sold-at-low-prices.html>; “VN cần xây dựng thương hiệu thực phẩm: chuyên gia”, *Vietnam News*, ngày 5 tháng 10 năm 2016. Xem tại <vietnamnews.vn/economy/343911/vn-needs-to-build-food-brands-experts.html> truy cập lần cuối ngày 19 tháng 1 năm 2020; “Nguồn thu từ trái cây của Việt Nam cao hơn từ dầu thô”, *Vietnam Net*, ngày 22 tháng 10 năm 2016. Xem tại <english.vietnamnet.vn/fms/business/165540/vietnam-earns-more-money-from-fruit-than-from-crude-oil.html>, truy cập lần cuối ngày 19 tháng 1 năm 2019.

5 “Kiểm tra thực phẩm tại Việt Nam hiện nay - Khó khăn và thử thách”, *Chu Phạm Ngọc Sơn, Hội Hóa học TP HCM*. Xem tại <http://www.vinalab.org.vn/Uploads/image/huyen-trang/file/Presentation_of_%20Dr_Son.pdf> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

6 “Quản lý nguy cơ an toàn thực phẩm tại Việt Nam: Thách thức và cơ hội”, *Báo cáo của Ngân hàng Thế giới*. Xem tại <http://www.worldbank.org/2Fen%2Fcountry%2Fvietnam%2Fpublication%2Ffood-safety-risk-management-in-vietnam-challenges-and-opportunities&usq=AOvWaw2UHx1lc8qH2niBUUB3LH_> truy cập lần cuối ngày 19 tháng 1 năm 2020.

Trong bối cảnh dân số toàn cầu dự kiến đạt 9,8 tỷ người vào năm 2050,⁷ hộ nông dân canh tác nhỏ của Việt Nam được xem là một phần của giải pháp nhằm sản xuất nhiều lương thực hơn để đáp ứng nhu cầu dân số ngày càng tăng. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận đất canh tác và nguồn nước hạn chế cũng như phải đối phó với nhiều loại sâu bệnh khiến cho công tác sản xuất của những hộ nông dân canh tác nhỏ trở nên khó khăn hơn nhiều. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới vào tháng 12 năm 2016, nông nghiệp Việt Nam đang ở giai đoạn bước ngoặt - ngành nông nghiệp cần phải "sử dụng ít nguồn tài nguyên để tạo ra nhiều sản phẩm"; tạo ra nhiều giá trị kinh tế hơn cũng như nhiều ích lợi hơn cho nông dân và người tiêu dùng, giảm thiểu sử dụng tài nguyên thiên nhiên và nguồn lực con người.⁸

Nông hộ nhỏ ở Việt Nam cần dựa vào các sản phẩm bảo vệ thực vật (BTVT) để ngăn ngừa sâu bệnh và cỏ dại gây thiệt hại cho mùa màng và giảm sản lượng thu hoạch. Mỗi năm thế giới mất khoảng 26-40% sản lượng cây trồng tiềm năng do cỏ dại và sâu bệnh. Nếu không có sản phẩm BTVT, con số này có thể tăng gấp đôi. Một ví dụ cụ thể, các sản phẩm BTVT giúp giảm 40% sản lượng lúa và ngô bị thiệt hại mỗi năm trên toàn cầu.⁹ Và trong bối cảnh biến đổi khí hậu có tác động ngày càng lớn ở Việt Nam và châu Á, sức ép sẽ ngày càng trở nên cực đoan hơn ở nhiều khía cạnh - khiến việc sử dụng hiệu quả các sản phẩm BTVT trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Ngoài việc hỗ trợ tăng năng suất, các sản phẩm BTVT cũng tạo ra các giá trị nhân đạo quan trọng cho nông dân canh tác quy mô nhỏ của Việt Nam. Cụ thể là, sử dụng thuốc trừ cỏ một cách trách nhiệm và an toàn giúp giảm thiểu gánh nặng từ phương thức làm cỏ lạc hậu và kém hiệu quả trước đây. Nếu không có thuốc trừ cỏ, nông dân sẽ phải mất khoảng 140 giờ để làm cỏ cho một hecta đất¹⁰ và phải đi bộ khoảng 10 km liên tục ở tư thế khom lưng. Việc giảm thiểu cách làm mất nhiều công sức này là một bước nhảy vọt, mang lại lợi ích rất lớn cho sức khỏe của 24,5 triệu nông dân canh tác nhỏ của Việt Nam cũng như gia đình của họ.

Các sản phẩm thuốc BTVT tiên tiến không chỉ mang lại các lợi ích trên đồng ruộng. Các sản phẩm này cũng giúp kéo dài tuổi thọ và phòng trừ các tổn thất sau thu hoạch của cây trồng trong quá trình lưu trữ.

Thêm vào đó, từ năm 1996 đến năm 2016, cây trồng công nghệ sinh học (CNSH) (đặc biệt là cá giống ngô, đậu tương, bông và cải dầu) đã giúp tăng sản lượng lương thực, thức ăn cho gia súc và xơ sợi dệt may trên toàn cầu thêm 659 triệu tấn và giúp làm chậm quá trình biến đổi khí hậu bằng cách giảm lượng khí thải cacbon thải ra từ sản xuất nông nghiệp. Chỉ riêng trong năm 2016, ước tính việc trồng cây trồng CNSH đã giúp giảm lượng khí thải cacbon điôxít tương đương với việc loại bỏ 16,7 triệu chiếc xe hơi di chuyển trên đường trong 1 năm. Đồng thời, 90% trong số khoảng 18 triệu nông dân có tâm lý e ngại rủi ro đã được hưởng lợi từ cây trồng CNSH hàng năm là những nông dân nghèo có nguồn lực và tài chính hạn chế.¹¹

Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long là hai vùng sản xuất đóng vai trò rất quan trọng đối với sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam. Mặc dù vậy, hạn hán ở Tây Nguyên; tình trạng xâm nhập mặn và hạn hán ở Đồng bằng sông Cửu Long đã cho thấy cần có các hành động cụ thể để khắc phục tác động của biến đổi khí hậu. Việt Nam không thể ngăn cản lại quá trình biến đổi khí hậu, nhưng có thể hỗ trợ nông dân tìm các loại hạt giống với các đặc tính tiên tiến, thực hành tập quán canh tác và những loại hóa chất nông nghiệp tốt, phù hợp để đối phó với những thay đổi này.

Sau đây chúng tôi sẽ thảo luận chi tiết hơn về một số chủ đề được nêu trong phần giới thiệu vì chúng tôi tin rằng đây là những thành tố đóng vai trò then chốt đối với thành công của Việt Nam – một đối tác quan trọng của nền nông nghiệp toàn cầu.

Hiệp hội ngành khoa học thực vật, bao gồm các công ty nghiên cứu và phát triển hàng đầu, các thành viên của CropLife Việt Nam, một Tiểu ban Ngành nghề của EuroCham đã cùng tham gia soạn thảo chương này.¹²

7 "Dân số thế giới dự kiến đạt 9,8 tỷ vào năm 2050 và 11,2 tỷ vào năm 2100", *Liên Hiệp Quốc*, ngày 21 tháng 6 năm 2017. Xem tại <<https://www.un.org/development/desa/en/news/population/world-population-prospects-2017.html>> truy cập lần cuối ngày 19 tháng 1 năm 2020

8 "Cập nhật về các diễn biến kinh tế gần đây của Việt Nam", *Báo cáo của Ngân hàng Thế giới 2016*. Xem tại <<https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/25748>>, truy cập lần cuối ngày 19 tháng 1 năm 2020.

9 "Triển vọng nông nghiệp của OECD-FAO", *OECD*. Xem tại <https://www.oecd-ilibrary.org/agriculture-and-food/oecd-fao-agricultural-outlook-2012_agr_outlook-2012-en> truy cập lần cuối ngày 19 tháng 1 năm 2020.

10 "Cơ giới hóa nông nghiệp bền vững", *FAO*. Xem tại: <http://www.fao.org/sustainable-agricultural-mechanization/guidelines-operations/crop-production/en/>, truy cập lần cuối ngày 19 tháng 1 năm 2020.

11 "Báo cáo tóm tắt số 52 của ISAAA về Thực trạng cây trồng công nghệ sinh học/ biến đổi gene được thương mại hóa trên toàn cầu: 2016". Xem tại: <<https://www.isaaa.org/resources/publications/briefs/52/download/isaaa-brief-52-2016.pdf>> truy cập lần cuối ngày 19 tháng 1 năm 2020.

12 Thành viên thuộc Tiểu ban CropLife Việt Nam: Arysta, BASF, Bayer, Corteva, FMC, Summit Agro, Sumitomo Chemical và Syngenta.

I. NỀN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài nguyên & Môi trường (Bộ TNMT)

Mô tả vấn đề

Trong phần này, chúng tôi sẽ nêu ra một số vấn đề mà chúng tôi cho rằng cần phải giải quyết để tiếp tục phát triển ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, bao gồm định hướng pháp lý của Bộ NN&PTNT về cắt giảm các sản phẩm bảo vệ thực vật (BVTV) và phê duyệt công nghệ nông nghiệp tiên tiến.

1. Thuốc BVTV

Các sản phẩm BVTV đóng vai trò quan trọng trong canh tác khi nông dân sử dụng ít tài nguyên hơn nhưng vẫn có thể sản xuất nông sản an toàn, mức giá hợp lý và chứa nhiều dưỡng chất. Nếu không có công cụ này, hơn một nửa số cây trồng trên thế giới sẽ bị thiệt hại do côn trùng, bệnh tật và cỏ dại, dẫn đến tổn thất lớn về kinh tế và tác động tiêu cực đến môi trường.¹³

Cắt giảm việc sử dụng sản phẩm BVTV

Chúng tôi được biết rằng Bộ NN&PTNT hiện đang rà soát các sản phẩm BVTV đã đăng ký tại Việt Nam theo chủ trương siết chặt công tác quản lý các thuốc bảo vệ thực vật theo quy định tại Điều 49 của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch Thực vật 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013. Chúng tôi mong muốn nhấn mạnh rằng, CropLife Việt Nam và các công ty thành viên tán đồng với chủ trương này. Chúng tôi cũng nhận thấy rằng vấn đề đáng lo ngại nhất đối với Bộ NN&PTNT là danh sách các sản phẩm BVTV được đăng ký sử dụng ở Việt Nam hiện nay có số lượng quá lớn, và một số loại hóa chất trong danh sách đã lỗi thời và hiếm khi được sử dụng. Các công ty thành viên của CropLife Việt Nam trong thời gian qua đã tự nguyện rút khỏi Danh mục sản phẩm BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam các sản phẩm có hiệu lực sinh học thấp, lỗi thời, không đáp ứng yêu cầu sản xuất hoặc không kinh doanh. Đồng thời, chúng tôi cũng đang tiếp tục giới thiệu và tiến hành đăng ký mới cho một số loại sản phẩm thế hệ mới, áp dụng công nghệ cao, an toàn và hiệu quả hơn.

Tuy nhiên chúng tôi cũng muốn nhấn mạnh rằng các quyết định loại bỏ/hạn chế sản phẩm BVTV nếu không được đưa ra dựa trên cơ sở khoa học sẽ có thể làm mất đi những công cụ kiểm soát cỏ dại/côn trùng/sâu bệnh an toàn, hiệu quả và cực kỳ quan trọng đối với 25 triệu nông dân Việt Nam. Điều này sẽ gây thiệt hại đáng kể đến ngành nông nghiệp, người tiêu dùng và nền kinh tế cả nước.

Tiểu ban CropLife Việt Nam có các giải pháp dựa trên khoa học và các tiêu chuẩn quốc tế nhằm đạt được mục tiêu của Chính phủ là giảm 30% số sản phẩm BVTV được đăng ký vào năm 2021¹⁴ mà không làm ảnh hưởng đến tính bền vững và khả năng cạnh tranh của nền nông nghiệp Việt Nam và mong muốn được tiếp tục được làm việc Chính phủ để thực hiện mục tiêu này.

Quy trình cắt giảm các sản phẩm BVTV phải là một quy trình nhất quán, nghiêm ngặt về mặt khoa học và phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế

Chúng tôi trân trọng cam kết của Bộ NN&PTNT về thực hiện một quy trình đánh giá bao gồm tham vấn ngành, tuy nhiên, chúng tôi mong muốn bày tỏ một số quan ngại từ phía cộng đồng doanh nghiệp. Chúng tôi kêu gọi Chính phủ đảm bảo quá trình đánh giá để đưa ra quyết định cắt giảm các sản phẩm BVTV cần phải là một quy trình nhất quán, nghiêm ngặt về mặt khoa học và phù hợp với các phương pháp và tiêu chuẩn được quốc tế công nhận. Các hoạt động đánh giá này cần được tiến hành bởi những chuyên gia khoa học và có một lộ trình phù hợp để đảm bảo đủ thời gian xem xét kỹ lưỡng. Điều này phù hợp với chỉ đạo mới đây của Chính phủ về việc loại bỏ những thủ tục không cần thiết có thể kìm hãm sản xuất và thương mại, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết về minh bạch hóa các quy trình.

2. Công nghệ biến đổi gen (BDG)

Chúng tôi mong muốn bày tỏ quan ngại về vấn đề trì hoãn trong quá trình xem xét phê duyệt đối với các giống lai biến đổi gen (BDG) và thức ăn chăn nuôi BDG. Tính đến nay, một số lượng đáng kể các hồ sơ xin cấp phép sản

13 "Một nửa số cây trồng sẽ bị mất nếu không có thuốc trừ sâu", *Vietnam Investment Review*. Xem tại: <<https://www.vir.com.vn/half-the-crops-in-would-be-lost-without-pesticides-62074.html>> truy cập lần cuối ngày 19 tháng 1 năm 2020.

14 "Định hướng bảo vệ thực vật trong tình hình mới", *Bộ NN&PTNT*, ngày 16 tháng 5 năm 2018. Xem tại: <<https://www.mard.gov.vn/Pages/dinh-huong-cong-tac-bao-ve-thuc-vat-trong-tinh-hinh-moi.aspx>> truy cập lần cuối ngày 19 tháng 1 năm 2020.

phẩm BĐG vẫn đang chờ được phê duyệt để sử dụng làm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Trong số đó có nhiều hồ sơ đã hoàn thành quy trình xem xét kỹ thuật, nhưng hiện vẫn đang chờ phê duyệt cuối cùng của Bộ NN&PTNT.

Đối với các giống cây BĐG, Việt Nam có hai cơ hội. Thứ nhất, đó là cơ hội chiến lược để nắm bắt các lợi ích mà công nghệ này mang lại trong hơn 20 năm ứng dụng trên toàn cầu. Công nghệ này sẽ giúp nông dân Việt Nam giải quyết các thách thức chính cho việc sản xuất lương thực toàn cầu đó là áp lực sâu hại và cỏ dại. Một ví dụ điển hình gần đây là việc sử dụng cây trồng BĐG cùng lúc với chương trình Quản lý Dịch hại Tổng hợp (IPM) đã là công cụ hữu hiệu để giải quyết dịch sâu keo mùa thu (Fall Armyworm).

Cơ hội thứ hai liên quan tới thủ tục hành chính. Quy trình phê duyệt đối với các sản phẩm biến đổi gen nhập khẩu để sử dụng làm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi của Việt Nam đang bị đình trệ. Theo quy định hiện hành của Việt Nam, tổng thời gian xem xét và phê duyệt sau khi nhận hồ sơ đăng ký là 60 ngày làm việc tuy nhiên quyết định phê duyệt đã bị đình trệ trong vài năm. Việc chậm trễ trong việc đưa ra quyết định cấp phép sẽ tạo ra những rủi ro không cần thiết cho quá trình nhập khẩu thức ăn chăn nuôi và hạt thương phẩm của Việt Nam. Nếu Việt Nam khởi động lại quy trình xem xét và phê duyệt theo đúng quy định, các rủi ro này sẽ không còn nữa.

Liên quan tới các cải tiến lai tạo giống cây trồng tiên tiến, bao gồm cả công nghệ chỉnh sửa gen (genome editing), Việt Nam có cơ hội tiềm năng để tạo ra các giải pháp mới và đầy hứa hẹn để giải quyết các vấn đề lớn của nông nghiệp hiện tại. Cách Việt Nam xây dựng quy trình pháp lý sẽ quyết định mức độ tiếp cận của các đơn vị lai tạo giống (bao gồm cả các đơn vị công và các doanh nghiệp nhỏ) đối với các công cụ chỉnh sửa gen. Các công cụ này có thể được sử dụng đối với hầu hết các giống cây trồng nông nghiệp, bao gồm rau xanh, hoa quả và đặc biệt các giống cây có vị trí quan trọng trong tiềm năng cạnh tranh của nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế. Để đạt được điều đó, một quy trình pháp lý tiên tiến, khoa học, tiếp cận theo phương pháp đánh giá rủi ro và có tính tương thích với các quy định toàn cầu là yêu cầu cần thiết. Tiểu ban sẽ phối hợp để chia sẻ, cung cấp thêm thông tin với các cơ quan quản lý liên quan.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc mới đây đã kêu gọi xây dựng nền nông nghiệp Việt Nam trở thành một trong 15 nền nông nghiệp phát triển nhất thế giới trong 10 năm và tận dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.¹⁵ Thủ tướng cũng nhấn mạnh cần thêm nhiều đổi mới để tạo ra các động lực mới cho tăng trưởng, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô. Mục tiêu đầy tham vọng này chỉ có thể đạt được nếu Chính phủ ủng hộ những đổi mới nông nghiệp.¹⁶

Để đạt được mục tiêu của Chính phủ về một nền nông nghiệp bền vững, điều quan trọng là nông dân phải được tiếp cận với nguồn hóa chất nông nghiệp chất lượng cao và có điều kiện để thực hiện đổi mới trong quá trình tiếp cận này. Nếu các vấn đề nêu trên được giải quyết, nông dân sẽ có đủ lượng hóa chất nông nghiệp chất lượng cao để vừa tăng chất lượng và số lượng sản phẩm vừa sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên hơn, ví dụ như: nguồn nước, giảm tác hại cho đất hoặc giảm lượng khí cacbon điôxít phát sinh; từ đó làm giảm tổng lượng khí thải cacbon của Việt Nam. Áp dụng nông nghiệp hiện đại để hỗ trợ phát triển toàn diện, bền vững đòi hỏi sự đầu tư, hợp tác trên quy mô lớn, cơ chế chính sách và môi trường pháp lý ổn định. Cả ba yếu tố này đều rất quan trọng trong bối cảnh Việt Nam đang khai thác công nghệ tiên tiến để gia tăng tốc độ phát triển. Để nâng cao khả năng cạnh tranh của Việt Nam cũng như đảm bảo nguồn đầu tư để đổi mới trong tương lai, nông dân Việt Nam nên được khuyến khích tiếp cận với các sản phẩm BVTN an toàn và các giống lai mới có hiệu suất cao hơn. Điều này sẽ đảm bảo Chính phủ đạt được các mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp và hỗ trợ nông dân Việt Nam tiếp tục sản xuất thực phẩm an toàn với giá cả phải chăng, chứa nhiều dưỡng chất đáp ứng nhu cầu nội địa và xuất khẩu.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị cần thực thi một hệ thống chính sách và quản lý rõ ràng, dựa trên cơ sở khoa học và có tính định đoán để tiếp tục thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài cần thiết, tiếp cận kịp thời những phương pháp kỹ thuật đổi mới trong nông nghiệp.

- Tiểu ban CropLife Việt Nam sẵn sàng hợp tác và thảo luận với Chính phủ về lộ trình pháp lý hướng tới mục tiêu

¹⁵ "Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc: Năm 2025, nông nghiệp phải được xếp hạng trong top 10 thế giới về xuất khẩu", *Bnews*. Xem tại: <<https://bnews.vn/thu-tuong-nguyen-xuan-phuc-nam-2025-nong-nghiep-phai-dung-top-10-the-gioi-ve-xuat-khau/143255.html>> truy cập lần cuối ngày 20 tháng 1 năm 2020.

¹⁶ "Chính phủ Việt Nam khuyến khích thực hiện đổi mới nông nghiệp để bảo vệ nền kinh tế và an ninh lương thực của Việt Nam", *Croplife Asia* ngày 13 tháng 9 năm 2018, *Acnnewswire*. Xem tại: <<https://www.acnnewswire.com/press-release/english/46244/vietnamese-government-encouraged-to-embrace-agricultural-innovation-to-protect-vietnam's-economy-&-food-security>> truy cập lần cuối ngày 19 tháng 1 năm 2020.

giảm 30% số sản phẩm BTVT được đăng ký của Chính phủ mà không làm giảm tính bền vững và khả năng cạnh tranh của nền nông nghiệp Việt Nam;

- Tiểu ban CropLife Việt Nam khuyến nghị một quy trình đánh giá đầy đủ việc cắt giảm sản phẩm thuốc BTVT. Quy trình này cần được thực hiện bởi các chuyên gia khoa học và áp dụng lộ trình phù hợp theo các phương pháp và tiêu chuẩn được quốc tế chấp nhận;
- Nông dân cần được khuyến khích để sử dụng các sản phẩm BTVT tiên tiến, an toàn và hiệu quả thông qua các chương trình đào tạo và tập huấn phù hợp;
- Chính phủ cần thúc đẩy quá trình phê duyệt cho các sản phẩm cây trồng BĐG mới để đảm bảo không có bất cứ gián đoạn thương mại và trở ngại nào có thể xảy ra đối với việc nhập khẩu – mà điều này có thể dẫn tới các hệ lụy kinh tế lâu dài và gây tổn thất cho các công ty thương mại và người tiêu dùng, cụ thể là hàng triệu nông dân Việt Nam, các đơn vị sản xuất thịt lợn, gia cầm, và thủy sản cũng như các công ty sản xuất thực phẩm; và
- Tiểu ban CropLife Việt Nam khuyến nghị thúc đẩy các cơ hội để tiến hành các đối thoại mang tính xây dựng để giải quyết bất cứ quan ngại/ chủ đề nào mà Chính phủ Việt Nam quan tâm đối với chủ đề này.

Các cam kết của Tiểu ban CropLife Việt Nam đối với tầm nhìn phát triển nông nghiệp bền vững của Việt Nam: Tiếp tục thúc đẩy các chương trình tập huấn sử dụng sản phẩm có trách nhiệm và Khuyến khích ứng dụng Cải tiến Khoa học trong Nông nghiệp:

- Cam kết tiếp tục triển khai các chương trình hướng dẫn sử dụng thuốc BTVT an toàn, hiệu quả và có trách nhiệm một cách sáng tạo: Tiểu ban CropLife Việt Nam và các công ty thành viên đã đầu tư nguồn lực đáng kể, hợp tác với Chính phủ và các đối tác trong nước để triển khai các chương trình hướng dẫn sử dụng thuốc BTVT an toàn, hiệu quả và có trách nhiệm trong nhiều năm qua. Tuy nhiên những sáng kiến này không đủ thành công để giải quyết các tồn tại của ngành như mong đợi. Chúng tôi cam kết sẽ phối hợp với Chính phủ để xây dựng chiến lược mới cho các hoạt động dựa trên việc tìm hiểu về thói quen của nông dân trong việc sử dụng thuốc BTVT tại Việt Nam; giới thiệu đến người dân các sản phẩm từ công nghệ gen và giải pháp sử dụng cây trồng BĐG mới; tối ưu, số hoá các chương trình đào tạo cũng như sử dụng các mạng xã hội, các giải pháp mở rộng - như một giải pháp tiềm năng để đẩy mạnh sự tham gia của các đối tác thuốc BTVT trong nước từ đó khuyến khích và cải tiến chuỗi giá trị.
- Cam kết đầu tư cải tiến các giải pháp khoa học thực vật tiên tiến: Ngành khoa học thực vật có được sự liên kết mạnh mẽ giữa nguồn lực và kinh nghiệm trên thế giới với sự am hiểu kiến thức địa phương và mạng lưới đối tác tại mỗi quốc gia. Cùng các giải pháp nông nghiệp tích hợp, điều này có thể mang đến cho nông dân nhiều lợi ích, giúp tăng năng suất và hiệu quả sản xuất. Tiểu ban CropLife Việt Nam cam kết tiếp tục mang lại những giải pháp đổi mới ví dụ các sản phẩm thuốc BTVT tiên tiến, nông nghiệp chính xác, các giống mới cho năng suất cao và các công nghệ hiện đại giúp nông dân vượt qua những thách thức kinh tế và môi trường ngày càng phức tạp.
- Cam kết thực thi và hỗ trợ xây dựng các đổi mới chính sách trong nông nghiệp: Tầm nhìn của chính phủ Việt Nam trong việc áp dụng các thành tựu khoa học vào nông nghiệp đã giúp nuôi sống hàng triệu người trong vài thập kỷ qua. Chúng tôi kêu gọi chính phủ tiếp cận một cách hoàn chỉnh hơn, củng cố và đưa ra những chính sách nhằm khuyến khích và tăng cường đổi mới công nghiệp, dựa trên hệ thống quy tắc các cơ sở khoa học minh bạch, đáp ứng với các thông lệ quốc tế. Chúng tôi muốn được hợp tác với Chính phủ để xây dựng một hệ thống chính sách và quy định bền vững.

II. AN TOÀN THỰC PHẨM: QUẢN LÝ DƯ LƯỢNG THUỐC BTVT TRÊN NÔNG SẢN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Y tế (BYT), Bộ Công Thương (BCT)

Mô tả vấn đề

An toàn thực phẩm liên quan đến dư lượng thuốc BTVT trên nông sản là một chủ đề phổ biến được dư luận quan tâm. Sự hiện diện của dư lượng thuốc BTVT trên các sản phẩm nông nghiệp, đôi khi bị một số phương tiện

truyền thông cường điệu hóa, đã khiến người tiêu dùng nghi ngờ về độ an toàn của chuỗi cung ứng thực phẩm và phương pháp quản lý của Chính phủ đối với việc sử dụng thuốc BVTV để vừa đảm bảo an toàn thực phẩm, vừa không phải loại bỏ công cụ thiết yếu này của người nông dân. Sản phẩm bảo vệ thực vật (BVTV) đóng vai trò thiết yếu trong sản xuất nông nghiệp để đảm bảo năng suất và an ninh lương thực. Vì vậy, cần có phương pháp quản lý sản xuất, buôn bán và sử dụng các sản phẩm BVTV để ngăn ngừa tình trạng vượt quá giới hạn dư lượng thuốc BVTV tối đa (MRL), đảm bảo an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và tăng trưởng xuất khẩu.

Để quản lý dư lượng thuốc BVTV trên nông sản, cần có một giải pháp toàn diện với sự tăng cường tham gia của tất cả các bên liên quan trong chuỗi sản xuất nông nghiệp, bao gồm các cơ quan hữu quan, nông dân, doanh nghiệp. Đây là vấn đề không thể giải quyết được trong một sớm một chiều, tuy nhiên, trong phạm vi đề xuất này, CropLife Việt Nam mong muốn khuyến nghị về ba điểm chính mà chúng tôi tin rằng nếu được giải quyết, vấn đề về dư lượng thuốc BVTV trên nông sản sẽ được cải thiện đáng kể trong giai đoạn hiện nay.

Hệ thống Quản lý dựa trên Đánh giá Nguy cơ (Hazard) và Đánh giá Rủi ro (Risk)

Các quyết định gần đây¹⁷ về đặt ra các hạn chế đối với một số sản phẩm BVTV dường như được đưa ra dựa trên nhận thức chủ quan về nguy cơ của các sản phẩm đó.

Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT¹⁸ (Thông tư 21) đưa ra một số quy định có thể tác động xấu đến nông dân, nền kinh tế, môi trường và người tiêu dùng Việt Nam. Cụ thể, Điểm (đ), Khoản 3, Điều 6 quy định các sản phẩm sau không được phép đăng ký ở Việt Nam:

- Thuốc BVTV hóa học có độ độc cấp tính của hoạt chất hoặc thành phẩm thuộc loại III, IV theo GHS sử dụng cho cây ăn quả, cây chè, cây rau; hoặc
- Thuốc BVTV hóa học có thời gian cách ly (PHI) ở Việt Nam trên 07 ngày sử dụng cho cây ăn quả, cây chè, cây rau.

Hệ thống Hải hòa Toàn cầu (GHS) được xây dựng bởi Liên Hiệp Quốc để đảm bảo tính thống nhất trên khắp thế giới về việc cung cấp thông tin liên quan đến phân loại hóa chất và mô tả rủi ro, chủ yếu là các thông tin ghi trên nhãn sản phẩm và bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất.¹⁹ Sử dụng phân loại GHS để hạn chế việc đăng ký cây ăn quả, cây chè, cây rau là không phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế hiện áp dụng phương pháp đánh giá theo rủi ro. Quy định này không dựa trên cơ sở khoa học và chỉ được áp dụng duy nhất tại Việt Nam. Quy định này giới hạn hoặc cấm nhiều công nghệ khả dụng cho nông dân trồng cây rau, cây ăn quả và cây chè tại Việt Nam. Điều này cũng làm hạn chế khả năng tiếp cận của nông dân với các công cụ tiên tiến nhất về công nghệ và các lựa chọn an toàn nhất để chống sâu bệnh, dịch bệnh và khắc phục các vấn đề liên quan đến khí hậu.

Nâng cao công tác thực thi pháp luật

Theo quan điểm của chúng tôi, tầm quan trọng của việc thực thi pháp luật tại Việt Nam là một quan ngại lớn. Có nhiều lý do dẫn đến việc vượt quá dư lượng thuốc BVTV trong các sản phẩm nông nghiệp: nông dân còn thiếu trách nhiệm trong quá trình sử dụng thuốc BVTV, sản phẩm thuốc BVTV kém chất lượng, hàng giả, có hoạt chất ẩn v.v. Hiện tại, Chính phủ đã có các biện pháp xử phạt hành chính đối với những vi phạm này,²⁰ tuy nhiên, các biện pháp này còn nhẹ và không đủ tính răn đe. Ngoài ra, chúng tôi khuyến nghị tăng cường việc thực thi pháp luật bởi cơ quan quản lý trên thị trường. Chúng tôi tin rằng Việt Nam vẫn còn thiếu một khung pháp lý điều chỉnh việc người nông dân sử dụng sản phẩm thuốc BVTV. Hiện tại, trách nhiệm của nông dân trong việc đảm bảo an toàn thực phẩm đang bị bỏ ngỏ và khó kiểm soát.

Nâng cao nhận thức và đào tạo về sử dụng có trách nhiệm các sản phẩm BVTV cho nông dân

Việc lạm dụng các sản phẩm đầu vào cho nông nghiệp như thuốc BVTV và phân bón hóa học, sản phẩm nhập lậu hoặc quản lý nhập khẩu chưa chặt chẽ, sản phẩm không đạt tiêu chuẩn, thiếu truy xuất nguồn gốc là những yếu tố quan trọng cần được lưu ý để đảm bảo an toàn thực phẩm, tuy nhiên, thách thức lớn nhất nằm ở việc thay đổi tập quán của phần lớn nông dân canh tác nhỏ. Với sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ, người nông dân còn thiếu kiến thức về các sản phẩm và công nghệ trong canh tác và sản xuất nông nghiệp dẫn đến việc sử dụng thiếu trách nhiệm, lạm dụng và sử dụng sai mục đích các sản phẩm BVTV. Vì vậy, vai trò đào tạo về sử dụng các sản phẩm BVTV có trách nhiệm cho nông dân cần được phát huy và tăng cường hơn nữa. Mặc dù hoạt động này

17 Quyết định 1186/QĐ-BNN-BVTV ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc loại bỏ thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất Glyphosate ra khỏi Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam.

18 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 1 tháng 8 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

19 Tổng quan về EPA về đánh giá rủi ro trong chương trình thuốc trừ sâu. Xem tại: <<https://www.epa.gov/paturalide-science-and-assessing-pesticide-risk>> / Tổng quan-đánh giá rủi ro-thuốc trừ sâu-chương trình> và EFSA: Tích lũy đánh giá rủi ro về thuốc trừ sâu. Xem tại: <<https://www.efsa.europa.eu/en/news/faq-cumulation-risk-assessment-pesticides>> truy cập lần cuối ngày 20 tháng 1 năm 2020.

20 Nghị định 31/2016/NĐ-CP ngày 6 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực.

đã được nhiều đối tác cùng thực hiện, đặc biệt là các cơ quan chức năng và công ty sản xuất thuốc BVTV, tác động thay đổi hành vi của người dùng vẫn còn hạn chế do không đáp ứng được kỳ vọng của người nông dân về một phương pháp thật sự phù hợp và mang tính thực tế.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Hệ thống Hòa hòa Toàn cầu (GHS) hoặc Có Thời gian Cách ly (PHI) không được xây dựng nhằm mục đích là biện pháp thay thế cho quy trình đánh giá rủi ro trong việc xác định độ độc tính của sản phẩm hoặc xác định xem sản phẩm có an toàn cho người tiêu dùng hay không. Nếu hai hệ thống GHS và PHI được sử dụng một cách triệt để, thì nhiều khả năng sẽ khiến nông dân, người tiêu dùng, môi trường và nền kinh tế quốc gia của Việt Nam đối diện nguy cơ mất đi lợi thế cạnh tranh đáng kể trong ngành nông nghiệp của đất nước so với các nước láng giềng trong khu vực ASEAN và các đối tác kinh tế khác, bao gồm cả Liên minh châu Âu.

Khuyến nghị

- Xây dựng khung pháp lý có tính thực thi dựa trên cơ sở khoa học và hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế;
- Cho phép đăng ký và sử dụng bất kỳ sản phẩm thuốc BVTV nào trừ khi có những rủi ro không thể chấp nhận được về an toàn của người tiêu dùng, nông dân, hoặc môi trường. Việc sử dụng thuốc BVTV không nên bị hạn chế bởi các tiêu chí chưa có tiền lệ áp dụng và không hợp lý như việc sử dụng phân loại GHS để làm ngưỡng giới hạn và sử dụng PHI để áp dụng các hạn chế đối với các loại cây trồng cụ thể;
- Việt Nam hiện đang sử dụng CODEX và ASEAN EWG-MRL để thiết lập tiêu chuẩn quốc gia về giới hạn dư lượng thuốc BVTV tối đa (MRL) (Thông tư 50/2016/TT-BYT của Bộ Y tế²¹). EuroCham và CropLife Việt Nam sẵn sàng hỗ trợ các cơ quan thuộc chính phủ Việt Nam (Bộ NN&PTNT, Cục Bảo vệ Thực vật) trong việc xây dựng quy định phù hợp với thông lệ quốc tế để quản lý dư lượng thuốc BVTV không vượt quá MRL quốc gia;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu MRL và các yêu cầu của các quốc gia nhập khẩu đối với sản phẩm nông nghiệp để giúp nông dân/nhà xuất khẩu dễ dàng tiếp cận thị trường;
- Duy trì và tăng cường quan hệ hợp tác và nỗ lực chung giữa Chính phủ Việt Nam, ngành bảo vệ thực vật quốc gia và các bên liên quan để thúc đẩy sử dụng các sản phẩm BVTV đúng cách và an toàn, các biện pháp thực hành nông nghiệp tốt (GAP) cũng cần được duy trì và đẩy mạnh; và
- Chính phủ Việt Nam cần nỗ lực nhiều hơn để giám sát thị trường nội địa, bao gồm các vấn đề liên quan đến dư lượng sản phẩm BVTV trong các mặt hàng nông sản và thực thi các quy định hiện hành về ghi nhãn hàng hóa và cung cấp thông tin hướng dẫn sử dụng rõ ràng để đảm bảo việc sử dụng chính xác và an toàn bởi nông dân. Ngoài ra, chúng tôi khuyến nghị Chính phủ cần xem xét xây dựng thêm các quy định phù hợp với các thông lệ quốc tế để được thực thi hiệu quả.

III. HÀNG GIẢ VÀ HÀNG KÉM CHẤT LƯỢNG

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài chính (BTC)– Ban Chỉ đạo 389 Quốc gia (BCĐ 389)

Mô tả vấn đề

Hàng bất hợp pháp, hàng giả và hàng kém chất lượng

Việc sử dụng các sản phẩm BVTV bị làm giả hoặc có nồng độ thấp hơn so với nội dung ghi trên nhãn hoặc chứa các hoạt chất (AI) không được ghi trên nhãn đang gia tăng và gây thiệt hại lớn cho nông dân: vấn đề an toàn thực phẩm, thành phẩm xuất khẩu bị các nước nhập khẩu trả lại, và hạn chế khả năng phát triển một nền nông nghiệp bền vững. Sự thiếu hụt nghiêm trọng về nguồn vốn và nhân lực đã khiến việc quản lý các sản phẩm BVTV ở khu vực phía Nam khá lỏng lẻo và khó kiểm soát phần lớn thị trường. Trên thực tế, các sản phẩm BVTV giả nhãn hiệu của các thương hiệu nổi tiếng đã có mặt trên thị trường trong một thời gian dài. Vấn đề này ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn khi có nhiều loại sản phẩm BVTV giả, chất lượng thấp được bán với giá rẻ. Một số Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật ở Đồng bằng sông Cửu Long thừa nhận rằng cần tăng cường việc kiểm tra phát hiện các sản phẩm bảo vệ thực vật giả và kém chất lượng.²²

21 Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế về việc quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

22 "Thuốc BVTV giả chất lượng thấp ngoài tầm kiểm soát", *Báo Vietnamnews*, ngày 13 tháng 1 năm 2017. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/society/417266/fake-low-quality-pesticides-out-of-control.html#5D4lzoHStVgq8cFl.99>> truy cập lần cuối ngày 20 tháng 1 năm 2020.

Bên cạnh đó, hệ thống và cơ chế thực thi pháp luật ở cấp độ thị trường cần được nâng cao. Sự hạn chế về kiến thức liên quan đến Luật Sở hữu Trí tuệ của các cơ quan cũng làm cho vấn đề trở nên nghiêm trọng hơn. Thêm vào đó, việc một số công ty áp dụng thủ thuật thông thường như thêm các hoạt chất chưa đăng ký vào sản phẩm mà không khai báo trên nhãn (được gọi là hoạt chất AI ẩn) cũng gây nguy cơ mất an toàn thực phẩm và vượt giới hạn dư lượng thuốc BVTV. Vấn đề này đã được Hiệp hội Chè Việt Nam báo động do hàng xuất khẩu bị trả lại bởi các nước nhập khẩu.²³

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc làm giả các sản phẩm thuốc BVTV là một vấn đề nhức nhối của xã hội, không chỉ ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất cây trồng và cuộc sống của người nông dân mà còn gây thiệt hại về danh tiếng và quyền sở hữu trí tuệ cho doanh nghiệp. Hoạt động giả mạo thuốc BVTV đang gia tăng với thủ đoạn ngày càng tinh vi hơn. Tình trạng này không chỉ gây thiệt hại lớn cho sức khỏe và phúc lợi của nông dân, cho thị trường và danh tiếng của ngành nông nghiệp Việt Nam trong thương mại quốc tế mà còn đặt ra thách thức cho các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp hoạt động hợp pháp.

Công tác chống sản phẩm BVTV giả mạo, kém chất lượng là việc quan trọng và cần phải được đẩy mạnh thực thi bởi các cơ quan hữu quan, bao gồm việc triển khai các nguồn lực cần thiết. Vì vậy, việc nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật cùng với nâng cao nhận thức và tăng cường đào tạo tập huấn sẽ giúp Việt Nam trở thành quốc gia sản xuất và xuất khẩu toàn cầu về nông sản và các sản phẩm thực phẩm. Sản phẩm bất hợp pháp đang gây ra những tác động tiêu cực lên nền kinh tế vì những ý tưởng đổi mới, cải tiến sẽ không thể được thực hiện thành công hoặc không nhận được sự hỗ trợ cần thiết trong khi việc đổi mới và cải tiến trong nông nghiệp đóng vai trò then chốt để gia tăng năng suất, phát triển nông thôn cũng như bảo vệ môi trường bền vững.

Khuyến nghị

- Nâng cao kiến thức và trách nhiệm của cán bộ cấp cơ sở về Luật Sở hữu Trí tuệ và các quy định hướng dẫn để hỗ trợ việc phát hiện và tránh vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trên thị trường;
- Áp dụng hình phạt nghiêm khắc với hành vi phạm tội trong sản xuất và buôn bán thuốc BVTV giả;
- Tăng cường theo dõi và giám sát nghiêm ngặt hơn việc sử dụng các sản phẩm BVTV;
- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát và quản lý chặt chẽ các trường hợp nghi ngờ vi phạm;
- Thực thi các quy định hiện hành về sử dụng sản phẩm giả và sản phẩm bất hợp pháp;
- Thực thi các quy định hiện hành về nhãn mác và thông tin hướng dẫn rõ ràng để giúp nông dân sử dụng chính xác và an toàn;
- Nâng cao nhận thức của người nông dân, nhà sản xuất và doanh nghiệp bán lẻ về tình trạng sử dụng thiếu trách nhiệm hàng giả và hàng kém chất lượng;
- Tổ chức tập huấn cho người nông dân, nhà sản xuất và doanh nghiệp bán lẻ với sự hỗ trợ của khu vực tư nhân để hạn chế việc sử dụng hàng giả và hàng kém chất lượng.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban CroPLife Việt Nam thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:
Phạm Văn Lợi, Chủ tịch Tiểu ban Croplife Việt Nam

23. "Ngành sản xuất chè và bài toán xây dựng chuỗi giá trị", *Báo Nông thôn Việt*, ngày 17 tháng 12 năm 2018. Xem tại: <<http://nongthonviet.com.vn/nong-nghiep/201812/nganh-san-xuat-che-va-bai-toan-xay-dung-chuoi-gia-tri-737705/>> truy cập lần cuối ngày 20 tháng 1 năm 2020.

CHƯƠNG 15 DIỄN ĐÀN Y TẾ EUROCHAM

TỔNG QUAN

Việt Nam tiếp tục thu hút sự quan tâm từ các công ty hàng đầu trên thế giới trong lĩnh vực khoa học đời sống. Diễn đàn Y tế thuộc EuroCham – với các thành viên đến từ Ngành Dược phẩm Phát minh (Pharma Group), Ngành Dược phẩm Chất lượng Quốc tế – Generic và Sinh phẩm tương tự (IQMED – Generic & SPTT), và Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán (MDD SC) – hoan nghênh những nỗ lực không ngừng của Chính phủ nhằm phát triển ngành y tế tại Việt Nam.

Diễn đàn Y tế thuộc EuroCham mong muốn tiếp tục đối thoại và hợp tác sâu rộng với Chính phủ, hướng đến phát triển môi trường đầu tư và hệ thống y tế hàng đầu vì người bệnh tại Việt Nam.

I. HỢP TÁC ĐỂ PHÁT TRIỂN LĨNH VỰC KHOA HỌC ĐỜI SỐNG

Cơ quan Chính phủ liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Y tế (BYT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT)

Mô tả vấn đề

Chính phủ Việt Nam đã đạt được tiến bộ ấn tượng trong hai thập kỷ qua trong việc cải thiện sức khỏe cho công dân. Việc Chính phủ mở rộng mục tiêu chăm sóc sức khỏe để giải quyết không chỉ nhu cầu cơ bản và đa dạng của người dân đối với các dịch vụ và sản phẩm chất lượng, mà còn tăng cường giá trị kinh tế do ngành tạo ra đã tạo ra cơ hội để Việt Nam phát triển toàn ngành và trở thành quốc gia hàng đầu trong ASEAN về chất lượng chăm sóc sức khỏe chất lượng cao trong 15 năm tới.

Thông qua đối thoại với Chính phủ Việt Nam, ngành y tế quốc tế được khuyến khích bởi (a) sự cởi mở của Việt Nam đối với đầu tư nước ngoài và cơ hội tiếp cận công bằng với thị trường Việt Nam (b) sự thừa nhận vai trò quan trọng của chúng tôi trong việc mang lại các sản phẩm chất lượng cao để phòng ngừa, chẩn đoán, điều trị và giám sát (c) các chính sách mới khuyến khích việc chuyển giao kiến thức và năng lực toàn cầu đối với các doanh nghiệp địa phương và trong nước tại Việt Nam. Diễn đàn Y tế EuroCham tin rằng việc phê chuẩn Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) là một thành tựu lớn và sẽ tiếp tục mang lại lợi ích cho bệnh nhân và thúc đẩy thương mại.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việt Nam có cơ hội phát triển ngành khoa học đời sống giá trị cao và tự vận hành bền vững, trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn trong khu vực ASEAN. Diễn đàn Y tế EuroCham luôn sẵn sàng đối thoại với Chính phủ về các yếu tố thúc đẩy nêu trên nhằm định hướng giải pháp, hướng đến mục tiêu tổng quát là phát triển môi trường đầu tư hấp dẫn và một hệ thống y tế bền vững.

Khuyến nghị

Để hiện thực hóa mục tiêu này, chúng tôi khuyến nghị như sau:

- Tăng cường đối thoại giữa Chính phủ, ngành Y tế và các bên liên quan để xác định các chính sách tổng thể**, một mặt giải quyết các vấn đề ngắn hạn phát sinh và mặt khác đảm bảo lợi ích cho người bệnh, đồng thời, Chính phủ cùng với ngành Y tế chung tay thực hiện thành công các hiệp định thương mại quốc tế gần đây;
- Xây dựng khung pháp lý có thể đoán định và có tầm nhìn đủ xa để thu hút các công ty nước ngoài hoạt động và trở thành đối tác lâu dài tại Việt Nam.** Cần đưa ra các chính sách ưu đãi khuyến khích các công ty đa quốc gia đầu tư dài hạn cho cách ngành sản xuất địa phương, chuyển giao công nghệ, đầu tư vào năng lực địa phương và giáo dục y tế;

- Thành lập nhóm công tác liên Bộ dưới sự chỉ đạo của đại diện cấp cao từ phía Chính phủ để xây dựng Lộ trình phát triển ngành.** Sự kết hợp các chủ thể chính bao gồm các cơ quan quản lý, ngành công nghiệp, học viện và các chuyên gia kinh tế để hợp tác với Chính phủ hướng tới việc xây dựng lộ trình này. Việc sẽ kích thích đầu tư mới trong ngắn hạn và trung hạn, và nâng cấp các tiêu chuẩn chất lượng và năng lực của ngành chăm sóc sức khỏe của Việt Nam trong dài hạn.

II. TIẾP TỤC Củng cố các tiêu chuẩn đạo đức trong ngành y tế nhằm tăng cường sự liêm chính và độ tin cậy

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT), Tổng hội Y học Việt Nam (VMA), Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (VWU), Hiệp hội Doanh nghiệp Dược Việt Nam (VNPCA), Hội Dược học Việt Nam (VPA), Hội Thiết bị Y tế Việt Nam (VMEDAS)

Mô tả vấn đề

Ngành y tế Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ. Niềm tin cùng sự liêm chính và minh bạch tại Việt Nam đóng vai trò ngày một quan trọng trong việc hình thành mối quan hệ giữa các chuyên gia y tế, ngành dược phẩm và trang thiết bị y tế để phục vụ tốt nhất cho người bệnh. Các thành viên Diễn đàn Y tế EuroCham tin tưởng rằng chúng tôi, với kinh nghiệm quốc tế, giá trị và thực hành đạo đức vững mạnh, có thể mang đến những đóng góp ý nghĩa trong việc thúc đẩy tiêu chuẩn đạo đức cao, công bằng, liêm chính và minh bạch giữa các chủ thể trong ngành y tế.

Thông qua Bộ Quy tắc Đạo đức trong từng ngành, Pharma Group, IQMED – Generic & SPTT, và MDD SC đã thiết lập và áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức quốc tế làm nền tảng cho các hoạt động của các công ty thành viên chúng tôi tại Việt Nam. Chúng tôi tiếp tục tích cực theo sát những tiêu chuẩn toàn cầu, và trong thời gian qua đã có những cập nhật tương ứng, thậm chí chặt chẽ hơn trong các Bộ Quy tắc Đạo đức của chúng tôi. Những Bộ Quy tắc này không chỉ tuân theo các quy định pháp luật và những hướng dẫn đạo đức của Việt Nam, mà còn (i) đặt trọng tâm vào người bệnh, và (ii) thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học và giáo dục trên cơ sở những tiêu chuẩn đạo đức quốc tế cao nhất. Đặc biệt trong năm 2019, các Tiểu ban Ngành nghề thuộc Diễn đàn Y tế EuroCham đã đạt được những bước tiến đáng kể trong việc phát triển các Bộ Quy tắc Đạo đức trong ngành. Bản cập nhật của Bộ Quy tắc của Pharma Group và IQMED – Generic & SPTT có hiệu lực vào Quý 1 năm 2019. Đồng thời, Bộ Quy tắc đầu tiên của MDD SC đã đi vào hiệu lực từ ngày 2 tháng 10 năm 2019.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Chúng tôi tin tưởng rằng những cam kết về tiêu chuẩn đạo đức cao giữa các chủ thể trong ngành y tế sẽ không chỉ mang lại lợi ích cho người bệnh, mà còn thúc đẩy trách nhiệm và sự cạnh tranh công bằng, hướng đến một môi trường đầu tư hấp dẫn hơn tại Việt Nam.

Khuyến nghị

Chúng tôi trân trọng cảm ơn Bộ Y tế và Chính phủ vì sự quan tâm không ngừng, và mong nhận được sự hỗ trợ của Quý vị cho những nỗ lực của chúng tôi trong việc thúc đẩy những tiêu chuẩn đạo đức và tuân thủ cao, hướng đến sự phát triển của hệ thống y tế chất lượng cao tại Việt Nam, thông qua:

- Các hiệp hội doanh nghiệp trong nước và quốc tế áp dụng những Bộ quy tắc Đạo đức ngành với cùng tiêu chuẩn đạo đức cao.** Pharma Group, IQMED – Generic & SPTT và MDD SC mong muốn chia sẻ các thực hành tốt nhất và các Bộ Quy tắc Đạo đức mới của chúng tôi với các đối tác khác trong lĩnh vực y tế; và
- Tăng cường đối thoại với tất cả các bên liên quan trong lĩnh vực y tế, bao gồm cả cộng đồng y tế, để thúc đẩy tiêu chuẩn đạo đức cao.** Vào tháng 9 năm 2017 tại Hà Nội, chúng tôi tự hào tham gia ký kết cam kết chung về Hoạt động Liêm chính và Minh bạch tại Việt Nam với Tổng hội Y học Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Dược học Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp Dược Việt Nam, Hiệp hội Thiết bị Y tế Việt Nam và Ban Y tế thuộc Hiệp hội Thương mại Hoa Kỳ tại Việt Nam. Chúng tôi tin rằng Cam kết chung, với nội dung khuyến khích các bên thiết lập riêng các quy tắc, quy chế thực hành về tiêu chuẩn đạo đức trong hoạt động hợp tác, đồng thời hướng đến một môi trường thuận lợi, tạo điều kiện cho các bên liên quan tăng cường đối thoại, sẽ là nền tảng hoàn hảo cho nỗ lực chung này.

III. THỨC ĐẨY HỢP TÁC CÔNG – TƯ ĐỂ CUNG CẤP DỊCH VỤ Y TẾ CHẤT LƯỢNG CAO VÀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG Y TẾ BỀN VỮNG CHO VIỆT NAM

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Bộ Tư pháp (BTP)

Mô tả vấn đề

Với dân số đang già hóa nhanh, ngành Y tế Việt Nam đang đứng trước bước ngoặt: khi thu nhập tăng, khả năng tiếp cận Bảo hiểm y tế toàn dân (UHC) của người dân cũng tăng, đầu tư của Chính phủ cho cơ sở hạ tầng gia tăng và từ đó nhu cầu đối với các sản phẩm và dịch vụ y tế chất lượng cao cũng không ngừng tăng lên. Vì vậy, rất cần sự tham gia tích cực của khu vực tư nhân và mô hình Hợp tác Công-Tư (PPP) nhằm phát triển dịch vụ y tế, nâng cao năng lực và khả năng quản lý hiệu quả dịch bệnh.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Hợp tác Công-Tư (PPP) dựa trên dịch vụ có thể thúc đẩy sự tham gia từ khu vực tư nhân hướng đến một hệ thống y tế toàn diện, có tầm nhìn xa và bền vững vì lợi ích của người dân Việt Nam.

Dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà hiện đang là chủ đề nóng đáng được quan tâm. Số lượng bệnh nhân cần được điều trị và tình trạng bệnh viện quá tải là những thách thức mà BYT quyết tâm khắc phục. Tình trạng thiếu giường bệnh tại các bệnh viện của Việt Nam hiện nay đã dẫn tới hiện tượng mất cân bằng giữa “cung và cầu”. Ngay cả các hệ thống y tế với nhiều giường bệnh cũng đã thiết lập dịch vụ chăm sóc tại nhà để nâng cao khả năng theo dõi các bệnh mạn tính và hay tái phát cho bệnh nhân tiếp tục điều trị tại nhà sau khi ra viện. Chi phí y tế hiện đang là một gánh nặng lớn đối với người bệnh ở Việt Nam, do vậy, họ rất cần một phương án điều trị phù hợp hơn với khả năng tài chính của mình.

Khuyến nghị

1. Hợp tác Công-Tư (PPP) dựa trên dịch vụ

Xây dựng khung pháp lý (Thông tư hướng dẫn của BYT) cho các mô hình PPP trong lĩnh vực Y tế mang tính sáng tạo (lĩnh vực dịch vụ), lồng ghép vào Chiến lược Tài chính Y tế Quốc gia. Chúng tôi khuyến nghị tập trung vào 3 khía cạnh chính như sau:

- Nâng cao năng lực, phát triển nguồn nhân lực (bao gồm nhân viên điều dưỡng, dược sỹ, nhân viên phòng thí nghiệm, bác sỹ) và quản lý cơ sở vật chất y tế (đặc biệt là tại các cấp cơ sở, cấp tỉnh);
- Nâng cao năng lực chuyên môn (bao gồm chẩn đoán, theo dõi, hồ sơ bệnh án, trạm y tế cộng đồng, lọc máu vv.); và
- Tăng cường công tác phòng bệnh (ví dụ: theo dõi, quản lý dịch bệnh đối với các bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm, các nhóm làm việc đa ngành).

Chúng tôi khuyến nghị Bộ Y tế và Diễn đàn Y tế EuroCham cùng ký kết một Biên bản Ghi nhớ để triển khai giai đoạn thí điểm nhằm sàng lọc các dự án khả thi cũng như đặt nền móng cho sự hợp tác giữa hai bên.

2. Mô hình chăm sóc sức khỏe tại nhà

Việt Nam nên khuyến khích việc hình thành và phát triển kế hoạch chăm sóc sức khỏe chuyên nghiệp tại nhà, theo đó cho phép bệnh nhân tiếp cận các phương án điều trị có sự tham gia của các chuyên gia y tế, nhằm giảm thiểu số lần đến bệnh viện, đặc biệt là đối với các bệnh nhân mắc bệnh mạn tính. Mô hình chăm sóc sức khỏe tại nhà sẽ giúp bệnh nhân được điều trị, giải quyết tình trạng quá tải tại các bệnh viện, tối ưu hóa mức chi tiêu công cho các bệnh mạn tính và giảm thiểu chi phí y tế tự chi trả cho các hộ gia đình. Đồng thời, chúng ta có thể cùng cải thiện chất lượng cuộc sống của tất cả các bệnh nhân mắc các bệnh mạn tính. Chúng tôi sẵn sàng hợp tác cùng với Chính phủ để xây dựng và phát triển chương trình chăm sóc sức khỏe tại nhà.

LỜI CẢM ƠN

Các Tiểu ban Ngành nghề thuộc Diễn đàn Y tế EuroCham

CHƯƠNG 15A THUỐC CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ – GENERIC VÀ SINH PHẨM TƯƠNG TỰ

PHẦN 1: THUỐC GENERIC

TỔNG QUAN

Tiểu ban Thuốc Chất lượng Quốc tế - Generic và Sinh phẩm Tương tự (IQMED - Generic và Sinh phẩm tương tự) là một Tiểu ban Dược phẩm được thành lập trong khuôn khổ Diễn đàn Y tế EuroCham¹ vào tháng 8 năm 2016. Các thành viên của Tiểu ban IQMED – Generic và Sinh phẩm tương tự là các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hoặc các doanh nghiệp dược nước ngoài có trụ sở tại các quốc gia tham gia ICH² và có văn phòng đại diện tại Việt Nam. Một số công ty thành viên của chúng tôi còn sản xuất trong nước trực tiếp hoặc hợp tác với các đối tác địa phương. Các công ty của chúng tôi cung cấp sản phẩm tại ít nhất 10 quốc gia thuộc Liên minh châu Âu (EU), châu Á Thái Bình Dương (APAC) và Bắc Mỹ với 50% doanh thu từ các sản phẩm thuốc biệt dược gốc, thuốc generic nhóm 1, thuốc generic nhóm 2 theo quy định đấu thầu hiện hành hoặc được Liên minh châu Âu cấp Tương đương sinh học (BE) hoặc Sinh khả dụng (BA).

Tất cả các thành viên của IQMED – Generic và Sinh phẩm tương tự cam kết thực hiện sứ mệnh cung cấp cho người dân Việt Nam những dịch vụ và dược phẩm hết hạn bảo hộ độc quyền với chất lượng cao, uy tín, giá cả hợp lý và nguồn cung ổn định. Hàng triệu bệnh nhân Việt Nam đang sử dụng sản phẩm của các thành viên của chúng tôi mỗi ngày.

Các hoạt động chính của Tiểu ban IQMED - Generic và Sinh phẩm tương tự tập trung vào việc đóng góp hoàn thiện chính sách và hợp tác với các bên liên quan chính trong lĩnh vực y tế như Chính phủ, nhà cung cấp dịch vụ và đơn vị chi trả bảo hiểm ở Việt Nam để xây dựng khung pháp lý và nền tảng triển khai hiệu quả.

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRỊ PHÙ HỢP CHO BỆNH NHÂN VIỆT NAM

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (BHXH), Ủy ban Về các vấn đề xã hội thuộc Quốc hội (UBCVĐXH).

Mô tả vấn đề

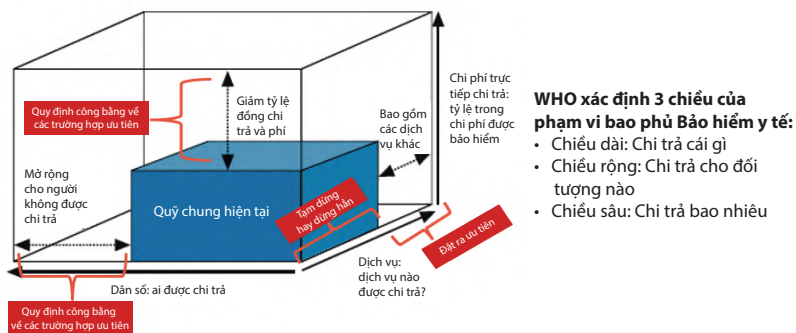
Một trong những mục tiêu quan trọng cho ngành Y tế của Chính phủ Việt Nam là chương trình bảo hiểm y tế toàn dân. Theo báo cáo của BHXH, cuối tháng 8 năm 2019, 89,6% người dân Việt Nam tham gia và tiếp cận với hệ thống thanh toán bảo hiểm y tế.³ Việc mở rộng phạm vi bảo hiểm không chỉ thu hút nhiều bệnh nhân hơn mà còn mang đến các lợi ích tốt hơn cho bệnh nhân và giảm chi phí cho người bệnh.

1 Diễn đàn Y tế EuroCham là một nền tảng phối hợp cho các Tiểu ban hoạt động trong Ngành Y tế, hiện nay là Tiểu ban Thuốc Chất lượng Quốc tế - Generic và Sinh phẩm tương tự (IQMED – Generic & Sinh phẩm tương tự), Tiểu ban Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán (MDD SC) và Tiểu ban Dược phẩm (Pharma Group). Diễn đàn Y tế giúp các công ty đại diện cho ngành này thảo luận, chia sẻ và bảo vệ các lợi ích và quyền lợi chung. Với đặc điểm đa dạng trong ngành này, Diễn đàn Y tế cũng bao gồm lợi ích khác nhau của các công ty đại diện trong ngành. Tất cả Tiểu ban đều được EuroCham hỗ trợ như nhau.

2 Khoản 3 Điều 3 Thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập: "ICH (International Conference on Harmonisation) là tên viết tắt tiếng Anh của Hội nghị quốc tế về hài hòa hóa các thủ tục đăng ký dược phẩm sử dụng cho con người".

3 Báo cáo số 1085/BC-BYT ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Bộ Y tế.

Hình 5: Mở rộng 3 chiều cho Bảo hiểm Y tế toàn dân



Nguồn: Tổ chức Y tế Thế giới⁴

Người bệnh tại Việt Nam đang phải chịu gánh nặng tài chính lớn với những khoản phí điều trị lớn phải tự chi trả do thiếu các cơ sở y tế chất lượng cao ở những nơi không phải là trung tâm thành phố lớn cũng như quan niệm rằng bệnh viện tuyến trên có chất lượng khám chữa bệnh tốt hơn, dẫn đến tình trạng người bệnh phải chuyển lên thành phố để điều trị. Vì vậy, cần có các phương án điều trị với giá cả hợp lý để giảm gánh nặng chi trả cao trên vai người bệnh tại Việt Nam. Mặc dù các công ty sản xuất thuốc trong nước đã nâng cao khả năng cung cấp sản phẩm theo Thông tư 03/2019/TT-BYT,⁵ một phần lớn nguồn cung thuốc vẫn phụ thuộc vào nhập khẩu.

Bộ Y tế hiện đang cân nhắc các phương án điều trị thay thế áp dụng cho đa số bệnh nhân ở Việt Nam mà vẫn đảm bảo chi phí không tăng đối với thuốc generic chất lượng cao.

Khả năng chi trả chi phí điều trị được quản lý ở nhiều cấp độ: Thứ nhất, ở cấp sản phẩm/dược phẩm thông qua quy trình lựa chọn và đánh giá của Chính phủ. Thứ hai, ở cấp độ dịch vụ thông qua chi phí mà bệnh nhân tự chi trả khi khám tại bệnh viện.

Khả năng chi trả không chỉ giới hạn ở giá cả mà còn đòi hỏi sự đánh giá hợp lý tổng chi phí thực tế để cung cấp toàn bộ dịch vụ. Chi phí sử dụng giải pháp trị liệu chất lượng thấp và hậu quả do sai sót y tế hoặc do nhiễm trùng cần phải được xem xét đầy đủ. Việc một bệnh nhân thường xuyên tới khám bệnh không chỉ làm tăng áp lực đối với những nguồn lực khả dụng của bệnh viện mà còn khiến bệnh nhân phải gánh thêm các loại phí dịch vụ, đặc biệt đối với những bệnh nhân mắc bệnh mạn tính.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việt Nam được xem là quốc gia có tỷ lệ tự chi trả y tế cao. Điều này đồng nghĩa với việc rất nhiều hộ gia đình sẽ gặp khó khăn trong việc quản lý thu nhập và chi trả cho các vấn đề sức khỏe.

Việt Nam có cơ hội xây dựng một quy trình đánh giá khả năng sử dụng một loại dược phẩm hoặc các sản phẩm dựa trên nhiều tiêu chí vượt xa tiêu chí về giá. Từ đó thiết lập một mô hình chăm sóc y tế bền vững, dựa trên khả năng chi trả của người bệnh. Thông tư mới quy định về việc đấu thầu thuốc generic⁶ tạo ra sự cân bằng phù hợp giữa đánh giá giá chất lượng, sản xuất trong nước và giá cả. Tuy nhiên, vẫn có lỗ hổng trong quy trình mà nếu được cải thiện, có thể giảm giá thuốc hơn nữa và đảm bảo an toàn cho người bệnh. Dưới đây là một số vấn đề liên quan đến quy trình hiện tại:

- Việc phân bổ khối lượng giữa từng nhóm nhà thầu không rõ ràng và có sự khác biệt đáng kể giữa các bệnh viện,
- Nhà thầu trúng thầu và cam kết về hạn ngạch không phải lúc nào cũng đáp ứng 80% mức tiêu thụ, dẫn đến tình trạng nhà sản xuất phải sản xuất quá nhiều, làm tăng chi phí; và
- Năng lực kiểm soát chất lượng và giám sát hậu tiếp thị của nhà sản xuất của nhà nhập khẩu không phải là yếu tố chính trong quy trình đấu thầu.

4 “Tài chính y tế cho bảo hiểm toàn cầu”, Tổ chức Y tế Thế giới. Xem tại: <https://www.who.int/health_financing/strategy/dimensions/en/>, truy cập lần cuối ngày 28 tháng 1 năm 2019.
 5 Thông tư 03/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp.
 6 Thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế hướng dẫn việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.

Khuyến nghị

Theo quan điểm của chúng tôi, Chính phủ cần rà soát công tác phân loại sản phẩm như dược phẩm biệt dược hay dược phẩm generic trên cơ sở kinh nghiệm và số liệu thu thập được trong những năm gần đây. Quy trình này cần phải được sửa đổi để đảm bảo đạt được các mục tiêu kỳ vọng, đồng thời không ngừng cải thiện công tác kiểm soát chi phí. Việc triển khai đánh giá trên cơ sở kinh tế học-dược phẩm giúp đảm bảo mối quan hệ chi phí - tính hiệu quả của sản phẩm dược phẩm được xem xét kỹ lưỡng, từ đó giúp phân bổ ngân sách chi trả hiệu quả hơn.

Chúng tôi cũng tin rằng BHYT cần tạo điều kiện triển khai mô hình điều trị tại nhà (ngoại trú) thông qua các cơ chế hỗ trợ chi phí ưu đãi nhằm giảm số lượng bệnh nhân đổ về các bệnh viện, đặc biệt những bệnh nhân mắc các bệnh mạn tính. Điều này giúp hạn chế được những chi phí mà người bệnh phải tự chi trả.

- Chúng tôi khuyến nghị: Việc tiếp tục phân loại nâng cao quy trình đấu thầu tại Việt Nam để mang lại cơ hội cải thiện, mang lại lợi ích cho Chính phủ và kiểm soát ngân sách. Các cơ quan hữu quan và các bên liên quan chính hiện đã có đủ kinh nghiệm và hiểu biết sâu sắc về quy trình đấu thầu hiện tại, bao gồm cả việc phân loại thuốc. Các công ty thành viên của IQMED - Generic và Sinh phẩm tương tự đề xuất thảo luận chi tiết hơn về các lỗ hổng được xác định trong quá trình đấu thầu và cơ hội cải thiện.
- Các cơ quan hữu quan cần có các biện pháp đo lường khối lượng thực tế mà các nhà cung cấp phải cam kết thực hiện đúng.

PHẦN 2: THUỐC SINH HỌC TƯƠNG TỰ (BIOSIMILARS)

TỔNG QUAN

Thuốc sinh phẩm, còn được biết đến là sinh phẩm tham chiếu, đã được sản xuất trong 30 năm qua và đang được sử dụng trên lâm sàng cho một số bệnh. Gần đây, giấy chứng nhận bảo hộ quyền sáng chế của nhiều sinh phẩm tham chiếu này hết hạn, và các công ty dược nghiên cứu và phát triển các thuốc sinh học tương tự với chi phí thấp hơn, mà độ an toàn, độ tinh khiết và hiệu lực tương tự như sinh phẩm tham chiếu. Những chế phẩm sinh học tương tự này được gọi là biosimilars.

Các loại thuốc sinh học tương tự (biosimilars) không giống như thuốc phiên bản generic - một loại thuốc có phân tử giống hệt với một loại thuốc hóa dược hiện có, chẳng hạn như aspirin. Điều này là do, không giống như thuốc hóa dược, thuốc sinh học không thể sao chép hoàn toàn chính xác được. Thuốc sinh học tương tự cũng không giống thực phẩm chức năng hoặc thuốc có nguồn gốc tự nhiên hay thảo dược. Tuy nhiên, thuốc sinh học (bao gồm thuốc sinh học tương tự) có nguồn gốc từ các sinh vật sống, chẳng hạn như các tế bào sống đã được biến đổi bằng công nghệ sinh học. Điều này cho phép các sinh vật hoặc tế bào sống này có thể sản xuất hoạt chất của thuốc sinh học. Hoạt chất này sau đó được trích ly khỏi các tế bào. Các hoạt chất này (ví dụ: protein) thường lớn hơn và phức tạp hơn so với các thuốc hóa dược.

Lộ trình đăng ký đối với thuốc sinh học tương tự

Thuốc sinh học tương tự là các dược phẩm thiết yếu có thể cung cấp các loại thuốc sinh học quan trọng cho các thị trường khác nhau với chi phí hiệu quả. Việc hết hạn bảo hộ quyền sáng chế của nhiều loại thuốc sinh học dẫn đến sự cần thiết phải có hướng dẫn cụ thể liên quan đến việc phát triển và phê duyệt các thuốc sinh học tương tự. Nói chung, thuật ngữ "sinh phẩm tương tự" (biosimilar) dùng để chỉ một sản phẩm tương tự về mặt sinh học và chức năng với sản phẩm tham chiếu, còn được gọi là thuốc gốc. Theo định nghĩa này, các loại thuốc này có thể được xem là tương đồng - nhưng không giống hệt - với thuốc tham chiếu. Những loại thuốc này không thể được xem là một phiên bản (generic) của thuốc gốc vì chúng không phải là các dược phẩm dạng đơn phân tử (phân tử nhỏ) có nguồn gốc hóa học, giống hệt với các loại thuốc gốc cả về tính tương đương bào chế (hoạt chất giống hệt nhau) và tương đương sinh học (dược động học tương đương nhau). Hơn nữa, trong trường hợp thuốc generic, một khi các tiêu chí tương đương được xác định, các loại thuốc này có thể được miễn thực hiện nghiên cứu về hiệu quả lâm sàng và độ an toàn. Đối với một loại thuốc sinh học tương tự, hoạt chất là một protein không thể giống hệt với thuốc tham chiếu của nó là do cơ chế sản xuất sinh học của chúng.

Do cách tiếp cận tiêu chuẩn của thuốc generic không thể áp dụng để chứng minh tính tương tự của các thuốc

có nguồn gốc sinh học/công nghệ sinh học, nên cần phải có các quy định cụ thể để đăng ký, sản xuất và so sánh giữa các loại thuốc. Khi nhu cầu tiếp cận với thuốc sinh phẩm ở mức giá thấp hơn tăng lên, cả thế giới có vẻ như đang nỗ lực hướng tới một khuôn khổ để phát triển và phê duyệt các loại thuốc sinh học tương tự. Đây là lý do tại sao nhiều quốc gia đang tiến đến một khuôn khổ chung cho các quy định về sinh phẩm tương tự.

Cơ quan Quản lý Dược châu Âu (EMA) là cơ quan quản lý đầu tiên thiết lập một khuôn khổ để phê duyệt sinh phẩm tương tự và đã ban hành hướng dẫn vào năm 2005. Kể từ đó, cơ quan này đã công bố thêm các hướng dẫn tổng quan và cụ thể theo sản phẩm về sinh phẩm tương tự và đã phê duyệt hơn 30 loại thuốc sinh học. Trong thập kỷ qua, các hướng dẫn về sinh phẩm tương tự đã được ban hành ở các thị trường được kiểm soát chặt chẽ khác như Úc, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc và Hoa Kỳ. Hơn thế nữa, vào năm 2009, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã công bố hướng dẫn nhằm đưa ra “các nguyên tắc được thống nhất trên toàn cầu” để đánh giá sinh phẩm tương tự. Với mục đích hỗ trợ các cơ quan quản lý quốc gia ở các khu vực khác trong việc cấp phép cho các loại thuốc sinh học tương tự được đề xuất, các hướng dẫn của WHO được xem là một bước tiến để đạt được hài hòa toàn cầu cho các yêu cầu phê duyệt sinh phẩm tương tự.

Hài hòa hóa toàn cầu

Theo các yêu cầu quy định của các khu vực khác nhau được mô tả trong phần trước, dường như không có sự khác biệt đáng kể trong khái niệm chung và các nguyên tắc cơ bản của các hướng dẫn này. Có năm nguyên tắc được công nhận liên quan đến việc đánh giá các thuốc sinh học tương tự: (1) phương pháp tiếp cận của generic không phù hợp với sinh phẩm tương tự; (2) các thuốc sinh học tương tự sẽ giống với thuốc tham chiếu về chất lượng, độ an toàn và hiệu quả; (3) cần có một cách tiếp cận so sánh theo từng bước để cho thấy sự tương đồng về mặt chất lượng của thuốc sinh học tương tự với thuốc tham chiếu, đây là điều kiện tiên quyết để giảm khối lượng dữ liệu phi lâm sàng và lâm sàng được đệ trình; (4) đánh giá một loại sinh phẩm tương tự dựa trên cách tiếp cận theo từng trường hợp cụ thể cho các loại sản phẩm khác nhau; (5) nhấn mạnh tầm quan trọng của cảnh giác dược. Thiết lập tính tương tự sinh học cho phép nhà sản xuất thuốc sinh học tương tự dựa vào hồ sơ hiệu quả và an toàn rộng hơn của thuốc gốc, do đó cho phép cấp phép dựa trên bộ hồ sơ dữ liệu lâm sàng và phi lâm sàng giản lược. Tính tương tự sinh học được xác định dựa trên toàn bộ bằng chứng từ tất cả các giai đoạn của quá trình so sánh. Các bước chứng minh tính tương tự sinh học bao gồm (1) thí nghiệm phân tích in vitro, (2) so sánh dược lý phi lâm sàng, (3) độc chất học, (4) thử nghiệm được động (PK) và (5) một hoặc nhiều thử nghiệm lâm sàng để xác nhận chất lượng, hiệu quả và độ an toàn của sinh phẩm tương tự được đề xuất bằng cách so với sản phẩm tham chiếu.

Kinh nghiệm của các nước châu Âu về Sinh phẩm tương tự (Biosimilars)

Cơ quan Quản lý Dược phẩm châu Âu (European Medicines Agency – EMA) là một cơ quan của Liên minh châu Âu (EU) được phân quyền chịu trách nhiệm đánh giá khoa học về các loại thuốc được phát triển bởi các công ty dược phẩm để sử dụng tại Liên minh châu Âu. Liên minh châu Âu là khu vực đầu tiên xây dựng lộ trình phê duyệt sinh phẩm tương tự do hết hạn bảo hộ quyền sáng chế sớm hơn đối với thuốc được sản xuất bằng công nghệ sinh học ở các nước châu Âu.

Liên minh châu Âu đã xây dựng khung pháp lý về sinh phẩm tương tự vào năm 2004, và các cơ quan quản lý của Liên minh châu Âu đã xây dựng một lộ trình phê duyệt theo quy định đối với các loại sinh phẩm tương tự bắt đầu từ năm 2005; sinh phẩm tương tự đầu tiên đã được phê duyệt ở châu Âu vào năm 2006.

Hướng dẫn của EMA

EMA đã đưa ra ba hướng dẫn bao gồm các nguyên tắc cơ bản, chất lượng và các cân nhắc lâm sàng và phi lâm sàng liên quan đến sinh phẩm tương tự:

- Hướng dẫn về Sản phẩm Thuốc Sinh học Tương tự có Chứa Protein có Nguồn gốc từ Công nghệ Sinh học làm Hoạt chất: Vấn đề Chất lượng (EMA/CHMP/BWP/247713/2012): được xây dựng vào năm 2006 và có hiệu lực vào tháng 12 năm 2014, tài liệu này đề cập đến các yêu cầu về quy trình sản xuất, thực hành so sánh về chất lượng, lựa chọn của sản phẩm tham chiếu, phương pháp phân tích, đặc tính hóa lý, hoạt tính sinh học, độ tinh khiết và thông số kỹ thuật của sản phẩm thuốc sinh học tương tự.
- Hướng dẫn về Sản phẩm Thuốc Sinh học Tương tự (CHMP/437/04 Rev 1): được xây dựng vào năm 2005 và có hiệu lực vào tháng 4 năm 2015, tài liệu này mô tả và đề cập đến việc áp dụng cách tiếp cận sinh phẩm tương tự, lựa chọn sản phẩm tham chiếu và các nguyên tắc thiết lập tính tương tự.

- Hướng dẫn về Sản phẩm Thuốc Sinh học Tương tự có Chứa Protein có Nguồn gốc từ Công nghệ Sinh học làm Hoạt chất: Các Vấn đề Lâm sàng và Phi lâm sàng (EMA/CHMP/BMWP/42832/2005 Rev 1): được xây dựng vào năm 2006 và có hiệu lực vào tháng 7 năm 2015, tài liệu này trình bày tổng quan về các yêu cầu đối với các nghiên cứu phi lâm sàng và nghiên cứu lâm sàng khi đánh giá các sản phẩm sinh phẩm tương tự cũng như kế hoạch quản lý rủi ro, đặc biệt chú trọng đến khả năng gây miễn dịch.

Ngoài ra, EMA đã phát triển các hướng dẫn cụ thể cho từng sản phẩm để phát triển các sinh phẩm tương tự. Có sẵn hướng dẫn cụ thể cho từng loại cho một số loại sản phẩm sinh phẩm tương tự.

“Không giống hệt nhau” so với “Khác biệt có ý nghĩa trên lâm sàng”

Kinh nghiệm của EMA với việc đánh giá các sinh phẩm tương tự đã chứng minh giá trị của dữ liệu lâm sàng trong việc đánh giá tính tương tự sinh học. Các tiêu chuẩn phê duyệt của EMA đã được áp dụng cho một tập hợp đáng kể các sản phẩm sinh phẩm tương tự được đề xuất và đã sàng lọc thành công những sản phẩm có sự tương đồng đáng kể về mặt phân tích và trên lâm sàng từ các sản phẩm có kết quả không đầy đủ hoặc không được chấp nhận.

Phần lớn các sản phẩm sinh phẩm tương tự được EMA xem xét đều đã được cấp phép lưu hành trên thị trường. Một số sản phẩm sinh học tương tự được EMA đánh giá để cấp phép lưu hành trên thị trường đã bị từ bỏ hoặc rút khỏi thị trường bởi chính công ty sau khi EMA nêu lên quan ngại trong quá trình xem xét. Lấy ví dụ, EMA đã từ chối phê duyệt một loại sinh phẩm tương tự là alpha-interferon dựa trên các kết quả cho thấy sự khác biệt về mặt sinh lý có ý nghĩa thống kê và các khác biệt trên lâm sàng (được động học, hiệu quả và khả năng dung nạp) giữa các nhóm điều trị bằng sinh phẩm tương tự và sinh phẩm tham chiếu. Các lo ngại khác của Ủy ban về Sản phẩm Thuốc dùng cho Người (CHMP) bao gồm: tạp chất, thiếu dữ liệu về độ ổn định, khác biệt đáng kể về tỷ lệ tác dụng không mong muốn và thiếu xác nhận đầy đủ trong các thử nghiệm đáp ứng miễn dịch và quy trình sản xuất. Tương tự, ba đơn đăng ký cho sinh phẩm tương tự insulin của người ở châu Âu đã bị rút lại sau khi các sản phẩm này không chứng minh được tính tương tự về dược lực học với sản phẩm tham chiếu. Cuối cùng, sinh phẩm tương tự hormon tăng trưởng của người tái tổ hợp là ví dụ về một sản phẩm sinh học tương tự đã được EMA phê duyệt để lưu hành trên thị trường sau khi các vấn đề an toàn ban đầu đã được giải quyết. Trong một nghiên cứu lâm sàng được ủy quyền trước để so sánh sinh phẩm tương tự với sản phẩm tham chiếu, số lượng bệnh nhân sử dụng sinh phẩm tương tự đã tạo ra kháng thể kháng GH không trung hòa nhiều hơn so với những bệnh nhân sử dụng sinh phẩm tham chiếu. Do đó, đã có những thay đổi trong các bước tinh chế của quy trình sản xuất sản phẩm sinh phẩm tương tự và các vấn đề về khả năng gây miễn dịch đã được giải quyết.

Không thể kỳ vọng các sinh phẩm tương tự sẽ giống hệt với các thuốc sinh phẩm tham chiếu. Việc sử dụng các dòng tế bào khác biệt và các quy trình sản xuất khác nhau dẫn đến các protein có đặc điểm cấu trúc khác biệt so với protein gốc. Ví dụ, đã có ghi nhận về những điểm khác biệt của sinh phẩm tương tự ở châu Âu so với sản phẩm tham chiếu xét về các biến đổi sau phiên mã (PTM) như glycosyl hóa, phosphoryl hóa, acetyl hóa và sialyl hóa. Những khác biệt sinh lý giữa công thức của sinh phẩm tương tự và công thức tham chiếu đã được quan sát thấy trong trường hợp không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong các thông số lâm sàng. Vào năm 2013, EMA đã phê duyệt một sinh phẩm tương tự là yếu tố hoại tử chống ung thư (TNF) mAb đầu tiên. Mặc dù đã phát hiện được một số khác biệt trong hoạt tính sinh học trong xét nghiệm in vitro, khác biệt này không được xem là có ý nghĩa lâm sàng do không ảnh hưởng đến hoạt tính của sinh phẩm tương tự trong các mô hình thí nghiệm được xem là phù hợp hơn với các điều kiện sinh lý bệnh ở người bệnh. Các cơ quan quản lý trên thế giới tiếp tục nhấn mạnh tầm quan trọng của kiểm nghiệm lâm sàng để đánh giá tác động lâm sàng, nếu có, của những khác biệt nhỏ về mặt sinh lý này.

Tại sao chúng ta cần có một lộ trình phê duyệt rút gọn cho sinh phẩm tương tự? Chia sẻ kinh nghiệm

Sản phẩm sinh học là loại sản phẩm trị liệu phát triển nhanh nhất ở Hoa Kỳ và ngày càng chiếm tỷ lệ đáng kể trong chi phí chăm sóc sức khỏe. Thông qua Đạo luật Cạnh tranh Giá cả Chế phẩm Sinh học và Sáng chế, Quốc hội Hoa Kỳ đã tạo ra một lộ trình phê duyệt rút gọn để người dân được tiếp cận nhiều hơn với các sinh phẩm an toàn và hiệu quả. Lộ trình này cung cấp nhiều lựa chọn điều trị hơn, có khả năng giảm chi phí y tế thông qua cạnh tranh và tăng khả năng tiếp cận với các loại thuốc cứu sống bệnh nhân (life saving).

Lộ trình cấp phép rút gọn không đồng nghĩa với việc áp dụng tiêu chuẩn phê duyệt thấp hơn cho các sinh phẩm tương tự hoặc các sản phẩm thay thế. Trong thực tế, như được mô tả trên đây, cần có những bộ dữ liệu lớn để phê duyệt một sinh phẩm tương tự hoặc sản phẩm có thể thay thế. Nếu một nhà sản xuất sinh phẩm tương tự có thể chứng minh rằng sản phẩm của họ giống với sản phẩm tham chiếu, thì việc căn cứ vào độ an toàn và hiệu

quả của sản phẩm tham chiếu để hỗ trợ quá trình phê duyệt hoàn toàn có cơ sở khoa học. Điều này cho phép rút ngắn thời gian và giảm chi phí cho chương trình phát triển thuốc sinh học tương tự.

Cần nhắc an toàn

Một trọng tâm quan trọng của việc phát triển sinh phẩm tương tự là vấn đề an toàn. Phát triển một sinh phẩm tương tự có hồ sơ an toàn tương tự như sản phẩm tham chiếu có thể gặp khó khăn do cấu trúc phân tử phức tạp và đòi hỏi quy trình sản xuất phức tạp. Ngoài ra, cấu trúc phân tử của các sinh phẩm cũng nhạy với những thay đổi về công thức, bao bì và cách bảo quản. Các cân nhắc về vấn đề an toàn bao gồm tạo miễn dịch, phản ứng quá mẫn và tăng nguy cơ gặp các tác dụng phụ bất lợi khác.

Cân nhắc quan trọng về khả năng tạo miễn dịch tiềm tàng của thuốc sinh phẩm: mặc dù khả năng tạo miễn dịch có thể là mối ngại tiềm tàng đối với tất cả các loại thuốc sinh phẩm, nhưng có một số điểm quan trọng cần cân nhắc. Bản thân khả năng tạo miễn dịch không phải là vấn đề về an toàn: Phản ứng nghiêm trọng do tăng đáp ứng miễn dịch rất hiếm khi xảy ra và thường là phản ứng miễn dịch đối với một loại thuốc sinh phẩm không liên quan đến hậu quả lâm sàng (ví dụ: các kháng thể kháng thuốc có thể chỉ tồn tại trong thời gian ngắn). Bản chất của các phản ứng miễn dịch phụ thuộc vào nhiều yếu tố: Khả năng tạo miễn dịch có thể bị ảnh hưởng không chỉ bởi các đặc tính của sản phẩm (ví dụ: thay đổi cấu trúc protein có thể xảy ra trong quá trình bảo quản hoặc vận chuyển không đúng cách, hoặc protein có thể hình thành các khối kết tụ), mà còn bởi các yếu tố liên quan đến điều trị (ví dụ: nguy cơ có thể thay đổi khi tiêm dưới da so với khi tiêm tĩnh mạch hoặc với phác đồ điều trị liên tục so với không liên tục) và các yếu tố liên quan đến bệnh nhân hoặc bệnh (ví dụ: tuổi, tình trạng di truyền và miễn dịch hoặc các điều trị đồng thời). Khả năng tạo miễn dịch gây hại không thể xảy ra sau khi thay đổi quy trình sản xuất hoặc sau khi chuyển đổi: Nhiều loại thuốc sinh phẩm được dùng để kiểm soát các tình trạng mạn tính trong dài hạn, và do đó, theo thời gian, bệnh nhân có thể nhận các loại thuốc sinh phẩm với những khác biệt nhỏ. Kinh nghiệm cho thấy đáp ứng miễn dịch có hại không thể xảy ra sau khi thay đổi quy trình sản xuất thuốc sinh phẩm bởi vì các nghiên cứu so sánh chứng minh rằng lô sản phẩm từ quy trình sản xuất mới có chất lượng không đổi và không có tạp chất hay khối kết tụ để có thể kích hoạt tạo miễn dịch. Cũng không có lý do nào để tin rằng có thể có khả năng tạo miễn dịch có hại sau khi chuyển đổi giữa các loại thuốc sinh phẩm có độ tương tự rất cao. Khả năng tạo miễn dịch luôn được giám sát sau tiếp thị: Khả năng tạo miễn dịch của thuốc sinh phẩm luôn được các cơ quan quản lý giám sát sau khi thuốc được bán trên thị trường. Điều này đặc biệt quan trọng để tìm hiểu các phản ứng miễn dịch hiếm gặp chỉ có thể được phát hiện sau một thời gian dài theo dõi trên một lượng lớn bệnh nhân. Dữ liệu về khả năng tạo miễn dịch cần thiết để phê duyệt một sinh phẩm tương tự: Các nghiên cứu lâm sàng về khả năng tạo miễn dịch thường được yêu cầu đối với thuốc sinh phẩm. Trong trường hợp của kháng thể đơn dòng, các nghiên cứu này luôn luôn được yêu cầu do tỷ lệ tạo miễn dịch không mong muốn, đặc điểm của đáp ứng miễn dịch hay hậu quả lâm sàng khó dự đoán hơn. Các nghiên cứu loại này xem xét cả đáp ứng miễn dịch ngắn hạn (ví dụ: phản ứng liên quan đến tiêm truyền) cũng như dài hạn (ví dụ: đáp ứng chậm do phản ứng miễn dịch tiến triển).

Trong 10 năm qua, hệ thống giám sát của của Liên minh châu Âu về các mối quan ngại an toàn đã không xác định được bất kỳ khác biệt có liên quan nào về bản chất, mức độ nghiêm trọng hay tần suất xảy ra tác dụng phụ giữa thuốc sinh phẩm tương tự và sinh phẩm tham chiếu.

Cần phân biệt sinh phẩm tương tự với “Sinh phẩm sao chép” (biocopies)

Cơ quan Quản lý Dược châu Âu (EMA) định nghĩa sinh phẩm tương tự là các “sản phẩm thuốc sinh học có chứa một phiên bản hoạt chất của một sản phẩm thuốc sinh học gốc đã được cấp phép (sản phẩm thuốc tham chiếu). Một thuốc sinh phẩm tương tự giống với sản phẩm thuốc tham chiếu về đặc tính chất lượng, hoạt tính sinh học, tính an toàn và hiệu quả dựa trên việc thực hiện so sánh toàn diện”. FDA Hoa Kỳ định nghĩa sinh phẩm tương tự là “sản phẩm sinh học rất giống (highly similar) với sản phẩm tham chiếu mặc dù có những khác biệt nhỏ trong các thành phần không có hoạt tính lâm sàng và không có khác biệt có ý nghĩa lâm sàng so với sản phẩm tham chiếu về độ an toàn, độ tinh khiết và hiệu nghiệm. Trong bối cảnh này, việc phân biệt giữa sinh phẩm tương tự và “sinh phẩm sao chép” (biocopies) (còn được gọi bằng các thuật ngữ “biomimics”, “intended copies” hoặc “nonregulated biologics” (thuốc sinh học không được kiểm soát)) - các phiên bản của kháng thể đơn dòng hoặc protein tổng hợp được lưu hành ở các quốc gia nơi có quy định ít nghiêm ngặt hơn - là rất quan trọng. Một trong những quan ngại lớn nhất về tính an toàn của sinh phẩm tương tự là nguy cơ tiềm ẩn xảy ra tác dụng không mong muốn dựa trên miễn dịch. Do kích thước phân tử, thuốc sinh học có thể trực tiếp tạo ra các kháng thể kháng thuốc có thể gây hậu quả đáng kể xét về độ an toàn. Kháng thể kháng thuốc cũng có thể làm giảm nồng độ thuốc và ảnh hưởng đến hiệu quả lâm sàng, nhưng mặc dù dữ liệu hiện có cho thấy các sinh phẩm tương tự và sản phẩm tham chiếu

của chúng có khả năng miễn dịch tương đương nhau, đặc điểm quan trọng này có thể khác nhau giữa các dược phẩm sinh học riêng lẻ.

“Sinh phẩm sao chép” (biocopies): một loại dược phẩm sinh học được tuyên bố là có độ tương tự cao với một sản phẩm tham chiếu nhất định, nhưng chưa trải qua quá trình phát triển lâm sàng đầy đủ và chưa được phê duyệt theo lộ trình quản lý áp dụng cho sinh phẩm tương tự. Các “sinh phẩm sao chép” này không được đánh giá so sánh lâm sàng và phi lâm sàng và phân tích nghiêm ngặt trước khi phê duyệt để lưu hành trên thị trường theo quy định về lộ trình quản lý của sinh phẩm tương tự. Do đó, các sản phẩm này có thể có sự khác biệt đáng kể trên lâm sàng về chất lượng, hiệu quả và độ an toàn so với các sản phẩm tham chiếu. Một số loại “sinh phẩm sao chép” đã được chứng minh là làm giảm hiệu lực sinh học hoặc có tỷ lệ tác dụng không mong muốn xảy ra cao hơn, điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tuân theo một lộ trình quản lý nghiêm ngặt để phê duyệt tất cả các loại thuốc sinh học. “Thuốc sao chép” đang tạo ra sự nhầm lẫn cho các bác sĩ khi kê đơn, và hiện vẫn còn thiếu hướng dẫn về lộ trình quản lý và khả năng thay thế của loại thuốc này.

THUỐC SINH HỌC TƯƠNG TỰ: TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN CỦA BỆNH NHÂN TỚI CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ TIÊN TIẾN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (BHXH), Ủy ban Về các vấn đề xã hội thuộc Quốc hội (UBCVĐXH).

Mô tả vấn đề

Sự phát triển của sinh phẩm tương tự là một nỗ lực nhằm cải thiện các thách thức về tiếp cận chăm sóc y tế mà bệnh nhân phải đối mặt, giúp tiết kiệm chi phí cho các hệ thống chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ y, bác sĩ có thêm nhiều lựa chọn điều trị cho bệnh nhân.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Lợi ích cho bệnh nhân:

Sự ra đời của các loại sinh phẩm tương tự chất lượng cao, giá cả phải chăng giúp tăng khả năng tiếp cận với các loại thuốc hiệu quả cho bệnh nhân trên toàn thế giới. Liên minh châu Âu đã chứng kiến sự gia tăng 100% việc sử dụng các phương pháp điều trị sinh học sau khi các thuốc sinh học tương tự được lưu hành tại Liên minh châu Âu.⁷

Lợi ích cho các nhân viên y tế:

Sự ra đời của thuốc sinh học tương tự sẽ thúc đẩy cạnh tranh, đưa ra nhiều lựa chọn điều trị hơn và các dịch vụ giá trị gia tăng để hỗ trợ chăm sóc bệnh nhân và cộng đồng y tế. Từ năm 2016 đến 2020, sẽ có 225 hoạt chất mới được phát triển và đưa ra thị trường trên toàn thế giới, với 30% dự kiến là thuốc sinh học.

Lợi ích đối với người chi trả:

Thuốc sinh học tương tự mang đến sự cạnh tranh, tăng khả năng chi trả cho thuốc sinh phẩm, giúp tiết kiệm cho các hệ thống chăm sóc sức khỏe, giúp giải phóng các nguồn lực có thể được sử dụng để cải thiện việc chăm sóc và tài trợ cho các loại thuốc thế hệ tiếp theo. Mức tiết kiệm tích lũy trong 5 năm tới (2016-2021) tại EU5* và Hoa Kỳ cộng lại có thể dao động từ 49 tỷ Euro đến 98 tỷ Euro.

⁷ “Thuốc sinh học tương tự Biosimilars”, US FDA. Xem tại: <<https://www.fda.gov/Drugs/DevelopmentApprovalProcess/HowDrugsareDevelopedandApproved/ApprovalApplications/TherapeuticBiologicApplications/Biosimilars/>>, truy cập lần cuối ngày 28 tháng 1 năm 2019. “Cung cấp tiềm năng của các loại thuốc sinh học”, IMS Institute for Healthcare Informatics (2016). Lin-Chau Chang, Tạp chí phân tích thực phẩm và thuốc số 27 (2019) 671-678. Isaacs J, et al. Considerations Med 2017;1:3-6. Anita Krishnan et al. Biosimilars 2015:5 19-32. Kumar et al., J Pharmacovigilance 2015, S3. Richard Markus et al. BioDrugs (2017) 31:175-187. Jun Wang et al. Pharmaceuticals 2012, 5, 353-368.

Lợi ích kinh tế y tế từ thuốc sinh học tương tự (ở Liên minh châu Âu):

Vấn đề già hóa dân số đang gia tăng ở Liên minh châu Âu. Trong việc hỗ trợ nhóm dân số già ngày càng tăng lên, các nước châu Âu có nghĩa vụ phải dành một tỷ lệ GDP ngày một lớn để cung cấp mức bảo hiểm y tế cần thiết. Các liệu pháp mới và phát minh đưa ra những tiến bộ không thể khước từ sẽ tiếp tục nâng cao chi phí và tăng kỳ vọng của bệnh nhân. Chi phí chăm sóc sức khỏe được quan tâm hàng đầu trong chương trình nghị sự của mọi quốc gia thành viên Liên minh châu Âu, nhiệm vụ của tất cả các chính phủ là chăm sóc bệnh nhân tốt nhất và với công nghệ mới nhất, đồng thời cố gắng hạn chế sự gia tăng đáng kể về chi phí liên quan. Trong 10 năm qua, việc ra đời các loại thuốc sinh học tương tự chất lượng cao đã tạo ra một tác động đáng kể trong việc giảm chi tiêu chăm sóc sức khỏe trên toàn Liên minh châu Âu. Việc giảm chi tiêu này đã giúp quản lý ngân sách và cho phép số lượng lớn hơn bệnh nhân tiếp cận tốt hơn với các loại thuốc quan trọng.

Khuyến nghị

Dựa trên kinh nghiệm của các nước châu Âu, Hoa Kỳ, IQMED - Generic và Sinh phẩm tương tự khuyến nghị Chính phủ xem xét, sớm ban hành lộ trình quản lý cho thuốc sinh học tương tự và tạo điều kiện cho việc giới thiệu các loại thuốc sinh học tương tự chất lượng cao nhằm giảm chi phí y tế và cân bằng các kỳ vọng chăm sóc sức khỏe cho bệnh nhân.

Cần đánh giá lại các loại “thuốc sao chép” (biocopies) chưa được cơ quan quản lý phê duyệt theo lộ trình quản lý áp dụng cho sinh phẩm tương tự sau khi lộ trình quản lý trong nước cho thuốc sinh học tương tự được ban hành.

Tiểu ban IQMED – Generic và Sinh phẩm tương tự cam kết hỗ trợ Chính phủ và các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc đưa ra các hướng dẫn và quy định về quản lý liên quan đến sinh phẩm tương tự của EMA, FDA Hoa Kỳ, WHO và các thành viên của ASEAN. Chúng tôi sẵn sàng hỗ trợ đào tạo về xác minh đăng ký sinh phẩm tương tự cho các chuyên gia tại Cục Quản lý Dược, Bộ Y tế và các chuyên gia xác minh các đơn đăng ký sinh phẩm tương tự tại Việt Nam.

PHẦN 3: CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ, SẢN XUẤT GIA CÔNG VÀ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

TỔNG QUAN

Mô tả vấn đề

Theo Cơ sở dữ liệu EudraGMP - một cơ sở dữ liệu chung công khai về cấp phép sản xuất, nhập khẩu và phân phối bán buôn, chúng nhận Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP) và chúng nhận Thực hành tốt phân phối thuốc (GDP) được duy trì và vận hành bởi Cơ quan Quản lý Dược châu Âu, tính đến ngày 15 tháng 10 năm 2019, có 7 công ty tại Việt Nam với 14 chứng nhận EU-GMP được cấp.⁸

Các chứng nhận này được cấp trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2019, tương đương với 3,2 chứng nhận EU-GMP mỗi năm. Đây chỉ là một phần nhỏ so với số lượng chứng nhận EU-GMP được cấp trong cùng thời gian này ở Đức (1646), Ba Lan (1140), Pháp (934), Vương quốc Anh (917), Hoa Kỳ (380) hoặc ở Hungary (277).⁹

⁸ Cơ sở dữ liệu EudraGMP, Tuân thủ GMP. Xem tại: <<http://eudragmp.ema.europa.eu/inspections/gmpc/searchGMPCompliance.do>> truy cập lần cuối ngày 7 tháng 1 năm 2020.

⁹ Dữ liệu của Cơ sở dữ liệu cho thời gian từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 21 tháng 12 năm 2019, Tuân thủ GMP. Xem tại: <http://eudragmp.ema.europa.eu/inspections/gmpc/searchGMPCompliance.do> truy cập lần cuối ngày 7 tháng 1 năm 2020.

Bảng 2: Chứng nhận EU-GMP cấp cho các công ty dược tại Việt Nam

| Số chứng nhận | Số tham chiếu của Tài liệu EudraG-MDP | Loại tài liệu | Tên cơ sở | Địa chỉ | Thành phố | Quốc gia | Ngày kết thúc kiểm tra |
|-------------------------|---------------------------------------|---------------|---|---|-----------------------|----------|------------------------|
| OGYÉI/227 58-6/2019 | 64139 | GMPC | Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi | Lô Z.01-02-03a KCN trong KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7. | Thành phố Hồ Chí Minh | Việt Nam | 2019-08-30 |
| DE_HE_01_GMP_201 9_0194 | 56788 | GMPC | Công ty TNHH Liên doanh Stel-lapharm – Chi nhánh 1 | Số 40 Đại lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Bình Dương | Tỉnh Bình Dương | Việt Nam | 2019-03-07 |
| 482760-0001 | 53446 | GMPC | Ngân hàng máu của Bệnh viện Truyền máu Huyết học TP Hồ Chí Minh (BTH) | 118 Đường Hồng Bàng, Quận 5 | Thành phố Hồ Chí Minh | Việt Nam | 2018-12-06 |
| FT072/S1/ MH/001/2018 | 51726 | GMPC | Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm | Lô B16/1 đường số 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân | Thành phố Hồ Chí Minh | Việt Nam | 2018-09-21 |
| DE_HE_01_GMP_201 8_0127 | 50764 | GMPC | Công ty Cổ phần Pymepharco | 166-170, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Tuy Hòa, Sản xuất vô trùng Betalactam (Khối B) | Việt Nam | Việt Nam | 2018-01-31 |
| MED09/20 18/001 | 48020 | GMPC | Công ty TNHH Medocheme (Viễn Đông), (Cơ sở sản xuất thuốc dạng lỏng và bán rắn) | Số 10, 12 và 16 VSIP II-A, Đường 27, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II-A, xã Vĩnh Tân | Thị xã Tân Uyên | Việt Nam | 2017-12-14 |
| MED08/20 18/001 | 48037 | GMPC | Công ty TNHH Medocheme (Viễn Đông), (Cơ sở sản xuất thuốc uống) | Số 40, VSIP II Đường 6, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II, Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương | Thành phố Thủ Dầu Một | Việt Nam | 2017-12-14 |
| DE_HE_01_GMP_201 7_1064 | 45079 | GMPC | Công ty Cổ phần Pymepharco | 166-170, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Tuy Hòa | Việt Nam | Việt Nam | 2017-10-03 |
| BG/GMP/2 017/098 | 42251 | GMPC | Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyl | Lô Y.01-02A Khu công nghiệp/Khu chế xuất Tân Thuận, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7 | Thành phố Hồ Chí Minh | Việt Nam | 2017-04-07 |
| MED10/20 17/001 | 48057 | GMPC | Công ty TNHH Medocheme (Viễn Đông), (Cơ sở sản xuất Cephalosporin vô trùng) | Số 10, 12 và 16 VSIP II-A, Đường 27, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II-A, xã Vĩnh Tân | Thị xã Tân Uyên | Việt Nam | 2017-03-15 |

| | | | | | | | |
|---|-------|------|---|--|--------------------------------|----------|------------|
| UK GMP 46387 Insp GMP 46387/146 73770- 0001 | 39282 | GMPC | Công ty TNHH PHIL Inter Pharma | Số 20, Đại lộ Hữu Nghị, VSIP | Thuận An, Bình Dương | Việt Nam | 2016-10-11 |
| UK GMP 46387 Insp GMP 46387/152 75896- 0001 | 39281 | GMPC | Công ty TNHH PHIL Inter Pharma | Số 25, Đường số 8, VSIP | Thuận An, Bình Dương | Việt Nam | 2016-10-11 |
| ES/141HV/16 | 38540 | GMPC | Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm | Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II, Thành phố Thủ Dầu Một | Thành phố Thủ Dầu Một | Việt Nam | 2016-02-15 |
| SK/033V/2015 | 33294 | GMPC | Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyl | Lô Y.01-02A Khu công nghiệp/Khu chế xuất Tân Thuận, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7 | Thành phố Hố Chí Minh | Việt Nam | 2015-10-29 |

Nguồn: Cơ sở dữ liệu EudraGMP

Điều này cho thấy Việt Nam chỉ đang ở giai đoạn khởi đầu của kỷ nguyên chuyển giao công nghệ.

Với việc Chính phủ Việt Nam khuyến khích các công ty dược phẩm nước ngoài tăng cường đầu tư, chuyển giao công nghệ và bí quyết, chúng ta có thể kỳ vọng vào hệ thống hỗ trợ hiện có cho các nhà đầu tư.

Kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2018, Luật Chuyển giao Công nghệ 2017 có hiệu lực, thay thế cho Luật Chuyển giao Công nghệ 2006. Luật mới đã thể hiện một số điều khoản tiến bộ nhằm khuyến khích hơn nữa các hoạt động chuyển giao công nghệ tại Việt Nam. Tuy nhiên, các công ty có kế hoạch chuyển giao công nghệ vẫn sẽ gặp nhiều trở ngại.

Mặc dù Việt Nam được xem là nơi chuyển giao công nghệ, các nhà đầu tư vẫn còn nhiều quan ngại và các quan ngại được phân thành 3 nhóm chính như sau:

1. Cơ sở hạ tầng

- Thiếu cơ sở vật chất phù hợp;
- Thiếu kinh nghiệm trong sản xuất thuốc chất lượng cao, bao gồm thiếu nhà cung cấp công nghệ dược phẩm (máy móc, phần mềm) trong nước, dịch vụ kiểm soát chất lượng và hiệu chuẩn, thời gian chờ đợi kết quả thí nghiệm kéo dài;
- Số lượng nhân viên có trình độ cao hạn chế và thiếu các chương trình đào tạo chuyên môn để nâng cao kiến thức và kỹ năng của nhân viên; và
- Việt Nam đưa ra rất nhiều quy định miễn thuế và ưu đãi thuế đặc biệt cho các công nghệ cao nhưng cần kiểm tra chi tiết và thời hạn của các quy định này (so sánh các tỉnh, các địa điểm khác nhau, ví dụ như các khu công nghiệp đặc biệt), nếu không, có thể dẫn đến chi phí đầu tư cao ngoài dự tính (đặc biệt là liên quan đến bảo vệ môi trường). Việt Nam cũng thiết lập một quỹ hỗ trợ đặc biệt cho công nghệ cao nhưng không được áp dụng cho các nhà đầu tư nước ngoài.

2. Rào cản kỹ thuật

- Mặc dù các quy định về sản xuất thử nghiệm được thực hiện tại Việt Nam và dựa trên hướng dẫn chung của WHO, nhưng trên thực tế, các quy trình phân phối hoạt chất dược phẩm (API) cho trình tự xác thực (sản xuất thí điểm) trước khi được cấp giấy phép cho sản phẩm rất khó tiến hành;
- Với việc ban hành Quyết định 18/2019/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2019 quy định việc nhập khẩu máy

móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng, các tiêu chí và quy trình nhập khẩu máy móc đã qua sử dụng đã được làm rõ, tuy nhiên vẫn là thách thức đối với các nhà đầu tư, đặc biệt là khi công ty muốn chuyển các dây chuyền sản xuất và máy móc từ nhà máy ở nước ngoài sang nhà máy tại địa phương của cùng một nhà sản xuất;

- Thủ tục hải quan mất thời gian và phức tạp (giao máy móc); và
- Những khó khăn trong việc thực thi các quy định về bảo hộ Quyền sở hữu trí tuệ và không tiết lộ, ngay cơ bị đánh cắp công nghệ được chuyển giao. Năm 2019, Luật Sở hữu trí tuệ đã được sửa đổi, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước: quy định lại việc đăng ký bắt buộc các thỏa thuận chuyển giao công nghệ đã gây lo ngại cho các bên liên quan. Các luật liên quan quy định rằng thỏa thuận chuyển giao công nghệ sẽ chỉ có hiệu lực khi được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền trong khi quá trình đăng ký này thường kéo dài (tối đa một hoặc hai tháng). Nếu không có các giải pháp được tính toán cẩn thận để giảm thiểu rủi ro QSHTT liên quan đến chuyển giao công nghệ, các nhà đầu tư có thể bị mất khả năng cạnh tranh và thị phần do mất QSHTT vào tay các đối thủ cạnh tranh trong nước. Cần làm rõ rằng các bên cấp phép nước ngoài trong lĩnh vực y tế không có nghĩa vụ phải tiết lộ nội dung của các phương pháp chẩn đoán hoặc điều trị mới trước khi ký hợp đồng chuyển giao công nghệ để được Bộ Y tế phê duyệt.

3. Các yếu tố về tiếp cận thị trường

- Hiện nay, các quy định về sản xuất, phân phối, đấu thầu tại Việt Nam đang khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao công nghệ thuốc. Do đó, các nhà sản xuất trong nước và các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam đang nỗ lực cải tiến nhà máy để đáp ứng các tiêu chuẩn EU-GMP và nhận chuyển giao công nghệ. Thuốc có công nghệ chuyển giao đã được sản xuất trong các nhà máy đạt tiêu chuẩn EU-GMP sẽ được phân loại vào Nhóm 1 hoặc Nhóm 2 trong hoạt động đấu thầu của các bệnh viện. Tuy nhiên, điều này vẫn không đảm bảo việc sử dụng sản phẩm, vậy nên đây vẫn là lý do khiến các nhà đầu tư ngần ngại khi khẳng định thời gian và giá trị đầu tư;
- Chuyển giao công nghệ không đảm bảo xuất khẩu; và
- Quá trình đăng ký thuốc mất nhiều thời gian và công sức.

Bảng 3: Thời gian biểu thực hiện EU-GMP dựa trên chuyển giao công nghệ từ một công ty nước ngoài đối với hoạt động sản xuất tại Việt Nam

Kế hoạch tổng thể thực hiện EU-GMP THỜI GIAN BIỂU

| | | | | | | | | |
|--------------------|-----------------------------------|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------------------|------------------------------------|--------------------|-------------------|
| TỔNG QUÁT | Bắt đầu 4.2018 | Kế hoạch chi tiết 6.2018 | | | | Kiểm tra bởi Philippines | Kiểm tra EU-GMP | Chứng nhận GMP |
| SẢN XUẤT | | Bắt đầu Tự động hóa 5.2018 | | Vùng HP 12.2019 | Kết thúc Tự động hóa 12.2019 | Vùng HP 07.2020 | | |
| KHO VẠN | | Nhà xưởng giai đoạn I 9.2018 | | | | | | |
| CHẤT LƯỢNG | Thiết bị QC 5.2018 | Bắt đầu cập nhật QMS | Đổi mới QC | | QMS sẵn sàng cho PIC/S | QMS sẵn sàng cho EU-GMP | | |
| CHUYỂN GIAO | Kế hoạch Chuyển giao 3.2018 | | Sản phẩm A 01.2019 | Sản phẩm B 07.2019 | Sản phẩm C 07.2019 | Kết thúc Chuyển giao 05.2020 | | |
| | 2018 | | 2019 | | 2020 | | 2021 | Q1 2021 |

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Chuyển giao công nghệ có thể mang lại lợi ích rõ ràng cho nền kinh tế Việt Nam. Dưới đây là các lợi ích quan trọng:

- Mở rộng quy mô ngành công nghiệp dược phẩm trong nước (khối lượng lớn, chất lượng cao nhưng cũng nâng cao tiêu chuẩn chất lượng trong các nhà sản xuất địa phương khác, ngay cả những nhà sản xuất không có tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tiêu chuẩn tương đương);
- Chuyển giao kiến thức (bí quyết, phát triển danh mục thuốc địa phương); và
- Khả năng mở rộng: ngay cả khi không còn các cơ sở mới, các công ty được chứng nhận EU-GMP hiện tại vẫn có thể cung cấp dịch vụ sản xuất gia công, sản xuất theo hợp đồng và sản xuất nhiều loại thuốc chất lượng cao trong nước.

Tất cả những điều trên đều giúp nâng cao an toàn thuốc (cung cấp đủ) và đảm bảo an toàn cho người bệnh tại Việt Nam, đây chắc chắn sẽ được xem là một cơ hội lớn và mang lại lợi ích quốc gia trên mọi phương diện từ việc chuyển giao công nghệ dược phẩm.

Ngoài ra, chuyển giao công nghệ có thể giúp cải cách ngành y tế để cung cấp bảo hiểm y tế toàn dân, ưu tiên quan trọng nhất của ngành y tế tại Việt Nam hiện nay. Chính phủ đặt mục tiêu đạt 90% dân số sẽ có bảo hiểm y tế vào năm 2020.¹⁰

Cách tiếp cận phù hợp để đơn giản hóa quy trình chuyển giao công nghệ và bí quyết sẽ không chỉ giúp bệnh nhân tiếp cận sớm với thuốc chất lượng cao mà còn đảm bảo chi tiêu công hiệu quả cho việc quản lý chăm sóc sức khỏe. Ngành y tế Việt Nam có thể nhận được nhiều lợi ích quan trọng từ việc áp dụng thực hành tốt nhất ở các thị trường khác, bao gồm:

- Duy trì các loại thuốc trong nước chất lượng cao cho người bệnh với giá cả phù hợp;
- Đảm bảo hiệu quả trong chi tiêu của Chính phủ; và
- Đảm bảo độ tin cậy của các nhà sản xuất trong nước đối với người bệnh tại Việt Nam.

Khuyến nghị

Đánh giá cơ sở hạ tầng và điều kiện pháp lý hiện tại, Tiểu ban IQMED khuyến nghị Chính phủ Việt Nam cần thực hiện 3 thay đổi lớn để hỗ trợ cho sáng kiến chuyển giao công nghệ tại Việt Nam:

- Đẩy nhanh lộ trình đăng ký cho tất cả các sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn EU-GMP hoặc các dây chuyền sản xuất tương đương với lộ trình thời gian rõ ràng cho các bước cụ thể;
- Chính phủ cần đảm bảo lợi ích rõ ràng cho các nhà sản xuất áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng cao như EU-GMP và tiêu chuẩn tương đương bằng cách đặt ra quy định về bảo đảm hạn ngạch sử dụng tương ứng, ví dụ như hợp đồng dài hạn dựa trên khối lượng, phương pháp tính điểm cao hơn trong đấu thầu;
- Đưa ra những cải tiến và ưu đãi thực hiện chuyển giao công nghệ như:
 - Rút ngắn thời gian thực hiện và quy định rõ ràng về thủ tục hải quan;
 - Áp dụng các tiêu chuẩn GDP (Thực hành tốt phân phối thuốc) để đảm bảo các điều kiện vận chuyển phù hợp từ nước ngoài đến Việt Nam và vận chuyển trong nước;
 - Danh sách các nhà cung cấp các loại dược phẩm và tá dược (API) được phê duyệt; và
 - Cho phép tất cả các công ty chuyển giao công nghệ được áp dụng ưu đãi thuế và các điều kiện thuận lợi về môi trường trong cả nước.

Tiểu ban IQMED - Generic và Sinh phẩm tương tự thuộc EuroCham cam kết sẽ tăng cường phối hợp với Chính phủ Việt Nam trong việc mời chuyên gia quốc tế, giới thiệu những mô hình thực tiễn và công cụ tốt nhất để xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động trên.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Thuốc Chất lượng Quốc tế - Generic và Sinh phẩm tương tự thuộc EuroCham

¹⁰ Bài phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị Bảo hiểm Y tế Quốc gia ngày 3 tháng 6 năm 2016.

CHƯƠNG 15B TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VÀ CHẨN ĐOÁN

TỔNG QUAN

Hạ tầng y tế của Việt Nam đã và đang được cải thiện nhanh chóng trong những năm vừa qua, nhờ vào những nỗ lực to lớn của các cơ quan quản lý chức năng nhằm củng cố hệ thống hạ tầng công trên cả nước và mở cửa thị trường cho các doanh nghiệp tư nhân tham gia cung ứng các dịch vụ y tế. Tốc độ tăng trưởng hai con số của thị trường trang thiết bị y tế và sinh phẩm chẩn đoán, trong đó các sản phẩm nhập khẩu chiếm đến 90% thị phần, là động lực thúc đẩy các công ty đa quốc gia phục vụ tốt hơn nữa thị trường này bằng cách đầu tư vào mạng lưới các đối tác trong nước, thiết lập các văn phòng đại diện hoặc phổ biến hơn là thành lập các chi nhánh tại Việt Nam và tuyển dụng các chuyên gia với chuyên môn cao. Đây cũng là cơ hội để một số công ty đa quốc gia (MNCs) thiết lập hoạt động sản xuất tại Việt Nam.

Việc này giúp khả năng tiếp cận tri thức và tiến bộ trong lĩnh vực y tế của cộng đồng y tế tại Việt Nam được cải thiện rõ rệt, các mức độ dịch vụ trước và sau bán hàng cho các đơn vị cung cấp dịch vụ y tế cũng được tăng cường để mang lại lợi ích cho người bệnh ở Việt Nam. Nghị định 36/2016/NĐ-CP¹ với hầu hết nội dung được đồng bộ với các chuẩn mực trong khu vực và quốc tế chính là đầu mối quan trọng đánh dấu bước tiến bộ về môi trường pháp lý. Việc thực thi đồng bộ Nghị định này sẽ giúp hoạt động cung ứng các thiết bị y tế và giải pháp chẩn đoán hiệu quả hơn mang định hướng chất lượng hơn nữa.

Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề tồn tại và cần được xem xét để Việt Nam tiếp tục tiến trình xây dựng hệ thống y tế hiện đại, tất cả người dân đều được tiếp cận hiệu quả các dịch vụ chăm sóc y tế mới và chất lượng cao. Tiểu ban Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán của EuroCham (MDD SC)² đã xác định được một số lĩnh vực then chốt cần được cải thiện và xin khuyến nghị với các cơ quan chức năng như sau:

- Cải thiện các quy định về quản lý thiết bị y tế và chẩn đoán;
- Cải thiện công tác quản lý các thiết bị “không còn mới”, hay còn gọi là “hàng tân trang”;
- Cải thiện khung pháp lý, ngân sách và thủ tục hành chính để tối ưu hóa việc sử dụng, chất lượng và chi phí mua sắm các thiết bị y tế theo vòng đời của thiết bị;
- Xây dựng hệ thống giám sát sau bán hàng và hệ thống quản lý chất lượng hiệu quả để đảm bảo tính an toàn của sản phẩm và dịch vụ;
- Cải thiện hành lang pháp lý, đẩy nhanh việc xử lý các thủ tục hải quan trong quá trình nhập khẩu TTBYT;
- Ngăn ngừa hoạt động giả mạo và nhập khẩu trái phép;
- Có thêm cơ chế quản lý về tiếp thị và quảng bá sản phẩm đối với sản phẩm chưa có giấy phép nhập khẩu hoặc giấy đăng ký lưu hành;
- Nâng cao tính minh bạch, tạo sân chơi bình đẳng và cạnh tranh công bằng trong hoạt động mua sắm công các thiết bị y tế và chẩn đoán;
- Chú trọng hơn nữa vào dịch vụ chăm sóc tại nhà để nâng cao hiệu quả của hệ thống y tế;
- Nâng cao nhận thức và kiểm soát việc sử dụng các thiết bị y tế sử dụng một lần; và

1 Nghị định 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quản lý Trang thiết bị Y tế.

2 Thành lập ngày 1 tháng 4 năm 2016 và thuộc Diễn đàn Y tế EuroCham. Diễn đàn này là một nền tảng phối hợp cho các Tiểu ban hoạt động trong Ngành Y tế, hiện nay là Tiểu ban Thuốc Chất lượng Quốc tế-Generic và Sinh phẩm tương tự (IQMED – Generic & Sinh phẩm tương tự), Tiểu ban Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán (MDD SC) và Tiểu ban Dược phẩm (Pharma Group). Diễn đàn Y tế giúp các công ty đại diện cho ngành này thảo luận, chia sẻ và bảo vệ các lợi ích và quyền lợi chung. Với đặc điểm đa dạng trong ngành này, Diễn đàn Y tế cũng bao gồm lợi ích khác nhau của các công ty đại diện trong ngành. Tất cả Tiểu ban đều được EuroCham hỗ trợ như nhau.

- Tiếp cận tốt hơn những tiến bộ về chăm sóc vết thương thông qua một hệ thống chi trả rõ ràng.

Trong khuôn khổ chương này, MDD SC xin được nhấn mạnh ba trong số các nội dung trên. Chúng tôi luôn sẵn sàng đối thoại chuyên sâu và phối hợp với Bộ Y tế (BYT) và các cơ quan chức năng khác để trao đổi về các nội dung này.

I. VIỆC ÁP DỤNG KHÔNG NHẤT QUÁN CÁC QUY ĐỊNH VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI TRANG THIẾT BỊ Y TẾ NHẬP KHẨU

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Tổng Cục Hải quan (TCHQ), Tổng Cục Thuế (TCT), Bộ Y tế (BYT)

Trang thiết bị y tế (TTBYT) nhập khẩu đóng vai trò quan trọng trong hệ thống y tế của Việt Nam. Năm 2016, tổng vốn đầu tư vào trang thiết bị y tế tại Việt Nam đạt 950 triệu Đô-la Mỹ. Đến năm 2017, con số này tăng lên 1,1 tỷ Đô-la Mỹ. Tăng trưởng đầu tư cho trang thiết bị y tế đạt trung bình 18% mỗi năm trong 5 năm gần đây.³ Trong đó, 90% trang thiết bị y tế được nhập khẩu từ các nước để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của các bệnh viện, trong đó bệnh viện công lập chiếm 70% thị phần tiêu thụ.⁴

Qua đó có thể thấy tầm quan trọng của trang thiết bị y tế nhập khẩu đối với ngành y tế của Việt Nam. Tuy nhiên, thời gian gần đây, việc nhập khẩu trang thiết bị y tế đang gặp phải một số bất cập trong chính sách, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của ngành. Trong đó phải kể đến việc áp dụng không nhất quán quy định về quản lý trang thiết bị y tế theo Nghị định 36⁵ và Nghị định 169,⁶ cụ thể là vấn đề áp dụng thuế Giá trị Gia tăng (GTGT) đối với trang thiết bị y tế nhập khẩu.

Mô tả vấn đề

Theo Nghị định 36 và Nghị định 169, việc phân loại trang thiết bị y tế được thực hiện bởi cơ sở đã công bố đủ điều kiện phân loại trang thiết bị y tế, còn Bộ Y tế không thực hiện phân loại TTBYT.

Tuy nhiên, hiện nay cơ quan hải quan vẫn căn cứ vào khoản 8, Điều 1, Thông tư 26 và yêu cầu doanh nghiệp cung cấp xác nhận của Bộ Y tế cho TTBYT nhập khẩu.⁷ Cụ thể, doanh nghiệp phải cung cấp xác nhận của Bộ Y tế để được áp dụng thuế suất thuế GTGT 5% cho thiết bị chuyên dùng, vật tư hóa chất xét nghiệm, diệt khuẩn dùng trong y tế mà không được đề cập tại Thông tư 26 và Thông tư 83/2014/TT-BTC.⁸ Do đó, nhiều mặt hàng TTBYT nhập khẩu mà theo Nghị định 36 và Nghị định 169 được phân loại là TTBYT hiện nay không được hưởng thuế suất thuế GTGT 5%, ví dụ như:

- Sản phẩm TTBYT loại A đã có phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng trang thiết bị y tế loại A do Sở Y tế cấp theo quy định tại Nghị định 36 và Nghị định 169;
- Sản phẩm TTBYT loại B, C hoặc D đã có kết quả phân loại TTBYT nhưng không nằm trong Danh mục trang thiết bị y tế phải cấp giấy phép nhập khẩu theo Thông tư 30/2015/TT-BYT;⁹
- Các sản phẩm là vật liệu, vật tư tiêu hao, phần mềm (software), phụ kiện và khí y tế được xác định là TTBYT và đã có bản phân loại TTBYT là A, B, C hoặc D.

Liên quan đến vấn đề này, Bộ Y tế đã có nhiều công văn và trao đổi với Bộ Tài chính để thống nhất thực hiện theo Nghị định 36 và Nghị định 169. Tuy nhiên cho đến nay, cơ quan hải quan vẫn yêu cầu doanh nghiệp cung cấp xác nhận của Bộ Y tế cho TTBYT nhập khẩu để được áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%.

3 "Doanh nghiệp ngoại chiếm lĩnh thị trường thiết bị y tế", *VnExpress*, ngày 26 tháng 7 năm 2018. Xem tại: <<https://vnexpress.net/kinh-doanh/doanh-nghiep-ngoai-chiem-linh-thi-truong-thiet-bi-y-te-3782917.html>> truy cập lần cuối ngày 17 tháng 2 năm 2019.

4 "Thị trường thiết bị y tế hơn 1,1 tỉ Đô-la nhưng nhập khẩu trên 90%", *Saigon Times*, ngày 27 tháng 7 năm 2018. Xem tại: <<https://www.thesaigontimes.vn/275877/thi-truong-thiet-bi-y-te-hon-1-1-ti-do-la-nhung-nhap-khau-tren-90.html>> truy cập lần cuối ngày 17 tháng 2 năm 2019.

5 Nghị định 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về Quản lý trang thiết bị y tế.

6 Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 36.

7 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế.

8 Thông tư 83/2014/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng theo danh mục hàng hóa nhập khẩu Việt Nam.

9 Thông tư 30/2015/TT-BYT ngày 12 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế quy định việc nhập khẩu trang thiết bị y tế.

EuroCham ghi nhận và cảm ơn Văn phòng Chính phủ ủng hộ quan điểm này của doanh nghiệp. Tại Đối thoại cấp cao với Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ (Hội đồng TVCCTTHC) ngày 12 tháng 12 năm 2019, Bộ trưởng-Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng đồng ý rằng việc yêu cầu xác nhận của Bộ Y tế cho trang thiết bị y tế theo Thông tư 26 là thủ tục rườm rà, và rào cản về mặt thủ tục hành chính cần được gỡ bỏ. Vì vậy, chúng tôi hy vọng cơ quan thuế và hải quan sớm có hành động để xử lý vướng mắc này.

Chúng tôi được biết Bộ Tài chính đang soạn dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 83/2014/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn. Tuy nhiên, chúng tôi muốn lưu ý rằng Thông tư 26/2015/TT-BTC cũng là một trở ngại lớn cần được quan tâm. Vấn đề này kéo dài trong thời gian dài đã ảnh hưởng rất lớn đến các doanh nghiệp nhập khẩu thiết bị y tế.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Như đã nêu trên, 90% trang thiết bị y tế được nhập khẩu từ các nước để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của các bệnh viện, trong đó bệnh viện công lập chiếm 70% thị phần tiêu thụ. Việc thiếu đồng bộ nhất quán trong thực thi quy định pháp luật liên quan đến nhập khẩu trang thiết bị y tế, đặc biệt là vấn đề thuế suất thuế GTGT đối với mặt hàng này đang gây khó khăn bất cập rất lớn cho doanh nghiệp nhập khẩu cũng như bệnh viện công lập từ nhiều tháng nay. Hiện nay, các doanh nghiệp nhập khẩu đang phải nộp thuế suất thuế GTGT 10% cho các mặt hàng nhập khẩu mà theo Nghị định 36 được định nghĩa là trang thiết bị y tế.

Khuyến nghị

Chúng tôi kính đề nghị Tổng Cục Thuế và Tổng Cục Hải quan:

- Thống nhất thực hiện quy định về phân loại TTBYT nhập khẩu theo Nghị định 36 và Nghị định 169;
- Thống nhất áp dụng một mức thuế GTGT đối với TTBYT nhập khẩu;
- Sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện việc áp dụng thuế suất thuế GTGT cho TTBYT trong thời gian sớm nhất; và
- Nhanh chóng sửa đổi quy định về thuế GTGT cho TTBYT trong Thông tư 26 để đảm bảo nhất quán với Nghị định 36 và Nghị định 169. Chúng tôi khuyến nghị Bộ Tài chính đưa ra một lộ trình cụ thể cho việc sửa đổi Thông tư 26/2015/TT-BTC và Thông tư 83/2014/TT-BTC và công bố dự thảo các Thông tư sửa đổi để doanh nghiệp đóng góp ý kiến trước khi ban hành theo đúng quy trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.

II. DỊCH VỤ BẢO TRÌ CHO THIẾT BỊ Y TẾ CÔNG NGHỆ CAO

Cơ quan Chính phủ liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Y tế (BYT)

Mô tả vấn đề

Trang thiết bị y tế công nghệ cao là các hệ thống thiết bị y tế sử dụng công nghệ tiên tiến và hiện đại. Các hệ thống thiết bị y tế này thường được nhà sản xuất/người bán sản phẩm bảo hành miễn phí trong 1 năm cho mọi hoạt động sửa chữa, hiệu chuẩn chất lượng, kiểm soát chất lượng và thay thế bộ phận bị hư hỏng. Tuy nhiên, đối với những thiết bị này, vòng đời sản phẩm thường sẽ kéo dài 10 năm nếu được bảo trì dịch vụ đúng cách bởi chủ sở hữu sản phẩm hoặc nhà cung cấp dịch vụ đủ năng lực.

Bản chất của TTBYT tinh xảo và công nghệ cao khi sử dụng để chẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân đòi hỏi tất cả các tính năng phải luôn ở đúng tình trạng như thiết kế ban đầu để đáp ứng yêu cầu sử dụng, điều đó có nghĩa là môi trường sử dụng và vận hành phải được đảm bảo điều kiện tối ưu. Để đảm bảo điều này, các sản phẩm phải được kiểm soát chất lượng, hiệu chuẩn và bảo trì hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng và hàng năm theo chỉ dẫn của nhà sản xuất với các dụng cụ thích hợp, phụ kiện thay thế chính hãng và tuân theo quy trình được thiết kế riêng cho mục đích này.

Khi các hoạt động đó được thực hiện đúng cách, hệ thống sẽ luôn đáp ứng các thông số kỹ thuật như yêu cầu, đạt hiệu suất tối ưu, đảm bảo chất lượng cho việc chẩn đoán/điều trị và đảm bảo thời gian sử dụng dài, ít khấu hao và luôn trong điều kiện sử dụng tốt.

Thực tế hiện nay, hầu hết các chủ sở hữu, người sử dụng những hệ thống trang thiết bị y tế này không tuân theo các quy định, khuyến cáo của nhà sản xuất mà chỉ áp dụng bảo trì khắc phục cho hệ thống khi chất lượng không đảm bảo và không phải lúc nào cũng sử dụng phụ tùng chính hãng và dụng cụ phù hợp. Thực tế sử dụng này có thể dẫn đến những sự cố khi sử dụng, không đảm bảo chất lượng và các yêu cầu tối thiểu của hệ thống. Chủ sở hữu hay người sử dụng thiết bị nếu không hiểu rõ những rủi ro này vẫn tiếp tục sử dụng thiết bị mà không thực hiện bảo trì bảo dưỡng phù hợp có thể dẫn đến chất lượng chẩn đoán và điều trị không đảm bảo.

Điều 57.2.b Nghị định 36¹⁰ quy định các cơ sở y tế có trách nhiệm định kỳ bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn theo hướng dẫn của chủ sở hữu sản phẩm. Tuy nhiên, quy định này chưa được cụ thể, chưa bao gồm các nội dung như hướng dẫn rõ ràng tiêu chí nào cần thực hiện, quy trình xác định nhà cung cấp dịch vụ đủ năng lực thực hiện, hướng dẫn về thủ tục ký hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng, mua sắm phụ kiện thay thế, phân bổ ngân sách, v.v.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Do quy định chưa rõ ràng, hầu hết TTYT tại các cơ sở y tế, đặc biệt là các cơ sở y tế công lập, không được bảo trì đúng cách và đúng tần suất. Trong nhiều trường hợp, việc bảo trì đang được thực hiện bởi các nhà cung cấp dịch vụ không đủ năng lực, không được chủ sở hữu hay nhà sản xuất ủy quyền và không cung cấp các phụ kiện thay thế chính hãng, thậm chí không tương thích với các hệ thống đó. Thực tế áp dụng này không thể đảm bảo chất lượng bảo trì, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn và không tuân thủ các yêu cầu về chất lượng. Ngoài ra, không có biện pháp nào xác minh về năng lực của những đơn vị đang sửa chữa thiết bị cho các cơ sở y tế này (như yêu cầu bắt buộc phải có kiến thức chuyên môn và chứng nhận phù hợp trước khi thực hiện dịch vụ trên thiết bị).

Tại các cơ sở công lập, hiện nay không có cơ sở pháp lý để các cơ sở y tế đề xuất phân bổ ngân sách cần thiết cho việc sửa chữa và thay thế thường xuyên, mới chỉ có các hoạt động sửa chữa, thay thế nhỏ và theo sự vụ. Không có hướng dẫn cụ thể cho việc mua sắm dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn, hay chính sách rõ ràng cho việc phê duyệt các hoạt động dịch vụ này. Với một số mua sắm phụ kiện thay thế có giá trị lớn theo sự vụ vẫn phải thông qua thủ tục đấu thầu rất phức tạp, mất nhiều thời gian và thường xuyên không được phê duyệt.

Các hệ thống và giải pháp này hầu hết là TTYT có giá trị cao với công nghệ phức tạp và là tài sản lớn của cơ sở y tế. Nên, việc bảo dưỡng, sử dụng phụ kiện và vật tư tiêu hao chính hãng không chỉ đảm bảo an toàn cho bệnh nhân mà còn mang lại lợi ích tài chính rõ rệt vì khi được sử dụng đúng cách, thiết bị sẽ có tuổi thọ kéo dài, hiệu năng sử dụng tối đa, tối ưu hóa chi phí cho đơn vị sử dụng.

Tình trạng này cũng diễn ra phổ biến ở các khu vực y tế tư nhân, vì vậy chúng tôi cũng đưa ra các đề nghị tương tự để đảm bảo lợi ích cho cả bệnh nhân và cơ sở y tế.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin khuyến nghị tới Chính phủ:

- Yêu cầu chủ sở hữu TTYT đánh giá tình trạng của thiết bị về hiệu suất, lịch sử hoạt động bảo trì, hiệu chuẩn, kiểm chuẩn và báo cáo cho cơ quan chức năng để đánh giá hoạt động hiện tại có đáp ứng yêu cầu, khuyến cáo của nhà sản xuất hay không. Nếu không, cần đưa ra biện pháp khắc phục và kế hoạch triển khai mới;
- Tiến hành thanh, kiểm tra và có hình thức xử phạt phù hợp đối với các cơ sở y tế không đáp ứng các yêu cầu như được đề cập trong Chương VIII, Nghị định 36/2016/NĐ-CP;
- Đưa ra hướng dẫn rõ ràng về tiêu chí bảo trì, quy trình mua sắm, chiến lược phân bổ ngân sách cho sửa chữa và thay thế TTYT;
- Xây dựng khung pháp lý quản lý hệ thống và giải pháp phức tạp, yêu cầu áp dụng quy định và thực hành tốt, bao gồm quy định về đánh giá năng lực của các đơn vị thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, cung cấp các phụ kiện chính hãng và tương thích với hệ thống chính; và

10 Nghị định 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế.

- Xem xét và có cơ chế cho các cơ sở y tế ký hợp đồng bảo hành mở rộng bao gồm bảo hành cho cả phụ kiện, vật tư tiêu hao và nhân lực đạt yêu cầu trong thời hạn 5 năm. Đây là thời hạn phù hợp nhất cho vòng đời của một sản phẩm.

III. QUẢN LÝ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Y tế (BYT), Bộ Tài chính (BTC), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (BHXH)

Tình trạng già hóa dân số và gia tăng các bệnh mạn tính dẫn tới nhu cầu chăm sóc y tế ngày càng cao. Nhu cầu chăm sóc y tế cho nhiều bệnh nhân hơn với kinh phí thấp hơn đặt ra sức ép chung cho hệ thống y tế toàn cầu là phải tăng cường các giải pháp y tế dựa trên chất lượng đầu ra. Việt Nam cũng không phải ngoại lệ. Tỷ lệ bệnh không lây nhiễm ở Việt Nam gia tăng mạnh trong những năm gần đây, chiếm tới 79% số ca tử vong.¹¹ Những bệnh chiếm tỷ lệ cao là ung thư, tim mạch, tiểu đường, phổi tắc nghẽn mạn tính.

Mặt khác, chi phí y tế tự chi trả vẫn tiếp tục là một gánh nặng lớn đối với các hộ gia đình. Những chi phí gián tiếp cho y tế như chi phí đi lại, sinh hoạt trong quá trình nhập viện và mất thu nhập trong quá trình điều trị đã khiến người bệnh và gia đình người bệnh chịu rất nhiều áp lực tài chính. Hiện nay do dịch vụ chăm sóc tại nhà chuyên nghiệp và có tổ chức do các chuyên gia y tế có tay nghề cung cấp chưa được triển khai áp dụng nên người bệnh thường phải tự chăm sóc và nhờ người thân chăm sóc, khiến người bệnh lo lắng và tiềm ẩn nguy cơ phát sinh thêm các biến chứng do không được các cán bộ có chuyên môn theo dõi chăm sóc. Ngoài ra, trong hầu hết các trường hợp, bệnh nhân phải nhập viện nhiều lần và một số trường hợp tái nhập viện trong tình trạng nghiêm trọng hơn.

Vì vậy, chúng tôi nhận thấy có nhu cầu ngày càng cao cho các giải pháp y tế hiệu quả hơn đem lại bởi công cụ và dịch vụ tân tiến, sử dụng công nghệ số để tiết kiệm chi phí.

1. Chăm sóc sức khỏe tại nhà

Mô tả vấn đề

Chúng tôi ghi nhận BYT đang có nhiều hành động mạnh mẽ để xử lý thách thức liên quan đến quá tải bệnh viện, thực hiện để án giảm quá tải bệnh viện của Chính phủ.¹² Tuy nhiên, ngay tại những quốc gia với hệ thống giường bệnh lớn hơn cũng đã xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe tại nhà để tiếp tục chăm sóc, theo dõi các bệnh nhân mắc bệnh mạn tính tại nhà sau khi họ xuất viện. Tại các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu, 1 trong mỗi 5 hộ gia đình sử dụng dịch vụ chăm sóc y tế chuyên môn tại nhà khi cần hỗ trợ các vấn đề y tế có tính dài hạn.¹³ Chăm sóc sức khỏe tại nhà cho phép người dân tiếp cận y tế tại nhà thay vì phải đến, lưu trú tại các cơ sở y tế, từ đó hỗ trợ người bệnh, đặc biệt là người mắc bệnh mạn tính, tiếp cận tốt hơn với chăm sóc y tế.

Như vậy, giải pháp khả thi cho xu hướng gia tăng bệnh mạn tính là khuyến khích và phát triển hệ thống chăm sóc y tế chuyên môn tại nhà, từ đó cũng giúp giảm thiểu chi phí nhập viện mà người bệnh phải chi trả. Các biện pháp can thiệp để thay đổi hành vi của người bệnh, người chăm sóc và người làm công tác y tế đóng vai trò quan trọng, cùng với điều kiện là kết nối và điều phối trong hệ thống y tế được nâng cao. Việc xây dựng được tài liệu hướng dẫn chăm sóc đối với các bệnh mạn tính và những chính sách liên quan sẽ là yếu tố thành công giúp người làm công tác y tế có động lực tư vấn cho người bệnh sử dụng dịch vụ chăm sóc tại nhà.

Với sự hỗ trợ các các trang thiết bị và dụng cụ y tế tiên tiến, người bệnh tại Việt Nam sẽ được sử dụng những mô hình chăm sóc sức khỏe mới giúp lọc thận tại nhà hoặc kiểm soát tốt hơn các vết thương mạn tính. Nhiều dịch vụ y tế khác cũng có thể được thực hiện tại nhà với sự trợ giúp và hướng dẫn từ xa của người làm công tác y tế

11 "79% số ca tử vong do các bệnh không lây nhiễm", *Báo Nhân dân*, ngày 25 tháng 10 năm 2019. Xem tại: <<https://www.nhandan.com.vn/y-te/tieu-diem/item/42018802-79-ca-tu-vong-do-cac-benh-khong-lay-nhiem.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

12 Quyết định 92/QĐ-TTg ngày 9 tháng 1 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án giảm quá tải bệnh viện giai đoạn 2013 - 2020.

13 "5 hộ gia đình có nhu cầu thì 1 hộ dùng dịch vụ chăm sóc y tế tại nhà", *EuroStat*, ngày 28 tháng 2 năm 2018. Xem tại: <<https://ec.europa.eu/eurostat/web/products-eurostat-news/-/DDN-20180228-1?inheritRedirect=true&>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

Chăm sóc tại nhà là phương án giúp giải quyết tình trạng quá tải của các bệnh viện, giảm mức chi tiêu công cho chi phí bất thường phát sinh từ các bệnh mạn tính nằm ngoài tầm kiểm soát và giảm chi phí y tế tự chi trả cho các hộ gia đình, đồng thời, chúng ta có thể cải thiện chất lượng cuộc sống cho tất cả các bệnh nhân mắc những bệnh mạn tính này.

Khuyến nghị

Chúng tôi trân trọng đề nghị BHYT ủng hộ việc phát triển mô hình chăm sóc tại nhà thông qua:

- Hỗ trợ việc hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe tại nhà chính thức và có tổ chức do các cán bộ chuyên môn được đào tạo bài bản đảm nhận cùng hoạt động đào tạo, tài liệu, hướng dẫn và quy trình phù hợp;
- Xây dựng các chương trình tập huấn cho người bệnh và gia đình người bệnh nhằm khuyến khích điều trị liên tục và các quy trình chăm sóc phù hợp;
- Đào tạo các cán bộ chuyên môn (hộ lý, dược sỹ, chuyên gia v.v.) để tham gia liên tục vào hoạt động chăm sóc bệnh nhân bên ngoài bệnh viện;
- Có các chính sách hỗ trợ phù hợp cho người làm công tác y tế tham gia vào hệ thống chăm sóc tại nhà; và
- Hỗ trợ công tác đăng ký thiết bị y tế, đơn giản hóa quy trình phê duyệt giấy phép nhập khẩu, xem xét bồi hoàn toàn bộ chi phí cho các loại thuốc và thiết bị y tế sử dụng trong công tác chăm sóc tại nhà.

2. Chuyển đổi số

Mô tả vấn đề

Y tế trong tương lai sẽ trở nên hội nhập hơn, dựa trên giá trị và tập trung hơn vào chất lượng chăm sóc bệnh nhân. Công nghệ số vì vậy sẽ đóng vai trò quan trọng trong những lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tiên tiến có tiềm năng nhất. Điều trị từ xa, TTYT tích hợp trí tuệ nhân tạo, hồ sơ theo dõi sức khỏe lưu trữ trên hệ thống điện tử chỉ là một vài ví dụ điển hình nhất cho chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế. Các giải pháp chuyển đổi số trong y tế sẽ nâng cao khả năng phân tích, tận dụng toàn bộ tiềm năng của Dữ liệu lớn (big data), nhờ đó nâng cao tính chính xác trong y học, chuyển đổi hình thức tiếp cận y tế và cải thiện trải nghiệm của bệnh nhân. Nâng cao công nghệ y học, bao gồm các cải tiến tại nhà, sẽ hỗ trợ cho hoạt động chăm sóc sức khỏe truyền thống. Người bệnh có bệnh lý phức tạp sẽ có nhiều cơ hội được điều trị ngay tại nhà thay vì phải di chuyển tới bệnh viện hoặc cơ sở y tế.

Tại Việt Nam, chúng tôi ghi nhận Chính phủ đang xúc tiến áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý bệnh viện, phát triển hệ thống bảo hiểm y tế điện tử và đặc biệt tập trung vào phát triển thanh toán không sử dụng tiền mặt tại các thành phố.¹⁴ Tuy nhiên, cần có nhiều giải pháp mang tính toàn diện hơn để nắm bắt cơ hội từ phát triển công nghệ và thích ứng với xu hướng chuyển đổi số trong ngành y tế toàn cầu. Thách thức hiện nay nằm ở cơ sở hạ tầng y tế còn hạn chế, do đó yêu cầu đầu tư mạnh hơn cho nguồn nhân lực và tài chính.

Khuyến nghị

Chúng tôi đề xuất Chính phủ và BHYT:

- Xây dựng đề án toàn diện để phát triển bệnh viện thông minh;
- Phát triển khung pháp lý cho bệnh viện thông minh và chuyển đổi số trong y tế;
- Phát triển hệ thống thông tin tập trung để lưu trữ dữ liệu y tế tập chung, đảm bảo tính chính xác và bảo mật cho người bệnh; và
- Tập huấn, đào tạo cán bộ y tế (y sĩ, dược sĩ và cán bộ chuyên môn) để thích ứng với những thay đổi về công nghệ.

¹⁴ "Hướng tới bệnh viện thông minh", *VnEconomy*, ngày 10 tháng 12 năm 2019. Xem tại: <<http://vneconomy.vn/huong-toi-benh-vien-thong-minh-20191209214654839.htm>> truy cập lần cuối ngày 10 tháng 12 năm 2019.

3. Mô hình đặt máy tại các bệnh viện

Mô tả vấn đề

Chủ trương xã hội hóa trang thiết bị y tế là chủ trương lớn của Đảng và nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên, các công ty thành viên của chúng tôi ghi nhận còn tồn tại việc chưa thống nhất chính sách về mô hình đặt máy tại các bệnh viện công lập giữa các cơ quan quản lý bao gồm BHYT, BTC, BHXH, cụ thể như đã trình bày tại Sách Trắng 2019.

Rất nhiều văn bản ban hành khác nhau từ BHXH, BHYT, BTC về mô hình đặt máy tại bệnh viện khiến các doanh nghiệp và các bệnh viện rất khó khăn trong việc lựa chọn mô hình lắp đặt áp dụng cho máy mới phù hợp với nhu cầu hiện nay và thỏa mãn các yêu cầu của BHYT, BHXH.

Khuyến nghị

Chúng tôi trân trọng kính mong Chính phủ và các cơ quan quản lý:

- Nghiên cứu hình thức hợp tác công-tư đặc thù cho ngành y tế hiện nay và đưa ra các mô hình xã hội hóa đa dạng và phù hợp với thực tế;
- Ban hành văn bản chính thức thống nhất giữa các bên liên quan (BHYT, BTC, BHXH) về mô hình đặt máy tại bệnh viện cộng nhằm tạo hành lang pháp lý công khai và minh bạch trong thời gian sớm nhất; và
- Tiến hành phổ biến các văn bản, huấn luyện các bên liên quan giúp các đơn vị thấu hiểu chính sách rõ ràng để thực hiện đúng và tuân thủ theo pháp luật.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán thuộc EuroCham

CHAPTER 15C DƯỢC PHẨM

TỔNG QUAN

Giới thiệu

Pharma Group (PG)¹ đại diện cho tiếng nói của ngành dược phẩm phát minh tại Việt Nam. PG và 22 thành viên có một sứ mệnh chung là đảm bảo người bệnh Việt Nam được tiếp cận nhanh chóng và bền vững đến các loại thuốc phát minh chất lượng cao và an toàn, đồng thời góp phần thúc đẩy sự phát triển của một hệ thống y tế hàng đầu thông qua quan hệ hợp tác với Chính phủ Việt Nam.

Trong hai thập kỷ qua Chính phủ Việt Nam đã đạt được những thành tựu ấn tượng trong việc cải thiện sức khỏe cho nhân dân. Trong giai đoạn này, khi các mục tiêu y tế của Chính phủ đang được mở rộng không chỉ đơn thuần nhằm đáp ứng những nhu cầu từ cơ bản đến chuyên sâu của người dân về dịch vụ và sản phẩm y tế chất lượng, mà còn nhằm tăng cường giá trị kinh tế tạo ra từ ngành, một cơ hội đang được mở ra để Việt Nam có thể chuyển đổi toàn ngành y tế và trở thành quốc gia dẫn đầu trong khối ASEAN về hệ thống chăm sóc sức khỏe chất lượng cao trong thập kỷ tới.

Pharma Group và các thành viên của chúng tôi rất trân trọng cơ hội được tham gia lộ trình nhằm thể hiện trọn vẹn tiềm năng của Việt Nam, cùng với Chính phủ, Bộ Y tế và các bên hữu quan. Chúng tôi vui mừng được tiếp tục vai trò là đối tác lâu dài cùng hướng tới mục tiêu:

- Đóng góp cho mục tiêu y tế của Việt Nam nhằm tăng cường sức khỏe, tầm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của người Việt Nam
- Xây dựng và nắm bắt cơ hội triển khai tiến trình chuyển đổi kỹ thuật số của ngành y tế thông qua FDI để vươn lên vị thế ngang bằng với nước trong khu vực và quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất thuốc chất lượng cao và tăng cường năng lực nghiên cứu.

Năm 2020 sẽ là một cột mốc quan trọng đối với ngành dược, với việc dự kiến ban hành một Chiến lược quốc gia mới để phát triển ngành (Chiến lược quốc gia) và việc EVFTA được phê chuẩn, đây sẽ là những diễn biến tích cực giúp nâng cao vị thế của Việt Nam như là một cửa ngõ hấp dẫn trong khu vực ASEAN.

PG tin rằng các khuyến nghị được nêu trong chương này sẽ hỗ trợ Chính phủ trong lộ trình nâng cao chất lượng sức khỏe cho người dân, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp dược phát minh và môi trường đầu tư vào ngành y tế Việt Nam mang tính dự báo và bền vững.

I. KHÁM PHÁ TIỀM NĂNG CỦA NGÀNH DƯỢC PHẨM PHÁT MINH

Cơ quan Chính phủ liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Y tế (BYT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Kế hoạch Đầu tư (BKHDĐT)

Độ bao phủ Bảo hiểm y tế toàn dân (UHC) tại Việt Nam đã liên tục được mở rộng, tỷ lệ bao phủ 90% đến hết năm 2019 và Chính phủ đang tiếp tục nỗ lực để đạt 90.7% trong năm 2020 và 95% đến năm 2025.² Song song với hướng đi này, Việt Nam là một nền kinh tế ASEAN đang trên đà phát triển mạnh mẽ với tầng lớp trung lưu nhanh chóng gia tăng nhanh chóng cũng như xu hướng già hóa dân số. Do vậy, nhu cầu về các sản phẩm và dịch vụ y tế chất lượng tại Việt Nam, bao gồm cả các loại thuốc phát minh, được dự kiến sẽ tăng trưởng mạnh trong những năm tới.

1 Diễn đàn Y tế thuộc EuroCham là một diễn đàn dành cho các Tiểu ban Ngành nghề hoạt động trong lĩnh vực y tế - gồm ba thành viên: Tiểu ban Thuốc Chất lượng Quốc tế - Generic và Sinh phẩm tương tự (IQMED – Generic & SPTT), Tiểu ban Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán (MDD SC) và Tiểu ban Dược phẩm (Pharma Group). Diễn đàn Y tế tạo điều kiện cho các công ty trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe thảo luận, chia sẻ và thúc đẩy những quan điểm và chủ đề chung. Với bản chất đa dạng, Diễn đàn Y tế đại diện cho các lợi ích khác nhau của những công ty trong ngành. Toàn bộ các Tiểu ban Ngành nghề thuộc Diễn đàn Y tế đều nhận được sự hỗ trợ công bằng từ EuroCham.

2 Năm 2019 tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đã vượt chỉ tiêu Chính phủ giao, *Sở Y tế Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội*, 2020. Xem tại: <https://soyte.hanoi.gov.vn/chuong-trinh-y-te/-/asset_publisher/4IVkx5Jltnbg/content/nam-2019-ty-le-bao-phu-bao-hiem-y-te-a-vuot-chi-tieu-chinh-phu-giao?_101_INSTANCE_4IVkx5Jltnbg_viewMode=view> truy cập lần cuối ngày 26 tháng 5 năm 2020.

Từ góc nhìn ngành công nghiệp dược phẩm phát minh, Việt Nam có nhiều lợi thế để thu hút đầu tư. Hiện tại, thị trường dược phẩm tại Việt Nam, với tốc độ phát triển nhanh chóng, tăng trưởng từ 2,7 tỷ Đô-la Mỹ năm 2015 lên 3,6 tỷ Đô-la Mỹ năm 2018, là một thị trường rất hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài.³ Với hệ thống chính trị ổn định, lực lượng lao động có đào tạo và vị trí địa lý chiến lược, Việt Nam có thể thu hút nhiều đầu tư hơn nữa, trở thành trung tâm cung cấp dịch vụ y tế chất lượng cao hàng đầu trong khu vực ASEAN.

Ngành dược phẩm phát minh, với vai trò thúc đẩy nghiên cứu và phát triển liên tục các giải pháp điều trị mới trên toàn cầu, đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện chất lượng sức khỏe, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế, phát triển ngành dược địa phương và tiên phong trong tiến trình xây dựng một hệ sinh thái y tế. Nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là trong khu vực ASEAN, trong những năm gần đây, đánh giá cao tiềm năng đóng góp giá trị của ngành và do vậy, đã đưa ra một loạt các ưu đãi nhằm thu hút đầu tư từ ngành dược phẩm phát minh.

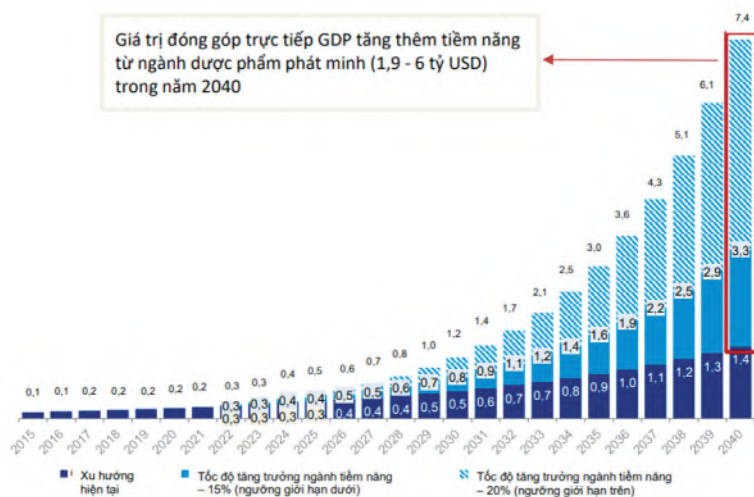
Việt Nam đang có một “cơ hội vàng” tại thời điểm này, thông qua việc xây dựng Chiến lược quốc gia mới, để xây dựng một môi trường thuận lợi với các cơ chế ưu đãi hấp dẫn, để trở thành lựa chọn hàng đầu trong khu vực ASEAN để các công ty dược phẩm phát minh mở rộng đầu tư và gắn kết các hoạt động lâu dài.

Theo báo cáo gần đây của KPMG về “Đánh giá tác động kinh tế xã hội của ngành dược phẩm phát minh tại Việt Nam” thì một môi trường đầu tư hấp dẫn và có thể dự báo được chắc chắn sẽ giúp hiện thực hóa những giá trị tiềm năng từ ngành:

- **Chất lượng điều trị:** khả năng tiếp cận đối với thuốc chất lượng cao, bao gồm các giải pháp điều trị mới, sẽ trở nên dễ dàng và nhanh chóng hơn; nhận thức về bệnh và các biện pháp y tế dự phòng sẽ được tăng cường. Điều này do vậy sẽ hỗ trợ Chính phủ đạt được các mục tiêu quốc gia trong việc cung cấp một hệ thống chăm sóc sức khỏe bền vững cho người dân, gia tăng mức độ hài lòng và cải thiện chất lượng điều trị cho người bệnh.
- **Nâng cao năng lực trong nước:** nguồn đầu tư và các bí quyết kỹ thuật từ ngành dược phẩm phát minh sẽ thúc đẩy phát triển năng lực trong nước, nhằm sản xuất thuốc thiết yếu với chất lượng cao nhất, đáp ứng nhu cầu nội địa và từng bước hỗ trợ các doanh nghiệp này tiến hành xuất khẩu.
- **Thúc đẩy sự phát triển của một sinh thái y tế sôi động:** thông qua việc gia tăng đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu lâm sàng, các hình thức hợp tác công tư (PPP), hợp tác giữa các công ty nghiên cứu hàng đầu thế giới với các trường đại học và các đối tác địa phương, thu hút đầu tư cho các giải pháp y tế số, công nghệ sinh học, v.v., khuyến khích tinh thần kinh doanh và các doanh nghiệp khởi nghiệp, đội ngũ sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển thể hệ tiếp theo cho ngành y tế của Việt Nam, từ đó tạo ra giá trị gia tăng về cả phương diện kinh tế lẫn nguồn nhân lực.
- **Đóng góp về kinh tế:** ngành công nghiệp dược phẩm phát minh sẽ có khả năng đóng góp thêm từ 6,1 tỷ Đô-la Mỹ đến 19,6 tỷ Đô-la Mỹ đến năm 2040 (so với con số ước tính 4,7 tỷ Đô-la Mỹ nếu môi trường hiện tại không thay đổi), trong đó:
 - Tổng giá trị gia tăng thuần trực tiếp: tăng thêm từ 1,9 Đô-la Mỹ đến 6 tỷ Đô-la Mỹ;
 - Giá trị gia tăng gián tiếp thông qua chi tiêu cho mua sắm nội địa của các công ty dược phẩm phát minh: tăng thêm từ 4,3 Đô-la Mỹ đến 13,6 tỷ Đô-la Mỹ.

³ Báo cáo “Đánh giá tác động kinh tế và xã hội của ngành công nghiệp dược phẩm sáng tạo tại Việt Nam”, KPMG, tháng 10 năm 2019.

Hình 6: Giá trị đóng góp trực tiếp vào GDP tăng thêm tiềm năng từ ngành dược phẩm phát minh (tỷ Đô-la Mỹ)



Lưu ý: Đóng góp GDP được tính dựa trên dự báo giá trị thị trường và hệ số nhân kinh tế có được từ bảng Đầu vào-Đầu ra của OECD. Tương tự như dự án giá trị thị trường, xu hướng đóng góp GDP hiện nay là giới hạn dưới của mức tăng trưởng theo điều kiện hiện nay nếu không có gì thay đổi, được dự kiến ở mức 10% dựa trên phản hồi của các bên liên quan. Tăng trưởng tiềm năng trong tương lai được dự kiến dựa trên tốc độ tăng trưởng 15% và 20% từ các cuộc phỏng vấn của các bên liên quan và được đối chiếu với với giới hạn dưới và trên tương ứng. Tăng trưởng tiềm năng được giả định sẽ bắt đầu vào năm 2022.

Nguồn: Báo cáo đánh giá tác động kinh tế và xã hội của ngành công nghiệp dược phẩm sáng tạo tại Việt Nam của KPMG, tháng 10 năm 2019

Khuyến nghị

Việt Nam có vị thế thuận lợi để có thể tiến lên những nấc cao hơn trong chuỗi giá trị khoa học đời sống trước một số quốc gia ASEAN khác, và đây chính là thời điểm để cân nhắc những giá trị mà khả năng này có thể đem lại cho Việt Nam. Để tạo được một bước đột phá cho tầm nhìn này, chúng tôi mong đợi Chính phủ có một định hướng rõ ràng trong việc xác định ngành dược là một trong những ngành cần ưu tiên phát triển trong thập niên tới. Ngành dược phẩm phát minh vinh dự đóng vai trò cố vấn cho Chính phủ để xây dựng chiến lược dài hạn hướng tới tầm nhìn này, trong các lĩnh vực trọng tâm sau:

1. Thúc đẩy phát minh, đổi mới sáng tạo và tạo điều kiện để Việt Nam trở thành một trung tâm Nghiên cứu & Phát triển hàng đầu trong khu vực, bằng cách thu hút đầu tư vào các hoạt động thử nghiệm lâm sàng, bước đầu để nâng cao năng lực Nghiên cứu & Phát triển;
2. Tạo điều kiện để Việt Nam trở thành điểm đến lựa chọn đầu tư trong các hoạt động sản xuất và chuyển giao công nghệ trong khu vực;
3. Phát triển và vận hành cơ sở hạ tầng y tế kỹ thuật số hàng đầu.

Yếu tố để bảo đảm thành công đầu tiên và quan trọng nhất chính là việc thành lập một cơ quan liên bộ phụ trách giám sát công việc phát triển chiến lược dài hạn và thực hiện các chính sách liên quan sau đó. Cơ quan này sẽ đóng một vai trò mấu chốt trong việc đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng ở tất cả các cấp - quốc gia, vùng miền và địa phương.

Chiến lược Quốc gia 2020-2030, tầm nhìn 2045 sắp tới là thời cơ thích hợp để xây dựng một kế hoạch hành động toàn diện, làm cơ sở cho mọi chính sách về lĩnh vực dược, trong đó các yếu tố chính sau đây cần được cân nhắc:

- Ban hành các chính sách ưu đãi hấp dẫn để thu hút thêm đầu tư vào ba lĩnh vực trọng tâm cụ thể được đề cập bên trên;

- Đảm bảo tính dự báo và tính nhất quán của môi trường pháp lý để đem lại niềm tin cho các công ty trong các chương trình đầu tư dài hạn của họ;
- Duy trì Chất lượng và Tính phát minh như những nguyên tắc chỉ đạo trong công tác xây dựng chính sách;
- Phát triển các giải pháp tài chính y tế bền vững, có tính đến mục tiêu đem lại giá trị/kết quả về chất lượng sức khỏe chứ không chỉ là mục tiêu tiết kiệm chi phí; và
- Tăng cường sự hài hòa và hiệu quả của các thủ tục hành chính.

Pharma Group vinh dự được tiếp tục đóng vai trò cố vấn và hợp tác chặt chẽ với Chính phủ, Bộ Y tế và các bên liên quan như là một đối tác tin cậy trong việc xây dựng và thực hiện Chiến lược Quốc gia.

II. CÁC YẾU TỐ HỖ TRỢ TỨC THỜI ĐỂ ĐẨY NHANH KHẢ NĂNG TIẾP CẬN CỦA BỆNH NHÂN VÀ TẠO TIỀN ĐỀ CHO VIỆC THU HÚT THÊM ĐẦU TƯ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Y tế (BYT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Kế hoạch Đầu tư (BKHDĐT), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (BHXH), Bộ Khoa học Công nghệ (BKHCN)

Ngành dược phẩm phát minh đã và đang tiếp tục theo đuổi sứ mệnh quan trọng hàng đầu của chúng tôi là đảm bảo bệnh nhân Việt Nam được tiếp cận nhanh chóng và bền vững với các loại thuốc phát minh. Nhờ vào những nỗ lực liên tục của Chính phủ, ngành đã chứng kiến những tiến bộ ấn tượng trong các quy định luật pháp nhằm cho phép các giải pháp điều trị mới có thể đến được với bệnh nhân nhanh hơn đáng kể, với phạm vi bao phủ rộng hơn ở khắp các cơ sở y tế công lập trên toàn quốc. Để mục tiêu đầy tham vọng này có thể được hiện thực hóa đầy đủ, đặc biệt là trong giai đoạn chuyển tiếp giữa các quy định cũ và mới, sự hợp tác chặt chẽ là điều mấu chốt để có thể tháo gỡ những rào cản còn lại và qua đó giúp đưa khả năng tiếp cận của bệnh nhân Việt Nam được tiệm cận hơn với các quốc gia dẫn đầu trong khu vực.

Ngoài sứ mệnh nêu trên, ngành dược phẩm phát minh với cam kết lâu dài tại Việt Nam, hiện đang tích cực xem xét các lĩnh vực khác mà chúng tôi có khả năng đóng góp dựa trên kinh nghiệm chuyên môn từ các hoạt động toàn cầu của mình, mở rộng đầu tư và hỗ trợ Chính phủ trong việc đưa hệ thống y tế quốc gia lên cấp độ phát triển tiếp theo.

Chúng tôi xin trình bày các khuyến nghị sau đây, mà chúng tôi thiết nghĩ sẽ là những yếu tố hỗ trợ có thể giúp mở khóa cho các vấn đề trước mắt, nhằm tạo một bước khởi động mạnh mẽ cho lộ trình cải thiện chất lượng sức khỏe người dân.

Khuyến nghị

1. Tiếp cận nhanh chóng và bền vững với thuốc phát minh

1.1. Quy trình đăng ký thuốc:

- Đảm bảo sự hài hòa giữa các yêu cầu hành chính, như đối với Giấy chứng nhận Sản phẩm Dược, với các hướng dẫn và thông lệ quốc tế.
- Đảm bảo thẩm định hồ sơ và cấp Giấy đăng ký lưu hành (cấp mới, gia hạn, bổ sung, phê duyệt thông tin thuốc) theo đúng thời hạn quy định trong Luật Dược và các văn bản hướng dẫn liên quan, thông qua việc nâng cao năng lực, gia tăng nguồn lực và củng cố quy trình vận hành tiêu chuẩn (SOP) hiệu quả.
- Hoàn thiện và vận hành đầy đủ hệ thống nộp hồ sơ trực tuyến.
- Áp dụng Cơ chế một (01) giấy Đăng ký lưu hành (ĐKLH) xuyên suốt vòng đời sản phẩm và chỉ cần nộp phí duy trì giấy ĐKLH, thay vì yêu cầu nộp hồ sơ gia hạn định kỳ mỗi 5 năm như hiện nay, cơ chế này cũng đang được áp dụng tại các nước trên thế giới, bao gồm các nước trong khu vực ASEAN như Singapore, Thái Lan và Malaysia.

- Đưa ra cơ chế thẩm định nhanh để cấp giấy Đăng ký lưu hành tại Việt Nam cho các loại thuốc mới đã được các Cơ quan Quản lý Dược Tham chiếu⁴ (RRA) / Cơ quan Quản lý Dược Chặt chẽ⁵ (SRA) phê duyệt và cho phép các loại thuốc này được tự động được:

- Đưa vào Danh mục thuốc biệt dược gốc;
- Xem là đáp ứng điều kiện để đưa vào Danh mục thuốc thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT để đẩy nhanh thời gian tiếp cận đến các liệu pháp điều trị mới cho bệnh nhân

1.2 Danh mục thuốc thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT

Đảm bảo Danh mục thuốc thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT được rà soát và cập nhật thường xuyên, qua phương thức cập nhật bổ sung liên tục hoặc ít nhất mỗi sáu tháng một lần.

- Đối với thuốc phát minh đã được các Cơ quan quản lý dược tham chiếu (RRA)/Cơ quan quản lý dược chặt chẽ (SRA) phê duyệt, ngay sau khi nhận được giấy ĐKLSH sẽ tự động được đưa vào Danh mục.

1.3 Mua sắm Chính phủ

- Chúng tôi muốn nhấn mạnh một lần nữa tầm quan trọng của việc xem xét và tham vấn cẩn thận trước khi có những thay đổi chính sách quan trọng về đấu thầu thuốc dựa trên điều kiện cụ thể của Việt Nam. Ba đặc điểm nổi bật là:

- Kênh đấu thầu thuốc của bệnh viện công hiện đang chiếm hơn hai phần ba (2/3) thị trường thuốc điều trị kê đơn, đây là một con số đặc biệt lớn và đặc thù so với các nước khác trên thế giới. Vì lý do này, tại Việt Nam, các thay đổi đột ngột liên quan đến chính sách đấu thầu sẽ gây ra tác động sâu rộng đến tất cả các bên hữu quan trên thị trường và gây rủi ro lớn là người bệnh và bác sỹ sẽ không còn có thể tiếp cận được các loại thuốc phát minh, dù cho các thuốc này do bảo hiểm hay người bệnh tự chi trả;
- Áp dụng cơ chế đàm phán giá theo các quy định hiện hành sẽ không chỉ đảm bảo được khả năng tiếp cận thuốc của người bệnh và lựa chọn của bác sỹ, mà còn xây dựng và duy trì môi trường đầu tư mang tính dự báo. Việc thay đổi hoàn toàn chính sách đàm phán giá sẽ khiến các khoản đầu tư trong quá khứ, hiện tại và tương lai của các công ty nước ngoài và trong nước chịu rất nhiều rủi ro;
- So sánh với các thị trường có khả năng tiếp cận thuốc phát minh nhanh chóng, người bệnh Việt Nam, dù tự chi trả hay được bảo hiểm chi trả, vẫn còn phải chờ nhiều năm để có thể tiếp cận các loại thuốc này. Môi trường đầu tư thiếu tính dự báo cùng với những thách thức hiện tại, và thời gian dài bất thường để đưa thuốc phát minh vào Việt Nam chắc chắn sẽ làm chậm trễ hơn nữa khả năng tiếp cận các lựa chọn điều trị giá trị cho người dân Việt Nam.

- Do đó, chúng tôi muốn lưu ý đến các mục tiêu về ngân sách y tế của Chính phủ và khẩn thiết khuyến nghị việc thực hiện cơ chế Đàm phán giá, như đã được quy định trong các văn bản pháp lý và được chứng minh là một giải pháp tối ưu đối với việc mua sắm các thuốc biệt dược gốc, bao gồm thuốc biệt dược gốc hết thời hạn bảo hộ.

- Thẩm định đúng thời hạn, công bố và cập nhật kịp thời Danh mục thuốc biệt dược gốc.

1.4 Chương trình hỗ trợ thuốc cho bệnh nhân

- Đảm bảo có các quy trình rõ ràng để tạo điều kiện cho việc triển khai thông suốt các Chương trình hỗ trợ thuốc cho bệnh nhân đối với các công ty (bao gồm cơ sở FIE nhập khẩu), hiệp hội và bệnh viện;
- Không áp thuế đối với các sản phẩm thuộc chương trình hỗ trợ bệnh nhân, các hoạt động viện trợ, mục đích nhân đạo, v.v.

2. Các yếu tố hỗ trợ cho việc gia tăng đầu tư

2.1. Pháp nhân

- Chúng tôi đánh giá cao và mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ BHYT và các cơ quan ban ngành tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp trong quá trình thành lập và đưa vào vận hành hiệu quả và phát huy tối đa lợi ích của việc thành lập cơ sở kinh doanh dược (cơ sở FIE nhập khẩu). Đây là bước đầu tư đầu tiên và sẽ tạo điều kiện cho việc đầu tư trong tương lai;
- Chúng tôi mong muốn được thảo luận thêm với Chính phủ về khả năng có được sự linh hoạt hơn trong lựa chọn của các doanh nghiệp về các lĩnh vực hoạt động (phạm vi hoạt động), và các ưu đãi để thu hút thêm đầu tư. Bước đầu, chúng tôi mong muốn trao đổi liên quan đến:

⁴ Khoản 9, Điều 2, Thông tư 32/2018/TT-BYT quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Bộ Y tế.

⁵ Khoản 10, Điều 2, Thông tư 32/2018/TT-BYT quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Bộ Y tế.

- Hoạt động gia công thuốc: quyền cho cơ sở FIE nhập khẩu ký hợp đồng sản xuất gia công với nhà sản xuất nội địa, và có những ưu đãi cùng với khung pháp lý mang tính dự báo để thu hút sản xuất thuốc biệt dược gốc tại Việt Nam;
- Hoạt động thử nghiệm lâm sàng: làm rõ quyền và phạm vi hoạt động của cơ sở FIE liên quan đến việc hỗ trợ các nghiên cứu, thử nghiệm lâm sàng trong nước;
- Làm rõ thêm về phạm vi hoạt động của cơ sở FIE nhập khẩu, liên quan đến việc hợp tác với các đối tác Việt Nam (ví dụ trong việc quản lý chất lượng, đảm bảo nguồn cung ứng liên tục căn cứ thực tiễn nhu cầu điều trị cho bệnh nhân v.v.), phù hợp với quy định của pháp luật; và
- Các vấn đề khác.

2.2. Quyền sở hữu trí tuệ: để tạo được một môi trường mang tính dự báo cho việc đầu tư và thúc đẩy phát minh, cần thiết phải đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ và dữ liệu đăng ký được bảo vệ và thực thi hiệu quả.

Chúng tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng việc giải quyết những yếu tố kiến tạo nêu trên sẽ không chỉ giúp bệnh nhân tiếp cận với thuốc nhanh chóng hơn mà còn định vị Việt Nam như một môi trường có tính dự báo và bền vững hơn cho công việc đầu tư. Hơn thế nữa, chúng tôi mong muốn được tiếp tục đối thoại với Chính phủ để cùng xác định các cơ chế ưu đãi nhằm giúp khả năng cạnh tranh của Việt Nam được nâng cao so với các quốc gia khác trong khu vực, và từ đó thu hút mức đầu tư cao hơn nữa từ các công ty dược phẩm phát minh.

III. MỘT HỆ THỐNG TÀI CHÍNH Y TẾ BỀN VỮNG NHẪM TẠO NGUỒN TÀI CHÍNH CHO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NGÀNH DƯỢC, THÔNG QUA CHUYỂN ĐỔI KỸ THUẬT SỐ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (BKHDĐT), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (BHXH), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Khoa học và Công nghệ (BKHCN)

Mô tả vấn đề

Tương tự như các quốc gia đang phát triển khác, Việt Nam đang phải đối mặt với thách thức chính: khi mức thu nhập của người dân tăng, khả năng tiếp cận với Bảo hiểm y tế toàn dân (UHC) được mở rộng, các khoản đầu tư cơ sở hạ tầng của Chính phủ gia tăng và nhu cầu về các sản phẩm và dịch vụ y tế chất lượng ngày càng cao hơn. Ngành dược phẩm phát minh, nhận thức rõ những quan ngại về ngân sách của Chính phủ, đánh giá cao những nỗ lực liên tục trong việc xác định và xây dựng các giải pháp toàn diện hướng tới một hệ thống tài chính y tế bền vững, đồng thời đáp ứng các mục tiêu chính trung và dài hạn của Chiến lược Quốc gia Phát triển ngành Dược.

Chúng tôi tin rằng mục tiêu này của Chính phủ có thể đạt được thông qua các cuộc đối thoại và hành động hợp tác giữa cả các đối tác trong ngành y tế. Cộng đồng doanh nghiệp dược phẩm phát minh với kinh nghiệm chuyên môn từ các hoạt động toàn cầu về các cơ chế tài chính, mong được có cơ hội đóng góp cho các cuộc thảo luận về chủ đề này. Đồng thời chúng tôi cũng nỗ lực duy trì vai trò là một đối tác tin cậy của Chính phủ liên quan đến các mục tiêu chung về cải thiện chất lượng sức khỏe cho người dân, song song với việc duy trì tốt cân bằng tài chính và thúc đẩy phát triển ngành. Hơn nữa, với kinh nghiệm toàn cầu, cộng đồng doanh nghiệp dược phẩm phát minh có thể đóng vai trò dẫn dắt và tạo ra các hiệu ứng lan tỏa để hỗ trợ Chính phủ tiến tới một nền kinh tế dựa trên tri thức.

Sau khi đã đánh giá môi trường hoạt động tại Việt Nam hiện nay, chúng tôi muốn nêu bật các yếu tố mấu chốt có thể tạo điều kiện để có được một hệ thống tài chính y tế bền vững như sau:

- Tính dự báo và tính ổn định của khung pháp lý cần được cải thiện để cho phép ngành dược phẩm sáng tạo đóng vai trò dẫn dắt và tạo ra động lực cần thiết cho một hệ thống tài chính y tế bền vững.
- Hỗ trợ, cam kết mạnh mẽ và các cơ chế ưu đãi việc thực hiện hiệu quả những chương trình có khả năng giảm gánh nặng tài chính cho bệnh nhân, đồng thời đảm bảo khả năng tiếp cận nhanh chóng của người bệnh với các phương pháp điều trị chất lượng cao và tiên tiến (thông qua Chương trình Hỗ trợ thuốc cho Bệnh nhân).

- Xác định việc triển khai chuyển đổi kỹ thuật số của hệ thống y tế (bắt đầu từ Chăm sóc sức khỏe ban đầu) như bước khởi động quan trọng hướng tới mục tiêu đạt mức bao phủ Bảo hiểm Y tế Toàn dân.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị và cam kết hỗ trợ những nỗ lực sau đây đối với việc phát triển một hệ thống tài chính y tế bền vững:

- **Cơ quan liên bộ:** Hiện nay các văn bản pháp luật chính và mang tính tích cực đã được ban hành (như Luật Dược 2016) – nhằm thu hút đầu tư và tạo điều kiện cho những đóng góp mạnh mẽ hơn của ngành dược phẩm phát minh vào Việt Nam. Quy trình ban hành các thông tư hướng dẫn cần được giám sát bởi một cơ quan liên bộ với một cách tiếp cận toàn diện để bảo đảm các văn bản hướng dẫn này có thể thực hiện được một cách hiệu quả và có thể dự báo được, hướng tới việc đạt được cả các mục tiêu liên ngành ngắn hạn cũng như trung và dài hạn.
- **Dựa trên giá trị:** thúc đẩy mô hình RWE (Bằng chứng thực tế) và các mô hình khác dựa trên giá trị để đảm bảo giá trị của thuốc phát minh và/hoặc các giải pháp mới để quản lý bệnh, đặc biệt thông qua việc định giá, được xác định dựa trên giá trị mang lại từ các sản phẩm này chứ không phải đơn thuần dựa trên chi phí.
- **Khuyến khích quan hệ đối tác và cho phép khu vực tư nhân có vai trò tích cực hơn:** thông qua các gói bảo hiểm y tế đa dạng hơn, nhằm tăng thêm lựa chọn và khả năng tiếp cận cho bệnh nhân với những nhu cầu đa dạng, qua đó đáp ứng nhu cầu của tầng lớp trung lưu ngày càng gia tăng.
- **Xây dựng và triển khai Chiến lược y tế số quốc gia:** như một nền tảng cho sự chuyển đổi của hệ thống y tế Việt Nam. Việc xác định các giải pháp kỹ thuật số là một phần của Chiến lược này sẽ không chỉ cải thiện khả năng tiếp cận, chất lượng và khả năng chi trả đối với các sản phẩm và dịch vụ y tế mà còn tạo ra lợi thế cạnh tranh giúp Việt Nam tạo được bước đột phá.
 - Những giá trị mà ngành dược phẩm phát minh có thể đóng góp cho sự đột phá này được nêu rõ trong Báo cáo 2019 của KPMG “Đánh giá tác động kinh tế xã hội của ngành dược phẩm phát minh tại Việt Nam” và cần được cân nhắc, xem xét.
 - Ngoài ra Báo cáo 2020 của KPMG đã đưa ra những khuyến nghị cụ thể và các lĩnh vực trọng tâm nhằm hỗ trợ và tạo bước đột phá này. Đây là những thông tin nhằm hỗ trợ cho việc xây dựng Chiến lược Quốc gia mới để Thủ tướng phê duyệt.
 - Sách trắng 2019 do Access Health International và Cisco xuất bản “Đạt bao phủ cho 650 triệu người: Vì sao Công nghệ số là chìa khóa để hiện thực hóa Bảo hiểm y tế toàn dân tại các quốc gia ASEAN,”⁶ cũng cung cấp một phân tích súc tích với khung hành động rõ ràng mang tính thực tiễn dưới hình thức một kế hoạch hành động để xuất với 10 nội dung cụ thể.

Việt Nam có vị thế thuận lợi để tiến lên những nấc cao hơn trong chuỗi giá trị trong ngành khoa học đời sống trước một số nước ASEAN khác. Đây cũng là chính là thời điểm để cân nhắc những giá trị mà khả năng này có thể đem lại cho Việt Nam. Pharma Group vinh dự và cam kết trở thành đối tác tin cậy trên lộ trình này cùng với Chính phủ, hướng tới tầm nhìn để Việt Nam trở thành trung tâm ASEAN về chăm sóc sức khỏe chất lượng cao, đồng thời cải thiện sức khỏe cho người dân.

LỜI CẢM ƠN

Pharma Group thuộc EuroCham

⁶ “Đạt bao phủ cho 650 triệu người: Vì sao Công nghệ số là chìa khóa để hiện thực hóa Bảo hiểm y tế toàn dân tại các quốc gia ASEAN”, *Access Health International và CISCO*, 2018. Xem tại: <https://www.cisco.com/c/dam/global/en_sg/assets/pdfs/healthcare.pdf> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

CHƯƠNG 16 NGÀNH THỰC PHẨM, NÔNG NGHIỆP VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

TỔNG QUAN

Trong năm 2019, ngành Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản, đặc biệt đối với những doanh nghiệp chủ yếu kinh doanh các mặt hàng liên quan đến thịt và gia súc đã trải qua một năm đầy thách thức do tình trạng thiếu nguồn cung thịt lợn và tình hình ASF tại Việt Nam. Điều đáng khích lệ là kim ngạch xuất khẩu của nhiều loại nông sản đã tăng lên.¹ Tuy nhiên, khó khăn vẫn đang ở phía trước. Đồng thời, hội nhập kinh tế ngày càng tăng² và hậu quả của biến đổi khí hậu làm cho khu vực kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi này thậm chí còn dễ bị tác động hơn.³ Vì vậy, chúng tôi lưu ý rằng một luật mới về Chăn nuôi⁴ đã được thêm vào khung pháp lý hiện có về Trồng trọt, Ngư nghiệp và Lâm nghiệp⁵. Việt Nam hiện có bốn luật về các ngành công nghiệp chính.⁶

Cuộc khủng hoảng trong lĩnh vực chăn nuôi lợn hiện nay và rủi ro đối với nhập khẩu nguyên liệu thô cho thấy lộ trình phát triển ngành theo định hướng sản xuất, cung cấp thực phẩm an toàn và bền vững đang gặp khá nhiều thách thức.⁷ Vì lý do này, chúng tôi cho rằng việc tái cấu trúc ngành là hết sức quan trọng.⁸ Nhiều biến động trên thị trường làm tăng khó khăn trong việc tái cơ cấu ngành vì nông dân và các nhà sản xuất không thể chịu bất kỳ rủi ro nào do thiếu tầm nhìn và hoạt động điều tiết thị trường.⁹ Trong khi các sự kiện bên ngoài ảnh hưởng đến sản lượng toàn cầu như sự bùng phát của dịch tả heo châu Phi ASF,¹⁰ những yếu tố này có thể dẫn đến sự thiếu hụt nguồn cung. Trong năm 2017, ngành Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản đã hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ để cứu ngành lợn nhưng việc này chỉ có tác dụng trong ngắn hạn. Thị trường nông sản phải được tổ chức thực sự bền vững - dựa trên các cách làm tốt - để hạn chế ảnh hưởng của biến động thị trường và tương tác của Việt Nam với hoạt động thương mại toàn cầu. Cách tổ chức này phải là toàn cầu; kinh nghiệm trong quá khứ của chúng tôi cho thấy những khó khăn trong một ngành nhất định và các biện pháp khắc phục ngắn hạn có hậu quả rất lớn đối với các sản phẩm thay thế.¹¹

Việc phụ thuộc vào hoạt động xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc (tốc độ tăng trưởng xuất khẩu rau quả đạt trung bình hơn 70% mỗi năm trong giai đoạn 2014-2017) là một trong những nguyên nhân chính gây ra các vấn đề cho lĩnh vực kinh doanh nông sản với tốc độ phát triển có vẻ chậm lại trong năm 2018.¹²

Trước đây, các doanh nghiệp Việt Nam gặp phải trở ngại như thuế xuất nhập khẩu và yêu cầu kiểm dịch khi xuất khẩu sang các quốc gia láng giềng. Cùng với việc thiếu thông tin, những trở ngại này dẫn đến việc doanh nghiệp sử dụng các kênh xuất nhập khẩu không chính thức, bất kể các tiềm ẩn rủi ro lớn hơn và những hậu quả nặng nề hơn như khủng hoảng ngành hàng thịt lợn. Quá trình hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu chắc chắn sẽ là một

- 1 "Việt Nam phải nỗ lực để đạt được mục tiêu xuất khẩu," *Vietnam News*. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/economy/451878/vn-must-work-hard-to-meet-export-targets.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.
- 2 "Việt Nam là nền kinh tế đông dân toàn cầu hóa nhất," *Vietnam News*. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/economy/468143/vn-is-the-most-globalised-populous-economy.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.
- 3 "Báo cáo biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc đưa ra tại Việt Nam," *Vietnam News*. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/environment/climate-change/467591/un-climate-change-report-launched-in-viet-nam.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.
- 4 Luật Chăn nuôi 32/2018 / QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội Việt Nam.
- 5 Luật Trồng trọt 31/2018 / QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội Việt Nam; Luật Thủy sản 18/2017 / QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội Việt Nam; Luật Lâm nghiệp 16/2017 / QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội Việt Nam.
- 6 "Luật mới về chăn nuôi hứa hẹn sẽ có nhiều tiến bộ," *Vietnam News*. Xem tại <<http://vietnamnews.vn/opinion/480879/new-law-on-animal-husbandry-promises-progress.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.
- 7 "Việt Nam sẽ nhập 300.000 tấn điều thô," *Vietnam News*. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/economy/468066/vn-to-import-300000-tonnes-of-raw-cashew.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.
- 8 "Việt Nam cần có khung pháp lý quốc gia cho thịt lợn an toàn," *Vietnam News*. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/society/468456/vn-needs-natl-framework-for-safe-pork.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.
- 9 "Giá thịt lợn dự kiến sẽ tăng thêm," *Vietnam News*. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/economy/469233/pork-prices-expected-to-rise-further.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.
- 10 "Tình trạng thiếu thịt lợn có thể xảy ra ở Việt Nam do ASF," *Báo SGGP bản Tiếng Anh*, ngày 28 tháng 10 năm 2018. Xem tại: <<http://sggpnews.org.vn/content/NzU1NDA=.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.
- 11 "Pig farmer rescue campaign hits chicken breeders," *VCSC - Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Bản Việt*. Xem tại: <<https://www.vcsc.com.vn/tin-chi-tiet/pig-farmer-rescue-campaign-hits-chicken-breeders/150415>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.
- 12 "Tăng trưởng xuất khẩu sang Trung Quốc chậm lại," *Vietnam News*. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/economy/463815/growth-of-exports-to-china-slows-down.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

phương tiện để làm cho hoạt động mua bán trở nên chính thức, hàng hoá có thể truy xuất nguồn gốc và được kiểm soát. Việc thực thi Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) sẽ là ví dụ để hai đối tác có thể nhanh chóng phá bỏ rào cản và giúp các bên nhận hưởng lợi ích từ gia tăng trao đổi thương mại.¹³

Theo quan điểm của chúng tôi, đây sẽ là cơ hội để tăng mức độ an toàn thực phẩm của Việt Nam. Vấn đề về vệ sinh an toàn thực phẩm tại Việt Nam hiện đang được cải thiện, mặc dù tiến độ vẫn còn chậm, và cũng thu hút nhiều sự quan tâm người dân, đặc biệt là khi kỳ nghỉ Tết.¹⁴ Thật vậy, chúng tôi đã ghi nhận nhiều sáng kiến theo đúng định hướng - bao gồm báo cáo của Ngân hàng Thế giới¹⁵ nhưng vẫn cần có một cơ quan quản lý tập trung để khuyến khích thực hiện trên toàn quốc. Chúng tôi đã trình bày chủ đề này trong các phiên bản trước của Sách Trắng và chúng tôi cho rằng “cơ quan quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm tập trung” này có thể trở thành nền tảng của một ngành kinh doanh nông nghiệp an toàn và bền vững khi phối hợp với các sáng kiến của ngành¹⁶ thông qua các chương trình đối tác công-tư. Quan điểm gần đây cho rằng việc cải thiện các tiêu chuẩn và mức độ vệ sinh an toàn thực phẩm có thể giúp tránh được tổn thất rất lớn về năng suất - ước tính lên tới 700 triệu Đô-la Mỹ mỗi năm - do thực phẩm bị nhiễm bẩn.¹⁷

Theo chương trình nghị sự chiến lược của Chính phủ Việt Nam về việc áp dụng Công nghiệp 4.0, đẩy nhanh tốc độ chuyển đổi kỹ thuật số của tất cả các ngành, bao gồm ngành Nông nghiệp, chúng tôi muốn chia sẻ một số quan điểm về các hệ thống sản xuất chính xác. Trong nhiều năm, hoạt động sản xuất trên toàn cầu đã được thực hiện bằng cách sử dụng phương pháp thử và sai, được tư vấn thông qua các quan sát đầy kinh nghiệm và nhiều nghiên cứu, cho phép ngành này đạt được những tiến bộ vượt bậc. Nhiều cuộc cách mạng đã diễn ra để thay thế sức lao động của con người bằng động vật và gần đây là máy móc. Những cuộc cách mạng này từng bước làm tăng quy mô của các đơn vị sản xuất. Ngày nay, chúng ta đang bước vào một cuộc cách mạng “Nông nghiệp 4.0” mới thông qua việc áp dụng các công nghệ mới bao gồm hệ thống định vị, cảm biến thông minh mà cả ứng dụng CNTT kết hợp với máy móc công nghệ cao. Nông nghiệp 4.0 là một lĩnh vực rất năng động, có tốc độ phát triển nhanh và sẽ mang lại những cải tiến lớn trong một thời gian ngắn. Thành công của nền Nông nghiệp 4.0 chỉ dành cho những ai hiểu được giá trị của nó và việc chia sẻ thông tin cần được xem là một phương thức hành động. Những sáng tạo sẽ tồn tại theo thời gian và thực sự tác động đến cuộc cách mạng này là những sáng tạo không bỏ qua yếu tố con người và thúc đẩy sự hài hòa giữa công việc của con người và dữ liệu nó tạo ra. Cho đến nay, chúng tôi đã xác định được một số điểm mà Việt Nam khắc phục để tận dụng tối đa những thay đổi mạnh mẽ đó.¹⁸ Nông nghiệp 4.0 cũng giúp nông dân và các nhà sản xuất tiếp cận nhanh chóng với các sản phẩm và kiến thức mới mẻ và sáng tạo. Hai vấn đề này sẽ được trình bày trong phần I (khả năng truy xuất nguồn gốc) và phần II (quy trình đăng ký) của chương này.

Việc kiểm soát hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam được hiểu giống như ở mọi quốc gia mong muốn bảo vệ người dân trước các sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng và không rõ nguồn gốc. Thuế quan và hạn ngạch thường được sử dụng để tổ chức hoạt động kiểm soát này, nhưng trong quá trình chuyển đổi sang một nền kinh tế toàn cầu cởi mở hơn, chúng tôi đã gặp phải xu hướng sử dụng các rào cản thương mại không rõ ràng. Chúng tôi nhận thấy đây là quan ngại chính đối với việc áp dụng các quy định và thủ tục hành chính trong quản lý thương mại của Việt Nam. Vì những lý do sau:

- (i) Việt Nam đã tích cực hội nhập quốc tế, tham gia 16 hiệp định thương mại tự do theo đúng chủ trương thúc đẩy thương mại, phát huy lợi thế cạnh tranh;
- (ii) Việc áp dụng quy định và thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp của Việt Nam tuân thủ theo thông lệ quốc tế và cam kết với các đối tác thương mại.

13 “Kết luận đánh giá pháp lý đối với EU-VNFTA”, *Vietnam News*. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/economy/450582/legal-review-for-viet-nam-eu-fta-concludes.html>>, truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

14 “Thực phẩm bẩn cần được kiểm soát trong giai đoạn giáp Tết”, *Vietnam News*. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/society/481405/dirty-food-needs-to-be-controlled-when-tet-approaches.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

15 “Quản lý rủi ro an toàn thực phẩm tại Việt Nam: Thách thức và cơ hội”, *Onehealth*. Xem tại: <<https://onehealth.org.vn/management-of-food-safety-risks-in-viet-nam-challenges-and-opportunities.new>> truy cập lần cuối ngày 10 tháng 12 năm 2019.

16 “Trung tâm Quản lý Thực phẩm Mới của Việt Nam tìm cách cải thiện khả năng truy xuất nguồn gốc, độ an toàn và tiêu chuẩn trước những lo ngại gần đây”, *Food Navigator Asia*. Xem tại: <<https://www.foodnavigator-asia.com/Article/2018/06/04/New-Vietnam-food-centre-seeks-to-improve-traceability-safety-and-standards-in-wake-of-recent-concerns>> truy cập lần cuối ngày 10 tháng 12 năm 2019.

17 “IFC nghiên cứu mong muốn về các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của Việt Nam”, *Báo Đầu Tư Việt Nam bản Tiếng Anh*, ngày 9 tháng 12 năm 2018. Xem tại: <<https://www.vir.com.vn/ifc-works-up-vietnams-appetite-for-food-safety-standards-64432.html>> truy cập lần cuối ngày 10 tháng 12 năm 2018.

18 “Chuyên gia: Việt Nam chưa chuẩn bị cho cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 sắp tới”, *VnExpress International*. Xem tại: <<https://e.vnexpress.net/news/business/vietnam-unprepared-for-imminent-4th-industrial-revolution-experts-3728896.html>> truy cập lần cuối ngày 10 tháng 12 năm 2019.

Liên minh châu Âu đã đưa ra cảnh báo “Thẻ vàng” với Việt Nam trong tháng 10 năm 2017 vì Việt Nam chưa chứng minh được việc đã thực hiện lộ trình cần thiết nhằm chống Hoạt động đánh bắt thủy sản Bất hợp pháp, Không được Báo cáo và Không được Quản lý (IUU) trên toàn thế giới. Điều này có khả năng tác động đến các mặt hàng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Chủ đề này hiện vẫn đang được xem xét kỹ lưỡng¹⁹ và chính phủ Việt Nam đang thực hiện các biện pháp để đáp ứng và thực hiện theo các khuyến nghị của Liên minh châu Âu.²⁰

Một vấn đề khác từng được đề cập trong ấn bản Sách Trắng 2017 là tình trạng kháng kháng sinh (KKS) do sử dụng thuốc kháng sinh tràn lan tại Việt Nam với tỷ lệ kháng kháng sinh đã từng ở mức cao nhất thế giới.²¹

Việc tiếp cận được một số thị trường “khó tính” như Nhật Bản và Úc cho thấy Việt Nam có thể tuân thủ các yêu cầu cao về an toàn thực phẩm.²² Theo quan điểm của chúng tôi, Chính phủ cần dựa vào những thành công này để giải thích cho người nông dân và nhà sản xuất hiểu rõ các lợi ích của việc cải tiến tiêu chuẩn do điều này sẽ tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam và tạo điều kiện tiếp cận thêm nhiều thị trường, đặc biệt là Liên minh châu Âu. Chúng tôi đồng ý với Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam về việc cải tiến chất lượng và đảm bảo an toàn thực phẩm là cách tốt nhất để tăng cường xuất khẩu.²³ Tuy nhiên, bên cạnh việc tập trung vào tăng cường xuất khẩu, chúng tôi tin rằng trong dài hạn cần ưu tiên tập trung chuyển đổi ngành nông nghiệp trong nước để phát triển ngành mạnh hơn và độc lập hơn. Việc này bao gồm hoạt động nâng cấp và đa dạng hóa, phát triển sản phẩm hiện đại và cải thiện an toàn thực phẩm nhưng vẫn đảm bảo việc tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế. Việc chuyển đổi ngành ở những khía cạnh nêu trên trên sẽ giúp đẩy mạnh xuất khẩu.

Để tiếp tục cải thiện chất lượng và giải quyết vấn đề về an toàn thực phẩm, Việt Nam cần đẩy mạnh giải pháp truy xuất nguồn gốc.²⁴ Chúng tôi cũng tin rằng cần rà soát các quy định hiện nay và tạo ra một chuỗi sản xuất, cung ứng nông sản và thực phẩm giá trị cao. Điều này bao gồm hoạt động xây dựng các cơ hội tiếp cận thị trường mới, giảm thiểu KKS và sự phụ thuộc của ngành vào nguyên liệu nhập khẩu.²⁵ Theo quan điểm của chúng tôi, sự hợp tác và phối hợp của nhiều mắt xích khác nhau trong ngành là chìa khóa tạo ra sự thành công trên thị trường trong nước và quốc tế và đây là điều cần được chú trọng.

Chúng tôi cũng mong muốn nhấn mạnh vào tầm quan trọng của việc phát triển một ngành nông nghiệp bền vững đem lại cho người nông dân thu nhập ổn định và giảm thiểu dấu chân carbon khi đáp ứng nhu cầu tiêu thụ. Ví dụ như người nông dân cần thay đổi tư duy khởi nghiệp, làm giàu hơn nữa. Hiện nay, người nông dân thường lựa chọn loại cây trồng, vật nuôi theo quán tính mà không chú trọng đến nhu cầu người mua hoặc tìm hiểu thị hiếu của thị trường trước khi quyết định về sản phẩm.²⁶ Người nông dân cũng cần tìm hiểu xem họ cần sử dụng sản phẩm nào để gia tăng sản lượng, giảm lượng nước và tài nguyên khác cần dùng trong nuôi trồng và sản xuất, đồng thời duy trì độ màu mỡ của đất. Điều này có thể được thực hiện bằng cách tạo niềm tin và xây dựng các nhóm khuyến nông và dịch vụ về thú y. Chúng tôi ủng hộ quan điểm của Thủ tướng Chính phủ về việc cần tăng quy mô sử dụng đất và áp dụng công nghệ cao bên cạnh việc gia tăng đầu tư và thiết lập các chính sách tốt hơn cho nông nghiệp.²⁷

19 “Ủy ban châu Âu xem xét thẻ vàng đối với thủy sản Việt Nam vào đầu năm 2019”, *Vietnam News*. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/politics-laws/450633/european-commission-to-review-yellow-card-against-vietnamese-fisheries-in-early-2019.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

20 “Việt Nam hành động để xóa thẻ vàng của Ủy ban châu Âu đối với ngành thủy sản”, *Vietnam News*. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/politics-laws/463178/vietnam-takes-action-to-remove-ec-yellow-card-on-fisheries.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

21 “Việt Nam theo dõi vi khuẩn kháng nhiều loại thuốc”, *CDC*, ngày 20 tháng 3 năm 2018. Xem tại: <<https://www.cdc.gov/globalhealth/healthprotection/fieldupdates/winter-2017/vietnam-tracks-bacteria.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

22 “Việt Nam xuất khẩu thịt gà chế biến sẵn sang Nhật Bản”, *VOV World*, ngày 20 tháng 9 năm 2017. Xem tại: <vovworld.vn/en-US/current-affairs/vietnam-exports-processed-chicken-to-japan-577933.vov> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 1 năm 2019; M. Van, “Việt Nam lần đầu tiên được cấp phép xuất khẩu thanh long sang Úc”, *Thời Báo Kinh tế Việt Nam*, ngày 29 tháng 8 năm 2018. Xem tại: <vneconomicstimes.com/article/vietnam-today/vietnam-the-first-permitted-to-export-dragon-fruit-to-australia> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 1 năm 2019.

23 B. Chau, “Xuất khẩu thủy sản duy trì đà tăng trưởng”, *Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam*, ngày 4 tháng 11 năm 2016. Xem tại: <www.vccinews.com/news_detail.asp?news_id=34095> truy cập lần cuối ngày 22 tháng 1 năm 2019.

24 Sách Trắng 2016, Chương 11 (l): “An toàn Thực phẩm – tầm quan trọng của việc truy xuất nguồn gốc và công tác thực thi pháp luật”, trang 80.

25 “Chính sách gây cản trở việc buôn bán nông sản địa phương”, *Vietnam News*, ngày 22 tháng 6 năm 2017. Xem tại: <vietnamnews.vn/economy/378730/policies-hinders-trading-of-local-agricultural-products.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2019; “Điểm yếu trong chuỗi cung ứng nông sản của Việt Nam”, *Vietnam Net*, ngày 6 tháng 5 năm 2017. Xem tại: <english.vietnamnet.vn/fms/business/177731/weakness-in-vietnam-s-agricultural-supply-chains.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2019; T. Dung, “Việt Nam tìm cách xuất khẩu thịt lợn”, *Thời báo Kinh tế Sài Gòn, chuyên mục Quốc tế*, ngày 22 tháng 10 năm 2017. Xem tại: <english.thesaigontimes.vn/56697/Vietnam-seeks-to-export-pork.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2019.

26 “Người nông dân chuyển sang trồng hồ tiêu khi giá cà phê lao dốc”, *Vietnam News*, ngày 28 tháng 5 năm 2016. Xem tại: <vietnamnews.vn/economy/297419/farmers-switch-to-pepper-as-coffee-prices-fall.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2019; “Doanh thu xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sụt giảm do cung vượt quá cầu”, *VN Express*, ngày 26 tháng 6 năm 2017. Xem tại: <e.vnexpress.net/news/business/vietnam-s-pepper-export-revenue-loses-spice-due-to-oversupply-3605029.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2019.

27 “Thủ tướng Chính phủ chỉ rõ các tồn tại trong sản xuất nông nghiệp”, *VN Express*, ngày 27 tháng 6 năm 2017. Xem tại: <english.thesaigontimes.vn/54693/PM-points-out-shortcomings-in-agricultural-production.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Sau đây, chúng tôi sẽ trình bày chi tiết về một số vấn đề được đưa ra bởi Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản (FAABS).

I. PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI BỀN VỮNG CHO NÔNG NGHIỆP, AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ AN NINH LƯƠNG THỰC

1. Sử dụng kháng sinh hợp lý và phù hợp trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT)

Mô tả vấn đề

Việc sử dụng kháng sinh (AMU) trong nông nghiệp nên được quy định trên phạm vi toàn cầu về giảm kháng thuốc kháng sinh (AMR). Tổ chức Y tế Thế giới²⁸ chỉ ra rằng Việt Nam là một trong những quốc gia mà trong những năm gần đây, đã chứng kiến mối đe dọa ngày càng tăng của AMR do việc sử dụng kháng sinh không hợp lý ở tất cả các cấp của hệ thống chăm sóc sức khỏe, trong nuôi trồng chăn nuôi, thủy sản và trong cộng đồng. Do ảnh hưởng của AMU, ngày càng có nhiều bệnh nhiễm trùng thông thường ví dụ như: viêm phổi, nhiễm trùng đường tiết niệu, bệnh lao và các bệnh do thực phẩm gây ra trở nên khó khăn và đôi khi không thể điều trị.

Một số nước như Ấn Độ và Trung Quốc thời gian gần đây đã cấm colistin sử dụng trong thực phẩm cho động vật, đặc biệt là sau khi mcr-1 gen, có khả năng kháng colistin,²⁹ đã được phát hiện trong các mẫu thực phẩm.

Những năm gần đây đã chứng kiến sự cải thiện lớn về quy định sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi ở Việt Nam và chúng tôi rất vui khi thấy Luật Chăn nuôi gần đây đã đề cập đến việc cấm sử dụng kháng sinh trong thức ăn chăn nuôi nhằm mục đích kích thích sinh trưởng. Tuy nhiên, cải tiến lớn vẫn có thể được thực hiện trong điều kiện thực hành trang trại hiện nay.

Các nghiên cứu gần đây tại Việt Nam đã phát hiện ra rằng thuốc kháng sinh vẫn chủ yếu được sử dụng để phòng ngừa hơn là điều trị nhiễm trùng trong các hệ thống chăn nuôi gia cầm và lợn.³⁰ Ngoài ra, đã có báo cáo chỉ ra rằng việc sử dụng kháng sinh, AMU, trong sản xuất thịt gà ở đồng bằng sông Cửu Long lớn hơn khoảng sáu lần so với nhiều nước châu Âu. Tỷ lệ tồn dư kháng sinh cao này cũng liên quan đến mức độ đa kháng cao (58,9%) trên Salmonella không thương hàn (NTS) đơn độc.

Lợi ích tiềm tàng/mối quan ngại đối với Việt Nam

Cửa hàng thuốc thú y được xác định là nguồn cung cấp và tư vấn thuốc kháng sinh chủ yếu cho động vật.³¹ Không những thế, thuốc kháng sinh được mua một cách dễ dàng, hợp pháp mà không cần kê toa bởi bất kỳ ai trong số khoảng 12.000 cửa hàng thuốc thú y trên cả nước. Việc này đang làm gia tăng mối quan ngại về mức độ dễ tiếp cận và dễ chi trả vì mức giá quá rẻ góp phần vào việc sử dụng quá liều hoặc lạm dụng các sản phẩm kháng sinh trong chăn nuôi.

Về sản phẩm kém chất lượng và thiếu nội dung ghi nhãn của thuốc kháng sinh, theo một cuộc khảo sát gần đây³² được thực hiện ở Đồng bằng sông Cửu Long cho thấy 65% các sản phẩm được điều tra có ghi nhãn "sử dụng để phòng bệnh" (thường theo sau là danh sách các bệnh do vi khuẩn). Việc dán nhãn này gây mâu thuẫn với những nỗ lực của các cơ quan y tế động vật trong việc ngăn chặn sử dụng thuốc kháng sinh thường xuyên để phòng

28 "Kháng thuốc kháng sinh", *Tổ chức Y tế Thế giới*. Xem tại: <<https://www.who.int/vietnam/health-topics/antimicrobial-resistance>>, truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

29 Cơ quan kiểm tra và đánh giá các sản phẩm thuốc thú y của châu Âu: "Colistin là một loại kháng sinh cyclopeptide được sản xuất bởi nuôi cấy *Bacillus polymyxa* var. *colistinus*. Nó thuộc nhóm trị liệu polymyxin và giống hệt với Polymixin E. Colistin được sử dụng để phòng ngừa và điều trị các bệnh do vi khuẩn ở thỏ, lợn, gia cầm, gia súc, cừu và dê. Nó cũng được sử dụng trong chăn nuôi gia cầm cung cấp trứng và gia súc, cừu và dê cung cấp sữa cho con người."

30 "Đánh giá lạm dụng kháng khuẩn trong các trang trại gà quy mô nhỏ ở Việt Nam từ một nghiên cứu quan sát", *Choisy et al. BMC Veterinary Research* (2019). Xem tại <<https://bmcvetres.biomedcentral.com/articles/10.1186/s12917-019-1947-0>> truy cập lần cuối vào ngày 10 tháng 12 năm 2019.

31 Phu, D.H.; Giao, V.T.Q.; Truong, D.B.; Cuong, N.V.; Kiet, B.T.; Hien, V.B.; Thwaites, G.; Rushton, J.; Carrique-Mas, J. *Veterinary* "Các cửa hàng thuốc trên mạng là nguồn cung cấp và tư vấn chính về thuốc kháng sinh sử dụng cho động vật ở đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam". *Kháng sinh* 2019, 8, 195. Xem tại <<https://doi.org/10.3390/antibiotics8040195>> truy cập lần cuối vào ngày 8 tháng 12 năm 2019.

32 Yen NTP, Phu DH, Van Nguyen C, et al. "Ghi nhãn và chất lượng của các sản phẩm kháng sinh được sử dụng trong đàn gà ở đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam". *Vet Med Sci*. 2019. Xem tại <<https://doi.org/10.1002/vms3.189>>, truy cập lần cuối vào ngày 8 tháng 12 năm 2019

bệnh và gửi đến những thông điệp sai lầm cho nông dân. Nghiên cứu này cũng cho thấy thời gian đào thải thuốc đối với cả thịt và trứng chỉ được ghi nhận trong 40% sản phẩm. Đáng lo ngại hơn một nửa các sản phẩm này (55,9%) chứa ít nhất một kháng sinh có tầm quan trọng (ưu tiên cao nhất) theo Tổ chức Y tế Thế giới (ví dụ: colistin, quinolones và macrolide).

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị tăng cường quy định và kiểm tra ghi nhãn sản phẩm kháng sinh, loại bỏ chỉ định sử dụng kháng sinh với mục đích phòng ngừa. Trong mọi trường hợp, các sản phẩm nên chỉ ra rõ thời gian đào thải thuốc đối với thịt, trứng và sữa. Ngoài ra cũng nên hạn chế khả năng tiếp cận thuốc kháng sinh của người dùng vì điều này có tầm quan trọng vô cùng to lớn đối với sức khỏe con người trong việc sử dụng thịt động vật làm thức ăn. Trong giai đoạn đầu khuyến nghị nên cấm sử dụng colistin, ưu tiên phát triển các chính sách và tiến hành nâng cao nhận thức cho người nông dân.

2. Tiến tới việc cấm chất AZODICABONAMIDE trong công nghiệp thực phẩm

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bộ Công Thương (BCT)

Mô tả vấn đề

Việc thực thi lệnh cấm chất kali Bromate từ năm 2015 mang lại kết quả tích cực

Kali bromate (e924) đã bị cấm vào năm 2015, bị loại khỏi danh sách phụ gia thực phẩm. Cơ quan hữu quan mất thêm vài năm vì rất khó xác định việc sử dụng phụ gia như vậy trong ngành làm bánh chưa kể đây lại không phải là ngành nổi bật trong nhiều năm.

Theo Công văn 62 /ATTP-SP của Cục Quản lý Thực phẩm Việt Nam³³, các cơ quan nhà nước Việt Nam đã thi hành lệnh cấm, cung cấp một môi trường làm việc lành mạnh hơn cho người làm bánh, và cuối cùng là tạo nên một hình ảnh tốt hơn về ngành công nghiệp bánh mì tại Việt Nam đối với khu vực.

Ngành công nghiệp trong nước không chịu bất kỳ tổn thất nào về việc làm hay tiêu dùng, và thực tế lệnh cấm đã chứng minh ngành công nghiệp làm bánh Việt Nam có thể thích nghi với các quy định chặt chẽ hơn, khi được chứng minh và giải thích cho các bên liên quan. Kết quả là, ngành công nghiệp bánh của Việt Nam đã chứng kiến sự gia tăng xuất khẩu và hiện nay được xem xét nhiều hơn về việc cung cấp bánh mì trong khu vực dưới các hình thức khác nhau.

Kali Bromate đã được thay thế bằng Azodicarbonamide (ADA / e927a)

Sau khi lệnh cấm Potassium Bromate được thi hành, một số nhà sản xuất phụ gia bánh mì trong nước đã bắt đầu sử dụng Azodicarbonamide như một phụ gia thay thế thay thế. Những phụ gia bánh mì này chủ yếu được tiêu thụ bởi các tiệm bánh thủ công (đại diện cho phần lớn nhà sản xuất bánh mì trong nước), chủ yếu là vì lợi ích về “giá trên mỗi ki-lô-gam”.

Mặc dù bị cấm ở nhiều quốc gia như Liên minh châu Âu, hầu hết các quốc gia Đông Nam Á, Úc, Newzealand, Ấn Độ; Việt Nam đã đưa ADA (e927a) vào danh sách các loại phụ gia được phép sử dụng và cho phép các nhà sản xuất và nhà nhập khẩu đăng ký các chất phụ gia bánh mì có chứa chất này. Cho đến nay, chỉ những nhà sản xuất trong nước cung cấp công thức có chứa ADA, để phục vụ cho phần khúc thị trường thủ công, vì ở đây vấn đề an toàn thực phẩm ít được quan tâm hơn, và vì thương hiệu của nhà sản xuất không phải là ưu tiên hàng đầu.

Ví dụ, tất cả các nhà sản xuất bánh mì lớn như các công ty, lò bánh mì trong siêu thị, và các chuỗi cửa hàng bánh khác, đã cấm ADA khỏi công thức làm bánh của họ, để bảo vệ thương hiệu. Không có sản phẩm của thương hiệu lớn nào muốn liên quan đến chất phụ gia vẫn còn đang tranh cãi này.

Cho đến nay, ADA vẫn còn nằm trong danh sách các chất phụ gia của Codex Alimentarius. Cuộc họp thường niên của Codex Alimentarius sẽ được tổ chức vào tháng 3 năm 2020 và xem xét chất ADA là một chủ đề ưu tiên trong phiên họp năm 2020.

³³ Công văn 62/ATTP-SP ngày 13 tháng 1 năm 2015 của Cục Quản lý Thực phẩm Việt Nam về việc cấm sử dụng chất Kali Bromate trong sản phẩm thực phẩm.

Mối đe dọa đối với sức khỏe con người của ADA vẫn đang được nghiên cứu, nhưng hầu hết các quốc gia đều cấm nó như một vấn đề phòng ngừa. Trong khi chờ Codex Alimentarius quyết định xem xét chủ đề này và có thể sẽ mất vài năm trước khi đi đến bất kỳ kết luận khoa học nào, chúng tôi kính đề nghị Chính phủ nên tham gia cộng đồng các quốc gia quyết định không cho phép sử dụng ADA trong các ứng dụng thực phẩm.

Để cập đến danh sách phụ gia thực phẩm hiện đang được sử dụng trong luật thực phẩm Việt Nam, chúng tôi tin rằng Azodicarbonamide (e927a) nên được loại bỏ và cấm, để nâng cấp ngành công nghiệp bánh mì của quốc gia. Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản thuộc EuroCham rất mong muốn trao đổi thêm với Cục An toàn Thực phẩm và Bộ Công Thương về vấn đề này và cơ sở khoa học liên quan.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Lệnh cấm đối với chất ADA sẽ cho thấy ngành công nghiệp bánh mì Việt Nam ngang tầm với các nhà sản xuất bánh mì lớn khi nói đến an toàn thực phẩm. Nó sẽ đưa Việt Nam đi xa hơn trong danh sách các quốc gia được lựa chọn để sản xuất và gia công, vào thời điểm mà nhiều nhà sản xuất đang đòi hỏi những giải pháp cạnh tranh trong cung ứng bánh mì, ví dụ như xuất khẩu bánh mì đông lạnh. Các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore, Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất, Mỹ hay thậm chí châu Âu đang thể hiện sự quan tâm ngày càng cao đối với các loại bánh mì chất lượng tốt với giá cả cạnh tranh mà Việt Nam có thể sản xuất. Nhưng một lần nữa, mối lo ngại về an toàn thực phẩm có thể làm chậm lại sự phát triển của chúng ta trong vấn đề này, vì một số tiêu chuẩn (dự kiến ở nhiều quốc gia) không được ngành công nghiệp trong nước tôn trọng hoàn toàn.

Theo quan điểm trong nước, các nhà sản xuất phụ gia trong nước sẽ thích nghi vì có sự lựa chọn thay thế (ví dụ như e300 - axit ascorbic), và tôn trọng các tiêu chuẩn cao hơn về an toàn thực phẩm sẽ giúp họ tồn tại trên thị trường quốc tế với những cơ hội tiềm năng xuất khẩu.

Các tiệm bánh trong nước thậm chí sẽ không thấy chi phí của họ tăng lên vì biết rằng các lựa chọn thay thế cho ADA cũng có hiệu quả về chi phí, đặc biệt là nếu được sản xuất trong nước.

Điều đó cũng sẽ cho phép các nhà sản xuất nước ngoài trong ngành công nghiệp nguyên liệu làm bánh xem Việt Nam là cơ sở sản xuất trong nước, và cung cấp không chỉ cho thị trường Việt Nam mà cho cả khu vực. Thị trường Việt Nam hiện đang "bị phá hỏng" bởi ADA, các nước láng giềng khác trong khu vực được ưu tiên đầu tư trong ngành nguyên liệu bánh. Lệnh cấm ADA có thể làm thay đổi điều này và thúc đẩy việc xem xét lại các khoản đầu tư trong nước.

Khuyến nghị

- Chúng tôi khuyến nghị cấm ADA khỏi danh sách chất phụ gia được sử dụng nhằm đảm bảo không còn tồn tại trên thị trường.
- Nếu Cục Quản lý Thực phẩm Việt Nam quyết định duy trì ADA như một phần của danh sách các chất được sử dụng thì việc sử dụng phải được quy định trong luật, cho phép người tiêu dùng nhận thức được những gì đang được sử dụng. Ngày nay, Codex Alimentarius coi ADA là một chất phụ gia được khuyến nghị cần phải giới hạn sử dụng cụ thể là về liều lượng. Nhiều quốc gia vẫn cho phép sử dụng ADA trong bánh mì với liều lượng tối đa (và thực thi kiểm soát đối với các sản phẩm được sản xuất trong nước và nhập khẩu) và áp dụng các dấu hiệu cụ thể đối với các sản phẩm có chứa ADA (ví dụ, ở mặt trước của bao bì phụ gia và trên bao bì của bánh mì), để thợ làm bánh và người tiêu dùng không nhầm lẫn khi mua sản phẩm.
- Cho dù lệnh cấm hay quy định chặt chẽ hơn được thực hiện, cần áp dụng một giai đoạn chuyển tiếp, để các nhà sản xuất và thợ làm bánh trong nước điều chỉnh trước khi thực thi pháp luật. Quá trình chuyển đổi như vậy đã được Cục Quản lý Thực phẩm Việt Nam thực hiện thành công khi thực hiện lệnh cấm Kali Bromate, có thể dễ dàng lặp lại đối với ADA.



II. SỬ DỤNG THUỐC TRỪ SÂU HỢP LÝ TRONG SẢN XUẤT RAU QUẢ Ở VIỆT NAM VÀ PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ.

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), Cục Bảo vệ Thực vật (Cục BVTV)

Mô tả vấn đề

Tất cả người tiêu dùng đều lo lắng về sức khỏe của mình. Nhiều người tiêu dùng tại Việt Nam cho rằng hầu hết các loại rau và trái cây đều chứa rất nhiều hóa chất, đặc biệt là các phân tử thuốc trừ sâu. Quy định của pháp luật về thuốc trừ sâu ở tất cả các quốc gia trên thế giới ngày càng nghiêm ngặt và chặt chẽ hơn. Để mở rộng xuất khẩu rau củ, trái cây và các sản phẩm phụ từ trái cây của Việt Nam, điều tối cần thiết là phải thực hiện theo các quy định này. Hiện nay hơn 600 phân tử thuốc trừ sâu trong ngành sản xuất rau quả đã được xác định. Nhiều loại trong số đó đã bị cấm ở nhiều quốc gia như carbendazim nhưng vẫn được sử dụng cho hầu hết các loại cam, quýt và các loại trái cây khác trong nước.

Đồng thời, mối đe dọa biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng (và đã ảnh hưởng) đến nhiều khu vực, đặc biệt là hai vùng đồng bằng chính. Mô hình nông nghiệp sử dụng nhiều thuốc trừ sâu (và các hóa chất khác), được gọi là “chủ nghĩa năng suất” đã cho thấy mặt tối của nó ở nhiều quốc gia khi phá hủy thiên nhiên và phá rừng, gây ô nhiễm sông và mạch nước ngầm bằng phân bón hóa chất, làm tuyệt chủng một số loại côn trùng và chim (chủ yếu là ong thụ phấn), gây bệnh ung thư đặc biệt là cho nông dân và chất lượng nông sản thấp. Một trong những giải pháp cho tình hình này là phát triển các sản phẩm hữu cơ với khả năng truy xuất nguồn gốc rõ ràng. Nông nghiệp hữu cơ có ba khía cạnh—xã hội, kinh tế và môi trường—và ba khía cạnh này có thể giúp cải thiện an ninh lương thực.

Nhiều quốc gia đã thay đổi mô hình nông nghiệp và đang trên đà thực hiện việc này. Họ đã quyết định chuyển từ nông nghiệp theo “chủ nghĩa năng suất” sang nông nghiệp bền vững, và chủ yếu là với các sản phẩm hữu cơ. Số liệu trên thế giới trong giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2015 cho thấy số trang trại hữu cơ đã tăng lên gấp 10 lần—hơn 43 triệu ha, diện tích đất hữu tăng lên 4 lần và nhu cầu cao nhất về sản phẩm hữu cơ trên thế giới là nhu cầu về trái cây và rau củ.³⁴

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Thị trường thực phẩm ở Việt Nam đã có sự thay đổi mạnh mẽ. Một khảo sát năm 2018 tại Hà Nội và TP HCM cho thấy an toàn thực phẩm là mối quan tâm ngày càng lớn của nhiều người Việt Nam và nhận thức và hình ảnh về thực phẩm hữu cơ đang thu hút sự quan tâm của 80% người tiêu dùng; 32% người dân tiêu thụ thực phẩm hữu cơ nhiều hơn một lần/tuần;³⁵ động lực hàng đầu để mua thực phẩm hữu cơ là vì lý do an toàn cho sức khỏe, tiếp theo là thân thiện với môi trường; và ít nhất có đến 95% người tiêu dùng sẵn sàng trả nhiều tiền hơn để mua thực phẩm an toàn hơn. Mức tăng giá thực phẩm được chấp nhận nhiều nhất là từ 10% đến 20%.

Nhu cầu về sản phẩm hữu cơ trên thế giới đang tăng rất nhanh. Bắc Mỹ là thị trường lớn nhất cho trái cây và rau hữu cơ, tiếp theo là châu Âu và châu Á-Thái Bình Dương. Thị phần ngày càng tăng của các sản phẩm hữu cơ trên thế giới là cơ hội lớn cho các nhà sản xuất nông nghiệp chuyển đổi nông nghiệp từ hệ thống thông thường sang hệ thống hữu cơ. Do đó, chúng tôi tin rằng châu Âu và Hoa Kỳ có thể là thị trường rất tiềm năng để Việt Nam xuất khẩu sản phẩm hữu cơ.

Do Việt Nam có hàng triệu nông dân sản xuất nhỏ lẻ, phát triển theo hướng hữu cơ có thể mang lại nhiều doanh thu hơn cho nông dân trên cùng một diện tích đất (tăng thêm 10% đến 20%).³⁶ Hình ảnh của rau quả xuất khẩu từ Việt Nam cũng sẽ được cải thiện đáng kể trên thế giới với mục tiêu có “xuất xứ chất lượng cao”.

34 “Thế giới của Nông nghiệp Hữu cơ – Số liệu Thống kê và Xu hướng mới năm 2019”, Viện Nghiên cứu Nông nghiệp Hữu cơ (FIBL) và Liên đoàn Quốc tế các Phong trào Nông nghiệp Hữu cơ (IFOAM Organics International) truy cập lần cuối ngày 20 tháng 1 năm 2020.

35 “Nghiên cứu về chi tiêu và tiêu thụ thực phẩm tại đô thị Việt Nam, Tài liệu thông tin số 7: Người tiêu dùng tại các đô thị Việt Nam lo ngại về chế độ ăn, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm – cập nhật ngày 29 tháng 3 năm 2018”, Trung tâm Thực phẩm và Tài nguyên Toàn cầu – Đại học Adelaide – Australia, xem tại <https://www.adelaide.edu.au/global-food/system/files/media/documents/2019-03/Urban_Consumer_Survey_Factsheet_07.pdf> truy cập lần cuối ngày 20 tháng 1 năm 2020.

36 “Chi phí của thực phẩm hữu cơ, báo cáo người tiêu dùng”, Tháng 3/2015, xem tại <<https://www.consumerreports.org/cro/news/2015/03/cost-of-organic-food/index.htm>>, truy cập lần cuối ngày 20 tháng 1 năm 2020; “Điều tra Khác biệt về Giá Bán lẻ đối với Sản phẩm Hữu cơ, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ”, ngày 14 tháng 5 năm 2016. Xem tại: <<https://www.ers.usda.gov/amber-waves/2016/may/investigating-retail-price-premiums-for-organic-foods/>> truy cập lần cuối ngày 19 tháng 12 năm 2019.

Khuyến nghị

Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị tiếp tục siết chặt công tác quản lý sản phẩm bảo vệ thực vật hóa học từ các khâu đăng ký, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển đến sử dụng, giới thiệu các luật và quy định liên quan đến sản xuất và sản phẩm hữu cơ, đồng thời không đăng ký các sản phẩm bảo vệ thực vật có độ độc cao cũng như loại bỏ các sản phẩm bảo vệ thực vật có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe con người, môi trường và sinh thái; thúc đẩy phát triển sản phẩm bảo vệ thực vật sinh học hướng tới nền nông nghiệp hữu cơ phục vụ người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

III. CƠ HỘI VÀNG ĐỂ TÁI CẤU TRÚC NGÀNH CHĂN NUÔI LIÊN KẾT VỚI NHU CẦU: MỘT CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP – THỰC PHẨM TOÀN DIỆN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTN)

Mô tả vấn đề

Dịch tả lợn châu Phi (ASF) tại Việt Nam đã và đang gây ra những ảnh hưởng bất lợi đáng kể cho ngành chăn nuôi và những thách thức cho quản lý của Chính phủ, bộ ngành. 25% tổng đàn lợn của cả nước đã có thể bị mất mát do ASF vào cuối năm nay.³⁷ Hậu quả trực tiếp là nhu cầu thức ăn chăn nuôi từ chăn nuôi đã giảm khoảng 20%-25%; sản xuất cám thức ăn cho lợn và các hoạt động thương mại tương ứng liên quan đến các thành phần cám như ngô ở Việt Nam dự kiến sẽ giảm. Ngành chăn nuôi gia cầm đã làm dịu cú sốc này cho ngành hàng cám và chăn nuôi lợn cùng với việc tiêu thụ thịt khác tăng lên;³⁸ tuy nhiên, sự thay đổi nhu cầu protein này cũng sẽ gây rắc rối cho kế hoạch chăn nuôi nói chung vì việc chuyển đổi sản xuất từ lợn sang gia cầm không thể xảy ra trong một ngày đêm và sẽ ngày càng khó khăn hơn ở cấp độ chăn nuôi quy mô lớn. Hơn nữa, chỉ số giá tiêu dùng Việt Nam tháng 10 năm 2019 đã đạt mức cao nhất trong ba năm trong tình trạng giảm nguồn cung thịt lợn vào cuối năm 2019 và đầu năm 2020.³⁹ Do đó, chúng tôi lưu ý rằng tác động bất lợi đối với ngành chăn nuôi lợn, với thịt lợn là loại thịt chính ở Việt Nam, cũng sẽ mang lại tình trạng không mong muốn cho ngành chăn nuôi gia cầm, hoạt động kinh doanh thương mại nguyên liệu thức ăn và mục tiêu hàng năm của chính phủ.

Luật Chăn nuôi 2018 quy định các hoạt động chăn nuôi, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động chăn nuôi, quản lý chăn nuôi toàn quốc với 8 Chương và 83 Điều; luật có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020. Tuy nhiên, quy hoạch tổng thể về nông nghiệp Việt Nam chỉ đến năm 2020 với tầm nhìn đến năm 2030 được ban hành, đi kèm Quyết định 124/QĐ-TOT,⁴⁰ ngày 2 tháng 2 năm 2012. Chúng tôi tin rằng đây là thời điểm vàng để cập nhật quy hoạch tổng thể về nông nghiệp Việt Nam đến năm 2030 trên nền tảng Luật chăn nuôi 2018. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nguyễn Xuân Cường cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hình thành kết nối mạnh mẽ giữa sản xuất và nhu cầu; đồng thời, ngành nông nghiệp Việt Nam cũng sẽ được tái cơ cấu lại và quy hoạch sản xuất các sản phẩm chính ở cấp quốc gia, tỉnh, thành và xã để đáp ứng mục tiêu xuất khẩu trong tương lai.⁴¹ Cả Luật Chăn nuôi năm 2018 và định hướng mới nhất của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đều đặt ra một câu hỏi thú vị là tổng mức tiêu thụ nội địa và tiềm năng xuất khẩu trong tương lai có thể được xác định và dự báo chính xác như thế nào để quy hoạch nông nghiệp có thể được thực hiện phù hợp. Chúng tôi lưu ý rằng sự kết nối giữa sản xuất và nhu cầu được nêu bởi Ngài Bộ Trưởng, là một cách tiếp cận đầy đủ mới giúp giảm thiểu rủi ro trong bối cảnh có những thách thức mới trong tương lai. Trong việc lên kế hoạch đến năm 2030, chúng ta có thể xem xét tình hình hiện tại và thấy rằng sự bùng phát ASF ở Trung Quốc ảnh hưởng đến cả hoạt động sản xuất và thương mại của Việt Nam; sự gia tăng hoạt động xuất khẩu biên giới từ Việt Nam sang Trung Quốc và khối lượng xuất khẩu chính ngạch gia tăng từ các nước khác sang Trung Quốc sẽ gây lo ngại cho các hoạt động cung ứng và nhập khẩu của Việt Nam.⁴² Thách thức trong việc quản lý tổng cung lợn và

37 “Dịch tả lợn châu Phi: lượng lợn Trung Quốc có thể giảm 55%”, *cnbc.com*. Xem tại: <<https://www.cnbc.com/2019/10/03/african-swine-fever-chinas-pig-population-may-drop-by-55percent.html>> truy cập lần cuối ngày 2 tháng 10 năm 2019.

38 “Nhu cầu ngô của Việt Nam đối với thức ăn thịt lợn trong thời kỳ dịch tả lợn châu Phi”, *spglobal.com*. Xem tại: <<https://www.spglobal.com/platts/en/market-insights/latest-news/agriculture/090919-vietnams-corn-demand-for-pork-feed-falls-on-african-swine-fever>> truy cập lần cuối ngày 9 tháng 9 năm 2019.

39 “CPI tháng 10 đạt mức cao nhất trong ba năm”, *Vietnamnews.vn*. Xem tại <<https://vietnamnews.vn/economy/537623/octobers-cpi-reaches-three-year-high.html#pEdcxuvCS03LaJyp.97>> truy cập lần cuối ngày 30 tháng 10 năm 2019,

40 Quyết định 124/QĐ-TOT ngày 2/2/2012 của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030.

41 “Việt Nam tìm cách đẩy mạnh sản xuất, tiêu dùng”, *Vietnamnews.vn*. Xem tại <<https://en.vietnamplus.vn/vietnam-seeks-to-boost-agricultural-production-consumption/147739.vnp>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

42 “Tăng giá thịt lợn ở Trung Quốc một nam châm cho thương nhân Việt Nam”, *Vnexpress.net*. Xem tại: <<https://e.vnexpress.net/news/business/industries/increasing-pork-prices-in-china-a-magnet-for-vietnamese-traders-3979439.html>> truy cập lần cuối ngày 9 tháng 9 năm 2019.

thịt lợn ở Việt Nam cho thấy rằng một kế hoạch quốc gia cho cả cung và cầu phải xem xét các kịch bản toàn cầu khác nhau về hoạt động thương mại toàn cầu.

Lợi ích tiềm tàng/mối quan ngại đối với Việt Nam

Sự hiểu biết rõ ràng về bối cảnh tiêu thụ protein của Việt Nam là rất quan trọng để hiểu lâu dài cho việc hoạch định và cả chiến thuật ngắn hạn, khi một bệnh dịch gây ra thiếu hụt nguồn cung hoặc sự chuyển dịch tạm thời trong tiêu thụ protein. Như vậy điều quan trọng là tạo ra khả năng đệm cần thiết về mặt lập kế hoạch cho các loại protein để thị trường có thể tự điều chỉnh lại trong trường hợp cần thiết. Hoạt động xuất nhập khẩu biên giới cũng là một phần tổng thể để hiểu cung và cầu tại Việt Nam. Việc xuất khẩu lợn sống, chủ yếu là các hoạt động thương mại biên giới, sang Trung Quốc đã từng gặp khó khăn và đẩy chăn nuôi lợn vào khủng hoảng khi cung vượt cầu. Nông dân Việt Nam đã gặp cảnh lở trong năm 2017 và một nửa đầu năm 2018.⁴³ Các hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu biên giới phải được xem xét cùng với các hoạt động chính ngạch để cung và cầu có thể được nhìn nhận từ góc độ tổng thể. Cuối cùng, đánh giá về các hoạt động thương mại toàn cầu và vai trò của Việt Nam sẽ giúp quyết định cả ở cấp chiến lược và cấp chiến thuật trong bối cảnh EVFTA sắp được thực thi.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị một cách tiếp cận gồm ba giai đoạn để lập kế hoạch chăn nuôi liên kết với nhu cầu như sau:

- Giai đoạn 1: Hiểu và dự báo tổng nhu cầu, hoạt động xuất nhập khẩu, cụ thể là: Tổng lượng tiêu thụ protein tại Việt Nam; Hoạt động xuất nhập khẩu biên giới tại Việt Nam; Tiềm năng xuất khẩu; Hoạch định nhập khẩu; và Tình hình giao thương toàn cầu.
- Giai đoạn 2: Xem xét các mục tiêu dài hạn của ngành chăn nuôi khi tái cơ cấu lại quy hoạch nông nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn trong các vấn đề: truy xuất nguồn gốc, an toàn và an ninh lương thực, và cải thiện mức sống của nông dân.
- Giai đoạn 3: Xây dựng kế hoạch chăn nuôi năm 2030 trong việc xem xét tổng thể tất cả các phân ngành và tích hợp vào một chính sách Nông Nghiệp – Thực Phẩm toàn diện.

Chính sách Nông Nghiệp – Thực Phẩm toàn diện mới phải bao gồm tất cả các phân ngành quan trọng đối với an ninh lương thực của Việt Nam bao gồm gạo, thủy sản, chăn nuôi, trồng trọt, nông nghiệp giá trị cao, hóa chất nông nghiệp và du lịch nông nghiệp. Quan điểm hoàn thiện và đầy tính tương lai này sẽ giúp điều hướng nông nghiệp Việt Nam vượt qua các thử thách trong tương lai và sẽ giúp lên kế hoạch tổng thể tốt hơn khi có nhu cầu điều chỉnh hoặc sửa đổi một lĩnh vực cụ thể, chẳng hạn như chăn nuôi lợn, khi cần thiết.

Nhiều quốc gia đã thành công trong việc lên kế hoạch và triển khai Chính sách Nông Nghiệp – Thực Phẩm toàn diện. Nghiên cứu trường hợp từ Malaysia cho thấy chính sách này giai đoạn 2011 - 2020 đã tạo ra những tác động lớn đến sự phát triển của ngành nông nghiệp ở Malaysia và nông nghiệp vẫn là động lực kinh tế quan trọng, đóng góp cho sự phát triển chung. Đồng thời, những thách thức chính đã được xác định và ngăn chặn kịp thời.⁴⁴

Quan điểm của chúng tôi về an toàn thực phẩm đã được thể hiện nhất quán trong suốt quá trình phát triển của ngành nông nghiệp Việt Nam. Những vấn đề chúng tôi đã khuyến nghị cho ngành trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản trong số nhiều khuyến nghị khác, theo chúng tôi, được tiếp cận tốt nhất thông qua một Chính sách Nông Nghiệp – Thực Phẩm toàn diện. Chính sách này xem xét không chỉ sự kết nối giữa sản xuất và nhu cầu mà còn các tác động qua lại phức tạp giữa các nhóm ngành bao gồm gạo, thủy sản, chăn nuôi, trồng trọt, nông nghiệp giá trị cao, hóa chất nông nghiệp và du lịch nông nghiệp. Điều này sẽ giúp ngành nông nghiệp Việt Nam đạt được các mục tiêu như an ninh và an toàn lương thực, tương lai cạnh tranh, bền vững, và tăng thu nhập cho nông dân và doanh nhân trong ngành nông nghiệp.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản thuộc EuroCham

43 “Những khó khăn trong việc đạt mục tiêu xuất khẩu nông sản Việt Nam,” *Báo đầu tư-VIR*. Xem tại: <<https://www.vir.com.vn/the-difficulties-in-reaching-vietnams-agricultural-export-target-56439.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

44 “Tác động của chính sách nông nghiệp quốc gia đối với ngành nông nghiệp ở Malaysia”. Xem tại: <http://apfftc.agnet.org/ap_db.php?id=853&print=1> truy cập lần cuối ngày 4 tháng 9 năm 2019.

CHƯƠNG 17 KỸ THUẬT SỐ

CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG – CÔNG NGHIỆP 4.0

Việt Nam xếp thứ 42 trong số 129 quốc gia và nền kinh tế được khảo sát năm 2019 so với năm 2018.¹ Hơn thế, theo số liệu trong Chỉ số Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu (GCI) của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, Việt Nam là quốc gia có sự phát triển cải thiện nhất, xếp thứ 67 trong số 141 nền kinh tế trên thế giới.² Nền kinh tế số tăng trưởng hơn 40% mỗi năm và được xem là hàng đầu ở khu vực Đông Nam Á.³ Trong khi đó, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong mười thành phố năng động nhất thế giới.⁴

Hướng tới thập kỷ 2020-2030, Chính phủ Việt Nam đang nỗ lực hơn nữa cùng với các nước khác để đạt được Mục tiêu Phát triển Bền vững trong Chương trình Nghị sự 2030 dựa trên tốc độ tăng trưởng kinh tế ấn tượng.⁵ Nhằm thực hiện mục tiêu này, vào tháng 7 năm 2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng xây dựng Dự thảo “Chiến lược Quốc gia về Cách mạng Công nghiệp 4.0 đến năm 2030”.

Những tiến bộ mà Công nghiệp 4.0 dự kiến sẽ mang lại tiềm năng rất lớn cho các công ty đại chúng và công ty tư nhân tại Việt Nam, không chỉ giúp tối ưu hóa các quy trình sản xuất và thủ tục hành chính mà còn cho phép phát triển các mô hình kinh doanh mới. Các yếu tố thành công quan trọng cho mục tiêu đầy thách thức này bao gồm: Chiến lược chung về chính trị và kinh tế; Xây dựng năng lực; Giáo dục và Đào tạo; sự tham gia của nhân viên vào quá trình thay đổi; nâng cấp cơ sở hạ tầng lên quy mô lớn (không dây và có dây); An ninh Mạng; xây dựng mối quan hệ với các bên liên quan trong khu vực; hợp lực; khuyến khích và hỗ trợ khởi nghiệp; tăng trưởng và tài chính; cũng như đóng góp của những thành viên trong thị trường trong nước và quốc tế, các tổ chức và khu vực công.

Công nghiệp 4.0 được dự đoán có thể mang lại lợi ích đáng kể thông qua các kênh khác nhau. Ước tính GDP của Việt Nam trong 10 năm tới sẽ tăng từ 28,5 tỷ Đô-la Mỹ lên 62,1 tỷ đô-la Mỹ nhờ áp dụng các tiến bộ của Công nghiệp 4.0 tại các công ty. Đồng thời, Công nghiệp 4.0 sẽ thay đổi cấu trúc công việc trong nền kinh tế. Ước tính số lượng việc làm vào năm 2030 và năng suất lao động đều sẽ tăng đáng kể.⁶

Trong chương này, Tiểu ban Kỹ Thuật số⁷ trình bày chi tiết về ba chủ đề mà chúng tôi đề nghị Chính phủ nên ưu tiên, bao gồm:

- Nguồn nhân lực và đào tạo;
- Chữ ký điện tử; và
- Luật An ninh Mạng.

Những chủ đề này được các thành viên của Tiểu ban Kỹ Thuật số lựa chọn sau quá trình thảo luận và cân nhắc thận trọng.

Chúng tôi hy vọng các đối tác địa phương, Chính phủ và cơ quan hữu quan sẽ cân nhắc các khuyến nghị được chúng tôi đưa ra dựa trên kinh nghiệm quốc tế của các thành viên EuroCham và thực tiễn tốt nhất ở châu Âu và

1 “Chỉ số Sáng tạo Toàn cầu”, *Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Toàn cầu*, 2019. Xem tại: <https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_gii_2019.pdf> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

2 “Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu 2019”, *Diễn đàn Kinh tế Thế giới*, 2019. Xem tại: <http://www3.weforum.org/docs/WEF_TheGlobalCompetitivenessReport2019.pdf> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

3 “Nền Kinh tế Internet Đông Nam Á 2019”, *Google Blog*, 2019, <https://www.blog.google/documents/47/SEA_Internet_Economy_Report_2019.pdf> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

4 “Chỉ số Tăng trưởng Thành phố”, *JLL*, 2019. Xem tại: <<https://www.jll.co.uk/en/trends-and-insights/research/city-momentum-index-2019>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

5 “Thủ tướng chủ trì Hội nghị Toàn quốc về Phát triển Bền vững 2019”, *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, ngày 13 tháng 9 năm 2019. Xem tại: <<https://www.vneconomicstimes.com/article/vietnam-today/pm-chairs-national-conference-on-sustainable-development-2019>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

6 “Việt Nam bắt đầu Công nghiệp 4.0”, *Báo Đầu tư*, ngày 8 tháng 5 năm 2019. Xem tại: <<https://www.vir.com.vn/opening-vietnam-up-to-industry-40-67590.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

7 Vào ngày 13 tháng 3 năm 2020, Tiểu ban Công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc EuroCham đã đổi tên thành Tiểu ban Kỹ thuật số thuộc EuroCham

xem đây như một nguồn lực hữu ích giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu phát triển. Chúng tôi hoan nghênh các cơ hội thảo luận chi tiết hơn về các vấn đề này với các Bộ ngành liên quan.

I. NGUỒN NHÂN LỰC VÀ GIÁO DỤC TRONG KỸ NGUYÊN SỐ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT), Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH)

Mô tả vấn đề

Các kỹ năng mới nổi có thể được sử dụng như một dấu hiệu cho thấy cách nền kinh tế đang chuyển đổi hoặc đổi mới. Mặc dù không có gì đáng ngạc nhiên khi kỹ năng kỹ thuật chiếm vị trí chủ yếu trong số các kỹ năng mới nổi, các kỹ năng mềm cũng đạt được những phát triển đáng chú ý. Điều này là do công nghệ đang trở nên phổ biến và các kỹ năng mềm, chẳng hạn như kỹ năng sáng tạo, giải quyết vấn đề và tư duy phản biện, đang trở thành nhóm kỹ năng thiết yếu để mở rộng phạm vi ứng dụng công nghệ mới.

Ngày nay, hầu hết các nhà quản lý doanh nghiệp bao gồm quản lý dịch vụ công cộng, quản lý tuyển dụng và nhà tuyển dụng đều phải đối mặt với cuộc khủng hoảng nhân sự này. Trên thực tế, đến năm 2020, khu vực châu Á Thái Bình Dương sẽ phải đối mặt với tình trạng thiếu 12,3 triệu lao động với chi phí cơ hội hàng năm là 4,2 nghìn tỷ Đô-la Mỹ⁸. Trung tâm của cuộc khủng hoảng này nằm ở những thiếu sót trong kỹ năng.

Theo Báo cáo “Tương lai Việc làm” của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, đến năm 2022, các kỹ năng cần thiết để thực hiện hầu hết các công việc sẽ thay đổi đáng kể. Trên toàn cầu, trung bình 42% kỹ năng cốt lõi cần có để thực hiện công việc sẽ thay đổi trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến 2022.⁹

Cuộc khủng hoảng nhân tài ở châu Á Thái Bình Dương càng trở nên trầm trọng do tình trạng chảy máu chất xám ở khu vực này, dẫn đến thiếu nhân sự có kỹ năng và bất ổn định.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Tốc độ và sự nhanh nhạy có vai trò thiết yếu trong thế giới số và trong quá trình chuyển đổi sang Công nghiệp 4.0 này. Tương lai của việc làm là tạo ra mối quan hệ mới giữa công nghệ và tài năng làm thay đổi cách thức làm việc và kinh doanh hiện tại. Tự động hóa và số hóa tại nơi làm việc, máy móc, robot, trí tuệ nhân tạo và công nghệ thông tin “thông minh” ngày càng được áp dụng rộng rãi trên toàn thế giới và mang đến cơ hội lớn cho việc làm tại Việt Nam. Công nghệ này có tiềm năng giải phóng người lao động tại Việt Nam khỏi các nhiệm vụ có giá trị gia tăng thấp và trao cho họ cơ hội nhận được các công việc có chất lượng cao hơn.

Mức độ số hóa ngày càng tăng trong nền kinh tế và dịch vụ công tại Việt Nam thường đòi hỏi phải có mức độ chuyên môn cao hơn. Điều này cũng đúng với giáo dục học thuật và dạy nghề. Các trường cũng cần có sự chuẩn bị về mặt nhân sự và thiết bị để theo kịp tiến bộ công nghệ. Ngoài ra, cần tạo ra các điều kiện tiên quyết để đưa kỹ năng vào giảng dạy trong trường học.

Một trong những mục tiêu chính của kế hoạch cải cách của Chính phủ dành cho giáo dục trung học và đại học nhằm cải thiện chất lượng giảng dạy của giảng viên được tuyển dụng trong giáo dục đại học. Chính phủ đặt ra mục tiêu là tất cả giảng viên phải có trình độ tối thiểu là thạc sĩ, và ưu tiên có trình độ tiến sĩ vào năm 2020.

Tuy nhiên, nhiều khóa học tại các trường đại học và cao đẳng nghề không cung cấp cơ hội học từ việc làm thực tế hoặc học kết hợp với thực hành, vì vậy bỏ qua kinh nghiệm thực tế có giá trị từ quá trình học tập của sinh viên. Do đó, hầu hết sinh viên tốt nghiệp có ít hoặc gần như không có kinh nghiệm thực tiễn trong kinh doanh, trong các doanh nghiệp và trong môi trường quốc tế. Vì vậy, trong lĩnh vực CNTT, kiến thức truyền đạt không thể đáp ứng các yêu cầu của kinh tế Công nghiệp 4.0 và không thể hỗ trợ hiệu quả cho quá trình chuyển đổi số này.

8 “Tương lai việc làm”, Korn Ferry, 2018. Xem tại: <<https://futureofwork.kornferry.com/>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

9 “Báo cáo Tương lai Việc làm 2018”, Diễn đàn Kinh tế Thế giới, ngày 17 tháng 9 năm 2018. Xem tại: <<https://www.weforum.org/reports/the-future-of-jobs-report-2018>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

Thách thức lớn nhất đối với các giảng viên nằm ở nhu cầu thay đổi thực sự trong phương pháp dạy và học, thiết kế các chương trình giảng dạy bao gồm các hoạt động nhằm tạo cơ hội cho người học hiểu và được cập nhật các kiến thức thực tế.

Khuyến nghị

Để giải quyết các vấn đề nói trên, chúng tôi xin khuyến nghị cho các lĩnh vực khác nhau liên quan đến giáo dục:

- Các tổ chức giáo dục và giảng viên nên tăng cường và cải thiện quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp trong nước và quốc tế nhằm hợp tác đào tạo kinh nghiệm thực tế và cập nhật chương trình giảng dạy;
- Các trường đại học trọng điểm có thể hỗ trợ các trường đại học trong khu vực thông qua việc thường xuyên trao đổi kiến thức và kinh nghiệm và đào tạo giảng viên;
- Kéo dài thời gian thực tập bắt buộc tại các công ty CNTT hoặc bộ phận CNTT trong các doanh nghiệp vừa và lớn;
- Các chương trình đào tạo nên phản ánh thực tế là có khoảng 20 chuyên ngành trong lĩnh vực CNTT. Hơn nữa, sinh viên cần hiểu biết, lựa chọn và theo học một hoặc nhiều chuyên ngành CNTT từ năm thứ 2 trở đi, điều này sẽ giúp họ phát triển năng lực chuyên môn;
- Các trường cao đẳng nghề cũng có thể cải thiện nếu họ kết hợp việc học bán thời gian và học nghề. Hoàn thành chương trình học sẽ nhận được chứng nhận trong một nghề hoặc lĩnh vực công việc cụ thể;¹⁰; và
- Chúng tôi kêu gọi các chính trị gia, các công ty, hiệp hội và công đoàn chung tay vượt qua những lo ngại và thúc đẩy sự chấp nhận phát triển năng lực.

II. CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Trung tâm Chứng thực Điện tử Quốc gia (TTCTĐTQG)

Mô tả vấn đề

Chữ ký điện tử đã được công nhận tại Việt Nam từ năm 2005 và hiện nay có thể được sử dụng cho nhiều giao dịch kinh doanh. Chúng tôi ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông để đẩy mạnh việc áp dụng chữ ký điện tử trong thời gian tới.¹¹ Tuy nhiên, chúng tôi vẫn ghi nhận nhiều vướng mắc khi áp dụng chữ ký điện tử khiến cộng đồng doanh nghiệp vẫn còn e ngại khi sử dụng chữ ký trong các giao dịch kinh doanh thông thường.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Theo Điều 9 Nghị định 130/2018/NĐ-CP, chúng tôi hiểu rằng việc sử dụng hợp pháp chữ ký điện tử đi kèm với yêu cầu về chứng thư điện tử: Chữ ký số được xem là chữ ký điện tử an toàn khi được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khóa công khai ghi trên chứng thư số đó; và được tạo ra bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số. Chứng thư số được cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng có giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp, như VNPT, Nacencomm, BKAV, Viettel, FPT, v.v.

Tuy nhiên, chữ ký số được Chính phủ quy định, gọi chung là Chữ ký Điện tử đủ tiêu chuẩn (Qualified Electronic Signature - QES), chỉ là một loại hình cụ thể của chữ ký điện tử. Trong khi đó, từ quy định pháp luật hiện hành, chúng tôi hiểu rằng nhiều loại hình chữ ký điện tử có thể được áp dụng:

¹⁰ Ví dụ, chương trình Đào tạo nghề kép của Phòng Thương mại và Công nghiệp Đức tại Việt Nam (AHK Việt Nam) với thương hiệu AKH Academy, AHK HCMC, Deutsches Haus.

¹¹ “Đẩy mạnh sử dụng chữ ký điện tử”, *Vietnam News*, ngày 13 tháng 10 năm 2019. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/society/536830/state-organisations-to-promote-use-of-digital-signatures.html#VZQhguObG2oUhZKU.99>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 11 năm 2019.

- Điều 124.1 Bộ Luật Dân sự 2005, được sửa đổi bởi Điều 119 của Bộ Luật Dân sự 2015, quy định rằng giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản.
- Điều 14.1 Luật Giao dịch Điện tử 2005 quy định rằng thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận có giá trị dùng làm chứng cứ vì đó là một thông điệp dữ liệu.

Do các quy định pháp luật hiện hành chưa bao quát đủ về chữ ký điện tử, nhiều doanh nghiệp trong nước cũng như nước ngoài hiện vẫn chưa hiểu rõ và e ngại áp dụng chữ ký điện tử trong thực tiễn, đặc biệt là các hình thức khác ngoài chữ ký điện tử đủ tiêu chuẩn với chứng thư số và token. Trên thị trường đã có nhiều giải pháp chữ ký điện tử khác,¹² tuy nhiên cần làm rõ rằng liệu các giải pháp này có phù hợp với quy định và tiêu chuẩn pháp luật hiện hành hay không,¹³ và có được công nhận bởi quy định pháp luật khi áp dụng cho giao dịch kinh doanh trong nước cũng như quốc tế hay không.

Cộng đồng doanh nghiệp châu Âu ghi nhận nhiều trường hợp doanh nghiệp nội địa không hiểu rõ về cách áp dụng chữ ký điện tử cũng như không thể xác nhận tính hợp pháp của văn bản được ký số, dẫn đến việc chậm trễ trong quy trình hành chính. Các công ty thành viên của chúng tôi đã gặp những trường hợp mà hợp đồng kinh doanh được ký kết điện tử giữa một công ty Việt Nam và đối tác nước ngoài bằng một giải pháp chữ ký điện tử khác, tuy nhiên không được ngân hàng tại Việt Nam công nhận tính hợp pháp để thực hiện giao dịch chuyển khoản. Trong khi đó, cùng ngân hàng đó tại Việt Nam lại chấp nhận bản scan hợp đồng kinh doanh với chữ ký truyền thống nhưng chưa được công chứng thông quan email, mặc dù bản scan hợp đồng dễ dàng bị làm giả hơn. Sau nhiều trao đổi giữa công ty Việt Nam và ngân hàng, nhiều tuần sau đó, ngân hàng tại Việt Nam lại chấp nhận chữ ký điện tử nêu trên là hợp pháp.

Khuyến nghị

Thông tư 16/2019/TT-BTTTT¹⁴ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2020 đã làm rõ các tiêu chuẩn bắt buộc cho chữ ký số và dịch vụ xác thực chữ ký số theo mô hình ký số trên thiết bị di động và ký số từ xa. Thông tư này cũng làm rõ các cơ quan Chính phủ có liên quan, cụ thể là Bộ Thông tin và Truyền thông, Vụ Khoa học và Công nghệ và Trung tâm Chứng thực Điện tử Quốc gia (NEAC).

Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá cao sự hỗ trợ của NEAC trong việc đánh giá các giải pháp chữ ký điện tử không nằm trong danh sách Chữ ký Điện tử Đủ Tiêu chuẩn (non-QES) với các giải pháp trong nước và quốc tế) và cung cấp một danh sách không đầy đủ các giải pháp chữ ký điện tử không hợp lệ đã đáp ứng các tiêu chuẩn bắt buộc.

EuroCham luôn sẵn sàng hỗ trợ các Cơ quan hữu quan trong trường hợp cần chúng tôi cung cấp thêm thông tin chi tiết.

III. LUẬT AN NINH MẠNG VÀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HƯỚNG DẪN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT), Bộ Công an (BCA)

Mô tả vấn đề:

Năm 2018, Quy định Chung về Bảo vệ Dữ liệu (GDPR) được ban hành ở châu Âu để bảo vệ thông tin cá nhân, tạo ra một khuôn khổ để điều chỉnh việc xử lý và phát tán dữ liệu cá nhân.

Vào ngày 12 tháng 6 năm 2018, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Luật An ninh Mạng (Luật ANM) quy định các hoạt động về bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự xã hội trên không gian mạng Việt Nam. Luật này có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2019. Sau khi có hiệu lực, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên không gian mạng Việt Nam phải thực hiện các nghĩa vụ an ninh mạng khác nhau. Điều 1 về phạm vi điều chỉnh của Luật ANM đã xác định và

¹² Ví dụ như PandaDoc, SignRequest, ZohoSign, DocuSign.

¹³ Ví dụ như Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7635:2007 về kỹ thuật mật mã, chữ ký số.

¹⁴ Thông tư 16/2019/TT-BTTTT ngày 5 tháng 12 năm 2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về Danh mục tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số theo mô hình ký số trên thiết bị di động và ký số từ xa.

đặt ra các biện pháp và điều kiện để đảm bảo an ninh mạng trong phạm vi cá nhân, doanh nghiệp và cả nước:

Phạm vi cá nhân: dữ liệu cá nhân của nhân viên hoặc khách hàng của các công ty được đề cập tại Điều 26 của Luật ANM cần được lưu trữ trên lãnh thổ Việt Nam. Hơn nữa, các công ty này cũng được yêu cầu thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam;¹⁵

Phạm vi doanh nghiệp: các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, Internet và dịch vụ giá trị gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam phải thực thi Luật ANM;

Phạm vi quốc gia: Tất cả các điều khoản của Luật ANM đều nhằm bảo vệ và nâng cao chủ quyền không gian mạng, an ninh mạng của Việt Nam và do đó để bảo vệ không gian mạng khỏi các cuộc tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng hoặc tội phạm mạng.

Điều 26, Chương V của Luật ANM quy định về các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài tham gia vào không gian mạng: dịch vụ viễn thông, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu trong không gian mạng; cung cấp tên miền quốc gia hoặc quốc tế cho người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam; thương mại điện tử; thanh toán trực tuyến; dịch vụ trung gian thanh toán; dịch vụ kết nối vận chuyển qua không gian mạng; mạng xã hội và phương tiện truyền thông xã hội; trò chơi trực tuyến; cung cấp thông tin khác, quản lý, vận hành trên không gian mạng dưới các hình thức tin nhắn văn bản, cuộc gọi thoại, cuộc gọi video, email, trò chuyện trực tuyến.

Các quy định chính đối với các công ty này là:

- Phải công khai mọi thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước khi có nghi ngờ tấn công mạng;
- Phải thiết lập các cơ chế xác minh dữ liệu cá nhân phù hợp;
- Phải ngăn chặn việc chia sẻ hoặc xóa thông tin có chứa nội dung tuyên truyền trái pháp luật chống lại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Phải dừng ngay việc sản xuất cả thiết bị kỹ thuật số và cung cấp dịch vụ và ứng dụng mạng trong trường hợp gián đoạn an ninh mạng;
- Phải có quản trị viên thông tin để đảm bảo việc áp dụng Luật An ninh mạng; và
- Các doanh nghiệp tham gia vào không gian mạng và vào các hoạt động liên quan đến việc thu thập và xử lý dữ liệu không nên bỏ qua các cảnh báo và yêu cầu bằng văn bản từ các cơ quan hữu quan của Nhà nước liên quan đến an ninh mạng.

Đồng thời, việc các doanh nghiệp nước ngoài thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 26.3 Luật ANM phải lưu trữ dữ liệu và đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam tiếp tục gây quan ngại trong cộng đồng doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam. Chúng tôi ghi nhận quy định cụ thể về phạm vi các doanh nghiệp phải lưu trữ dữ liệu và đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam, loại dữ liệu phải được lưu trữ tại Việt Nam và thời gian chuyển tiếp quy định tại Dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật ANM (Dự thảo). Ngoài ra, chúng tôi muốn làm rõ về các trường hợp dữ liệu nhạy cảm có thể được sao chép tại một quốc gia trụ sở chính vì những lo ngại về kỹ thuật và / hoặc pháp lý trong trường hợp các bản sao còn được lưu trên lãnh thổ Việt Nam.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Luật An ninh Mạng thiết lập một khung pháp lý toàn diện tại Việt Nam về chủ quyền mạng và an ninh mạng. Trước sự gia tăng của tội phạm mạng ở Đông Nam Á,¹⁶ việc lập kế hoạch cho Luật ANM ở Việt Nam dường như là thiết yếu để giúp các công ty cũng như Chính phủ chống lại các cuộc tấn công mạng và tội phạm mạng. Trong bối cảnh đó, chúng tôi quan ngại về trách nhiệm của các doanh nghiệp nước ngoài có dữ liệu được coi là vi phạm Luật ANM. Mặc dù đạt được thỏa thuận hợp tác khi được yêu cầu, trách nhiệm của công ty được coi là vi phạm không nên bị đe dọa.

¹⁵ Theo dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng ngày 2 tháng 11 năm 2019 của Cục cảnh sát Phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (Dự thảo Nghị định), với điều kiện các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài tuân thủ Luật An ninh mạng và không bỏ qua các cảnh báo và yêu cầu bằng văn bản từ các cơ quan hữu quan của nhà nước liên quan đến an ninh mạng, các doanh nghiệp đó sẽ không phải đáp ứng những yêu cầu này.

¹⁶ "Mối lo ngại mới về an ninh mạng Đông Nam Á", *The Asean Post*, ngày 20 tháng 5 năm 2018. Xem tại: <<https://theaseanpost.com/article/southeast-asias-cybersecurity-emerging-concern>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

Trong khi Luật ANM của Việt Nam tập trung vào việc quản lý không gian mạng quốc gia, GDPR của châu Âu lại tập trung vào việc quản lý dữ liệu cá nhân của công dân tại Liên minh châu Âu. Do đó, dường như đối với hầu hết các công ty châu Âu có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, Luật ANM của Việt Nam không mâu thuẫn với quy định GDPR của châu Âu.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra những khuyến nghị cụ thể sau:

- Thiết lập một Cổng thông tin điện tử mà các công ty nước ngoài cũng có thể truy cập được nhằm cung cấp các tài nguyên cần thiết cho vấn đề an ninh mạng, bao gồm: Hướng dẫn thực tế, cung cấp tài liệu đào tạo cho nhân viên, diễn đàn, biểu mẫu cho các tập tin phù hợp, tư vấn cơ bản, nhóm các công ty được chứng nhận có thể hỗ trợ thực hiện Luật ANM;
- Xem xét khoảng cách về chuyên môn của chính quyền địa phương so với các lãnh đạo giải pháp an ninh mạng của nước ngoài. Thuê các công ty nước ngoài có chuyên môn vững vàng để đảm bảo tính khả thi của dự án sẽ được triển khai theo các yêu cầu kỹ thuật;
- Đặt ra thời hạn chuyển tiếp phù hợp với đối với các doanh nghiệp thỏa mãn điều kiện phải lưu trữ dữ liệu và đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam để họ có đủ thời gian chuẩn bị lưu trữ dữ liệu cũng như xây dựng chi nhánh và văn phòng đại diện tại Việt Nam;
- Luật ANM cũng mang lại cơ hội hợp tác cho các tổ chức công và tư nhân mà không làm mất đi kiến thức hoặc sự tự do mà Internet mang lại. Quy định pháp luật không nên dẫn đến việc gia tăng chi phí kinh doanh một cách không phù hợp hoặc hạn chế việc sử dụng Internet. Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ hợp tác với các chuyên gia trong ngành để đưa ra các quy định về năng lực an ninh mạng dựa trên các tiêu chuẩn làm sao để cân bằng cả nhu cầu an ninh quốc gia và kinh doanh. Điều này sẽ đẩy nhanh quá trình áp dụng công nghệ bảo mật trong các ngành nghề khác nhau; đồng thời đưa ra quy định hướng dẫn thiết lập hạ tầng phần cứng và phần mềm phù hợp với thực tiễn để thực hiện giải pháp an ninh mạng tiết kiệm về chi phí. Thêm vào đó, cần ban hành một văn bản luật về quyền riêng tư bảo vệ thông tin cá nhân của người dùng cuối cùng được lưu trữ, xử lý trên thiết bị và hệ thống trong tương lai gần;
- Trong bối cảnh Hiệp định EVFTA đã được phê chuẩn, chúng tôi mong muốn việc thực thi Luật ANM sẽ phù hợp với tinh thần và các cam kết chung của EVFTA nhằm đảm bảo sự ổn định của nền kinh tế quốc gia và thương mại song phương. Về tính minh bạch trong quá trình thực thi, các cơ quan chức năng của Việt Nam cần truyền tải thông tin một cách công khai và rõ ràng, đặc biệt là đối với một chủ đề quan trọng liên quan đến công chúng và quyền riêng tư của công dân. EuroCham cũng hy vọng được tiếp tục đóng góp ý kiến và hợp tác trong các dự thảo các quy định hướng dẫn thi hành Luật ANM trong tương lai, góp phần thực thi luật một cách thống nhất;
- Hoàn thiện khung pháp lý và ban hành các quy định, Nghị định chi tiết liên quan; và
- Hoàn thiện khung pháp lý và sớm ban hành các quy định hướng dẫn về an ninh mạng nhằm đảm bảo tính minh bạch và nhận thức của người dân, đảm bảo tham khảo, lấy ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp và các chuyên gia trong lĩnh vực.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Kỹ thuật Số thuộc EuroCham

CHƯƠNG 18A NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ô TÔ

TỔNG QUAN

Các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh ô tô tại Việt Nam có thể được chia thành hai nhóm. Nhóm thứ nhất gồm các công ty sản xuất và lắp ráp xe toàn bộ từ linh kiện nhập khẩu (CKD) bao gồm 17 thành viên của Hiệp hội các Nhà sản xuất Ô tô Việt Nam (VAMA)¹ và 1 công ty ngoài VAMA là Hyundai Thành Công. Nhóm thứ hai gồm các công ty nhập khẩu ô tô nguyên chiếc (CBU), thành viên của Hiệp hội các Nhà nhập khẩu Ô tô chính hãng Việt Nam (VIVA) đang trong quá trình thành lập. Năm 1958, Chiến Thắng, chiếc ô tô đầu tiên sản xuất tại Việt Nam, đã lăn bánh ở miền Bắc. Ở miền Nam, những chiếc xe mang nhãn hiệu La Dalat đầu tiên được giới thiệu vào năm 1970.

Từ năm 1955 đến 1975, Việt Nam chủ yếu sản xuất phụ tùng ô tô để bảo dưỡng và sửa chữa. Nhờ Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987, hai công ty liên doanh là Công ty Mekong Auto và Công ty TNHH Liên doanh Ô tô Hòa Bình đã được cấp phép thành lập.² Hoạt động lắp ráp ô tô tại Việt Nam bắt đầu từ năm 1992, và sau đó các công ty bắt đầu nhập khẩu xe mới và đã qua sử dụng với quy mô lớn hơn vào năm 2003. Trong hai mươi năm tiếp theo cho đến năm 2018, ngành công nghiệp ô tô Việt Nam được bảo hộ bởi thuế nhập khẩu (15%-70%) từ các thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đối với CBU. Để vượt qua hàng rào thuế quan, các nhà sản xuất thiết bị gốc (OEM) đã thành lập các nhà máy lắp ráp ở Việt Nam vào những năm 90 sau khi Việt Nam bắt đầu tự do hóa nền kinh tế theo chính sách Đổi mới vào năm 1986. Các nhà nhập khẩu chính thức³ bắt đầu hoạt động tại Việt Nam khi Việt Nam gia nhập WTO vào năm 2007. Nhiều thành viên VAMA tham gia vào cả việc sản xuất/lắp ráp CKD và nhập khẩu CBU. Các nhà nhập khẩu không chính thức là các công ty lớn nhập khẩu xe mới và xe đã qua sử dụng cho đến khi Bộ Công Thương ban hành Thông tư 20.⁴

Cuối năm 2016, khi rà soát danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong Luật Đầu tư, Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc Hội phân loại ngành công nghiệp ô tô là ngành kinh doanh có điều kiện. Sau đó, Nghị định 116⁵ đã đưa ra các điều kiện để sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô. Vào ngày 25 tháng 1 năm 2018, Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT) đã ban hành Thông tư 03, có hiệu lực vào ngày 1 tháng 3 năm 2018.⁶ Chúng tôi trân trọng cảm ơn Chính phủ đã ghi nhận ý kiến của các bên liên quan khi ban hành Nghị định 17/2020/NĐ-CP để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, cũng như Bộ GTVT ban hành Thông tư 05/2020/TT-BGTVT hướng dẫn các quy định tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn trước đây.

Bảng 4: Mức giảm thuế nhập khẩu từ năm 2016 đến 2019

| | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | |
|-------|------|------|------|--------------------|--|
| ATIGA | 40% | 30% | 0% | 0% | |
| MFN | 70% | 70% | 70% | 70% | 51% đối với xe dẫn động 4 bánh có dung tích trên 3,0 lít. |
| EVFTA | | | 78% | Khi được phê chuẩn | Giảm dần trong vòng 9 - 10 năm, chia thành 11 lộ trình đều nhau - 10 năm đối với xe dẫn động 4 bánh ^{7 8} |

1 Các thành viên của VAMA đại diện cho các nhãn hiệu sau: BMW, Chevrolet under Vinfast, Ford, Hino, Honda, Hyundai, Isuzu, Kia, Lexus, PMC, Mazda, Mercedes-Benz, Mini, Mitsubishi, Nissan, Peugeot, Suzuki, Toyota, Samco, Thaco, Veam, MAZ, và SYM.

2 "Củng cố triển vọng của ngành công nghiệp ô tô", *Vietnam Investment Review*, ngày 6 tháng 1 năm 2019. Xem tại: <<https://www.vir.com.vn/enhancing-the-auto-industry-prospects-65006.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

3 Các nhãn hiệu có nhà nhập khẩu chính thức vào năm 2019 gồm: Audi, Bentley, Ferrari, Infiniti, Jaguar, Lamborghini, Land Rover, Maserati, Porsche, Renault, Rolls Royce, Subaru, Volkswagen và Volvo.

4 Thông tư 20/2011/TT-BCT ngày 12 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về xe ô tô nhập khẩu mới có từ 9 chỗ ngồi trở xuống.

5 Nghị định 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định các điều kiện để sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

6 Thông tư 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 1 năm 2018 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP.

7 "Biểu thuế theo Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA) - Lộ trình giảm thuế 2016-2018", ASEAN, ngày 19 tháng 10 năm 2012. Xem tại: <<http://www.asean.org/wp-content/uploads/images/2015/September/tariffs-schedule/Annex%2020Tariff%20Schedules%20-%20Viet%20Nam%20AHTN%202012%202015-2018.pdf>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

8 Nội dung Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam được thỏa thuận vào tháng 1 năm 2016, Phụ lục 2-c-ii: Biểu thuế của Việt Nam và Chương 2: Đãi ngộ Quốc gia và Tiếp cận Thị trường đối với Hàng hóa liên quan đến Ô tô. Xem tại: <<http://trade.ec.europa.eu/doclib/press/index.cfm?id=1437>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

Sau khi loại bỏ thuế nhập khẩu đối với xe nhập khẩu nguyên chiếc nhập khẩu từ ASEAN, Nghị định 116 đặt ra các biện pháp nghiêm ngặt về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và phát thải đối với xe nhập khẩu vào Việt Nam. Để được Bộ Công Thương (BCT) cấp Giấy phép nhập khẩu xe hơi (CIP), các cơ sở dịch vụ của các công ty nhập khẩu xe hơi tại Việt Nam phải trải qua khâu kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận bảo hành và bảo dưỡng. CIP là điều kiện bắt buộc để mở tờ khai thông quan trực tuyến cho các lô hàng nhập khẩu.

Cho đến năm 2018, có 173 doanh nghiệp sản xuất và lắp ráp, chủ yếu có quy mô vừa và nhỏ đại diện cho ngành công nghiệp ô tô trong nước. Tuy nhiên, với hơn 20 công ty và 40 thương hiệu xe, sự phát triển của ngành công nghiệp ô tô trong nước vẫn quá khiêm tốn so với công suất lắp đặt 500.000 xe mỗi năm, trong đó 47% là do đầu tư nước ngoài.⁹ Mặc dù chính sách bảo hộ ngành sản xuất ô tô trong nước của Chính phủ đã có từ năm 1992, chi phí sản xuất hoàn toàn một chiếc xe trong nước vẫn có thể cao hơn 20% so với chi phí sản xuất một chiếc xe tương tự tại Thái Lan hoặc Indonesia. Một công ty lắp ráp xe CKD khi sản xuất một chiếc xe nhỏ gọn với hộp số tự động ở phân khúc B ở cả Malaysia và Việt Nam đã ước lượng được chi phí sản xuất tại Việt Nam cao hơn tới 6.000 Đô-la Mỹ mỗi xe.¹⁰

Thêm vào đó, xe ô tô con được sản xuất tại Việt Nam vẫn chưa đạt được ngưỡng giá trị nội địa hóa 40% để hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu 0% của Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA) tại các quốc gia thuộc Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Theo BCT, xe tải và xe chuyên dụng đạt tỷ lệ nội địa hóa cao nhất ở mức 50%. Hiện tại, tỷ lệ nội địa hóa cho các xe tải và xe chuyên dụng mang nhãn hiệu Thaco là 40-45% cho xe tải và lên đến 60% cho xe buýt, đáp ứng các quy định về sản phẩm sản xuất tại Việt Nam của Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN).¹¹ Tuy nhiên, tỷ lệ nội địa hóa cho xe ô tô chở khách dưới 9 chỗ ngồi ban đầu được đặt ra là 40% vào năm 2005 và 60% trong năm 2010 lại chỉ đạt 10% tính đến nay ngoại trừ Thaco đạt 15-20%¹² và Toyota Việt Nam đạt 37% nhưng chỉ đối với mẫu xe Innova.¹³

Theo báo cáo của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF), các nhà sản xuất ô tô trong nước gặp bất lợi do sản xuất quy mô nhỏ.¹⁴ Bởi vì ngành công nghiệp phụ trợ trong nước còn hạn chế, các đơn vị này nhập hầu hết các linh kiện từ nước ngoài và đem về lắp ráp. Các linh kiện ô tô được nội địa hóa như ống, lốp xe, ghế ngồi, gương, kính, dây điện, ắc quy và các cấu kiện bằng nhựa vẫn có hàm lượng công nghệ thấp. Có đến 80-90% nguyên liệu chính để sản xuất linh kiện như nhôm và hợp kim thép, nhựa dẻo, cao su công nghệ cao cũng như vật liệu đúc đều được nhập khẩu. Điều này gây tổn kém đặc biệt khi xét đến chi phí vận chuyển, đóng gói và thuế nhập khẩu.¹⁵

Các chính sách của Chính phủ chưa thật sự nhất quán, những ưu đãi theo nhận định của các đơn vị lắp ráp CKD là chưa nhiều, cộng thêm hiện trạng thiếu hụt các nhà cung cấp đã và đang là nguyên nhân khiến việc sản xuất trong nước thiếu hấp dẫn đối với các đơn vị sản xuất ô tô khi so sánh với các quốc gia ASEAN khác. Do các công ty đa quốc gia đầu tư vào các dự án sản xuất xe quy mô lớn trong khu vực ASEAN, Bộ Công Thương (BCT) cho rằng quy mô thị trường của Việt Nam chỉ nhỏ bằng 1/10 của Thái Lan và 1/5 của Indonesia, do đó, các dự án đầu tư quy mô lớn của nước ngoài khó có thể được thực hiện tại Việt Nam. Do đó, BCT tập trung hỗ trợ các dự án của các doanh nghiệp trong nước như Ô tô Trường Hải (Thaco), Tập đoàn Thành Công, và VinFast để đẩy mạnh sản xuất và lắp ráp ô tô.¹⁶

Nghị định 125¹⁷ áp dụng thuế nhập khẩu 0% đối với các linh kiện CKD không thể sản xuất tại Việt Nam dành cho

9 Diễn đàn thường niên của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) do Tập đoàn Tài chính Quốc tế và Nhóm Ngân hàng Thế giới phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức ngày 6 tháng 12 năm 2016 tại Hà Nội.

10 Martin Schröder, Sé-ri bài thảo luận tại ERIA về ngành cung cấp xe hơi của Việt Nam: Triển vọng phát triển trong Điều kiện thương mại tự do và Mạng lưới sản xuất toàn cầu 2017 - Khoa Khoa học Ô tô, Đại học Kyushu.

11 "Củng cố triển vọng của ngành công nghiệp ô tô" *Vietnam Investment Review*, ngày 6 tháng 1 năm 2019. Xem tại: <<https://www.vir.com.vn/enhancing-the-auto-industry-prospects-65006.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

12 Như trên.

13 "Toyota Việt Nam dẫn đầu phân khúc MPV", *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, ngày 20 tháng 7 năm 2009. Xem tại: <<http://english.thesaigontimes.vn/Home/features/general/5527/>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

14 "VBF đề xuất dỡ bỏ thuế nhập khẩu đối với linh kiện ô tô", *Vietnam News*, ngày 6 tháng 12 năm 2016. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/bizhub/347495/remove-import-tax-on-auto-components-vbf-proposes.html#VRez5Uhhb0CzwwDX.97>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

15 Nghị định 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 122/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

16 "Công nghiệp ô tô - Bộ Công Thương muốn cơ chế thu hút đầu tư từ các tập đoàn đa quốc gia", *Báo Hải quan*, ngày 27 tháng 10 năm 2018. Xem tại: <<https://customsnews.vn/automotive-industry-the-ministry-of-industry-and-trade-wants-to-attract-investment-from-multinational-corporations-8795.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

17 Nghị định 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

các đơn vị sản xuất có thể đạt sản lượng cao trong vòng 5 năm: sản lượng tối thiểu để đủ điều kiện hưởng thuế suất ưu đãi trong năm 2018 bắt đầu ở mức tổng cộng 16.000 xe, bao gồm 6.000 xe đáp ứng tiêu chuẩn khí thải mức 4 - ví dụ: Xe ô tô con dưới 2.500 cc với mức tiêu thụ nhiên liệu dưới 7,5 lít/100km - tăng lên 17.000 xe trong năm 2019 bao gồm 7.000 xe thuộc đáp ứng tiêu chuẩn khí thải mức 4 và đạt 27.000 xe trong đó có 10.000 xe đáp ứng tiêu chuẩn khí thải mức 5 từ năm 2022. Trong số các nhà lắp ráp và sản xuất trong nước, Trường Hải (THACO), Ford Việt Nam, Toyota Việt Nam và Hyundai Thành Công là bốn công ty ô tô lớn duy nhất có đủ khả năng đáp ứng điều kiện này. Toyota Việt Nam nhập khẩu CBU từ các nước ASEAN nhưng đồng thời cũng nâng cấp nhà máy lên 50,000 phương tiện sản xuất một năm vào năm 2020. Năm 2019, Vinfast – nhánh sản xuất ô tô – xe máy của Tập đoàn Vingroup – khánh thành một nhà máy mới với công suất 250,000 phương tiện một năm, với khả năng mở rộng lên 500.000 phương tiện. Hyundai Thành Công công bố khoản đầu tư vào nhà máy thứ hai để nhân đôi công suất ban đầu là 120.000, nay lên tới 240.000 phương tiện một năm.¹⁸

Năm 2019, thị trường ô tô Việt Nam vượt mốc 400.000 phương tiện mới – bao gồm 302.000 xe cá nhân và 80.000 xe thương mại. Trong số đó, 70% là xe lắp ráp CKD và 30% là xe nhập khẩu CBU.¹⁹

Năm 2019, xe nhập khẩu CBU tăng lên 54%, đạt gần 91.000 chiếc. Nhập khẩu từ Thái Lan và Indonesia chiếm tới 90% thị phần, do một số nhà lắp ráp CKD đã chuyển sang nhập khẩu CBU từ các nước ASEAN để khai thác lợi ích của ATIGA từ năm 2018. Từ năm 2017, trong số 19 hãng nhập khẩu CBU từ châu Âu,²⁰ một nhà nhập khẩu đã dừng hoạt động và nhiều hãng thay đổi nhà nhập khẩu chính thức. Tỷ lệ thị phần của xe nhập khẩu CBU mới từ châu Âu giảm từ 10% năm 2017 xuống 4% năm 2019. Tuy nhiên, mức đóng thuế nhập khẩu đáng quan tâm vì, với giá trị tương đương, giá trị đóng góp thuế của xe nhập khẩu CBU mới từ EU cao hơn từ 2,7 lên 3 lần so với loại tương tự nhập khẩu từ ASEAN theo ATIGA được miễn thuế nhập khẩu.²¹

Mercedes-Benz và Peugeot là hai hãng châu Âu duy nhất sản xuất tại Việt Nam.

I. CÁC VẤN ĐỀ VỀ THUẾ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Giao thông Vận tải (BGTVT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (BKHDĐT)

1. Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng

Mô tả vấn đề

Do tác động của đại dịch COVID-19, năm 2020 đang là một năm cực kỳ thách thức đối với toàn bộ ngành công nghiệp ô tô trên toàn cầu. Toàn bộ chuỗi cung ứng xe mới và phụ tùng bị gián đoạn. Các nhà sản xuất ô tô tại Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ và Việt Nam đã phải tạm dừng hoạt động - sản xuất, phân phối và bán lẻ - trong khoảng một tháng (tháng 4) để đảm bảo phòng chống dịch theo quy định của Chính phủ. Mặc dù lệnh giãn cách xã hội đã được thu hồi vào tháng 5, doanh số bán hàng trong năm 2020 chắc chắn vẫn sẽ thấp hơn nhiều so với kỳ vọng. Vào ngày 28 tháng 4, Fitch Rating đã dự báo doanh số bán xe mới của Việt Nam cho cả năm 2020 sẽ giảm 21,8%. Theo VAMA, doanh số bốn tháng đầu năm 2020 đạt mức thấp nhất trong 5 năm khi giảm 36% so với cùng kỳ năm ngoái xuống còn khoảng 61.000 xe. Dịch vụ hậu mãi hiện đã giảm 30-40%.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các kho ngoại quan hiện không được nhập khẩu CBU để bán tại Việt Nam. Doanh nghiệp nhập khẩu CBU phải nộp tất cả các loại thuế - Thuế nhập khẩu, Thuế tiêu thụ đặc biệt và Thuế giá trị gia tăng - ngay khi thông quan. Doanh số bán xe tại Việt Nam hiện rất thấp. Thị trường sẽ mất thời gian để phục hồi vì khách hàng cần đảm bảo an toàn tài chính của chính họ trước. Trong khi đó, các chi phí như phí thuê đất và nhân công không giảm. Dòng

¹⁸ "Thị trường bất động sản công nghiệp Việt Nam: Lợi ích từ ngành công nghiệp ô tô", *Nghiên cứu CBRE*, tháng 12 năm 2018.

¹⁹ Báo cáo VAMA 2019 và thông tin kinh doanh của Hyundai công bố trên báo chí, bao gồm dữ liệu chưa được báo cáo của Vinfast.

²⁰ Aston Martin, Audi, Bentley, BMW, Ferrari, Fiat, Jaguar, Lamborghini, Land Rover, Maserati, McLaren, Mini, Peugeot, Porsche, Renault, Rolls-Royce, Volkswagen, Volvo.

²¹ Thông tư 195/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 108/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

tiền khan hiếm cả ở cả công ty nhập khẩu và đại lý, và tình hình này vẫn sẽ kéo dài cho đến khi chuỗi cung ứng và thị trường phục hồi trên toàn cầu.

Khuyến nghị

Để ngành công nghiệp ô tô duy trì việc làm cho người lao động và hoạt động của doanh nghiệp cho đến khi phục hồi từ COVID-19, chúng tôi đề nghị Bộ Tài chính đặc biệt cho phép thông quan một phần bằng cách lại ủy quyền cho các kho ngoại quan đối với xe mới nhập khẩu nguyên chiếc cho đến tháng 12 năm 2020. Việc hỗ trợ thông quan như vậy sẽ cho các nhà nhập khẩu thêm thời gian cần thiết để phục hồi khả năng tài chính để nộp thuế dẫn dắt trong quá trình bán hàng lưu kho khi nền kinh tế phục hồi.

2. Lệ phí trước bạ

Mô tả vấn đề

Để tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất và kinh doanh, thúc đẩy giải ngân, đầu tư công và đảm bảo an sinh xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19, Chính phủ²² đã phê duyệt “Giảm 50% lệ phí trước bạ khi đăng ký ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước tới hết năm 2020 nhằm kích thích tiêu dùng trong nước”. Hiện tại, người mua xe ô tô dưới 9 chỗ tại Việt Nam phải chịu lệ phí trước bạ 10%, và 12% cho xe đăng ký lần đầu tại Hà Nội. Với quyết định giảm lệ phí trước bạ của Thủ tướng Chính phủ, người mua ô tô sản xuất và lắp ráp trong nước sẽ chỉ phải trả một khoản phí 5-6%. Những người mua ô tô nhập khẩu từ nước ngoài vẫn phải nộp lệ phí trước bạ 10-12% tùy theo từng địa phương. Như vậy, trong số các công ty liên doanh ô tô trong nước, chỉ có hai thương hiệu châu Âu - Mercedes và Peugeot - trong số 19 thương hiệu xe nhập khẩu tại Việt Nam nhận được hỗ trợ đối với các mẫu xe lắp ráp trong nước của họ.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Kích thích tiêu thụ trên thị trường ô tô là việc làm cần thiết trong bối cảnh khách hàng đang phải cố gắng để duy trì hoạt động và cần nhiều thời gian để khôi phục chuỗi cung ứng từ tình trạng gián đoạn. Việc ưu tiên sản phẩm sản xuất trong nước như một biện pháp tạm thời để vượt qua khủng hoảng trong nước là không phù hợp trong thời điểm đại dịch COVID-19 rõ ràng là một cuộc khủng hoảng toàn cầu. Sự phân biệt đối xử theo hướng ưu tiên xe lắp ráp trong nước không thể hiện động thái tích cực của Việt Nam với Liên minh châu Âu khi EVFTA dự kiến sớm đi vào hiệu lực.

Khuyến nghị

- Chúng tôi đề nghị xóa bỏ phân biệt đối xử trong áp dụng giảm thuế, thay vì chỉ áp dụng giảm 50% lệ phí trước bạ cho xe lắp ráp trong nước thì áp dụng cho tất cả doanh nghiệp nhập khẩu, lắp ráp và phân phối ô tô mới.
- Ngoài ra, chúng tôi khuyến nghị giảm 50% thuế GTGT và lệ phí trước bạ.

II. YÊU CẦU KIỂM ĐỊNH ĐỐI VỚI NGÀNH KINH DOANH Ô TÔ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP); Bộ Công thương (BCT), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT); Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT), Tổng Cục Hải quan (TCHQ)

Nghị định 116 ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2017 quy định về điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô. Bộ GTVT ban hành Thông tư 03 vào ngày 10 tháng 1 năm 2018, quy định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 3 năm 2018. Tiểu ban Ngành công nghiệp Ô tô – Xe máy thuộc EuroCham rất hoan nghênh Chính phủ, các cơ quan hữu quan đã ủng hộ việc ban hành Nghị định 17/2020/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 22 tháng 3 năm 2020 sửa đổi một số nội dung trong Nghị định 116, theo đó bỏ yêu cầu về giấy Chứng nhận Chất lượng Kiểu loạ Ô tô (VTA) cũng như thay đổi từ hình thức kiểm tra theo lô sang kiểm tra theo chủng loại với hiệu lực lên tới 36 tháng cho xe CBU Nhập khẩu, tương tự như đối với linh kiện CKD.

²² Nghị quyết 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19.

1. Chứng nhận phụ tùng an toàn của ô tô

Mô tả vấn đề

Thông tư 41²³ quy định xe ô tô và phụ tùng an toàn (dùng cho mục đích sản xuất và sửa chữa) phải được chứng nhận hoặc công bố phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sau khi thông quan nhưng trước khi được bán ra thị trường. Theo Điều 6.1.b và 6.1.c. Nghị định 116, các linh kiện CKD, bao gồm các phụ tùng an toàn, lốp xe, đèn, gương, kính, bánh xe và bình nhiên liệu, sẽ phải được kiểm định tại Việt Nam. Nghị định 154²⁴ bắt buộc kiểm định các bộ phận an toàn được quy định trong thông tư 41 tại Cục Đăng kiểm tại Hà Nội.

Bộ GTVT đã phối hợp với Tổng Cục Hải quan (TCHQ) để đưa ra hướng dẫn nhằm giải quyết vướng mắc liên quan chứng nhận phụ tùng an toàn của ô tô. Tuy nhiên, cho đến nay, doanh nghiệp nhập khẩu CBU ghi nhận chứng nhận UNECE/ECE được chấp nhận sử dụng trong 6 tháng với khả năng được tái cấp.

Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) bao gồm một Phụ lục về tạo thuận lợi thương mại và tránh các rào cản thương mại cho xe ô tô. Nghị định 116 và các văn bản hướng dẫn triển khai nên được rà soát để phù hợp với EVFTA khi Hiệp định đi vào hiệu lực. Theo EVFTA, Việt Nam cam kết công nhận các Quy định của Ủy ban kinh tế châu Âu Liên Hiệp Quốc (UNECE) áp dụng cho xe ô tô, các linh kiện, phụ tùng mà không yêu cầu thử nghiệm và chứng nhận thêm. Chúng tôi ghi nhận Chính phủ đang lên kế hoạch gia nhập Hiệp định UNECE 1958 khi EVFTA có hiệu lực.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Để làm việc với Chính phủ về vấn đề đã nêu, EuroCham đã tổ chức Đối thoại cấp cao với Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ (ACAPR) tại Hà Nội ngày 12 tháng 12 năm 2019. Tại buổi đối thoại, Bộ GTVT khẳng định tất cả các sản phẩm loại 2 đều phải được kiểm định chất lượng khi nhập khẩu. Bộ GTVT đã có Công văn 10988 gửi tới TCHQ để thống nhất hướng dẫn cho vấn đề chứng nhận.

Theo Công văn 10988, thủ tục nộp hồ sơ chứng nhận của các bộ phận có chứng nhận đã rõ ràng, tuy nhiên thủ tục chứng nhận cho bộ phận chưa có chứng nhận thì chưa được làm rõ. Theo đó, các bộ phận của xe phải được cơ quan kiểm tra Nhà nước kiểm định, có nghĩa việc kiểm định và chứng nhận thêm chỉ được tiến hành khi khối lượng nhập khẩu đạt đủ số mẫu để kiểm tra.

Khuyến nghị

Để thực hiện công tác thông quan dựa trên các giấy tờ chứng nhận mà không cần kiểm định thêm, chúng tôi xin khuyến nghị:

- Chúng tôi nhấn mạnh khuyến nghị chỉ kiểm tra 1 lần cho lần thông quan đầu tiên cho các bộ phận và thiết bị nhập khẩu, và tiếp tục công nhận giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại có giá trị của UNECE/ECE và/hoặc báo cáo kiểm định đính kèm sản phẩm, đặc biệt khi EVFTA đi vào hiệu lực trong năm 2020.

2. Chứng nhận phụ tùng, thiết bị ô tô liên quan đến thu phát

Mô tả vấn đề

Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT) ban hành Thông tư 05²⁵ quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn và yêu cầu chứng nhận. Các bộ phận liên quan đến thu phát trên ô tô, như thiết bị bluetooth, wifi, NFC, ARF, v.v., nhập khẩu để lắp đặt vào xe, ví dụ như thiết bị cảm biến xe, điều khiển từ xa, hộp thông tin, hiện phải được chứng nhận theo quy định này.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Quy định về chứng nhận này, tổn chi phí lên tới 1.000 – 1.500 Đô-la Mỹ trên một thiết bị, dẫn đến một sự chậm trễ

23 Thông tư 41/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ Giao thông Vận tải có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2018.

24 Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 9 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh, trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

25 Thông tư 05/2019/TT-BTTTT ngày 9 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn.

đáng kể cho nhập khẩu, có thể lên đến một tháng, do quá trình này yêu cầu phải nộp các tài liệu đăng ký kiểm soát chất lượng (ba ngày), số đăng ký mới để nộp cho Hải quan để thông quan (hai ngày) và những mặt hàng này phải được kiểm tra (một đến hai tuần) để cuối cùng nhận được giấy chứng nhận hợp chuẩn (bảy ngày).

Khuyến nghị

- Khi phương tiện nhập khẩu CBU hoặc lắp ráp CKD được đăng ký kiểm định thông quan tại Việt Nam, thực tế mọi thành phần đều đã được kiểm định, bao gồm cả những phụ tùng thuộc danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn theo Thông tư 05. Vì vậy, chúng tôi đề nghị xem xét sửa đổi phạm vi Thông tư 05. Điều này cũng phù hợp với mục tiêu giảm tải gánh nặng thủ tục hành chính của Chính phủ;
- Đối với những phụ tùng không thuộc xe nhập khẩu CBU hoặc lắp ráp CKD đã được kiểm định, chứng nhận chỉ nên được tiến hành một lần, áp dụng cho lần đầu nhập khẩu; và
- Để tối giản thủ tục hành chính cho nhà nhập khẩu, cơ quan hải quan nên được phép giải phóng một phần lô hàng chứa tất cả các phụ tùng không ảnh hưởng theo Thông tư 05 thay vì chặn toàn bộ lô hàng.

3. Kiểm duyệt sản phẩm mật mã dân sự của ô tô khi thông quan

Mô tả vấn đề

Từ khi Chính phủ ban hành Nghị định 53,²⁶ định nghĩa về các sản phẩm mật mã dân sự thuộc phạm vi quản lý vẫn chưa được làm rõ. Vì vậy, cơ quan hải quan phải kiểm tra các tài liệu có chứa thông tin vi phạm quy định của Bộ luật Dân sự liên quan về mặt chính trị hoặc địa chính trị hay không. Tuy nhiên, tất cả các công ty môi giới thông quan, giao nhận vận tải, nhà cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh như DHL và FedEx đều có những đánh giá khác nhau về việc mặt hàng này có hoặc không thuộc phạm vi quản lý của Nghị định này.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

- Do thiếu định nghĩa rõ ràng về các mặt hàng thuộc phạm vi quản lý, nhà nhập khẩu ô tô không thể giải phóng lô hàng có token, ví dụ như chìa khóa USB, và lô hàng bị trả lại do thiếu giấy phép nhập khẩu đối với sản phẩm mật mã dân sự;
- Trong khi đó, các bộ phận đó là bắt buộc cho ô tô tại Việt Nam, và các nhà nhập khẩu cùng các bên liên quan cần cập nhật, duy trì chất lượng của sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất xe ô tô; cũng như tuân thủ quy định tại Nghị định 116 về cam kết bảo hành, bảo dưỡng, dịch vụ triệu hồi/thu hồi một phần hoặc kỹ thuật cho khách hàng tại Việt Nam.

Khuyến nghị

- Cần xem xét sửa đổi Nghị định 53 để cung cấp định nghĩa rõ ràng về đối tượng hàng hóa thuộc phạm vi quản lý, để các nhà nhập khẩu ô tô cập nhật giấy phép kinh doanh cho phù hợp;
- Cơ quan chức năng Việt Nam nên áp dụng phương thức hiện đang triển khai theo Nghị định 108.²⁷ Nghị định 108 cung cấp biểu mẫu đính kèm và hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng mã số HS mới trong hồ sơ đăng ký kinh doanh. Điều 8 và 10 để cập quy trình và thời gian phê duyệt dự kiến tối thiểu 45 ngày làm việc.

26 Nghị định 53/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung nghị định 58/2016/NĐ-CP về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

27 Nghị định 108/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng.

III. XE ĐIỆN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT)

Mô tả vấn đề

Ô nhiễm không khí đang trở nên nghiêm trọng hơn tại Việt Nam, với các chỉ số về ô nhiễm tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh tăng cao hơn tiêu chuẩn đề ra.²⁸ Ngày 25 tháng 5 năm 2020, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT) Trần Hồng Hà đề cập việc sửa đổi Luật Bảo vệ Môi trường là cần thiết để hướng đến phát triển bền vững trên toàn quốc.²⁹

Trên thế giới, xe điện đã trở thành giải pháp chiến lược để giải quyết ô nhiễm không khí. Dẫn dắt thay thế phương tiện sử dụng động cơ đốt trong (ICE) bằng xe điện, bao gồm xe buýt điện nội đô, ô tô cá nhân, và xe tải, sẽ giúp phát triển giao thông trong các thành phố thân thiện với môi trường. Xe điện được xếp vào loại xe cơ giới với hệ truyền động bao gồm động cơ điện. Tất cả các loại khác được xếp loại xe cơ giới thông thường. Xe điện sử dụng sạc điện thường được chia thành xe điện chạy điện thuần hoặc xe điện chạy pin và xe kết hợp năng lượng pin với điện. Trong Sách trắng 2019, chúng tôi đã đề nghị Bộ GTVT làm rõ định nghĩa và thuế suất thuế nhập khẩu tương ứng của Xe điện theo mã HS – IEC loại 1 hoặc IEC loại 2 – và chấp nhận sử dụng kết quả kiểm định điện năng bổ sung và CO2 theo Quy định 85 của UNECE cho báo cáo bởi một phòng thí nghiệm độc lập theo Quy định (EC) 715/2007, thay vì yêu cầu kiểm định thêm tại Việt Nam.

Trên thế giới, mật độ xe điện đã và đang tăng nhanh chóng nhờ vào các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, chi phí sử dụng pin giảm, và cân đối với vấn đề môi trường. Hiện tại, xe điện tự động có thể đi 150 tới 500km sau một lần sạc.³⁰ Thời gian sạc tốn từ 8 đến 10 giờ cho sạc thường và chỉ 60 đến 90 phút cho sạc nhanh với dòng điện cao thế. Xe điện tốc độ cao nhất có thể đạt tới 60-150km một giờ. Giá điện hiện tại rẻ hơn và cũng ổn định hơn giá xăng dầu. Xe điện vì vậy có hiệu suất cao hơn xe cơ giới (ICE), với chi phí bảo dưỡng và sửa chữa cũng thấp hơn. Ô tô điện cũng dễ dàng tích hợp với các bãi đỗ xe thông minh cũng như dịch vụ chia sẻ xe điện.

Giá xe điện hiện nay cao gấp đôi giá xe ICE với cùng mẫu mã, do chi phí nguồn nguyên liệu cho pin và sản xuất cao. Hiện nay, pin xe ô tô điện tốn 176 Đô-la Mỹ/kilowatt giờ, nhưng dự kiến sẽ giảm xuống chỉ còn 87 Đô-la Mỹ vào năm 2025, theo Bloomberg New Energy Finance.³¹ Đến năm 2026, giá xe điện sẽ tiệm cận giá xe thông thường.

- Các nhà sản xuất ô tô đang đầu tư khổng lồ vào xe điện: tại châu Âu là Europe Mercedes-Benz, Audi, và Volkswagen, tại Nhật bản là Toyota và Mitsubishi; tại Hoa Kỳ là Tesla. Ở Trung Quốc, Telsa đang xây dựng một nhà máy xe điện trị giá 1.5 tỷ Đô-la Mỹ để sản xuất lên tới 250.000 xe điện mỗi năm. Nhờ vào các chính sách hỗ trợ phù hợp, Trung Quốc đã sản xuất và bán 1,2 triệu xe sạc điện trong năm 2018. Trung Quốc hiện nay cũng là thị trường xe điện lớn nhất, tăng trưởng và mở rộng nhanh nhất toàn cầu. Đến năm 2025, xe điện dự kiến sẽ đạt 25% sản xuất ô tô trên toàn thế giới.
- Với 1.400 xe điện công cộng Jeepneys và xe 3 bánh hiện nay, Philippines đặt mục tiêu tăng lên 234.000 ô tô điện Jeepneys, với 70.000 chiếc ở Manila trong 6 năm tới.³² Xe điện dự kiến chiếm 10% mật độ xe ô tô. Yếu tố quyết định chính là các chính sách hỗ trợ, ví dụ như áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu 0% các bộ phận lắp ráp xe điện và xe kết hợp; miễn thuế bán hàng đặc biệt cho xe điện và miễn thuế 50% cho xe kết hợp.
- Từ 76 xe điện và 7.629 xe kết hợp mới được đăng ký vào năm 2015, Thái Lan vào năm 2018 đã có 325 và xe 20.344 kết hợp. Đến năm 2036, Thái Lan dự kiến có 1,2 triệu xe điện, 690 trạm sạc điện. Thái Lan hiện đang đặt mục tiêu trở thành trung tâm sản xuất xe điện ở châu Á.³³

28 “Bộ trưởng Trần Hồng Hà: Ô nhiễm không khí do nguyên nhân chủ quan”, *Báo Chính phủ*, ngày 19 tháng 12 năm 2019. Xem tại: <<http://baochinhphu.vn/Hoat-dong-Bo-nganh/Bo-truong-Tran-Hong-Ha-O-nhiem-khong-khi-do-nguyen-nhan-chu-quan/383018.vgp>> truy cập lần cuối ngày 15 tháng 1 năm 2020.

29 “Cần thiết xây dựng tổng thể pháp luật về môi trường”, *Vietnamnews*, ngày 27 tháng 5 năm 2020. Xem tại: <<https://vietnamnews.vn/politics-laws/717269/time-to-build-a-comprehensive-and-inclusive-environmental-law-minister.html>> truy cập lần cuối ngày 27 tháng 5 năm 2020.

30 “Phạm vi hoạt động của xe điện”, *Dữ liệu Electric Vehicle*. Xem tại: <<https://ev-database.org/cheatsheet/range-electric-car>> truy cập lần cuối ngày 15 tháng 1 năm 2020.

31 Tổng quan Xe điện 2019, *Bloomberg New Energy Finance*, ngày 15 tháng 5 năm 2019.

32 “Thiếu quy định pháp luật cho giao thông đô thị Manila”, *Inquirer*, ngày 6 tháng 7 năm 2017. Xem tại: <<https://newsinfo.inquirer.net/911340/no-law-yet-to-deal-with-metro-manila-traffic>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

33 “Ô tô điện Việt Nam lại chậm chân theo sau Thái Lan, Philippines”, *Dân trí*, ngày 2 tháng 4 năm 2019. Xem tại: <<https://dantri.com.vn/o-to-xe-may/o-to-dien-viet-nam-lai-cham-chan-theo-sau-thai-lan-philippines-20190402132300321.htm>> tsruy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

Tại Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) đã dự thảo các tiêu chuẩn cho xe điện. Trong khi đó, nhiều sáng kiến doanh nghiệp cũng đã được đưa ra.

- ▶ Năm 2017, tập đoàn DiMora Enterprises ký Biên bản Ghi nhớ (MOU) với Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa về xây dựng nhà máy sản xuất ô tô điện trị giá 500 triệu Đô-la Mỹ.³⁴ Năm 2018, Mitsubishi Motors kí một thỏa thuận về nghiên cứu và phát triển ô tô điện tại Việt Nam với Cục Công nghiệp, thuộc BCT. Hiện nay, Mitsubishi Motors đã cung cấp 4 mẫu xe điện và hai trạm sạc nhanh cho Sở Công Thương, Thành phố Đà Nẵng; và một mẫu xe điện, một trạm sạc điện cho BCT thử nghiệm. Mitsubishi cũng hợp tác với Trung Tâm Sản xuất Thiết bị đo điện tử Điện lực miền Trung để xây dựng trạm sạc điện đầu tiên cho xe điện tại Đà Nẵng, sử dụng năng lượng mặt trời và lưới điện. Năm 2019, Vinfast công bố thành lập liên doanh với LG Chem đóng gói và sản xuất pin theo tiêu chuẩn quốc tế cho ô tô và xe máy điện.³⁵
- ▶ Vinfast cũng công bố hợp tác với doanh nghiệp Áo Kressel Electric để phát triển giải pháp đóng gói pin cho xe ô tô và xe buýt điện.³⁶ Vinfast cũng thành lập VinBus, hoạt động trên địa bàn Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Cần Thơ. Dự kiến Vinfast sẽ sản xuất 3.000 xe buýt điện trong năm 2020.³⁷ Công ty cũng hợp tác với PVOil, Petrolimex và Tổng công ty Bưu điện Việt Nam để phát triển 30.000-50.000 trạm sạc điện rộng khắp Việt Nam vào năm 2020.³⁸ Vinfast cũng nhắc tới việc lắp ráp 10.000 ô tô điện và 500 xe buýt điện vào năm 2020; 15.000 xe điện và 1.000 xe buýt điện vào năm 2021; và 20.000 ô tô điện cùng 1.500 xe buýt điện vào năm 2020. Tuy nhiên, vào đầu năm 2020, mới chỉ 200 trạm sạc điện được đưa vào hoạt động.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Xe điện tham gia vào toàn bộ chuỗi cung ứng và các dịch vụ đi kèm, từ cung cấp điện đến phân phối; các trạm sạc điện và giao diện tiếp cận người dùng; pin điện bao gồm sạc, tái sử dụng và thải loại. Phát triển hệ thống sạc xe điện rất tốn kém. Theo McKinsey, chi phí của một lần sạc nhanh có thể lên tới 200.000 Đô-la Mỹ.³⁹ Đầu tư vào các trạm sạc điện công cộng yêu cầu cao hơn, do đó đặt gánh nặng lớn lên các nhà sản xuất tại Việt Nam.

Để khuyến khích các phương tiện thân thiện với môi trường, Bộ Tài chính (BTC) đã bổ sung vào Thông tư 125 để báo cáo Chính phủ về các chính sách ưu đãi xe ô tô nhập khẩu các dòng xe điện thân thiện với môi trường, sử dụng điện hoặc kết hợp sử dụng điện, sử dụng nhiên liệu sinh học hoàn toàn, và phương tiện dùng khí nén CNG. Hiện nay, với 70% thuế nhập khẩu cho xe điện hoặc xe kết hợp nhập khẩu CBU, 18-20% cho bộ linh kiện lắp ráp toàn bộ, cùng 15% thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt, việc nhập khẩu và sản xuất xe điện là chưa khả thi tại Việt Nam đối với cả người tiêu dùng, nhà cung cấp giải pháp sạc điện và các doanh nghiệp ô tô. Triển khai xe điện yêu cầu thị trường phải được phát triển hơn trong bối cảnh cơ sở hạ tầng còn chưa hoàn thiện và chi phí còn cao như hiện nay.

Chúng tôi được biết Bộ GTVT đang chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển các phương tiện giao thông thân thiện môi trường. BTC phối hợp với Bộ TN&MT phụ trách nghiên cứu để bổ sung đối tượng xe ô tô thân thiện môi trường vào chương trình ưu đãi thuế nhập khẩu linh kiện ô tô. Bộ TN&MT chủ trì phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng và ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải và lộ trình áp dụng cho nhiều loại phương tiện, đồng thời xây dựng, ban hành tiêu chí thân thiện môi trường và chứng nhận nhân sinh thái đối với sản phẩm xe điện; xây dựng và ban hành kế hoạch thu hồi, tái chế, xử lý rác quy từ xe điện.⁴⁰

34 "Việt Nam sắp có nhà máy xe điện đầu tiên", *Xe đời sống*, ngày 20 tháng 5 năm 2017. Xem tại: <<https://xedoisong.vn/tin-tuc/viet-nam-sap-co-nha-may-oto-dien-dau-tien-19160.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

35 "VinFast và LG Chem thành lập liên doanh sản xuất pin", *Vinfast*, ngày 6 tháng 4 năm 2019. Xem tại: <<https://www.vinfast.vn/en/vinfast-and-lg-chem-establish-battery-manufacturing-joint-venture>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

36 "Vinfast và Kressel Electric hợp tác phát triển pin cho xe điện", *Kressel*, ngày 30 tháng 7 năm 2019. Xem tại: <<https://www.kreiselectric.com/en/blog/kreisel-electric-and-vinfast-cooperate-to-develop-new-battery-for-electric-cars/>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

37 "Vingroup cung cấp dịch vụ xe buýt công cộng", *Vinfast*, ngày 2 tháng 5 năm 2019. Xem tại: <<https://www.vinfast.vn/en/vingroup-provide-electric-bus-services>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

38 "Vinfast xây dựng tổ hợp dịch vụ cho ô tô, xe máy điện trên toàn quốc", *Dân trí*, ngày 6 tháng 7 năm 2017. Xem tại: <<https://dantri.com.vn/o-to-xe-may/vinfast-xay-dung-chuoi-to-hop-dich-vu-cho-o-to-xe-may-dien-tren-toan-quoc-20181109091634585.htm>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

39 "Nhu cầu cơ sở hạ tầng cho xe ô tô điện", *McKinsey*, tháng 8 năm 2018. Xem tại: <<https://www.mckinsey.com/industries/automotive-and-assembly/our-insights/charging-ahead-electric-vehicle-infrastructure-demand>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

40 "Bộ TN-MT đề xuất giải pháp kiểm soát ô nhiễm không khí do giao thông vận tải", *Vietnamnews*, ngày 25 tháng 5 năm. Xem tại: <<https://vietnamnews.vn/environment/717184/environment-ministry-proposes-solutions-to-control-pollution-caused-by-transport.html>> truy cập lần cuối ngày 25 tháng 5 năm 2020.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị Bộ GTVT cần nhắc lại lợi ích và đóng góp của các nhà nhập khẩu CBU và sản xuất lắp ráp CKD, và tạo cơ hội trao đổi cởi mở, công bằng hơn trong thời gian tới.

Để áp dụng xe điện nhanh hơn, chúng tôi cũng khuyến nghị:

- Việc đẩy nhanh thử nghiệm công nghệ, một số chính sách miễn thuế cho xe điện nhập khẩu CBU cần được áp dụng cho cả nhà nhập khẩu CBU và nhà lắp ráp CKD có thiện chí triển khai phối hợp với đối tác tại Việt Nam;
- Bãi bỏ thuế nhập khẩu cho xe điện, xe kết hợp nhập khẩu CBU và bộ linh kiện lắp ráp, nguyên vật liệu gốc và thiết bị sản xuất nhập khẩu để sản xuất và lắp ráp xe điện;
- Bãi bỏ thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng cho xe điện;
- Hỗ trợ chi phí chuyển giao công nghệ, và hỗ trợ Tập đoàn Điện lực Việt Nam phát triển hệ thống sạc điện tại các đô thị lớn nhằm phát triển hệ thống đô thị thông minh; và
- Các cơ quan chức năng địa phương nên được quyền cấp phép:
 - Miễn phí sử dụng đất trong 15 năm từ lúc khởi công dự án;
 - Giảm 50% phí sử dụng đất trong 5 năm tiếp theo;
 - Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 10 năm sau khi lắp ráp thành công xe điện nội địa đầu tiên; và giảm 50% thuế cho 10 năm tiếp theo;
 - Giảm 50% thuế cho 5 năm tiếp theo;
 - Giảm 50% phí đăng ký xe điện; và
 - Áp dụng 2% phí chuyển giao quyền sở hữu cho người xe điện cá nhân, và miễn phí cho xe buýt/xe tải điện.

IV. GIỚI HẠN CHUYỂN KHẨU ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài chính (BTC)

Mô tả vấn đề

Theo EVFTA, Việt Nam cam kết tạo thuận lợi và kiểm soát hiệu quả các hoạt động chuyển tải và quá cảnh qua lãnh thổ của mình. Tuy nhiên một số quyết định gần đây, cụ thể là Nghị định 69 của các cơ quan quản lý tại Việt Nam đã khiến các công ty ô tô nước ngoài không thể thực hiện các hoạt động nhập khẩu vào Việt Nam sau đó xuất khẩu sang nước khác hoặc chuyển khẩu, do không cho phép các đơn vị này tiến hành chuyển khẩu tại cửa khẩu khác với cửa khẩu nhập.⁴¹

Ngoài ra, Nghị định 74/2018/NĐ-CP (Nghị định 74)⁴² cũng khiến hoạt động thương mại phức tạp hơn vì yêu cầu kiểm tra cơ bản chất lượng xe nhập khẩu vào Việt Nam để xuất khẩu sang nước khác dù những xe này không đưa vào sử dụng tại Việt Nam. Các đơn vị nhập khẩu xe đã có giấy phép kinh doanh hợp lệ bao gồm hoạt động chuyển khẩu chỉ có thể tiếp tục thực hiện hoạt động này cho đến khi giấy phép kinh doanh hết hiệu lực theo Điều 72.2 Nghị định 69. Hoạt động chuyển khẩu của họ hiện tại chỉ có thể được thực hiện trong vòng 30 ngày.⁴³

41 Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn Luật Quản lý Ngoại thương.

42 Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

43 Điểm 2, Điều 72 Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn Luật Quản lý Ngoại thương: "2. Các giấy phép do các bộ, cơ quan ngang bộ cấp cho thương nhân theo quy định tại Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài và các văn bản hướng dẫn liên quan trước khi Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo các nội dung và thời hạn hiệu lực của các Giấy phép này."

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Cơ quan quản lý hướng đến việc phát triển Việt Nam trở thành một trung tâm ngành công nghiệp ô tô trong khu vực. Tuy nhiên những quyết định gần đây đã hạn chế quyền thương mại của các công ty ô tô có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tại Việt Nam. Các công ty ô tô có vốn đầu tư nước ngoài cần được cho phép thực hiện hoạt động chuyển khẩu mà không có bất kỳ trở ngại nào. Hoạt động chuyển khẩu nên được tiếp tục cho phép thực hiện tại Hải quan cửa khẩu nhập để sản phẩm ô tô được vận chuyển đến Việt Nam bằng tàu sẽ có thể được chuyển khẩu bằng xe tải hoặc tàu đến cảng đích. Đồng thời, cơ quan quản lý nên xem xét cho phép thực hiện thuận lợi hoạt động chuyển khẩu hoặc xuất khẩu đến các quốc gia không có cảng biển như Lào hoặc Campuchia bằng vận tải đa phương thức, xe tải hoặc tàu.

Khuyến nghị

Theo đúng cam kết tại EVFTA (Điều 4.6 về Quá cảnh và Chuyển tải, Chương 4 về Hải quan và Tạo Thuận lợi Thương mại, văn kiện EVFTA),⁴⁴ để tạo điều kiện thương mại quốc tế cho các công ty ô tô có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, chúng tôi khuyến nghị các cơ quan quản lý đảm bảo thực hiện cam kết trong EVFTA khi Hiệp định có hiệu lực theo hướng:

- Cho phép hoạt động chuyển tải cũng như hoạt động tạm nhập tái xuất đối với các công ty ô tô có vốn đầu tư nước ngoài;
- Xóa bỏ các rào cản thương mại mới đối với hoạt động chuyển khẩu hàng hóa là phương tiện giao thông, ví dụ như việc yêu cầu kiểm định các phương tiện giao thông được chuyển khẩu dù cảng đích của các mặt hàng này không phải là Việt Nam;
- Chỉ đạo các cơ quan Hải quan cho phép áp dụng vận tải đa phương thức khi thực hiện hoạt động chuyển tải; và
- Hướng dẫn cơ quan Hải quan cho phép doanh nghiệp nước ngoài có giấy phép chuyển khẩu được sử dụng kho ngoại quan hải quan cho các lô hàng phụ tùng ô tô.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Ngành Công nghiệp Ô tô - Xe máy thuộc EuroCham

⁴⁴ Văn kiện EVFTA, Chương 4 về Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại, Điều 4.6 về Quá cảnh và Chuyển tải: "Mỗi Bên phải đảm bảo việc tạo thuận lợi và kiểm soát hiệu quả các hoạt động chuyển tải và quá cảnh qua lãnh thổ của mình."

CHƯƠNG 18B NGÀNH CÔNG NGHIỆP XE MÁY

TỔNG QUAN

Xe máy đang và trong những năm tới sẽ tiếp tục là phương tiện giao thông phổ biến nhất tại Việt Nam. Xe máy phục vụ tới 90% nhu cầu đi lại, với tổng số phương tiện đạt 58 triệu vào cuối năm 2018.¹ Con số này cao gấp 14,5 lần số lượng xe máy vào năm 1995, khi chỉ có 4 triệu xe máy được đăng ký. Việt Nam cũng là thị trường xe máy lớn thứ 4 trên thế giới (sau Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia) với 3,3 triệu xe máy được bán ra trong năm 2019 (giảm 3,9% so với năm 2018), theo số liệu của Hiệp hội các Nhà sản xuất Xe máy Việt Nam (VAMM).² Mặc dù có mức giảm nhẹ, nhu cầu vẫn ở mức cao và thị trường ghi nhận sản phẩm của sản phẩm bán ra cao hơn.

Nhu cầu lớn của thị trường khiến một số nhà đầu tư vẫn dành một nguồn vốn lớn vào ngành công nghiệp xe máy. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), có hơn 60 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này. Trong số 60 doanh nghiệp này, có 50 công ty trực tiếp sản xuất trong khi các doanh nghiệp còn lại chuyên về lắp ráp xe máy.³ Tuy nhiên, chỉ có khoảng 10 doanh nghiệp đủ mạnh để cạnh tranh trên thị trường, bao gồm các công ty sản xuất xe máy lớn đến từ Nhật Bản (Honda, Yamaha và Suzuki), Ý (Piaggio) và Đài Loan (SYM). Thu nhập tăng lên cũng dẫn đến nhu cầu về xe máy tăng cao và thị hiếu của khách hàng hiện nay thiên về các mẫu xe hiện đại và thời trang hơn, bằng chứng là thị phần xe tay ga tăng mạnh từ 18% vào năm 2012 lên 33% và chiếm ưu thế thị trường xe máy vào năm 2017. Các mẫu xe mới với nhiều chức năng cải tiến và thiết kế hiện đại ngày càng được ra mắt thường xuyên hơn và các nhà sản xuất cũng đầu tư nhiều hơn vào Nghiên cứu và Phát triển (NC&PT).

Các nhà sản xuất xe máy đã đầu tư đáng kể vào Việt Nam trong những năm qua. Điều này đã góp phần vào tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm, chuyển giao công nghệ và kiến thức chuyên môn cho lao động trong nước. Lấy ví dụ, vào năm 2012, Piaggio Việt Nam công bố khoản đầu tư vào nhà máy sản xuất động cơ với công suất đạt 300.000 xe/năm đã đi vào vận hành từ năm 2013.⁴ Cũng từ năm 2012, Trung tâm NC&PT của Tập đoàn Piaggio tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương đã được đưa vào khu công nghiệp Piaggio tại Việt Nam, tập trung phát triển sản phẩm mới không chỉ cho riêng thị trường Việt Nam mà cho cả khu vực. Thêm vào đó, vào tháng 11 năm 2014, tập đoàn Honda Việt Nam đã đầu tư tổng số vốn là 120 triệu Đô-la Mỹ để đưa vào vận hành nhà máy sản xuất xe máy thứ ba với công suất đạt 500.000 xe/năm.⁵ Kể từ tháng 9 năm 2017, Vinfast - một công ty lớn vừa gia nhập ngành công nghiệp ô tô được thành lập để sản xuất xe máy điện và xe hơi. Vào tháng 11 năm 2018, Vinfast đã khánh thành nhà máy sản xuất xe máy điện tại Tổ hợp nhà máy Vinfast tại Hải Phòng với công suất 250.000 xe/năm.⁶

Thị trường xe máy Việt Nam sẽ tiếp tục là ngành công nghiệp đầy hứa hẹn cho các nhà sản xuất với tốc độ tăng trưởng cao về doanh thu và lượng tiêu thụ trong tương lai và đặc biệt là khi được hỗ trợ bởi một chiến lược phát triển rõ ràng và minh bạch của Chính phủ. Trên phương diện đóng góp cho xã hội, ngành công nghiệp xe máy đã tạo ra số lượng lớn công việc cho lao động địa phương. Hơn nữa, ngành công nghiệp này đã và đang thực hiện các hoạt động khác nhau, góp phần phát triển xã hội, đặc biệt là những hoạt động nhằm cải thiện an toàn giao thông đường bộ ở Việt Nam.⁷ Tuy nhiên, ngành công nghiệp xe máy vẫn gặp phải nhiều thách thức. Dưới đây là ba trong số những vấn đề đáng lưu tâm nhất mà ngành công nghiệp xe máy đối mặt và khuyến nghị của chúng tôi để giải quyết từng vấn đề.

1 "Thông tin báo chí hiệp hội VAMM & Ủy ban ATGT quốc gia tiếp tục công bố kết quả hợp tác nhằm xây dựng một môi trường giao thông an toàn và bền vững tại Việt Nam", VAMM, ngày 2 tháng 10 năm 2018. Xem tại: <<http://vamm.org.vn/thong-tin-bao-chi-hiep-hoi-vamm-uy-ban-atgt-quoc-gia-tiep-tuc-cong-bo-ke-tua-hop-tac-nham-xay-dung-moi-truong-giao-thong-an-toan-va-ben-vung-tai-viet-nam/>> truy cập lần cuối ngày 17 tháng 2 năm 2020.

2 "Lượng tiêu thụ xe máy nội địa giảm trong năm 2019", *Nhật báo Sài Gòn*, ngày 17 tháng 1 năm 2020. Xem tại <<https://english.thesaigontimes.vn/74239/fewer-motorcycles-purchased-locally-in-2019.html>> truy cập lần cuối ngày 17 tháng 1 năm 2020.

3 "Việt Nam sẽ trở thành một nước xuất khẩu xe máy lớn", *Vietnam Breaking News*, ngày 5 tháng 1 năm 2008. Xem tại: <<https://www.vietnambreakingnews.com/2008/01/vietnam-to-become-a-major-motorcycle-exporter/>> truy cập lần cuối ngày 29 tháng 1 năm 2019

4 Q. Hung, "Tập đoàn Piaggio khánh thành nhà máy sản xuất động cơ ở Việt Nam", *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, ngày 4 tháng 3 năm 2012. Xem tại: <<http://english.thesaigontimes.vn/22145/Piaggio-launches-motorcycle-engine-plant-in-Vietnam.html>> truy cập lần cuối ngày 29 tháng 1 năm 2019.

5 "Honda Việt Nam khánh thành nhà máy sản xuất xe máy thứ 3 với tổng vốn đầu tư là 120 triệu Đô-la Mỹ", *Tuổi trẻ*, ngày 11 tháng 11 năm 2014. Xem tại: <<http://tuoitrenews.vn/business/23967/honda-vietnam-inaugurates-third-motorbike-plant-at-a-cost-of-120mn>> truy cập lần cuối ngày 29 tháng 1 năm 2019.

6 "Vinfast có đủ nhanh để trở thành công ty sản xuất ô tô đầu tiên của Việt Nam", *CNBC*. Xem tại <<https://www.cnn.com/2018/09/10/is-fast-fast-enough-for-vinfast-vietnams-first-automaker.html>> truy cập lần cuối ngày 29 tháng 1 năm 2019.

7 J. Le Fevre, "Honda Việt Nam trao tặng 30.000 mũ bảo hiểm miễn phí cho trẻ em", *The Establishment Post*, ngày 30 tháng 6 năm 2015. Xem tại: <<http://www.establishmentpost.com/honda-vietnam-seeks-to-protect-kids-30000-free-helmets>> truy cập lần cuối 21 tháng 12 năm 2018.

I. CẤM LƯU THÔNG XE MÁY TẠI MỘT SỐ THÀNH PHỐ LỚN VÀO NĂM 2030

Cơ quan Chính phủ liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT), Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Mô tả vấn đề

Tại Hà Nội

Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đã phê duyệt Nghị quyết 04.⁸ Nghị quyết 04 nhằm mục tiêu như sau:

- › Quản lý số lượng phương tiện tham gia giao thông (PTTGGT);
- › Quản lý chất lượng PTTGGT;
- › Quản lý phạm vi hoạt động của PTTGGT;
- › Giải pháp phát triển và nâng cao hiệu quả vận tải hành khách công cộng;
- › Giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý (giao thông thông minh); và
- › Giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước về giao thông vận tải

Lộ trình cấm lưu thông xe máy trong các quận nội thành Hà Nội nhằm tăng cường quản lý PTTGGT và giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường được trình bày trong bảng dưới:

Lộ trình cấm lưu thông xe máy trong các quận nội thành Hà Nội nhằm tăng cường quản lý PTTGGT và giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường được trình bày trong bảng dưới:

Bảng 5: Lộ trình thực hiện cấm xe máy tại Hà Nội

| STT | Nhiệm vụ | Lịch trình |
|-----|--|------------|
| 1 | Tuyên truyền về cấm lưu thông xe máy tại Hà Nội vào năm 2030. | Hàng năm |
| 2 | Nghiên cứu và tổng hợp số PTTGGT (dựa trên năm sản xuất) | 2017-2020 |
| 3 | Nghiên cứu và đưa ra quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật và phát thải nhằm quản lý số lượng xe máy tham gia giao thông | 2017-2020 |
| 4 | Thu hồi và tiêu hủy xe máy cũ không đạt tiêu chuẩn* | 2017-2030 |
| 5 | Thí điểm cấm lưu thông xe máy trong giờ và ngày quy định ở một số tuyến đường chính được chọn và trung tâm thành phố | 2025-2029 |
| 6 | Cấm xe máy tại các quận nội thành tại Hà Nội | 2030 |

*Khi các quy định pháp luật, tiêu chuẩn kỹ thuật và phát thải được ban hành

Tại Đà Nẵng

Hội đồng Nhân dân Thành phố Đà Nẵng khóa IX, tại kỳ họp thứ tư ngày 7 tháng 7 năm 2017 đã thông qua Nghị quyết 102/2017/NQ-HĐND về Đề án Tăng cường vận tải công cộng kết hợp với kiểm soát sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân, kiểm soát và điều tiết hợp lý các phương tiện vận tải vào trung tâm thành phố. Nghị quyết đề ra các nhóm giải pháp:

- › Hoàn thiện cơ chế, chính sách quy hoạch giao thông vận tải;
- › Đầu tư xây dựng để phát triển, hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông thành phố;
- › Hoàn thiện và mở rộng mạng lưới vận tải hành khách công cộng;

⁸ Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND ngày 4 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao về tăng cường quản lý phương tiện giao thông đường bộ nhằm giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội, giai đoạn 2017 - 2020 tầm nhìn đến năm 2030.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thông, điều khiển tự động trong quản lý giao thông;
- Kiểm soát sử dụng phương tiện giao thông cơ giới cá nhân;
- Điều tiết phương tiện vận tải vào trung tâm thành phố; và
- Quản lý giao thông.

Thành phố Hồ Chí Minh

Vào năm 2017, chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh (Tp.HCM) đã thảo luận đề xuất hạn chế và cấm xe máy nhằm giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường. Cụ thể, Tp.HCM đang thực hiện Đề án nghiên cứu “Tăng cường vận tải hành khách công cộng kết hợp kiểm soát sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân tham gia giao thông trên địa bàn TPHCM” nhằm nhận diện các nguy cơ về giao thông đô thị trong thời gian tới, xây dựng kịch bản phát triển và đề xuất lựa chọn kịch bản phù hợp làm cơ sở triển khai thực hiện ngay từ giai đoạn 2020 và định hướng đến năm 2030. Ủy ban Nhân dân Tp.HCM cũng đã ban hành Quyết định 4341/QĐ-UBND ngày 4 tháng 10 năm 2018 về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X về Chương trình giảm ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông giai đoạn 2018 – 2020 cũng như giao Viện Nghiên cứu Phát triển chủ trì “Nghiên cứu xây dựng và thực hiện thí điểm việc điều chỉnh tăng mức thu các loại phí liên quan đến đăng ký mới và lệ phí lưu hành của các phương tiện giao thông; xây dựng các biện pháp kinh tế, hành chính với lộ trình phù hợp nhằm hạn chế nhu cầu xe máy lưu thông”.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Xe máy là phương tiện giao thông không thể thiếu đối với đời sống hàng ngày và sinh kế của hàng triệu người. Nó đã trở thành phương tiện tiết kiệm, thuận tiện và linh hoạt nhất, đặc biệt tại các thành phố như Hà Nội và Tp.HCM, nơi đường phố chật hẹp và hệ thống phương tiện giao thông thay thế còn chưa phát triển. Hiện nay và trong tương lai gần, hạ tầng giao thông công cộng trong các thành phố lớn không đủ để đáp ứng nhu cầu tham gia giao thông của người dân. Vì lý do đó, việc cấm xe máy có thể tạo ra những khó khăn và bất lợi lớn cho người dân ở các thành phố lớn. Có thể lấy thành phố Jakarta là một ví dụ cho trường hợp này. Chính phủ Indonesia quy định cấm xe máy nhưng gặp phải sự phản đối của người dân do hạ tầng và hệ thống giao thông công cộng của Jakarta không đủ để đáp ứng nhu cầu tham gia giao thông của người dân và sau đó quy định cấm xe máy đã bị bãi bỏ.

Ngoài ra, việc chỉ cấm xe máy không phải là giải pháp hiệu quả để cải thiện tình trạng ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường và giảm thiểu tai nạn giao thông tại các thành phố lớn. Nguyên nhân của các vấn đề này nằm ở việc quản lý thiếu hiệu quả phương tiện tham gia giao thông, kỹ năng lái xe kém và ý thức chưa cao về an toàn giao thông đường bộ. Quy định cấm được đề xuất cũng có thể gây thách thức lớn cho ngành sản xuất xe máy mà trong một thập kỷ qua đã thực hiện những khoản đầu tư dài hạn vào Việt Nam nhằm phát triển thị trường trong nước và quốc tế và đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước bên cạnh giá trị nộp thuế lớn và tạo nhiều công ăn việc làm cho lao động địa phương.

Liên quan đến quan ngại về ô nhiễm, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng VAMM đang phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng để sửa đổi và đưa ra Luật Giao thông mới, với các quy định cụ thể về quản lý khí thải. Việc ban hành các giới hạn và tiêu chuẩn về khí thải cho phương tiện giao thông là giải pháp trực tiếp cho vấn đề nâng cao chất lượng xe máy khi cân nhắc yếu tố môi trường.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị chính quyền địa phương nên xem xét thêm các giải pháp hiệu quả hơn nhằm giải quyết vấn đề ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường và tai nạn giao thông trong các thành phố lớn, bao gồm:

- Tập trung quản lý chất lượng của phương tiện thay vì chú trọng quá nhiều vào số lượng để có thể xử lý hiệu quả vấn đề ô nhiễm;
- Chỉ quản lý hoặc cấm xe máy cũ, và khuyến khích sử dụng phương tiện phát thải thấp;
- Giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường bằng cách áp dụng thông lệ tốt nhất từ các quốc gia khác, nơi hệ thống giao thông công cộng và hạ tầng giao thông tiên tiến được sử dụng kết hợp hiệu quả với xe máy; và
- Nâng cao ý thức và chấp hành quy định và an toàn giao thông của người dân.

II. QUẢN LÝ NGUYÊN LIỆU NHẬP KHẨU ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG XUẤT KHẨU

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Tổng Cục Hải quan (TCHQ)

Mô tả vấn đề

Theo quy định hiện hành⁹ khi doanh nghiệp nhập khẩu linh kiện cho hoạt động sản xuất, sẽ có hai loại thủ tục nhập khẩu như sau:

- Nguyên liệu được đăng ký là hàng nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu (NSXXK, mã nhập khẩu là E31): Từ ngày 1 tháng 9 năm 2016, những hàng hóa E31 nhập khẩu này được miễn thuế nhập khẩu và thuế GTGT. Trong trường hợp doanh nghiệp sử dụng bất kỳ E31 nào để sản xuất để bán trong nước (tức là có sự thay đổi mục đích sử dụng của hàng hóa được miễn thuế), doanh nghiệp sẽ phải khai báo thay đổi và nộp số thuế liên quan tại thời điểm thay đổi. Ngoài ra, vào cuối tháng 3 năm dương lịch tiếp theo, doanh nghiệp phải lập báo cáo quyết toán để báo cáo về hàng nhập khẩu, sử dụng cho xuất khẩu và hàng tồn kho đối với E31 nhập khẩu.
- Nguyên liệu được đăng ký là hàng nhập khẩu cho mục đích thương mại (như sản xuất hàng hóa để bán trong nước) (NKD, mã nhập khẩu là A12): Theo đó, doanh nghiệp phải nộp thuế nhập khẩu và thuế GTGT đầy đủ khi nhập khẩu. Đối với bất kỳ hàng hóa nhập khẩu loại A12 nào mà doanh nghiệp sau đó sử dụng để sản xuất sản phẩm xuất khẩu, doanh nghiệp có quyền nộp đơn xin hoàn thuế nhập khẩu.

Theo Thông tư 39,¹⁰ nguyên liệu nhập khẩu cũng phải được cho mục đích hạch toán theo từng loại hình nhập khẩu (nhập khẩu để chế biến, nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, nhập khẩu cho mục đích thương mại) được khai báo trong tờ khai hải quan và các tài liệu đến. Những điều trên dẫn đến rất nhiều khó khăn/rủi ro cho doanh nghiệp trong quá trình quản lý nguyên vật liệu.

Chúng tôi ghi nhận theo quy định hiện hành, trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng sau đó thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa thì phải khai tờ khai hải quan mới. Việc chuyển tiêu thụ nội địa hoặc thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa đã làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu chỉ được thực hiện sau khi người khai hải quan hoàn thành thủ tục hải quan đối với tờ khai hải quan mới.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Do việc nhập khẩu được thực hiện dựa trên kế hoạch sản xuất và trên thực tế, kế hoạch sản xuất không bao giờ khớp với hoạt động sản xuất thực tế, sẽ luôn có những thay đổi về mục đích sử dụng cho E31 và/hoặc A12 trong hầu hết các doanh nghiệp sử dụng chương trình nhập khẩu nguyên liệu này theo cả hai loại thủ tục nhập khẩu E31 và A12. Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc quản lý nguyên vật liệu ở tất cả các giai đoạn để theo dõi các nguồn nhập khẩu nhằm tuân thủ quy định pháp luật về quản lý cho mục đích hạch toán theo từng loại hình nhập khẩu và khai báo kịp thời sự thay đổi mục đích sử dụng và nộp thuế cho E31. Điều này dẫn đến rất nhiều rủi ro và nếu để tránh các rủi ro này, doanh nghiệp phải nhập tất cả dưới dạng A12 chịu thuế, sau đó yêu cầu hoàn thuế dẫn đến việc gia tăng đáng kể gánh nặng về dòng tiền/khối lượng công việc/chi phí tài chính cho doanh nghiệp.

Khuyến nghị

Chúng tôi đề nghị Chính phủ xem xét nghiên cứu sửa đổi các quy định hải quan hiện hành để cho phép đơn giản hóa quy trình quản lý cho các doanh nghiệp nhập khẩu cả E31 và A12. Một cơ chế thuận lợi cho việc khai báo hải quan và đối chiếu, đặc biệt trong bối cảnh sản xuất phức hợp, là rất cần thiết. Điều này rất quan trọng để khuyến khích xuất khẩu và phù hợp với chính sách gần đây của Chính phủ Việt Nam về cải cách thủ tục hành chính/thuế.

⁹ Luật thuế xuất nhập khẩu 107/2016/QH13 ngày 6 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội, Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ và Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính được sửa đổi bởi Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ Tài chính.

¹⁰ Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

III. BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ (SHTT)

Cơ quan Chính phủ liên quan: Cục Sở hữu Trí tuệ (Cục SHTT) thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN), Cục Quản lý Cạnh Tranh (Cục QLCT) thuộc Bộ Công Thương (BCT), Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT), Ban Chỉ đạo 398 Quốc gia (BCĐQG 398)¹¹

Mô tả vấn đề

Việc xâm phạm Quyền Sở hữu Trí tuệ (SHTT) ở Việt Nam vẫn là một vấn đề nghiêm trọng và xảy ra trên quy mô lớn. Do các hoạt động xâm phạm ngày càng trở nên phức tạp, khó phát hiện và kiểm soát hơn, cần bảo hộ và thực hiện quyền SHTT chặt chẽ để khuyến khích đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, đặc biệt là tại thời điểm Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại lớn như EVFTA.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Liên quan đến vấn đề bảo hộ quyền SHTT, chúng tôi nhận thấy các sản phẩm xe máy cao cấp của các công ty xe máy đang bị làm nhái. Với quan điểm “bắt chước hơn là đổi mới sáng tạo”, một số công ty đang kinh doanh các sản phẩm với hình thức giống các sản phẩm của chúng tôi và khiến người dân nhầm lẫn với sản phẩm chính hãng. Trong nhiều trường hợp, nhà sản xuất các sản phẩm nhái không sao chép hoàn toàn mà thực hiện một số thay đổi nhỏ trong trang trí sản phẩm. Điều này gây khó khăn cho các chủ sở hữu quyền SHTT trong quá trình bảo hộ quyền SHTT do hiện tại ở Việt Nam chỉ có một tổ chức giám định sở hữu công nghiệp là Viện Khoa học Sở hữu Trí tuệ Việt Nam (VIPRI) thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) để đánh giá và xác định liệu sản phẩm nhái có sự khác biệt đáng kể so với sản phẩm chính hãng hay không. Kết quả đánh giá này đóng vai trò rất quan trọng vì nó sẽ được xem là bằng chứng để khiếu nại ra tòa. Tuy nhiên, đôi khi kết quả đánh giá của VIPRI không hợp lý và chủ sở hữu quyền SHTT cũng khó có thể phản đối. Nếu không có kết quả tích cực từ tổ chức giám định, chủ sở hữu quyền SHTT dường như không thể bảo vệ và/hoặc thực thi quyền SHTT của họ tại Việt Nam, làm cho việc đăng ký quyền SHTT dường như là vô nghĩa.

Một vấn đề lớn khác là thị trường phụ tùng nhái – các sản phẩm này rất dễ tìm thấy và có giá thấp hơn, thu hút người tiêu dùng hơn. Tuy nhiên, phụ tùng nhái lại không đảm bảo an toàn khi sử dụng. Việc kiểm soát thị trường phụ tùng nhái mặc dù khó khăn nhưng là yếu tố bắt buộc để hỗ trợ các doanh nghiệp xe máy.

Khuyến nghị

Chúng tôi kính mong Chính phủ giám sát thực thi tốt các quy định pháp luật về bảo vệ quyền SHTT, nâng cao hiệu quả thực thi quyền SHTT đối với kiểu dáng công nghiệp và thiết kế sản phẩm thông qua các biện pháp cơ bản như:

- Thành lập thêm nhiều tổ chức giám định độc lập để thẩm định, xác định dấu hiệu xâm phạm quyền SHTT trong các vụ việc tranh chấp liên quan đến quyền SHTT;
- Tăng cường tiếng nói của các cơ quan hữu quan liên quan đến SHTT (ví dụ như Cục SHTT Việt Nam) về các vấn đề SHTT;
- Thực thi cơ chế cho phép chủ sở hữu trí tuệ phản biện các đánh giá của VIPRI;
- Thành lập các tòa án chuyên trách để xử lý các vấn đề về SHTT và nâng cao kiến thức chuyên môn về SHTT cho các thẩm phán; và
- Cần tăng cường hợp tác giữa các tổ chức thực thi bảo hộ quyền SHTT và cơ quan hữu quan để giải quyết vấn đề buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Ngành Công nghiệp Ô tô - Xe máy thuộc EuroCham

¹¹ Ban Chỉ đạo Quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (Ban Chỉ đạo 398 Quốc gia) được thành lập theo Quyết định 398/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

CHƯƠNG 19 SẢN PHẨM DINH DƯỠNG VÀ SỮA CÔNG THỨC

TỔNG QUAN

Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng thuộc EuroCham (NFG) là một tổ chức phi lợi nhuận và phi chính phủ đại diện cho các công ty sữa hàng đầu thế giới có mặt tại Việt Nam. NFG được thành lập nhằm nâng cao sức khỏe của người Việt Nam dựa trên các sản phẩm dinh dưỡng và không ngừng cam kết xây dựng một chuẩn mực ngành đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế để khai thác một thị trường sản phẩm dinh dưỡng và sữa công thức có trách nhiệm và bền vững tại Việt Nam.

Mục tiêu của chúng tôi là:

1. Nâng cao nhận thức về dinh dưỡng trên cơ sở khoa học để hỗ trợ phát triển các chính sách và chuẩn mực hiệu quả về sản phẩm dinh dưỡng tốt và an toàn cho người Việt Nam;
2. Thúc đẩy xây dựng các tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng thực phẩm và phù hợp với tiêu chuẩn toàn cầu;
3. Tăng cường xây dựng đạo đức kinh doanh trong lĩnh vực sữa và sản phẩm dinh dưỡng thông qua quá trình tuân thủ các chính sách tự giám sát chặt chẽ và toàn diện;
4. Góp phần xây dựng các quy định trên cơ sở khoa học để điều chỉnh hoạt động của ngành;
5. Tham gia đối thoại một cách cởi mở với Chính phủ và các bên liên quan để tạo điều kiện hỗ trợ trong phạm vi ngành liên quan đến việc khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ và cải thiện thể trạng của người Việt Nam; và
6. Tăng cường nhận thức và nâng cao năng lực trong lĩnh vực dinh dưỡng để hỗ trợ mục tiêu sức khỏe cộng đồng về sử dụng sản phẩm dinh dưỡng tốt.

Theo Viện Dinh dưỡng Quốc gia, Việt Nam hiện có khoảng 7,5 triệu trẻ em, trong đó có 24,6% bị suy dinh dưỡng thể thấp còi và 14,1% bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân.¹ Số lượng trẻ em suy dinh dưỡng đang giảm dần trong những năm gần đây trong khi số lượng trẻ em bị thiếu hụt vi chất dinh dưỡng còn ở mức cao.² Vì vậy, việc tiếp cận các sản phẩm góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng, phát triển thể chất cũng như sức khỏe của người dân cần được đảm bảo. Để đạt được mục tiêu này, các chính sách và quy định của Chính phủ cần tạo điều kiện thuận lợi để các sản phẩm dinh dưỡng được tiêu thụ một cách rộng rãi.

NFG muốn đề cập tới 3 vấn đề: i) áp thuế tiêu thụ đặc biệt lên nước ngọt có đường theo dự thảo Luật sửa đổi Luật thuế tiêu thụ đặc biệt của Bộ Tài chính; ii) ghi nhãn hàng hóa theo Thông tư 05/2019/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; iii) đơn giản hóa thủ tục xuất khẩu hàng hóa tại Bộ Y tế (chi tiết tại mục tiếp theo). Chúng tôi hy vọng các quan điểm dưới đây sẽ góp phần hỗ trợ Chính phủ xây dựng các chính sách tốt dựa trên bằng chứng, phù hợp với bối cảnh Việt Nam và các thông lệ quốc tế, có lợi cho người dân Việt Nam và hỗ trợ các mục tiêu phát triển kinh tế của đất nước.

NFG hy vọng rằng những nỗ lực liên tục của Chính phủ trong việc cải thiện môi trường kinh doanh sẽ đem lại kết quả tích cực và cụ thể hơn trong những năm tới. Các thành viên NFG cam kết hợp tác với Chính phủ và các Bộ ngành liên quan trong công cuộc đổi mới để giúp Việt Nam phát triển bền vững và hội nhập kinh tế với thế giới.

¹ Số liệu thống kê về tình trạng dinh dưỡng trẻ em qua các năm (từ năm 1999 đến năm 2015), Viện Dinh dưỡng Quốc gia.

² “Vi chất dinh dưỡng- Thực trạng và giải pháp hiện nay”, Viện Dinh dưỡng Quốc gia, ngày 25 tháng 5 năm 2016. Xem tại: <<http://viendinhduong.vn/vi-tin-tuc/vi-chat-dinh-duong-thuc-trang-va-giai-phap-hien-nay.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

I. ĐỀ XUẤT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI ĐỒ UỐNG CÓ ĐƯỜNG

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Bộ Y tế (BYT)

Mô tả vấn đề

Vào tháng 8 và tháng 11 năm 2017, Bộ Tài chính đã công bố dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ Đặc biệt (Thuế TTĐB), và dự thảo này hiện vẫn đang được xem xét bởi chính phủ. Trong dự thảo này có đề xuất áp dụng mức Thuế TTĐB 10% đối với “đồ uống có đường trừ sản phẩm sữa”. Cách định nghĩa các đối tượng chịu Thuế TTĐB như vậy rộng và không rõ ràng có thể dẫn đến rất nhiều khó khăn trong thực tế triển khai.

Cụm từ “đồ uống có đường” có thể bao gồm bất kỳ sản phẩm nào dùng để uống dạng lỏng, không chỉ bao gồm đồ uống để giải khát, mà còn có các loại thuốc, các sản phẩm thực phẩm dinh dưỡng với lợi ích sức khỏe cần được khuyến khích sử dụng, chẳng hạn như:

- Nhiều loại thuốc dạng lỏng có chứa đường (ví dụ như xi-rô ho, thuốc dạng nước để uống, v.v.): các sản phẩm này đóng một vai trò quan trọng trong điều trị y tế;
- Sản phẩm dinh dưỡng công thức dạng lỏng cho trẻ nhỏ (bao gồm một số công thức không được làm từ sữa nhưng từ protein đậu nành hoặc đạm whey, được sử dụng cho trẻ em mắc hội chứng không dung nạp Lactose, dị ứng với sữa bò); thực phẩm dinh dưỡng y học dạng lỏng cho bệnh nhân. Các sản phẩm này được Bộ Y tế phân loại là thực phẩm dành cho các chế độ ăn đặc biệt; và thực phẩm dinh dưỡng y học, không phải là sữa;
- Thực phẩm bảo vệ sức khỏe dạng lỏng: chứa vitamin, khoáng chất, axit amin, axit béo, enzyme, probiotics và các hoạt chất sinh học khác để ngăn chặn sự thiếu hụt của các chất này trong y tế cộng đồng; và
- Các loại thực phẩm chức năng khác dạng lỏng: bao gồm các sản phẩm dinh dưỡng dạng lỏng cho các chế độ ăn đặc biệt cho người ăn kiêng, người già, hoặc phụ nữ mang thai, v.v.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc áp dụng Thuế TTĐB đối với các sản phẩm có lợi cho sức khỏe sẽ khiến người Việt khó tiếp cận với các sản phẩm dinh dưỡng, do đó, có ảnh hưởng bất lợi đến việc thực hiện các mục tiêu của chính phủ trong Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban Trung ương Đảng (Nghị quyết 20) và Chương trình Sức khỏe Việt Nam ban hành theo Quyết định 1092/QĐ-TTg ngày 2 tháng 9 năm 2018 (Quyết định 1092).

Việc áp Thuế TTĐB lên đồ uống có đường có thể tạo thêm nguồn thu mới cho Chính phủ, nhưng điều này lại có thể gây tác động tiêu cực lên doanh số bán hàng, lợi nhuận doanh nghiệp, và các cơ hội việc làm tại Việt Nam—tất cả các yếu tố này đóng góp vào nguồn thu thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân. Hơn nữa, việc tăng giá các sản phẩm sữa, dinh dưỡng và thực phẩm chức năng do tác động của Thuế TTĐB có thể góp phần làm tăng tình trạng buôn lậu qua biên giới, đặc biệt trong bối cảnh Trung Quốc không áp Thuế TTĐB đối với đồ uống có đường, dẫn đến thất thu thuế và gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước.

Khuyến nghị

Chúng tôi chân thành cảm ơn Bộ Tài chính đã ghi nhận trong Công văn 4808/BTC-HTQT phản hồi về dự thảo Sách trắng về những khuyến nghị của EuroCham trong quá trình nghiên cứu, sửa đổi Luật thuế TTĐB. Chúng tôi mong sớm nhận được dự thảo mới nhất về Luật thuế TTĐB với những sửa đổi theo hướng Việt Nam không nên áp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống có đường. Trong trường hợp Chính phủ thấy nhất thiết cần có thuế tiêu thụ đặc biệt với đồ uống có đường, NFG khuyến nghị thay thế thuật ngữ “Đồ uống có đường” bằng “nước giải khát có đường” trong Dự thảo. Việt Nam đã ban hành Tiêu chuẩn Quốc Gia về Nước Giải Khát (TCVN 12828: 2019) với định nghĩa rất rõ ràng nên sẽ thuận tiện khi được áp dụng. Cụm từ “Nước giải khát” chỉ rõ công dụng của sản phẩm, do đó cơ quan quản lý dễ dàng phân biệt nước giải khát với các nhóm sản phẩm có công dụng khác (như để bổ sung dinh dưỡng, để điều trị). Điều này giúp luật dễ thực thi và phù hợp với yêu cầu ghi nhãn phải nêu công dụng sản phẩm tại Thông tư 43/2014/TT-BYT³ quy định về quản lý thực phẩm chức năng. Thêm vào đó, mục đích đánh Thuế TTĐB là nhằm hạn chế tiêu dùng các sản phẩm nước giải khát có đường và không có lợi cho sức khỏe. Do đó, chúng tôi khuyến nghị “Sữa, các sản phẩm sữa và thực phẩm chức năng” nên được loại trừ khỏi đối tượng bị áp

³ Thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế quy định về quản lý thực phẩm chức năng.

Thuế TTĐB. Các nhóm sản phẩm loại trừ này giúp làm rõ phạm vi điều chỉnh, giúp luật thực thi dễ dàng và không ảnh hưởng đến các sản phẩm có lợi cho sức khỏe. “Sữa, các sản phẩm sữa và thực phẩm chức năng” là các sản phẩm có vai trò quan trọng đối với việc thực hiện các mục tiêu quốc gia hàng đầu về chăm sóc sức khỏe người dân tại Nghị quyết 20 và Quyết định 1092.

II. HÀI HÒA HÓA LUẬT QUỐC TẾ VỀ “GHI NHÃN THỰC PHẨM”

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN)

Mô tả vấn đề

Thông tư 05/2019/TT-BKH&CN⁴ (Thông tư 05) được ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa (Nghị định 43), trong đó Điều 8 của Thông tư 05 đưa ra một quy định mới: “trường hợp trên nhãn hàng hóa có nhấn mạnh sự không có mặt, không chứa hoặc không bổ sung một hoặc một số thành phần thì thành phần đó không tồn tại trong hàng hóa và trong các nguyên liệu dùng để sản xuất ra hàng hóa”.

Quy định mới này bất hợp lý vì “không tồn tại” nghĩa là hàm lượng bằng 0, nhưng trong tự nhiên, hầu như không có chất nào có hàm lượng bằng 0, mà chúng luôn tồn tại ở một mức nhất định. Sự bất hợp lý này sẽ dẫn đến hàng loạt các sản phẩm thực phẩm của cả trong nước và nhập khẩu sẽ phải sửa lại nhãn hoặc phải rút khỏi thị trường, mặc dù chúng phù hợp với thông lệ quốc tế và được tiêu dùng rộng rãi nhiều năm nay, ví dụ như sữa “không chứa lactose”, nước quả “không chứa chất bảo quản” vì những chất này luôn có trong tự nhiên ở hàm lượng rất nhỏ, không thể bằng 0 được. Điều này tạo ra các rào cản thương mại bất hợp lý và ảnh hưởng xấu đến sản xuất-kinh doanh cả hàng trong nước và nhập khẩu.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Trong buổi đối thoại với EuroCham về cải cách thủ tục hành chính ngày 12 tháng 12 năm 2019 khi NFG khuyến nghị về vấn đề trên, Bộ Khoa học và Công nghệ đã cho rằng quy định trên phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và bảo vệ người tiêu dùng. EuroCham NFG cho rằng ý kiến này của Bộ Khoa học và Công nghệ là chưa thỏa đáng vì:

- Quy định quốc tế về ghi nhãn của Tổ chức Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế Codex quy định cho đường, muối, cùng một số chất khác như năng lượng, chất béo, v.v., và có mức cụ thể cho từng chất (không có đường là <0,5g/100g; không năng lượng là <4kcal/100g, không chất béo là <0,5g/100g). Trong khi đó quy định của Thông tư 05 lại áp dụng cho tất cả các chất, và mức đều đánh đồng là 0 (không tồn tại). Như vậy quy định này là thiếu cơ sở khoa học và không giống với Codex.
- Việc những cảnh báo cần thiết cho sức khỏe người tiêu dùng chưa có trong Codex nhưng đã được nhiều nước áp dụng như “không chứa lactose”, “không chứa chất bảo quản” lại bị bỏ ra khỏi nhãn sản phẩm ở Việt Nam do Thông tư 05 rõ ràng là bất lợi cho người tiêu dùng thay vì không bảo vệ người tiêu dùng như mục đích mà Bộ Khoa học và Công nghệ mong muốn.
- Để ví dụ, nếu quy định “không tồn tại” trong Thông tư 05 được áp dụng cho Dioxin, một chất cực độc thì hầu hết đất đai miền Nam Việt Nam sẽ bị coi là nhiễm dioxin vì nồng độ dioxin đo được là khoảng 1-2 phần nghìn tỷ. Nếu đất đai bị coi là “đất nhiễm dioxin” thì nước nào dám mua hàng nông sản Việt Nam? Trong khi đó, ở Mỹ tiêu chuẩn đất nông nghiệp được coi là không nhiễm dioxin là 27 phần nghìn tỷ, và châu Âu là 10 phần nghìn tỷ.
- Chúng tôi chân thành cảm Công văn 5290/SHTT-PCCS ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Cục Sở Hữu Trí tuệ theo ủy quyền của Bộ Khoa học Công nghệ về dự thảo Sách trắng. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng phản hồi của Cục Sở Hữu Trí tuệ cho vấn đề này của Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng vẫn cần phải được trao đổi thêm. Codex hoàn toàn không yêu cầu “thành phần đó không tồn tại” cho công bố “không có/không bổ sung” như Thông tư 05, mà luôn đưa ra một mức cụ thể. Ủy ban Codex Việt nam, Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y Tế, Phòng Tiêu chuẩn Chất lượng - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, cũng đã có ý kiến góp ý không đồng ý với điều khoản này trong dự thảo Thông tư 05, nhưng không được tiếp thu chứ không phải là đồng thuận như trong

⁴ Thông tư 5/2019/TT-BKH&CN ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều khoản của Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 về ghi nhãn hàng hóa.

Công văn phản hồi của Cục Sở Hữu Trí tuệ.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị sửa đổi Điều 8 được quy định tại Thông tư 05 cho phù hợp với quy định quốc tế Codex về ghi nhãn dinh dưỡng CAC/GL 23-1997. Cụ thể, chúng tôi khuyến nghị:

- › Bỏ khoản 2 Điều 8; hoặc
- › Bổ sung vào cuối khoản 2 Điều 8 như sau: “Nếu không thỏa mãn các điều kiện trên, khi Việt nam chưa có quy định về mức cụ thể được phép công bố, thì có thể sử dụng quy định hay khuyến cáo của một quốc gia khác, hay của một tổ chức khoa học, và cần ghi rõ tên của quy định/khuyến cáo, kèm tên quốc gia hoặc tổ chức khoa học đó trên nhãn.”

III. NHÃN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU KHI THÔNG QUAN

Cơ quan Chính phủ liên quan: [Tổng Cục Hải quan \(TCHQ\)](#)

Mô tả vấn đề

Khoản 2 Điều 21 Dự thảo Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan quy định: “Nhập khẩu hàng hóa có nhãn gốc thể hiện thiếu nội dung bắt buộc theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa thì bị xử phạt”. Điểm d.2.6, Khoản 1, Phần III của Công văn 5189/TCHQ-GSQL của Tổng Cục Hải quan (vừa bị bãi bỏ) cũng quy định tương tự: “Trường hợp trên nhãn hàng hóa nhập khẩu không ghi đầy đủ các thông tin bắt buộc theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 10 của Nghị định 43/2017/NĐ-CP thì thực hiện xử phạt theo quy định”.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Quy định này là mâu thuẫn với Khoản 4 Điều 9 Nghị định 43/2017/NĐ-CP quy định rằng “Hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam mà trên nhãn chưa thể hiện hoặc thể hiện chưa đủ những nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt thì phải có nhãn phụ thể hiện những nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt và giữ nguyên nhãn gốc của hàng hóa. Nội dung ghi bằng tiếng Việt phải tương ứng với nội dung ghi trên nhãn gốc”.

Hiện tại có rất nhiều các sản phẩm nhập khẩu vào Việt nam với nhãn gốc, và Tổng Cục Hải quan cho phép nhà nhập khẩu thông quan hàng hóa tại cảng miễn là nhà nhập khẩu phải dán nhãn phụ đầy đủ trước khi lưu thông sản phẩm ra thị trường. Điều này là hoàn toàn phù hợp với Nghị định 43/2017/NĐ-CP. Với Dự thảo Quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực Hải quan, các nhà nhập khẩu sẽ bị phạt dù họ có dán nhãn phụ hay không. Việc này tạo ra một rào cản thương mại bất hợp lý, trái với luật Việt Nam hiện hành, và ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiều lĩnh vực kinh doanh. Mặc dù Tổng Cục Hải quan đã có Công văn 1512/TCHQ-PC ngày 11 tháng 3 năm 2020 bãi bỏ Điểm d.2.6, Khoản 1, Phần III của Công văn 5189/TCHQ-GSQL, nhưng Dự thảo Quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực Hải quan vẫn chưa bỏ quy định này.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị Tổng Cục Hải quan bãi bỏ khoản 2 Điều 21 trong Dự thảo Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng thuộc EuroCham



CHƯƠNG 20 DU LỊCH VÀ NHÀ HÀNG – KHÁCH SẠN

TỔNG QUAN

Việt Nam đã đón hơn 18 triệu khách nước ngoài trong năm 2019, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm 2018.¹ Việt Nam hiện đang xếp thứ 63 về Chỉ số Năng lực Cạnh tranh Ngành Du lịch và Lữ hành Toàn cầu năm 2019 theo công bố của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, cao hơn 4 bậc so với năm 2017.² Ngành Du lịch tiếp tục đóng góp đáng kể vào GDP của Việt Nam và tạo việc làm cho người dân. Trong năm 2019, ngành đóng góp trực tiếp 9,2% vào GDP³ và tạo ra 4.029.400 việc làm trực tiếp và gián tiếp (chiếm 7,4% tổng số việc làm). Đến năm 2030, ngành Du lịch và Lữ hành được dự báo sẽ hỗ trợ 8.500.000 việc làm. Điều này sẽ tạo ra nhiều cơ hội phát triển hơn cho ngành. Việt Nam còn có thể làm nhiều hơn nữa để cải thiện năng lực cạnh tranh trong khu vực Đông Nam Á.

Tuy nhiên, nhiều thách thức vẫn còn tồn tại. Chúng tôi tin rằng việc giải quyết những vấn đề dưới đây sẽ giúp ngành du lịch và lữ hành phát huy tối đa tiềm năng vốn có và giúp Việt Nam đạt được mục tiêu kế hoạch phát triển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Chúng tôi cho rằng việc phục hồi kinh tế sau đại dịch COVID-19 cần theo sát các khuyến nghị được nêu trong chương này. Việc triển khai các khuyến nghị này có mục đích hỗ trợ phục hồi kinh tế về mặt dài hạn thay vì mang tính tạm thời và có hiệu quả trong ngắn hạn.

Trước khi trình bày những vấn đề này, chúng tôi xin được nhấn mạnh về thành công của chương trình miễn thị thực 15 ngày cho công dân 7 quốc gia thành viên Liên minh châu Âu (EU), bao gồm Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Ý, Thụy Điển, Đan Mạch và Phần Lan. Chúng tôi tin rằng sự tăng trưởng gần đây chính là kết quả từ những giải pháp của ngành du lịch liên quan đến chính sách thị thực trong thời gian qua. Chúng tôi vui mừng ghi nhận số lượng du khách đến từ 7 quốc gia thành viên Liên minh châu Âu được Việt Nam áp dụng chính sách miễn thị thực tiếp tục tăng cao trong năm 2019. Điều này cũng giúp tăng số lượng du khách đường dài có mức chi tiêu cao. Đây là ví dụ điển hình thể hiện rằng chính sách phù hợp của Chính phủ có tác động tích cực như thế nào đối với ngành du lịch nói riêng và cả đất nước nói chung. Chúng tôi ghi nhận những thành tựu trong triển khai Nghị quyết 08⁴ đưa ra các mục tiêu phát triển du lịch đến năm 2020. Chúng tôi cũng hoan nghênh Luật Du lịch⁵ đặt ra một lộ trình chính sách rõ ràng hơn để tạo điều kiện thuận lợi phát triển du lịch tại Việt Nam với mục tiêu cải thiện chất lượng và năng lực cạnh tranh của ngành.

Tuy nhiên, như đã nêu trên, chúng tôi cho rằng vẫn cần tiếp tục cải thiện một số vấn đề còn tồn tại. Chúng tôi muốn đề xuất với Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan về các chính sách thị thực nhập cảnh, tiếp thị điểm đến và dạy nghề trong ngành du lịch. Cuối cùng, chúng tôi muốn trình bày về sự cần thiết thúc đẩy hoạt động du lịch có trách nhiệm và bền vững tại Việt Nam.

I. CHÍNH SÁCH THỊ THỰC NHẬP CẢNH

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Ngoại giao (BNG), Bộ Công an (BCA), Cục Quản lý Xuất Nhập cảnh (Cục QLXNC), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH-TT&DL)

Mô tả vấn đề

Chính sách thị thực nhập cảnh là một trong những chính sách của Chính phủ có tác động lớn nhất đến lưu lượng du khách quốc tế. Theo báo cáo của Tổ chức Du lịch Thế giới thuộc Liên Hợp Quốc (UNWTO) và Hội đồng Du lịch

1 “Du khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng 12 và 12 tháng năm 2019”, *Du lịch Việt Nam*. Xem tại: <<http://vietnamtourism.gov.vn/english/index.php/statistic/international?txtkey=&year=2019&period=t12>> truy cập lần cuối ngày 15 tháng 1 năm 2020.

2 “Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Ngành Du lịch và Lữ hành”, *Diễn đàn Kinh tế Thế giới*. Xem tại: <<http://reports.weforum.org/travel-and-tourism-competitiveness-report-2019/country-profiles/#economy=VNM>> truy cập lần cuối ngày 15 tháng 1 năm 2020.

3 “Báo cáo thường niên về Việt Nam 2019: Các điểm chính”, *Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới*. Xem tại: <<https://www.wttc.org/economic-impact/country-analysis/country-data>> truy cập lần cuối ngày 15 tháng 1 năm 2020.

4 Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 16 tháng 1 năm 2017 về phát triển ngành du lịch Việt Nam đến năm 2020.

5 Luật 09/2017/QH14 ban hành bởi Quốc hội ngày 19 tháng 6 năm 2017 về du lịch.

và Lữ hành Thế giới (WTTC), lượng du khách quốc tế tăng từ 5% đến 25% là do tác động trực tiếp của chính sách thị thực thuận lợi hơn.⁶ Du khách quốc tế cho rằng thủ tục cấp thị thực là một rào cản tăng thêm về mặt chi phí và thời gian. Nếu chi phí tham quan một địa điểm vượt quá ngân sách của du khách hoặc thời gian xin thị thực kéo dài một cách không hợp lý, du khách sẽ lựa chọn các địa điểm thay thế thuận tiện hơn nơi không yêu cầu xin thị thực. Để tăng sức cạnh tranh, thu hút vốn đầu tư trực tiếp và thu hút lượng du khách quốc tế nhằm tăng thu ngoại tệ và tạo việc làm, nhiều quốc gia đã và đang nghiên cứu phương án mở rộng phạm vi miễn thị thực. Chúng tôi hoan nghênh Luật 51/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội ban hành ngày 25 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2020. Luật này đã giải quyết vấn đề du khách quay lại Việt Nam trong vòng 30 ngày, từ đó tạo điều kiện hơn cho việc lên kế hoạch các tour du lịch đa quốc gia.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Chỉ số yêu cầu về thị thực của Việt Nam đã có bước gia tăng cao nhất thế giới, từ vị trí số 116 trong 136 quốc gia năm 2017 lên vị trí số 53 trong 140 quốc gia vào năm 2019, theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới Việt Nam.⁷ Chúng tôi xin được chúc mừng thành tựu này, nhưng chúng tôi tin rằng ngành du lịch và lữ hành Việt Nam cần nhiều hơn nữa để cạnh tranh với các quốc gia trong khu vực ASEAN, đặc biệt là Thái Lan, Singapore và Indonesia.

Chúng tôi hoan nghênh quy định bổ sung 4 quốc gia châu Âu, cùng với Vương quốc Anh, Belarus và Chile, vào danh sách các quốc gia có công dân được miễn thị thực, tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề trong lĩnh vực này cần được sửa đổi. Đáng lưu ý, nhiều quốc gia thành viên Liên minh châu Âu đem đến lượng du khách lớn, như Hà Lan, Áo và Bỉ, vẫn không nằm trong danh sách miễn thị thực. Bên cạnh đó, chính sách thị thực nghiêm ngặt yêu cầu công dân của hầu hết các quốc gia phải có thị thực trước khi khởi hành hoặc thị thực được cấp tại cửa khẩu, cùng với chi phí tương đối cao chính là rào cản đối với du khách nước ngoài có chi tiêu cao du lịch tự túc (FIT) đến Việt Nam,⁸ đặc biệt là du khách từ các nước châu Âu không được miễn thị thực. Việc tạo điều kiện để du khách châu Âu nhập cảnh dễ dàng hơn mang lại những lợi ích rõ ràng đối với Việt Nam. Trong năm 2019, lượng du khách đến Việt Nam từ 4 quốc gia thành viên Liên minh châu Âu được miễn thị thực đã tăng mạnh. Lượng du khách từ Tây Ban Nha tăng 8.5%, từ Ý tăng 8%, từ Đức tăng 6%, và từ Pháp tăng 2.9%.⁹

Một yếu tố quan trọng khác để Việt Nam cân nhắc là đa dạng hóa thị trường du khách, giảm bớt sự phụ thuộc vào một số ít thị trường như Hàn Quốc và Trung Quốc. Việc phụ thuộc vào ít thị trường như vậy khiến Việt Nam nhạy cảm hơn với thay đổi, việc đa dạng hóa các thị trường có thể giải quyết vấn đề này.

Việt Nam hiện tại đang miễn thị thực nhập cảnh cho 24 quốc gia, thấp hơn nhiều so với các quốc gia thành viên khác trong ASEAN. Thêm vào đó, Việt Nam chủ yếu miễn thị thực trong 15 ngày, ngắn hơn rất nhiều so với thời gian miễn thị thực của bất cứ quốc gia thành viên nào trong ASEAN cấp cho du khách, thường là 30 ngày. Điều này không chỉ gây hạn chế về thời gian du lịch mà còn gây khó khăn cho các công ty tổ chức tour du lịch trong quá trình lập kế hoạch du lịch cho du khách. Điều này đặc biệt đúng với du khách châu Âu. Các chuyến bay thẳng đường dài từ châu Âu đến Việt Nam kéo dài trung bình 12 tiếng và phải bay qua đêm. Như vậy trên thực tế, thời gian miễn thị thực tại Việt Nam đã bị giảm xuống chỉ còn 13 ngày. Trong khi đó, du khách châu Âu có xu hướng lưu trú trong thời gian dài và chi tiêu nhiều trong quá trình lưu trú tại Việt Nam.¹⁰ Cụ thể, thời gian lưu trú trung bình tại Việt Nam của du khách châu Âu là từ 14 đến 16 ngày. Trong khi đó, du khách từ Trung Quốc, Đài Loan và Hàn Quốc chỉ lưu trú trung bình từ 2 đến 3 ngày với mức chi tiêu thấp hơn, đặc biệt với trường hợp nhiều du khách Trung Quốc lựa chọn “tour 0 đồng”. Có thể thấy rằng mặc dù lượng du khách châu Âu không chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng lượng du khách nước ngoài đến Việt Nam, nhưng các đóng góp của du khách châu Âu đối với nền kinh tế Việt Nam cần được coi là có tầm quan trọng tương đương.

Khuyến nghị

Chúng tôi tin rằng cần mở rộng danh sách các nước được miễn thị thực để ngành du lịch có thể phát huy đầy đủ vai trò quan trọng của mình, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Việt Nam. Thêm vào đó, chúng tôi cho rằng việc Việt Nam đã ký kết các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) với các quốc gia khác nhưng vẫn yêu cầu du khách

6 “Tác động của Hỗ trợ Thị thực đối với Việc làm trong các Nền kinh tế G20”, *Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới*, tháng 6 năm 2012. Xem tại: <https://www.wttc.org/-/media/files/reports/policy-research/visa_facilitation-g20.pdf> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

7 Như trên, Diễn đàn Kinh tế Thế giới.

8 “Giảm phí làm thị thực để thu hút du khách”, *Nikkei Asian Review*, ngày 15 tháng 10 năm 2015. Xem tại: <<https://asia.nikkei.com/Economy/Visa-fees-cut-to-boost-flagging-arrivals>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

9 Như trên, Du lịch Việt Nam.

10 Theo báo cáo của Hội đồng Tư vấn Du lịch trong đối thoại với Thủ tướng Chính phủ vào ngày 31 tháng 7 năm 2017.

đến từ các quốc gia này phải có thị thực là có phần thiếu nhất quán. Cụ thể, khi Hiệp định Thương mại Tự do giữa EU và Việt Nam (EVFTA) đã được Nghị viện châu Âu phê chuẩn vào tháng 2 năm 2020 vừa qua, chúng tôi hy vọng Chính phủ sẽ mở rộng phạm vi miễn thị thực nhập cảnh từ 7 quốc gia châu Âu thành tất cả các quốc gia thành viên Liên minh châu Âu để nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch Việt Nam. Chúng tôi khuyến nghị:

- Mở rộng danh mục các quốc gia được miễn thị thực, bao gồm tất cả các quốc gia mà Việt Nam đã ký kết FTA và đưa vào triển khai với lộ trình phù hợp, trong đó có tất cả các quốc gia thành viên Liên minh châu Âu, các đối tác thương mại hoặc đầu tư quan trọng và các thị trường mục tiêu của du lịch trong nước;
- Kéo dài thời hạn chương trình miễn thị thực được công bố gần đây với thời hạn chương trình miễn thị thực mới trong 5 năm;
- Kéo dài thời hạn miễn thị thực từ 15 ngày lên 30 ngày. Điều này sẽ nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch khi cho phép du khách có thời gian lưu trú đủ dài để khám phá văn hóa và thắng cảnh của Việt Nam, từ đó tăng mức chi tiêu trên mỗi du khách;
- Cải thiện giao diện, tốc độ và thủ tục truy cập trang web cấp thị thực điện tử hiện nay. Ví dụ, chúng tôi đề xuất không yêu cầu người nước ngoài tải lên hình ảnh trang thông tin hộ chiếu và ảnh cá nhân của họ, thay vào đó, chỉ cần yêu cầu du khách nhập các dữ liệu cần thiết. Chúng tôi cũng khuyến nghị tên trang web hiện nay cần được đơn giản hóa để tránh gây nhầm lẫn cho du khách và giúp du khách dễ nhận biết cổng thông tin điện tử chính thức;
- Mở rộng danh sách các quốc gia có công dân được phép xin cấp thị thực điện tử để giúp du khách có thị thực và tiết kiệm thời gian cũng như giảm thiểu hồ sơ hành chính cho cả Chính phủ và du khách;
- Cho phép cấp thị thực quá cảnh tại cửa khẩu với thời hạn lên đến 72 giờ đối với hành khách nối chuyến bay. Hãng hàng không quốc gia Việt Nam hiện đang nâng cấp tàu bay trên các đường bay châu Âu. Đây là cơ hội để thu hút lượng khách nối chuyến dừng chân ở Việt Nam khi quá cảnh từ các quốc gia châu Á khác; và
- Miễn thị thực ngắn hạn cho người đi công tác, nhóm du khách và đoàn có đăng ký trước vào Việt Nam để tham dự hội nghị, hội thảo, cuộc họp và triển lãm cụ thể (du lịch kết hợp hội thảo - MICE) trong thời gian diễn ra sự kiện. MICE là hình thức du lịch có lợi nhuận cao, phần khúc đang phát triển mạnh mẽ của ngành sự kiện toàn cầu, và cũng tác động theo mô hình số nhân lên ngành du lịch và lữ hành. Chính sách thuận lợi cho thị thực ngắn hạn đi kèm hỗ trợ nhập cảnh nhanh cho du khách MICE sẽ giúp tăng khả năng cạnh tranh và thu hút của Việt Nam đối với các tổ chức quốc tế thường xuyên tổ chức sự kiện.

II. TIẾP THỊ ĐIỂM ĐẾN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH-TT-DL), Tổng cục Du lịch (TCDL)

Mô tả vấn đề

1. Hợp tác công - tư và năng lực cạnh tranh địa phương

Du lịch là lĩnh vực kinh doanh phức tạp và phân mảnh. Việc mang lại giá trị hoàn hảo cho du khách từ thời điểm họ đến cho tới khi họ rời đi phụ thuộc vào sự hợp tác thống nhất và chia sẻ tài nguyên (nếu có thể) của nhiều tổ chức khác nhau. Đây thực sự là một thách thức lớn, nhất là ở những nơi hiện đang thiếu sự hợp tác và thông tin liên lạc giữa khu vực tư nhân và khu vực công cũng như giữa các doanh nghiệp tư nhân cạnh tranh với nhau.

Hầu hết các vấn đề quản lý điểm đến xuất hiện trong vùng cần phải được giải quyết ở cấp địa phương. Đây chính là cấp mà cơ cấu tổ chức hiện tại của Chính phủ cần được củng cố. Do đó, nhiệm vụ quan trọng hiện nay là thiết lập cơ cấu quản lý du lịch hiệu quả ở địa phương, đặc biệt là kịp thời lập ngân sách và làm rõ mức độ ủy quyền. Điểm đến ở địa phương chính là nơi cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho hoạt động du lịch và là nơi thể hiện rõ nhất những tác động tích cực cũng như tiêu cực đến kinh tế xã hội và môi trường mà hoạt động du lịch mang lại. Do đó, cần có chính sách quy hoạch và quản lý chặt chẽ bởi các cơ quan địa phương. Chính quyền địa phương được giao nhiệm vụ về du lịch cũng cần được cấp ngân sách để kịp thời thực hiện quyền quản lý của mình, xây dựng kế hoạch hành động và đảm bảo dự án được hoàn thành. Về tiếp thị điểm đến, các dự án đối tác công - tư (PPP) trong ngành du lịch đã được thực hiện trên khắp thế giới và đã được chứng minh là đem đến lợi ích chung

cho cả hai bên.¹¹

2. Tiếp thị trực tuyến là kênh quan trọng để quảng bá du lịch

Tiếp thị số và tiếp thị xã hội là cách quảng bá du lịch tiết kiệm chi phí hơn nhiều so với tiếp thị truyền thống và giúp hỗ trợ quảng bá các nội dung hướng đến du lịch. Ngày càng nhiều người trên thế giới tham gia vào các hoạt động trực tuyến để lên kế hoạch và lựa chọn điểm đến cho kỳ nghỉ.¹² Trên thực tế, điện thoại thông minh hiện là một phần không thể thiếu trong hoạt động du lịch và lữ hành.¹³ Đánh giá trực tuyến và quảng cáo trên Internet cũng là các nhân tố chính ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch. Tại Việt Nam, công nghệ thông tin và truyền thông đã phát triển mạnh về mặt năng lực và lượng người sử dụng.¹⁴ Những sự phát triển này cho thấy thị trường trực tuyến của Việt Nam đang tăng trưởng và sẵn sàng cho du lịch điện tử.

Chúng tôi đánh giá cao những nỗ lực gần đây của Tổng cục Du lịch Việt Nam trong việc tăng cường quảng bá du lịch trên mạng thông qua trang web (www.vietnam.travel) với sự tham gia của Hội đồng Tư vấn Du lịch, một sáng kiến về hợp tác công-tư.

3. Khai thác tiềm năng từ các thị trường khách du lịch mới

Mặc dù, hiện tại Việt Nam đang thành công trong việc thu hút du khách từ Trung Quốc và Hàn Quốc, lượng khách từ hai quốc gia này chiếm khoảng 2/3 tổng lượng du khách nước ngoài đến Việt Nam, đây cũng có thể là con dao hai lưỡi vì ngành du lịch có nguy cơ quá phụ thuộc vào du khách từ các quốc gia này. Vì lý do đó, chúng tôi tin rằng việc tập trung đầu tư vào quảng bá Việt Nam tại các thị trường quan trọng khác như châu Âu, Úc, Nhật Bản hoặc Bắc Mỹ có thể giúp giảm áp lực phụ thuộc vào các thị trường khách du lịch cũ và mở rộng thị trường khách du lịch mới.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Năm 2018, Việt Nam thành lập Quỹ Phát triển Du lịch Việt Nam (Quỹ PTDLVN) với vốn điều lệ 300 tỷ Đồng.¹⁵

So sánh với cộng đồng quốc tế, Tổng cục Du lịch Thái Lan nhận khoản ngân sách năm là 80 triệu Đô-la Mỹ trong năm 2015. Bộ Du lịch và Văn hóa của Malaysia được cấp khoản ngân sách là 81,6 triệu Đô-la Mỹ trong năm 2015 trong khi Tổng cục Du lịch Philippines được cấp 54,2 triệu Đô-la Mỹ trong năm 2015. Đáng kể hơn, Hồng Kông đã phân bổ khoản ngân sách là 240 triệu Đô-la Mỹ trong năm 2016 và 2017 cho các hoạt động quảng bá, MICE và các hoạt động khác nhằm phát triển ngành du lịch của đất nước.

Ngành du lịch và lữ hành có vai trò vô cùng quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam và đóng góp tới 9,2% tổng GDP trong năm 2019.¹⁶ Thêm vào đó, để đạt được mục tiêu tham vọng là phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Chính phủ cần ghi nhận sự đóng góp của ngành du lịch và lữ hành cho phúc lợi ích kinh tế xã hội của Nhà nước, từ đó đưa ra những hỗ trợ phù hợp thông qua một kế hoạch chiến lược hiệu quả cho hoạt động quảng bá du lịch trên phạm vi quốc tế.

Khuyến nghị

- Thành lập Hội đồng Du lịch Việt Nam – là cơ quan đại diện chính thức của Việt Nam cho thị trường du lịch nước ngoài để chủ động làm việc với các công ty du lịch, lữ hành, các hãng hàng không và cơ quan thông tấn báo chí tại các thị trường đó, là đầu mối liên lạc cho các công ty du lịch, lữ hành khi cần nhắc Việt Nam là điểm đến cho khách hàng. Một số ví dụ tiêu biểu trong khu vực ASEAN là Hội đồng Du lịch Singapore www.stb.gov.sg và Hội đồng Du lịch Thái Lan (www.thourismthailand.org);
- Phân bổ mức ngân sách Nhà nước hợp lý hơn cho quỹ quảng bá du lịch quốc gia để hỗ trợ các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch;

11 Ví dụ, Tổng cục Du lịch Singapore đã hợp tác với Lyft và Pandora để nâng cao độ phổ biến của du lịch Singapore tại Hoa Kỳ trong khi Tổng cục Du lịch Úc làm việc với các nhãn hiệu không hoạt động trong lĩnh vực du lịch như Sony, Samsung và Quicksilver và các đối tác ngân hàng trong các hoạt động cụ thể của chiến dịch tiếp thị và Tổng cục Du lịch Hà Lan đã hợp tác với Expedia để quảng bá du lịch. Thêm vào đó, các hãng hàng không cũng là những đối tác chiến lược quan trọng có thể hỗ trợ kế hoạch tiếp thị điểm đến của Việt Nam.

12 Một khảo sát của Google Travel cho thấy 74% du khách lên kế hoạch cho chuyến đi theo thông tin trên mạng, trong khi chỉ 13% du khách sử dụng dịch vụ của công ty lữ hành. "Du lịch và Công nghệ: Công nghệ đang thay đổi Du lịch như thế nào", *We Are Marketing*, ngày 31 tháng 1 năm 2019. Xem tại: <<https://medium.com/@wearmarketing/tourism-and-technology-how-tech-is-revolutionizing-travel-201efefa57c6>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

13 Như trên.

14 "95% dân số Việt Nam được phủ sóng 4G LTE", *Đài tiếng nói Việt Nam*, ngày 6 tháng 4 năm 2018. Xem tại: <<https://vov.vn/cong-nghe/95-dan-so-viet-nam-duoc-phu-song-4g-lte-747874.vov>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

15 Quyết định 49/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ thành lập, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch.

16 Như trên.

- Tạo điều kiện thúc đẩy mô hình Hợp tác Công - Tư để quản lý và sử dụng hiệu quả quỹ quảng bá du lịch với mục tiêu quảng bá Việt Nam là điểm đến hàng đầu tại khu vực ASEAN;
- Tập trung quảng bá tại các thị trường mục tiêu có lượng du khách cao và ổn định, có xu hướng lưu trú trong thời gian dài, đi du lịch thường xuyên và chi tiêu nhiều hơn khi du lịch tại Việt Nam;
- Tăng cường quảng bá Việt Nam song vẫn tiết kiệm chi phí thông qua các kênh tiếp thị số, các ứng dụng thân thiện với người dùng trên điện thoại thông minh, và tiếp thị xã hội hiệu quả nhằm xây dựng một hình ảnh Việt Nam chuyên nghiệp, đồng thời cung cấp thông tin toàn diện và hữu ích cho du khách;
- Đầu tư kinh phí không chỉ cho các hoạt động quảng bá mà cả các sáng kiến hỗ trợ các mục tiêu dài hạn của ngành du lịch và lữ hành, bao gồm công tác bảo tồn văn hóa và môi trường, phát triển sản phẩm và cải thiện cơ sở hạ tầng;
- Thiết lập cơ chế thông tin hiệu quả hơn giữa các doanh nghiệp, hiệp hội liên quan đến du lịch và khu vực công, thường xuyên hợp tác với các nhóm, hiệp hội trong ngành và điều phối cơ cấu tổ chức; và
- Thiết lập cơ cấu điều phối toàn vùng nhằm chú trọng và tối đa hóa hoạt động giữa các tỉnh có quan hệ hợp tác và thúc đẩy hoạt động hợp tác.

III. PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH&TT&DL)

Mô tả vấn đề

Di sản văn hoá và thiên nhiên độc đáo là lợi thế rất lớn của du lịch Việt Nam. Các hãng du lịch ghi nhận mức doanh thu tăng đáng kể từ mảng kinh doanh dịch vụ du lịch bền vững như du lịch địa phương và du lịch cộng đồng, các cơ sở lưu trú “xanh” có giấy chứng nhận, các nhà hàng và thực phẩm hữu cơ tại địa phương, du lịch khám phá thiên nhiên và trải nghiệm hoạt động tình nguyện có trách nhiệm.¹⁷

Việt Nam có đặc điểm tự nhiên rất phù hợp với các phân khúc thị trường nói trên. Chăm sóc sức khỏe, văn hóa và môi trường là các phân khúc khổng lồ trong ngành du lịch bao gồm tất cả các dịch vụ như đi bộ, spa, lặn, nghỉ dưỡng ven biển, chạy marathon và tham quan danh lam thắng cảnh như Vịnh Hạ Long, Phong Nha-Kẻ Bàng. Các phân khúc này cũng bao gồm các hoạt động văn hóa như lễ hội nhiếp ảnh, lễ hội ẩm thực, liên hoan phim, ngày hội văn học. Việt Nam có rất nhiều điểm đến phù hợp với các hoạt động này như vùng núi phía bắc, Vịnh Hạ Long, Phong Nha Kẻ Bàng, đường bờ biển tuyệt đẹp, dãy Trường Sơn hùng vĩ, Đồng bằng Sông Cửu Long và Tây Nguyên. Ngành du lịch Việt Nam khai thác nguồn tài nguyên này ở nhiều mức độ khác nhau.

Vẻ đẹp tự nhiên, các di sản và một nền văn hóa sống động là tài sản quốc gia. Cùng với hoạt động đầu tư phát triển hạ tầng liên tục gần đây, Việt Nam hoàn toàn có khả năng đáp ứng nhu cầu du lịch đang ngày càng gia tăng. Khi đã qua giai đoạn mang yếu tố “ngoại lai” và hòa nhập vào thị trường du lịch thế giới, Việt Nam cần tập trung vào mục tiêu trở thành điểm đến có các di sản văn hóa và thiên nhiên đa dạng được bảo tồn đặc biệt và phát triển bền vững. Tuy nhiên, tốc độ phát triển của ngành du lịch văn hóa và du lịch bền vững của Việt Nam chậm hơn bước phát triển của cơ sở hạ tầng du lịch và sự phát triển trên toàn quốc. Hầu như ở tất cả mọi nơi đều có quan ngại rằng các di sản thiên nhiên hiện phải đối mặt với nguy cơ suy thoái môi trường ở mức độ nhẹ hoặc nghiêm trọng cũng như những mối đe dọa từ sự phát triển quá mức. Những khó khăn trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và điểm đến, thiếu các sản phẩm du lịch và dịch vụ hấp dẫn, đặc biệt là các sản phẩm du lịch và dịch vụ bền vững có thể làm tổn hại lợi thế cạnh tranh của Việt Nam và làm chậm tăng trưởng du lịch trong những năm tới.

1. Di sản văn hóa và kiến trúc

Các di sản của Việt Nam đang phải đối mặt với một số nguy cơ. Nhiều di sản hiện đang có nguy cơ bị tàn phá hoặc bị cải tạo không phù hợp. Sự xuống cấp của các di sản đặt ra thách thức đối với thị trường du lịch nhiều lợi nhuận

17 “Tình hình Hoạt động Du lịch có Trách nhiệm: Xu hướng và Thống kê”, CREST, 2016, trang 2. Xem tại: <http://www.responsibletravel.org/whatWeDo/The_Case_for_Responsible_Travel_2016_Final.pdf> truy cập lần cuối ngày 15 tháng 2 năm 2019.

hiện tại và sự phát triển trong tương lai của phân khúc du lịch trung bình và cao cấp. Ngoài một số bảo tàng tại các điểm đến du lịch lớn như Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội, vẫn còn bảo tàng của Việt Nam cần cải thiện để đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và khu vực. Rất nhiều trong số các vấn đề mà bảo tàng đang gặp phải liên quan đến nghệ thuật chuyển tải cốt truyện đằng sau những hiện vật chứ không hẳn là những yếu tố tốn kém như cơ sở hạ tầng và hiện vật trưng bày. Viện bảo tàng thường là một không gian di sản có giá trị nhưng chưa được khai thác hiệu quả. Chúng tôi trân trọng nỗ lực của các cơ quan hữu quan trong việc cải thiện vấn đề này thông qua các chủ trương, chính sách và hoạt động tại Hội đồng Bảo tàng Quốc tế.

2. Sự quá tải

Có một số lo ngại rằng Việt Nam đang khai thác quá tải tài nguyên du lịch trên khắp đất nước, khiến nguồn tài nguyên này bị suy giảm giá trị. Tuy nhiên, việc phát triển cơ sở hạ tầng du lịch cũng rất cần thiết. Do đó, Việt Nam cần thực hiện hài hòa giữa việc phát triển và bảo vệ môi trường vốn dễ bị tác động, đồng thời củng cố tiềm lực kinh tế do môi trường mang lại. Môi trường tự nhiên có nguy cơ bị xuống cấp nghiêm trọng và cơ hội kinh tế do môi trường thiên nhiên mang lại đang dần mất đi.

Lộ trình phát triển khu vực ven biển hiện nay của Việt Nam dẫn đến nguy cơ quá nhiều đất ven biển quý giá được sử dụng cho các hoạt động phát triển dồn dập. Sự phát triển này đối mặt với thách thức bền vững, tiềm ẩn nguy cơ biến Việt Nam trở thành điểm đến du lịch đại trà, khiến chúng ta mất đi nhiều cơ hội khai thác các thị trường quan trọng và mang lại nhiều lợi nhuận khác. Phân khúc du lịch tàu biển đang tăng trưởng ở mức hai con số trên phạm vi toàn cầu và mang đến cho các điểm đến ven biển của Việt Nam cơ hội chào đón nhiều du khách quốc tế có mức chi tiêu cao, đặc biệt là du khách không phải người châu Á. Để có thể tận dụng các cơ hội này chúng ta cần đồng thời phát triển đầy đủ các quy định vận hành, các bến tàu, nguồn nhân lực và các phương tiện liên quan đến tàu biển để tránh ô nhiễm không khí và “quá tải du lịch” tại các cảng dừng chân và các địa điểm nổi tiếng như Thành phố Hồ Chí Minh, Vịnh Hạ Long, Đà Nẵng và Hội An.

Sự phát triển du lịch đồng bộ, hơn dựa trên tính bền vững, phân khúc chặt chẽ, tập trung vào thể mạnh của từng điểm đến và đa dạng hóa các hoạt động và dịch vụ du lịch đóng vai trò quyết định trong giai đoạn tăng trưởng tiếp theo của ngành du lịch.

3. Du lịch xanh: Sáng kiến du lịch có trách nhiệm và hấp dẫn

Hệ thống khách sạn là lựa chọn hàng đầu tại các điểm đến du lịch, tuy nhiên, các khu nghỉ dưỡng quy mô nhỏ có tác động thấp và hài hòa với môi trường địa phương đáng tiếc lại khá hiếm hoi ở Việt Nam. Việc phát triển quá nhiều và khai thác đất quá mức để xây dựng khách sạn, đặc biệt là các khu nghỉ dưỡng dọc bờ biển, đang tác động đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên hữu hạn. Để giảm tác động nói trên, cần kết hợp các điểm nóng du lịch với việc xây dựng các khu bảo tồn hữu cơ với quy mô thấp hơn. Ngoài ra, đơn vị quản lý khách sạn cần tham gia vào giảm thiểu tác động của du lịch đại trà đối với môi trường, đặc biệt chú ý đến việc sử dụng hóa chất và xử lý chất thải nguy hại, quản lý và tái chế chất thải, khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Một sáng kiến chung để phát triển Việt Nam trở thành điểm đến du lịch không sử dụng nhựa là cần thiết cho tương lai ngành du lịch quốc gia.

4. Ô nhiễm và tàn phá môi trường

Việc lạm dụng và lãng phí vật liệu nhựa là một vấn đề môi trường nghiêm trọng và Việt Nam được nhận định là một trong những nguồn thải nhựa chính trên toàn cầu. Khách du lịch và ngành du lịch là nguồn chất thải nhựa lớn (mặc dù nếu xét về tổng thể tác hại thì chỉ ở quy mô nhỏ). Chúng tôi ghi nhận Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong năm 2019 đã có biện pháp bảo vệ môi trường và hạn chế sử dụng túi, ống hút và cốc nhựa.¹⁸ Tuy nhiên, Việt Nam cần có nhiều nỗ lực hơn để giải quyết hiệu quả vấn đề này.

Một vấn đề khác là chất lượng nước. Do thiếu giải pháp xử lý nước, quản lý chất thải và tái chế thích hợp, các sông, hồ và bãi biển Việt Nam đều đang bị ô nhiễm. Ngoài những tác động môi trường, việc xả hóa chất độc hại ra biển có ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh Việt Nam với vị thế là một điểm đến du lịch. Bên cạnh đó, những quan ngại về vấn đề môi trường tự nhiên ở Vịnh Hạ Long ngày càng trở nên cấp bách, vì vậy cần được bảo tồn để giữ sức hút với du khách quốc tế.¹⁹

¹⁸ “Ngành du lịch hướng tới giảm thiểu sử dụng nhựa”, *Vietnamplus*, ngày 19 tháng 8 năm 2019. Xem tại: <<https://en.vietnamplus.vn/tourism-sector-strives-to-reduce-plastic-use/158054.vnp>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

¹⁹ “Nguồn nước tại Hạ Long bị đe dọa”, *Vietnamnet*, ngày 23 tháng 3 năm 2019. Xem tại: <<https://english.vietnamnet.vn/fms/environment/197694/ha-long-bay-s-water-under-threats.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

5. Phân bổ lợi nhuận du lịch chưa công bằng cho các cộng đồng địa phương

Hoạt động du lịch có thể mang lại tác động tích cực đối với cộng đồng địa phương. Thế nhưng hiện tại cơ hội đào tạo nghề và tạo việc làm cho cộng đồng địa phương và các doanh nghiệp vẫn còn hạn chế. Các di sản xã hội Việt Nam đương đại cần được gìn giữ và phát huy nhằm tạo ra thu nhập cho các cộng đồng địa phương. Nên trao quyền cho doanh nghiệp điều hành du lịch và khuyến khích họ tích cực tham gia phát triển địa phương. Các cơ sở đào tạo, nhất là đào tạo nghề cần được hỗ trợ và trợ cấp nhằm tạo điều kiện cho người dân địa phương tiếp cận cơ hội việc làm trong ngành du lịch.

Du lịch có thể hỗ trợ và mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, điều này phải được thực hiện một cách có ý nghĩa, không nên xem trẻ em, trẻ mồ côi và những đối tượng dễ bị tổn thương nhất trong xã hội là yếu tố thu hút khách du lịch. Xã hội Việt Nam cần nguồn tài chính cũng như sự hỗ trợ nhưng không phải bằng sự mất mát của chính đối tượng xứng đáng được hưởng lợi. Tiếng nói của doanh nghiệp xã hội, các hiệp hội địa phương, các tổ chức phi lợi nhuận đang được lắng nghe và ghi nhận. Để bảo vệ những đối tượng chịu thiệt thòi nhất, cần nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp điều hành du lịch và du khách để từ đó họ có thể ủng hộ các sáng kiến, đồng thời thể hiện sự minh bạch và trách nhiệm trong các hoạt động của mình.

Để đáp ứng nhu cầu của khách du lịch hiện đại có ý thức cao về môi trường và xã hội đồng thời để bảo tồn nguồn tài nguyên quốc gia cho các thế hệ tương lai, các nguyên tắc của khái niệm “du lịch có trách nhiệm” cần phải được kết hợp chặt chẽ và duy trì trong tất cả các giai đoạn và cấp độ phát triển sản phẩm du lịch. Các nguyên tắc này cần được xem như nguyên tắc chỉ đạo của chiến lược phát triển du lịch quốc gia. TCDL cần đóng vai trò tích cực hơn trong việc thúc đẩy các chứng chỉ quốc tế và quốc gia về bảo vệ môi trường, công nhận các biện pháp tốt nhất và xử phạt sai phạm nhằm tăng cường tính minh bạch và nâng cao các tiêu chuẩn môi trường và xã hội của ngành du lịch.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Với chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Việt Nam đã xác định du lịch văn hóa, du lịch di sản là một trong những sản phẩm du lịch chủ đạo. Nếu được quy hoạch kỹ lưỡng và phát triển bền vững, ngành du lịch không những thu hút nhiều du khách đến Việt Nam mà còn mở ra một cơ hội tiếp cận thế giới. Vai trò của doanh nghiệp xã hội ở cấp cơ sở đang ngày một gia tăng và là bước tiến đáng kể trong quá trình phát triển của địa phương. Nhiều du khách cũng mong muốn được góp phần vào quá trình phát triển này. Đây có thể là nguồn lực cho đất nước nhưng cần được huy động một cách thích hợp để tránh tác động tiêu cực đối với cơ cấu phát triển xã hội của Việt Nam. Cần tăng cường hoạt động nâng cao nhận thức cho khách du lịch cũng như giúp họ hiểu rõ những thách thức mà xã hội Việt Nam gặp phải để họ chung tay tìm giải pháp cho những thách thức này. Các hãng du lịch quốc tế và các bên liên quan trong thị trường du lịch cao cấp tại địa phương đều đã và đang hướng đến sự bền vững và áp dụng các nguyên tắc chính của phát triển bền vững trong quá trình vận hành.

Khuyến nghị

- Các đơn vị thực hiện quy hoạch thành phố và cơ quan quản lý du lịch cần hiểu rõ tầm quan trọng của các di sản, đây là tài sản quốc gia có ý nghĩa lớn về kinh tế. Họ cần ghi nhận giá trị cũng như yêu cầu cấp thiết cần gìn giữ, bảo tồn các di sản này. Thêm vào đó, cần đầu tư vào nghệ thuật tiếp thị thông qua hình thức hướng dẫn chuyển tải được cốt truyện đạt đẳng cấp quốc tế tại các bảo tàng, khu di tích lịch sử, di sản văn hoá (Huế, Hội An, Điện Biên Phủ v.v.);
- Giữ gìn bãi biển sạch đẹp, ưu tiên phát triển đa dạng và bền vững;
- Hình thành các chiến dịch hiệu quả để giảm thiểu rác thải nhựa gây ô nhiễm môi trường, nguồn nước và đại dương.
- Đảm bảo tiếp cận mang tính hệ thống theo hướng phát triển bền vững cho lĩnh vực du lịch, khuyến khích chính sách hỗ trợ các bên cam kết và hành động có trách nhiệm;
- Hỗ trợ người dân địa phương thông qua hoạt động đào tạo và trao quyền kinh tế; quảng bá các hoạt động trực tiếp mang lại lợi ích cho người dân địa phương và quảng bá văn hoá bản địa;
- Nâng cao năng lực cho các tổ chức phi lợi nhuận và xây dựng cơ cấu “hoạt động du lịch tình nguyện”;
- Cung cấp thông tin hữu ích cho du khách, bao gồm thông tin về các vấn đề xã hội nhạy cảm, ví dụ như cách ứng xử với trẻ em bán đồ lưu niệm trên đường phố, trẻ ăn xin, nạn bóc lột tình dục, v.v.;

- Tích cực tuyên truyền giảm nhu cầu mua bán động thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng và hạn chế các tương tác không được kiểm soát đối với động vật hoang dã để bảo vệ một số loài quý hiếm tại Việt Nam. Thông tin tuyên truyền tại các công viên quốc gia hoặc khu vực thiên nhiên cần được phát triển để khuyến khích du khách tôn trọng, bảo vệ các danh lam thắng cảnh cần được bảo tồn này;
- Khuyến khích du khách trải nghiệm tương tác với người dân địa phương một cách có ý nghĩa, tạo điều kiện phát triển sáng kiến du lịch cộng đồng (CBT);
- Nâng cao năng lực của các bên liên quan đến du lịch bền vững và hỗ trợ các sáng kiến do địa phương và vì địa phương nhằm triển khai các hoạt động tạo thu nhập như một sản phẩm phụ của hoạt động du lịch; và
- Phân khúc du lịch MICE mang lại lợi nhuận cao, tuy nhiên vẫn chưa đạt đến tầm cỡ khu vực và quốc tế, chỉ một vài điểm đến du lịch lớn của Việt Nam đã phát triển các chiến lược quảng bá cụ thể và phù hợp cho loại hình du lịch này. Cơ sở hạ tầng tổng thể như hệ thống giao thông và hội nghị, trung tâm mua sắm và giải trí đủ khả năng tổ chức các cuộc họp và hội nghị quốc tế quy mô lớn cũng không được chú trọng phát triển. Các nhà hoạch định chiến lược du lịch và đô thị cần hiểu rõ các mối liên kết phức hợp và sự liên kết chặt chẽ giữa chúng với nhau, các yêu cầu cụ thể, cũng như các cơ hội và thách thức của ngành hội nghị và sự kiện toàn cầu đang phát triển mạnh mẽ. Có như vậy, Việt Nam mới có thể thu được các lợi ích về mặt tiếp thị điểm đến, tác động theo mô hình số nhân, tạo việc làm và phát triển cơ sở hạ tầng đô thị. Các sự kiện như APEC 2017; Liên hoan Pháo hoa Quốc tế; Hội nghị quốc tế Mỹ - Triều tháng 1 năm 2019 tại Hà Nội là những bước đầu đáng hoan nghênh để Việt Nam phát triển thành điểm đến du lịch MICE chất lượng cao.

IV. NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH VÀ ĐÀO TẠO NHÂN LỰC TRONG NGÀNH DU LỊCH

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH&TT&DL), Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT)

Mô tả vấn đề

Nghị quyết 08 đề ra mục tiêu ngành du lịch sẽ tạo ra 4 triệu việc làm, trong đó có 1,6 triệu việc làm trực tiếp vào năm 2020. Nghị quyết cũng bao gồm một kế hoạch hành động chi tiết để phát triển nguồn nhân lực du lịch đến năm 2020.²⁰ Các sáng kiến này thể hiện du lịch là một trong những ngành kinh tế chủ đạo đòi hỏi nỗ lực đồng bộ từ Chính phủ và khu vực tư nhân để phát triển. Chúng tôi hoan nghênh Nghị quyết 103/NQ-CP ngày 6 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 16 tháng 1 năm 2017 về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. 5 bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia được ban hành năm 2018 và 2019: dịch vụ nhà hàng, kỹ thuật chế biến món ăn, hướng dẫn du lịch, quản trị lữ hành, quản trị khách sạn là dấu hiệu hướng tới một sự chuyển đổi tích cực.

Cho dù Việt Nam đang hội nhập sâu rộng với Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), nhân lực ngành du lịch và nhà hàng - khách sạn vẫn thiếu các kỹ năng cần thiết ở tất cả các cấp so với các quốc gia khác trong khu vực.²¹ Với tốc độ phát triển hiện nay của ngành du lịch Việt Nam và mức đóng góp của ngành vào nền kinh tế, việc phát triển mạnh lực lượng lao động có trình độ cao trong ngành này cần được ưu tiên.

Một số biện pháp nhằm giải quyết vấn đề này đã được thực hiện.²² Các Quyết định này phù hợp với nhu cầu du lịch hiện nay tại Việt Nam và phù hợp với Tiêu chuẩn Năng lực Chung về nghề Du lịch trong ASEAN (ACCSTP) theo Thỏa thuận Thừa nhận lẫn nhau về Nghề du lịch (MRA-TP). Tuy nhiên, để thực hiện hiệu quả các tiêu chuẩn này, cần có sự phối hợp giữa Chính phủ, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo nhằm xây dựng một phương pháp tiến hành phù hợp.

20 Mục II, III, Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 16 tháng 1 năm 2017 về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Việt Nam đến năm 2030.

21 "Thiếu hụt nhân lực: áp lực của ngành du lịch", *Tuổi trẻ*, ngày 26 tháng 5 năm 2019. Xem tại: <<https://tuoitrenews.vn/news/business/20190526/lack-of-quality-human-resources-suppresses-vietnams-tourism/50103.html>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

22 Ví dụ, vào tháng 8 năm 2017, Bộ LĐTB&XH ban hành hai bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia của nghề phục vụ buồng và nghề lễ tân. Quyết định 1385/QĐ-LĐTBXH ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ LĐTB&XH công bố tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia của nghề phục vụ buồng và Quyết định 1383/QĐ-LĐTBXH ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ LĐTB&XH công bố Tiêu chuẩn Kỹ năng Nghề Quốc gia cho bộ phận tiền sảnh. Ngoài ra, Công văn 4929/BGDĐT-GDDH ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ GD&ĐT về vấn đề áp dụng cơ chế chuyên ngành cho đào tạo nghề du lịch (Công văn 4929) chỉ rõ ngành du lịch sẽ thu được nhiều lợi ích từ cơ chế chuyên ngành này. Công văn 4929 được thiết kế để đảm bảo sự hợp tác giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để cung cấp chất lượng đào tạo nghề một cách bền vững.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc gia tăng số lượng nhân sự được đào tạo bài bản và có trình độ trong ngành du lịch và nhà hàng - khách sạn có thể nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ du lịch. Kết quả là tạo ra hình ảnh tích cực của Việt Nam trong mắt du khách. Chất lượng dịch vụ được cải thiện đồng nghĩa với năng lực cạnh tranh cao hơn và sẽ có nhiều du khách sẽ đến Việt Nam hơn, góp phần gia tăng mức đóng góp của ngành du lịch vào GDP và tăng nguồn thu cho Chính phủ. Du lịch là một ngành kinh tế trọng điểm của Việt Nam, do đó, có thể tạo ra hiệu ứng dây chuyền đối với các ngành khác, cải thiện trình độ tay nghề trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Điều này sẽ thúc đẩy gia tăng việc làm và tiền lương cho lao động địa phương.

Khuyến nghị

- Các doanh nghiệp và cơ sở đào tạo cần phối hợp để tăng cường nhận thức và ban hành thủ tục để thực hiện hiệu quả các bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia trong lĩnh vực du lịch;
- Vai trò của Hội đồng Cấp Chứng chỉ Nghiệp vụ Du lịch (VTCB) cần được tăng cường trong quá trình đánh giá, đào tạo và cấp chứng chỉ nghiệp vụ cho lao động có kinh nghiệm thực tiễn, nhưng chưa được đào tạo bài bản;
- Hợp tác giữa Chính phủ và khu vực tư nhân cần được củng cố để cải thiện hoạt động đào tạo nghề trong ngành du lịch cho cả học viên và giảng viên;
- Đảm bảo hoạt động hợp tác bền vững giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp bằng cách ban hành cơ chế, chính sách và quy định khen thưởng để vinh danh các doanh nghiệp tham gia tích cực vào hoạt động đào tạo du lịch;
- Rà soát và tái cơ cấu mạng lưới các cơ sở đào tạo du lịch để đảm bảo các cơ sở này có đủ năng lực đào tạo chất lượng cao;
- Tạo điều kiện giáo dục ngoại ngữ cho lao động ngành du lịch. Điều này sẽ không chỉ góp phần đem đến dịch vụ chất lượng cao trong ngành du lịch mà còn giúp người dân địa phương có đủ trình độ để đảm nhận các chức vụ quan trọng trong ngành du lịch;
- Mời nhiều công ty giáo dục mở văn phòng tại Việt Nam với các phương pháp giảng dạy theo chuẩn quốc tế và tạo cơ hội cho sinh viên Việt Nam được cấp chứng chỉ quốc tế về du lịch và nhà hàng - khách sạn. Chính phủ cần hỗ trợ về tài chính cho các dự án đóng vai trò quan trọng trong phát triển nguồn nhân lực cho ngành du lịch và nhà hàng - khách sạn ; và
- Hỗ trợ việc hợp tác và chuyển giao bí quyết giữa các cơ sở đào tạo nghề du lịch và các doanh nghiệp trong ngành du lịch và nhà hàng – khách sạn. Nghĩa là, tăng cường cơ hội đào tạo nghề kép với các chương trình đào tạo “Học đi đôi với hành” nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có tay nghề cao ngày càng tăng trong ngành nhà hàng – khách sạn, du lịch và sự kiện.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Du lịch, Nhà hàng - Khách sạn thuộc EuroCham:

Vũ Minh Anh và Martin Koerner, Đồng Chủ tịch Tiểu ban Du lịch, Nhà hàng - Khách sạn

CHƯƠNG 21 TIỂU BAN RƯỢU VANG VÀ RƯỢU MẠNH

TỔNG QUAN

Việt Nam là một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất Đông Nam Á. Trong những năm gần đây, Chính phủ đã thực hiện các biện pháp cải cách hành chính và ổn định kinh tế vĩ mô để giảm điều kiện kinh doanh, giảm chi phí, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để hỗ trợ doanh nghiệp và tăng tính minh bạch về các chính sách để thu hút đầu tư. Chính phủ cũng quyết tâm theo đuổi tự do hóa kinh tế trong vài năm tới.

Việt Nam đã đi trước cuộc chơi khi ký kết các thỏa thuận thương mại tự do để thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Đáng chú ý, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã được triển khai kể từ ngày 14 tháng 1 năm 2019; và Hiệp định thương mại tự do giữa Liên Minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) đã được Nghị viện Liên minh châu Âu phê chuẩn, dự kiến sẽ được phía Việt Nam phê chuẩn và triển khai trong những tháng tới, được mong đợi sẽ mang lại nhiều lợi ích hơn cho cả hai bên, bao gồm cả ngành rượu vang và rượu mạnh châu Âu nhập khẩu vào Việt Nam.

Quốc hội đã thông qua Luật 44/2019/QH14 Phòng, chống tác hại của rượu, bia, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020. Chúng tôi hoan nghênh và đánh giá cao các quy định mang tính cân bằng và dựa trên cơ sở khoa học để có thể hỗ trợ cho chính sách quốc gia và giảm việc sử dụng đồ uống có cồn có hại và tiêu thụ đồ uống có cồn nằm ngoài kiểm soát. Chúng tôi lưu ý một số hạn chế của Luật được áp dụng cho các nhóm rượu khác nhau dựa trên độ cồn hoặc loại rượu. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng đồ uống có cồn là đồ uống có cồn, không phân biệt loại đồ uống có độ cồn bao nhiêu được tiêu thụ. Do đó, các quy định để giảm tác hại rượu bia trong tương lai nên không phân biệt đối xử nhưng cần tập trung vào vấn đề lạm dụng và sử dụng được xác định bởi các khảo sát khoa học hoặc báo cáo giám sát thực thi.

Trong khi Việt Nam tăng trưởng kinh tế nhanh chóng thì sự phát triển của ngành rượu được nhập khẩu hợp pháp đang ngày một kém hiệu quả. Điều này một phần là do tầng lớp trung lưu vẫn còn nhỏ, môi trường pháp lý khó khăn, còn tồn tại nhiều hàng nhập khẩu song song và hàng lậu, và các hạn chế của chính phủ đối với dịch vụ giải trí có liên quan tới rượu bia. Thị trường rượu mạnh chính thức được ước tính 4,810 triệu thùng chín lít, tương đương khoảng 43,29 triệu lít năm 2018.¹ Trong khi đó, thị trường rượu vang chính thức được ước tính vào khoảng 1,730 triệu thùng chín lít, tương đương khoảng 15,57 triệu lít.² Rượu do dân tự nấu ước tính khoảng 275 triệu lít.³ Theo báo cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) công bố năm 2014, tỷ lệ đồ uống có cồn nằm ngoài kiểm soát chiếm khoảng 70% lượng tiêu thụ trong nước.⁴ Số liệu này tương tự với số liệu được trình bày trong Báo cáo khảo sát của Viện Nghiên cứu Xã hội và Dân số thuộc Đại học Kinh tế Quốc dân,⁵ nơi đã công bố các số liệu phân tích về việc tiêu thụ đồ uống có cồn chính thức (bao gồm bia, rượu mạnh và rượu vang được sản xuất tại địa phương) và rượu nằm ngoài kiểm soát (bao gồm rượu thủ công, hàng giả, và buôn lậu và thay thế rượu) tại Việt Nam.

Bia là mặt hàng đồ uống có cồn tăng trưởng chính hiện nay và đã thu hút sự chú ý của giới trẻ Việt Nam. Đầu tư và cạnh tranh giữa các công ty trong và ngoài nước diễn ra mạnh mẽ ở khu vực này. Ngoài ra việc tiêu dùng bia hơi và bia thủ công cũng khá sôi động. Năm 2018, Việt Nam đã bán được 4,2 tỷ lít bia.⁶ Việt Nam đã đặt mục tiêu sản xuất 4,1 tỷ lít vào năm 2020 và 5,5 tỷ lít vào năm 2035. Ngành bia Việt Nam bị chi phối bởi bốn nhà sản xuất bia chính: Sabeco, Heineken N.V., Habeco và Carlsberg.

Dân số trong độ tuổi được phép uống rượu sẽ tăng 2,7 triệu người trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2022. Nhóm người trên 30 tuổi sẽ tăng trưởng nhiều nhất, mặc dù dân số sẽ vẫn còn khá trẻ.

1 Báo cáo IWSR 2019 (Lưu ý: chỉ thành viên mới được truy cập). Xem tại <<https://data.theiwsr.com/EE250519/analysis.aspx?a=46911&b=E2CF5E75-8BF4-4774-9050-7D6D6AC461A8&c=46>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

2 Báo cáo IWSR 2019.

3 "Đánh giá về tình trạng và đề xuất về quản lý an toàn thực phẩm của một số sản phẩm rượu truyền thống", Bộ Y tế.

4 WHO 2014 "Báo cáo tình trạng toàn cầu về rượu và sức khỏe 2014", Tổ chức Y tế Thế giới – WHO. Xem tại: <http://apps.who.int/iris/bitstream/handle/10665/112736/9789240692763_eng.pdf?sequence=1> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019. Một báo cáo gần đây được WHO công bố vào năm 2018 tỷ lệ đồ uống có cồn nằm ngoài kiểm soát chiếm khoảng 64% tổng lượng tiêu thụ nội địa được điều chỉnh cho tiêu dùng du lịch.

5 "Rượu chưa được thống kê ở Việt Nam", Liên minh quốc tế về uống có trách nhiệm. Xem tại <<http://www.iard.org/wp-content/uploads/2018/02/Unrecorded-Alcohol-Report-Vietnam.pdf>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

6 "4,2 tỷ lít bia năm 2018: Người Việt uống nhiều hơn Thái và Singapore", Brands Vietnam. Xem tại: <<https://www.brandsvietnam.com/18313-42-ty-lit-bia-trong-nam-2018-Nguoi-Viet-uong-nhieu-hon-Thai-Singapore>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

Mặc dù sử dụng đồ uống có cồn ở mức độ vừa phải được coi là một phần của lối sống cân bằng, chúng tôi nhận ra rằng việc lạm dụng đồ uống có cồn, không tính tới độ cồn trong sản phẩm hay loại đồ uống có cồn, sẽ dẫn đến chi phí về kinh tế và xã hội. Do đó, chúng tôi đồng quan điểm về các mục tiêu của Chính phủ để quản lý các tác động có hại của lạm dụng đồ uống có cồn thông qua các chính sách và hành động phù hợp. Chúng tôi cũng đã dành các nguồn lực và đầu tư cho các chương trình Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, nhằm quản lý việc sử dụng đồ uống có cồn ở mức có hại thông qua việc giáo dục phòng chống lạm dụng đồ uống có cồn, nâng cao nhận thức về uống rượu có trách nhiệm và tăng cường thực thi liên quan đến phòng chống uống rượu bia và lái xe.

Ngành công nghiệp rượu vang và rượu mạnh châu Âu lưu tâm những thách thức dưới đây đối với ngành hàng. Chúng tôi mong muốn nhận được sự hỗ trợ hơn nữa từ Chính phủ và các cơ quan hữu quan để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho ngành rượu vang và rượu mạnh của châu Âu, tăng thu ngân sách của Chính phủ và khuyến khích một môi trường sử dụng đồ uống có cồn một cách có trách nhiệm.

I. HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI GIỮA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ VIỆT NAM

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài chính (BTC), Tổng Cục Hải quan (TCHQ)

Mô tả vấn đề

Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam (EVFTA) là một hiệp định toàn diện, chất lượng cao và hài hòa lợi ích giữa EU và Việt Nam, đồng thời, tuân thủ các cam kết của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ Đầu tư giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVIPA) đã được Nghị viện châu Âu bỏ phiếu phê chuẩn vào ngày 12 tháng 2 năm 2020. Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh mong muốn hai bên tiếp tục hoàn tất các thủ tục pháp lý để EVFTA sớm được thực thi, tạo điều kiện cho việc tiếp cận thị trường rượu vang và rượu mạnh của Liên minh châu Âu đến Việt Nam thông qua việc cắt giảm thuế quan, và cuối cùng xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với rượu vang và rượu mạnh có nguồn gốc từ châu Âu dựa trên các quy tắc Không thay đổi và các quy định hướng dẫn và yêu cầu rõ ràng về chứng minh nguồn gốc xuất xứ để đủ điều kiện được hưởng các lợi ích về miễn giảm thuế quan, bảo vệ thương hiệu và Chỉ dẫn Địa lý (GIs) của châu Âu, cũng như cải cách về thương mại để đơn giản hóa các thủ tục hành chính và áp dụng hài hòa các quy định kỹ thuật với thông lệ quốc tế mà không áp đặt các rào cản kỹ thuật không cần thiết đối với thương mại.

Chúng tôi ghi nhận một số chậm trễ trong việc triển khai thực tế Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực từ ngày 14 tháng 1 năm 2019. Việt Nam phải mất khoảng 10 tháng để hoàn thành các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi, đặc biệt là việc thực thi quy tắc xuất xứ hàng hóa, về các hướng dẫn rõ ràng yêu cầu tài liệu đối với hàng hóa trung chuyển qua một quốc gia thành viên CPTPP khác đóng vai trò là trung tâm khu vực. Chúng tôi hy vọng một số cải tiến trong việc ban hành các hướng dẫn pháp lý để thực hiện đầy đủ EVFTA đối với ngành hàng kinh doanh rượu vang và rượu mạnh của châu Âu, cho dù hàng hóa được vận chuyển trực tiếp từ châu Âu hoặc thông qua một quốc gia trung thứ ba trung gian, để có thể được hưởng các ưu đãi thuế quan khi EVFTA có hiệu lực tại Việt Nam.

Lợi ích tiềm tàng/mối quan ngại đối với Việt Nam

Đảm bảo thực hiện Hiệp định EVFTA ngay khi có hiệu lực sẽ giúp các doanh nghiệp của cả hai bên được hưởng lợi ích thiết thực từ Hiệp định này. Điều này sẽ giúp thúc đẩy thương mại giữa Việt Nam và các quốc gia thành viên Liên minh châu Âu.

Theo một nghiên cứu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư,⁷ các Hiệp định EVFTA và EVIPA dự kiến sẽ giúp GDP của Việt Nam tăng thêm 4,6% và xuất khẩu sang châu Âu tăng thêm 42,7% vào năm 2025. Ủy ban châu Âu ước tính GDP của Liên minh châu Âu sẽ tăng thêm 29,5 tỷ Đô-la Mỹ và xuất khẩu sang Việt Nam tăng 29% vào năm 2035.

Khuyến nghị

Một trong những lợi ích từ Hiệp định EVFTA là giảm dần thuế quan đối với hàng hóa nhập khẩu từ Liên minh châu

⁷ “FTA thế hệ mới: ‘Cú huých’ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong trung, dài hạn”, *Trung tâm WTO và hội nhập*. Xem tại: <<http://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/EP-bo-phieu-phe-chuan-EVFTA-va-EVIPA-Dac-phai-vien-Thu-tuong-lam-viec-tai-chau-Au/387299.vgp>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

Âu. Tuy nhiên, để Hiệp định được thực thi ngay khi có hiệu lực, nghĩa là sau khi hai bên phê chuẩn, từ phía Việt Nam, cần bắt đầu chuẩn bị các tài liệu hướng dẫn. Thông qua kinh nghiệm thực hiện Hiệp định CPTPP, chúng tôi muốn đề nghị Chính phủ Việt Nam chú ý đến các vấn đề sau:

- ▶ Chính phủ và Bộ Tài chính cần ban hành Biểu thuế ưu đãi đặc biệt để giảm thuế theo lộ trình đã cam kết. Biểu thuế này sẽ có hiệu lực ngay khi hai bên hoàn tất quy trình phê duyệt. Mặc dù có thể có sự chậm trễ trong việc ban hành văn bản này, Chính phủ Việt Nam cần quy định rõ các điều kiện và đảm bảo quyền lợi của các doanh nghiệp được hưởng lợi từ thuế ưu đãi theo thỏa thuận theo đúng lịch trình đã cam kết trong Hiệp định.
- ▶ Bộ Tài chính, Tổng Cục Hải quan từ cấp trung ương đến địa phương cần ban hành các quy định và hướng dẫn để làm rõ các hướng dẫn cụ thể về tài liệu và hồ sơ theo quy định của Hiệp định EVFTA để doanh nghiệp có thể hoàn thành thủ tục thông quan và giảm thuế ngay khi EVFTA có hiệu lực.
- ▶ Việc ban hành hướng dẫn thực hiện các quy định và hướng dẫn về Quy tắc xuất xứ, đặc biệt đối với hàng hóa được vận chuyển qua các cảng trung gian ở quốc gia thứ ba của EVFTA (như Singapore hoặc Hồng Kông), nên xem xét những điều sau:

- *Chứng nhận Xuất xứ Hàng hóa (COO)*

Chúng tôi mong muốn có một hướng dẫn rõ ràng về Giấy Chứng nhận Xuất xứ như mẫu COO, người phát hành, hướng dẫn điền vào mẫu, v.v.

Hiệp định cũng quy định cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trên cơ sở hai bên trao đổi, thông báo và thừa nhận lẫn nhau để tạo điều kiện thuận lợi cho việc chứng minh xuất xứ hàng hóa của các nhà xuất khẩu (“Origin Declaration by an approved Exporter” hoặc “Statement of Origin made out by exporters registered in an electronic database”). Chúng tôi mong muốn có những hướng dẫn cụ thể về vấn đề này.

- *Trung chuyển hàng hóa qua nước thứ ba*

Trong trường hợp hàng hóa được trung chuyển qua một cảng khu vực (chẳng hạn như Singapore như đã đề cập ở trên), tại đó hàng hóa được chia, tách hoặc hợp nhất tại kho ngoại quan dưới sự giám sát của Cơ quan Hải quan Singapore trước khi xuất khẩu sang Việt Nam, chúng tôi đề nghị Tổng Cục Hải quan có hướng dẫn rõ ràng về các tài liệu để chứng minh rằng “hàng hóa vẫn có nguồn gốc”, đặc biệt trong trường hợp tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

Chúng tôi mong muốn Chính phủ Việt Nam chú ý đến việc Cơ quan Hải quan của các nước bên thứ ba (như Singapore) sẽ chỉ cấp Giấy chứng nhận Hàng hóa không bị thay đổi hoặc tương tự để chứng nhận rằng hàng hóa được trung chuyển dưới sự giám sát của họ trước khi hàng hóa được xuất khẩu đến Việt Nam, và sẽ mất từ 5 đến 7 ngày để cấp Giấy chứng nhận này. Sau khi hàng hóa rời khỏi kho ngoại quan và xuất khẩu sang Việt Nam, thương nhân không có quyền xin cấp Giấy chứng nhận đó. Do đó, chúng tôi muốn đề xuất việc ban hành sớm, trước ngày EVFTA có hiệu lực, về các quy định và hướng dẫn liên quan, đặc biệt nếu Giấy chứng nhận hàng hóa không bị thay đổi đối với tất cả hàng hóa được trung chuyển qua nước thứ ba.

- *Hóa đơn xuất bởi bên thứ 3*

Chúng tôi cần được hướng dẫn về các biểu mẫu cụ thể về trường hợp này.

- *Gia hạn thời hạn bổ sung Giấy Chứng nhận Xuất xứ Hàng hóa trong thời gian chờ văn bản hướng dẫn được ban hành*

Theo quy định hiện hành, nhà nhập khẩu có quyền bổ sung Giấy Chứng nhận Xuất xứ Hàng hóa trong vòng 30 ngày kể từ ngày mở tờ khai hải quan. Tuy nhiên, chúng tôi xin yêu cầu gia hạn thời hạn hợp lý 30 ngày phòng trừ nếu có bất kỳ sự chậm trễ nào trong việc ban hành hướng dẫn hoặc làm rõ từ chính quyền Việt Nam để đảm bảo quyền lợi của các doanh nghiệp được hưởng lợi từ thuế ưu đãi đã thỏa thuận theo lịch trình đã cam kết Hiệp định.

- *Yêu cầu đối với chứng từ cho những lô hàng đến Việt Nam trong giai đoạn kể từ ngày Hiệp định EVFTA có hiệu lực và trước khi văn bản hướng dẫn tiếng Việt có hiệu lực*

Chúng tôi đề nghị Bộ Tài chính và Tổng Cục Hải quan ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể trước ngày EVFTA có hiệu lực, để thương nhân có thể đăng ký ưu đãi thuế quan. Nếu không, cần có hướng dẫn cụ thể để đảm bảo rằng thương nhân sẽ được hoàn lại tiền thuế nhập khẩu ưu đãi cho các lô hàng nhập khẩu vào Việt Nam sau ngày EVFTA có hiệu lực.

Chúng tôi luôn sẵn sàng hợp tác và thảo luận với các cơ quan chức năng Việt Nam có liên quan trong quá trình xây dựng hướng dẫn thực hiện Hiệp định EVFTA, đảm bảo tuân thủ hành chính nhưng cũng là lợi ích của các doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam.

II. CHÍNH SÁCH THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (TTĐB)

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC)

Mô tả vấn đề

Cải cách Thuế tiêu thụ đặc biệt (Thuế TTĐB) gần đây nhất vào năm 2016. Chính sách thuế mới này đã đưa ra lộ trình tăng thuế suất 3 năm liên tiếp theo giá trị hàng hóa (AV) và thay đổi giá tính thuế từ việc dựa nhập khẩu (CIF) sang giá bán ra của nhà nhập khẩu. Chính sách này đã có tác động đáng kể đối với các sản phẩm rượu nhập khẩu và hoàn toàn làm vô hiệu hóa những lợi ích tiềm năng từ việc cắt giảm thuế quan theo EVFTA được đàm phán vào tháng 12 năm 2015.

Bảng 6: Lộ trình tăng Thuế tiêu thụ đặc biệt từ năm 2015

| | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | Giá tính thuế |
|-----------|------|------|------|------|---|
| Rượu mạnh | 50% | 55% | 60% | 65% | Trước 1/1/2016: CIF Sau 1/1/2016: Giá của nhà nhập khẩu bán ra |
| Rượu vang | 25% | 30% | 30% | 35% | |

Việt Nam luôn chịu áp lực tăng thêm thuế theo giá trị hàng hóa (AV) đối với sản phẩm đồ uống có cồn trong các cuộc thảo luận về luật pháp phòng chống tác hại rượu bia. Mặc dù vấn đề mấu chốt là rượu nằm ngoài kiểm soát, không nộp thuế ở Việt Nam (hiện chiếm 75% tổng lượng tiêu thụ). Bộ Tài chính đã nhiều lần dựa vào một số tài liệu quốc tế cho rằng thuế rượu ở Việt Nam thấp so với các nước trong khu vực. Điều này là không chính xác đối với mặt hàng rượu vang và rượu mạnh cao cấp.

Trước thực tế Việt Nam đang nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và tích cực tham gia các hiệp định thương mại đa phương, chúng tôi lo ngại rằng bất kỳ thay đổi nào trong chính sách thuế ở giai đoạn này sẽ cản trở những nỗ lực này và gây ra những tác động ngoài mong muốn đến sự phát triển kinh tế của Việt Nam.

Lợi ích tiềm tàng/mối quan ngại đối với Việt Nam

- Chính sách thuế ổn định và có thể dự đoán là cần thiết cho phát triển kinh doanh: bất kỳ một thay đổi nào về chính sách thuế cũng sẽ có ảnh hưởng đến các kế hoạch kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp. Kể từ năm 2003 đến nay, Luật Thuế TTĐB đã sửa đổi 5 lần vào các năm 2003, 2005, 2008, 2014, and 2016. Chỉ riêng từ năm 2014 đến nay, thuế suất thuế TTĐB đối với các mặt hàng rượu, bia đã tăng liên tục hàng năm. Ví dụ như đối với mặt hàng rượu từ 20 độ cồn trở lên thuế suất năm 2014 là 45%, năm 2015 là 50%, năm 2016 là 55% và năm 2018 là 65% cùng với việc thay đổi giá tính thuế áp dụng theo "giá bán buôn". Việc thay đổi này dẫn đến việc trong một số trường hợp, gánh nặng thuế TTĐB có thể tăng gấp ba. Cứ mỗi năm các doanh nghiệp trong ngành lại phải điều chỉnh chi phí tài chính, doanh thu và lợi nhuận theo mức thuế suất mới, gây ra những ảnh hưởng trực tiếp tới kế hoạch kinh doanh ngắn và trung hạn của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cũng ngần ngại trong việc đầu tư mở rộng vì lo ngại rằng thuế suất không ổn định và hoạt động kinh doanh sẽ khó khăn hơn. Gánh nặng thuế, phí cũng sẽ làm giảm sức hấp dẫn và tính cạnh tranh của môi trường đầu tư tại Việt Nam.
- Hiệp định thương mại tự do và thời điểm không thích hợp để sửa đổi Chính sách thuế TTĐB: EVFTA được thực hiện với kỳ vọng sẽ đem lại những lợi ích đáng kể cho các doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp của các nước thành viên thông qua giảm thuế đối với những mặt hàng nhập khẩu từ những nước này. Trong bối cảnh này, việc sửa đổi Luật Thuế TTĐB và tăng thuế suất đối với một số mặt hàng như rượu và ô tô đang nhập khẩu từ châu Âu và số nước thành viên thuộc CPTPP, sẽ không khỏi gây ra những quan ngại về việc Việt Nam có thực sự mong muốn tạo điều kiện cho họ được hưởng lợi từ hiệp định mới ký kết này hay không.
- Cần đánh giá xem liệu các cải cách thuế TTĐB trong những năm qua có đạt được các mục tiêu đặt ra: mặc dù Luật Thuế TTĐB đã được sửa đổi 5 lần kể từ năm 2003, và thuế suất đối với mặt hàng rượu vẫn đang tăng hàng năm kể từ năm 2014, nhưng cho đến nay vẫn chưa có một nghiên cứu nào đánh giá một cách toàn diện về tác động kinh tế, xã hội của những cải cách thuế này. Việc tăng thuế TTĐB đối với mặt hàng rượu, bia chủ yếu nhằm mục đích giảm tiêu dùng mặt hàng này và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Tuy nhiên, cho đến nay,

chưa có một báo cáo hay nghiên cứu nào cho thấy những thay đổi về thuế suất hay cách tính thuế trước đây có hiệu quả như thế nào trong việc giảm tiêu dùng và cải thiện sức khỏe người dân. Đặc biệt, trong bối cảnh hơn 70% lượng rượu tiêu thụ trên thị trường là các sản phẩm nằm ngoài kiểm soát như rượu nấu thủ công, rượu nhập lậu, rượu giả,⁸ v.v. Việc tăng thuế TTĐB đối với mặt hàng rượu chỉ ảnh hưởng đến các sản phẩm rượu lưu hành hợp pháp mà không góp phần làm giảm tiêu thụ, ngược lại còn tạo điều kiện cho các loại rượu bất hợp pháp có môi trường phát triển.

- Đảm bảo công bằng, không phân biệt giữa các sản phẩm nhập khẩu và sản phẩm trong nước: theo tinh thần của Hiệp ước Chung về Thuế quan và Mậu dịch (GATT), cụ thể là theo quy định trong “Quy tắc Tối huệ quốc” và “Quy tắc đối xử quốc gia”, mỗi quốc gia thành viên đều phải áp dụng các quy tắc thuế quan một cách công bằng, không phân biệt đối xử giữa các quốc gia hay giữa các sản phẩm sản xuất trong nước và sản phẩm nhập khẩu. Chính vì vậy, các chính sách thuế cũng cần đảm bảo tuân thủ quy tắc này và không có sự phân biệt giữa các sản phẩm nhập khẩu và sản phẩm sản xuất trong nước.

Khuyến nghị

Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh kính đề nghị Bộ Tài chính tham vấn cho Chính phủ Việt Nam để duy trì khả năng dự đoán và ổn định của hệ thống chính sách thuế TTĐB hiện tại để tạo điều kiện cho hoạt động của các doanh nghiệp nước ngoài nói chung và cộng đồng doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam nói riêng.

III. CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP NGÀNH RƯỢU (CSR)

Cơ quan chính phủ liên quan: Bộ Công Thương (BCT), Bộ Y tế (BYT)

Mô tả vấn đề

Việt Nam bắt đầu triển khai Luật Phòng, chống tác hại rượu, bia từ ngày 1 tháng 1 năm 2020. Luật này hướng tới việc thực hiện các hành động nhằm bảo vệ nhân dân, đặc biệt là giới trẻ, khỏi các tác động của việc tiêu thụ đồ uống có cồn quá mức và khuyến khích các sáng kiến của cộng đồng trong việc phòng tránh sử dụng đồ uống có cồn ở mức có hại.

Tuy nhiên, chúng tôi vẫn quan ngại về môi trường thể chế không bình đẳng, về hạn chế thương mại, tiếp tục có nhiều ưu đãi đối với các sản phẩm đồ uống có độ cồn thấp so với các sản phẩm có độ cồn cao hơn. Chúng tôi xin nhấn mạnh rằng “đồ uống có cồn là đồ uống có cồn”, cho dù là loại đồ uống có cồn nào đi nữa.

Kể từ đầu tháng 4 năm 2015, với mục đích hiện thực hóa cam kết giữa các Tổng giám đốc công ty đối với Chính sách Quốc gia về đồ uống có cồn của Việt Nam (NAP), các công ty Rượu vang và Rượu mạnh quốc tế ở Việt Nam đã thành lập mô hình Tổ chức Trách nhiệm Xã hội (SAO) đầu tiên tại Việt Nam, thúc đẩy các nỗ lực về trách nhiệm xã hội của ngành với khẩu hiệu uống có trách nhiệm, có tên gọi là Diễn đàn uống có trách nhiệm Việt Nam (VARD). Các mục tiêu chính của VARD là đại diện các công ty trong ngành rượu vang, rượu mạnh và bia và các lĩnh vực khách sạn và bản lẻ có liên quan, bảo vệ và thúc đẩy mối quan tâm của người tiêu dùng đồ uống có cồn ở Việt Nam, thông qua:

- Xây dựng và triển khai các Chương trình đồ uống có cồn trong xã hội;
- Tuyên truyền thông tin liên quan và giáo dục về tiêu thụ đồ uống có cồn có trách nhiệm; và
- Kết nối với chính phủ, cộng đồng, người tiêu dùng và các đối tác hữu quan khác về vai trò của đồ uống có cồn trong xã hội.

Các Chương trình này tập trung vào các lĩnh vực sau (chưa bao gồm tất cả các dự án):

1. Giáo dục và nâng cao nhận thức về uống có trách nhiệm và đối phó với việc sử dụng đồ uống có cồn sai mục đích và có hại;
2. Giảm số người uống trước tuổi cho phép;
3. Phòng chống lái xe sau khi uống;

⁸ Báo cáo của Tổ chức Y tế Thế giới WHO năm 2014, *Tổ chức Y tế Thế giới-WHO*. Xem tại: <https://apps.who.int/iris/bitstream/handle/10665/112736/9789240692763_eng.pdf?sequence=1> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

4. Thúc đẩy các thực hành tốt của ngành liên quan đến marketing và kinh doanh uống có cồn; và
5. Các hoạt động hỗ trợ các mục tiêu có liên quan nằm trong chính sách quốc gia về đồ uống có cồn.

Trong năm 2017, APIWSA đã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia (NTSC), Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Học viện Cảnh sát Nhân dân (PPA) thuộc Bộ Công An và VARD nhằm hỗ trợ tập huấn nâng cao cho cảnh sát giao thông về nồng độ cồn và trao quyền và trang bị cho phụ nữ để họ có thể đóng vai trò chủ đạo đối với các thay đổi về mặt xã hội và ảnh hưởng đến các hành vi liên quan đến sử dụng đồ uống có cồn ở mức có hại trong cộng đồng.

Trong năm 2018, với những thành tựu và bài học thu được từ quá trình thực hiện Chương trình nói trên, chúng tôi tiếp tục cam kết của mình bằng cách mở rộng các hoạt động toàn diện thông qua việc tăng cường hợp tác với Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia (NTSC), Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung tâm Truyền thông Giáo dục Sức khỏe Trung ương (Bộ Y tế), Học viện Cảnh sát Nhân dân, Cục Cảnh sát Giao thông (Bộ Công an), và Hiệp hội An toàn Giao thông Việt Nam.

- Phối hợp với các hội phụ nữ ở cấp trung ương và địa phương, thành lập 40 câu lạc bộ “phụ nữ lên tiếng về uống có trách nhiệm”, với 2000 thành viên được tập huấn để đào tạo lại cho cộng đồng của họ về mối nguy hiểm của việc sử dụng đồ uống có cồn trước độ tuổi cho phép, lạm dụng, lái xe sau khi sử dụng đồ uống có cồn, ngộ độc methanol và bạo lực gia đình đối với phụ nữ. Hơn 10000 người dân của hơn 10 tỉnh đồng bằng sông Hồng đã tham gia thảo luận nhóm và các buổi biểu diễn ở địa phương. Thông qua Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Chương trình đã phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Truyền thông Giáo dục Sức khỏe Trung ương để tiến hành các buổi truyền thông tại 5 trường trung học phổ thông tại Hà Nội và tiếp cận 2000 học sinh để tuyên truyền về không sử dụng đồ uống có cồn trước độ tuổi được phép. Hội Liên hiệp Phụ nữ đã chọn Hoa hậu Ngọc Hân làm Đại sứ của chiến dịch “Đã uống thì không lái xe, với sản phẩm là một phim video rất lôi cuốn.”⁹
- Phối hợp với Học viện Cảnh sát Nhân dân để tập huấn cho 120 sinh viên về cách thiết kế và tổ chức các hoạt động cộng đồng. Các sinh viên này khi đi thực tập tại địa phương sẽ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tại địa phương chịu trách nhiệm về tuyên truyền về uống có trách nhiệm và sử dụng đồ uống có cồn và lái xe. 240 cảnh sát giao thông tại 6 tỉnh đã tham dự các khóa tập huấn về đẩy mạnh kiểm soát lái xe sau khi sử dụng đồ uống có cồn. Hoạt động này đánh dấu việc hoàn tất các khóa tập huấn về kiểm soát lái xe sau khi sử dụng đồ uống có cồn trên toàn bộ 63 tỉnh thành của Việt Nam. Từ đó các học viên đã được tập huấn sẽ tiếp tục tập huấn lại cho cảnh sát cấp huyện và sẽ tổ chức các điểm kiểm tra nồng độ cồn với hai mục tiêu chính: giáo dục và xử lý.
- Phối hợp với Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia và Hội An toàn Giao thông Việt Nam, thực hiện một nghiên cứu về hành vi lái xe sau khi sử dụng đồ uống có cồn đối với người sử dụng xe gắn máy tại Việt Nam. Nghiên cứu này nhằm thu thập dữ liệu chính xác về tỷ lệ các vụ va chạm do lái xe sau khi sử dụng đồ uống có cồn và đồng thời thông qua nghiên cứu, chúng tôi mong muốn các nhà hoạch định chính sách hiểu được gốc rễ của hành vi lái xe sau khi sử dụng đồ uống có cồn nằm ở hành vi của người tiêu dùng chứ không phải xuất phát từ bản thân sản phẩm. Các đề xuất về việc thắt chặt thực thi pháp luật và tăng thêm ngân sách cho hoạt động quan trọng này sẽ được gửi đến các nhà lãnh đạo và hoạch định chính sách.

Trong năm 2019, APIWSA và VARD sáp nhập để cùng hợp tác chung với Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia (NTSC) trong Chương trình “Uống có trách nhiệm và An toàn giao thông 2019”. Các đối tác thực hiện bao gồm: Học viện Cảnh sát Nhân dân (PPA) – Bộ Công an, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (WU), Hội An toàn Giao thông Việt Nam (VITSA), Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET) và Tổng Cục Đường bộ Việt Nam (DROV). Mục đích của Chương trình là:

- Góp phần cải thiện việc phòng chống lạm dụng đồ uống có cồn trong cộng đồng nói chung và tài xế nói riêng tại Việt Nam, với sự tham gia tích cực của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức quốc tế và các công ty sản xuất đồ uống có cồn;
- Đảm bảo tính hiệu quả, bền vững và xã hội hóa của việc điều phối và thực hiện chương trình Uống có trách nhiệm và an toàn giao thông.

Các đối tác thực hiện và các Chương trình:

- Học viện Cảnh sát Nhân dân – Bộ Công an: tập huấn nâng cao hiệu quả xử lý nồng độ cồn cho cảnh sát giao

⁹ Chương trình tivi uống có trách nhiệm sản xuất với Hoa hậu Ngọc Hân, APIWA, VARD, VBA. Xem tại: <<https://www.youtube.com/watch?v=t3F7eRc0EcU&feature=youtu.be>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

thông; 40 cảnh sát giao thông của 6 tỉnh được chọn đã được tập huấn nhằm nâng cao hiệu quả xử lý nồng độ cồn và Tập huấn về kỹ năng truyền thông trong cộng đồng về tác hại của lái xe sau khi uống cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân; 120 sinh viên của HVCSND chuẩn bị đi thực tập ở địa phương đã được tập huấn về truyền thông cho cộng đồng về tác hại của việc lái xe sau khi uống.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: truyền thông về uống có trách nhiệm trong cộng đồng, Mở rộng mô hình câu lạc bộ “Phụ nữ lên tiếng về uống có trách nhiệm” cho 5 tỉnh và thành phố Đà Nẵng, Quảng Trị, Khánh Hòa, Daklak và Bình Phước.
- Hội An toàn Giao thông Việt Nam (VITSA): phổ biến kết quả khảo sát về tác động của việc lạm dụng đồ uống có cồn khi lái xe đối với người sử dụng xe gắn máy và truyền thông đến đối tượng này và Tổ chức: một hội thảo quốc gia (tại Hà Nội) và 2 hội thảo cấp tỉnh (tại Hà Tĩnh và TP HCM) để phổ biến các kết quả của nghiên cứu về tác động tiêu cực của việc lạm dụng rượu bia đến người điều khiển xe gắn máy tại Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo tại tỉnh thí điểm: tăng cường nhận thức của học sinh về phòng chống tác hại của việc lạm dụng rượu bia đối với trẻ vị thành niên, đối tượng là 1000 học sinh tỉnh Tuyên Quang.
- Tổng Cục Đường bộ Việt Nam: tăng cường kiểm soát chất lượng vi phạm nồng độ cồn của tài xế xe sử dụng vào mục đích thương mại bằng cách tập huấn/xây dựng mô hình triển khai mẫu về quy trình đảm bảo an toàn giao thông, kiểm soát việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến đồ uống có cồn, đối tượng hưởng lợi là 100 tài xế chuyên nghiệp và một hội thảo tổng kết các hoạt động và nhân rộng mô hình thí điểm nhằm đảm bảo an toàn giao thông, có sự tham gia của 70 đối tượng hữu quan.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Chúng tôi tự hào được nhìn nhận như một phần của giải pháp và sẽ tiếp tục lên tiếng về phòng chống các tác hại của việc lạm dụng đồ uống có cồn, đồng thời tuyên truyền về uống có trách nhiệm như một phần của lối sống mạnh khỏe và cân bằng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các chương trình của chúng tôi, với các cam kết và hợp tác dài hạn với các tổ chức của Việt Nam sẽ là một ví dụ tích cực về hình ảnh công dân có trách nhiệm và đáng tin cậy ở Việt Nam, và các nỗ lực của chúng tôi sẽ đóng góp vào giảm thiểu các tác hại của lạm dụng đồ uống có cồn tại Việt Nam.

Khuyến nghị

Các thành viên của Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh với sự ủng hộ mạnh mẽ của APIWSA sẽ tiếp tục xây dựng các ý tưởng và chương trình trách nhiệm xã hội trong vòng 3 năm. Để thực hiện được kế hoạch đó, chúng tôi mong muốn được đối thoại và thảo luận cởi mở với tất cả các bên hữu quan nhằm:

- Đánh giá các hoạt động đã thực hiện trong ba năm vừa qua để xây dựng một chiến lược truyền thông với công chúng về vai trò của APIWSA trong đóng góp vào giải pháp uống có trách nhiệm;
- Tập trung vào các quan ngại chính của quốc gia: lái xe sau khi uống, sử dụng đồ uống có cồn trước tuổi và sử dụng đồ uống quá cồn quá mức; và
- Đảm bảo các đối tác trách nhiệm xã hội hiểu các mục tiêu về chính sách công của chúng tôi trong mặt dài hạn.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh thuộc EuroCham



DANH MỤC BẢNG BIỂU

| Bảng | Trang |
|--|--------------|
| Bảng 1: Quy tắc về Mua sắm Chính phủ trong EVFTA | 88 |
| Bảng 2: Chứng nhận EU-GMP cấp cho các công ty dược tại Việt Nam | 149 |
| Bảng 3: Thời gian biểu thực hiện EU-GMP dựa trên chuyển giao công nghệ từ một công ty nước ngoài đối với hoạt động sản xuất tại Việt Nam | 152 |
| Bảng 4: Mức giảm thuế nhập khẩu từ năm 2016 đến 2019 | 183 |
| Bảng 5: Lộ trình thực hiện cấm xe máy tại Hà Nội | 194 |
| Bảng 6: Lộ trình tăng Thuế tiêu thụ đặc biệt từ năm 2015 | 214 |

| Hình | Trang |
|---|--------------|
| Hình 1: Hoạt động Thương mại của Liên minh châu Âu với Việt Nam | 18 |
| Hình 2: Chỉ số Môi trường Kinh doanh EuroCham | 26 |
| Hình 3: Các nhà máy nhiệt điện than hiện tại, đang được xây dựng và lên kế hoạch ở Đông Nam Á | 49 |
| Hình 4: Mô hình Kinh tế Tuần hoàn | 53 |
| Hình 5: Mở rộng 3 chiều cho Bảo hiểm Y tế toàn dân | 142 |
| Hình 6: Giá trị đóng góp trực tiếp vào GDP tăng thêm tiềm năng từ ngành dược phẩm phát minh (tỷ Đô-la Mỹ) | 163 |

LỜI CẢM ƠN

EuroCham xin chân thành cảm ơn các tác giả và các Tiểu ban Ngành nghề vì những đóng góp quý báu cho ấn phẩm Sách Trắng 2020. Chúng tôi cũng xin được gửi lời cảm ơn đến Ban Lãnh đạo EuroCham, đặc biệt là ông Jean-Jacques Boufflet, Phó Chủ tịch phụ trách Chính sách, sự hỗ trợ nhiệt tình của Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam và các đồng nghiệp thuộc Ban Thư ký EuroCham.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn các đối tác: Công ty TNHH Quảng cáo Shu Media, đối tác hỗ trợ dàn trang, thiết kế và in ấn cho ấn phẩm Sách Trắng trong nhiều năm qua, Công ty dịch thuật Bảo Nam đã hỗ trợ chuyển ngữ và hiệu đính phần lớn các chương của ấn phẩm Sách Trắng năm nay.

GỚI THIỆU TỔNG QUAN & TÓM TẮT KHUYẾN NGHỊ

Laurence Newman, Trưởng phòng Truyền thông

Lê Thanh Bình, Trưởng phòng Chính sách

CÁC VẤN ĐỀ LIÊN NGÀNH

NĂNG LƯỢNG VÀ ĐIỆN LỰC

Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham

NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Tiểu ban Nguồn Nhân lực và Đào tạo thuộc EuroCham

HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham, đặc biệt đối với chương này:

Tuấn Nguyễn, Thành viên của Tiểu ban Pháp luật, Luật sư Điều hành ANT Lawyers;

Thanh Dương, Thành viên của Tiểu ban Pháp luật, Luật sư Điều hành Công ty Luật DIMAC

TÒA ÁN VÀ TRỌNG TÀI

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Bernadette Fahy, Luật sư Thành viên tại Công ty Luật TNHH Audier & Cộng sự

Antoine Logeay, Luật sư tại Công ty Luật TNHH Audier & Cộng sự

ĐỐI TÁC CÔNG - TƯ

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Samantha Campbell, Luật sư thành viên, Hogan Lovells Việt Nam và Singapore

Huỳnh Long, Cộng sự cấp cao, Hogan Lovells Việt Nam

George Williams, Cộng sự cấp cao, Hogan Lovells Việt Nam

Nguyễn Mai Phương, Cộng sự, Hogan Lovells Việt Nam

THUẾ

Tiểu ban Thuế và Chuyển giá thuộc EuroCham

TĂNG TRƯỞNG XANH

Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham

QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ thuộc EuroCham

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ VIỆT NAM VÀ HIỆP ĐỊNH BẢO HỘ ĐẦU TƯ

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này :

Tiến sỹ Oliver Massmann, Thành viên Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham & Giám đốc Điều hành Công ty Luật TNHH Duane Morris Việt Nam

MUA BÁN VÀ SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Justin Gisz, Luật sư Điều hành Công ty Luật Frasers.

Hồ Thụy Ngọc Trâm, Cộng sự Cấp cao Công ty Luật Frasers

BẤT ĐỘNG SẢN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Kent Wong, Phó Chủ tịch Tiểu ban Pháp luật và Luật sư Điều hành tại Công ty luật VCI

Trần Thái Bình, Thành viên Tiểu ban Pháp luật và Luật sư Điều hành tại Công ty luật LNT & Partners

Nguyễn Mạnh Cường, Thành viên Tiểu ban Pháp luật và Luật sư Điều hành tại Công ty Luật TNHH TGT & Partners

VẬN TẢI VÀ HẬU CẦN

Tiểu ban Vận tải và Hậu cần thuộc EuroCham

CÁC VẤN ĐỀ CỦA NGÀNH

MỸ PHẨM

Tiểu ban Mỹ phẩm thuộc EuroCham

CROPLIFE VIỆT NAM

Tiểu ban CropLife Việt Nam thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này: Phạm Văn Lợi, Chủ tịch Tiểu ban Croplife Việt Nam

DIỄN ĐÀN Y TẾ

Các Tiểu ban thuộc Diễn đàn Y tế EuroCham

TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VÀ CHẨN ĐOÁN

Tiểu ban Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán thuộc EuroCham

NGÀNH THỰC PHẨM, NÔNG NGHIỆP VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản thuộc EuroCham

NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ô TÔ

Tiểu ban Ngành Công nghiệp Ô tô – Xe máy thuộc EuroCham

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG VÀ SỮA CÔNG THỨC

Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng thuộc EuroCham

NGÀNH HÀNG RƯỢU VANG VÀ RƯỢU MẠNH

Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh thuộc EuroCham

DU LỊCH VÀ NHÀ HÀNG – KHÁCH SẠN

Tiểu ban Du lịch, Nhà hàng - Khách sạn thuộc EuroCham và đặc biệt với chương này: Vũ Minh Anh và Martin Koerner, Đồng Chủ tịch Tiểu ban Du lịch, Nhà hàng - Khách sạn

DƯỢC PHẨM

Pharma Group thuộc EuroCham

THUỐC CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ - GENERIC VÀ SINH PHẨM TƯƠNG TỰ

Tiểu ban Thuốc Chất lượng Quốc tế - Generic và Sinh phẩm tương tự thuộc EuroCham

KỸ THUẬT SỐ

Tiểu ban Kỹ thuật số thuộc EuroCham

NGÀNH CÔNG NGHIỆP XE MÁY

Tiểu ban Ngành Công nghiệp Ô tô – Xe máy thuộc EuroCham

TỔNG BIÊN TẬP

ĐIỀU PHỐI

Lê Thanh Bình, Trưởng phòng Chính sách
Nguyễn Thúy Hằng, Điều phối viên các Tiểu ban Ngành nghề
Đào Thị Nguyệt Minh, Điều phối viên các Tiểu ban Ngành nghề
Nguyễn Thu Trà, Điều phối viên các Tiểu ban Ngành nghề

HIỆU ĐÍNH

Jean-Jacques Boufflet, Phó Chủ tịch phụ trách Chính sách, EuroCham
Laurence Newman, Trưởng phòng Truyền thông
Lê Thanh Bình, Trưởng phòng Chính sách
Nguyễn Thúy Hằng, Điều phối viên các Tiểu ban Ngành nghề
Đào Thị Nguyệt Minh, Điều phối viên các Tiểu ban Ngành nghề
Nguyễn Thu Trà, Điều phối viên các Tiểu ban Ngành nghề